

CỰU THIẾU TƯỚNG KHÔNG QUÂN HK

Edward Geary Lansdale

GIỮA
CÁC CUỘC
CHIẾN

Sứ mệnh của một người Mỹ ở Đông Nam Á

“Vào những năm giữa thế kỷ, chính phủ Hoa Kỳ đã cử tôi đến giúp đỡ những người bạn châu Á của chúng ta ở Philippines và Việt Nam đối phó với các cuộc chiến tranh nổi loạn và khởi nghĩa. Tôi đã vượt xa những giới hạn thông thường dành cho một người lính sau khi tôi phát hiện ra điều đó.



Midway Press 2025

GIỮA CÁC CUỘC CHIẾN

Giữa các cuộc chiến

Edward Geary Lansdale

Hình Bìa: MWP

Trình bày: Midway Press

© edwardgearylansdale 1991

CỰU THIẾU TƯỚNG KHÔNG QUÂN H.K.

Edward Geary Lansdale

GIỮA CÁC CUỘC CHIẾN

Sứ mệnh của một người Mỹ ở Đông Nam Á



Midway Press 2025

NỘI DUNG

Lời tựa	9
Giới thiệu	13
Lời cảm ơn	49
lời nói đầu	51
Chữ viết tắt	53
Chương một—Tới Manila, 1950	55
Chương hai—Tìm hiểu về kẻ thù	82
Chương ba—Với Magsaysay	109
Chương bốn—Bắt giữ Bộ Chính trị	162
Chương năm—Tâm lý chiến	178
Chương sáu—	
Cuộc bầu cử phụ năm 1951	207
Chương Bảy—Philippines 1952-53	
và Đông Dương 1953	227
Chương Tám—Cuộc bầu cử tổng thống	
năm 1953	262
Chương Chín—Nhiệm vụ: Việt Nam	281
Chương Mười—Nửa cuối năm 1954	346
Chương Mười Một—Trình Minh Thế	400

Chương Mười Hai—Đầu năm 1955	433
Chương Mười Ba—Các chiến dịch bình định năm 1955	480
Chương Mười Bốn—Mặt trận thống nhất các giáo phái	509
Chương Mười Lăm—Đổi đầu ở Sài Gòn	539
Chương Mười Sáu—Trận chiến Sài Gòn	578
Chương Mười Bảy—Giữa năm 1955	634
Chương Mười Tám—Sự khởi đầu của nền cộng hòa	653
Chương Mười Chín—Những ngày cuối cùng ở Việt Nam	674
Chương Hai Mươi—Một khóa học dành cho nước Mỹ	730
Lời nói cuối	753
Chỉ mục	756
Giới thiệu về tác giả	777

* *

LỜI TỰA

Bản tái bản hồi ký của Edward Lansdale về thời gian phục vụ tại Đông Nam Á không chỉ là một đóng góp cho lịch sử và một lời tri ân dành cho một người Mỹ ưu tú, mà còn là một bài học đúng lúc cho quốc gia chúng ta khi chứng kiến sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh và phải xem xét các chính sách, chương trình và chiến thuật mà chúng ta nên áp dụng cho kỷ nguyên mới đang đối mặt.

Ed luôn đặt người dân bình đẳng làm trung tâm trong mọi nỗ lực của mình, và luôn cố gắng thấu hiểu họ và môi trường xung quanh, cho dù một người nông dân châu Á có cách xa về mặt địa lý và văn hóa so với tầng lớp trung lưu Mỹ mà Ed lớn lên cùng. Khi chúng ta noi theo cách tiếp cận của ông, như ở Philippines, chúng ta đã thành công trong việc tìm ra những nhà lãnh đạo giỏi

và giúp đỡ họ trong cuộc chiến chống lại kẻ thù của họ, và cả của chúng ta. Khi chúng ta gạt Ed (và họ) sang một bên và đặt niềm tin vào sức mạnh áp đảo, như ở Việt Nam, cuối cùng chúng ta đã thất bại. Cuốn sách này kể về công việc của Ed, bao gồm thành công vang dội của ông tại Philippines, nơi ông làm việc chặt chẽ và hiệu quả với Tổng thống Ramon Magsaysay, và những khó khăn ông gặp phải khi cố gắng lập lại thành công đó trong những ngày đầu độc lập của Nam Việt Nam khỏi Pháp (1954-1956). Những vấn đề chính trị phức tạp hơn nhiều của nền cộng hòa mới và nhà lãnh đạo của nó, Tổng thống Ngô Đình Diệm, có lẽ vượt quá khả năng xử lý của phương pháp đơn giản và thẳng thắn của Ed, đặc biệt là khi ảnh hưởng của ông bị suy yếu bởi sự hiện diện mạnh mẽ của Mỹ, với vô số lời khuyên và ảnh hưởng lên nhà lãnh đạo Việt Nam đang gặp khó khăn. Nhưng lời kể của Ed vẫn quan trọng và hữu ích, ngay cả trong việc mô tả sự hỗn loạn này, như một phân tích về một số vấn đề sau này đã nhấn chìm quốc gia nhỏ bé và đồng minh vĩ đại của nó.

Nhưng thông điệp thực sự của cuốn sách này là cách Ed luôn giữ vững la bàn của mình hướng về tự do, cho các quốc gia mới

mà ông đã giúp đỡ trong những cơn đau đẽ, và cho những người dân thường mà số phận của họ đang bị quyết định bởi những thế lực đang hoành hành trên đầu họ. Đây là một thông điệp quan trọng mà người Mỹ cần nghe lại trong bối cảnh chiến thắng vang dội trước chủ nghĩa cộng sản thời Chiến tranh Lạnh, đó là giữ vững tự do như mục tiêu - và chiến thuật - hàng đầu khi chúng ta đối mặt với bất kỳ mối đe dọa mới nào đối với người dân bình thường ở Trung Đông, châu Á và phần còn lại của thế giới.

- WILLIAM E. COLBY

* *

GIỚI THIỆU

Lần đầu tiên tôi nghe nói về Edward Geary Lansdale là khi đang nghiên cứu và viết cuốn sách bút danh *Self-Destruction: The Disintegration and Decay of the United States Army During the Vietnam Era* (W. W. Norton, 1981). Ông dường như là một nhân vật bí ẩn, đôi khi mặc đồng phục sĩ quan Không quân và thường xuyên xuất hiện ở các khu vực gặp rắc rối ở Đông Nam Á. Khi ông phát biểu, những lời được ghi lại của ông – theo những gì tôi có thể tìm được – dường như chứa đầy những điều hợp lý hiếm thấy. Tuy nhiên, các tài liệu lịch sử nhắc đến ông thì thưa thớt và dường như không ai biết nhiều về ông hoặc công việc của ông, ngoài việc ông là hình mẫu cho Alden Pyle trong *Người Mỹ Trầm Lặng* (The Quiet American, 1955) của Graham Greene và Barnum Hillandale trong *Người Mỹ Xấu*

Xí (The Ugly American, 1957) của Eugene Burdick và William Lederer. Vài năm sau, tôi quyết định xem liệu mình có thể làm sáng tỏ con người này và những ý tưởng của ông hay không. Vì vậy, vào năm 1984, tôi đã viết một lá thư gửi Văn phòng Tham mưu trưởng Liên quân hỏi liệu ông còn sống không; nếu có, tôi xin địa chỉ của ông.

Chỉ vài ngày sau, khi tôi nhắc điện thoại, tôi nghe thấy một giọng nói cộc cằn: “Tôi hiểu là anh đang hỏi về tôi.”

Đó là Lansdale, người đã được các quan chức Lầu Năm Góc thông báo về những thất bại của tôi về ông. Chúng tôi sắp xếp một cuộc gặp ban đầu tại nhà ông ở McLean, Virginia; kết quả của cuộc gặp đó sẽ quyết định liệu ông có hợp tác với tôi trong việc viết tiểu sử của ông hay không. Trong những tháng và năm sau đó, chúng tôi trở thành bạn bè. Dù bị bệnh tật hành hạ, ông vẫn tìm được năng lượng để ngồi nói chuyện với tôi hàng giờ liền. Ông đã viết thư giới thiệu cho tôi gửi đến bạn bè và người quen ở Philippines và Hoa Kỳ. Tôi đã tham gia một trong những bữa tiệc sinh nhật của ông, ông đến thăm tôi tại nhà ở Florida và vợ tôi cùng tôi đã đưa ông đi tham quan Trung tâm Epcot của Walt Disney ở Orlando, Florida, và tôi đều

đặn phỏng vấn ông tại nhà. Mối quan hệ của chúng tôi tiếp tục cho đến sáng sớm Thứ Hai, ngày 23 tháng 2 năm 1987, khi tôi mới hoàn thành ba chương nháp đầu tiên của cuốn tiểu sử của ông, ông đã qua đời thanh thản trong giấc ngủ, hưởng thọ 79 tuổi. Tôi đã tham dự tang lễ của ông tại Nghĩa trang Quốc gia Arlington.

Ông là một người phi thường. Lớn lên trong một gia đình mà cha ông là một trong những người tiên phong của kỷ nguyên ô tô, và được học tại U.C.L.A., Lansdale chuyển đến San Francisco, nơi ông dốc thân vào thế giới quảng cáo. Những ý tưởng và cách tiếp cận thẳng thắn của ông nhanh chóng mang lại cho ông những khách hàng như Levi Strauss, Wells Fargo, Union Trust, Nestlé, và Italian Swiss Colony Wines.

Với sự bùng nổ của Thế chiến thứ hai, Lansdale gia nhập quân đội và phục vụ đồng thời trong Tình báo Lục quân và Văn phòng Dịch vụ Chiến lược (OSS). Khi chiến tranh kết thúc, ông ở Philippines, một quốc gia mà ông yêu mến đất đai và con người. Trước khi quay về nước sau khi kết thúc chiến sự, ông chuyển sang Không quân mới thành lập, mà ông hy vọng sẽ đón nhận những ý tưởng đổi mới. Lực lượng này giao cho ông làm giáo

viên nghiên cứu chiến lược tại một căn cứ không quân ở Colorado và sau đó gửi ông đến một trường quân sự dành cho các giảng viên ở Alabama. Nhớ lại những ngày sôi nổi với tư cách là một điệp viên OSS, ông đã nhờ bạn bè ở Lầu Năm Góc giúp đỡ. Họ đã đáp lại. Trong vòng vài tuần sau khi ông trở lại Colorado, ông được tuyển dụng bởi một cơ quan hành động bí mật của chính phủ tên là Văn phòng Phối hợp Chính sách (OPC) (sau này hợp nhất với CIA).

Trong nhiều năm sau đó, trong khi ông vẫn là một sĩ quan Không quân như một sự hư cấu tiện lợi cho đến khi nghỉ hưu, ông được biệt phái sang các cơ quan khác, chủ yếu là CIA. Neil Sheehan gần đây đã viết trong cuốn *A Bright and Shining Lie* rằng Lansdale là bà đỡ cho sự ra đời của Việt Nam. Ông cũng hành động như một bác sĩ chăm sóc sức khỏe cho Philippines. Được điều động lại đến đó vào năm 1950, ông làm cố vấn cho Ramón Magsaysay, giúp nhà yêu nước Philippines này dập tắt căn bệnh ung thư nổi loạn đang bùng cháy khắp nhiều vùng đất, do một cuộc nổi dậy theo chủ nghĩa Mác đứng đầu, được biết đến trong ngôn ngữ Tagalog là Hukbo ng Bayan Laban Sa Hapon, viết tắt là Hukbalahap hay Huk.

Lansdale đã nghĩ ra các chiến thuật, được Magsaysay thực hiện, đảm bảo một cuộc bầu cử thực sự phổ thông lần đầu tiên (và gần như là lần cuối cùng) trong lịch sử ở đó. Ông đã thành công trong việc vận động Magsaysay thực hiện các chính sách giúp chính phủ tiêu diệt Huks như một mối đe dọa đối với xã hội Philippines. Khi ông đến đó, Lansdale thấy quốc gia này ốm yếu và lung lay, bị hút cạn bởi những kẻ hút máu chính trị, đổ máu bởi một cuộc xung đột nội bộ nổi dậy. Ông đã để lại nó mạnh mẽ và lành lặn, dưới sự hướng dẫn của một nhà lãnh đạo tuyệt vời. Trong những năm đó, từ năm 1950 đến 1954, Lansdale đã hình thành quan điểm của mình về cách đối phó thành công với các phong trào nổi dậy.

Hoàn thành công việc ở đó, CIA cử ông đến Việt Nam vào năm 1954 để cố gắng thực hiện hai việc: làm suy yếu chính phủ miền Bắc mới thành lập của Hồ Chí Minh bằng mọi biện pháp có thể và củng cố chính phủ các khu vực miền Nam do Ngô Đình Diệm đứng đầu. Mặc dù không thành công đáng kể trong nỗ lực ở Hà Nội, ông nhanh chóng trở thành người tâm phúc của Diệm ở Sài Gòn. Người châu Á không có nhiều lý do để tin tưởng người phương

Tây, nhưng ở Philippines, Magsaysay đã đối xử với Lansdale như một người anh em. Bây giờ, chỉ trong vòng ba tuần gặp gỡ Ngô Đình Diệm, vị thủ tướng nhỏ bé đã yêu cầu Lansdale chuyển vào Dinh Độc Lập sống cùng ông. Muốn hòa mình vào bối cảnh chung, Lansdale đã khéo léo từ chối và vẫn ở trong khu nhà riêng của mình.

Những cam bẫy quyền lực, thường quan trọng đối với những người đàn ông khác, không phải là điều ông ưa thích. Mặc dù không bao giờ thân thiết với Diệm như với Magsaysay, Lansdale vẫn cung cấp cho ông những lời khuyên mà, nếu được làm theo, có thể đã thay đổi tiến trình lịch sử Việt Nam hiện đại.

Ông đã làm gì? Những điều đơn giản. Ông đã thúc giục Diệm đi lại bên ngoài Sài Gòn vào vùng nông thôn – để xem và được nhìn thấy – và thể hiện sự quan tâm nhiều hơn đến chính người dân của mình. Ông khuyến khích những người châu Á khác, đặc biệt là người Philippines, đề nghị giúp đỡ Việt Nam. Ông bí mật đưa những kẻ âm mưu đến các khu vui chơi giải trí ở Manila để phá vỡ các kế hoạch đảo chính của chúng chống lại Diệm. Ông liên lạc với những người đứng đầu các nhóm đối thủ và thuyết phục họ ủng

hộ chính phủ Diệm. Ông giúp tổ chức một tổ chức cựu chiến binh Việt Nam và khuyên Diệm về các phương pháp thiết lập một bộ máy công chức hoạt động. Ông đã có một chuyến đi nhanh chóng trở lại Washington để vận động thêm sự ủng hộ cho chính phủ non trẻ của Diệm. Ông thúc giục Diệm giao quân đội miền Nam tham gia các dự án công tác dân sự ngoài đồng lúa. Ông thuyết phục ông ta thực hiện một số cải cách xã hội, kinh tế và chính trị bao gồm xây trường học, sửa đường, dạy vệ sinh cá nhân và công cộng, và dạy cư dân nông thôn rằng có thể có lợi ích khi liên kết với chính phủ Sài Gòn. Ông đã cố gắng, nhưng không thành công, thuyết phục Diệm cho phép các đảng phái chính trị đối lập hoạt động tự do. (Bằng cách từ chối, Diệm đã khiến cho việc một cuộc nổi dậy mới lại trỗi dậy chống lại ông ở miền Nam là điều không thể tránh khỏi.) Ông đã giúp Diệm bắt đầu một quốc gia gần như thành công trong việc trở thành một nhà nước ổn định. Diệm có thể đã chiến thắng trong mục tiêu này nếu không có vụ ám sát ông bởi những người không thể (hoặc không quan tâm) hiểu ông hoặc những con chó chiến tranh sẽ được thả ra nếu họ cho phép chế độ lung lay của ông bị tan vỡ. Trần Văn

Đôn, người từng giữ chức ngoại trưởng cho Việt Nam Cộng hòa, đã tóm tắt thái độ của chính phủ ông đối với Lansdale: “Ông ấy là một sự giúp đỡ tuyệt vời... Ông ấy là một người bạn tốt của Việt Nam.”¹

“May mắn thay,” Lansdale sau này nhớ lại, “không có nhiều sự chú ý dành cho các hoạt động của tôi [ở cả Philippines và Việt Nam] và không [phải lúc nào cũng] có một nhà báo với chỗ trống trên các tờ báo Mỹ nhìn qua vai tôi.”² Ông tóm tắt các hoạt động của mình ở cả hai quốc gia bằng cách viết rằng, trong số những điều khác, “Tôi đóng vai trò như một chất xúc tác để tập hợp một số giải pháp cho các vấn đề mà các chuyên gia Mỹ có thể giúp đỡ.”³

Khi Lansdale cuối cùng trở về Hoa Kỳ vào đầu năm 1957, ông được bổ nhiệm vào Bộ Quốc phòng, nơi ông làm việc cho cả chính quyền Eisenhower và Kennedy. Ông giữ chức danh ấn tượng là Phó Giám đốc, Văn phòng Hoạt động Đặc biệt, Văn phòng Bộ trưởng Quốc phòng. Với vai trò đó, ông trở thành người giám sát các cơ quan bí mật mà ông từng làm việc. Ông chỉ đạo chính sách về các vấn đề chống nổi dậy cho Lục quân, Hải quân, Không quân và Cơ quan An ninh Quốc gia (NSA). Lansdale đã đưa vào đội ngũ của

mình những cá nhân được đào tạo bởi Lực lượng Đặc nhiệm Không quân, chương trình Navy SEAL, hoặc những người là cựu chiến binh của Lực lượng Đặc biệt Lục quân. Ông đã cảnh báo về Vịnh Con Heo nhưng sau đó đứng đầu Chiến dịch MongOOSE, một ủy ban được thành lập để xác định cách tốt nhất nhằm lật đổ Fidel Castro. Ông đã đi công tác tư vấn tới Venezuela, Mexico, Panama, Bolivia, Peru và Brazil. Và ông thảnh thơi trở lại Việt Nam để kiểm tra tình trạng sức khỏe suy yếu của nước này.

Gần như được Tổng thống John F. Kennedy bổ nhiệm làm Đại sứ tại Việt Nam vào đầu năm 1961 – một động thái bị Dean Rusk tại Bộ Ngoại giao ngăn chặn – Lansdale đã không được điều động đến đó nữa cho đến năm 1965, khi Tổng thống Johnson bổ nhiệm ông làm trợ lý, với cấp bậc cấp bộ trưởng, cho Đại sứ Henry Cabot Lodge. Công việc của ông là giám sát các chiến dịch binh định tại vùng đất đang gặp khó khăn đó. Ông ở lại cho đến năm 1968, lúc đó, mệt mỏi và ốm yếu, ông nghỉ hưu khỏi công việc phục vụ chính phủ. Ông sống lặng lẽ ở McLean, Virginia cho đến khi qua đời.

Ông quen biết hàng ngàn người nhưng có rất ít người quen giữ thái độ trung lập. Ông

kết bạn và ông tạo ra kẻ thù bằng sự tận tâm đơn lẻ của mình đối với người dân ở Thế giới thứ ba. Những người biết ông hoặc là hết lòng ủng hộ ông và công việc của ông, hoặc là khinh miệt ông như một kẻ ngu dốt hay can thiệp. Những chiến thắng của ông nảy sinh từ khả năng thuyết phục các nhà lãnh đạo nước ngoài hành động theo những cách ủng hộ chính người dân của họ. Ông không làm điều này vì lợi ích cá nhân hay thậm chí chỉ vì lợi ích của chính phủ Hoa Kỳ mà ông phục vụ. Ông làm điều đó vì ông tin rằng đó là điều đúng đắn. Ông liên tục lập luận rằng các nhà lãnh đạo nên làm những điều sẽ thu hút người dân ủng hộ chính phủ của họ thay vì một phong trào nổi dậy sẵn có – những điều đơn giản mà các chính phủ đó lẽ ra phải làm như một lẽ thường tình, nhưng lại không làm. Lansdale sẵn sàng thừa nhận rằng thái độ như vậy khiến ông trở thành một người duy tâm, một kẻ mơ mộng, nhưng ông sẽ chỉ ra rằng không có gì sai khi làm như vậy miễn là ông sẵn sàng dành năng lượng của mình để cung cấp nền tảng trần tục cho những lâu đài trong không trung đó.

Tầm nhìn của Lansdale cho rằng những người khác trên hành tinh này cũng có thể có quyền dưới sự quản lý của chính phủ như

công dân Hoa Kỳ. (Ông thường xuyên nhấn mạnh rằng những người làm việc với ông phải làm mới lý tưởng của họ bằng cách đọc lại Tuyên ngôn Nhân quyền và Tuyên ngôn Độc lập.) Người Cha Sáng lập yêu thích của ông là Tom Paine. Benjamin Franklin từng viết: “Nơi nào tự do ngự trị, đó là đất nước của tôi.” Paine đã đáp lại: “Nơi nào tự do không ngự trị, đó là đất nước của tôi!”⁴ Giống như Paine, Lansdale đã chọn làm việc ở những khu vực trên thế giới nơi các quyền và đặc quyền hiến định là khan hiếm hoặc không tồn tại, với hy vọng rằng, bằng những nỗ lực của ông, người dân ở đó có thể có một cuộc sống tốt đẹp hơn và các chính phủ mà ông làm việc cùng có thể trở nên phản ứng và có trách nhiệm hơn. Ông chọn Châu Á vì ông thích nó, bị nó mê hoặc, và bởi vì đó là nơi mà các cuộc cạnh tranh trong Chiến tranh Lạnh, thỉnh thoảng bùng phát thành giao tranh công khai, đang âm ỉ.

Người dân của các khu vực bị chiến tranh tàn phá luôn là mối quan tâm hàng đầu của Lansdale. Ở Mỹ, một người đàn ông bình thường được gọi là “Joe Smith.” Ở Philippines, ông ta là “Juan de la Cruz,” trong khi đối tác người Việt Nam của ông ta là “Người Thường Dân.” Người dân trên đất

liên, những người phải đối mặt với khủng bố từ quân nổi dậy và sự thờ ơ hoặc tệ hơn từ chính phủ của họ, là những người thực sự thua cuộc trong các cuộc xung đột thời hiện đại.

Lansdale thậm chí còn thực sự quan tâm đến quân nổi dậy và rất đồng cảm với mục tiêu của họ. Ông đồng lòng với người bạn cũ của mình, Magsaysay, người từng nói: “Khi một người đàn ông sẵn sàng từ bỏ mạng sống của mình để lật đổ chính phủ của mình, trước tiên anh ta hẳn đã phải chịu đựng rất nhiều.” Lansdale cũng đồng ý với quan điểm của Magsaysay rằng “những người ít có trong cuộc sống phải có nhiều hơn trong pháp luật.”⁵

Lansdale chỉ đơn giản muốn những người dân đang gặp khó khăn đạt được điều gì đó tốt hơn hầu hết các phong trào do cộng sản truyền cảm hứng có thể mang lại. Ông tin rằng những chính phủ duy nhất có khả năng mang lại cho người dân cơ hội thực sự để cải thiện cuộc sống của họ là những chính phủ được thành lập dựa trên khái niệm rằng con người sở hữu những quyền bất khả xâm phạm nhất định. Lansdale tin vào các văn kiện hiến chương của Mỹ đã đảm bảo những quyền đó. Ông từng tuyên bố: “Tự do

của mỗi cá nhân là niềm tin cơ bản, quý giá thực sự của chúng ta.” Ông và những người Mỹ khác ở nước ngoài có trách nhiệm hành động “theo tinh thần của những niềm tin quý giá nhất của chính chúng ta.”⁶

Ông không tự bực mình trong những bằng rôn đỏ, trắng và xanh dương; ông đang cố gắng thiết lập một đường lối hành động cho bản thân và những người khác dựa trên các nguyên tắc của Mỹ. Ông biết rằng chính phủ của chính nước Mỹ đã ra đời trong một cuộc nổi dậy. “Các đội quân Lục địa tại Valley Forge, các sĩ quan và binh lính dưới trướng Marion, Greene, hoặc Wayne sẽ thấy nhiều điều quen thuộc trong động lực của... quân đội [nổi dậy] hiện đại, trong việc sử dụng tuyên truyền, trong các cơ quan chính trị bí mật rất gợi nhớ đến [các] Ủy ban Thư tín, các Ủy ban An toàn [của chúng ta], và trong sự hỗ trợ của nông dân và chủ cửa hàng đối với quân đội Lục địa của chúng ta bằng thực phẩm, tiền bạc, và thông tin quân sự cứng rắn.”⁷

Lansdale liên tục chỉ ra rằng chiến trường chung của cuộc đấu tranh Chiến tranh Lạnh “là giữa những người dân ở một ngôi làng hoặc cánh đồng lúa.” Một người lính cầm xẻng tại một bờ đê ruộng lúa hoặc đưa tay

giúp đỡ dân làng của chính đất nước mình đã tạo thành một thành lũy chống lại cuộc nổi dậy lật đổ. Ông gọi những hành động như vậy là “hành động dân sự” (civic action) và nhấn mạnh rằng chúng đã cũ như chính lịch sử quân sự. Lansdale tin rằng những thành công thực sự hiếm hoi mà phương Tây có được trong những năm kể từ khi kết thúc Thế chiến thứ hai, “chỉ có thể thực hiện được khi các lực lượng vũ trang của những người tự do chân thành áp dụng nguyên tắc cơ bản này.” Ông nhấn mạnh rằng quy tắc đạo đức đó quá quan trọng để bị bỏ qua vì công dân của một quốc gia bị cuốn vào một cuộc nổi dậy coi quân đội là một phần không thể tách rời của chính phủ của họ. Do đó, bất kỳ hành động nào “biến người lính thành anh em của người dân, cũng như người bảo vệ của họ,” đều là một hành động đáng giá. Khi quân đội hành động phù hợp, chính phủ được củng cố. Khi họ không làm, ảnh hưởng của du kích tăng lên.

Lansdale nhớ lại những ví dụ thực tế. Ông yêu cầu người khác đặt mình vào vị trí của những người bị bao vây. “Bạn sẽ phản ứng thế nào nếu binh lính đánh cắp gà hoặc heo hoặc đồ đạc cá nhân của bạn – có thể đánh đập bạn và giốn cột với vợ hoặc con gái của

bạn trong quá trình đó? Bạn sẽ phản ứng thế nào nếu các nhà lãnh đạo chính trị tự xưng là người liêm chính, nhưng bạn thấy họ sống xa hoa, mua tài sản, đồ trang sức và xe hơi đắt tiền – tất cả chỉ bằng một mức lương chính phủ thấp – và do đó rõ ràng là tham nhũng một cách trắng trợn?”

Thành thật và chính trực là điều cần thiết nếu Juan de la Cruz và Người Thường Dân muốn ủng hộ các chính phủ đang gặp nguy hiểm của chính họ. Không có lượng hùng biện và tuyên truyền chính thức nào có thể vượt qua một con gà bị đánh cắp hoặc một chiếc xe jeep lái bất cẩn. Chính qua việc quan sát hành động của binh lính dưới trướng các nhà lãnh đạo của họ mà Joe Smith, Juan de la Cruz và Người Thường Dân biết được ý định thực sự của những người nắm quyền. Trước khi bắt đầu bất kỳ hành động nào, các nhà lãnh đạo luôn cần phải tự hỏi mình trước tiên: “Phản ứng của người dân [sẽ là gì] đối với hành động được đề xuất này?”

Điều bắt buộc là các nhà lãnh đạo phải khẳng định quyền của công dân nước mình và ít nhất là bắt đầu sửa chữa những điểm mục nát trong cơ cấu chính trị và xã hội của quốc gia họ, “và làm điều đó với sự chân

thành.” Khi không phục vụ với tư cách là người bảo vệ trong khi chiến đấu với các băng nhóm nổi dậy, quân đội quốc gia phải là một người anh em với chính người dân của mình. Phải không có các vụ ám sát đối thủ chính trị, không có các đội tử thần, không có cướp bóc từ dân làng, không có tra tấn, không có bỏ tù tội vàng, không có mất tích lúc nửa đêm, không có sự không khoan dung cộc cằn đối với chính người dân của mình tại các trạm kiểm soát hoặc trong các cuộc càn quét nông thôn. Một chính phủ phản ứng và có trách nhiệm sẽ đảm bảo và kiểm soát hành vi của chính binh lính mình và sử dụng quân đội cùng mọi phương tiện thích hợp khác để cải thiện cuộc sống của công dân của mình.⁸

Lansdale kiên trì thúc đẩy nhu cầu về các hoạt động xã hội trên diện rộng của quân đội, nhu cầu các sĩ quan phải giám sát chặt chẽ hành vi của binh lính, và sự khôn ngoan của việc điều trị cho dân thường trong các bệnh viện quân sự những người vô tình bị mắc kẹt và bị thương bởi làn đạn chiến đấu. Ông thậm chí còn lập luận rằng kẻ thù nổi dậy nên được tạo “cơ hội phục hồi công bằng” nếu họ đầu hàng hoặc bị bắt, vì họ cũng là một phần của người dân quốc gia

đó.⁹ Ông tin rằng, không có câu trả lời thực sự nào khác. Nếu quân nổi dậy giành được lòng trung thành của người dân và một quân đội chính phủ đảm bảo cho mình ưu thế áp đảo về xe tăng, máy bay, pháo binh và số lượng binh lính, thì chính phủ đó cuối cùng vẫn sẽ sụp đổ. Trong suốt những năm giảng dạy của mình, đây có lẽ là đóng góp quan trọng nhất của Lansdale cho sự hiểu biết đúng đắn về bản chất cơ bản của các cuộc chiến tranh nhân dân.¹⁰ Năm 1965, Mary McGrory, phóng viên của tờ *Washington Star*, đã viết thư cho Lansdale rằng bà tin rằng ông đã tóm tắt tất cả. “Tôi đã gặp McGeorge Bundy đêm nọ, và nói với ông ấy rằng trong tất cả các chính sách về Việt Nam mà tôi đã nghe trình bày, chính sách của ông là chính sách duy nhất có ý nghĩa với tôi. Tôi đã nói với ông ấy rằng mặc dù tôi chưa bao giờ hồi phục sau cú sốc ban đầu khi biết từ ông rằng chống nổi dậy [chỉ là] một từ khác của tình huynh đệ, tôi hoàn toàn ủng hộ nó.”¹¹

Có lẽ không phải. Có lẽ ông chỉ tìm kiếm một cách hiệu quả để đối phó với các cuộc nổi dậy. Ông lập luận rằng Mỹ không biết cách làm như vậy. Ở Việt Nam, Mỹ chủ yếu dựa vào việc sử dụng hỏa lực quá mức, dù

là pháo binh hay bom. Số lượng đạn được được cổ máy chiến tranh Mỹ tiêu thụ ở quốc gia nhỏ bé đó từ năm 1965 đến năm 1973 nhiều hơn so với tất cả các bên đã sử dụng ở tất cả các mặt trận trong Thế chiến thứ hai. Lansdale thấy được sự điên rồ của điều này và hoàn toàn đồng ý với nguyên tắc rằng vũ khí tốt nhất để sử dụng chống lại du kích là dao; tệ nhất là máy bay. Tốt thứ hai là súng trường; tệ thứ hai là pháo binh. Và, tất nhiên, Mỹ chủ yếu dựa vào máy bay và đại bác trong những năm đấu tranh ở Việt Nam. Các học thuyết chiến thuật đủ cho Thế chiến thứ hai hoặc Triều Tiên sẽ không còn hiệu quả nữa. Nếu các sĩ quan cấp tướng của Mỹ không thể hiểu sự thật đơn giản này, Lansdale nói, thì họ nên “nghi hưu ngay lập tức để đạn nổ hoặc bất cứ điều gì khác thực sự phù hợp với tài năng [của họ].” Lansdale lập luận rằng việc sử dụng hỏa lực bừa bãi “có thể sẽ khiến một người có thiện chí hỏi, ‘chúng ta đang giúp duy trì quyền tự do nào của người Việt Nam nào?’”¹²

Quá thường xuyên, Lansdale cáo buộc, các tướng lĩnh Mỹ tập trung vào việc loại bỏ lực lượng địch bằng hỏa lực đơn thuần. Hậu quả là chính những người mà chúng ta được cho là đang giúp đỡ đã phải chịu đựng đau

khổ nghiêm trọng. Dân thường, bị chà đạp trong chiến đấu bởi một lực lượng quy ước lớn, phải chịu đựng “địa ngục trần trụi” khi họ cố gắng tiếp tục cuộc sống hàng ngày: ruộng bị giẫm nát, mùa màng bị hủy hoại, kho chứa thu hoạch bị phá hủy, nhà cửa bị đốt cháy, động vật bị giết mổ vô cớ, vợ và con gái bị hãm hiếp, con trai bị tra tấn và sát hại vì bị nghi ngờ là “nghi phạm” nổi dậy. Ông tự hỏi, làm thế nào bất kỳ chính phủ nào chấp thuận những hành động như vậy lại có thể mong đợi nhận được lòng trung thành từ những người bị đối xử như vậy?¹³

Lansdale đã phát triển những ý tưởng này trong những năm mà ông mô tả trong cuốn tự truyện này. Tuy nhiên, ông không kể hết mọi thứ trong sách của mình; ông kết thúc câu chuyện của mình quá sớm. Ông kết thúc câu chuyện của mình bằng việc trở về từ Sài Gòn vào đầu năm 1957 sau khi đã trải qua ba năm làm cố vấn thân cận cho Ngô Đình Diệm. Phần lớn những gì ông đã hoàn thành trong những năm ở nước ngoài và mọi thứ ông thấy trong những lần sau này sẽ không được ông nói ra. Nhưng ông kể rất nhiều. Sẽ khó tìm thấy một tác phẩm phi hư cấu dễ đọc hơn cuốn *In the Midst of Wars: An American's Mission to Southeast Asia* (Giữa

các cuộc chiến: Một nhiệm vụ của người Mỹ đối với Đông Nam Á) của ông. Đó là một bản tường thuật cảm động về các hoạt động của ông ở cả Philippines và trong nhiệm vụ đầu tiên của ông tại Việt Nam. Phần lớn là giai thoại, câu chuyện của ông đầy lòng trắc ẩn đối với những người châu Á mà ông đã làm việc cùng và bộc lộ tính cách nhân đạo thực sự của ông. Ông cũng viết về những cuộc phiêu lưu chạm đến trái tim – và ông xoay sở để làm tất cả những điều này cùng một lúc. Trong những ngày đầu, vì những chiến công của mình, một số người coi ông là T. E. Lawrence thời hiện đại của Mỹ ở Đông Nam Á, một danh hiệu mà rõ ràng ông chưa bao giờ tìm kiếm nhưng ông xứng đáng có được.

Câu chuyện của ông chứa đầy những câu chuyện về lòng dũng cảm, sự kiên trì, nghèo đói, cách mạng và chiến tranh được nhìn qua con mắt của bậc thầy công tác tình báo bí mật này. Tuy nhiên, *In the Midst of Wars* không chỉ là lời kể của Lansdale về những cuộc phiêu lưu của chính mình. Cuốn sử thi này cố gắng cung cấp cho người đọc một cái nhìn trực tiếp về cách người châu Á nhìn nhận các sự kiện đã lấp đầy cuộc sống của họ và quyết định vận mệnh của họ trong những năm sau Thế chiến thứ hai.

Viết với sự khiêm tốn thực sự và với sự rõ ràng trong cái nhìn sâu sắc của một người yêu nước chân chính, Lansdale kéo chúng ta vào những vùng nước tù đọng của châu Á gần như thể chúng ta là những người tham gia. Sự kể lại các sự kiện một cách chu đáo của ông cho chúng ta thấy những hình thức thích hợp mà hoạt động của Mỹ nên thực hiện ở các nước Thế giới thứ ba, những bài học đã được học một cách khó khăn ở Philippines và không bao giờ thực sự được học ở Việt Nam. Chính phủ Mỹ sau đó đã bỏ qua những hiểu biết sâu sắc đó khi cuộc xung đột ở Đông Nam Á leo thang và nhóm nhỏ người Mỹ được giao nhiệm vụ ở đó được bổ sung bởi hàng trăm nghìn quân lính và quan chức, quân sự và dân sự. Chỉ riêng vì lý do này, *In the Midst of Wars* đã đáng đọc.

Lansdale đã không dễ dàng đưa ra cuốn tự truyện này. Ông đã phản đối ý tưởng viết nó trong một thời gian dài. Tuy nhiên, bắt đầu khoảng năm 1964, các nhà xuất bản thỉnh thoảng liên hệ với ông, quan tâm đến việc xuất bản một bản tường thuật về những kinh nghiệm của ông ở phương Đông. Ông luôn từ chối. Mãi cho đến rất lâu sau khi trở về từ nhiệm vụ thứ hai tại Việt Nam (1965–1968), Lansdale mới quyết định viết về những kinh

nghiệm ở Philippines và Việt Nam của mình và ký hợp đồng sách với Harper & Row. Ông bắt đầu viết những hồi ký này vào năm 1970 và chuyên cần viết từng trang khi sự kiện và sự thật chọt lóe lên trong ký ức ông. Đó là một quá trình mệt mỏi hơn ông đã tưởng tượng khi đồng ý kể câu chuyện của mình, nhưng cuối cùng, đến tháng 7 năm 1971, ông có thể hứa với một người bạn rằng ngày xuất bản sách sẽ là vào mùa xuân năm 1972.

Tác phẩm *In the Midst of Wars* xuất hiện vào tháng 2 năm 1972 và ngay lập tức thu hút những đánh giá tích cực. Chester L. Cooper, người từng là trợ lý Nhà Trắng về các vấn đề châu Á dưới thời chính quyền Johnson và đã viết cuốn sách riêng về Việt Nam là *The Lost Crusade*, mô tả Lansdale là người “cực kỳ trung thành với những người ông đã làm việc cùng.” “[C]ác bạn của ông không thể làm gì sai. Một màn sương mù của tình cảm hoài niệm bao bọc các anh hùng của ông.” Cooper viết, cuốn sách là sự phản ánh chính tính cách của Lansdale; một câu chuyện “chừng mực và khiêm tốn” của một người đàn ông “ít lời” kể lại “các sự kiện thú vị và đầy màu sắc.” Cooper lưu ý đến công việc thành công của Lansdale trong các cuộc bầu cử ở Philippines vào đầu

những năm 1950. “Lẽ ra ông ấy nên nghỉ khi còn đang thắng... Tội nghiệp Đại tá, tội nghiệp người Việt Nam, tội nghiệp chúng ta. Giá như chúng ta biết được lúc đó những gì chúng ta biết bây giờ!”¹⁴

Peter Arnett, một phóng viên của hãng tin Associated Press đã dành tám năm ở Việt Nam, đã viết một bài đánh giá cho tờ *New York Times*. Ông gọi Lansdale là “một chiến binh chiến tranh lạnh lý tưởng hóa” với “sự dũng cảm, táo bạo và lễ thường” mà “những kỳ tích và phong cách huyền thoại của ông đã trở thành hình mẫu cho hàng loạt điệp viên trẻ người Mỹ được các bộ và cơ quan khác nhau cử đi [Đông Nam Á].” Tuy nhiên, Arnett không hài lòng với lời kể của Lansdale, vì, ông nói, ngay cả sau 386 trang, Lansdale “vẫn khó nắm bắt như những huyền thoại” về ông. Arnett viết, cuốn hồi ký “giống như đọc một cuốn lịch sử về Nội chiến Mỹ kết thúc bằng cuộc bầu cử Tổng thống đầu tiên của Abraham Lincoln.”¹⁵

Richard Critchfield, phóng viên của tờ *Washington Star* vào thời điểm cao trào của cuộc xung đột Việt Nam, gọi Lansdale là “một nhân vật huyền thoại” và “một người Á châu kỳ cựu.” Critchfield viết, *In the Midst of Wars* là một “tài liệu lịch sử kín

đảo” và “vô giá cùng một câu chuyện phiêu lưu thú vị.” Critchfield đưa tin rằng “giống như chính tác giả, [câu chuyện] thô ráp, hài hước, nhân ái, khó hiểu, ngây thơ và hơi khó chịu.” Critchfield tin rằng Lansdale “có lẽ là quan chức cấp cao người Mỹ tốt nhất phục vụ đất nước mình ở Việt Nam.”¹⁶

Bài đánh giá trên tờ *Christian Science Monitor* hẳn đã làm hài lòng bất kỳ tác giả nào. Saville Davis, một phóng viên đặc biệt của tờ báo, đã liệt kê một số cách mà người khác nhìn nhận Lansdale: “một anh hùng dân gian, một người đàn ông kỳ diệu trong quân đội và một kẻ phá hoại chính sách của Hoa Kỳ.” Davis nói, ông là “một người đàn ông cẩn thận chọn đối thủ của mình ở trong nước và ngoài nước và không tiếc lời hủy diệt họ. Trong khi đó, ông dành tình cảm cho bất cứ ai có cảm nhận về con người.” Ông viết, bản thân cuốn sách là một “tác phẩm ly kỳ.” “Nó không bao giờ thuyết giáo, ngoại trừ một vài đoạn ở cuối. Nó giải thích bằng lời kể, bằng hết tình tiết căng thẳng này đến tình tiết căng thẳng khác. Nó khiến bạn ngả người ra ghế, làm bạn nghệt thờ, tường thuật những đoạn đối thoại sắc nét nhanh hơn và mạnh hơn đạn, dẫn bạn qua những khoảnh khắc cá nhân nhất của chiến tranh du kích

và đau đớn.” Davis tin rằng không ai hiểu châu Á như Lansdale. Ông đã học được bài học của mình ở Philippines và trau dồi kỹ năng của mình ở Việt Nam. Do đó, ông đã có thể xác định được điều gì sai với vai trò của Mỹ ở Việt Nam rất lâu trước khi Hoa Kỳ can dự quân sự vào đó. “Ông ấy đã nói với chúng ta và nói với chúng ta và nói với chúng ta, và chỉ một vài người hiểu.” Vì không ai lắng nghe, “[c]húng ta đã không mang lại tự do, mà là những hình thức đàn áp chính trị, khủng bố và chuyên chế mới-cũ. Đây là một cuộc chiến tranh nhân dân và chính chúng ta đã phá hủy mối quan hệ duy nhất – với người dân – có thể giúp chúng ta chiến thắng. Một cuộc chiến tranh quân đội quy mô lớn nhân tạo đã ám ảnh chúng ta và thu hút sự chú ý của chúng ta... và cuộc chiến thực sự đã không được chú ý.”¹⁷

Sherwood Dickerman, người có năm năm kinh nghiệm làm phóng viên nước ngoài ở Đông Nam Á, tin rằng Lansdale không kể hết những gì ông biết trong sách của mình: “[C]ó cơ sở để nghi ngờ rằng ông ấy có thể đã bỏ sót nhiều hơn những gì ông ấy đưa vào.” Dickerman gọi Lansdale là “một người đàn ông giàu tình cảm đối với những người bạn châu Á, và là một người ứng biến và quảng

bá nhanh nhạy.” Dickerman viết, bản thân cuốn sách là “một tác phẩm mang tính thời kỳ của chiến tranh lạnh, một cuốn hồi ký hoài cổ.” Ông mô tả Lansdale là người vừa “tài tình vừa tàn nhẫn” và vừa “duy tâm vừa dũng cảm.” Ông là “người Mỹ có ảnh hưởng nhất ở Đông Nam Á và chắc chắn là người gây tranh cãi nhất.”¹⁸

Mặt khác, Jonathan Mirsky đã tận dụng cơ hội để đánh giá cuốn sách của Lansdale như một cách để trút bầu tâm sự cay nghiệt phi chuyên nghiệp nảy sinh từ khuynh hướng cánh tả của ông. Bài tiểu luận của ông trên tờ *Saturday Review of Literature* (không thể gọi là một bài đánh giá) đã chỉ trích Lansdale không thương tiếc. Giám đốc Trung tâm Đông Á tại Đại học Dartmouth, Mirsky cáo buộc rằng cuốn sách của Lansdale “từ trang bìa đến những trang cuối cùng... đều thấm đẫm những lời dối trá.” Dù lật sang trang nào, “những lời kể có khả năng là dối trá.” Ông viết, thật đáng khinh khi Harper and Row “tung ra một gói những điều không đúng sự thật như vậy cho công chúng.” Không có điều gì tốt đẹp được tìm thấy trong ấn phẩm này và Mirsky cảnh báo những người đi lại trong giới của ông nên thận trọng và dành tiền của họ cho một tựa sách khác.¹⁹

Trong những năm sau đó, Lansdale thích kể lại cách, hai tuần sau khi bài tiểu luận của Mirsky xuất hiện, ông nhận được một cuộc điện thoại từ người đứng đầu Hiệp hội Phụ nữ Philippines-Mỹ ở Washington, D.C. Cô nói: “Tất cả chúng tôi đều đọc bài đánh giá tuyệt vời đó về cuốn sách của ông trên *Saturday Review*,” và “vội vã đi mua sách.” Ông nói thêm rằng có lẽ ông nên gửi cho Mirsky một lá thư cảm ơn.²⁰ Tuy nhiên, mười hai năm sau, những cáo buộc vô căn cứ của Mirsky vẫn làm Lansdale cay đắng. Lansdale suy ngẫm rằng những lời cay đắng đó đã được truyền cảm hứng từ thực tế rằng “Tôi đã không thừa nhận rằng tôi là một đặc vụ CIA chủ chốt ở Viễn Đông... Tôi đang viết lịch sử tôi thấy và mặc kệ tôi thực sự là ai. Vị trí của tôi không quá quan trọng, theo một cách nào đó.”²¹

Mirsky đã bỏ lỡ một điểm thiết yếu: Lansdale không thể tiết lộ toàn bộ câu chuyện về nhiều sự kiện mà ông là một người tham gia. Ông là một người đàn ông danh dự. Ông đến từ một thế hệ mà lời cam kết của một người được coi là trách nhiệm nặng nề, và Lansdale từ lâu đã thể giữ bí mật. William Colby từng viết rằng ông “không thể được chấp nhận là một sĩ quan

tình báo cho đến khi tôi ký thỏa thuận giữ bí mật (điều vắn ràng buộc tôi) trong đó nêu rõ rằng tôi sẽ không tiết lộ, nếu không có sự cho phép của CIA, bất kỳ bí mật nào tôi sẽ biết được khi làm việc cho Cơ quan.”²² Tác giả Philip Burnett Franklin Agee đã gọi lời thề đó là “vĩnh viễn, trường cửu và phổ quát.”²³ Và Lansdale cảm thấy bị ràng buộc bởi lời cam kết của mình. Trong cuộc gặp đầu tiên của chúng tôi, ông đã đưa ra một lời cảnh báo cho tôi: “Trước khi chúng ta bắt đầu, tôi muốn nói điều gì đó. Tôi lo lắng về một cuốn tiểu sử [vì] mối liên hệ của tôi với CIA... Tôi đã hứa từ nhiều năm trước.”²⁴ Hai năm trôi qua, trong thời gian đó ông tránh trả lời nhiều câu hỏi của tôi. Cuối cùng ông cũng mở lời. Ông nói: “Tôi đã kiểm tra với Bill Colby về một lời thề cũ mà cả hai chúng tôi đã thực hiện vài năm trước... Và ông ấy đã vui lòng gọi một số người của CIA để ủng hộ phán quyết của mình. Tất cả họ đều đồng ý với ông ấy. Vì vậy, bây giờ tôi sẽ công khai thừa nhận rằng tôi đã phục vụ trong CIA, với tư cách là một sĩ quan Không quân với mức lương Không quân thông thường, trên cơ sở tình nguyện, trong các năm 1950, 1951, 1952, 1953, 1954, 1955, và 1956. Chỉ những năm đó, không hơn.”²⁵

Những năm mà Lansdale liệt kê chính xác là những năm mà ông đã viết trong cuốn tự truyện của mình. Với lời cam kết giữ bí mật của ông, điều đáng ngạc nhiên không phải là có nhiều điều bị thiếu trong câu chuyện đó, mà là ông đã có thể kể nhiều đến như vậy. Với hoàn cảnh mà ông phải viết, ông đã kể một câu chuyện đáng chú ý và những lời buộc tội của Mirsky là không công bằng.

Thật vậy, điều làm cho *In the Midst of Wars* trở nên đáng chú ý là nó thể hiện rõ sự trung thực của Lansdale. Nó cho thấy niềm tự hào của ông lặng lẽ và không tô vẽ đến mức nào. Gần như không có bản ngã và không có cả sự thất thường lẫn sự thù địch, Lansdale bằng cách nào đó vẫn giữ mình ở phía sau. Ông không phải là câu chuyện. Ông chỉ là một người tham gia trong một vở kịch lớn hơn. Khả năng làm được điều này là một sự tôn vinh đối với tính cách của ông, giống như *In the Midst of Wars* là một sự tôn vinh đối với những người đàn ông mà ông đã cố vấn trong một thời đại xa xưa và xa xôi.

Trong các bức thư riêng gửi bạn bè, Lansdale cởi mở và không hề e dè về những gì ông đã làm. Cách đây rất lâu, ông đã viết cho người bạn Peter Richards ở Manila: “Tôi sẽ không bao giờ viết sự thật về một số sự

kiện trong quá khứ – cách chúng diễn ra đã tạo nên lịch sử tốt đẹp cho các quốc gia có liên quan và tôi rất vui khi giữ lịch sử trong lớp hư cấu.”²⁶ Ông đang thừa nhận rằng thông tin có sẵn lúc đó là không đầy đủ. Nói tóm lại, nếu không có thông tin nội bộ của ông, các tường trình (accounts) đương thời là “hư cấu.” Bây giờ ông đã làm điều mà ông nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ làm. Nhưng ngay cả lời kể của ông cũng không liên quan đến toàn bộ câu chuyện về nhiều sự kiện mà ông đã chứng kiến và tham gia. “Tất nhiên tôi nói một vài lời nói dối vô hại trong đó,” ông thú nhận với người bạn Peter Richards. “Không chỉ để bảo vệ một số bạn bè, mà chủ yếu là để cung cấp cho người châu Á một số anh hùng rất cần thiết từ chính trong số họ. Tôi có linh cảm rằng điều đó sẽ khiến anh cười thầm. Tuy nhiên, có rất nhiều lịch sử chưa được kể trong đó, đủ chính xác để làm lương tâm tôi thanh thản.”²⁷ Những ‘lời nói dối vô hại’ nào? Chúng bao gồm việc hạ thấp vai trò của chính mình. Với người bạn Bo Bohannon, Lansdale thú nhận: “Bạn bè của chúng ta xuất hiện thơm tho như hoa hồng, không bị vấy bẩn và anh hùng trong đó và trước một bối cảnh thích hợp. Như anh biết từ lâu rồi, tôi đã quyết định rằng châu Á cần

những anh hùng của riêng mình – vì vậy tôi đã tặng họ cả một cuốn sách đầy những anh hùng đó, với chúng tôi/những người ngoài cuộc chỉ là những người bạn đồng hành với một số người tuyệt vời.”²⁸ Ông cũng nói với Bohannon: “Chúng ta [phải] dành tất cả công lao cho những người Philippines đã làm điều này. Đó là cuộc chiến của họ. Họ đang mạo hiểm mạng sống của mình.”²⁹ Với nhà báo và tác giả Robert Shaplen, Lansdale nhận xét: “Philippines đang rất cần những anh hùng tử tế và tôi sẽ không giúp đỡ và tiếp tay cho những kẻ gièm pha Magsaysay.”³⁰ Lansdale viết, có những người “đơn giản là không thể hình dung một người châu Á là một người đàn ông thực thụ theo đúng nghĩa của mình.”³¹ Lansdale muốn cho thấy những quan điểm như vậy sai lầm đến mức nào, và vì vậy ông đã viết cuốn tự truyện của mình để tiết lộ những câu chuyện về hai người đàn ông như vậy. Nếu đó là nói dối, tất cả chúng ta nên thấy mình có lỗi như vậy.

Tại sao ông lại hạ thấp vai trò của mình? Tất cả chúng ta đều đã đọc nhiều lời kể trực tiếp mà các tác giả đã quá nhấn mạnh tầm quan trọng của chính họ. Rất thường xuyên họ dường như đang nói: “Nếu không có tôi, kết quả đã khác xa.” Lansdale không đồng ý

với cách tự xưng như vậy. “Tôi chưa nói về mọi thứ... Tôi chưa đi xung quanh và nói, ‘Tôi đã làm điều này [và tôi đã làm điều kia].’”³² Điều mà những người chỉ trích Lansdale đã không thấy (vì những người kiêu ngạo hiếm khi có thể nhìn xa hơn bản ngã của chính họ) là ông là một người thực sự khiêm tốn. Ông thà lắng nghe hơn là nói, thà nhìn thấy hơn là được nhìn thấy, thà chìa tay ra hơn là nắm lấy. Ông thà để một người xứng đáng ở Thế giới thứ ba nhận được công lao khi đến lúc hơn là tự nhận cho mình khi ông có thể dễ dàng làm điều đó.

Emma Valeriano, một phụ nữ Philippines nổi tiếng và là góa phụ của một người đi theo Lansdale lâu năm, đã từng kể lại cho tôi khía cạnh lặng lẽ này trong tính cách của Lansdale. Bà nói, ông luôn điềm tĩnh, để người khác khai thác những ý tưởng mà ông gieo vào. Người châu Á yêu mến ông vì ông luôn hành động với sự tôn trọng lớn đối với phẩm giá của họ. Ông không bao giờ ra lệnh cho bất cứ ai làm theo một hành động nào; ông hiếm khi gợi ý. Bà mô tả cách ông đưa ra lời khuyên: “Ông ấy sẽ ngồi yên lặng... lắng nghe bạn nói.” Sau đó, ông sẽ tóm tắt bằng lời lẽ và sự nhấn mạnh của riêng mình những gì đã được nói. “Đột nhiên bạn có

một sự mặc khải. Bạn nghĩ, ‘Ôi Chúa ơi. Tại sao tôi lại không nghĩ ra điều này?’ Tôi đang nhận được ánh sáng. Sau đó tôi đưa ra phán đoán của riêng mình. Điều đó đến từ đâu? Từ chính tôi ư? Nhưng ông ấy đã giúp đỡ! Đó là lý do tại sao tôi sẽ tin tưởng một người đàn ông như ông ấy.”³³ Đó là một thuộc tính nằm ngoài khả năng hiểu của Mirsky.

Đây là một cuốn sách thú vị cho tất cả những ai thích phiêu lưu, và là cuốn sách cần thiết cho những người phải điều hành quốc gia của chúng ta và xác định chiến lược tương lai của Mỹ sẽ là gì trong các bối cảnh phi truyền thống.

- Cecil B. Currey

GHI CHÚ

1. Tran Van Don, *Our Endless War: Inside Vietnam* (San Rafael, CA: Presidio Press, 1978), trang 60–61.
2. Bài giảng của Edward G. Lansdale về lịch sử quân sự, Đại học South Florida, Tampa, Florida, ngày 19 tháng 11 năm 1984.
3. Thư, Edward G. Lansdale gửi Robert Shaplen, ngày 30 tháng 5 năm 1965, Correspondence, U.S. Department of Defense, Office of the Secretary of Defense, Box 40, Lansdale Papers, The Hoover Institution for War, Revolution and Peace, Đại học Stanford, Palo Alto, California. Sau đây được trích dẫn là USDOD, OSD, LP, THIWPR.
4. Được trích dẫn ở trang xxxi, *infra*.
5. Được trích dẫn từ hồi tưởng của Manuel Manahan, cựu nhà báo và Thượng nghị sĩ Philippines; một cộng sự lâu năm của cả

Ramón Magsaysay và Lansdale. Được tác giả phỏng vấn tại Manila vào ngày 25 tháng 7 năm 1985.

6. Edward G. Lansdale, “The US Military in Non-Military Warfare” [Bài giảng] và Bản ghi nhớ, “The EUCOM Cold War Seminar,” [Oberammergau, Đức, ngày 20 tháng 10 năm 1959], Speeches, Writings, Notes/Miscellany, USDOD, OSD, Box 43, LP, THIWPR.
7. Edward G. Landale, “The Free Citizen in Uniform” [Bài giảng], Army Civil Affairs School, Ft. Gordon, Georgia, ngày 1 tháng 11 năm 1960. Bản đánh máy. 7 trang. THIWPR.
8. Ibid và Edward G. Lansdale, “The Insurgent Battlefield” [Bài giảng], U.S. Air Force Academy, Colorado, ngày 25 tháng 5 năm 1962. Bản đánh máy. 9 trang. THIWPR. Xem thêm Edward G. Lansdale, “People’s Wars: Three Primary Lessons” [Bài giảng], Air War College, Maxwell Air Force Base, Montgomery, Alabama, ngày 15 tháng 1 năm 1973, được in trong *Vital Speeches of the Day*, ngày 1 tháng 4 năm 1973, trang 357–361.
9. Edward G. Lansdale và những người khác, “Counter-Guerrilla Operations in the Philippines, 1946–1953” [Bình luận hội thảo], U. S. Army Special Warfare School, Ft. Bragg, North Carolina, ngày 15 tháng 6 năm 1961. Bản đánh máy. 74 trang. THIWPR.
10. “The Insurgent Battlefield.”
11. Thư, Mary McGrory gửi Edward G. Lansdale, ngày 23 tháng 11 năm 1965, Correspondence, Senior Liaison Office, United States Embassy, Box 54, LP, THIWPR.
12. “People’s Wars: Three Primary Lessons.”
13. Edward G. Lansdale, “Two Steps to Get Us Out of Vietnam,” *Look Magazine* (ngày 4 tháng 3 năm 1969), trang 92–98.
14. *The Washington Post*, ngày 15 tháng 3 năm 1972.
15. *The New York Times*, ngày 9 tháng 4 năm 1972.
16. *The Washington Star*, ngày 26 tháng 3 năm 1972.
17. *The Christian Science Monitor*, ngày 6 tháng 4 năm 1972.
18. *The Washington Post* ‘Bookworld,’ ngày 19 tháng 3 năm 1972.

19. *Saturday Review*, ngày 1 tháng 4 năm 1972.
20. Thư, Edward G. Lansdale gửi Peter C. Richards, ngày 15 tháng 4 năm 1972, Richards Collection. Ông Richards, người đã lưu giữ thư từ của mình với Lansdale trong nhiều năm, vui lòng đồng ý cho phép tôi tiếp cận hồ sơ của ông khi tôi phỏng vấn ông tại Manila, ngày 23 tháng 7 năm 1985. Sau đây được trích dẫn là RC.
21. Cuộc phỏng vấn Edward G. Lansdale của tác giả, ngày 15 tháng 2 năm 1984.
22. William E. Colby và Peter Forbath, *Honorable Men: My Life in the CIA* (New York: Simon & Schuster, 1978), trang 81.
23. Philip B. F. Agee, *CIA Diary: Inside the Company* (Suffolk, England: Penguin Books, Ltd., 1975), trang 21.
24. Cuộc phỏng vấn Edward G. Lansdale của tác giả, ngày 15 tháng 2 năm 1984.
25. Thư, Edward G. Lansdale gửi tác giả, ngày 8 tháng 1 năm 1986.
26. Thư, Edward G. Lansdale gửi Peter C. Richards, ngày 14 tháng 1 năm 1964, RC.
27. Ibid., ngày 23 tháng 7 năm 1971, RC.
28. Thư, Edward G. Lansdale gửi C. T. R. 'Bo' Bohannon, ngày 18 tháng 7 năm 1971, Bohannon Collection. Bà Dorothy Bohannon, vợ của 'Bo' đã qua đời, cho phép tôi tham khảo các hồ sơ thư từ đồ sộ của bà có từ nhiều năm khi tôi sử dụng nhà bà ở Manila làm trụ sở nghiên cứu của mình trong mùa hè năm 1985. Kể từ khi bà qua đời, các hồ sơ đó đã được chuyển đến THIW RP.
29. Ibid., và cuộc phỏng vấn với Edward G. Lansdale, ngày 12 tháng 11 năm 1985. Xem thêm C. T. R. Bohannon, "Revisionism in Philippine History," một bài phát biểu trước Khoa Lịch sử, Đại học Philippines, Manila, Cộng hòa Philippines, ngày 17 tháng 9 năm 1979. Lansdale Personal Papers. Góa phụ của Tướng Lansdale, Patrocinio Yapcinco Kelly Lansdale, vui lòng cho phép tôi tiếp cận các giấy tờ của chồng bà vẫn còn ở nhà ông vào thời điểm ông qua đời. Sau đó chúng đã được chuyển đến THIW RP.

30. Thư, Edward G. Lansdale gửi Robert Shaplen, ngày 30 tháng 5 năm 1965, Correspondence, USDOD, OSD, Box 40, LP, THIW RP.
31. Thư, Bert J. Talbot gửi Edward Lansdale, ngày 18 tháng 11 năm 1954, và Edward Lansdale gửi Bert Talbot, ngày 21 tháng 1 năm 1955, Correspondence, USDOD, OSD, Box 41, LP, THIW RP.
32. Cuộc phỏng vấn Edward G. Lansdale của tác giả, ngày 12 tháng 11 năm 1985.
33. Cuộc phỏng vấn Emma Valeriano của tác giả, ngày 26 tháng 7 năm 1985.

* *

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin gửi lời cảm ơn hối tiếc đến Bob Shaplen, Al Ravenholt, và Cass Canfield vì đã thúc đẩy tôi viết lại những năm này, và đến các biên tập viên Gene Young và Ann Harris vì đã giúp tôi tránh trở nên quá ba hoa. Lời cảm ơn chân thành từ đáy lòng tôi xin gửi đến Reggie Miskovish, người đã trải qua một số trận chiến bất ngờ với vai trò thư ký của tôi ở Sài Gòn, để rồi lại dành thời gian rảnh rỗi ở Mỹ để đánh máy những bản nháp đầu tiên của cuốn sách này, và đến con dâu tôi, Carolyn Lansdale, người đã đánh máy những bản nháp cuối cùng trong khi một mắt vẫn phải trông chừng lũ trẻ (các cháu của tôi!). Mặc dù tôi chủ yếu dựa vào ghi chép và thư từ cá nhân để làm mới trí nhớ, tôi đặc biệt cảm ơn những người đã giúp tôi xác định một số tên và địa điểm đã bị lu mờ: Ev Bumgardner, Ellsworth

Bunker, Dolf Droge, Mym Johnston, Sam Karrick, Pat Kelly, Hank và Anne Miller, George Peabody, Rufe Phillips, Joe Redick, Poling Valeriano, Jack Wachtel, và Rudy Winnacker. Và trên hết, lời cảm ơn triu mến nhất xin gửi đến vợ tôi, Helen, vì sự cảm thông và giúp đỡ của bà trong suốt những tháng tôi viết cuốn sách này.

* *

LỜI NÓI ĐẦU

Khi một người đàn ông rời nhà, đôi khi anh ta đi xa hơn khoảng cách vật lý đơn thuần. Điều này đã xảy ra với tôi vào giữa thế kỷ, khi chính phủ Hoa Kỳ cử tôi đi giúp đỡ những người bạn châu Á của chúng ta ở Philippines và Việt Nam đối phó với các cuộc chiến tranh nổi loạn và nổi dậy. Tôi đã đi xa hơn ranh giới thông thường dành cho một quân nhân sau khi tôi phát hiện ra chính xác những gì người dân trên các chiến trường này cần phải đề phòng và những gì cần giữ vững. Những nhu cầu đó quá phổ quát trong thế giới ngày nay nên tôi quyết định chia sẻ câu chuyện về những ngày đó với những người khác. Do đó, cuốn sách này ra đời. Lời kể mang tính cá nhân cao, được kể theo cách tôi nhớ.

Bạn nên biết một điều ngay từ đầu: Tôi đã mang theo những niềm tin của người Mỹ vào những cuộc đấu tranh ở châu Á này, như Tom

Paine đã làm. Ben Franklin từng nói: “Nơi nào tự do ngự trị, đó là đất nước của tôi.” Tom Paine đã đáp lại: “Nơi nào tự do không ngự trị, đó là đất nước của tôi.” Những lời của Paine tạo thành một phần quý giá trong tín điều của tôi. Những niềm tin của người Mỹ của tôi bao gồm sự tin tưởng vào sự thật trong nguyên tắc rằng “mọi người sinh ra đều bình đẳng, rằng họ được Tạo hóa ban cho những Quyền bất khả xâm phạm nhất định” và trong các điều khoản của Tuyên ngôn Nhân quyền của chúng ta để biến nguyên tắc vĩ đại đó thành hiện thực giữa mọi người. Cùng với những người Mỹ khác, tôi cảm thấy có mối liên hệ với Thomas Jefferson khi ông tuyên bố: “Tôi đã thề trên bàn thờ Chúa sự thù địch vĩnh cửu chống lại mọi hình thức chuyên chế đối với tâm trí con người.” Đây là những nguyên tắc để một người Mỹ cố gắng sống theo bất cứ nơi nào anh ta đi, ngay cả hai thế kỷ sau. Do đó, tôi đã cố gắng thực hành niềm tin của mình giữa những người dân đang gặp khó khăn ở nước ngoài.

Tôi xin dành cuốn sách này cho tất cả những người thân yêu, gia đình tôi, và những người đã chiến đấu một cuộc chiến chính nghĩa bên cạnh tôi.

- *Edward Geary Lansdale*
Virginia, 1971

* *

CHỮ VIẾT TẮT

BCT	Battalion Combat Team: Đội Chiến đấu Tiểu đoàn
BOQ	Bachelor Officers Quarters: Khu Nhà ở của Sĩ quan Độc thân
BUDC	Barrio United Defense Corps Quân đoàn Phòng vệ Thống nhất Xóm/Làng
CAO	Civil Affairs Office: Văn phòng Công tác Dân sự
EDCOR	Economic Development Corps: Quân đoàn Phát triển Kinh tế
GAMO	Groupe Administratif Mobile: Nhóm Hành chính Cơ động
HMB	Hukbong Magpapalaya ng Bayan: Quân đội Giải phóng Nhân dân (cũng được gọi là Huks)

JUSMAG	Joint U.S. Military Advisory Group: Nhóm Cố vấn Quân sự Liên hợp Hoa Kỳ
MAAG	Military Assistance Advisory Group: Nhóm Cố vấn Hỗ trợ Quân sự
MIS	Military Intelligence Service: Sở Tình báo Quân đội
MNR	Movement for National Revolution: Phong trào Cách mạng Quốc gia
MSS	Military Security Service: Sở An ninh Quân đội
NAMFREL	National Movement for Free Elections: Phong trào Quốc gia vì Bầu cử Tự do
OB	Operation Brotherhood (OB): Chiến dịch Tình Huynh Đệ
PCAC	Presidential Complaints and Action Commission: Ủy ban Khiếu nại và Hành động của Tổng thống
PNS	Philippine News Service: Thông tấn xã Philippines
TRIM	Training Relations Instruction Mission: Phái bộ Huấn luyện Hướng dẫn Quan hệ
VNQDD	Việt Nam Quốc Dân Đảng

CHƯƠNG MỘT

* *

TỚI MANILA, 1950

Thông thường, một người đàn ông đi đến chiến tranh cũng giống như anh ta bước vào cuộc đời – một cách thiếu trang nghiêm. Hannibal nổi tiếng trong lịch sử, nhưng hãy suy nghĩ xem cảm giác sẽ như thế nào khi bạn là một người lính bộ binh trong quân đội của ông ta, đi bộ sau tất cả những con voi đó qua dãy Alps! Những chuyến đi đến chiến tranh thời hiện đại, với hàng hóa là con người bị nhồi nhét vào các phương tiện vận tải đường không, đường biển, đường sắt hoặc xe tải cũng không kém phần thiếu trang nghiêm.

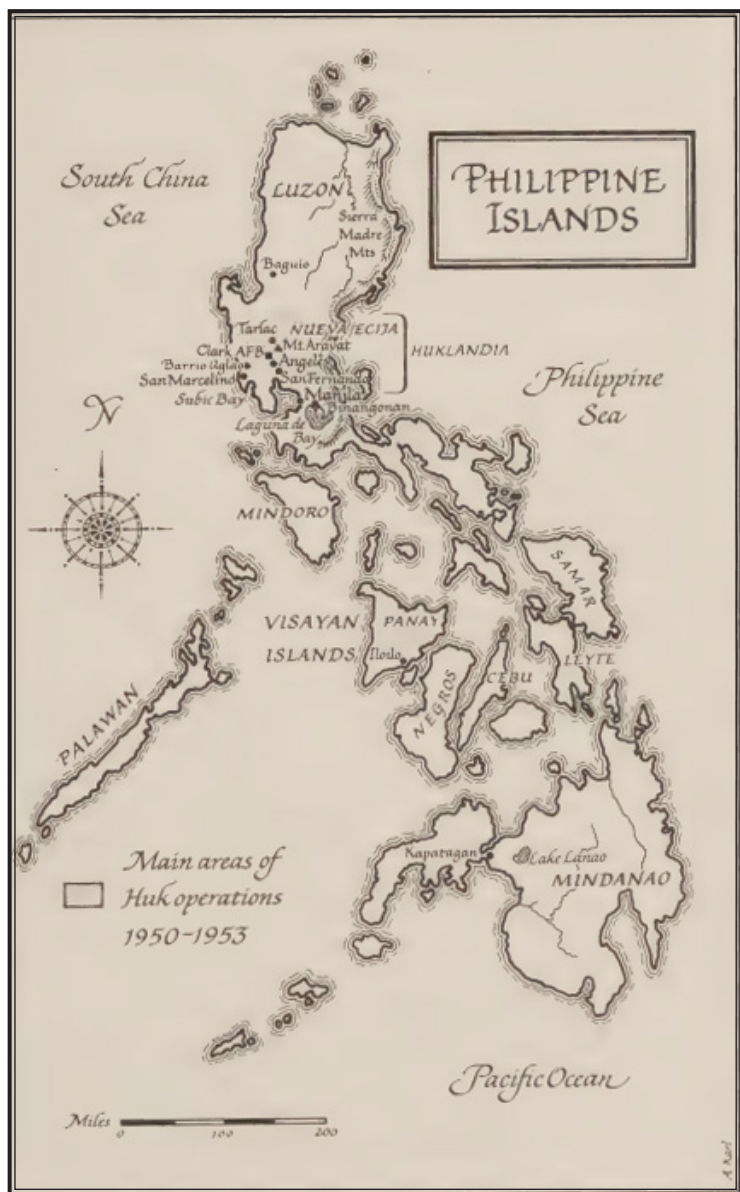
Vì vậy, chuyến đi vào tháng 9 năm 1950 của tôi đến một cuộc chiến ở Philippines, Cuộc nổi dậy Huk, không thể không đáng nhớ đối với tôi. Kinh nghiệm này hoàn toàn khác so với số phận bình thường của một quân nhân. Lúc đó tôi bốn mươi hai tuổi,

là một trung tá trong Không quân Hoa Kỳ. (Việc tôi được thăng cấp đại tá diễn ra vài tháng sau đó.)

Tôi đi đến hiện trường xung đột, chìm sâu trong chiếc ghế dài bọc đệm trên chiếc Pan-American Clipper, một chiếc Boeing B-377 Stratocruiser bay ở độ cao từ mười lăm đến hai mươi lăm nghìn feet trên mặt nước. Một ân nhân vô danh nào đó trong bộ phận du lịch ở Washington đã quyết định đẩy nhanh tiến độ đưa tôi đến đích, bỏ qua sự chậm trễ của giao thông quân sự, vốn vào thời điểm đó đang tập trung đưa quân đến Triều Tiên, và gửi tôi đến Philippines bằng hãng hàng không thương mại của Hoa Kỳ. Đó là trước thời kỳ của máy bay phản lực vận tải với lượng hành khách lớn và tốc độ đã khiến những nơi xa xôi trên thế giới trở nên phổ biến. Thái Bình Dương vẫn là một đại dương hùng vĩ, không phải là một cái ao, và các hãng hàng không coi mỗi chuyến đi là một sự kiện được vinh danh. Các chuyến bay Clipper đều là hạng nhất. Vì vậy, tôi đã đi đến chiến trường một cách thoải mái sang trọng, lướt qua những đám mây thần tiên ở giữa Thái Bình Dương, giữa những hành khách rõ ràng là giàu có, những người trò chuyện về công việc và các vấn đề xã hội

đang chờ đợi họ ở Philippines. Không ai đề cập đến cuộc chiến đang diễn ra ở đó hay thậm chí hỏi tôi những câu hỏi để tôi có thể khiêm tốn thừa nhận rằng, vâng, tôi đang đi đến chiến trường.

Mệnh lệnh của tôi rất rõ ràng. Chính phủ Hoa Kỳ muốn tôi cung cấp mọi sự giúp đỡ khả thi cho chính phủ Philippines trong việc ngăn chặn nỗ lực của lực lượng Huk do Cộng sản lãnh đạo nhằm lật đổ chính phủ đó bằng vũ lực. Sự giúp đỡ của tôi chủ yếu bao gồm lời khuyên khi cần thiết và được mong muốn. Việc tìm ra cách tốt nhất để làm điều này là tùy thuộc vào tôi. Nếu cần kinh phí hoặc thiết bị, tôi phải nhớ rằng Hoa Kỳ đang căng mình để đáp ứng nhu cầu chiến tranh ở Triều Tiên và bất kỳ yêu cầu nào từ tôi sẽ phải cạnh tranh với các yêu cầu ưu tiên cao hơn. Với tư cách là một sĩ quan quân đội, tôi được điều động đến Nhóm Cố vấn Quân sự Liên hợp Hoa Kỳ (JUSMAG) tại Philippines theo thỏa thuận của cả hai chính phủ, mặc dù công việc cố vấn của tôi không nhất thiết phải giới hạn trong các vấn đề quân sự. Sau chín mươi ngày, tôi lẽ ra phải hết tất cả những lời khuyên mà tôi có khả năng đưa ra và phải trở về nhà. Việc kéo dài chín mươi ngày đó thành nhiều năm làm việc sau này không được dự kiến.



Vì vậy, tôi đã đi đến chiến trường trên chuyến bay tháng 9 năm 1950 đó đến Philippines. Khi chúng tôi hạ cánh xuống Sân bay Nichols (gần đây được đổi tên thành Sân bay Quốc tế Manila), một nữ hành khách kêu lên: “Ôi trời, sao mọi người lại vội vàng đến thế! Tôi cứ nghĩ đây là một đất nước nhiệt đới lười biếng.” Tôi nhìn qua vai bà ấy vào cảnh tượng mà bà ấy đang nhìn. Đó là con đường vành đai xung quanh Manila, với những đám bụi cuộn cuộn bốc lên từ những chiếc xe tải nặng đang xóc nảy và chao đảo qua các hố và trên các gờ trên mặt đường. Lạy Chúa, tôi tự nhủ, họ vẫn chưa hoàn thành việc lát đường cao tốc 54.

Chuyến đi đến Philippines của tôi không phải là ngẫu nhiên. Nó là một lẽ tự nhiên, đã được định trước. C29ác sự kiện đã định hình lộ trình trong thập kỷ qua, với đường đời của chính tôi vướng vào một cuộn chỉ lớn hơn.

Năm 1941, tin tức về cuộc tấn công Trân Châu Cảng đã khiến tôi nghỉ việc tại một công ty quảng cáo ở San Francisco và cùng những người khác tình nguyện bảo vệ đất nước. Tôi phục vụ trong OSS một thời gian, sau đó trở thành sĩ quan tình báo quân đội. Cuối Thế chiến thứ hai, tôi ở Philippines, là

thiếu tá và là trưởng một nhóm được gọi là Phòng Tình báo thuộc ban tham mưu của G-2, Lực lượng Vũ trang/Tây Thái Bình Dương. Chiến tranh kết thúc đã gây ra một cuộc chen lấn giữa những người lính tạm thời của chúng tôi để về nhà. Khi đến lượt tôi, tôi phát hiện ra rằng tôi không muốn rời đi. Tôi đã được mở mang tầm mắt về thế giới bên ngoài đất nước mình, về những xung đột mới đang nảy sinh trong thế giới đó, và về những khả năng mà một người Mỹ phục vụ trong quân đội có thể đạt được mà tôi chưa từng tưởng tượng ra khi còn là thường dân. Có một sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với tôi trong vai trò của quân đội Hoa Kỳ trong việc tạo ra các thể chế dân chủ ở Nhật Bản và Đức sau chiến tranh. Có những ví dụ xung quanh tôi ở Philippines về những gì một thể chế quân nhân Mỹ trước đây đã làm ở đó, bao gồm cả việc thành lập một hệ thống trường học công lập trên toàn quốc đáng chú ý dành cho tất cả mọi người. Tôi quyết định ở lại quân đội để trực tiếp chia sẻ bất cứ điều gì xảy ra tiếp theo. Quyết định này đã khiến tôi ở lại Philippines cho đến cuối năm 1948, cùng với vợ và hai con trai tôi tham gia cùng trong hai năm cuối. Tôi trở thành phó G-2 của bộ chỉ huy quân đội.

Đến năm 1947, những xích mích giữa người Philippines và các đội quân Mỹ đang giảm dần đã phát triển thành một tình huống tồi tệ, và tôi được bổ nhiệm làm sĩ quan thông tin công cộng của bộ chỉ huy, với nhiệm vụ giải quyết vấn đề. Việc nhanh chóng thu thập thông tin thực tế trực tiếp và sử dụng chúng kịp thời đã sớm dẫn đến sự hiểu biết hơn giữa tất cả các bên liên quan; sự hòa hợp đã trở lại. Công việc đã đưa tôi đến gần với các nhà báo, chính trị gia và những người tạo dư luận khác ở Philippines. Trong khi tất cả những điều này đang xảy ra, đơn xin nhập ngũ vào Không quân Hoa Kỳ mới toanh của tôi đã được chấp nhận. Thế giới đang bước vào kỷ nguyên hàng không. Tôi đã kết luận rằng sẽ có nhiều không gian hơn cho những ý tưởng mới mẻ trong không quân so với các quân chủng cũ hơn. Tôi được phong quân hàm đại úy Không quân Hoa Kỳ vào năm 1947.

Nhiệm vụ tình báo quân đội đã mở đường cho một sự giáo dục hiếm có về con người, cuộc sống và đất đai của Philippines. Vì các quân đội hiện đại cần thông tin kỹ lưỡng về các điều kiện trên chiến trường nơi họ chiến đấu, như lực lượng Hoa Kỳ đã làm ở Philippines trong Thế chiến thứ hai, văn

phòng G-2 tại trụ sở của chúng tôi có một kho tàng báo cáo về đất nước, những báo cáo mà tôi phải nắm vững nội dung cho công việc hàng ngày của mình. Sau đó, khi chiến tranh kết thúc, tôi giao nhiệm vụ cho nhóm tình báo của mình sắp xếp những gì chúng tôi đã biết và thu thập thêm thông tin về các điều kiện ở Philippines, không chỉ các khía cạnh vật chất do sự chiếm đóng lâu dài của Nhật Bản và cuộc chiến khốc liệt giải phóng, mà còn cả những gì đã xảy ra với cơ cấu xã hội. Tôi đã kiểm tra nhiều thông tin được báo cáo bằng cách đi lại giữa người dân trên khắp các hòn đảo tạo nên Philippines, nói chuyện với hàng trăm người trong số họ, tự mình xem mọi thứ diễn ra như thế nào. Tôi được đối xử với sự hiếu khách ấm áp đáng yêu và quen biết với nhiều gia đình với tư cách là khách trong nhà của họ, từ những biệt thự thành phố đến những túp lều nipa một phòng trong ruộng lúa. Sau nhiều tháng làm việc, khoảng một tá tập dữ liệu thực tế hiện tại đã được biên soạn. Với sự cho phép của chính phủ Hoa Kỳ, tôi đã trao các bản sao của các báo cáo này cho tổng thống Philippines và nội các của ông, những người đang vật lộn để khôi phục các dịch vụ công cộng ở đất nước bị chiến tranh tàn

phá. Các bản sao khác được gửi đến những người đang chỉ đạo các chương trình hỗ trợ của Hoa Kỳ tại Philippines. Các báo cáo chỉ đơn giản là một phần của nhiều nỗ lực của Mỹ nhằm giúp người Philippines chuẩn bị cho Ngày Độc lập khỏi Hoa Kỳ, ngày 4 tháng 7 năm 1946.

Một trong những nhiệm vụ khác của tôi là đóng góp phần mình vào việc giúp các lực lượng vũ trang Philippines chuẩn bị cho việc tách khỏi quân đội Hoa Kỳ, vốn là một phần của họ cho đến ngày 30 tháng 6 năm 1946. Các công việc của riêng tôi liên quan đến các dịch vụ tình báo quân đội, tổ chức, nhân sự, đào tạo và trang bị của họ. Việc trao đổi hàng ngày với các thành viên của các nhóm tình báo Philippines về các vấn đề nhạy cảm mà họ sẽ phải đối mặt trong tương lai, thư giãn với họ tại nhà và cùng họ đi thực địa không chỉ mang lại tình bạn mà còn cả những cái nhìn sâu sắc qua các giai thoại về các yếu tố con người đang định hình lịch sử đang diễn ra của Philippines. Một số yếu tố này cực kỳ sinh động.

Những năm chiến tranh đã mang lại nhiều vũ khí cho Philippines, có sẵn để nhặt từ những người lính ngã xuống trên chiến trường hoặc trong các cuộc đột kích

vào kho quân sự. Một làn sóng cướp bóc nổi lên đã hoành hành đất nước sau khi các đội quân thời chiến rút đi. Mặc dù tất cả những tay súng bất hợp pháp lang thang khắp vùng nông thôn ban đầu đều được gọi chung là “những kẻ bất đồng chính kiến” (“dissidents”), nhãn hiệu này sớm được dùng để mô tả chỉ một nhóm trong số họ, là Huks.

Huk (phát âm là “húc”) là tên viết tắt của một thành viên của Hukbong Bayan Laban sa Hapon, hay Quân đội Nhân dân Chống Nhật. “Quân đội” là một tổ chức du kích được thành lập vào tháng 3 năm 1942 bởi Đảng Cộng sản Philippines với mục đích yêu nước công khai là chiến đấu chống lại lực lượng Nhật Bản đang chiếm đóng Philippines lúc bấy giờ. Luis Taruc, hai mươi chín tuổi, trở thành chỉ huy của nó. Taruc là một thợ may chuyên nghiệp, một người theo chủ nghĩa lý tưởng, người đã dành nhiều thời gian làm việc cho Đảng Xã hội hơn là trong tiệm may của mình và đã trở thành thành viên của ủy ban chính trị khi các đảng Xã hội và Cộng sản ở Philippines hợp nhất thành Đảng Cộng sản vào tháng 11 năm 1938. Ban đầu được tổ chức thành năm tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn gồm 100 người, hoạt động trên các

cánh đồng lúa và mía phía bắc Manila từ các căn cứ trên núi, lực lượng Huk đã thành công trong việc tuyển mộ nhiều người khác gia nhập và mở rộng hoạt động sang các khu vực khác của Luzon. Chính quyền Hoa Kỳ và Philippines, cũng như chính các nhà lãnh đạo Huk, nói với tôi rằng lực lượng Huk đã tăng lên khoảng 10.000 người vào tháng 3 năm 1943.

Thành công của họ một phần là do hoạt động chính trị, một phần là do đào tạo du kích chuyên nghiệp. Về mặt chính trị, những người Cộng sản đã tạo ra một chính quyền dân sự bí mật tại các thị trấn và *barrios* (xóm/làng) của các tỉnh nơi lực lượng của họ hoạt động. Cơ cấu cơ sở của nó là BUDC (Barrio United Defense Corps) với số lượng thành viên từ năm đến mười hai người trong mỗi *barrio*, tùy thuộc vào quy mô của nó, thực hiện tuyển mộ, thu thập thông tin tình báo, tiếp tế và công lý dân sự. Huấn luyện du kích ban đầu được thực hiện tại các trại huấn luyện, được gọi là “Đại học Stalin,” bởi các cựu chiến binh Trung Quốc của Bát Lộ Quân của những người Cộng sản từ đại lục. Sau đó, người Trung Quốc trở nên thất vọng với sự nghiệp dư của người Philippines và thành lập một lực lượng toàn người Hoa của

riêng họ, Đội quân Hoa kiều số 48 của Huk (được biết đến với tên gọi địa phương là Wachi), hoạt động độc lập: lực lượng Trung Quốc này bao gồm sáu tiểu đoàn, mỗi tiểu đoàn 200 người và đóng quân gần Manila ở Bulacan và Laguna.

Các lực lượng Huk chính, được khuyến khích bởi đội ngũ đông đảo của họ và bởi gương tích cực của người Trung Quốc, bắt đầu tấn công các đồn trú, tuần tra và đoàn xe của Nhật Bản, cũng như tiến hành một cuộc chiến tiêu hao chống lại lực lượng hiện binh bù nhìn. Quân đội Hoàng gia Nhật Bản đã trả đũa vào mùa xuân năm 1943, bao vây thành trì Núi Arayat của Huk trong mười ngày và giết hoặc bắt giữ nhiều nhà lãnh đạo Huk. Những người Huk còn lại đã hoạt động bí mật và tổ chức lại cho một nỗ lực chính trị được kiểm soát chặt chẽ hơn. Từ đó trở đi, những nỗ lực du kích của họ dường như chủ yếu nhằm củng cố quyền kiểm soát chính trị. Các nhà lãnh đạo Mỹ và Philippines của các lực lượng du kích khác trên Luzon vào thời điểm đó sau này nói với tôi rằng Huks quan tâm đến việc mở rộng lãnh thổ của họ hơn là chiến đấu với kẻ thù; đã có nhiều cuộc đụng độ Huk với các lực lượng du kích khác. Cộng đồng tình báo

của chúng tôi ước tính rằng, trong số 25.000 người bị Huks giết trong Thế chiến thứ hai, chỉ có 5.000 là người Nhật.

Khi lực lượng Hoa Kỳ đẩy mạnh qua Luzon về phía Manila vào tháng 2 năm 1945, họ phát hiện ra rằng các nhà lãnh đạo Huk đã tự xưng là thống đốc của ba tỉnh. Tổng thống Osmena của Thịnh vượng chung Philippines, người đi cùng lực lượng Hoa Kỳ, đã từ chối công nhận chính quyền Cộng sản địa phương. Taruc và các nhà lãnh đạo quân sự Huk khác đã bị Quân đoàn Phản gián của Quân đội Hoa Kỳ bắt giữ nhưng sau đó được thả. Bị cay đắng, lực lượng Huk chính thức giải tán khi chiến tranh kết thúc, những người đàn ông gia nhập một hiệp hội cựu chiến binh có kỷ luật chặt chẽ. Họ từ chối giao nộp vũ khí và cất giấu chúng.

Năm 1946 lẽ ra phải là một năm hân hoan ở Philippines. Thế chiến thứ hai, trong đó nước này là một trong những chiến trường, đã kết thúc. Độc lập khỏi Hoa Kỳ đến một cách hào phóng và thân thiện, với tiền trong kho bạc, với các thể chế chính trị và xã hội được quản lý bởi người Philippines giàu kinh nghiệm, và với các bộ luật tiên tiến được thiết lập cho hành vi dân chủ được thiết kế để mang lại cho công dân những lợi

ích tối đa của quyền tự trị và kinh tế hợp tác. Đường như, mọi thứ mà người Philippines đã hy sinh và đau khổ trong bốn năm chiếm đóng và giải phóng đã man cuối cùng đã có thể trở thành hiện thực. Thay vào đó, năm 1946 chứng kiến sự bùng nổ của một cuộc chiến khác ở Philippines, Cuộc nổi dậy Huk.

Sâu xa, nguyên nhân cơ bản của cuộc chiến là sự thiếu kiên nhẫn của một số nhà lãnh đạo Cộng sản muốn giành quyền kiểm soát Philippines. Nếu họ không bắt đầu lật đổ chính phủ bằng vũ lực, thì sẽ không có chiến tranh. (Ngay cả Bộ Chính trị Cộng sản ở Philippines cũng nhận ra điều này sau thất bại quân sự của Huks; trong các cuộc thảo luận bí mật vào năm 1953, họ đánh giá “cuộc đấu tranh vũ trang” là một sai lầm và quyết định tiếp tục “cuộc đấu tranh hợp pháp” một lần nữa, với sự kiên nhẫn hơn trước. “Cuộc đấu tranh hợp pháp” liên quan đến việc sử dụng chính trị để thúc đẩy chính nghĩa, chủ yếu dưới vỏ bọc của các “mặt trận” chính trị lừa dối được hỗ trợ bởi sự cưỡng chế mạnh mẽ.) Khi năm 1946 bắt đầu, những người Cộng sản đang sử dụng “cuộc đấu tranh hợp pháp,” với các cựu chiến binh của họ tăng cường sức mạnh bằng cách tổ chức các đội còn đồ để giữ cho công dân

tuân thủ. Bộ Chính trị thành lập hoạt động bí mật ở Manila và tạo ra một “mặt trận” với các nhóm lao động và nông trại quân phiệt. Sáu Huks, bao gồm cả thủ lĩnh quân sự của họ, Taruc, đã được bầu vào Quốc hội nhưng không được phép nhậm chức do các cáo buộc gian lận và khủng bố trong cuộc bầu cử của họ. Taruc và những người khác trở lại vùng đồi, tái kích hoạt du kích Huk và bắt đầu chinh phục Philippines bằng vũ lực. Đã có những nỗ lực nhằm giải quyết các bất bình của Huk một cách hòa bình, một số khá kịch tính, nhưng chúng đã thất bại. Chiến tranh du kích bùng nổ công khai hai tháng trước Ngày Độc lập năm 1946, với một cuộc phục kích của Huk giết chết mười cảnh sát quốc gia. Trước khi năm 1946 kết thúc, du kích Huk đã tấn công các đồn cảnh sát, phục kích, giết người, bắt cóc, cướp bóc, đốt nhà và cánh đồng, và cưỡng bức tân binh ở những khu vực họ thống trị.

Khi cuộc chiến phát triển, tôi là một trong những người được chỉ định báo cáo cho chính phủ Hoa Kỳ về những gì đang xảy ra. Đối mặt với việc phải tinh chỉnh khối dữ liệu thô đổ về trụ sở của chúng tôi, tôi bắt đầu đi khắp các khu vực gặp khó khăn bằng xe jeep để kiểm tra trực tiếp những gì đang

được báo cáo. Hoa Kỳ giữ một vị trí trung lập như một chính sách, nhấn mạnh rằng Philippines hiện đã độc lập và phải được để yên để tự giải quyết vấn đề của mình. Vì vậy, tôi giữ vai trò là quan sát viên trung lập, nói chuyện với những người ở cả hai phía của cuộc chiến và làm quen với những người dân sống trên chiến trường. Sau nhiều tháng thăm viếng như vậy, tôi đã hiểu rõ các tỉnh miền trung Luzon, mà báo chí Manila đặt biệt danh là “Huklandia,” theo cách hiểu của một người Mỹ. Đó là một giai đoạn giáo dục sâu sắc đối với tôi, đôi khi đáng sợ, đôi khi buồn bã, đôi khi hài hước.

Một trong những khoảnh khắc hài hước liên quan đến sự kích động mang tính động viên của Huks, vốn chứa đựng liều lượng lớn tinh thần chống Mỹ theo đường lối Cộng sản thông thường. Một ngày nọ, khi đang lái xe trên một con đường nhỏ ở tỉnh Pampanga, tôi bắt gặp một cuộc mít tinh chính trị ở quảng trường thị trấn. Một cán bộ chính trị Huk đang hùng hồn chỉ trích đám đông, liệt kê những rắc rối của họ về mùa màng, nợ nần và phân chia trong cuộc sống, đổ lỗi cho mọi tệ nạn là do “chủ nghĩa đế quốc Mỹ.” Một cách bốc đồng, tôi bước ra khỏi chiếc xe jeep mà tôi đã đậu ở rìa đám đông, trèo

lên mui xe, và khi người diễn thuyết dừng lại để thở, tôi hét lên: “Có chuyện gì vậy? Các bạn chưa bao giờ có một người bạn Mỹ sao?” Đám đông giật mình quay lại và thấy một người Mỹ mặc quân phục đang đứng trên chiếc xe jeep của mình. Tôi chợt có suy nghĩ thứ hai tỉnh táo. Tôi tự trách mình trong lòng vì đã chiều theo một ý muốn bộc phát như vậy giữa hàng trăm người sống trong lãnh thổ thù địch. Nhưng người dân ngay lập tức khiến tôi cảm thấy thoải mái, họ mỉm cười và chào hỏi. Người diễn thuyết và nhiều người trong thị trấn vây quanh tôi, kể tên những người Mỹ mà họ đã quen biết và yêu quý, và hỏi liệu tôi có quen với họ không. Tôi trêu họ bằng lời nhắc nhở rằng những người mà họ đã biết này chính là “những kẻ đế quốc Mỹ” mà họ đang lên án. Họ cam đoan với tôi rằng không một người nào trong số họ là như vậy. Phải mất một lúc lâu tôi mới có thể thoát khỏi sự thân thiện nhiều chuyện đó.

Ngoài “Đả đảo Chủ nghĩa Đế quốc Mỹ!”, các khẩu hiệu tập hợp của Huk là “Đạn chứ không phải Phiếu bầu,” một động cơ trả thù cho việc loại bỏ những người Huk được bầu vào Quốc hội, và “Đất đai cho người không có đất” để kêu gọi những tá điền chiếm phần

lớn dân số trong các khu vực hoạt động của Huk. Bề ngoài, không có khẩu hiệu nào trong số này đủ hấp dẫn để thúc đẩy người dân mạo hiểm mạng sống của họ vì chính nghĩa Huk. Tôi có thể hiểu sự tiện lợi của việc có một mục tiêu xa xôi và vô danh, chẳng hạn như “chủ nghĩa đế quốc Mỹ,” làm vật tế thần cho những thất vọng trong cuộc sống; nó không đáp trả. Nhưng Hiến pháp Philippines, bộ luật bầu cử và các luật về vấn đề nông nghiệp là những mô hình của tư duy xã hội khai sáng. Chúng mang lại một thỏa thuận tốt hơn so với Huks. Vấn đề nảy sinh, tất nhiên, là do chính những con người có thể sai lầm phải làm cho những luật và bộ luật này hoạt động hoàn hảo như dự định, và cảm xúc con người có xu hướng cản trở việc đạt được sự hoàn hảo. Tham vọng, sự đố kỵ, sự thờ ơ và các động lực khác của con người đã tước đi phần công bằng của nhiều người ở “Huklandia” những gì mà các văn bản đã hứa hẹn với họ. Sự bất bình đẳng đã khiến “Huklandia” trở thành một môi trường sinh sôi nảy nở sự bất mãn, điều mà Huks đủ khéo léo để khai thác. Dưới áp lực của những bất công hiện tại, việc các nhà lãnh đạo Huk đang phấn đấu tạo ra một tương lai được cai trị bởi những người tàn

nhân hơn những người trong chính phủ mà họ hy vọng sẽ tiêu diệt trở nên không còn phù hợp.

Trong thời gian này, tôi đã trải qua một khoảnh khắc cá nhân đáng nhớ khác với Huks. Ngay trước khi gia đình tôi đến để giúp chúng tôi xây dựng nhà cửa ở Philippines một thời gian, những người Huk khoác lác đã nói với tôi rằng họ biết rất nhiều về tôi. Họ cho tôi biết ngày, nhà thờ và vị mục sư cử hành lễ cưới của tôi nhiều năm trước. Họ nêu tên chính xác phút trong ngày, số phòng bệnh viện và tên bác sĩ cho sự ra đời của các con trai tôi. Tôi rất ấn tượng vì hầu hết thông tin này không được ghi trong hồ sơ chính phủ Hoa Kỳ về tôi, và chắc chắn không có ở Philippines. Ai đó đã phải làm rất nhiều việc để có được những sự thật này. Một cách tinh táo, tôi quyết định thực hiện các biện pháp phòng ngừa bổ sung để bảo vệ gia đình tôi từ lúc đó trở đi. Trong những năm sau này, họ ở nhà trong khi tôi đến các chiến trường Cộng sản. Từ những lời đe dọa, các chương trình phát sóng và các ấn phẩm tin tức liên tục của những người Cộng sản về tôi qua nhiều năm, tôi nhận thấy rằng tôi đã khôn ngoan khi bảo vệ gia đình mình khỏi khủng bố theo cách này.

Việc rời Philippines vào tháng 11 năm 1948 trên một tàu vận tải quân đội đi Hoa Kỳ đã mang đến một cảnh tượng khác thường tại bến tàu, nơi khoảng một trăm người bạn Philippines chất đầy hoa lên gia đình tôi và tôi, và ôm chúng tôi khi ban nhạc Hiến binh Philippines diễu hành ra bến tàu bên cạnh ban nhạc Quân đội Hoa Kỳ và làm tôi ngạc nhiên với một bản hòa tấu các bài hát Philippines yêu thích của tôi. Đó là một lời chia tay ấm lòng dành cho một thiếu tá Mỹ và gia đình, không thể nào quên. Nó khiến những hành khách khác bối rối. Khi chúng tôi khởi hành, một nhóm người trong số họ hỏi tôi: “Anh đã làm quái gì để xứng đáng với điều đó?” Tôi nhún vai. Lời nói làm sao có thể kể hết những cảm xúc sâu kín của tình cảm con người? Công việc của tôi đã đưa tôi đến với hàng ngàn người Philippines. Tôi quan tâm đến họ với tư cách là cá nhân và họ đáp lại bằng tình bạn. Nó tự nhiên và đơn giản như vậy. Điều này đã xảy ra với những người Mỹ khác ở Philippines và những nơi khác ở nước ngoài. Có lẽ họ cũng đã gặp phải những Thomas nghi ngờ (doubting Thomases), một giống người đã làm phiền tôi từ lâu với sự không tin tưởng vào nguyên nhân và kết quả cơ bản trong các mối quan

hệ con người.

Thật trùng hợp, một sự thay đổi trong tên gọi của cánh quân sự của những người Cộng sản đã được thực hiện khi tôi rời Philippines. Tên mới là Hukbong Magpapalaya ng Bayan, hay Quân đội Giải phóng Nhân dân. Biệt danh cũ “Huks” vẫn được sử dụng, mặc dù cả Bộ Chính trị và các cơ quan chính phủ Philippines đều bắt đầu gọi lực lượng vũ trang này là “HMB.”

Ở Hoa Kỳ, tôi được giao làm giảng viên tại Trường Tình báo Chiến lược của Không quân Hoa Kỳ ở Denver, nơi tôi được giao nhiệm vụ giảng về tình báo kinh tế. Sau khi chuẩn bị và thực hiện một loạt bài giảng, tôi đã thất vọng khi biết rằng một số cấp trên của tôi đã kết luận rằng giảng dạy là thiên chức thực sự của tôi. Trong khi họ hành động để định tôi vào một sự nghiệp là một nhà giáo dục không quân, tôi tìm cách để có một cuộc sống năng động hơn. Bạn bè tại trụ sở ở Washington đã đáp lại. Tôi được biệt phái đến làm việc tại ban tham mưu ở Washington, về các vấn đề chiến tranh lạnh. Đó là năm 1949 và Hoa Kỳ bị bao vây bởi những tình huống phức tạp ở nước ngoài mà chúng tôi chưa từng phải đối mặt trước đây. Việc chuyển đến Washington trùng hợp với

việc tôi được thăng cấp trung tá.

Tôi thấy rằng hầu hết các đồng nghiệp ban tham mưu của tôi ở Washington đều tập trung vào các động thái của Stalin và vào chiến lược của Liên Xô nhằm thao túng giới trí thức và giai cấp vô sản thành thị thực hiện các cuộc cách mạng ở các quốc gia thân thiện với chúng ta: Các khái niệm của Liên Xô về chiến tranh du kích cho thấy ảnh hưởng của Thế chiến thứ hai, khi Liên Xô sử dụng du kích như những người bổ sung cho các đội quân quy ước. Một số ít chúng tôi tập trung vào Mao và khái niệm Trung Quốc về cuộc chiến của người nghèo sẽ bắt đầu với nông dân nông thôn là du kích, một lực lượng thôn dã sẽ trở thành một đội quân quy ước khi gặp thành công cho đến khi, cuối cùng, nó sẽ có thể nuốt chửng các thành phố và hoàn thành việc chinh phục một quốc gia. Tư tưởng của Mao là những gì tôi đã trải nghiệm trực tiếp giữa những người Huks ở Philippines. Tất nhiên, mục tiêu của cả Moscow và Bắc Kinh đều giống nhau – biến thế giới thành Cộng sản. Mỗi bên coi Hoa Kỳ là trở ngại chính cho mục đích đó.

Tôi theo dõi tin tức từ Philippines. Nó tràn ngập các báo cáo về những thành công của Huk. Các thị trấn đã bị cướp bóc và đốt

cháy. Các doanh trại Hiến binh ở sáu tỉnh bị tấn công thường xuyên. Các cuộc phục kích trên đường cao tốc trở nên phổ biến, cũng như các vụ bắt cóc và giết hại các nhà lãnh đạo địa phương ở các tỉnh. Khách đến từ Philippines cung cấp cho tôi chi tiết về các sự kiện hiện tại và truyền đạt cho tôi cảm giác sợ hãi đang lan rộng trên đảo Luzon từ sự cai trị khủng bố.

Trong số những vị khách mà tôi đã nói chuyện có Nghị sĩ Ramon Magsaysay, chủ tịch Ủy ban Quốc phòng trong Hạ viện Philippines, người đang ở Washington để hội đàm với Quốc hội Hoa Kỳ về quyền lợi của các cựu chiến binh Philippines. Magsaysay, một người đàn ông vạm vỡ, mạnh mẽ, sự bồn chồn thể hiện rõ qua việc anh ta liên tục rung chân, đã tâm sự với tôi về những lo lắng của anh ta về tinh thần hiện tại của binh lính Philippines. Tinh thần đó đang suy sụp dưới sự kết hợp của các cuộc tấn công vật lý và tâm lý, với cuộc tấn công tâm lý đặc biệt nguy hiểm vì Huks khắc họa chính phủ Philippines là hoàn toàn tham nhũng và nói với những người lính rằng họ là những kẻ ngốc khi mạo hiểm mạng sống để bảo vệ nó. Trong một vài cuộc họp với Magsaysay, tôi đã gọi ra những ý tưởng của anh ta về việc đối

phó với Huks và cải thiện nỗ lực của chính phủ. Những ý tưởng của anh ta thấm nhuần tính thực tế về việc sử dụng quân đội chống lại du kích và lòng trắc ẩn đối với người dân trên đất liền, điều này xuất phát từ kinh nghiệm của chính anh ta với tư cách là một thủ lĩnh du kích thành công trong Thế chiến thứ hai, ở những khu vực mà Huks hiện đang hoạt động. Bị ấn tượng, tôi đã đưa anh ta đến gặp một số nhà hoạch định chính sách cấp cao ở Washington. Họ cũng bị ấn tượng.

Ý thức được vai trò của người Mỹ trong cuộc đấu tranh gần đây của Hy Lạp chống lại du kích Cộng sản, tôi đã nói chuyện với các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ về việc hỗ trợ tương tự cho Philippines. Điều này xảy ra vào mùa xuân năm 1950. Rất ít quan chức Hoa Kỳ muốn nghĩ đến việc trải qua một kinh nghiệm khác như Hy Lạp, mặc dù họ thừa nhận rằng tình hình Philippines dường như đang xấu đi. Tôi được đề nghị lập một kế hoạch khiêm tốn cho các biện pháp đơn giản có thể được thêm vào sự hỗ trợ quân sự và kinh tế mà Hoa Kỳ đã cung cấp cho Philippines. Tôi bắt tay vào lập một kế hoạch cho một đầu vào các hành động ít quy ước hơn để chống lại các chiến thuật chính trị-quân sự của Huks.

Một khía cạnh của kế hoạch này là khái niệm trao cho các lực lượng vũ trang Philippines khả năng chiến tranh tâm lý; ngoài một vài bài phát biểu của tổng thống, chính phủ Philippines gần như không có tiếng nói chống lại cuộc tấn công tâm lý khéo léo của Huks. Điều này đã dẫn đến việc tôi tổ chức một hội thảo về chiến tranh tâm lý tại Lầu Năm Góc; những người tham gia là những người tôi có thể tìm thấy trong khu vực Washington đã có kinh nghiệm thời chiến về psywar (như chúng tôi gọi) và các sĩ quan quân đội Philippines đang được đào tạo ở Hoa Kỳ mà tùy viên quân sự tại đại sứ quán Philippines có thể thuyết phục họ đến thăm Washington. Chúng tôi không có kinh phí để hỗ trợ hội thảo, chỉ có một phòng hội nghị sẵn có trong Lầu Năm Góc và nhiều thiện chí. Chúng tôi họp trong hai ngày. Lúc đó tôi không biết, nhưng đây sẽ là toàn bộ sự giáo dục chính thức của riêng tôi về chiến tranh tâm lý.

Các báo cáo từ Philippines tiếp tục đầy dẫy tin xấu. Một yêu cầu đã đến từ Tổng thống Quirino của Philippines về các dịch vụ của tôi với tư cách là cố vấn về thu thập tình báo về Huks; sự giúp đỡ trước đây của tôi ở Philippines đã được ghi nhớ. Bây giờ có một nhu cầu cấp thiết về việc thu thập thông

tin chiến thuật tốt hơn và nhanh hơn về một kẻ thù liên tục xuất hiện trong các cuộc tấn công bất ngờ và sau đó biến mất. Yêu cầu đang được kiểm tra dựa trên khái niệm của tôi về việc làm nhiều hơn để giúp đỡ ngoài việc chỉ cố vấn về các vấn đề tình báo, và các thông điệp đang được chuyển qua lại Manila, thì chiến tranh Triều Tiên nổ ra. Vì vậy, mãi đến cuối tháng 8, tôi mới gặp phó tham mưu trưởng không quân, Tướng Nathan Twining, và Livingston Merchant, trợ lý bộ trưởng ngoại giao về các vấn đề Viễn Đông, và biết chắc chắn rằng tôi sẽ đến Philippines. Mệnh lệnh được ban hành. Chúng bắt gặp tôi đang giữa những vấn đề cá nhân.

Gần đây tôi đã mua một căn nhà cũ ở Washington và bắt đầu tự mình sửa sang lại trong những giờ ngoài nhiệm vụ bằng rìu, xà beng, cửa và búa. Vợ tôi đã bán nhà của chúng tôi ở California và đến Washington cùng các con trai ngay khi tôi nhận được lệnh đi Philippines. Bà kinh hoàng khi thấy ngôi nhà mới của chúng tôi ở Washington, nơi tôi mới chỉ tiến hành đến việc đồn tường để tạo ra những căn phòng lớn hơn và xé toạc hệ thống ống nước để hiện đại hóa. Đứng giữa đông đảo nát, tôi báo tin rằng tôi sẽ rời đi trong vòng vài giờ để đến cuộc chiến ở

Philippines. Đó không phải là khoảnh khắc dễ chịu nhất trong đời tôi. Chúng tôi ở lại đêm đó trong một khách sạn, trong khi tôi tìm thợ sửa ống nước và thợ mộc có thể làm cho ngôi nhà trở nên đáng sống. Sự ra đi của tôi khiến gia đình mắc kẹt giữa một mớ hỗn độn của giá đỡ, gỗ và đồ đạc hệ thống ống nước, chỉ được trấn an một cách mơ hồ bằng lời cam kết của tôi là sẽ không bao giờ cố gắng sửa sang lại nhà nữa.

Có lẽ ký ức sống động mà tôi mang theo về sự xa xỉ của chuyến bay đến Philippines xuất phát từ cảm giác tội lỗi của tôi về tình trạng mà tôi đã để lại ngôi nhà đó. Nó gần như là trốn học để đi chiến đấu.

GHI CHÚ

NÚI ARAYAT. Núi Arayat, nơi lực lượng Huk chiến đấu với người Nhật và sau đó chiến đấu với Hiến binh Philippines, có một lịch sử lâu dài về việc sử dụng du kích. Các trận chiến đẫm máu trước đó đã được chiến đấu bởi du kích Philippines chống lại một đội quân thực dân Tây Ban Nha vào thế kỷ XIX và với Quân đội Hoa Kỳ trong cái gọi là Cuộc nổi dậy Philippines. Du kích đã thua những trận chiến trước đó.

CỘNG SẢN. Các đảng Cộng sản ở Philippines và ở Việt Nam có những khởi đầu gần như song sinh. Sau các cuộc đấu tranh tổ chức vào những năm 1920, mỗi bên đã xoay sở để giải quyết các vấn đề nội bộ của mình đủ để đáp ứng các tiêu chuẩn do Quốc tế Cộng sản lần thứ ba hay Comintern đặt ra. Mỗi bên với khoảng một ngàn rưỡi thành viên mang thẻ vào thời điểm đó đã được Comintern chính thức công nhận vào năm 1930.

CHƯƠNG HAI

* *

TÌM HIỂU VỀ KẼ THÙ

Manila có lẽ đang tạo dáng cho một áp phích du lịch vào cái ngày nhiệt đới, ngập nắng mà tôi đến vào năm 1950 đó. Tôi nheo mắt nhìn vào ánh sáng chói lòa. Tôi muốn nắm bắt mọi inch có thể của khung cảnh quen thuộc khi một chiếc xe nhân viên chở tôi từ sân bay đi xuyên qua trung tâm thành phố đến vùng ngoại ô phía đông và trụ sở của JUSMAG (Joint U.S. Military Advisory Group), nơi tôi sẽ đóng quân.

Thủ đô của một nước cộng hòa với hai mươi triệu dân và bảy ngàn hòn đảo dường như vẫn như lúc tôi rời đi hai năm trước. Hầu hết một triệu cư dân của thành phố đang thể hiện sự sống động của họ vào ngày hôm đó. Đường phố đông đúc. Jeepneys lượn lờ từ làn đường này sang làn đường khác trong dòng xe cộ bận rộn kiểu Mỹ, tạo nên một nhịp điệu khiêu vũ cho những hành khách

đúng đưa của phương tiện xe buýt nhỏ (jitney) phóng khoáng kiểu Philippines này được cải biến từ xe jeep của Quân đội Hoa Kỳ. Người dân dọc theo vỉa hè đang cười nói vui vẻ. Khắp nơi, radio phát ra âm thanh lớn nhất có thể, cạnh tranh ồn ào với radio của hàng xóm, cũng to không kém, được điều chỉnh theo các đài khác nhau trong một nền dân chủ điện tử hào phóng, vui vẻ. Nó tạo ra một sự chào đón rục rờ và náo nhiệt cho tôi. Tuy nhiên, đây chẳng phải là một thành phố bị vây quanh bởi chiến tranh sao? Nó không hề thể hiện điều đó. Người dân Manila dường như không nhận thức được thực tế như những người bạn đồng hành của tôi trên chuyến bay từ Hoa Kỳ.

JUSMAG thêm một chút ngoại ô vào bức tranh hòa bình. Nó nằm ngay bên ngoài thành phố, trong một khu phát triển nhà ở dành cho các gia đình thượng lưu trung lưu. Bản thân khu nhà ở này có vài chục ngôi nhà được xây dựng vào cuối Thế chiến thứ hai theo một thiết kế đồng nhất, các tòa nhà hai tầng bằng khung gỗ và nhà gỗ một tầng nằm trên bãi cỏ rộng dọc theo những con đường quanh co. Khoảng hơn chục ngôi nhà ở một đầu được bao quanh bởi một hàng rào dây thép gai. Khu vực biệt lập này là khuôn viên

JUSMAG nơi các sĩ quan Mỹ sinh sống. Gần đó là văn phòng trụ sở JUSMAG, sử dụng tòa nhà đã từng là nơi đặt công ty phát triển đất đai. Chiếc xe nhân viên chở tôi qua cổng khuôn viên JUSMAG, đi qua một bốt gác mà từ bên trong râm mát, một người lính Quân đội Philippines nhìn ra với sự tò mò nhàn rỗi hơn là sự cảnh giác quân sự và dọc theo một con đường đến một ngôi nhà hai tầng. Người lái xe giúp tôi khuôn hành lý nặng trĩu, chủ yếu là thiết bị và sách hướng dẫn kỹ thuật mà tôi đã kiếm được ở Washington, vào ngôi nhà trống. Anh ta giải thích rằng tòa nhà này sẽ là nơi ở cho đội của tôi và tôi.

Phần còn lại của ngày hôm đó và toàn bộ ngày hôm sau đều dành cho các nhiệm vụ nghi thức. Tôi báo cáo tại trụ sở JUSMAG, gặp Tướng Leland Hobbs, trưởng nhóm, người đã chào đón tôi một cách nồng nhiệt, thân thiện và giao cho tôi nhiệm vụ cố vấn về tình báo quân sự. Vì đây là dịch vụ ban đầu mà Tổng thống Elpidio Quirino yêu cầu tôi thực hiện, nên theo phép lịch sự, tôi cần phải đến gặp ông ấy, và điều đó đồng nghĩa với việc tôi cần phải đến gặp đại sứ Hoa Kỳ trước. Tôi gặp Đại sứ Myron Cowen, người đã giới thiệu tôi với nhân viên đại sứ quán của ông ấy; họ đã báo cáo tóm tắt cho tôi về

quan điểm của họ về tình hình ở Philippines. Tổng thống Quirino làm tôi ngạc nhiên; khi tôi đến gặp ông vào thời gian đã định, ông đang chủ trì một cuộc họp nội các. Tôi được yêu cầu “vào ngay và ngồi xuống.” Ông ấy và các quan chức của ông đã báo cáo tóm tắt cho tôi về cách họ nhìn nhận tình hình. Vắng mặt trong cuộc họp nội các này là Ramon Magsaysay, người đã được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Quốc phòng vào tuần trước, ngày 1 tháng 9. Tôi nhớ lại chuyến thăm Washington của anh ta với tư cách là nghị sĩ và những ý tưởng của anh ta về các hoạt động chống lại du kích, và tôi đã chúc mừng tổng thống về việc bổ nhiệm. Tổng thống Quirino giải thích rằng Magsaysay đang “ở ngoài thực địa” và hy vọng rằng tôi sẽ sớm gặp anh ta; có lẽ tôi có thể giúp đỡ anh ta một chút. Sau cuộc gặp tổng thống này, tôi lái xe đến trụ sở Lực lượng Vũ trang Philippines tại Trại Murphy, ở ngoại ô thị trấn, nơi tôi đến gặp Tướng Mariano Castaneda, tham mưu trưởng, cũng như các sĩ quan của Bộ Tổng tham mưu. Họ cũng báo cáo tóm tắt cho tôi về các điều kiện ở Philippines.

Nói cách khác, những giờ đầu tiên của tôi ở Philippines vào năm 1950 được dành để gặp gỡ hầu hết các quan chức hàng đầu của

một quốc gia vừa độc lập được bốn năm và với các quan chức cấp cao tại địa phương của quốc gia đã hướng dẫn quốc gia mới độc lập này về quyền tự trị. Tất cả đều đầy tin tức về mối đe dọa mà Huks Cộng sản gây ra cho quốc gia non trẻ. Tuy nhiên, điều kỳ lạ là các quan chức Philippines và Mỹ hầu như không đề cập đến các yếu tố chính trị và xã hội trong các báo cáo tóm tắt của tôi. Họ tập trung gần như hoàn toàn vào tình hình quân sự. Cứ như thể các vấn đề quân sự là yếu tố hữu hình duy nhất mà họ có thể nắm bắt, giống như những người chủ cửa hàng lo lắng về việc phá sản và đếm hàng hóa trên kệ thay vì suy nghĩ cách để thu hút khách hàng quay lại.

Tôi được kể chi tiết kinh hoàng về các hành động quân sự gần đây, việc bố trí quân đội và các câu chuyện khác nhau về kẻ thù. Các cuộc chạm trán chính trong những ngày qua nằm trong khoảng cách lái xe dễ dàng từ thủ đô, từ vùng ngoại ô thị trấn đến khoảng tám mươi dặm về phía bắc. Các hoạt động nhỏ hơn được báo cáo ở các khu vực ngay phía đông thành phố và về phía nam. Một phần lớn lực lượng chính phủ đã được tập trung trong một vòng tròn xung quanh Manila, cũng như ở các thị trấn lớn

hơn của các tỉnh bị đe dọa, rõ ràng là một tư thế phòng thủ, một vị trí dựa lưng vào tường. Tuy nhiên, các yếu tố đã có sẵn cho một hành động năng động hơn nhiều từ phía chính phủ so với những gì đang được thực hiện, ngay cả theo nghĩa quân sự nghiêm ngặt. Vào mùa xuân năm 1950, Hiến binh Philippines (lực lượng cảnh sát quốc gia đã gánh vác gánh nặng chiến đấu chống lại Huks cho đến lúc đó) đã được chuyển từ Bộ Nội vụ và trở thành một phần của Lực lượng Vũ trang Philippines, dưới Bộ Quốc phòng. Điều này đã nâng sức mạnh của lực lượng vũ trang lên 50.000 người. Với sự thay đổi này, lực lượng vũ trang được giao nhiệm vụ đối phó với Cuộc nổi dậy Huk. Có đủ người để làm công việc này nếu tinh thần và chiến thuật của họ quyết định như vậy.

Một khái niệm tổ chức mới đã mở ra những khả năng. Đó là BCT hay Đội Chiến đấu Tiểu đoàn (Battalion Combat Team). Trước mùa xuân năm 1950, chính phủ đã bảo vệ các thị trấn và đường cao tốc bằng các đơn vị hiến binh cấp đại đội, kết hợp một số đại đội này bất cứ khi nào họ cố gắng thực hiện một hành động tấn công chống lại Huks. Mùa xuân năm 1950, ngay trước khi tôi đến, chứng kiến sự khởi đầu của mười

BCT đầu tiên. Một BCT là một tiểu đoàn bộ binh có hỏa lực và nhân lực nhiều hơn bình thường vào thời điểm đó; nó bao gồm ba đại đội bộ binh, mỗi đại đội 110 người, một đại đội vũ khí hạng nặng, một đại đội trinh sát với xe bọc thép, một đại đội sở chỉ huy và phục vụ, và một khẩu đội pháo binh. Mỗi BCT, ngay sau khi được thành lập và huấn luyện, được giao trách nhiệm cho một khu vực trong các tỉnh. Các BCT đầu tiên đi vào các tỉnh ngay phía bắc Manila, một số được giao trách nhiệm một nửa hoặc một phần ba tỉnh, những người khác cho toàn bộ một tỉnh, tùy thuộc vào tình hình và khả năng ước tính của quân đội. Ý tưởng là một BCT sẽ không ngồi yên và chờ Huks đến với họ mà sẽ tích cực tìm kiếm và giao chiến với chúng, khiến cuộc sống du kích trở nên khó khăn cho kẻ thù.

Tổ chức để hoàn thành công việc là một chuyện. Việc có một đội quân thực hiện chúng thành công lại là một chuyện khác, và điều này đòi hỏi khả năng lãnh đạo. Nhà lãnh đạo quân sự của Lực lượng Vũ trang Philippines là một sĩ quan hiến binh quy ước, Tướng Castaneda, người đàn ông đã dẫn dắt cuộc đấu tranh xuống dốc của chính phủ chống lại Huks. Đối với tôi, có vẻ hiển nhiên

là chiến thuật của ông ta sẽ không thay đổi. Khi ông ta tấn công, ông ta ưu tiên một cuộc bao vây nặng nề một khu vực được báo cáo là có Huks, sử dụng một cuộc “quét” bằng bộ binh để thắt chặt vòng tròn thành một “bãi giết chóc” nhỏ hơn, sau đó pháo binh sẽ khai hỏa, làm hài lòng tất cả những ai yêu thích pháo hoa ồn ào. Việc những người Huks cơ động, khó nắm bắt sẽ né tránh khỏi vòng vây chậm chạp ngay từ đầu và sau đó xem pháo hoa từ một khoảng cách an toàn dường như không thành vấn đề. Tiếng sấm và ánh chớp của pháo binh rõ ràng là một kết thúc thỏa mãn của chính phủ, với quân đội sau đó vui vẻ trở về trại của họ trong khi trụ sở chính thông báo một con số thương vong của kẻ thù được bịa ra (plucked-out-of-the-air). Đó là sự phô trương, nhưng nó không đánh bại được Huks.

Nhà lãnh đạo hàng đầu khác trong gia đình quân đội là Bộ trưởng Quốc phòng, Ramon Magsaysay, chính trị gia dân sự mới nhậm chức được một tuần. Mặc dù anh ta đã chiến đấu như một du kích chống lại người Nhật, nhưng bằng chứng của anh ta về bất cứ điều gì ngoài chính trị còn lâu mới được giới chuyên nghiệp quân sự chấp nhận. Về mặt uy tín, phòng làm việc lớn nhất tại trụ sở được

Tướng Castaneda chiếm giữ. Magsaysay đã từ bỏ văn phòng thư ký thông thường ở trung tâm Manila và chuyển đến trụ sở quân đội nhưng đã phải tranh luận gay gắt để được cấp một văn phòng nhỏ trên phòng khiêu vũ trong Câu lạc bộ Sĩ quan. Tôi ghé qua văn phòng của anh ta, nhưng anh ta không có ở đó. Nhân viên của anh ta nói rằng anh ta đang đi kiểm tra các đơn vị. Anh ta nằm trong danh sách “phải gặp” của tôi. Trong đánh giá của riêng tôi, anh ta có những phẩm chất rất cần thiết trong cuộc chiến chống lại Huks. Anh ta biết những nỗi sợ hãi và thất vọng của cuộc sống du kích từ kinh nghiệm trực tiếp; anh ta gần gũi với người dân từ cả công việc hàng ngày với cử tri với tư cách là nghị sĩ và từ những ngày anh ta quản lý một công ty xe buýt trong lãnh thổ hiện là chiến trường Huk; và anh ta nắm vững các vấn đề quân sự hiện tại từ nhiệm kỳ làm chủ tịch Ủy ban Quốc phòng Hạ viện, vị trí mà anh ta đã từ bỏ vào tuần trước.

Trong các cuộc gặp nghi thức của tôi, Huks thường xuyên được nhắc đến. Họ hiện lên như những nhân vật mờ ảo, vô hồn trong những lời bình luận của các quan chức cấp cao. Số lượng của họ được đặt là “khoảng một nghìn” hoặc “không quá năm

ngìn.” Mặc dù Huks được mô tả là những tên cướp lang thang khắp vùng nông thôn, hoặc là những người đàn ông giả làm nông dân trên cánh đồng, những người sẽ cầm vũ khí mà họ đã giấu và phục kích các phương tiện đơn độc bất cứ khi nào có cơ hội, có một giọng điệu sợ hãi tiềm ẩn trong mô tả của các quan chức cho thấy mối đe dọa Huk lớn hơn nhiều so với những quan điểm đơn giản đó. Chắc chắn, tôi cảm thấy nỗi đau khổ bối rối trong giọng nói của họ khi họ mô tả một số cuộc tấn công dã man hơn của Huk. Bầu không khí mà giới quan chức sống ở thủ đô khiến tôi cảm thấy kỳ lạ không có thật, như thể họ ghét phải thừa nhận lớn tiếng rằng họ đang bị kẻ thù vây hãm bên trong thị trấn.

Hương vị phi thực tế đã được tăng cường bởi một quan chức Mỹ mà tôi đã nói chuyện cùng. Ông ta trịnh trọng nói với tôi rằng ông ta tin rằng chỉ có khoảng một trăm Huks, tất cả đều sống ở Manila. Theo lý thuyết của ông ta, Huks sẽ đi lại bằng xe buýt vào vùng nông thôn để đột kích và phục kích, sau đó quay trở lại thị trấn. Ông ta ám chỉ một cách bí ẩn về sự thông đồng khi tôi hỏi ông ta làm thế nào những hành khách xe buýt như vậy có thể đi lại tự do qua nhiều trạm kiểm soát quân sự trên những con đường dẫn vào thành

phố. Sau đó tôi tránh ông ta và những điều vô nghĩa của ông ta. Thông tin về những gì thực sự đang xảy ra đã đủ mơ hồ mà không cần phải làm cho nó mơ hồ hơn.

Các chuyến thăm của tôi với các cơ quan tình báo Philippines đã đưa tôi vào một thế giới thực tế hơn. Họ cho tôi xem danh sách “thứ tự chiến đấu của kẻ thù” và bản đồ của họ, bao gồm ảnh của nhiều chỉ huy Huk. Có những khoảng trống trong thông tin mà họ đã thu thập được trong những tháng qua, với rất nhiều công việc khó khăn và rủi ro. Một số thông tin không được cập nhật như họ mong muốn. Tuy nhiên, họ đã tổng hợp được một lượng dữ liệu ấn tượng, và tôi ngưỡng mộ sự trung thực thẳng thắn trong đánh giá của họ về những dữ liệu này. Khi tôi hỏi họ tại sao rất nhiều quan chức cấp cao lại có những quan niệm khác nhau về Huks, họ nhún vai bối rối. Họ nói rằng họ thường xuyên thông báo cho các quan chức cấp cao. Tôi kết luận rằng giá trị của các cơ quan tình báo đang bị những người đưa ra quyết định của chính phủ đánh giá thấp một cách tồi tệ. Đó là một tình huống đáng được sửa chữa. Bước đầu tiên của tôi để làm như vậy là nói với Tổng thống Quirino về những gì có sẵn.

Các sĩ quan tình báo cũng xác nhận rằng Huks vẫn đang thực hành kỷ luật sắt và tự phê bình theo kiểu Pavlov mà tôi đã ghi nhận trong những năm trước. Kỷ luật sắt là hình phạt khắc nghiệt, bao gồm cả cái chết, được các sĩ quan tiểu đoàn Huk ban hành một cách tùy tiện đối với những hành vi vi phạm các quy tắc du kích. Vụ việc về một tân binh Huk tuổi teen mà chỉ huy của anh ta bắt anh ta săn lùng và giết người bạn thời thơ ấu thân thiết nhất của mình, người đã lên đi thăm nhà qua đêm mà không xin phép, vẫn còn sống động trong ký ức của tôi; vụ giết người được thực hiện trước mắt gia đình cậu bé, những người đã kể cho tôi nghe về nó. Nó khiến tân binh tuổi teen trở thành kẻ ngoài vòng pháp luật đối với những người hàng xóm cũ và gắn chặt anh ta vào hàng ngũ Huk vĩnh viễn. Tự phê bình diễn ra trong các buổi họp do cán bộ chính trị Huk tổ chức. Mỗi thành viên của một tiểu đoàn sẽ đứng trước đồng chí của mình và, thể hiện sự xấu hổ, công khai thú nhận những suy nghĩ hoặc hành động biện chứng không đúng đắn của mình. Các buổi họp được tổ chức sau mỗi hành động chiến đấu và làm rất nhiều để điều kiện hóa sự kiên quyết của các cá nhân cho cuộc tấn công tiếp theo.

Việc thống kê số lượng mà các sĩ quan tình báo cung cấp cho tôi thật đáng suy ngẫm. Có hơn mười nghìn người có vũ trang trong lực lượng Huk, và giới lãnh đạo Cộng sản đang nỗ lực mạnh mẽ để tăng con số này. Người dân ở các tỉnh gần Manila, đặc biệt là những tỉnh ngay phía bắc thành phố, đang được lôi kéo ủng hộ quân đội du kích Huk như của chính họ. Huks gọi những người này là “quần chúng có tổ chức” và phụ thuộc vào họ về thức ăn, tiền bạc, chỗ ở và thông tin về lực lượng chính phủ. Số lượng của họ lên đến hàng nghìn. Ở cấp cao nhất, chỉ đạo toàn bộ nỗ lực này, là một nhóm các quan chức Đảng Cộng sản Philippines có kỷ luật, Bộ Chính trị. Nổi bật trong số các thành viên Bộ Chính trị là hai người theo chủ nghĩa Stalin, anh em nhà Lava, cũng như Tổng tư lệnh Huk Luis Taruc và một số người khác. Tất cả họ đều đã trốn thoát thành công, bắt chắp những nỗ lực liên tục để xác định vị trí của họ.

Vài ngày sau cuộc họp giao ban ban đầu này, các cơ quan tình báo Philippines đã nhận được một món quà bất ngờ đáng kinh ngạc về thông tin chi tiết về Huks. Tôi sẽ kể về món quà bất ngờ này ở đúng vị trí của nó. Còn bây giờ, vấn đề là thông tin mà các cơ

quan tình báo cung cấp cho tôi hóa ra là bảo thủ (conservative) một cách rõ rệt, mặc dù nó vẽ ra một bức tranh đen tối hơn so với các quan chức cấp cao. Huks mạnh hơn vào thời điểm đó so với bất kỳ ai trong chúng tôi biết.

Các cuộc họp giao ban trong giới quan chức khiến tôi không hài lòng. Chúng không trả lời được một số câu hỏi thích đáng. Điều gì đã khiến một thanh niên Huk giết anh trai người Philippines của mình trong hàng ngũ chính phủ? Điều gì sẽ khiến anh ta ngừng làm điều này? Câu trả lời của chính phủ là giết, làm tàn tật hoặc bắt giữ anh ta. Không có gì ngoài điều này sao? Quan trọng hơn, tại sao rất nhiều công dân lại ủng hộ nỗ lực của Huk nhằm tiêu diệt một chính phủ được thành lập theo hiến pháp, trong đó tuyên bố rằng nó phải đại diện đầy đủ cho chính những công dân này? Việc cưỡng chế những công dân này bằng khủng bố không thể là câu trả lời duy nhất. Phải có một cái gì đó khác. Huks tuân theo lời răn của Mao về việc du kích đối xử với người dân như thể họ là “nước” mà “cá” du kích bơi và sống sót. Vậy thì, đây có phải là lý do cho sự ủng hộ phổ biến của Huks không? Tại sao mọi người không ủng hộ lực lượng chính phủ thay vào đó?

Trong những ngày tiếp theo, tôi dành mọi khoảnh khắc có thể để tìm kiếm manh mối cho những câu trả lời. Tôi bắt đầu ở Manila, tìm gặp những người bạn nhà báo để nói chuyện riêng về các điều kiện ở Philippines. Tôi thấy rằng các nhà xuất bản, biên tập viên, người viết chuyên mục và phóng viên mà tôi từng biết là một nhóm sôi nổi và thẳng thắn, giờ đây lại tỏ ra bồn chồn một cách kỳ lạ và không quen giữ kín khi chúng tôi nói về tình hình. Dần dần, tôi có được quan điểm của họ. Nội dung chính của những gì họ nói là rất xấu xí. Họ nói với tôi rằng chính phủ Quirino thối nát vì tham nhũng; rằng nó đã giành chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1949 bằng hành vi gian lận trên diện rộng (“thậm chí đếm cả chim chóc và hoa ở Mindanao là phiếu bầu”); rằng anh trai của tổng thống, Tony, có một đội côn đồ để dọa những người chỉ trích phải im lặng; rằng Magsaysay có thể là một ngoại lệ – một người “tốt” trong chính phủ – nhưng sẽ không có quyền lực để thay đổi một quân đoàn sĩ quan đã ăn sâu bén rễ trong quân đội; rằng hành vi kiêu ngạo đã khiến quân đội bị người dân ghét và sợ hãi; rằng “những hành động tàn bạo” của Huk được chính những gì chính phủ đang làm sánh ngang;

rằng có những người thông minh trong số các nhà lãnh đạo Huk; và rằng Huks sẽ thắng trong nay mai. Mỗi nhà báo đều cầu xin tôi không được trích dẫn tên của họ.

Trong số những người bạn này có một nhà xuất bản mà tôi từ lâu đã cảm thấy là một trong những người am hiểu nhất ở Philippines. Tôi hỏi ông ấy tại sao mọi người dường như rất sợ hãi, ngay cả trong các cuộc trò chuyện riêng tư. Lúc đó, hai chúng tôi đang ở một mình giữa phòng khách – *sala* – của nhà ông ấy. Chúng tôi ngồi gần nhau. Tôi đã nói bằng giọng thì thầm để giọng nói của tôi không bị truyền đi. Ông ấy nhìn ngạc nhiên trước câu hỏi và lắc đầu không. Lặng lẽ, ông ấy đứng dậy, ra hiệu cho tôi và bước ra khỏi cửa. Tôi lặng lẽ đi theo ông ấy. Ông ấy đi ra khỏi nhà đến góc xa nhất của khu vườn, một mảng tối phía sau một số bụi cây. Ông ấy đợi cho đến khi tôi đến gần ông ấy. Sau đó, ông ấy nói với tôi bằng những lời thì thầm giận dữ. Tôi đã làm ông ấy lo lắng khi hỏi về nỗi sợ hãi. Bất cứ ai cũng có thể gắn thiết bị nghe lén vào nhà ông ấy bằng một micro ẩn hoặc có người nghe lén dưới cửa sổ phòng. Ngoài bản thân ông ấy, ông ấy còn có một gia đình có thể bị bắt cóc hoặc giết chết. Chết tiệt, ông ấy sợ những tên côn đồ của

Tony. Chết tiệt, ông ấy sợ các đội xử bắn của Huk. Và chết tiệt, ông ấy sợ nói chuyện với tôi vì an ninh của các văn phòng Mỹ, chẳng hạn như những văn phòng tại JUSMAG và đại sứ quán, là một trò đùa chua chát. Tôi có lẽ sẽ viết một báo cáo mà Tướng Hobbs và Đại sứ Cowen sẽ cắt trong kết sắt của họ. Chính ông ấy biết những người có liên quan đến Huks, những người có thể lấy báo cáo của tôi ra khỏi những chiếc kết sắt đó gần như ngay lập tức. Ông ấy đề nghị lấy bất kỳ tài liệu tối mật nào tôi muốn từ những chiếc kết sắt đó, với chi phí chỉ một trăm peso.

Bị làm phiền bởi những gì tôi đã biết, tôi đã trình bày những điểm nổi bật quan trọng cho Đại sứ Cowen và Tướng Hobbs mà không tiết lộ tên của các nhà báo mà tôi đã nói chuyện. Họ hoài nghi về việc văn phòng của họ bị báo cáo là không an toàn nhưng đồng ý thay đổi quy trình an ninh và mật mã kết sắt của họ. Sau đó, khi tôi phải giữ hồ sơ cá nhân tại văn phòng, tôi đã chọn không gian lưu trữ an toàn nhất tại JUSMAG, tủ đựng rượu của nhân viên JUSMAG. Nó được bảo vệ một cách nhiệt thành. Tôi thấy các hộp đựng hồ sơ chống giả mạo vừa khít vào các thùng gỗ rỗng để vận chuyển scotch và bourbon. Dây thép xung quanh những chiếc thùng này

khiến chúng trông như mới. Tên tôi được vẽ trên đỉnh làm cho những chiếc thùng này trở thành tài sản cá nhân của tôi. Quy trình lưu trữ như vậy không có trong bất kỳ sổ tay an ninh nào, nhưng nó rất thực tế.

Những gì các nhà báo ở Manila đã nói với tôi đã đủ tồi tệ. Điều tồi tệ hơn đang chờ đợi tôi ở vùng nông thôn. Tôi quyết định tìm hiểu xem người dân địa phương nghĩ gì về một trong những “hành động tàn bạo” được kể lại cho tôi trong các cuộc họp giao ban chính thức. Đó là một cuộc tấn công của Huk vào một đồn quân sự, Trại Makabulos, và Bệnh viện 11 của nó ở ngoại ô Tarlac, cách Manila khoảng bảy mươi dặm về phía bắc, vào ngày 26 tháng 8 năm 1950. Ngoài một số ít thư ký và lính gác của trụ sở, nhân viên của trại chủ yếu bao gồm bác sĩ, y tá và bệnh nhân. Hai trăm Huks dưới sự chỉ huy của Silvestre Liwanag bất ngờ tràn vào khu vực bệnh viện, giết chết hai mươi ba quân nhân và bảy thường dân đang thăm bệnh viện. Một số bệnh nhân, nằm bất lực trên giường bệnh, đã bị chặt thành từng mảnh bằng dao *bolo* và lưới lê. Các y tá đã bị hãm hiếp. Sau đó, trại đã bị đốt cháy khi Huks rời đi với chiến lợi phẩm là vật tư y tế và tiền từ túi và bàn cạnh giường của các nạn nhân.

Đó là một câu chuyện kinh tởm, một hành động đáng hổ thẹn ngay cả đối với du kích.

Các quân nhân Philippines, tất nhiên, đã nói một cách giận dữ khi họ kể cho tôi nghe về Makabulos, và một số người có ánh mắt xa xăm như thể họ có thể thấy mình bị thương trong tương lai, nằm bất lực trên giường bệnh và dễ bị tổn thương trước sự man rợ như vậy. Suy nghĩ đáng lo ngại này dường như là điểm mà kẻ thù đã cố gắng tạo ra bằng cuộc tấn công.

Tôi lái xe đến Tarlac và ở lại một đêm với bạn bè, nơi tôi gặp và nói chuyện với một số người dân thị trấn. Tôi đưa ra chủ đề về cuộc tấn công ngày 26 tháng 8 vào Trại Makabulos. Họ sẵn sàng nói về nó, nói về Huks với sự ngưỡng mộ đáng kể. Tôi đã sẵn sàng cho những phản ứng kinh hoàng hoặc sợ hãi, chứ không phải sự ngưỡng mộ. Đó là một cú sốc thô bạo.

Người dân thị trấn kể về cách Huks đã xâm nhập Tarlac, đơn lẻ hoặc theo nhóm nhỏ, trong ngày. Một số đã trốn trong các rạp chiếu phim, ngồi xem đi xem lại cùng một bộ phim trong suốt giờ ban ngày. Những người khác đã trốn với gia đình và bạn bè, có những cuộc đoàn tụ bí mật nhưng vui vẻ đầy đủ thức ăn và đồ uống. Sau khi trời tối, Huks

đi ra đường phố thị trấn và chiếm lấy nó. Họ yêu cầu người dân một cách lịch sự và thân thiện đi vào nhà và ở đó, vì sắp có một số vụ nổ súng chống lại những kẻ tay sai của chính phủ và họ không muốn bất kỳ người dân nào bị thương. Với Tarlac bị chiếm đóng và người dân thị trấn ẩn nấp trong nhà của họ, Huks sau đó tấn công Trại Makabulos và Bệnh viện 11. Họ cũng đột nhập vào nhà tù tỉnh, giải thoát bốn mươi bảy tù nhân. Chỉ huy trại Makabulos sống trong thị trấn với gia đình. Ông ta bị Huks bắt, đưa ra đường trước nhà, bắt quỳ gối, và sau đó bị bắn chết. Vợ con ông ta đã khóc, nhưng họ không bị thương, bị nhốt trong nhà.

Khi tôi nghe những câu chuyện này, cảm xúc của chính tôi đã bị khuấy động và tôi đã bày tỏ chúng. Tôi đang ở giữa bạn bè. Làm sao họ có thể mù quáng ngưỡng mộ giết người và hãm hiếp? Những người lính quân đội và hiến binh nằm trong bệnh viện ban đầu đã đến đó với những vết thương phải chịu đựng khi bảo vệ người dân. Chỉ huy trại và gia đình ông ta đã là hàng xóm của họ trong nhiều tháng. Huks đã thực hiện một hành động thái quá chống lại chính người dân. Thật là một trò lừa bịp tàn nhẫn khi miêu tả những kẻ giết người như vậy là anh hùng.

Tôi đã nhận được những lời phản bác sắc bén. Tôi đã đi vắng ở Mỹ và đã không thấy nhiều hành động vô cảm của chính phủ và quân đội của nó chống lại người dân. Quân đội không phải là người bảo vệ người dân. Hoàn toàn không. Vàng, viên chỉ huy là hàng xóm, nhưng hầu như không ai biết ông ta. Bạn bè của ông ta là những người lính tại trại, chứ không phải người dân thị trấn. Có lẽ ông ta và những người bị thương tại trại không nên bị giết theo cách đó, nhưng họ đại diện cho một cái gì đó chuyên chế và dù sao cũng sẽ bị giết. Đó là một chính phủ của một số ít đặc quyền, chứ không phải của nhân dân. Quân đội chỉ bảo vệ số ít này và gây chiến với nhân dân. Hãy nhìn những gì đã xảy ra ở các thị trấn nơi quân đội tìm kiếm Huks. Chính người dân là những người bị tổn thương. Hãy nhìn vào cách nông dân đang mất tất cả những gì họ sở hữu thông qua tiền thuê cao, các quyết định trong các tòa án đất đai luôn ủng hộ chủ đất, những kẻ cho vay nặng lãi đã tính lãi suất ngày càng tăng trên các khoản nợ nhỏ ban đầu của cha họ. Người dân thị trấn đã đi bỏ phiếu vào năm 1949 và bầu cho các đại diện có thể thay đổi tất cả những điều này. Điều gì đã xảy ra? Không có gì. Họ đã bị lừa. Cuộc bầu

cử đã bị gian lận, đưa những kẻ tham nhũng lên nắm quyền. Tất nhiên người dân đang tham gia và giúp đỡ Huks. Huks đã đúng. Điều duy nhất còn lại cho người dân là sử dụng đạn, chứ không phải phiếu bầu, để có được một chính phủ của riêng họ. Nó sẽ xảy ra, một điều chắc chắn. Huks thực sự đại diện cho “làn sóng của tương lai.”

Người dân ở cách các văn phòng chính phủ ở Manila bảy mươi dặm đã nói như vậy. Những lời của họ khiến tôi u sầu. Tôi bắt đầu sắp xếp lại những gì tôi đã học được kể từ khi trở lại Philippines. Các quan chức chính phủ nói về việc tái lập “luật pháp và trật tự,” nhưng dường như mù quáng trước sự bất công trong việc thực thi luật pháp và sự mất cân bằng thành kiến của trật tự mà họ mong muốn. Người dân muốn được cai trị bởi chính họ (những người mà họ bắt đầu tin rằng Huks đại diện) và mù quáng trước kiểu cai trị mà Huks đang lên kế hoạch cho thời điểm sau khi họ nắm quyền với sự giúp đỡ của người dân. Đó sẽ là một chính phủ của một “số ít đặc quyền” khác và cứng rắn hơn, áp đặt hình thức bất công của riêng họ, được hỗ trợ bởi một lực lượng thậm chí còn tàn nhẫn hơn những gì người dân từng thấy. Chắc chắn những nguyên tắc mà tôi tin

tưởng, quyền của con người với tư cách là một cá nhân tự do, nằm giữa địa hình xã hội và chính trị hỗn loạn gay gắt như vậy!

Tôi rời Tarlac sớm vào buổi sáng để đến Manila. Tôi lái xe qua những chiếc *kariton*, những chiếc xe nhỏ kéo bằng những con ngựa nhỏ của vùng nông thôn Luzon, chất đầy nông sản trên đường ra chợ. Ở chợ, những người phụ nữ lớn tuổi đã bắt đầu nhóm bếp than củi bên vệ đường và nướng *bibingka* buổi sáng trong lá chuối tươi. Tôi dừng lại để mua một trong những chiếc bánh ngon lành này. Khi tôi đang ăn, một luật sư địa phương mà tôi biết lái xe đến và hét lên chào. Tôi mời ông ấy tham gia cùng tôi.

Trong khi ăn *bibingka*, tôi nói rằng tôi nghe nói ông ấy đã trở thành một chính trị gia. “Không thưa ông, không phải tôi,” ông ấy từ chối, “không bao giờ nữa!” Ông ấy kể cho tôi nghe về chiến dịch tranh cử vào Quốc hội của mình năm trước, nói thêm với một tràng cười rằng Đảng Tự do (đảng của chính quyền Quirino đang nắm quyền) đã dạy cho ông ấy rằng ông ấy hoàn toàn không biết gì về số học chính trị. “Tôi đang cười,” ông ấy nói với tôi, “nhưng đó thực sự là một câu chuyện buồn. Họ thậm chí còn không cho mẹ già tội nghiệp của tôi bỏ phiếu. Tôi biết

bà ấy đã đến phòng bỏ phiếu và bỏ phiếu của mình. Tôi cũng biết rằng tôi là ứng cử viên yêu thích của bà ấy và bà ấy sẽ bỏ phiếu cho tôi. Bà ấy nói với tôi rằng bà ấy đã làm như vậy và mẹ không bao giờ nói dối tôi. Hơn nữa, tôi biết rằng tôi đã bỏ phiếu cho ứng cử viên yêu thích, chính tôi. Tuy nhiên, khi kết quả kiểm phiếu được công bố, tôi chỉ có một phiếu được ghi tên! Ông không nghĩ rằng họ nên có sự tử tế để cho tôi ít nhất hai phiếu sao? Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho họ vì đã cướp đi lá phiếu của mẹ tôi!” Vì tôi biết rằng bạn tôi là một trong những luật sư trẻ nổi tiếng nhất ở miền trung Luzon, nổi tiếng vì sự giúp đỡ pháp lý của ông ấy đối với nông dân, nên thông điệp mỉa mai của ông ấy rất lớn và rõ ràng. Có lẽ hàng ngàn phiếu bầu cho ông ấy đã bị “thất lạc” trước khi kết quả được kiểm.

Tôi lái xe vào Manila. Ngay sau Đài tưởng niệm Rizal trên Đường Bắc trong vùng ngoại ô thành phố, tôi nhận thấy một đám xe buýt và xe tải dừng lại bên lề đường, nơi cảnh sát địa phương có trạm kiểm soát. Cảnh sát đang nói chuyện với các tài xế. Tiền đang được các tài xế trao cho, một khoản cống nạp không chính thức và bất hợp pháp nhỏ mà họ trả để vào thành phố. Tôi đã thấy việc

thu tiền *pabaksak* này thường xuyên trước đây và biết rằng cảnh sát chia sẻ số tiền thu được với nhiều đồng đội của họ để tăng thêm mức lương ít ỏi của họ. Vào buổi sáng này, cảnh tượng trở nên có ý nghĩa hơn. Người dân phải đang nghĩ gì về tất cả những người mặc đồng phục đại diện cho chính quyền!

Đột nhiên có một tiếng còi cảnh sát nổ. Giật mình, tôi chú ý muộn đến việc lái xe của mình. Một cảnh sát giao thông vừa thay đổi tín hiệu của mình tại giao lộ. Tôi đạp phanh, dừng lại cách giao lộ vài feet. Khi những người đi bộ đi vòng quanh xe của tôi, viên cảnh sát giao thông bước xuống bực của mình ở trung tâm giao lộ và sai bước về phía tôi, khuôn mặt tối sầm vì giận dữ. “Chỉ vì anh là một tat to mặt lớn (big shot) ở Mỹ,” anh ta hét lên, “anh không phải là tat to mặt lớn ở đây. Anh đã không dừng lại khi tôi bảo! Các anh người Mỹ nghĩ rằng các anh có thể thoát khỏi bất cứ điều gì ở đây, lái xe theo bất kỳ cách chết tiệt nào các anh thích!” Tôi giơ tay lên để chặn lại lời nói dài dòng. “Sĩ quan,” tôi nói với anh ta, “cảm ơn anh đã gọi tôi là tay to mặt lớn. Tôi thừa nhận rằng tôi đã sai. Tôi đoán là tôi đã không chú ý. Tôi đã mắc lỗi.” Viên cảnh sát và tôi nhìn nhau. Tôi không thể giấu được một nụ cười hối lỗi trên

khuôn mặt; với tư cách là người đề xuất luật pháp và trật tự tử tế, tôi đang đặt một tấm gương tồi tệ. Viên cảnh sát nhìn xuống chân mình một lúc, sau đó nhìn lại tôi với một nụ cười toe toét. “Được rồi,” anh ta nói với tôi. “Chỉ cần lái xe cẩn thận sau này.” Những người xung quanh cũng đang cười toe toét. Viên cảnh sát quay lại giữa đường và thay đổi tín hiệu thành “Đi.” Tôi lái xe đi, với một cái vẫy tay và một nụ cười cảm ơn dành cho anh ta.

Chuyến đi ra vùng nông thôn và trở lại thành phố đó dường như cách xa hàng năm ánh sáng so với các cuộc họp giao ban chính thức mà tôi đã được cung cấp.

GHI CHÚ

ĐỘI (TEAM). Trong gần như tất cả công việc của tôi ở châu Á, tôi đều có một nhóm trợ lý giúp đỡ tôi. Vào thời điểm này, năm 1950, Đại úy Charles T. R. Bohannon và Trung úy thứ nhất A. C. Ellis là trợ lý của tôi, trong khi Helen Jones thuộc nhân viên JUSMAG, một cựu du kích và một người bạn lâu năm, làm thư ký của chúng tôi. Sau này, khi có nhu cầu, những người khác đã tham gia vào đội này. Trong các hoạt động tiếp theo ở Việt Nam, một số lượng đáng kể người Mỹ đã trở thành thành viên trong đội của tôi vào các thời điểm khác nhau, mặc dù nhóm lớn nhất tại bất kỳ thời điểm nào là một tá người. Tất cả đều là tình nguyện viên, mỗi người đều có một hoặc nhiều kỹ năng đặc biệt cần thiết để đối phó với các tình huống do xung đột bất thường gây ra. Họ tạo thành một nhóm đáng kể gồm những người Mỹ theo chủ nghĩa cá nhân, những người đã giúp

đỡ người dân ở châu Á chống lại các chiến thuật chinh phục được phát triển bởi Lenin và Mao. Một số người trong số họ xuất hiện trong cuốn sách này. Tôi rất tiếc vì không có chỗ cho những câu chuyện về tất cả họ.

HELEN. Thư ký của tôi tại JUSMAG, Helen Jones, đã từng là thư ký của tôi nhiều năm trước khi tôi là Phó G-2 tại PHILRYCOM, bộ chỉ huy Quân đội Hoa Kỳ cho Philippines và Ryukyus. Một ngày nọ, một sĩ quan hải quân đã đến thăm văn phòng của tôi và nhìn thấy cô ấy, một phụ nữ nhỏ nhắn và rất nữ tính đang gõ máy chữ nhanh chóng với một điệu xì gà dài nhô ra khỏi miệng. Viên sĩ quan hải quân đã hỏi tôi một cách phấn khích rằng tôi có biết cô ấy là ai không. “Cô ấy là thư ký của tôi, Helen Jones,” tôi nói với anh ta. “Không, không, không, đó không phải là ý tôi,” anh ta trả lời. Sau đó, anh ta kể cho tôi nghe câu chuyện về việc máy bay của anh ta bị người Nhật bắn rơi ở phía bắc Manila, và đã hạ cánh khẩn cấp xuống một ruộng lúa. Anh ta kéo mình và những mảnh xương bị gãy ra khỏi đống đổ nát. Quân đội Nhật Bản đã xuất hiện ở phía xa và bắt đầu tiến về phía anh ta khi Helen Jones và nhóm du kích Philippines của cô ấy đến chỗ đổ đổ nát. Helen vỗ vào đầu anh ta với một câu nói: “Nào, nào, cậu bé, chúng tôi sẽ đưa cậu ra ngoài,” ngay khi đạn cối Nhật Bản phát nổ gần đó. Helen và những người du kích đã đưa anh ta lên một chiếc cáng tự chế và đưa anh ta đến nơi an toàn. Sau khi kể cho tôi nghe điều này, phi công hải quân đã ôm và hôn Helen. Tôi không có cơ hội nói với anh ta rằng tôi biết về những ngày du kích của cô ấy và cũng biết rằng Tổng thống Truman đã trao cho cô ấy Huân chương Tự do vì những đóng góp của cô ấy.

CHƯƠNG BA

* *

VỚI MAGSAYSAY

Tôi dành những giờ làm việc trong ngày trở về từ Tarlac tại trụ sở lực lượng vũ trang, đi sâu vào các vấn đề và tiềm năng của các cơ quan tình báo. Đại úy Bohannon trong đội của tôi đi cùng tôi. Cả hai chúng tôi đều có nhiều bạn bè trong số các nhân viên tình báo Philippines. “Boh” ban đầu đến đất nước này với tư cách là một chỉ huy bộ binh chiến đấu trong thời kỳ giải phóng năm 1944, điều hành một lực lượng trinh sát phía sau phòng tuyến của kẻ thù, và đã ở lại trong những năm sau chiến tranh với tư cách là sĩ quan phản gián, yêu mến người dân và các hòn đảo. Trong công việc của chúng tôi với các sĩ quan tình báo quân đội ngày hôm đó, một số kết luận chung đã đạt được. Cơ quan Tình báo Quân đội (MIS) cần được nâng cấp, với sự bổ sung quý, nhân sự và các phương pháp mới, cũng như các cách

để các quan chức cấp cao chú ý hơn đến các báo cáo của cơ quan này. Các đơn vị quân đội mới được đưa vào cuộc chiến Huk, các BCT, sẽ cần thông tin chi tiết, chất lượng cao về kẻ thù trong khu vực của họ; do đó, một trường tình báo chiến đấu nên được bắt đầu ngay lập tức để đào tạo nhân viên S-2 (tình báo) của BCT về các cách hiệu quả nhất để thu thập, đánh giá và sử dụng thông tin về du kích. Boh nghĩ đến việc hỗ trợ thêm cho các nỗ lực thực địa bằng cách thành lập các văn phòng MIS cấp huyện, được điều hành bởi các đặc vụ quen thuộc với bối cảnh địa phương. Tôi hứa sẽ giúp bán ý tưởng này cho các quan chức cấp cao. Boh và các sĩ quan MIS bắt tay ngay vào việc lập sơ đồ tổ chức và nhân sự cho khái niệm mới này.

Lúc đó gần tối. Tôi quyết định thử gặp Magsaysay một lần nữa và đi bộ từ tòa nhà trụ sở chính đến Câu lạc bộ Sĩ quan. Bên trong, phòng khiêu vũ rộng lớn trống rỗng và u ám trong ánh hoàng hôn đang buông xuống, một ánh sáng lơ mơ ở một đầu phát ra từ cầu thang dẫn lên lầu đến phòng chơi bài mà Magsaysay dùng làm văn phòng của mình. Khi tôi bắt đầu leo cầu thang, tôi có thể nghe thấy tiếng chân chạy thành thục. Khi tôi đến gần đỉnh cầu thang, tiếng thở

hồn hển và tiếng thở nặng nhọc trở nên rõ ràng hơn tiếng chạy. Ai đó đang lảo đảo “sonnamabeech” (đồ khốn kiếp) lặp đi lặp lại. Tôi thoáng tự hỏi liệu Magsaysay có biến văn phòng của mình thành một phòng tập thể dục không. Tôi lên đến đỉnh cầu thang, bước vào phòng chơi bài cũ và nhìn chằm chằm vào cảnh tượng đáng kinh ngạc.

Một thường dân mà tôi không quen biết đang chạy quanh phòng nhanh nhất có thể, né tránh giữa bàn làm việc và ghế. Magsaysay đang truy đuổi gắt gao, vung nắm đấm lớn vào người đàn ông mỗi khi anh ta đến gần. Tiếng “sonnamabeech” phát ra từ Magsaysay. Anh ta thấy tôi đứng ở ngưỡng cửa và dừng lại một lát. Nạn nhân của anh ta tận dụng cơ hội, nhảy qua cửa sổ lên mái hiên lớn gần đó ở phía trước câu lạc bộ, leo xuống và nhảy xuống đất. Anh ta nhìn lên cửa sổ mà anh ta đã nhảy qua và hét lên, giữa hơi thở hổn hển, “Này, tôi chỉ đùa thôi! Anh không thể chịu đựng một trò đùa sao?” Sau đó, anh ta chạy đến chiếc xe đang đậu của mình và lái đi. Tôi bắt tay Magsaysay. “Đồ khốn kiếp đó đã cố gắng hối lộ tôi!” anh ta nói.

Lúc đó, Magsaysay vừa tròn bốn mươi ba tuổi. Anh ta cao bằng tôi, vạm vỡ hơn tôi một

chút, và lớn hơn tôi sáu tháng. Tôi đã biết rằng chúng tôi có những điểm chung; mỗi chúng tôi là con trai thứ hai trong gia đình có bốn con trai, mặc dù anh ta có chị em gái còn tôi thì không, và mỗi chúng tôi đã phải làm việc để kiếm sống trong khi học đại học trong những năm khó khăn của cuộc khủng hoảng. Sau đó, Magsaysay đã ở lại với Try-Tran, một trong những công ty vận tải xe buýt lớn nhất ở Philippines, nơi anh ta đã làm thợ cơ khí khi còn học đại học. Anh ta trở thành quản đốc cửa hàng, cuối cùng kiếm đủ tiền để kết hôn với Luz Banzon, người mà anh ta đã theo đuổi khi còn học đại học. Sau đó, anh ta trở thành quản lý chi nhánh cho Try-Tran ở San Antonio, thuộc tỉnh quê hương Zambales của mình. Cuộc tấn công của Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai đã bắt đầu gần nhà anh ta, với một cuộc ném bom vào căn cứ Hoa Kỳ và việc lắp đặt radar của nó tại Iba, Zambales. Các máy bay ném bom của Nhật Bản tiếp theo tấn công Cánh đồng Clark, băng qua dãy núi Zambales.

Sau khi giúp đỡ lực lượng Hoa Kỳ vận chuyển cho đến khi đầu hàng ở Bataan lân cận, Magsaysay trở thành một du kích chống lại lực lượng chiếm đóng Nhật Bản ở tỉnh quê hương Zambales của mình. Được

phong hàm đại úy, ban đầu anh ta phục vụ với tư cách là sĩ quan tiếp tế của đơn vị du kích và được biết đến với biệt danh du kích là “Chow.” Sau đó, Đại tá Gyles Merrill của Quân đội Hoa Kỳ, người đang chỉ đạo các hoạt động du kích trong khu vực Luzon đó từ giường bệnh của mình trong một nơi ẩn náu trên núi, đã bổ nhiệm Magsaysay làm chỉ huy đơn vị Zambales. Với tư cách là chỉ huy, anh ta đã lãnh đạo các cuộc tấn công du kích dọn sạch khu vực, phá hủy máy bay Nhật Bản đậu tại căn cứ của họ ở San Marcelino để Quân đoàn XI giải phóng của Quân đội Hoa Kỳ có thể đổ bộ tại Vịnh Subic mà hầu như không gặp phải sự phản kháng nào. Tướng Charles Hall của Quân đoàn XI đã bổ nhiệm Magsaysay làm thống đốc quân sự của Zambales. Vào tháng 4 năm 1946, người dân Zambales đã bầu anh ta vào Hạ viện Philippines với đa số lớn nhất trong lịch sử của tỉnh. Trong Quốc hội, anh ta trở thành chủ tịch Ủy ban Quốc phòng Hạ viện và sau đó, với tư cách là chủ tịch, đã đến Washington trong một nỗ lực thành công để tìm kiếm sự giúp đỡ từ Quốc hội Hoa Kỳ để hỗ trợ các cựu chiến binh Philippines – do đó chúng tôi cuối cùng đã gặp nhau ở thủ đô Hoa Kỳ.

Sau khi chúng tôi nói chuyện tại văn phòng của Magsaysay được bố trí trong phòng chơi bài cũ, anh ta mời tôi ăn tối thân mật (*potluck dinner*) tại ngôi nhà gỗ nhỏ của anh ta trên Phố Arellano ở Khu Singalong, ngôi nhà mà anh ta đã xây cho cô dâu của mình khi anh ta là quản đốc cửa hàng của công ty xe buýt. Không có đèn đường trong khu phố của anh ta. Quanh góc nhà anh ta là một *sari-sari* trên vỉa hè, một cửa hàng nhỏ bán tạp hóa và nước ngọt, được thắp sáng lò mờ bằng một vài chiếc đèn *tinghuy* nồng nặc với bắc nổi trong dầu dừa được giữ trong nửa vỏ dừa. Một số lượng người bất thường tập trung trên vỉa hè xung quanh cửa hàng. Trong ánh sáng lò mờ, tôi có thể thấy một số người đàn ông có mái tóc dài xoa xuống vai. Đây là dấu hiệu của một du kích; rất khó để cắt tóc khi một người đang chạy trốn.

Tại nhà, lần đầu tiên tôi gặp vợ Magsaysay, Luz, và các con của họ, Teresita, Milagres, và Ramon Jr. Luz chào đón tôi bằng một nụ cười nhẹ nhàng. Tôi bị ấn tượng bởi sự điềm tĩnh của bà ấy. Bà ấy dường như không hề bối rối trước một vị khách bổ sung bất ngờ cho bữa tối, lại còn là một người nước ngoài. Tuy nhiên, có một chút căng thẳng trong bầu không khí của ngôi nhà, rõ ràng

không liên quan đến tôi. Luz nhìn chồng, một giao tiếp im lặng của người vợ, và cả hai rời khỏi phòng. Ngay sau đó, có những người đến ở cửa trước, phụ tá trẻ tuổi của Magsaysay, Trung úy Jerry Palaypay, và hai cựu du kích của Magsaysay từ Zambales. Họ nói với tôi, nhẹ nhàng để bọn trẻ không nghe thấy, rằng có một số người lạ, những người đàn ông có vũ trang trong khu phố. Magsaysay bước vào trong khi chúng tôi đang nói chuyện; Luz vừa thông báo cho anh ta về những người lạ. Palaypay và các cựu du kích mang thức ăn ra bậc cửa trước và canh gác ở đó trong khi những người còn lại chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Tôi ăn trong suy nghĩ. Rõ ràng, Magsaysay và gia đình anh ta quá dễ bị tổn thương trước cuộc tấn công của một đội xử bắn Huk trong khu phố Singalong đông đúc đó. Philippines có thể dễ dàng mất bộ trưởng quốc phòng mới của mình ngay từ đầu chiến dịch chống lại Huks, những người đã cảnh giác với những phẩm chất năng động mà anh ta đang mang đến cho vai trò mới của mình.

Sau bữa tối, Magsaysay và tôi nói chuyện về an ninh vật chất của gia đình anh ta và chính anh ta. Tôi gợi ý rằng anh ta nên chuyển đến khu nhà ở tại Trại Murphy, nơi

có nhà ở cho các sĩ quan tham mưu và gia đình bên trong khuôn viên được bảo vệ. Magsaysay trả lời rằng anh ta đã lên kế hoạch làm như vậy, nhưng tất cả các khu nhà đều đã có người ở và anh ta sẽ không ra lệnh cho bất kỳ gia đình nào ra ngoài chỉ để dọn chỗ cho gia đình mình. Một số ngôi nhà mới đang được xây dựng tại Trại Murphy, và anh ta sẽ chuyển đến một trong số đó khi nó hoàn thành. Trong khi chờ đợi, anh ta có thể tự bảo vệ gia đình mình. Anh ta vỗ vào khẩu carbine .30 ly của lính dù nằm cạnh anh ta trên ghế dài.

Tôi hỏi anh ta liệu anh ta có nghĩ đến việc mình sẽ làm gì nếu Luz hoặc lũ trẻ bị Huks bắt cóc khi anh ta không có nhà không. Trong trường hợp đó, anh ta sẽ khó tập trung vào việc trở thành kiểu bộ trưởng quốc phòng mà anh ta quyết tâm trở thành. Magsaysay cau mày tối sầm và nói với tôi bằng giọng giận dữ về cách anh ta sẽ săn lùng những kẻ bắt cóc đó. Tôi nói, đó chính xác là ý tôi; những công việc bàn giấy thường nhật của anh ta sẽ bị gác lại trong khi anh ta trở thành một thợ săn.

Trong khi đó, tôi đang xem xét lại trong tâm trí mình các yếu tố an toàn của nhà ở chính phủ trong khu vực đô thị bên ngoài

Trại Murphy. Khu nhà ở an toàn nhất và gần nhất với trụ sở tại Trại Murphy là khuôn viên JUSMAG nơi tôi sống. Tôi nói điều này lớn tiếng với Magsaysay, nói thêm rằng hai người bạn đồng hành trong đội của tôi và tôi vừa chuyển đến ngôi nhà có sẵn cuối cùng trong khuôn viên. Khuôn viên được bảo vệ bởi Quân đội Philippines. Các nhân viên Philippines tại nhà tôi bao gồm những cựu du kích được chọn lọc kỹ lưỡng. Là một biện pháp tạm thời, tôi có thể chuyển ra khỏi phòng ngủ của mình và ngủ chung với người khác trong khi gia đình anh ta sử dụng phòng của tôi, nếu chúng tôi có thể nhét đủ giường xếp vào đó. Cuối cùng, chúng tôi kết luận rằng Luz và các con có thể đi nghỉ ngắn ngày ở nơi an toàn tại nhà gia đình cô ấy ở Bataan, trong khi Magsaysay chuyển đến ở với tôi. Hai chiếc giường xếp sẽ dễ dàng vừa trong phòng ngủ của tôi.

Tối hôm đó, khi rời khỏi nhà Magsaysay, tôi lái xe đến gặp Tướng Hobbs. Theo phép tắc, ông ấy, với tư cách là tổng tư lệnh của JUSMAG, cần phải cho phép tôi có khách trong căn nhà mà ông ấy vừa giao cho tôi. Ông ấy đã đồng ý ngay lập tức. Trên thực tế, ông ấy gọi điện thoại cho Magsaysay và đề nghị chuyển ai đó ra khỏi một ngôi nhà cho

gia đình Magsaysay. Tôi đang đứng cạnh ông ấy ở điện thoại và tình nguyện chuyển nhóm của tôi ra ngoài, nhưng Magsaysay nghe thấy điều này và nói rằng anh ta thích để thỏa thuận được giữ nguyên như kế hoạch. Đến ngày hôm sau, tôi có một người bạn cùng phòng, Ramon Magsaysay, người đã nhanh chóng yêu cầu tôi sử dụng biệt danh “Monching” của anh ta.

Anh ta đã mở ra một khía cạnh mới trong cuộc đời tôi. Anh ta tràn đầy năng lượng thần kinh, gõ chân thiếu kiên nhẫn khi suy nghĩ về một hành động, và tập trung say mê vào toàn bộ các vấn đề mà Cuộc nổi dậy Huk đã mang đến cho Philippines. Tôi đã ngủ rất ít. Với người bạn cùng phòng mới của tôi, tôi thậm chí còn ngủ ít hơn. Mỗi đêm chúng tôi thức khuya thảo luận về tình hình hiện tại. Magsaysay sẽ bày tỏ quan điểm của mình. Sau đó, tôi sẽ sắp xếp chúng lại thành lời cho anh ta trong khi nhấn mạnh các nguyên tắc hoặc chiến lược hoặc chiến thuật liên quan. Điều đó giúp anh ta chọn hoặc loại bỏ các hành động. Chúng tôi trở nên quen thuộc với việc tiết lộ những suy nghĩ sâu kín nhất của mình cho nhau. Mỗi người chúng tôi đều có một khát khao sâu sắc là mang lại hòa bình và công lý cho người dân

Philippines. Một sự khởi đầu vững chắc sẽ phải được thực hiện đối với những mục tiêu này. Giữa hoàn cảnh hiện tại và việc đạt được mục tiêu của chúng tôi là đảng Cộng sản và quân đội du kích của họ đang tích cực thống trị hiện trường, những tệ nạn trong xã hội Philippines cung cấp đất cho cuộc nổi dậy phát triển mạnh, và một lực lượng quân sự chính phủ mà chúng tôi cảm thấy phần lớn không còn liên lạc với thực tế hoặc với những người mà nó phải bảo vệ.

Đêm đầu tiên chúng tôi ngồi lại nói chuyện về lực lượng vũ trang Philippines. Magsaysay mô tả quân đoàn sĩ quan bị bè phái; xu hướng ngày càng tăng của quân đội là chuyển sang phòng thủ thận trọng hoặc ở lại doanh trại của họ và do đó để Huks di chuyển ngày càng tự do hơn; sự tham nhũng mà anh ta nghi ngờ trong hệ thống cung cấp quân sự hiện tại; và những nỗ lực không thành công của anh ta để khiến Tướng Castaneda và Bộ Tổng tham mưu thay đổi toàn bộ hệ thống hoạt động quân sự thành một cái gì đó năng động hơn, ít bảo thủ và nhân nhả hơn. Khi anh ta nói, mắt anh ta lóe lên, nắm đấm anh ta đập xuống giường xếp, chân anh ta rung lắc, và giọng nói anh ta trở nên đầy hơn. Đây là một người đàn

ông tức giận về những gì cần làm và không được làm.

Tôi có một hình ảnh tinh thần về một người đàn ông giận dữ như vậy đang nói chuyện với các sĩ quan trên chiến trường, nơi kẻ thù hoạt động tích cực nhất. Tôi nói điều này với Magsaysay, hỏi anh ta liệu anh ta có nhận được bất kỳ kết quả nào từ việc kiểm tra các đơn vị chiến đấu không. “Không, không thực sự,” anh ta nói. Anh ta giải thích một cách cay đắng rằng nhân viên trụ sở khẳng khẳng phải được thông báo về các chuyển động của anh ta vào các khu vực chiến đấu, viện dẫn mối quan tâm về sự an toàn cá nhân của anh ta là lý do. Rốt cuộc, anh ta là một quan chức dân sự, không phải là một người lính, phải không? Khi anh ta đến một đơn vị, anh ta sẽ thấy rằng các sĩ quan đã được báo trước về sự xuất hiện của anh ta, đã dọn dẹp mọi thứ và đã chuẩn bị sẵn câu chuyện để báo cáo tóm tắt một cách trôi chảy cho anh ta về tình hình địa phương. Chết tiệt, anh ta biết rằng bức tranh màu hồng mà anh ta đang được cung cấp không phải là sự thật. Sau khi nghe Magsaysay, tôi nhận xét rằng với tư cách là bộ trưởng quốc phòng, anh ta có đủ quyền hạn để thăm các đơn vị theo bất kỳ cách nào anh ta muốn, bao gồm cả

việc kiểm tra bất ngờ nếu anh ta muốn. Một nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt anh ta.

Cuối cùng tôi cũng ngủ được vào khoảng bốn giờ sáng. Đường như đầu tôi vừa mới làm ấm gối thì tôi bị Magsaysay lay tỉnh. Tôi nhìn đồng hồ. Chỉ hơn bốn giờ rưỡi một chút. “Này, có chuyện gì vậy?” tôi hỏi người bạn cùng phòng mới của tôi. “Anh sẽ thấy,” anh ta nói với tôi. “Chúng ta sẽ đi đến các tỉnh.” Tôi vẫn còn nửa tỉnh nửa mê trong khi chúng tôi lái xe đến đường băng Trại Murphy, gọi các phi công dậy, và sau đó cất cánh bằng hai chiếc máy bay liên lạc hạng nhẹ L-5, theo kiểu người dẫn đầu với Magsaysay ở phía trước. Anh ta sẽ không nói cho tôi biết chúng tôi đang đi đâu, nói rằng anh ta sẽ chỉ đạo phi công của mình. Khi bay, chúng tôi hướng về phía bắc. Những tia nắng đầu tiên của bình minh bắt đầu làm sáng bầu trời. Ô, tôi tự nhủ, quốc ca nói rằng Philippines là “vùng đất của buổi sáng, đứa con của mặt trời trở về.”

Chúng tôi đi sâu vào Nueva Ecija, một trong những tỉnh gặp khó khăn nhất của miền trung Luzon, trước khi chúng tôi hạ cánh, theo kiểu song song. Chúng tôi hạ cánh xuống một cánh đồng thô ráp bên cạnh đường cao tốc, giữa những thân cây ngô khô héo của mùa vụ năm ngoái.

Magsaysay bảo các phi công canh gác máy bay trong khi chúng tôi đi vào thị trấn. Anh ta và tôi đi bộ đến đường cao tốc vắng vẻ. Thị trấn khuất khỏi tầm nhìn xuống con đường. Chúng tôi bắt đầu đi về phía nó, một người Philippines mặc áo sơ mi thể thao màu sắc rực rỡ và đội mũ rơm của nông dân, một người Mỹ mặc quân phục kaki và mũ xanh không quân. Một chiếc xe tải lớn đang ì ạch đi về phía chúng tôi dọc theo đường cao tốc từ Manila. Magsaysay giơ ngón tay cái, dấu hiệu xin đi nhờ xe phổ biến, và chúng tôi đi vào thị trấn trên chiếc xe tải, xuống xe tại quảng trường thị trấn với lời cảm ơn nồng nhiệt dành cho người lái xe. Mặt trời đã lên, và cái lạnh ban đêm đã rời khỏi không khí. Một ông già khập khiễng bước ra khỏi một ngôi nhà vào quảng trường, chống nặng nề vào một cây gậy. Magsaysay chào ông ấy và hỏi đường đến trụ sở hiến binh địa phương.

Tại trụ sở hiến binh, chúng tôi chỉ thấy một trung sĩ đang ngủ gật ở bàn làm việc. Magsaysay hét lên, đánh thức anh ta, và sau đó yêu cầu anh ta báo cáo với sĩ quan chỉ huy, *pronto* (ngay lập tức). “Cái gì! Vào lúc này của buổi sáng sao?” Viên trung sĩ tỏ vẻ không tin. Anh ta chớp mắt và nhìn kỹ hơn vào người thường dân mặc áo sơ mi thể

thao. “Ai nói vậy?” Vì tôi mặc đồng phục, tôi lên tiếng và nói với viên trung sĩ rằng người thường dân mặc áo sơ mi thể thao là bộ trưởng quốc phòng mới, Ramon Magsaysay. Tôi tự giới thiệu. Viên trung sĩ vội vàng chào chúng tôi và chạy ra khỏi cửa. Magsaysay và tôi nhìn quanh phòng trụ sở. Nó bừa bộn, cho thấy dấu hiệu của sự cầu thả. Giá súng, chứa đầy súng trường, không khóa, một mục tiêu hấp dẫn cho du kích Huk trong khu vực.

Tôi nhìn ra cửa và thấy một đại úy béo lùn đang chạy băng qua đường, thở hổn hển, vừa cài cúc đồng phục vừa đi tới, viên trung sĩ đi sau ba bước. Tôi nói với Magsaysay qua vai về người sắp đến. Có tiếng báng súng đập vào gỗ. Tôi quay lại. Magsaysay đã lấy hai khẩu súng trường từ giá súng. Anh ta ném một khẩu cho tôi. “Nhanh, nấp sau cánh cửa,” anh ta thì thầm khẩn trương. Chúng tôi nhanh chóng di chuyển đến các vị trí ở hai bên cửa. Viên đại úy xông vào phòng, mắt anh ta cố gắng làm quen với bóng tối sau ánh nắng chói chang bên ngoài. Magsaysay chìa nòng súng trường vào lưng viên đại úy. “Giơ tay lên!” anh ta hét lên. Viên đại úy giơ tay lên.

Viên trung sĩ đã dừng lại ở ngưỡng cửa, giật mình. Tôi ra hiệu bằng súng trường cho

viên trung sĩ cũng giơ tay lên và di chuyển đến bên cạnh viên đại úy. Anh ta vâng lời. Hai người họ đứng đó, giơ tay, trong khi Magsaysay giận dữ giảng bài cho họ về việc điều hành một đồn quân sự lồi thoi như vậy giữa một khu vực mà kẻ thù đang hoạt động. Chúng tôi có thể là Huks, những kẻ có thể đã giết chết mọi người lính ở đó. Đến lúc này, một số binh lính trong đơn vị đang nhìn vào cảnh tượng. Magsaysay bảo viên đại úy và trung sĩ bỏ tay xuống, nói với đơn vị quân đội đang tập trung anh ta là ai, và sau đó nói thẳng thừng về việc anh ta mong đợi họ cư xử như thế nào từ bây giờ, bắt đầu bằng, “Các cậu, tôi không biết làm thế nào các cậu xoay sở để sống sót được lâu như vậy.”

Sau đó, anh ta đề nghị chúng tôi đưa viên đại úy về nhà. Cuối cùng thì tôi cũng mong có được một tách cà phê buổi sáng. Tại nhà viên đại úy, vợ anh ta mời chúng tôi cà phê. “Không, cảm ơn,” Magsaysay trả lời trong sự thất vọng của tôi. “Tôi chỉ muốn biết tối qua cô thắng hay thua *mạt chược*.” Người vợ mỉm cười thừa nhận rằng cô ấy đã thắng “một chút.” Magsaysay nói rằng anh ta đã nghi ngờ rằng viên đại úy và vợ anh ta thức cả đêm chơi *mạt chược*, đêm này qua đêm khác. Các buổi chơi *mạt chược* và poker là

quá phổ biến trong các gia đình quân nhân, và thường thì phụ nữ mới là người thích chơi. “Hãy nhìn chồng cô. Anh ta buồn ngủ và mệt mỏi đến mức không thể suy nghĩ hoặc lãnh đạo quân đội của mình nếu Huks đột nhiên xuất hiện ở đây. Và cô và tôi đều biết rằng đó chính xác là điều họ có thể làm. *Mạc chược* của cô sẽ kết thúc bằng việc tất cả các người bị cắt cổ! Chồng cô từng là một sĩ quan giỏi. Bây giờ anh ta chẳng là gì cả. Không, anh ta là một gánh nặng, bởi vì người dân trong thị trấn này trông cậy vào anh ta để được bảo vệ và anh ta không thể bảo vệ họ!” Magsaysay tuyên bố rằng anh ta sẽ chấm dứt điều này ngay bây giờ. Họ có thể bắt đầu đóng gói, bởi vì họ sẽ chuyển đi ngay khi anh ta có thể đưa một sĩ quan mới đến để thay thế viên đại úy. Anh ta kiên quyết về điều này trước những giọt nước mắt của người vợ, mặc dù sau đó anh ta thú nhận với tôi rằng giữ vững lập trường là một nhiệm vụ khó khăn hơn anh ta mong đợi.

Chúng tôi trở về Manila. Tại nhà, tôi pha cà phê và bữa sáng cho hai chúng tôi trong khi Magsaysay đang gọi điện thoại đến trụ sở chính, tranh cãi với Tướng Castaneda về người thay thế cho viên đại úy bất hạnh. Anh ta rời điện thoại trong sự giận dữ, vì

Castaneda và nhân viên của ông ta bức bối về sự can thiệp của một thường dân vào những vấn đề quân sự như ai sẽ chỉ huy ở đây. Tuy nhiên, Castaneda miễn cưỡng đồng ý chuyển viên đại úy, sau khi Magsaysay mất bình tĩnh. Magsaysay trừng mắt nhìn xuống đĩa trứng bữa sáng của mình và đẩy nó ra. “Tôi không muốn cái này,” anh ta nói với tôi. “Được rồi, đừng ăn nó,” tôi trả lời. Tôi đang bận đọc các tờ báo buổi sáng mà tôi đã chất đống trên bàn trước mặt chúng tôi. “Này, tôi biết tôi muốn gì,” anh ta đột nhiên nói. “Anh có ngô đóng hộp không?” Giật mình, tôi đặt tờ báo xuống và giúp anh ta tìm một hộp ngô trong tủ bếp. Đó là bữa sáng của anh ta.

Cuộc kiểm tra bất ngờ đầu tiên đó, được thực hiện một cách độc đáo nhưng có ý nghĩa như vậy, đã đặt ra khuôn mẫu cho nhiều cuộc kiểm tra khác theo sau nó. Tôi quen với những cuộc khởi hành đột ngột đến những điểm đến không rõ, việc vạch trần hiệu quả những điều sai trái. Tôi học cách nhét bàn chải đánh răng và dao cạo râu vào túi, vì thường nhiều ngày trôi qua trước khi chúng tôi trở lại Manila. Tôi đã bị cám dỗ để đeo bàn chải đánh răng vào lỗ khuy áo, nhớ lại lời kể của một sĩ quan Anh về quân đội

của Lee di chuyển dọc theo con đường đến Gettysburg; mỗi người lính đều có một chiếc bàn chải đánh răng dính vào lỗ khuy áo, vật phẩm đồng phục duy nhất trong số họ. Tuy nhiên, tôi là một người Mỹ sau này; quân đội của chúng tôi đã học cách đặt những chiếc túi rộng rãi hơn vào đồng phục. Mặt khác, đồng phục không quân vào thời điểm đó khó có thể phù hợp để chạy quanh ruộng lúa và rừng núi với bộ binh. Bohannon đã khôn ngoan mang theo sở thích quần áo của riêng mình cho chiến đấu nhiệt đới, một hỗn hợp trang bị của quân đội và thủy quân lục chiến. Tôi mượn đồ của anh ta cho những chuyến đi thực địa này.

Ở châu Á, người ta biết rằng miệng và tai được phát minh rất lâu trước máy in, máy ảnh hay đài phát thanh. Họ quen với việc truyền tin tức từ người này sang người khác bằng cách trò chuyện. Tin tức truyền đi theo cách nhiều chuyện này qua những khoảng cách lớn một cách nhanh chóng và ở Philippines được gọi là “điện báo tre” (*bamboo telegraph*). Những ngày đầu thu năm 1950, điện báo tre đầy ắp tin tức về những chuyến thăm bất ngờ của Magsaysay đến những nơi không ngờ tới, cũng như hậu quả của mỗi chuyến thăm. Quân đội

trên chiến trường bắt đầu cư xử như thể bộ trưởng quốc phòng có thể xuất hiện tại hiện trường bất cứ lúc nào để khen ngợi hoặc khiển trách họ vì những gì họ đang làm. Ngay cả các quan chức chính phủ cũng cảm nhận được tác động. Người quản lý bưu điện của một thị trấn tỉnh từng nói với tôi rằng Magsaysay đã biến ông ta thành một người trung thực. “Mỗi khi tôi mở ngăn kéo với tất cả số tiền tem đó và bắt đầu bị cám dỗ giúp đỡ bản thân, tôi lại nghĩ rằng cái gã chết tiệt đó sẽ tận dụng khoảnh khắc đó để xuất hiện và bắt quả tang tôi!”

Trong một lần đến thăm quân đội đang chiến đấu ác liệt với Huks vào lúc đó, một chiếc xe tăng hạng nhẹ đã lạch cạch dừng lại, hỏa lực hỗ trợ của nó làm thất bại cuộc tấn công của bộ binh. Magsaysay chen vào bên cạnh người lính tăng đang kiểm tra động cơ, những kỹ năng cũ của anh ta với tư cách là thợ cơ khí và quản đốc cửa hàng cho công ty xe buýt lại trở lại. Anh ta tìm thấy sự cố. Bugi đánh lửa bị lỗi. Anh ta tháo chúng ra và kiểm tra kỹ lưỡng. Chúng đã cũ và mòn. Chiếc xe tăng vừa được giao cho Quân đội Philippines, hoàn toàn mới, bởi Hoa Kỳ. Ai đó chắc chắn đã tháo bugi mới và đổi chúng lấy bugi đã qua sử dụng để kiếm lời lớn.

Magsaysay lẽ ra đã giết kẻ thù ác ngay tại chỗ, nhưng tôi đã tranh luận về việc lấy tất cả các sự thật và sau đó làm cho quá trình công lý thông thường thực sự hoạt động. Anh ta chửi thề một cách bùng nổ nhưng sau đó cử phụ tá của mình đi bắt giam chỉ huy quân khí tại nhà cho đến khi sự thật có thể được kiểm tra. Lần khác là một đội tuần tra trong rừng, với những người lính đi khắp khiêng khi họ di chuyển. Magsaysay bảo họ ngồi xuống và cho xem để giày chiến đấu được làm tại địa phương của họ. Đế đã bị mòn. Ai đó đã thay thế da bằng bìa cứng và kiểm lời. Magsaysay đuổi theo quản lý quân nhu như một con hổ.

Các cuộc kiểm tra và hành động khắc phục nhanh chóng của Magsaysay đã có tác động đáng kể đến lực lượng vũ trang. Không phải tất cả đều là màu hồng. Anh ta đang dẫm lên chân, làm xước lòng tự trọng và làm tổn thương túi tiền của một số người có thể lực. Tôi có thể thấy một cuộc khủng hoảng đang phát triển. Lực lượng vũ trang Philippines đang nhận được sự lãnh đạo mà họ cần nếu họ muốn chiến thắng Huks Cộng sản và cứu chính phủ lập hiến, nhưng nó đang đến dưới một hình thức không có trong sách vở, với một thường dân thay vì một chỉ

huy quân sự. Magsaysay sẽ phải có một nền tảng rất vững chắc nếu anh ta muốn duy trì tốc độ. Tôi đã thảo luận chi tiết về tình hình với Tướng Hobbs, vì tổng chỉ huy JUSMAG ở Philippines là một quan chức quân sự độc đáo của Hoa Kỳ, không chỉ đại diện cho Tham mưu trưởng Liên quân Hoa Kỳ mà còn chính thức là cố vấn quân sự cho tổng thống Philippines. Hobbs đồng ý rằng Magsaysay xứng đáng được hỗ trợ và bênh vực anh ta với Tổng thống Quirino và Tướng Castaneda. Tôi đã thêm những lập luận của riêng mình trong các cuộc họp ít chính thức hơn với hai người.

Tổng thống Quirino cuối cùng đã trao cho Magsaysay quyền hạn cần thiết, dưới hình thức một bản ghi nhớ của tổng thống. Anh ta có thể bãi nhiệm sĩ quan vì lý do chính đáng. Anh ta có thể đề xuất thăng cấp chiến đấu cho sĩ quan hoặc phong quân hàm chiến đấu cho binh sĩ, ngay tại chỗ. Anh ta có thể ra lệnh tổ chức các tòa án quân sự để xét xử bất kỳ ai trong cơ sở quân sự mà cuộc điều tra cho thấy đang làm điều gì đó không đáng kính. Quyền hạn này là đáng kể. Trong tay một người sai lầm, nó có thể gây ra sự hủy hoại. Magsaysay biết rõ điều này. Tôi tin rằng anh ta đã tôn trọng sự tin tưởng được trao cho anh ta.

Từng bước một, Magsaysay đã thực hiện một cuộc tổng vệ sinh trong cơ quan quân sự, loại bỏ sự thiên vị bất công và các hành vi cầu thả, tham nhũng. Đó là một sự chấn chỉnh mà bản thân các chỉ huy quân sự nên thực hiện nhưng đã không làm. Rõ ràng, tình bạn của họ với các sĩ quan đồng nghiệp và thói quen thông thường đã khiến họ mù quáng trước nhu cầu đó. Tuy nhiên, sự thay đổi trong quân đội đã chứng minh là một trong những yếu tố quan trọng trong việc đánh bại du kích Huks. Nếu không có sự lãnh đạo mang tính cách mạng như vậy, cuộc đấu tranh có thể đã sa lầy vào một trong những cuộc xung đột kéo dài, phụ thuộc vào một sự tiêu hao khủng khiếp về nguồn lực con người và vật chất để giải quyết, kết thúc khi một bên sụp đổ vì kiệt sức. Cuối cùng, Tướng Castaneda và một số người bạn thân của ông, hầu hết là những người bạn đáng tin cậy của Tổng thống Quirino và các chính trị gia nổi tiếng khác, đã nghỉ hưu. Động thái này đầy cảm xúc, bị phản đối gay gắt. Tuy nhiên, nó đã được thực hiện.

Có một lần, khi tình cảm dâng cao trong Quân đội Philippines về những thay đổi trong cách tiến hành chiến tranh, Magsaysay và tôi đã đến thăm quân đội đang chiến đấu

với Huks ở vùng núi Bataan ngay phía nam Vịnh Subic. Chúng tôi đi nhờ về Manila đêm đó trên một chiếc tàu khu trục hộ tống của Hải quân Philippines đang vận chuyển Tướng Castaneda và nhân viên của ông ấy. Với tư cách là những kẻ xen vào vào phút cuối, Magsaysay và tôi từ chối lấy giường tầng trong phòng riêng của họ nên chúng tôi cuộn tròn trên boong tàu để ngủ. Tôi tỉnh dậy giữa đêm và thấy một trong những vệ sĩ của Magsaysay đứng cạnh tôi, tay cầm một khẩu súng tiểu liên. Anh ta thì thầm rằng Castaneda và một số nhân viên của ông ấy đang ở dưới phòng ăn tập thể, uống rượu. Một cậu bé phục vụ đã báo tin rằng Castaneda đã rút súng lục ra và khoe khoang rằng ông ta sẽ lên và bắn tôi vì là thằng khốn can thiệp đằng sau tất cả những thay đổi đang được thực hiện. Tay vệ sĩ đã sẵn sàng bắn nhau với Castaneda, theo phong cách miền Tây hoang dã, trong lúc tôi nằm ngủ ở đó. Tôi bảo anh ta canh chừng Magsaysay đang ngủ, và tôi đi xuống phòng ăn tập thể. Castaneda và một số người khác ở đó, cầm ly rượu trên tay. Tôi có thể thấy rằng súng lục của ông ta đã được tra vào bao da. Tôi gợi ý rằng ông ta có thể mời tôi một ly, vì tôi nghe nói ông ta sắp bắn tôi và đó có thể là ly cuối cùng của tôi.

Ông ta cười, rót cho tôi một ly, và nói rằng ông ta sẽ không bắn tôi mặc dù tôi xứng đáng bị như vậy. Chúng tôi đã biết nhau quá lâu, vì vậy ông ta sẽ đợi, vì sớm hay muộn gì thì người khác cũng sẽ bắn tôi. Uống rượu, chúng tôi tranh luận bằng lời nói về những khác biệt của mình trong một giờ, những người bạn đồng hành của ông ta cau có nhìn tôi suốt thời gian đó. Sau đó, tôi quay lại để ngủ trên sàn cứng. Khi tôi tỉnh dậy, chúng tôi đã ở Manila.

Một sự việc khác, cùng thời điểm, càng xát thêm muối vào những vết thương đang rỉ máu của cơ quan quân sự Philippines truyền thống. Nó diễn ra tại một cuộc họp của Hội đồng Thăng chức của lực lượng vũ trang Philippines, nơi Magsaysay được yêu cầu phê duyệt các đề xuất thăng chức và chuyển tiếp chúng đến Tổng thống Quirino. Magsaysay xem qua danh sách và thấy không có một sĩ quan chiến đấu nào trong đó. Anh ta hỏi về các tiêu chí được sử dụng và được cho biết rằng các đề xuất dựa trên thâm niên và việc tích lũy các báo cáo tốt mỗi năm về hiệu quả của các sĩ quan.

Đến lúc này, Magsaysay mất bình tĩnh. Anh ta giận dữ lưu ý với hội đồng rằng lực lượng vũ trang đang có chiến tranh với lực

lượng Huk nhỏ hơn, và dường như lực lượng vũ trang không chiến thắng. Nếu mỗi người lính trong lực lượng vũ trang ra ngoài ngày hôm đó và giết hoặc bắt một Huk, chiến tranh sẽ kết thúc. Anh ta tóm lấy đề xuất hàng đầu trên đồng và đọc to tên sĩ quan. “Anh ta đã giết bao nhiêu Huks?” anh ta hỏi. Câu trả lời là “không tên nào.” Trong khi các thành viên hội đồng mô tả các nhiệm vụ phi chiến đấu tuyệt vời do sĩ quan thực hiện, Magsaysay ném lại đề xuất, từ chối xem xét thăng chức cho anh ta “vào lúc này.” Các đề xuất còn lại được xem xét theo cùng một cách. Tất cả đều bị từ chối. Phép tính nghiệt ngã của Magsaysay đã đặt một giá trị rất cần thiết vào thành tích phục vụ chiến đấu tốt. Trong lực lượng vũ trang Philippines tương đối nhỏ, điều này đã mang lại sự nâng cao tinh thần đáng kể cho những người lính thường xuyên phải đối mặt với hỏa lực mỗi ngày. Họ nhận ra rằng họ có một ông chủ sẽ đứng ra bảo vệ họ.

Với Magsaysay sống tại nhà chúng tôi, số lượng khách Philippines đến thăm khuôn viên JUSMAG tăng lên rất nhiều. Rõ ràng là trước đây chỉ có một số ít, chủ yếu là những người đến chơi poker đêm với một số cư dân Mỹ. Bây giờ có một đoàn người hầu

như liên tục gồm các sĩ quan tham mưu, ngày đêm, để hội ý với Magsaysay. Một số vị khách mới nói với tôi rằng họ chưa bao giờ mong đợi được mời vào khuôn viên, nơi được người Philippines đặt biệt danh là “câu lạc bộ đồng quê” (*the country club*), vì cuộc sống dường như thoải mái mà người Mỹ sống trong những ngôi nhà tiện nghi phía sau những bãi cỏ và khu vườn được chăm sóc tốt.

Cũng có một số vị khách không được chào đón. Bọn Huks đã biết về sự hiện diện của vị khách ở nhà chúng tôi và đã cử các đội xử bắn đến đây theo thời gian vào những giờ khuya khoắt để thủ tiêu anh ta. Tôi biết sau này rằng tôi cũng có tên trong danh sách đó. Hộ gia đình của chúng tôi bao gồm một đội chiến đấu không chính thức, với một người luôn cảnh giác. Các chuyến thăm của đội xử bắn Huk đã bị ngăn chặn mạnh mẽ. Chúng tôi cố gắng giữ im lặng về những cuộc giao tranh này trong bối cảnh ngoại ô, nhưng chúng tôi chắc chắn đã gây ra quá nhiều tiếng ồn. Một phái đoàn các sĩ quan cư trú đã gọi điện cho Tướng Hobbs, nói rằng việc chúng tôi ở trong khu nhà đang gây nguy hiểm cho các gia đình trong những ngôi nhà khác, và yêu cầu chúng tôi chuyển đi. Tướng

Hobbs trả lời ngắn gọn rằng một cuộc chiến đang diễn ra ở Philippines và nếu họ lo lắng về sự an toàn của gia đình mình, các gia đình có thể được gửi về Hoa Kỳ; vị khách và đội của tôi phải ở lại. Mối quan hệ với một số hàng xóm quân sự Mỹ của tôi lạnh nhạt sau chuyện này, mặc dù những người khác đã cố gắng tỏ ra thân thiện và hữu ích.

Ngôi nhà của chúng tôi trong khuôn viên JUSMAG cũng chứng kiến sự ra đời của một cách lý tưởng để các cố vấn Mỹ giúp đỡ trong một cuộc chống nổi dậy. Nó bắt đầu một cách tự nhiên đến nỗi ban đầu tôi không nhận ra rằng một khuôn mẫu đang được thiết lập mà tôi sẽ làm theo sau đó. Các sĩ quan tham mưu Philippines gọi điện cho Magsaysay tại nhà được tiếp đãi nồng hậu trong khi họ chờ đợi gặp anh ta, thường uống cà phê trong *sala*. Thường thì một trong những người trong đội của tôi sẽ trò chuyện với các sĩ quan đang chờ đợi này và, tất nhiên, nói chuyện về chiến tranh. Chúng tôi phát hiện ra rằng một số người trong số họ đã tự mình suy nghĩ rất nhiều về tình hình và trong bầu không khí không chính thức này, họ thực sự sẽ bày tỏ tự do quan điểm của mình về những gì đang diễn ra sai và sẽ đề xuất những thay đổi. Đôi

khi những người bạn của chúng tôi từ các đơn vị chiến đấu trên chiến trường sẽ ghé qua để chào hỏi, khi ở Manila, và sẽ tham gia vào các cuộc trò chuyện mà chúng tôi đang có với các sĩ quan tham mưu đang chờ đợi. Thông thường, họ sẽ thêm chi tiết và ý tưởng từ kinh nghiệm hiện tại của riêng họ vào bất kỳ chủ đề nào đang được thảo luận. Các sĩ quan bàn giấy từ nhân viên trụ sở và các binh sĩ chiến đấu, được khuyến khích bởi sự quan tâm nồng nhiệt và những đóng góp của chúng tôi, những người Mỹ, sẽ thấy mình đang khám phá tất cả các ý tưởng có thể. Thịnh thoảng, Magsaysay cũng sẽ ngồi xuống và tham gia cùng chúng tôi.

Ban đầu, tôi nghĩ những cuộc trò chuyện này giữa những vị khách qua đường như là một hiện tượng “Nhà ga Grand Central” (*Grand Central Station*), vì chúng diễn ra trong một phòng chờ bận rộn. Trên thực tế, đội của tôi đã đặt biệt danh cho *sala* của chúng tôi là Grand Central Station. Sau đó, chúng tôi nhận ra rằng các cuộc thảo luận ngẫu hứng đang đưa ra rất nhiều hiểu biết thực tế và ý tưởng mang tính xây dựng đến mức chúng xứng đáng được tổ chức trên một cơ sở tốt hơn. Tôi đã tổ chức một loạt các buổi họp mặt “coffee klatsch” (buổi nói

chuyện thân mật trong khi uống cà phê) tại nhà, mời những sĩ quan tham mưu và chỉ huy chiến đấu chu đáo nhất đã từng đến thăm đó. Dần dần những người khác được đưa vào, khi đồng đội của tôi và tôi gặp những người có ý tưởng đang làm việc chăm chỉ theo những cách khác nhau để bảo vệ tự do con người ở Philippines, và yêu cầu họ tham gia. Do đó, các cựu chiến binh của phong trào kháng chiến du kích trong Thế chiến thứ hai, các nhà báo, các chuyên gia dân sự trong các cơ quan chính phủ và các nhà lãnh đạo dịch vụ cộng đồng đã mang lại một sự bổ sung đáng kể cho sự pha trộn của các quân nhân. Bất kỳ buổi *coffee klatsch* nào cũng chỉ giới hạn khoảng một tá người, để khách có thể ngồi thoải mái gần nhau và chia sẻ cuộc trò chuyện. Sự không chính thức thoải mái đã giúp các cuộc nói chuyện diễn ra tự do và trôi chảy.

Trong số những nỗ lực đáng chú ý được phát triển từ các buổi *coffee klatsch* là việc cung cấp hỗ trợ pháp lý miễn phí của các luật sư Chánh án Quân đội Philippines cho nông dân nghèo trong các vụ án trước các tòa án đất đai; mức phí mười centavo đối với điện tín của công dân gửi đến bộ trưởng quốc phòng; các đội Biệt kích Trinh sát dứng

cảm, và chương trình EDCOR (Economic Development Corps) để cho những người Huks đầu hàng có cơ hội mới trong cuộc sống. Trong số các dự án trần tục hơn được thảo luận là hệ thống phần thưởng được sử dụng để mua hàng ngàn vũ khí không có giấy phép đang phổ biến trong dân chúng, những vũ khí còn sót lại từ cuộc chiến Thế chiến thứ hai (việc mua sẽ ngăn chặn du kích Huk mua lại chúng), và các khoản thanh toán cho thông tin dẫn đến việc bắt giữ hoặc tiêu diệt các thủ lĩnh Huk chính.

Việc các luật sư Chánh án Quân đội tham gia vào các vụ án tòa án đất đai là một phần trong nỗ lực xóa bỏ các nguyên nhân hỗ trợ của nông thôn đối với Huks. Trước đây, một nông dân tá điền nghèo thường thấy mình đơn độc trước tòa án chống lại một địa chủ giàu có với luật sư của mình và trở nên quá bối rối bởi các thủ tục pháp lý để biện hộ cho vụ án của mình một cách thỏa đáng theo luật pháp nhằm cung cấp công lý công bằng. Bây giờ, với một luật sư quân đội bên cạnh, người nông dân tá điền bắt đầu được đối xử với sự công bằng xứng đáng với anh ta. Được trả lại phẩm giá của mình với tư cách là con người, những người nông dân đã mất đi sự căm dỗ giúp Huks kéo đổ toàn bộ

hệ thống. Hệ thống đã được chứng minh là tốt khi nó được vận hành đúng cách.

Điện tín mười centavo đã cho Juan de la Cruz (người bình thường, tương đương với John Doe ở Mỹ) ở Philippines một tiếng nói ở cấp cao nhất của cơ quan quân sự. Bưu điện chính phủ điều hành một mạng lưới điện tín và radio thương mại trên khắp đất nước và đồng ý gửi điện tín một trang từ bất kỳ công dân nào đến bộ trưởng quốc phòng với mức giá này (ít hơn 5 xu Mỹ), ngay cả người nghèo nhất cũng có thể đủ khả năng chi trả. Magsaysay yêu cầu người dân gửi điện tín cho anh ta về cả những điều tốt và xấu mà họ thấy quân đội chính phủ đang làm, cũng như bất cứ điều gì họ muốn nói với anh ta về Huks. Anh ta thành lập một bộ phận nhân viên đặc biệt do Đại tá Jose Banzon (người gần đây đã trở về từ nhiệm vụ quan sát viên ở Việt Nam) đứng đầu, chỉ chịu trách nhiệm trước Magsaysay, để nhận những thông điệp này từ người dân, kiểm tra nội dung về tính xác thực và bắt đầu bất kỳ hành động tiếp theo nào được yêu cầu. Ban đầu, người dân phản hồi một cách do dự với lời kêu gọi, không chắc chắn về mức độ tin tưởng Magsaysay và hơi lo sợ bị trả thù bởi những người mà họ báo cáo. Nhưng khi các hành động nhanh chóng

xảy ra sau những điện tín đầu tiên được gửi đến, tin tức lan truyền rằng người dân thực sự đang được Magsaysay biến thành đối tác trong cuộc chiến. Dòng điện tín nhỏ giọt trở thành một lũ lụt.

Khái niệm về Biệt kích Trinh sát Philippines (*Philippine Scout Rangers*) là một đóng góp của *coffee klatsch* từ một đại úy Philippines trẻ tuổi tốt nghiệp West Point, Rafael “Rocky” Ileto. Ý tưởng của anh ta là thành lập các đội tình nguyện nhỏ, mỗi đội gồm một sĩ quan và bốn người lính, những người sẽ được huấn luyện chuyên sâu về chiến tranh rừng rậm, trinh sát và sinh tồn. Sau khi huấn luyện, mỗi đội sẽ được gửi đến một khu vực xa xôi để tiếp xúc với kẻ thù – hoặc giữ kẻ thù dưới sự quan sát chặt chẽ cho đến khi thu thập được thông tin chi tiết hoặc loại bỏ chúng bằng cách phục kích hoặc tấn công bất ngờ. Sự lựa chọn sẽ được để lại cho quyết định tại chỗ của đội. Magsaysay ngay lập tức thích ý tưởng này và giao cho Đại úy Ileto phụ trách chương trình. Chẳng bao lâu, một đội Biệt kích Trinh sát được gắn liền với mỗi BCT. Việc phân chia Biệt kích Trinh sát giữa các BCT đã chứng minh là một sự gieo mầm khiêu khích đối với tinh thần của lực lượng vũ trang.

Các tình nguyện viên trong Biệt kích Trinh sát không phải là những người rụt rè. Trở về sau các cuộc tuần tra nguy hiểm và tiếp xúc với kẻ thù ở những nơi ẩn náu xa xôi, họ sẽ khoe khoang về thành tích của mình trong khi thư giãn với các binh sĩ của BCT; cuộc nói chuyện khiến kẻ thù có vẻ ít đáng sợ hơn và thậm chí bắt đầu khiến các binh sĩ cảm thấy xấu hổ và bắt chước Biệt kích Trinh sát. Nếu Biệt kích Trinh sát vẫn là một đơn vị tinh nhuệ riêng biệt, theo cách thông thường trong các đội quân thông thường hơn, thành tích của họ sẽ không có ý nghĩa nhiều đối với những người lính khác. Đó sẽ là trường hợp “hãy để những kẻ điên rồ đó làm việc đó – đó là những gì họ được trả tiền để làm.” Tuy nhiên, với một đội Biệt kích Trinh sát sống và hoạt động với một BCT, những người lính của nó đã đặt ra những tấm gương trực tiếp cho các binh sĩ của BCT đó.

Ví dụ, một buổi sáng, tôi đã đến thăm một BCT đóng trại gần “Zig Zag,” con đường cao tốc quanh co leo qua những ngọn núi từ Bataan và Vịnh Subic đến vùng đất thấp trung tâm của Pampanga, nơi quân đội Mỹ và Philippines kiệt sức đã đi qua vào năm 1942 trong “cuộc diễu hành tử thần” của họ

sau thất bại ở Bataan dưới tay người Nhật. Trên mảnh đất lịch sử đó, tôi nói chuyện với quân đội BCT về cuộc chiến sau này mà họ đang tham gia. Quân Huks ở gần đó, quân đội nói. Trong khi chúng tôi đang nói chuyện, đội Biệt kích Trinh sát gắn liền với BCT trở về từ một cuộc tuần tra kéo dài hai ngày trong rừng rậm xung quanh. Các biệt kích bắt đầu trêu chọc quân đội BCT về việc đã nhìn thấy họ đêm hôm trước, bị cáo buộc là bảo vệ đường cao tốc bằng cách lái xe dọc theo nó nhanh chóng bằng xe tải, các binh sĩ BCT co ro ở phía sau xe tải “như thỏ.” Cả một tiểu đoàn (squadron) Huk có thể đã ẩn nấp bên cạnh con đường mà quân đội không hề nhìn thấy họ. Thật là một sự bảo vệ! Các binh sĩ BCT im lặng sau lời trêu chọc này. Tôi rời họ và lái xe đến Vịnh Subic. Đêm đó, tôi lái xe trở lại qua “Zig Zag,” cảnh giác một cách lo lắng khi thăm thực vật rừng rậm tối tăm áp sát vào đường cao tốc, ẩn giấu Huks để phục kích theo như tôi biết. Tôi bắt gặp những người lính đang đi bộ dọc theo lề đường và dừng lại để nói chuyện với họ. Họ là những binh sĩ BCT mà tôi đã nói chuyện sáng hôm đó. Tôi nhận thấy những người lính khác ở giữa những hàng cây, di chuyển song song với con đường. Rõ ràng là

các binh sĩ BCT đã ra ngoài để cho các Biệt kích Trinh sát của họ thấy rằng họ cũng biết cách tiến hành một cuộc tuần tra thực sự. Tôi chúc họ may mắn và lái xe đi.

Chương trình EDCOR (Economic Development Corps) (*Quân đoàn Phát triển Kinh tế*) đã phát triển giữa sự sôi nổi của những ý tưởng ban đầu trong các buổi *coffee klatsch*, mặc dù nó không được khởi động chính thức cho đến tháng 12 năm 1950. Vì nó mang ơn một phần sự sống của mình từ những buổi họp này, nó sẽ được mô tả ở đây với những chương trình khác, mặc dù các sự kiện được ghi nhận trong chương tiếp theo đã can thiệp theo thứ tự thời gian trước khi EDCOR được khánh thành. Nó nằm gần trọng tâm của chiến dịch chống lại Huks và được nhiều người trong số họ viện dẫn là lý do chính để đầu hàng. (Trong tổng số 25.000 người Philippines đã chiến đấu trong hàng ngũ Huk trong giai đoạn 1950-55, hồ sơ Quân đội Philippines cho thấy 6.874 Huks đã bị giết và 4.702 bị bắt, trong khi cùng thời kỳ đó 9.458 Huks đã đầu hàng! Số còn lại vẫn ở ngoài vòng pháp luật.)

Trong buổi *coffee klatsch* đầu tiên của chúng tôi, chúng tôi đã mở ra chủ đề về những tệ nạn kinh tế xã hội khiến người dân

tham gia hàng ngũ Huk, và sau đó chúng tôi suy nghĩ về việc phải làm gì với những người đó nếu họ có thể bị thuyết phục đầu hàng. Một cái gì đó khai sáng hơn tình trạng tù nhân chiến tranh hoặc tù nhân hình sự dường như được chỉ định. Có sự đồng ý chung rằng việc phục hồi nhân phẩm, bao gồm cơ hội kiếm sống tốt hơn, sẽ là lý tưởng, có lẽ trên một trong những hòn đảo xa xôi hơn. Chủ đề này đã được thảo luận trong nhiều ngày. Trong một buổi họp, Magsaysay đã nhắc nhở chúng tôi về những gì anh ta đã làm cho Tomas Santiago, bí danh Manila Boy, một người theo Huk nhỏ tuổi đã tiếp cận Magsaysay với ý định giết anh ta, nhưng sau đó lại mất tinh thần và đầu hàng. Trong trại tù nhân, Santiago đã cầu xin một cơ hội để chuộc lỗi; anh ta là một thợ mộc và có thể làm một số đồ nội thất cho Magsaysay nếu được cung cấp dụng cụ. Một số tù nhân khác nghe thấy lời cầu xin và yêu cầu một cơ hội bình đẳng. Magsaysay từ chối lời đề nghị đồ nội thất cá nhân cho chính mình nhưng đã đặt cược cho họ một khoản tiền khiêm tốn cho dụng cụ làm mộc và gỗ xẻ, cho phép họ thành lập một công ty kinh doanh, và để họ đấu thầu làm đồ nội thất cho quân đội. Họ đã thắng một cuộc đấu thầu cạnh tranh và

sớm khoe khoang với các tù nhân khác rằng họ đã bắt đầu kiếm được lợi nhuận và rằng “chủ nghĩa tư bản” vừa thú vị vừa bổ ích. Các tù nhân khác bắt đầu yêu cầu cơ hội tương tự.

Magsaysay có một quỹ dự phòng để sử dụng theo ý muốn, nhưng phần lớn số tiền này đã được dành cho việc mua vũ khí lẻ và tiền thưởng cho các thủ lĩnh Huk. Tuy nhiên, vẫn còn đủ để dành cho một hoặc hai dự án thí điểm khác. Bản thân số tiền đã được huy động bằng sự đóng góp phổ biến trong một chiến dịch “quỹ hòa bình” lớn ở Philippines, do Phó Tổng thống Fernando Lopez dẫn đầu, vào cuối năm 1950, tôi được biết rằng khoảng 2 triệu peso, tương đương với gần một triệu đô la Mỹ vào thời điểm đó, đã được thu thập. (Vì một sự kỳ quặc nào đó của bản chất con người, các nhà phê bình đã cố gắng ghi công tôi vì đã cung cấp những “quỹ hòa bình” này cho Philippines, miêu tả tôi là một kiểu người phố Wall với những túi tiền căng phồng, mua chuộc đường đời của tôi. Đây là một sự phỉ báng đối với hàng ngàn người Philippines đã moi tiền túi ra để đóng góp những quỹ này. Sự tín nhiệm hoàn toàn thuộc về họ.)

Mối quan tâm về những người Huks đầu

hàng, ý nghĩ về việc Manila Boy tư nhân làm đồ nội thất trong trại tù nhân, và sự sẵn có của tiền từ quỹ hòa bình cho một dự án thí điểm đã tự nhiên kết hợp với một ý tưởng khác được Đại tá Ciriaco Mirasol trình bày tại một *coffee klatsch*, một kế hoạch đưa các học viên quân đội vào các trang trại cơ giới hóa để học cả kỹ năng quân sự và nông nghiệp. Khái niệm EDCOR cuối cùng đã nhanh chóng xuất hiện sau đó, với Magsaysay là người đóng góp nhiệt tình cho những ý tưởng nảy nở, Magsaysay sẽ cam kết lấy đất được đánh giá là đất công, sẵn sàng cho việc định cư. Sau đó, anh ta sẽ cấp vốn ban đầu (*grubstake*) cho một nhóm người định cư trên mảnh đất này, những người định cư là những binh sĩ đã nghỉ hưu hoặc sắp nghỉ hưu và gia đình của họ cùng với cựu Huks không bị truy tố hoặc kết án bởi tòa án dân sự và những người mong muốn được “tái giáo dục theo lối sống dân chủ, hòa bình và hữu hiệu.” Khoản cấp vốn ban đầu sẽ bao gồm sáu đến tám hecta (mười lăm đến hai mươi mẫu Anh) đất cho mỗi gia đình, một ngôi nhà, một con trâu (*carabao*), dụng cụ nông nghiệp và hạt giống. Những người định cư thành công, những người thực sự cải tạo đất của họ, sau đó sẽ được cấp quyền sở hữu

hợp pháp đối với mảnh đất đó. Đó sẽ là một sự khởi đầu để làm lu mờ khẩu hiệu tập hợp của Huk là “đất cho người không có đất.”

EDCOR được chính thức thành lập vào ngày 15 tháng 12 năm 1950, là một trách nhiệm của Bộ Quốc phòng, với Mirasol phụ trách. Vào ngày 22 tháng 2 năm 1951, trang trại EDCOR đầu tiên được thành lập trên một ngàn sáu trăm hecta (gần bốn ngàn mẫu Anh) đất tại Kapatagan, Lanao, trên đảo Mindanao, xa về phía nam Manila và các chiến trường Luzon. Magsaysay, Mirasol, một đội quân, các nhà khảo sát và tôi đã đến Mindanao và xem xét khu vực. Đó là một khu rừng nguyên sinh tươi tốt, cách bờ biển vài km, được tiếp cận bằng một con đường lầy lội kinh khủng. Một vài trang trại nhỏ nằm dọc theo con đường này, với đất trông giàu dinh dưỡng và được báo cáo là có mùa màng bội thu. Trong khi quân đội đang dọn dẹp một khu cắm trại và dựng lều, tôi lắng nghe Magsaysay và Mirasol hình dung về tương lai. Họ chỉ ra nơi đặt thị trấn và một xưởng cưa và nói về việc xẻ gỗ từ cây khi rừng được dọn sạch và xây dựng một hội trường cộng đồng để che chở cho những người định cư đầu tiên. Họ nói về việc xây dựng một nhà nguyện, một trường học, một

trạm xá, một nhà ăn tập thể và một tòa thị chính sẽ được sử dụng làm trụ sở EDCOR. Nghe điều này giữa sự phát triển dày đặc của rừng rậm, với những cây to lớn cao chót vót trên đầu chúng tôi, tôi đã nghĩ một cách đen tối rằng vào thời điểm nơi này được chuẩn bị sẵn sàng cho những người định cư đầu tiên, chiến tranh sẽ kết thúc và cùng với nó là nhu cầu cấp thiết để quân đội tham gia vào một nỗ lực tiên phong như thế này. Tôi đã sai lầm đến mức nào! Đến tháng Năm đó, địa điểm tại Kapatagan đã sẵn sàng cho những người định cư đầu tiên, với con đường đã được sửa sang, khoảng một trăm hecta đã được dọn sạch, xưởng cưa đang hoạt động và hội trường cộng đồng cùng một tá ngôi nhà thô sơ đã được xây dựng. Nhân viên quân sự đã nghỉ hưu, gia đình của họ, kỹ thuật viên EDCOR và gia đình của họ, và năm mươi sáu người Huks đầu hàng, một số người có gia đình, cùng với đồ gia dụng, gia súc và vật tư, đã được chất lên một LST (Tàu há mồm) ở Manila. Chiếc hòm Nô-ê hiện đại này bắt đầu hành trình dài của nó xuống chuỗi hàng ngàn hòn đảo đến hòn đảo phía nam lớn là Mindanao. Magsaysay bay về phía nam và lên LST vào ngày cuối cùng trên biển, đưa một số nhân viên của mình và

tôi đi cùng. Lái thuyền những giờ cuối cùng đó với những người định cư, tôi đã tham gia vào một sự cố minh họa một cách rất con người về ý nghĩa của EDCOR đối với các chiến binh trong chiến dịch Huk.

Trên tàu LST, tôi thấy một người định cư trẻ tuổi nhìn chằm chằm vào tôi và sau đó nhanh chóng quay đầu đi. Điều này thật kỳ lạ. Sự tò mò của tôi trỗi dậy, tôi giữ một con mắt thận trọng theo dõi anh ta trong suốt hành trình. Anh ta di chuyển từ nhóm này sang nhóm khác, chọn ra các cá nhân để hội ý nghiêm túc. Tôi đề cập điều này với một trong những kỹ thuật viên EDCOR. “Ồ, vâng, tôi biết về anh ta,” kỹ thuật viên trả lời một cách tình cờ. “Anh ta là một kẻ điên, một trong những tù nhân Huk. Anh ta nghĩ rằng anh ta có thể khiến những người khác tham gia cùng anh ta để thành lập một nhóm Huk ở nơi chúng ta sẽ đến. Tôi không nghĩ anh ta gặp nhiều may mắn.” Lời tiết lộ bất ngờ của anh ta đã đánh mạnh vào tôi. Thật là một sự mỉa mai tàn bạo nếu toàn bộ giấc mơ EDCOR tươi sáng và tất cả công việc khó khăn đang được thực hiện để biến nó thành hiện thực hóa ra chỉ là một cơ hội bí mật để Huks mở rộng phong trào của họ vào Mindanao. Tôi nói với Magsaysay về

người Huk và những nỗ lực tuyển mộ của anh ta, nói thêm rằng có vẻ như việc sàng lọc an ninh của những người định cư Huk còn thiếu sót về sự kỷ lưỡng. Magsaysay đi đến chỗ người Huk và nói chuyện lâu với anh ta.

Sau đó, anh ta quay lại với tôi ở lan can, và chúng tôi nhìn ra biển và thảo luận về người Huk. Magsaysay thừa nhận rằng người đàn ông đã sử dụng tất cả các cụm từ sáo rỗng của Cộng sản về bất công xã hội và tham nhũng trong chính phủ, đã tranh cãi về lời kể rức rở của Magsaysay về việc làm nông nghiệp ở Mindanao, và rõ ràng cảm thấy rằng anh ta và những người Huks khác chỉ đang đi đến một kiểu nhà tù mới. Người Huk đã cay đắng lưu ý rằng anh ta là người đàn ông cuối cùng còn lại trong một gia đình, chỉ bao gồm mẹ và chị gái của anh ta. Cha anh ta đã chết cách đây không lâu, kiệt sức vì sự bất công của việc canh tác tá điền, để lại những khoản nợ mà người Huk trẻ tuổi hầu như không thể trả lãi, chứ đừng nói đến việc trả hết tiền gốc. Một hệ thống mục nát! Magsaysay đã kết luận rằng người Huk, mặc dù còn trẻ, nghe có vẻ như anh ta đã vượt quá khả năng phục hồi nhân phẩm. Buồn bã, Magsaysay đã nói với

người Huk rằng anh ta sẽ được trả lại trại tù nhân ở Manila.

Khi chiếc LST cập bến tại bãi đổ bộ Kapatagan, một trăm người đã tập trung tại bãi đổ bộ chờ đợi chào đón những người mới đến. Có quân đội công binh trong bộ đồ lao động, những người đã làm việc trong dự án EDCOR, và các gia đình nông dân từ khu vực tò mò về những người hàng xóm mới của họ. Đó là một bữa tiệc nhỏ dường như còn nhỏ hơn so với bối cảnh của những cây rừng rậm cao lớn. Họ vẫy tay, nhảy lên xuống một cách phấn khích, la hét, và vẫy những tấm biển thô sơ được viết bằng những lời chào mừng đến những người định cư mới. Một ban nhạc ba người gồm trống, kèn đồng và kèn tuba chơi một cách rộn ràng nhưng lạc điệu. Khi chúng tôi lên bờ và những người chào đón tiến lên để chào chúng tôi, những con chó chạy quanh rìa đám đông và sủa chúng tôi. Giữa tiếng ồn ào của âm nhạc, tiếng la hét và tiếng chó sủa, khuôn mặt của những người chào đón rạng rỡ niềm vui khi thấy những người mới đến. Tôi chợt nhận ra rằng họ chắc hẳn đã cảm thấy cô đơn ở nơi mà họ tin là một điểm tận cùng của thế giới. Khung cảnh thật cảm động.

Sau đó, khi những người mới đến leo lên

xe tải và nhìn xung quanh sự phát triển tươi tốt, người định cư Huk phản bội của chúng tôi chạy đến Magsaysay và cầu xin rằng anh ta được phép ở lại. Anh ta nói rằng mọi thứ hoàn toàn khác so với những gì anh ta nghĩ, rằng Magsaysay và quân đội thực sự có vẻ chân thành. Anh ta chưa bao giờ tưởng tượng rằng đủ đủ có thể lớn như những quả mà anh ta thấy ở đó. Làm ơn, anh ta cầu xin, anh ta muốn ở lại. Tôi quan sát người Huk và Magsaysay, tự hỏi liệu người Huk có thực sự bị lây nhiễm bởi sự nhiệt tình của những người chào đón hay không. Magsaysay cau mày giải thích rằng EDCOR chỉ dành cho những người thực sự muốn một khởi đầu mới trong cuộc sống, không dành cho những người muốn mang những rắc rối cũ của họ đến một khung cảnh mới. Người Huk cầu xin nhiều hơn. Nếu anh ta giành được quyền sở hữu một trang trại tại EDCOR, anh ta sẽ là người đàn ông đầu tiên trong toàn bộ lịch sử gia đình mình sở hữu đất đai của mình. Nếu Magsaysay cho anh ta một cơ hội thứ hai, anh ta muốn đưa mẹ và chị gái của mình từ Luzon xuống, xây dựng một ngôi nhà mới cho gia đình. Làm ơn! Nghe vậy, Magsaysay đã nhân nhượng. Anh ta đồng ý rằng người Huk có thể ở lại với điều kiện anh ta chứng

minh được sự chân thành của mình. Trong vài tuần nữa, Magsaysay sẽ đến thăm nơi này một lần nữa. Nếu sĩ quan EDCOR báo cáo rằng người Huk đang làm phần việc của mình và cư xử tốt, thì Magsaysay sẽ đưa anh ta trở về quê hương ở miền trung Luzon. Ở đó, anh ta có thể nói với mọi người về EDCOR, cũng như giúp mẹ và chị gái chuẩn bị cho việc chuyển đến Mindanao. Có nước mắt trong mắt chàng trai trẻ khi chúng tôi rời đi.

Hai tuần sau, Magsaysay đến thăm EDCOR, nghe những báo cáo tốt về người Huk, và đưa anh ta quay trở lại miền trung Luzon bằng máy bay. Chàng trai trẻ đề nghị nói về EDCOR không chỉ với người dân quê hương mình mà còn ở các thị trấn khác nơi Huks đã hoạt động. Magsaysay đồng ý và người Huk đã dành những ngày tiếp theo ở hàng chục thị trấn của “Huklandia,” nghe như một sự kết hợp giữa nhà truyền giáo và chủ tịch phòng thương mại. Anh ta công khai thừa nhận rằng mình từng là Huk nhưng bây giờ cảm thấy rằng làm Huk là sai. Anh ta sẽ dang tay, theo kiểu chuyện cá, để khoe trái cây và rau quả ở Mindanao lớn khổng lồ như thế nào. Anh ta khoe rằng mình đang có một ngôi nhà và sẽ sớm là chủ sở hữu

của một trang trại tám hecta. Khi chuyển đi diễn thuyết của anh ta kết thúc, người Huk và gia đình anh ta, với những tài sản ít ỏi của họ, đã đến Mindanao và cuộc sống mới của họ tại EDCOR.

Một tháng sau, Hank Lieberman, người lúc đó đang đưa tin về Viễn Đông cho tờ *New York Times*, bay từ Hong Kong sang để đưa tin về chiến dịch Huk ở Philippines. Tôi đang ở Kapatagan, kinh ngạc trước bãi đất trống rộng lớn đã được dọn sạch, những con phố nhà mới và các lớp học của trẻ em trong ngôi trường thô sơ, thì Lieberman đến. Anh ta hỏi mọi người trong tầm mắt, sau đó đến chỗ tôi. Anh ta thất vọng. Những người anh ta phỏng vấn dường như rất vui vẻ, đầy tự hào về những thành tựu hàng ngày của họ. Anh ta nói, không ai trong số họ dường như từng là kẻ thù, nhìn vào cách họ hòa hợp với nhau trong tình bạn rõ ràng. Liệu thực sự có bất kỳ cá nhân nào ở EDCOR đã từng là một Huk thực sự, đã bắn một phát súng trong cơn giận vào quân đội chính phủ không?

Tôi chỉ cho Lieberman thấy cựu Huk phản bội đó, giải thích rằng tôi biết chắc chắn anh ta đã là một Huk cứng rắn. Lieberman nói chuyện với anh ta khoảng nửa giờ. “Đồ khốn nạn,” anh ta nói với tôi một cách cay

đắng, khi anh ta quay lại. Anh ta uống một cốc cà phê quay lưng lại với tôi. Tôi hỏi anh ta có chuyện gì sai. Lieberman giải thích bằng giọng điệu có chủ ý rằng anh ta là một nhà báo chuyên nghiệp, điều đó có nghĩa là anh ta là một phóng viên trung thực và có trách nhiệm, người sẽ không bị lừa bởi một trong những đặc vụ tuyên truyền của tôi. Ngay cả khi tôi kể cho anh ta toàn bộ câu chuyện, anh ta vẫn hoài nghi. Người Huk đã quá nhiệt tình về trang trại mới của mình và những khả năng cho tương lai đến nỗi bất kỳ ai chưa từng biết người đàn ông này trước đây sẽ không tin rằng anh ta từng là kẻ thù.

Khoảng thời gian này, Huks đang xuất hiện tại các trại BCT và đề nghị đầu hàng. Khi làm như vậy, họ sẽ hỏi bao lâu họ có thể có một trang trại ở EDCOR! EDCOR, vào thời điểm đó chỉ mới định cư cho năm mươi sáu người Huks đầu hàng, đã trở thành một chủ đề yêu thích trong các trại Huk mặc dù có các biện pháp đối phó được thực hiện bởi cán bộ chính trị Cộng sản để ngăn chặn cuộc nói chuyện. Giấc mơ EDCOR quá hấp dẫn để bị xóa bỏ bằng biện chứng.

Tin tức về EDCOR lan rộng. Khách từ đất liền châu Á bắt đầu yêu cầu được xem “EDCOR” như thể nó là một điểm thu hút

khách du lịch có thể so sánh với ruộng bậc thang Banaue hoặc các núi lửa đang hoạt động như Mayon hay Hibokhibok. Trong số các vị khách vào năm 1951 có các quan chức Anh từ Malaya nơi một cuộc chiến khác chống lại du kích Cộng sản đang hoành hành. Chúng tôi đã có những cuộc nói chuyện dài, so sánh các vấn đề của hai chiến dịch và các giải pháp khác nhau đang được thử. Các vị khách Anh nhấn mạnh các câu hỏi về EDCOR, đặc biệt hỏi chi tiết về các nhà máy điện. Việc tôi nói “Ồ, vâng, có một máy phát điện của quân đội ở Kapatagan” đã không làm họ hài lòng. Người Anh đã chuyển một lượng lớn người dân ra khỏi các khu vực rắc rối ở Malaya và đặt họ vào hàng trăm “làng mới,” mỗi làng được bao quanh bằng hàng rào và dây thép gai để phòng thủ và kiểm soát dân số, chứa nhà ở đáng kể, đường mới, trường học, tòa thị chính và nguồn cung cấp nước tốt. Người dân đã cay đắng về việc buộc phải chuyển từ nhà cũ của họ ở các khu vực bị du kích quấy phá. Bây giờ họ đang phàn nàn rằng “các làng mới” không có đèn điện, “như EDCOR ở Philippines”! Các sĩ quan Anh cảm thấy khó tin rằng EDCOR chỉ là một khu định cư tiên phong nhỏ và nó chỉ bao gồm năm mươi sáu cự Huks. “Nhưng

mọi người nói về nó rất nhiều, phải có nhiều hơn chứ!” họ phản đối. Trong phép loại suy của Mao về cá du kích bơi trong nước quần chúng nhân dân, “các làng mới” của Anh đã đối phó với “nước.” EDCOR ban đầu đối phó với “cá.”

Một cộng đồng trang trại EDCOR thứ hai được thành lập ở một khu vực khác của Mindanao vào năm sau, và một khu thứ ba vào năm 1954. Trong khi đó, các quan chức EDCOR đã xem xét hòn đảo Luzon, nơi Manila và các chiến trường Huk chính nằm. Năm 1953, một khu định cư EDCOR đã được bắt đầu ở đó khoảng một trăm dặm về phía bắc giới hạn xa nhất về phía bắc của các hoạt động của kẻ thù. Ngoài ra, trong một hành động đầy kịch tính, EDCOR đã chọn *barrio* (khu phố) nghèo khổ nhất của San Luis, Pampanga, là quê hương của “Supremo” Huk Luis Taruc, và đề nghị cư dân của nó một cơ hội để định cư trên vùng đất mới ngay bên kia sông từ nhà cũ của họ nếu họ giúp quân đội chuẩn bị khu vực. Thị trấn nằm ngay tại trung tâm chiến trường, cách Manila khoảng ba mươi dặm về phía bắc. Hầu hết con trai của thị trấn đã tạo nên lực lượng Huk ban đầu. Thị trấn và những thách thức kinh tế xã hội của nó từ lâu đã

mê hoặc chúng tôi trong các buổi *coffee klatsch*. Khi cư dân của nó và lực lượng chính phủ bắt đầu hợp tác với nhau, Huks mất đi những dấu vết cuối cùng của việc có một “cơ sở quần chúng.” Kết thúc đã ở ngay trước mắt họ.

Vùng “đất mới ngay bên kia sông” từ San Luis là Đầm lầy Candaba nổi tiếng, một vùng đất thấp lầy lội rộng lớn bị ngập nước trong nửa năm và tạo ra một rào cản nước ngang qua thung lũng trung tâm màu mỡ chạy về phía bắc từ Manila đến những ngọn núi cách đó một trăm dặm. Tương tự như các vùng vịnh hẹp (*bayous*) của Louisiana, đường cao tốc băng qua nó trên các con đê và cầu. Các tiểu đoàn Huk rất thành thạo trong việc thoát khỏi quân đội truy đuổi bằng cách đi vào đầm lầy. Vì vậy, địa lý đã làm tăng thêm kịch tính cho việc *barrio* di chuyển từ San Luis. Với sự giúp đỡ tình nguyện của cư dân, quân đội đã dọn sạch và thoát nước khu vực mới để ở và làm nông nghiệp. Khi vùng đất mới nổi lên khô ráo, các lô đất nông nghiệp đã được khảo sát, nhà ở và trường học mới được xây dựng, giếng nước ngọt được đào và một cây cầu được xây dựng bắc qua sông nối liền *barrio* mới và cũ. Quân đội đã chuyển tất cả cư dân

của *barrio* cũ đến *barrio* mới và giúp họ hạt giống và lời khuyên nông nghiệp. Cộng đồng các chủ đất mới đã nhanh chóng phát triển thành cuộc sống thành công, một ví dụ rõ ràng về những gì người dân và chính phủ của họ nên có khả năng hoàn thành khi có ý chí.

Lần cuối cùng tôi đến thăm EDCOR là vào năm 1959 khi tôi phục vụ trong ban tham mưu của Ủy ban của Tổng thống để Nghiên cứu Chương trình Hỗ trợ Quân sự Hoa Kỳ, do William H. Draper, Jr. đứng đầu. Vào thời điểm đó, các quan chức EDCOR nói với tôi rằng quyền sở hữu đã được cấp cho hầu hết các vùng đất nông nghiệp, rằng các khoản cấp vốn ban đầu phần lớn đã được hoàn trả, và rằng các cộng đồng EDCOR là một ảnh hưởng lành mạnh đến an ninh và sự ổn định của toàn bộ các khu vực mà chúng được đặt. Các trang trại EDCOR có dân số là 5.175 người.

GHI CHÚ

BỮA SÁNG. Có lần, khi tôi trêu chọc Magsaysay về việc ăn ngô đóng hộp vào bữa sáng, anh ta kể cho tôi câu chuyện về việc anh ta gặp Quân đoàn XI của Tướng Hall khi nó đến Vịnh Subic trong cuộc giải phóng Thế chiến thứ hai. Magsaysay đã đi ra bằng thuyền chèo để gặp lực lượng đặc nhiệm hải quân và tàu vận chuyển quân đang đến, để nói với họ không nổ súng vào bờ vì du kích của anh ta đã

dọn sạch những người phòng thủ Nhật Bản. Sau cuộc hội ý của anh ta với các quan chức cấp cao Mỹ, anh ta được mời ăn sáng trong phòng ăn tập thể của tàu. Một cậu bé phục vụ hỏi anh ta muốn ăn gì. Nhìn quanh bàn, Magsaysay thấy những bát cháo bột yến mạch, bị người Mỹ đẩy sang một bên không đụng đến, và nhận ra rằng anh ta đói, muốn ăn một ít, vì đã không nếm bột yến mạch kể từ cuộc xâm lược của Nhật Bản năm 1941. Anh ta hỏi những người Mỹ ở bàn liệu họ có định ăn bột yến mạch của họ không. Chắc chắn là không, họ nói với anh ta, chúng tôi chán ngấy thứ này rồi. Trước sự kinh ngạc của họ, anh ta bảo họ chuyển những cái bát cho anh ta và ăn bột yến mạch cho đến khi anh ta no căng.

CHƯƠNG BỐN

* *

BẮT GIỮ BỘ CHÍNH TRỊ

Sự kiện đáng kinh ngạc nhất trong số nhiều sự kiện kịch tính trong chiến dịch Huk đã xảy ra vào mùa thu năm 1950. Tôi được Magsaysay giới thiệu về nó một cách tình cờ, bằng quơ vào một buổi tối. Chúng tôi đã thư giãn sau bữa tối, suy ngẫm về sự khác biệt giữa hòa bình mà chúng tôi đã hình dung trong Thế chiến thứ hai và sự thiếu hòa bình mà chúng tôi đã tìm thấy trong thời kỳ hậu chiến. Một lúc chúng tôi im lặng. Magsaysay phá vỡ sự im lặng bằng cách bình luận nhẹ nhàng rằng có lẽ có một triệu người ủng hộ khác tham gia ngoài những người thực sự trong hàng ngũ Huk. Anh ta có tin rằng các nhà tổ chức Huk hiện có tới một triệu người Philippines trong “cơ sở quần chúng” của họ, tích cực hỗ trợ họ không? Bản thân anh ta thấy khó tin, nhưng đó là những gì một trong những lãnh đạo của

phía bên kia đã nói với anh ta, một người đàn ông là nhân vật số bốn hoặc số năm trong đảng Cộng sản Philippines. Anh ta nghe có vẻ rất chắc chắn về con số đó. Anh ta không khoe khoang. Hoàn toàn ngược lại. Nhà lãnh đạo này rõ ràng đang đau lòng về hướng đi mà cuộc đấu tranh vũ trang Huk đang diễn ra và về sự biện minh bằng biện chứng tron tru cho sự đổ máu bạo lực. Anh ta cảm thấy bị cuốn vào một cơn ác mộng và tuyệt vọng vì một chiến thắng Cộng sản dường như là bất khả kháng về mặt lịch sử.

Tôi ngồi thẳng dậy và nhìn Magsaysay chăm chăm. “Điều này là thật sao?” Tôi hỏi anh ta. “Anh đã nói chuyện với một trong những lãnh đạo của kẻ thù?” Tôi không thể tin vào tai mình. Magsaysay gật đầu. Tôi dồn dập hỏi anh ta.

Nhà lãnh đạo Huk mà anh ta đã nói chuyện là Taciano Rizal, cháu trai của Tiến sĩ Jose Rizal. (Rizal có lẽ là anh hùng dân tộc vĩ đại nhất ở Philippines, một tiểu thuyết gia và là nhà lãnh đạo truyền cảm hứng cho cuộc nổi dậy chống lại Tây Ban Nha vào cuối thế kỷ XIX, người đã bị đội xử bắn của Tây Ban Nha hành quyết vào năm 1896. Tên gia đình sẽ vô giá đối với những người Cộng sản Philippines, giống như tên của Washington ở

Hoa Kỳ.) Cháu trai Rizal rõ ràng đã bắt măn với các thành viên đồng nghiệp của Bộ Chính trị (*Politburo*) một thời gian trước và đã nói về điều này với một chính trị gia thân cận với Tổng thống Quirino. Quirino đã chuyển thông tin đó cho Cơ quan Tình báo Quân sự (MIS), nhưng không có hành động nào được thực hiện; lời mách nước có vẻ sai như nhiều lời khác, vì không có ai được liệt kê trong hồ sơ thông tin đã biết của họ dưới cái tên Rizal hoặc bí danh “Commander Arthur” của anh ta. Rizal đã yêu cầu anh ta được gặp một quan chức cấp cao, một mình, không vũ trang, và vào nửa đêm, tại một địa điểm do Rizal chọn ở quận Tondo của Manila. Đó là nơi tụ tập của các băng đảng xã hội đen và những kẻ lừa đảo. Thiết lập này có mùi xấu đối với một người chuyên nghiệp, gợi ý một vụ bắt cóc hoặc giết người vì lợi ích chính trị. Magsaysay được Tổng thống Quirino kể về Rizal vào ngày anh ta tuyên thệ nhậm chức bộ trưởng quốc phòng và đã hành động theo lời mách nước ngay trong đêm đó. Anh ta đã gặp Rizal, một mình, không vũ trang, vào nửa đêm, trong một ngôi nhà ở Tondo, và đã nói chuyện với anh ta trong hai giờ. Jerry Palaypay, phụ tá của Magsaysay, và một tài xế đã đợi bên ngoài trong xe hơi.

Magsaysay tin rằng Rizal chân thành muốn rời khỏi phong trào Huk. Mặc dù Rizal đã chỉ trích gay gắt về sự vô đạo đức của chính phủ Philippines, anh ta cũng cay đắng vỡ mộng bởi những gì anh ta đã thấy về sự chỉ đạo của Bộ Chính trị trong cuộc xung đột Huk. Anh ta không tìm kiếm sự tha thứ khi đầu hàng; anh ta yêu cầu mình bị xét xử trước tòa về các hành động của mình giống hệt như bất kỳ thành viên Bộ Chính trị nào khác. Anh ta đã sẵn sàng cho bất kỳ hình phạt nào, bao gồm cả cái chết hoặc tù chung thân. Lời kể của Magsaysay đã thuyết phục tôi. Rizal nghe có vẻ như anh ta là một trong những người lý tưởng đã ôm lấy chủ nghĩa Cộng sản như những người khác ôm lấy một tôn giáo. Việc phá vỡ chắc hẳn là một quyết định tìm kiếm linh hồn, với cảm giác tội lỗi của anh ta dẫn đến mong muốn bị trừng phạt.

Magsaysay sẽ gặp lại Rizal vào đêm hôm sau, vì vậy chúng tôi thức khuya thảo luận về tình hình. Rizal đã đề cập rằng đã có một sự chia rẽ vật lý trong Bộ Chính trị, một nửa số thành viên của nó ở lại thành phố Manila và được gọi là Bộ Chính trị “trong” (*Politburo “in”*), nửa còn lại tham gia lực lượng Huk trên chiến trường và được gọi là Bộ Chính trị “ngoài” (*Politburo “out”*).

Những người sau này là mối quan tâm hàng đầu của tôi, vì họ đang cung cấp sự lãnh đạo chính trị trực tiếp cho du kích. Tôi nhớ lại du kích Philippines trong Thế chiến thứ hai và sự hấp dẫn mạnh mẽ mà sự xuất hiện của một tàu ngầm Mỹ mang lại cho họ. Có lẽ các lãnh đạo du kích Huk sẽ thấy sự xuất hiện được đồn đại của một tàu ngầm Liên Xô cũng không thể cưỡng lại được. Thông qua Rizal, chúng tôi có thể đưa tin đáng tin cậy đến Huks về sự xuất hiện của một tàu ngầm như vậy và sử dụng nó như nam châm để thu hút các lãnh đạo Huk đến một cuộc hẹn, nơi chúng tôi có thể bắt giữ họ. Tôi yêu cầu Magsaysay đề xuất điều này với Rizal và sau đó bắt tay vào việc cố gắng “mượn” một tàu ngầm Mỹ có thể được ngụy trang và sử dụng cho chiến dịch. Rizal đồng ý nhưng nói rằng chúng tôi chỉ có một tuần để làm điều đó vì các thành viên Bộ Chính trị khác đang trở nên quá nghi ngờ về anh ta và uy tín của anh ta đang suy giảm. Bohannon và tôi bắt đầu luyện tập các cụm từ tiếng Nga, để chúng tôi có thể đóng giả làm sĩ quan boong Liên Xô, và tôi cố gắng thuyết phục chính quyền Mỹ cho tôi mượn một tàu ngầm cho công việc này. Chúng tôi đã hoàn thành một kế hoạch chi tiết, bao gồm “mồi nhử”

thuyết phục. Nếu các lãnh đạo của lực lượng chiến đấu Huk có thể bị bắt gọn trong một lần, cuộc chiến sẽ gần kết thúc.

Lời cầu xin của tôi với các quan chức Mỹ để cho tôi mượn một tàu ngầm trong vài ngày dường như chỉ làm dấy lên sự nghi ngờ của họ rằng tôi đã phát điên. Kết quả đáng thất vọng là tôi đã không có được tàu ngầm và phải từ bỏ kế hoạch. Điều này để lại các thành viên Manila của Bộ Chính trị “trong”. Rizal từ chối tố cáo họ với Magsaysay nhưng đã để lọt một manh mối về cách họ có thể được định vị. Thông tin liên lạc giữa các thành viên Bộ Chính trị được truyền đi khắp thành phố bởi một nữ chuyển phát nhanh giao giỏ thức ăn; ẩn trong các giỏ là những tin nhắn bí mật để phân phát cho các thành viên. Nếu cô ấy bị theo dõi và các điểm dừng của cô ấy được ghi nhận, vị trí của các thành viên Bộ Chính trị sẽ được phát hiện! Việc có một liên kết dễ nhận biết như vậy giữa các thành viên hàng đầu của một nhóm bí mật, như Bộ Chính trị, ẩn náu ở Manila, thật khó tin. Tuy nhiên, dù manh mối nghe có vẻ không hợp lý đến đâu, nó có thể là sự thật. Cơ quan Tình báo Quân sự (MIS) được giao nhiệm vụ theo dõi người phụ nữ. Họ nhanh chóng có được thông tin chúng tôi cần.

Vào sáng sớm ngày 18 tháng 10 năm 1950, hai mươi mốt đội đột kích MIS đã được bố trí xung quanh những ngôi nhà đã được định vị. Được trang bị lệnh khám xét, họ hành động đồng thời; 105 người đã bị bắt, bao gồm hầu hết các thành viên của Bộ Chính trị “trong”. Gần năm tấn tài liệu đã bị thu giữ, hồ sơ các hoạt động trong quá khứ, biên bản các cuộc họp chính sách và các kế hoạch chi tiết của những người Cộng sản. Vũ khí, máy phát radio, máy đánh chữ và máy in ronéo đã được tìm thấy cùng với các giấy tờ. Đó là một đòn tấn công kịch tính khiến kẻ thù bị tê liệt nhưng chưa bị hạ gục. Vẫn còn các lãnh đạo Cộng sản hoạt động ở nông thôn, những người có thể đảm nhận công việc đã được thực hiện bởi các thành viên Bộ Chính trị bị bắt. Các cáo buộc kích động nổi loạn, phản quốc và nổi loạn đã được đệ trình. Các phiên tòa sau đó kéo dài trong ba năm trước khi các thành viên Bộ Chính trị, bao gồm cả Rizal, bị kết án và tuyên án. Cuối cùng, vai trò của Rizal trong việc bắt giữ Bộ Chính trị đã được công khai.

Các tài liệu, bao gồm biên bản các cuộc họp, tiết lộ rằng phong trào Huk đã đạt đến đỉnh điểm ngay vào thời điểm Magsaysay đã phụ trách cuộc chiến chống lại họ và

khi tôi đến Philippines để giúp đỡ. Một kế hoạch chiến lược để chiếm đoạt quyền lực quốc gia đã được khởi xướng, kêu gọi sự sụp đổ của chính phủ và thành lập một nhà nước Cộng sản trước ngày 1 tháng 5 năm 1952. Tư cách thành viên đảng sẽ tăng nhanh từ 10.800 lên 172.000; quần chúng có tổ chức được lên kế hoạch lên tới gần 2,5 triệu vào giữa năm 1951. Lực lượng Huk hiện tại chỉ có 15.000 người, nhưng đang được mở rộng thành ba mươi lăm sư đoàn, mỗi sư đoàn 3.329 người, với tổng số 116.515 người. Để đẩy nhanh sự phát triển này, các lãnh đạo Huk được chọn đã được gửi đến các khu vực xa hơn các khu vực hoạt động cũ đã được đặt tên là “Huklandia,” để tuyển mộ và chuẩn bị các lực lượng mới. Hầu hết sự mở rộng này là trên đảo Luzon, nơi cuộc chiến hiện tại đang diễn ra, nhưng xa hơn về phía bắc và phía nam của khu vực chiến đấu. Một trong những lãnh đạo cũng đã đến Visayas, các đảo giữa của chuỗi đảo Philippines, và đang báo cáo một số thành công trong việc tuyển mộ tân binh. Do đó, cùng với niềm hân hoan của chúng tôi về việc bắt giữ Bộ Chính trị ở Manila, có một sự thừa nhận tinh táo rằng kẻ thù là một lực lượng có tổ chức tốt hơn, mạnh hơn so với những gì đã tưởng tượng.

Phản ứng đã làm rung chuyển các cấp cao nhất của chính phủ. Trên hết sự sốc khi phát hiện ra một sự lãnh đạo chính trị đối thủ, bí mật tồn tại trong thủ đô, có một sự thức tỉnh đối với thực tế là chính phủ có nguồn lực pháp lý ít ỏi để đối phó với bạo lực Huk. Luật pháp cho phép một người bị bắt giữ không được giữ quá sáu giờ mà không có cáo buộc chính thức. Công tố viên (*fiscal - district attorney*) nào sẽ thấy khả thi để buộc tội một Huk bị bắt với tội phản quốc, kích động nổi loạn, hoặc thậm chí giết người trong giới hạn sáu giờ mà anh ta có để kiểm tra bằng chứng và hy vọng nhận được một bản án khi vụ án được xét xử tại tòa? Một danh sách ngày càng tăng các công tố viên và thẩm phán đã bị giết, bắt cóc, hoặc bị nổ nhà sau những lời đe dọa của Huks tại tòa đã nhấn mạnh sự cần thiết phải có bằng chứng kỹ lưỡng trước khi đưa ra cáo buộc. Trừ khi có bằng chứng mạnh mẽ tại thời điểm bắt giữ, các công tố viên có xu hướng không đưa ra cáo buộc. Nhiều Huk, bị bắt khi ở một mình, đã được thả sau sáu giờ.

Ba ngày sau vụ bắt giữ Bộ Chính trị, với các vấn đề pháp lý đi kèm, Tổng thống Quirino đã ban hành Tuyên bố 210 (*Proclamation 210*), tạm thời đình chỉ quyền bảo thân (*writ*

of habeas corpus) trong các trường hợp kích động nổi loạn, phản quốc và nổi loạn. Hành động của ông được quy định trong Hiến pháp Philippines khi quốc gia đối mặt với nổi dậy hoặc nổi loạn nhưng đã không được thực hiện cho đến thời điểm đó. Tôi rất quan tâm đến sự rút ngắn quyền này và thấy rằng Magsaysay chia sẻ quan điểm của tôi. Chúng tôi kết luận rằng việc đình chỉ quyền bảo thân nên được đặt trên cơ sở tạm thời hợp lý, với việc khôi phục sẽ được thực hiện ngay khi thực tế cho phép. Chúng tôi đã xác định trên bản đồ các ranh giới chính xác của những khu vực mà Huks đang sử dụng khủng bố để biến công lý thành trò hề, là giới hạn mà Tuyên bố 210 sẽ áp dụng. Các thủ tục kiểm tra đã được đưa vào thực hiện để đảm bảo rằng tù nhân không bị ngược đãi trong khi bị giam giữ. Một hệ thống đánh giá đã được đội ngũ của Magsaysay tạo ra để khi một khu vực không còn khủng bố, quyền bảo thân có thể được khôi phục kịp thời. Magsaysay đã thảo luận với Tổng thống Quirino những đề xuất này để thực hiện tuyên bố và nhận được sự chấp thuận của ông. Một năm sau, hòa bình đã đến với hầu hết các khu vực có vấn đề và quyền bảo thân đã được khôi phục.

Vụ bắt giữ Bộ Chính trị ở Manila dường như đã gây ra những hành vi quá mức mới từ kẻ thù Huk. Có một sự bùng nổ của các vụ cướp bóc, đốt nhà, giết người và bắt cóc và sự gia tăng các cuộc tấn công du kích của các đại đội Huk chống lại các đơn vị quân sự, với việc thêm vào đó là lựu đạn ném vào những người lính bị thương đang được sơ tán đến bệnh viện bằng xe jeep. Có một hương vị Jesse James trong một vụ cướp, khi Huks chặn Đường sắt Manila tại Binan và lấy đi số tài sản trị giá 76.000 đô la. Một trang trại bò sữa gần Manila đã bị Huks đột kích, họ yêu cầu tiền từ hai chủ sở hữu trẻ người Mỹ, Ông và Bà John Hardie, và sau đó giết họ và quân đốc của họ, Donald Copuano. Mục đích đằng sau cuộc tấn công Hardie rõ ràng là khủng bố đơn giản, để khiến những thường dân không vũ trang khác sống ở ngoại ô sợ hãi tuân thủ các yêu cầu của Huks. Những người bị sát hại tại trang trại Hardie đã cống hiến cuộc đời mình để cung cấp sữa tươi cho trẻ em Manila.

Một cuộc tấn công Huk đã chạm đến Magsaysay sâu sắc. Đêm 25 tháng 11 năm 1950, khoảng một trăm Huks đã đột kích quê hương anh ta là Barrio Aglao ở Zambales. Anh ta đã sống ở đó khi còn là một cậu bé và

sẽ lẩn tránh các nhiệm vụ chính thức bất cứ khi nào có thể để có vài giờ bình yên nông thôn giữa những người sống trong *barrio*. Gần như mọi người đàn ông, phụ nữ và trẻ em trong *barrio* là bạn bè cá nhân của anh ta. Trong cuộc đột kích của họ, Huks đã giết hai mươi hai cư dân *barrio* – đàn ông, phụ nữ và trẻ em – bắt cóc mười người khác, và đốt cháy ba mươi bốn ngôi nhà.

Tin tức về cuộc tấn công Aglao đến Magsaysay ở Manila vào rạng sáng ngày 26 tháng 11, khoảng thời gian Huks đang rút khỏi *barrio*. Chúng tôi vội vã đến hiện trường. Tại Aglao, khuôn mặt xấu xí nhất của chiến tranh đang hiện ra. Khói bốc lên, gỗ vẫn còn cháy âm ỉ, từ những ngôi nhà bị cháy. Các thi thể nằm rải rác trên mặt đất. Hầu hết đường như đã bị chặt thành từng mảnh bằng dao bolo. Những người sống sót quỳ xuống, khóc lóc, bên cạnh những cái đầu, cánh tay, bàn tay, bàn chân và thân mình bị phân tán của những người họ yêu thương. Chúng tôi được thông báo về quy mô của lực lượng Huk và rằng nó đã rời *barrio* lúc 02:30 giờ, rút lui về phía đông về phía dãy núi Zambales. Quân đội đã đến hiện trường ngay trước chúng tôi. Các đồng đội du kích cũ của Magsaysay, được trang bị súng ngắn, dao và súng lục, đã

đến *barrio* khi tin tức lan truyền đến các thị trấn lân cận. Tất cả chúng tôi đều đuổi theo lực lượng Huk. Chúng tôi giống một nhóm biệt đội truy nã (*posse*) hơn là một đơn vị quân sự truy đuổi kẻ thù.

Đến giữa buổi chiều, rõ ràng là chúng tôi sẽ không bắt kịp kẻ thù ngày hôm đó. Các bộ lạc Negrito trong núi, bạn bè của Magsaysay từ thời du kích, rụt rè xuất hiện từ khu rừng rậm và thông báo cho chúng tôi rằng Huks vẫn còn xa trước mặt chúng tôi. Chúng đang tận dụng tốt lợi thế xuất phát trước. Tôi đặt một cánh tay thông cảm qua vai Magsaysay và nhắc nhở anh ta rằng anh ta không còn là một thiếu tá du kích nữa. Bất chấp sự kinh hoàng của Aglao, có những cuộc tấn công khác đang diễn ra ở nơi khác. Anh ta cản trở lại công việc được giao là bộ trưởng quốc phòng thay vì truy đuổi một nhóm kẻ thù nhỏ. Magsaysay nhìn chằm chằm vào khoảng không, lặng lẽ suy nghĩ về gánh nặng của mình, sau đó lắc mình như thể thoát ra khỏi một giấc mơ tồi tệ. Anh ta nói nhỏ nhẹ, “Điều đó không được xảy ra nữa, không bao giờ.” Anh ta ra lệnh tiếp tục truy đuổi cho đến khi mọi tên Huk trong cuộc tấn công vào Aglao bị bắt. Anh trai của anh ta là Jesus Magsaysay và các cựu du

kích khác hiện diện đã thể sẽ theo dõi vụ này đến cùng, và chúng tôi trở về Manila, đau lòng và mệt mỏi.

Ký ức về Aglao vẫn còn với Magsaysay. Trong những đêm ngay sau đó, những cơn ác mộng sống động sẽ xé anh ta ra khỏi giấc ngủ; và một lần anh ta đứng dậy khỏi giường và mặc quần áo chiến đấu, nắm lấy súng carbine nhảy dù của mình, nhét đầy đạn vào túi, và yêu cầu tôi nhanh chóng tham gia cùng anh ta. Tôi biết rằng không có tin nhắn khẩn cấp nào qua điện thoại hoặc người đưa tin. Anh ta khẳng định rằng Huks đang tấn công một thị trấn khác, giết phụ nữ và trẻ em, và thật khó để tôi thuyết phục anh ta rằng anh ta đã mơ tất cả.

Tuy nhiên, Aglao mang lại cho anh ta nhiều hơn là những giấc mơ tồi tệ. Mối quan tâm của anh ta đối với hoàn cảnh của người dân “Huklandia” tăng lên, và anh ta thực hiện nhiều chuyến thăm thực địa hơn, ghé vào những túp lều tranh (*nipa shacks*) căn cỗi của những gia đình nghèo nhất, nhìn vào nồi nấu ăn để xem bữa ăn đạm bạc của họ. Từ những chuyến thăm thực địa này, nơi anh ta ngày càng hiểu rõ quân đội và người dân, anh ta sẽ đi thẳng đến các cuộc họp nội các ở Malacanang, cung điện tổng thống ở

Manila. Anh ta không nhận thức được điều đó vào thời điểm đó, nhưng anh ta đang bắt đầu phản ánh nhu cầu và cảm xúc của người dân và quân đội khi tham dự các cuộc họp nội các, vô thức trở thành người phát ngôn của họ. Điều đó khiến anh ta khác biệt với các giám đốc điều hành chính phủ khác và khiến họ ngày càng lo lắng về anh ta. Sự giận dữ của anh ta đối với hiện trạng đang gia tăng.

Một vài ngày sau cuộc tấn công Aglao, nhà ở mới xây đã có sẵn tại Trại Murphy (*Camp Murphy*). Magsaysay chuyển đến một ngôi nhà nhỏ được thiết kế cho các sĩ quan cấp dưới, và anh ta, Luz, và các con bắt đầu lại cuộc sống gia đình của họ. Sau đó, sau khi Tướng Castaneda rời đi khi nghỉ hưu, gia đình chuyển đến dinh thự lớn hơn của tham mưu trưởng. Magsaysay và tôi thường xuyên đến thăm và tiếp tục chia sẻ những cuộc kiểm tra bất ngờ trên thực địa. Luz thường thêm một bất ngờ thú vị vào những chuyến đi này mà chúng tôi được hưởng lợi. Cả hai chúng tôi đều đáng trí về tiền bạc và quá thường xuyên phát hiện ra rằng chúng tôi không có một *peso* nào giữa chúng tôi khi chúng tôi mua sắm tại một cửa hàng *sari sari* để mua một hộp thịt bò đóng

hộp hoặc cá hồi để chia sẻ bữa ăn. Luz, biết rõ thói quen của chồng mình, đã giấu tiền trong quần áo của anh ta cho những trường hợp khẩn cấp như vậy. Chúng tôi bắt đầu ăn uống thường xuyên hơn trong các chuyến đi chơi tình lẻ của mình.

CHƯƠNG NĂM

* *

TÂM LÝ CHIẾN

Tôi có một cuộc sống đầy ắp những nỗ lực khác trong những ngày thu năm 1950 đó.

Chiến tranh tâm lý (*Psychological warfare* - psywar) là một trong số đó. Vào thời điểm tôi đến Philippines, Huks rõ ràng vượt trội hơn chính phủ trong việc sử dụng vũ khí này. Chính phủ hỗ trợ các hoạt động của mình bằng các bài phát biểu không thường xuyên của tổng thống và các nhà lãnh đạo chính trị khác, cùng với các thông cáo báo chí, nhưng tâm lý chiến, hay psywar như chúng tôi gọi, hầu như không được biết đến trong cơ quan quân sự. Chống lại nỗ lực ít ỏi này của chính phủ, Huks đã nhận ra giá trị của psywar và biến nó thành vũ khí chính của họ.

Huks tuân theo thông lệ Cộng sản là xây dựng các chiến dịch tâm lý chiến lược của họ xung quanh các khẩu hiệu, được Bộ

Chính trị đưa ra sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, mỗi khẩu hiệu được coi là một yếu tố quan trọng trong việc định hình cuộc đấu tranh. Vì những nỗ lực tuyển mộ sớm nhất của phong trào Huk là trong số những nông dân tá điền, khẩu hiệu chính của họ trong những năm đầu là “Đất cho người không có đất” (*Land for the Landless*). Khi cuộc bầu cử tổng thống năm 1949 gây ra những tiếng kêu gian lận trong cử tri, Huks đã chọn khẩu hiệu “Đạn chứ không phải Phiếu bầu” (*Bullets not Ballots*). Cũng có những khẩu hiệu nhỏ hơn để sử dụng chiến thuật. Mặc dù mọi người lính trong lực lượng Huk đều có trách nhiệm trong việc thực hiện công tác tâm lý, Huks cũng có một cơ cấu tổ chức cho công việc này. Mỗi đơn vị quân sự Huk đều có một sĩ quan chính trị. Anh ta không chỉ là một nhà tuyên truyền mà còn phụ trách tinh thần của những người lính trong đơn vị của mình, thường xuyên giảng bài cho những người lính để tăng cường sự ổn định chính trị của họ, cũng như tổ chức các buổi tự phê bình đã đề cập trước đây. Lực lượng Huk cũng có các đơn vị tuyên truyền và vận động dân sự, được gọi là chi bộ tuyên truyền, hoạt động bí mật hơn trong dân chúng, chủ yếu là sản xuất và phân phát

truyền đơn tuyên truyền hoặc tiến hành các chiến dịch tuyên truyền rỉ tai (*whispering campaigns*).

Theo gợi ý của tôi, Magsaysay đã tạo ra một phòng chiến tranh tâm lý như một phần của đội ngũ nhân viên của riêng mình, thay vì trong Bộ Tổng Tham mưu nơi các sĩ quan vẫn còn nghi ngờ về sự cần thiết. Nó được đặt tên là Văn phòng Công vụ (*Civil Affairs Office* - CAO hoặc sớm được gọi là “cow”); để bao gồm nhiệm vụ lớn hơn mà tôi hình dung cho nó: nó sẽ không chỉ thực hiện psywar chiến đấu mà còn cải thiện thái độ và hành vi của quân đội đối với thường dân – những quần chúng mà lòng trung thành của họ là mục tiêu bắt buộc trong một cuộc chiến tranh nhân dân như được Cộng sản tiến hành. Tôi đã giúp tổ chức CAO và một trường học để đào tạo nhân sự. Nhiều sinh viên tốt nghiệp được giao cho các BCT. Mỗi BCT có một bộ phận CAO hoạt động trực tiếp dưới chỉ huy BCT nhưng cũng duy trì liên lạc với bộ phận nhân viên mẹ của nó trong văn phòng của Magsaysay. Nó không quá khác biệt so với tổ chức của kẻ thù, nơi các sĩ quan chính trị trong các đại đội Huk liên lạc với Bộ Chính trị.

Do đó, cùng với những đòn tâm lý vào kẻ

thù, CAO bắt đầu khiến những người lính cư xử như anh em và người bảo vệ người dân trong các hoạt động quân sự hàng ngày của họ, thay thế sự kiêu ngạo của quân đội tại các trạm kiểm soát đường cao tốc hoặc trong các cuộc tìm kiếm làng mạc bằng những cử chỉ lịch sự và cố gắng chấm dứt thói quen lâu đời của người lính là trộm gà và heo của nông dân. Là một thuật ngữ mô tả cho hành vi anh em này, tôi đặt tên cho nó là “hành động công dân” (*civic action*). Cái tên này đã được giữ lại và sau đó được quân đội ở nhiều quốc gia áp dụng. Hỗ trợ pháp lý của Quân đội Philippines cho nông dân tại các tòa án đất đai, khởi đầu mới trong cuộc sống được trao cho cư dân San Luis và việc chăm sóc thương vong dân sự tại các bệnh viện quân đội đều là một phần của hành động công dân. Các hoạt động huynh đệ ở Philippines khác biệt rõ rệt so với các chương trình ở các quốc gia khác được dán nhãn “hành động công dân” nhưng thực chất lại sử dụng binh lính làm lao động giá rẻ trong các dự án công trình công cộng xa rời nhu cầu được bày tỏ của người dân.

Các chỉ huy quân đội không phải lúc nào cũng sẵn lòng thực hiện hành động công dân với binh lính của họ bởi vì họ coi hành động

này là “chính trị” và do đó nằm ngoài phạm vi quân sự của họ. Để thuyết phục họ thử, tôi chỉ ra rằng một phần thưởng của tình anh em là sự sẵn lòng của người dân từ nay nói chuyện cởi mở hơn với những người lính. Nếu một chỉ huy thực hành hành động công dân một cách trung thực và triệt để, tôi đảm bảo rằng nó sẽ tăng “thu thập thông tin tình báo chiến thuật thô” (*raw take of tactical intelligence*) của đơn vị anh ta lên 100 phần trăm trong một tuần. Nó thường mất ít thời gian hơn thế.

Quân nhân thông thường nghĩ về psywar chiến đấu hầu như chỉ dựa trên truyền đơn hoặc chương trình phát sóng kêu gọi kẻ thù đầu hàng. Ngay từ đầu, tôi đã nhận ra rằng psywar có tiềm năng rộng hơn thế. Một cách tiếp cận hoàn toàn mới mở ra, ví dụ, khi người ta nghĩ về psywar dưới dạng chơi một trò đùa thực tế. Tất cả chúng ta đều biết rằng nhiều người mạo hiểm mạng sống và sự an toàn của mình để vẽ các khẩu hiệu và lời kêu gọi trên tường trong lãnh thổ bị cấm, được thúc đẩy bởi sự dự đoán về những trò hề của kẻ thù bị xúc phạm của họ cũng như bởi ý thức hệ hoặc lòng yêu nước. Sự hài hước thấp cấp dường như là một phản ứng thích hợp, bằng cách nào đó, đối với các thực

hành u ám và chết chóc của Cộng sản và các nhà độc tài khác. (Tôi nhớ một trường hợp ở châu Âu một lần, khi những thanh niên hiếu chiến tham gia vào một cuộc biểu tình đường phố lớn. Đảng Cộng sản đã làm theo sách vở, hệ thống hóa việc đặt cán bộ của mình để kích động những người biểu tình vào các hành vi bạo lực. Cảnh sát và lực lượng quân sự đã sẵn sàng ngăn chặn điều này bằng hơi cay, súng trường và lưới lê. Nhưng sự đổ máu đã được tránh khỏi. Một nhà hảo tâm thô tục đã mang ra những vạc sô cô la nóng và cà phê và mời những người biểu tình tiềm năng chia sẻ đồ uống của mình – mà ông đã pha thêm một cách hào phóng một loại thuốc nhuận tràng mạnh. Những người hiếu chiến thấy mình có công việc khẩn cấp hơn để giải quyết hơn là ẩu đả trên đường phố.) Khi tôi giới thiệu khía cạnh trò đùa thực tế của psywar cho Quân đội Philippines, nó đã kích thích một số hoạt động giàu trí tưởng tượng có hiệu quả đáng kể.

Đối với những người mê tín, chiến trường Huk là một nơi bị ma ám đầy đầy ma quỷ và những sinh vật kỳ lạ. Một số hào quang bí ẩn của nó đã được truyền lại cho tôi trong các chuyến thăm của riêng tôi đến đó. Nổi da gà trên cánh tay tôi vào những

đêm không trăng ở lãnh thổ Huk khi tôi lắng nghe những nốt nhạc thứ âm ảnh của kèn trumpet chơi những bản tang lễ Pampanguena trong các *barrio* hoặc tiếng hát buồn bã của những người đàn ông và phụ nữ được gọi là *nangangaluluwa* khi họ đi từ nhà này sang nhà khác vào đêm Lễ Các Thánh kể về những linh hồn lạc lối và đói khát. Ngay cả Magsaysay cũng tin vào sự hiện hình được gọi là *kapre*, một người đàn ông da đen khổng lồ được cho là đi bộ qua cỏ cao vào lúc hoàng hôn để khiến nó lay động hoặc ngồi trên cây hoặc cười trên mái nhà hút một điếu xì gà lớn.

Một hoạt động psywar đã lợi dụng sự sợ hãi phổ biến về một *asuang* (*ma cà rồng*) để giải quyết một vấn đề khó khăn. Các chính trị gia địa phương phản đối kế hoạch của Magsaysay về việc điều động thêm quân đội ra khỏi các đơn vị đồn trú phòng thủ để thành lập thêm các BCT cơ động và hung hãn, và ở một thị trấn, các nhân vật lớn địa phương chỉ ra rằng một đại đội Huk đang đóng căn cứ trên một ngọn đồi gần thị trấn. Nếu quân đội rời đi, họ chắc chắn Huks sẽ đổ xuống thị trấn và các nhân vật lớn sẽ là nạn nhân của chúng. Chỉ khi đại đội Huk rời khỏi khu vực lân cận, họ mới đồng ý loại

bỏ quân đội bảo vệ. Do đó, vấn đề là làm thế nào để buộc Huks di chuyển. Quân đội địa phương đã không thể làm điều này.

Một đội psywar chiến đấu đã được đưa đến. Nó đã gieo rắc những câu chuyện trong cư dân thị trấn về một *asuang* sống trên ngọn đồi nơi Huks đóng căn cứ. Hai đêm sau, sau khi cho các câu chuyện có thời gian lan truyền trong số những người ủng hộ Huk trong thị trấn và đi lên trại trên đồi, đội psywar đã thiết lập một cuộc phục kích dọc theo một con đường mòn được Huks sử dụng. Khi một đội tuần tra Huk đi dọc theo con đường mòn, những kẻ phục kích đã im lặng tóm lấy người lính cuối cùng của đội tuần tra, hành động của họ không bị nhìn thấy trong đêm tối. Họ chọc thủng cổ anh ta bằng hai lỗ, theo kiểu ma cà rồng, giữ xác bằng gót chân, rút máu ra khỏi nó, và đặt xác trở lại trên đường mòn. Khi Huks quay lại tìm người lính mất tích và tìm thấy đồng đội không còn máu của họ, mọi thành viên của đội tuần tra đều tin rằng *asuang* đã bắt anh ta và một trong số họ sẽ là người tiếp theo nếu họ vẫn ở trên ngọn đồi đó. Khi trời sáng, toàn bộ đại đội Huk đã di chuyển ra khỏi khu vực lân cận. Một ngày khác trôi qua trước khi người dân địa phương bị

thuyết phục rằng chúng thực sự đã đi. Sau đó, Magsaysay đã điều động quân đội đang bảo vệ thị trấn vào một BCT.

Một hoạt động psywar chiến đấu khác đã sử dụng kỹ thuật “con mắt của Chúa” (*“eye of God”*), mà tôi đã nghe nói về nó khi nó được sử dụng trong cuộc bao vây Caen, và từ việc sử dụng nó bởi các máy bay trinh sát-xe tăng loa phóng thanh trong Thế chiến thứ hai ở châu Âu. Ý tưởng là thu thập thông tin chính xác về kẻ thù và sau đó phát sóng nó qua loa phóng thanh trong các tình huống chiến đấu, khiến từng người lính kẻ thù cảm thấy rằng họ không thể trốn khỏi một con mắt nhìn thấy mọi thứ và phải làm theo hướng dẫn của các chương trình phát sóng. Trong cuộc bao vây Caen, một sĩ quan Đức sẽ được gọi tên rằng anh ta là người tiếp theo sẽ chết vì anh ta từ chối đầu hàng và vài khoảnh khắc sau một quả đạn pháo sẽ bắn trúng nhà hoặc trụ sở của anh ta. Trong kỹ thuật máy bay-xe tăng, xe tăng loa phóng thanh sẽ gọi to tên những người lính Đức ẩn nấp trong các vị trí phòng thủ nhưng có thể nhìn thấy từ trên không, tuyên bố nhìn thấy từng người lính, mô tả những gì họ đang làm vào lúc đó, thông báo rằng họ không có cơ hội, và bảo họ đi ra và đầu hàng. Cả hai ví

dụ đều sử dụng hiệu quả thông tin tình báo chiến đấu mới về kẻ thù.

Thiết bị duy nhất mà Quân đội Philippines có để phát sóng cho du kích Huk trong điều kiện chiến đấu là một số ít máy phát thanh công suất lớn (*loud-hailers - bull horns*) của Hải quân Mỹ, được thiết kế để sử dụng bởi các sĩ quan quản lý bãi biển trong các cuộc đổ bộ lưỡng cư, mà tôi đã tìm kiếm ở Washington và mang theo. Tôi đã lên kế hoạch để chúng được bộ binh sử dụng, nhưng người ta phát hiện ra rằng chúng có thể được sử dụng từ máy bay liên lạc hạng nhẹ được giao cho các BCT, khi bay ở độ cao thấp. (Đại tá Napoleon Valeriano, người chỉ huy BCT 7, suýt mất răng khi khám phá ra điều này. Trong lần thử đầu tiên, anh ta đẩy *bull horn* ra khỏi cửa sổ máy bay, sẵn sàng hét một thông điệp cho những người dưới đất. Luồng gió trượt của máy bay đập mạnh vào miệng *bull horn* có hình chuông, đẩy toàn bộ thứ đó trở lại một cách dữ dội, gần như xuống cổ họng anh ta. Do đó, anh ta biết rằng *bull horn* phải được chia ra xa luồng gió trượt.) Tôi đã phân phát thiết bị này cho mỗi BCT đầu tiên được thành lập. Một ngày nọ, một sĩ quan Philippines đã sử dụng *bull horn*, máy bay hạng nhẹ và kỹ thuật “con

mắt của Chúa” theo một cách bất thường, nhờ vào việc BCT của anh ta thu thập thông tin chi tiết về kẻ thù.

Vào ngày này, một Đơn vị Huk đang bị truy đuổi bởi một đại đội bộ binh từ một BCT, nhưng không thể liên lạc với du kích lẫn tránh. Viên sĩ quan lên máy bay để xem liệu anh ta có thể phát hiện ra Huks từ trên không không. Anh ta thấy chúng, và anh ta cũng thấy rằng quân đội của anh ta đã bị tụt lại phía sau trong cuộc truy đuổi. Thất vọng, anh ta nhìn quanh trong máy bay để tìm thứ gì đó để ném vào Huks bên dưới – và tìm thấy một *bull horn* được cất sau ghế. Cảm hứng đến. Qua *bull horn*, anh ta hét xuống những người Huks bên dưới, nói với họ rằng họ đã bị định đoạt vì anh ta và quân đội của anh ta biết tất cả về họ và sẽ sớm bắt được họ. Anh ta vắt óc nhớ lại những gì sĩ quan tình báo của BCT đã nói với anh ta về Đơn vị Huk này, và anh ta nhớ một số tên trong danh sách của nó. Anh ta gọi xuống Huks bằng tên, giả vờ nhận ra từng cá nhân. Khi máy bay bay vòng cuối cùng, *bull horn* đã gửi giọng nói được khuếch đại của anh ta xuống với những lời chia tay này: “Cảm ơn, người bạn của chúng ta trong đơn vị của các bạn, vì tất cả thông tin.” Sau đó, anh ta bay đi

khúc khích cười về lần phát sóng cuối cùng của mình. BCT sau đó phát hiện ra rằng việc đề cập đến một “người bạn” bí ẩn trong hàng ngũ của họ đã khơi dậy những nghi ngờ đen tối nhất của Huk về nhau. Ba người trong số họ đã bị chọn ra và hành quyết tại chỗ. Những lời nói đã gây ra thiệt hại cho kẻ thù nhiều như quân đội có thể làm được trong một cuộc chiến đang diễn ra.

Tên của kỹ thuật này, “con mắt của Chúa,” nhắc tôi nhớ đến thông lệ cổ xưa của người Ai Cập là vẽ những con mắt bảo vệ cảnh giác trên các lăng mộ của các pharaoh. Bức vẽ được cách điệu để tạo cho con mắt một cái nhìn hung dữ để xua đuổi những kẻ cướp mộ. Nhớ lại về ngoài của nó, tôi đã tạo một số bản phác thảo cho đến khi tôi nắm bắt lại được bản chất của cái nhìn đáng sợ của nó, và tôi đã giao bản vẽ cuối cùng cho Quân đội Philippines với những gợi ý để sử dụng. Nó chủ yếu hữu ích ở các thị trấn nơi một số cư dân được biết là đang bí mật giúp đỡ Huks. Quân đội sẽ cảnh báo những người này rằng họ đang bị nghi ngờ. Vào ban đêm, khi thị trấn đang ngủ, một đội psywar sẽ lên vào thị trấn và vẽ một con mắt trên tường đối diện với nhà của mỗi nghi phạm. Sự hiện diện bí ẩn của những con mắt độc ác này

vào sáng hôm sau đã có một tác động làm tinh táo rõ rệt.

Hai tệ nạn do Huks thực hiện đã được hạn chế ở một mức độ nào đó bằng các biện pháp kỹ thuật. Một là thói quen xấu của chúng là ném lựu đạn từ phục kích vào xe jeep chở binh lính bị thương. Tệ nạn khác là việc Huk mua đạn dược từ các nhà cung cấp tham nhũng ở phía chính phủ. Tôi đã giải quyết vấn đề với các lãnh đạo tình báo và nghiên cứu của Quân đội Philippines. Sau khi chúng tôi tìm ra kênh cung cấp bí mật của Huk, tôi hỏi họ liệu đạn dược bị nhiễm bẩn (*contaminated ammunition*) có thể được tạo ra và đưa vào kho dự trữ đang được bí mật giao cho Huks hay không. Họ đồng ý. Sau nhiều tuần làm việc của hai lãnh đạo, những người lính bị thương bắt đầu báo cáo rằng họ đã nghe thấy lựu đạn phát nổ ở các vị trí phục kích bên đường – phát nổ ngay trong tay những kẻ phục kích Huk. Các sự cố tấn công vào những người bị thương giảm mạnh. Trong khi đó, quân đội chiến đấu của chính phủ báo cáo một hiện tượng mới kỳ lạ trên chiến trường. Nòng súng trường Huk đang phát nổ do sử dụng đạn dược bị lỗi. Không có gì ngạc nhiên khi việc bán đạn dược bất hợp pháp cho Huks đã chấm dứt.

Thủ đoạn bắn thủ sinh ra thủ đoạn bắn thủ.

Một trong những nguyên nhân góp phần gây ra bất ổn xã hội ở nông thôn, mà Huks đã khai thác, là gánh nặng nợ nần mà nhiều gia đình phải gánh chịu. Cho vay nặng lãi làm cho tình hình vốn đã tồi tệ càng trở nên tồi tệ hơn. Khi một nông dân tá điền hầu như không thể trả lãi tiền vay, chứ đừng nói đến việc trả một phần đáng kể tiền gốc mà anh ta nợ, và tình trạng này kéo dài trong nhiều năm, người nông dân đó đã chín muồi cho cuộc nổi dậy chống lại hệ thống đã đẩy anh ta vào tình trạng đó. Tôi cảm thấy rằng một số sự cứu trợ có thể thực hiện được thông qua việc tự do hóa tín dụng nông thôn. Magsaysay có cảm xúc mạnh mẽ về chủ đề này và bắt đầu thúc đẩy việc tạo ra một hệ thống tín dụng nông thôn được chính phủ bảo trợ và khai sáng, trong khi tôi làm việc về vấn đề ngắn hạn hơn là tìm kiếm sự cứu trợ ngay lập tức. Tôi tìm đến bạn bè trong cộng đồng người Hoa để tranh thủ sự giúp đỡ của họ, bởi vì các chủ cửa hàng nhỏ người Hoa trên khắp đất nước là nguồn tín dụng truyền thống cho những người có ít hoặc không có tài sản thế chấp hữu hình.

Tôi đã đề cập đến chủ đề có thể có sự giúp đỡ của người Hoa trong việc tự do hóa tín

dụng nông nghiệp với một người bạn đáng tin cậy, Go Puan-seng, người xuất bản tờ nhật báo hàng đầu của người Hoa ở Manila, *Fookien Times*. Anh ta đã đưa tôi đến gặp một số lãnh đạo của cộng đồng người Hoa để thảo luận về vấn đề này. Cuộc nói chuyện nhanh chóng chuyển sang những lời phàn nàn của chính họ. Bản thân người Hoa là một dân tộc thiểu số đang phải chịu đựng những hành vi lạm dụng. Những kẻ lừa đảo Philippines khai thác họ trong khi các cơ quan thực thi pháp luật Philippines không thông cảm với hoàn cảnh của họ. Tiền hối lộ quá lớn đến nỗi các thương gia người Hoa cảm thấy rằng họ phải tăng lợi nhuận của mình để duy trì hoạt động kinh doanh. Nói cách khác, họ sẵn lòng giúp đỡ trong các vấn đề nông nghiệp, nhưng làm thế nào để đưa họ vào trong số những người cũng xứng đáng nhận “công bằng xã hội”?

Một câu chuyện được Go Puan-seng kể tại buổi họp mặt người Hoa đã mở đường cho một gợi ý mà tôi đưa ra, điều này sẽ đưa các lãnh đạo người Hoa và các quan chức Philippines xích lại gần nhau trong một bầu không khí đủ thân thiện để bắt đầu tìm ra một số câu trả lời cho các vấn đề khác nhau của họ. Go Puan-seng nhận xét rằng ít người

đường như tuân theo luật pháp Philippines nữa, mặc dù anh ta sẽ phải loại trừ một số ít người Mỹ mà anh ta biết. Đêm hôm trước anh ta và vợ đã lái xe về nhà từ một bữa tiệc. Đã khuya và đại lộ gần như vắng tanh, vì vậy họ lái xe nhanh và vượt qua một chiếc xe đang di chuyển với tốc độ chậm rãi. Họ vượt qua nó, liếc qua để xem ai đang đi chậm như vậy. Cặp đôi trong xe là Tướng và Bà Hobbs của JUSMAG. Go Puan-seng trượt nhanh xuống ghế, hy vọng rằng anh ta sẽ không bị nhận ra, vì anh ta nhận ra rằng chiếc xe kia đang tuân thủ giới hạn tốc độ hợp pháp trong khi anh ta đang vi phạm luật. Hãy tưởng tượng, anh ta nói với tất cả chúng tôi, những người Mỹ này tuân thủ luật pháp ngay cả khi không có ai nhìn! Trên một con đường gần như trống rỗng, vào ban đêm! Khi tiếng cười lắng xuống, tôi hỏi liệu các lãnh đạo người Hoa có sẵn lòng để một người Mỹ như Tướng Hobbs tổ chức một cuộc họp giữa họ và các quan chức Philippines không? Họ trả lời nhiệt tình. Tôi hứa sẽ xem liệu điều đó có thể được sắp xếp không.

Ngày hôm sau, Đại sứ Cowen và Tướng Hobbs đã đồng ý với đề xuất của tôi về việc Hobbs đóng vai trò là người bạn của tòa án (*amicus curiae*) người Mỹ, bên thứ ba thân

thiện. Một tuần sau, cuộc họp đầu tiên trong chuỗi các cuộc họp giữa các quan chức chính phủ Philippines, do Magsaysay dẫn đầu, và các lãnh đạo của cộng đồng người Hoa đã diễn ra tại văn phòng của Hobbs. Dần dần, những hiểu biết lẫn nhau đã được thiết lập và những khởi đầu lành mạnh đã được thực hiện trong các hành động chống lại những kẻ lừa đảo chuyên săn lùng người Hoa và trong các động thái của các chủ ngân hàng người Hoa nhằm giảm bớt tình hình tín dụng ở các tỉnh.

Magsaysay cũng thực hiện các nỗ lực tiếp theo. Trong các chuyến đi vòng quanh các tỉnh, anh ta nhận thấy rằng người Philippines ghen tị với người Hoa vì họ kiếm được nhiều tiền hơn. Anh ta giải thích rằng người Hoa làm việc chăm chỉ hơn vì họ giữ sức khỏe tốt hơn người Philippines. Họ uống trà, mà họ đã làm bằng cách đun sôi nước trước. Người Philippines uống nước bị ô nhiễm và bị bệnh, không thể làm việc chăm chỉ. Magsaysay kêu gọi mọi người cùng nhau đặt một giếng cộng đồng để có được nước tinh khiết cho thị trấn hoặc *barrio* của họ. Các kỹ sư quân đội đã giúp đỡ trong các dự án đào giếng này bất cứ khi nào họ có thể. Sau đó, một trong những chủ ngân hàng người

Hoa, Albino SyCip, đã bắt đầu một phong trào gây quỹ để tặng giếng cho các cộng đồng nghèo. Những giếng này được đặt tên là “Giếng Tự do” (*Liberty Wells*). Một trăm giếng đầu tiên được tặng gần như hoàn toàn được thanh toán bằng tiền gây quỹ trong cộng đồng người Hoa, mặc dù những người Philippines giàu có đã tham gia sau này với những đóng góp để giữ cho chương trình tiếp tục phát triển trên khắp các tỉnh.

Dự án gây thất vọng nhất của tôi trong chiến dịch Huk là nỗ lực cung cấp cho Quân đội Philippines sự linh hoạt trong việc sử dụng quân đội đổ bộ đường không (*airborne troops*). Trong các hoạt động tiếp theo, bộ binh di chuyển chậm tiếp cận các vị trí Huk đã được báo cáo, chỉ để thấy rằng kẻ thù du kích đã trốn thoát. Có một nhu cầu cấp thiết về một cách nhanh hơn để đưa quân đội vào chiến trường, và hệ thống khả thi nhất vào thời điểm đó là để quân đội nhảy dù vào. Một tiểu đoàn quân đội như vậy có thể được đưa đến nhanh chóng phía sau kẻ thù, nơi họ hoạt động như “cái đe” (*anvil*) trong khi bộ binh di chuyển chậm hơn có thể là “cái búa” (*hammer*), với Huks bị kẹt ở giữa. Magsaysay thích ý tưởng này, và JUSMAG đồng ý và trình lên Washington. Lầu Năm

Góc nói rằng họ không có cả giảng viên lẫn dù có sẵn. Cả hai đều đang đáp ứng các yêu cầu ưu tiên từ chiến tranh ở Hàn Quốc.

Với ba tháng nhiệm vụ tạm thời của tôi sắp kết thúc, tôi quay lại Washington để tham vấn về chiến dịch Huk và được lệnh trở lại Philippines và hoàn thành những gì đã bắt đầu rất tốt. Tôi đã sử dụng mọi khoảnh khắc rảnh rỗi trong chuyến thăm Washington để có được những thứ cần thiết cho một tiểu đoàn đổ bộ đường không Philippines. Tướng George C. Marshall, người lúc đó đang giữ chức Bộ trưởng Quốc phòng, đã nghe về những nỗ lực của tôi và đã cho tôi sự hỗ trợ cá nhân của ông. Sự ủng hộ của ông là điều kỳ diệu ở Lầu Năm Góc. Tôi đã có đủ cho một tiểu đoàn đầy đủ. Ngoài ra, tôi đã có được thứ tôi muốn nhất, các giảng viên có kinh nghiệm trong các kỹ thuật “nhảy khói” (*smoke jumping*) để thực hiện đổ bộ dù trong các khu rừng cây khổng lồ ở Tây Bắc Mỹ: họ sẽ có thể huấn luyện người Philippines nhảy dù trong rừng rậm.

Một tiểu đoàn đổ bộ đường không tình nguyện của Philippines đã được thành lập và huấn luyện. Đã có một cơ hội để sử dụng họ khi hai Đơn vị Huk lập trại trên đỉnh một bán đảo. Lực lượng chính phủ lên kế

hoạch tấn công đổ bộ lên trại Huk từ biển. Tôi thúc giục rằng tiểu đoàn đổ bộ đường không nên được thả ở cổ bán đảo để chặn đường rút lui của Huk. Ngay lúc đó, các sĩ quan đổ bộ đường không của Quân đội Mỹ đang phục vụ với JUSMAG ở các vị trí hành chính khác nhau đã nhận ra những gì tôi đang đề xuất và phủ quyết nó mạnh mẽ. Cơ sở chính cho quyền phủ quyết của họ dường như là tôi là một sĩ quan không quân và do đó không thể có bất cứ điều gì liên quan đến một hoạt động của quân đội. Họ sẽ không tin rằng tôi có thể biết bất cứ điều gì về các điều kiện trên khu vực thả dù được đề xuất mặc dù tôi là người duy nhất trong số họ đã đi bộ qua mặt đất nơi hoạt động sẽ diễn ra. Đối lại, họ đã thuyết phục các chỉ huy Quân đội Philippines rằng đề xuất của tôi là ngu ngốc. Tiểu đoàn đổ bộ đường không đã không được sử dụng, cuộc tấn công đổ bộ đã diễn ra theo lịch trình, và Huks chỉ cần nhìn thấy hạm đội đang đến và nhanh chóng chạy trốn, không có ai ngăn chặn chúng.

Hết lần này đến lần khác, các cơ hội khác để sử dụng tiểu đoàn đổ bộ đường không đã nảy sinh và bị hủy bỏ. Tôi tự hỏi liệu các sĩ quan đổ bộ đường không người Mỹ và Philippines đã để lại bộ não và tinh thần

của họ (*brains and balls*) phía sau lần đầu tiên họ nhảy ra khỏi máy bay. Magsaysay, điều hành cuộc chiến với ngân sách eo hẹp (*on a shoestring*), lo lắng về tiền lương nhảy dù và các chi phí xa xỉ khác của tiểu đoàn đổ bộ đường không. Tôi đợi cho đến khi có thêm một lần chùn bước nữa trong một hoạt động và sau đó đề nghị với Magsaysay rằng chúng ta nên hủy bỏ ý tưởng đổ bộ đường không. Anh ta nói, đúng vậy! Vì vậy, tôi thu thập dù và trả lại cho Quân đội Mỹ như đã hứa. Magsaysay gửi tiểu đoàn vào đồi để chiến đấu với Huks bằng chân.

Hai năm sau, khi tôi đến thăm Đông Dương, lính dù Pháp đã cầu xin tôi chi tiết về các hoạt động đổ bộ đường không của Philippines chống lại Huks, nói rằng họ đã nghe nhiều câu chuyện thuận lợi về các hành động giàu trí tưởng tượng và thành công. Tôi đã bị cám dỗ để bịa ra một số câu chuyện cho họ, nhưng lương tâm tôi đã thắng thế và tôi thừa nhận sự thật đáng buồn. Có lẽ việc tôi làm như vậy là đúng đắn. Họ cũng có những bất bình riêng về cách các tướng lĩnh cấp cao của Pháp sử dụng lính dù, thả họ từ trên không xuống để làm tiểu đoàn hỗ trợ trong một chiến dịch, trong khi lẽ ra họ nên được đưa đến chiến trường bằng xe tải thì

tốt hơn. Sự thắng thắn của chúng tôi đã làm sáng tỏ mọi chuyện. Chúng tôi cùng nhau thảo luận các ý tưởng cho các chiến dịch đổ bộ đường không chống lại Việt Minh. Ngày hôm sau, tôi có cơ hội trình bày những ý tưởng này với tướng René Cogny, chỉ huy quân đội Pháp tại Bắc Việt Nam, và sau đó tôi được biết rằng chúng đã được chấp nhận.

Các nhà thờ, giáo sĩ và giáo dân của tôn giáo có tổ chức là mục tiêu của Huks, đặc biệt là nhà thờ Công giáo La Mã và nhà thờ truyền giáo bản địa Iglesia ni Kristo (Nhà thờ của Chúa Kitô). Lực lượng Huk tìm kiếm người theo dõi trong chính quân chúng tin đồ nhà thờ, vì vậy các cuộc đối đầu thường rất dữ dội. Một số linh mục giáo xứ Công giáo đã tử trận trong cuộc xung đột này, và các hội chúng của Iglesia ni Kristo đi nhà thờ nhắc tôi nhớ đến những bức tranh của những người Hành hương ở Mỹ thời kỳ đầu, với một người cha bảo vệ vợ và con cái bằng cách mang một khẩu súng ngắn hoặc súng trường dưới cánh tay. Lo lắng về các hành động khủng bố chống tôn giáo của Huks, tôi quyết định đưa các giáo sĩ nhà thờ và các nhà hoạch định hoạt động quân đội lại với nhau để xem liệu quân đội có thể cung cấp sự bảo vệ vật lý hiệu quả hay không. Các ý

tưởng có thể được trao đổi về các mối đe dọa của kẻ thù ở các địa điểm chính xác và các biện pháp được thực hiện để ngăn chặn các mối đe dọa này.

Các kế hoạch để giảm bớt áp lực du kích chống lại người Công giáo đã được giải quyết dễ dàng với Đặc phái viên Tòa thánh Emilio Vagnozzi, người quen thuộc với lý do của chiến tranh không quy ước từ những quan sát của ông về các hoạt động kháng chiến của Ý trong Thế chiến thứ hai. Cuộc nói chuyện đầu tiên của chúng tôi được phân biệt bởi sự thẳng thắn của nó. Peter Richards, một người bạn thân của tôi, đã đưa hai chúng tôi lại với nhau. Anh ta quản lý hãng thông tấn của Anh, *Reuters*, ở Manila và là một người quan sát đặc biệt sắc sảo về bối cảnh Philippines. Kiến thức thẳng thắn và được thông báo của chúng tôi về tình hình nguy hiểm ở các giáo xứ miền trung Luzon đã giúp việc lập kế hoạch nhanh chóng và mang tính xây dựng.

Cuộc gặp gỡ của tôi với giám đốc điều hành của Iglesia ni Kristo, nơi các thỏa thuận tương tự đã được thực hiện, được thiết lập thông qua một trong những lãnh đạo giáo dân của Giáo hội mà tôi đã biết trong vài năm. Người sáng lập và tổ chức điều hành

của Iglesia ni Kristo là Giám mục Manolo. Tên của Manolo đã bị trượt khỏi tâm trí tôi khi yêu cầu bạn tôi sắp xếp một cuộc gặp cho tôi, vì vậy, thay vì gọi tên, tôi hỏi liệu anh ta có thể cho tôi một cuộc hẹn “với người đứng đầu Giáo hội của anh” không. Anh ta chết lặng, miệng há hốc. Bối rối, tôi nhẹ nhàng giải thích rằng tôi không thể nhớ tên người đàn ông vào lúc này. Bạn tôi trông còn kinh ngạc hơn. Sau đó, tôi hỏi thẳng anh ta, “Tên của người đứng đầu Giáo hội của anh là gì?” Bạn tôi trả lời ngay lập tức, “Ồ, đó là Jesus Christ, tất nhiên rồi!” Tôi vẫn đỏ mặt sau đó khi tên của Giám mục Manolo bật trở lại trong ký ức tôi và tôi có thể đưa ra một yêu cầu trần tục hơn cho bạn tôi.

Một nhóm nhà truyền giáo Tin Lành người Mỹ ở Philippines đã thành lập một đài phát thanh ở ngoại ô phía bắc Manila, được gọi là Công ty Phát thanh Viễn Đông (*Far Eastern Broadcasting Company*). Các nhà truyền giáo này đã chế tạo và phân phát các máy thu chỉ được dò sóng đến băng tần phát sóng của máy phát của riêng họ. Các máy được cho những người sẵn lòng ở các *barrio* vùng nông thôn mượn và được cung cấp pin mới nếu người nhận tự tập hàng xóm để nghe cùng họ. Các chương trình phát

sống là các bài giảng, thánh ca và thông điệp truyền cảm hứng. Khi nói chuyện với giám đốc của doanh nghiệp truyền giáo này, John Broger, tôi phát hiện ra rằng họ có khán giả hàng ngày lên đến hàng ngàn người, trải rộng khắp các khu vực nguy hiểm của Luzon nơi Huks đang hoạt động – bao gồm một số *barrio* mà các quan chức chính phủ không dám đến thăm. Thông qua Broger, Magsaysay và các lãnh đạo khác đã được cung cấp thời gian phát sóng cho khán giả nông thôn này, giải thích các nguyên tắc đạo đức thúc đẩy các hành động của chính phủ và yêu cầu mọi người thông cảm. Đó là một cách độc đáo để giao tiếp với mọi người ngay tại sân sau của Huks.

Việc bắt giữ Bộ Chính trị ở Manila đã mang lại cho Cơ quan Tình báo Quân sự một sự thúc đẩy tinh thần đáng kinh ngạc, và các động thái đã được thực hiện để mang lại cho nó một vai trò năng động hơn nữa trong cuộc đấu tranh. Tôi đã nghe các báo cáo từ châu Âu về một lượng lớn đặc vụ Cộng sản tràn vào Tây Đức và những nơi khác ngay trước khi hoàn thành Bức tường Berlin và việc rào chắn biên giới của các quốc gia Cộng sản. Hàng trăm đặc vụ Cộng sản đã bị bắt, nhưng người ta tin rằng hàng trăm

hoặc thậm chí hàng ngàn người khác đã thành công trong việc giả dạng những người tị nạn đơn giản. Tôi đã đưa vấn đề này với Magsaysay và Đại tá Ismael Lapus, người đứng đầu MIS, gợi ý rằng động thái táo bạo này của Cộng sản ở châu Âu có thể đáng để chuyển thành một hoạt động của MIS chống lại Huks. Huks đang cố gắng hết sức để tuyển mộ nhân lực cho hàng ngũ của họ. Tại sao không huấn luyện một số lượng lớn tình nguyện viên làm đặc vụ và để họ sẵn sàng cho việc tuyển mộ Huk? Một khi đã vào hàng ngũ Huk, họ không chỉ có thể thu thập thông tin để bí mật chuyển cho chính phủ mà còn có thể làm việc để thuyết phục cấp dưới đầu hàng. Đề xuất của tôi đã được chấp nhận với sự nhiệt tình.

Có một số lượng lớn đáng ngạc nhiên các tình nguyện viên cho dịch vụ rủi ro này. Họ được huấn luyện đơn lẻ hoặc theo nhóm nhỏ và, trước cuối năm 1951, một số lượng đáng kể đã được thâm nhập vào hàng ngũ Huk. Một số trong số họ rất xuất sắc và bắt đầu thăng tiến nhanh chóng trong cơ cấu chỉ huy quân sự của Huks. Tôi nhớ lại một khoảnh khắc vô cùng khó xử khi hai trong số các đặc vụ MIS này trong số Huks đã được Guillermo Cappadocia, lãnh đạo Huk đang

cố gắng tạo ra một mặt trận Huk mới trên đảo Panay, một trong những đảo Visayan xa về phía nam Manila, chọn làm trụ lý đáng tin cậy và được anh ta giao nhiệm vụ ám sát Magsaysay và tôi. Hai đặc vụ đã gặp chúng tôi một cách bí mật để kể về nhiệm vụ của họ và thúc giục rằng Cappadocia và lực lượng của anh ta nên bị loại bỏ; họ đang cảm thấy chán ngấy với việc giả làm Huks. Các kế hoạch đã được thực hiện và Cappadocia đã bị giết trong một cuộc phục kích. Phó chỉ huy của Cappadocia lên nắm quyền và hỏi hai sĩ quan tham mưu xem họ có ý tưởng gì về việc phải làm gì tiếp theo không. “Tại sao, vâng, chúng tôi có,” họ trả lời. Họ tiết lộ rằng họ là đặc vụ MIS và đặt anh ta dưới sự bắt giữ. Sau đó, họ nói chuyện với những người lính trong các đơn vị để đầu hàng quân đội gần đó. Hành động của họ đã cứu nhiều mạng sống. Ngày hôm sau, Magsaysay và Đại tá Ismael Lapus của MIS đã đi không vũ trang đến một cuộc họp bí mật với các lãnh đạo Huk còn lại ở Visayas và sắp xếp sự đầu hàng của các lực lượng Huk tiếp theo trên Panay. Mối đe dọa Huk ở quần đảo Visayan đã giảm dần.

Vài ngày trước khi Cappadocia và lực lượng du kích của anh ta kết thúc, tôi đã trải

qua một kỳ nghỉ ngắn trên đảo Panay tại một trang trại của một người bạn, ngủ trên cỏ dưới những gốc cây và bơi ở bãi biển gần đó. Ngư dân và học sinh đã đến thăm trang trại, cuối cùng kết thúc chuyến thăm của họ bằng cách hát một số bài dân ca địa phương. Tôi đã lấy ra một cây kèn harmonica và đệm cho họ, sau đó chơi một số bài hát hiện đang phổ biến ở Manila. Đó là một khoảng thời gian vui vẻ, thư giãn trong cuộc chiến đối với tôi, nằm dài trên một hòn đảo nhiệt đới, chân trần, chỉ mặc một chiếc quần đùi. Ngày sau khi tôi trở lại Manila, du kích Huk xuất hiện trong khu phố gần lòng tôi, nói rằng họ đã nghe nói rằng tôi đã ở quanh đó đâu đó. Người dân thừa nhận rằng một người Mỹ đã ở đó nhưng đã rời đi ngày hôm trước. Họ không biết tên anh ta. “Chà,” những người Huks bức bối nói, “anh ta có phải là một đại tá không quân không?” Người dân khu phố nói rằng họ nghi ngờ điều đó, bởi vì người Mỹ này đã chơi những bài hát của chính họ trên kèn harmonica cho họ. Nếu người Mỹ đó là một đại tá, thì anh ta phải là một đại tá trong Đội Cứu thế (*Salvation Army*)! Huks rời đi, tức giận và thất vọng.

GHI CHÚ

CAO (*Civil Affairs Office* - Văn phòng Công vụ). Văn phòng Công vụ của Bộ Quốc phòng lần đầu tiên được thành lập vào năm 1950 với tư cách là bộ phận Tham mưu Chiến tranh Tâm lý dưới Bộ trưởng Magsaysay, do Đại tá Carmelo “Mike” Barbero đứng đầu. Barbero trở thành G-1 (giám đốc nhân sự) của Quân đội Philippines trong cuộc cải tổ đầu tiên của Magsaysay về cơ quan quân sự. Tên của bộ phận tham mưu đã được đổi thành Công vụ và Đại úy Jose Crisol (sớm được thăng cấp thiếu tá) được giao phụ trách. Crisol từng là giảng viên văn học Anh tại Học viện Quân sự Philippines. Sôi nổi, hóm hỉnh và đầy tham vọng, Crisol đã đảm nhận nhiệm vụ mới của mình như một người đói khao khát một bữa tối lớn.

HÀNH ĐỘNG CÔNG DÂN (*CIVIC ACTION*). Tất nhiên, khái niệm của tôi về việc để những người lính cư xử như anh em của người dân không phải là ý tưởng ban đầu. Quân đội Hoa Kỳ có một lịch sử lâu dài về hành động công dân tương tự, từ việc mở cửa miền Tây và bảo vệ những người định cư ở đất nước chúng ta cho đến những nỗ lực ở nước ngoài như việc thành lập các hệ thống trường học công lập và y tế công cộng. Trong “các cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc,” hành động công dân là một nhu cầu bắt buộc để chống lại “tình đồng chí xã hội chủ nghĩa” của du kích Cộng sản châu Á với người dân. Các nguyên tắc cơ bản của thực hành Cộng sản này được tóm tắt trong “ba quy tắc kỷ luật lớn” và “tám điểm đáng chú ý” của Quân đội Bát lộ Cộng sản Trung Quốc như được Mao Trạch Đông công bố.

CHƯƠNG SÁU

* *

CUỘC BẦU CỬ PHỤ NĂM 1951

Đỉnh điểm của chiến dịch Huk ở Philippines đến vào năm 1951. Cuộc chiến tiếp diễn khốc liệt trong nhiều tháng và nhiều năm sau đó, nhưng xương sống của “cuộc đấu tranh vũ trang” của Huks đã bị bẻ gãy vào tháng 11 năm 1951, và sau đó họ ngày càng yếu đi. Lý do rất cơ bản. Tháng Mười Một năm đó, người dân và lực lượng vũ trang thực sự đoàn kết với nhau. Một khi dân thường và quân đội đoàn kết, Huks đã bị đẩy ra ngoài gia đình quốc gia. Trên thực tế, sự kiện này đã thêm một ghi chú đáng chú ý vào lời dạy của Mao rằng người dân là nước mà cá du kích bơi trong đó. Huks đã trở thành cá mắc cạn.

Nhưng trong những tháng đầu năm 1951, bước ngoặt kịch tính này dự kiến xảy ra vào tháng Mười Một dường như rất khó xảy ra. Cuộc đấu tranh diễn ra dữ dội với cả hai bên

đều ở thế tấn công. Huks đang theo kế hoạch tổng thể của mùa hè năm trước, đó là tiếp quản chính phủ vào năm 1952. Rõ ràng họ không bị suy yếu bởi việc bắt giữ các thành viên Bộ Chính trị ở Manila; tôi bắt đầu tự hỏi liệu chính phủ có vô tình làm ơn cho họ bằng cách loại bỏ một số bộ máy quan liêu của họ không. Có các cuộc tấn công và phục kích hàng ngày. Các lãnh đạo Huk được chọn đang tiến về phía bắc và phía nam của chiến trường cũ ở *Huklandia* để tìm kiếm các khu vực hoạt động mới trên đảo Luzon chính, giống như Cappadocia đã cố gắng làm ở quần đảo Visayan. Tuy nhiên, hầu hết các cuộc giao tranh năm 1951 đều diễn ra trên chiến trường cũ ở các tỉnh ngay phía bắc Manila.

Chính vào khoảnh khắc này, khi kỳ vọng của kẻ thù đang ở mức cao nhất, sự thống trị của Magsaysay đối với lực lượng chính phủ đã trở nên rõ ràng một cách trắng lệt. Anh ta đi khắp chiến trường bằng xe sedan hoặc jeep (đôi khi với tài xế và phụ tá, nhưng đôi khi chỉ một mình tôi thay phiên cầm lái), thăm các đơn vị chiến đấu của mình và nói chuyện với nông dân và người dân thị trấn trên chiến trường. Anh ta trở thành một nhân vật quen thuộc với quân đội, một dân thường to lớn và năng nổ, đội chiếc mũ rơm

miệng mại và mặc chiếc áo sơ mi thể thao *aloha* màu sắc rực rỡ, người dường như luôn xuất hiện một cách thần kỳ khi mọi thứ trở nên khó khăn, ánh mắt anh ta ngay lập tức phát hiện ra các chi tiết của tình huống, và những lời nói nhanh chóng theo sau để khen ngợi những người xứng đáng hoặc để sửa chữa sai lầm. Một số binh lính đã thể hiện những phẩm chất phi thường dưới làn đạn đã được thăng chức tại chỗ; một số người hèn nhát hoặc sơ suất đã bị miễn nhiệm vụ ngay lập tức và được gửi đi để đối mặt với điều tra và xét xử.

Những chuyến thăm không chính thức, không báo trước này của Magsaysay đã tạo ra một sự thúc đẩy to lớn cho tinh thần của quân đội anh ta; lãnh đạo của họ, gần đỉnh cao của chính phủ, đã ở bên họ trên chiến trường, thay vì ngồi quanh trong một văn phòng an toàn và xa xôi nào đó đóng vai trò là một ông lớn. Họ đáp lại bằng một sự chủ động ngày càng tăng chống lại Huks. Đến mùa hè năm 1951, Huks đã thể hiện sự căng thẳng từ các cuộc tấn công liên tục. Các nơi an toàn của chúng, nơi chúng đã nghỉ ngơi sau một cuộc tấn công, đang biến mất. Chúng bắt đầu bỏ lại thương vong khi rút lui sau các trận chiến.

Ký ức của tôi về những tháng đầu năm 1951 là một loạt các sự kiện mờ ảo: Magsaysay đặt khẩu carbine nháy đèn của mình sao cho anh ta có thể nắm lấy nó nhanh chóng khi chúng tôi lái xe vào địa hình phức tạp trên các con đường tỉnh (anh ta là một tay súng cừ khôi, bắn carbine từ hông theo kiểu tay súng miền Tây); những tòa nhà bị cháy rụi sau một cuộc đột kích của Huk; những thi thể chết nằm co quắp trên cánh đồng; quân đội mệt mỏi di chuyển dọc theo các con đường mòn; một đại đội trưởng giải thích một cách yếu ớt tại sao anh ta không đến giải cứu một thị trấn gần đó bị tấn công vào nửa đêm; người vợ của một trung sĩ đã chiến đấu bên cạnh chồng bảo vệ một tiền đồn; những nụ cười từ từ lan rộng trên khuôn mặt của những người Huks bị bắt khi họ nhận ra rằng họ đã thoát khỏi cuộc chiến; và, luôn luôn, những lời cầu xin giúp đỡ của nông dân và người dân thị trấn với Magsaysay. Tuy nhiên, giữa sự mờ ảo này, tôi nhớ buổi sáng sinh nhật của tôi vào tháng Hai. Tôi kỷ niệm nó bằng cách lái xe đưa Magsaysay đến thăm một nhà máy đường mía Pampanga (*sugarcane central - plantation*) cách Manila khoảng ba mươi dặm về phía bắc, nơi một cuộc đụng độ nhỏ khó chịu đang diễn ra giữa một BCT và

Huks. Các chiến binh bị ẩn khỏi tầm nhìn trong các cánh đồng mía dài hàng dặm. Huks đã bị dồn vào góc và bị chặn trong mía và do đó buộc phải chọn đầu hàng hoặc cái chết. Hầu hết chúng đã đầu hàng.

Chúng tôi lái xe đến trận chiến này qua một buổi sáng tỉnh lẻ nặng mùi hương ngọt ngào của hoa xoài, đi qua những học sinh trung học đang chơi bóng mềm trong một khu đất trống, vào một con đường đất nơi tôi tông vào một vũng nước vượt qua một con suối sâu khi lái xe quá nhanh, văng lên một thác nước lớn làm chết máy. Từ màu xanh đậm và cao của cây mía bao quanh chúng tôi vang lên tiếng ồn ào gần đó của súng trường và vũ khí tự động. Magsaysay chui xuống dưới nắp ca-pô và lau khô bộ chế hòa khí và bugi, trong khi tôi đứng gác, tự hỏi liệu tiếng súng gần nhất là bạn hay thù. Cả hai bên đều sử dụng vũ khí của Mỹ. Sau đó chúng tôi lái xe đến sở chỉ huy. Tôi đề nghị chỉ huy BCT sử dụng *bull horn* để nói với Huks rằng họ đã bị dồn vào góc và kêu gọi họ đầu hàng. Trong khi giọng nói được khuếch đại đang vang lên thông điệp này vào cánh đồng mía, một người nông dân bước vào trạm và bắt đầu nói với Magsaysay về việc gia đình anh ta và những thường dân khác sợ hãi như thế

nào trước trận chiến đột ngột này giữa họ. Tôi lùi lại để chụp ảnh hai người họ đang nói chuyện và chỉ sau đó mới nhận thấy lưng người nông dân tối sầm máu từ vết thương ở vai. Chúng tôi đưa anh ta lên một chiếc jeep với một số binh lính bị thương và họ đi đến bệnh viện. Âm thanh chiến đấu chết dần khi du kích Huk đi ra khỏi mĩa, giờ tay đầu hàng. Mọi chuyện đã kết thúc. Chúng tôi trở lại Manila và công việc đang chờ đợi chúng tôi ở đó. Thật là một cách để trải qua sinh nhật!

BCT 7 dưới sự chỉ huy của Đại tá Valeriano đã thêm một yếu tố khác vào cuộc chiến năm đó, bằng cách tập hợp các tình nguyện viên trong Đại đội “Charlie” của mình và huấn luyện họ giả dạng làm một Đơn vị Huk (*Huk squadron*) trong các khu vực do kẻ thù kiểm soát. Họ sống trong một trại rừng rậm, chân trần, ăn bằng tay từ bát chung, để tóc và râu mọc dài, ăn mặc như Huks, học các cụm từ đặc trưng của chủ nghĩa duy vật biện chứng, và hát các bài hát của kẻ thù. Được huấn luyện và sẵn sàng, Đại đội Charlie di chuyển vào chiến trường và hòa mình với các Đơn vị Huk thực sự, có thể đến đủ gần trong vỏ bọc của họ để chiến đấu bất ngờ, thường là tay không. Lần bị đánh nặng duy

nhất đến từ một BCT lân cận, những người chưa được thông báo về việc giả trang và coi họ là Huks. Một tháng sau, Huks đã trả đũa lại mưu mẹo của Đại đội Charlie bằng cách giả dạng một trong các Đơn vị của chúng thành một đại đội BCT 7. Trong hoạt động đầu tiên của mình, nó đã gặp rắc rối với quân đội BCT 7, những người nghi ngờ khi những người đàn ông mặc đồng phục BCT 7 này không biết mật khẩu hoặc ám hiệu. Sau một cuộc đấu súng ngắn gọn, Huks giả trang đã rút lui. Chúng đã rút lui một vài km khi chúng gặp Đại đội Charlie đang trở về trại của mình. Đó là buổi tối, hoàng hôn chuyển sang bóng tối. Mỗi bên đều coi bên kia là đồng đội thực sự của họ. Vui mừng, họ hét lên chào hỏi và lao vào nhau – chỉ để phát hiện ra rằng những người bạn được cho là thực ra là kẻ thù. Có một cuộc hỗn chiến bất ngờ và sau đó cả hai bên đều phá vỡ; sự nhầm lẫn về danh tính đã khiến cuộc chạm trán trở nên quá bất thường đối với các chiến binh. Việc sử dụng lừa dối ở quy mô này dần dần bị cả hai bên từ bỏ sau cuộc chạm trán này, vì mỗi bên bắt đầu sử dụng các biện pháp bảo vệ chặt chẽ hơn để chống bị lừa.

Các hành động định mệnh vào tháng 11

năm 1951, đã quyết định kết quả của cuộc đấu tranh, đã bắt đầu đối với tôi sớm hơn nhiều so với thời điểm đó. Khi ở Washington để lấy dù với sự giúp đỡ của Tướng Marshall, tôi đã gặp các thành viên của một đội ngũ sĩ quan cấp cao đặc biệt đang hỗ trợ ông trong nhiệm vụ Bộ trưởng Quốc phòng. Một trong số họ là Tướng Harry Malony, một học giả Hy Lạp và Latinh cũng như một chỉ huy sư đoàn chiến đấu được ghi nhận về sự nhảy bén chính trị của mình. Tôi đã kể cho Tướng Malony nghe về chiến dịch Huk, bao gồm niềm tin của người Philippines rằng cuộc bầu cử tổng thống năm 1949 đã bị gian lận và cách Huks đã khai thác những cảm xúc này. Sắp có một cuộc bầu cử Philippines vào tháng Mười Một cho một số ghế quốc hội và cho các thống đốc tỉnh; nếu cuộc bầu cử sắp tới này bị gian lận, tiến trình mà lực lượng chính phủ đã đạt được trong việc giành được sự giúp đỡ của người dân chống lại Huks sẽ bị hủy bỏ. Malony đã bắt đầu một mô tả hấp dẫn về các vấn đề gặp phải trong nỗ lực đảm bảo bỏ phiếu trung thực trong các cuộc trưng cầu dân ý quốc tế. Ông biết các cách để kiểm soát bầu cử để giữ cho chúng tự do, cũng như bản chất của các mảnh khoe được thực hiện bởi các nhân vật chính. Đó là một

khóa học tóm tắt về thực tế chính trị.

Sau khi tôi trở lại Philippines, tôi thấy Magsaysay và một số khách mời tại các buổi cà phê (*coffee klatsch sessions*) của chúng tôi buồn bã về các âm mưu của đảng phái chính trị đã được tiến hành cho cuộc bầu cử tháng Mười Một. Một cuộc bầu cử gian lận sẽ làm lung lay niềm tin của người dân vào chính phủ, lãng phí những hy sinh của Quân đội Philippines trong những tháng qua. Tôi nói với họ về chiến thuật của Tướng Malony để giữ cho các cuộc bầu cử tự do và nhắc nhở họ rằng Ủy ban Bầu cử Philippines (*Philippine Commission on Elections*) đã được Hiến pháp thành lập như một thực thể độc lập, vượt lên trên đảng phái hoặc chính quyền chính trị, để kiểm soát việc tiến hành theo Bộ luật Bầu cử Philippines. Ủy ban Bầu cử bị hạn chế vì không có đủ sự hỗ trợ, nhưng lại được trao quyền yêu cầu sự hỗ trợ đó từ chính phủ và công dân. Magsaysay và những người khác phải tìm ra cách để có được sự hỗ trợ đó cho ủy ban vào tháng Mười Một sắp tới.

Trong cuối mùa xuân và đầu mùa hè năm 1951, đã có nhiều cuộc thảo luận dài và một số kế hoạch cụ thể. Vào giữa mùa hè, các kế hoạch đã được lạng lẽ đưa vào

hoạt động mà không thông báo cho các lãnh đạo đảng phái chính trị, một trong số đó là Tổng thống Quirino. Quirino đã vắng mặt khỏi đất nước; sau khi đến Bệnh viện Johns Hopkins ở Baltimore để phẫu thuật, ông đã có một kỳ nghỉ kéo dài ở Tây Ban Nha. Giai đoạn hành động bắt đầu bằng một yêu cầu chính thức của Ủy ban Bầu cử gửi đến Bộ trưởng Quốc phòng Magsaysay yêu cầu sự hỗ trợ của cơ quan quân sự trong cuộc bầu cử sắp tới. Hơn nữa, một nhóm công dân có tinh thần công cộng (Phong trào Quốc gia vì Bầu cử Tự do vừa được thành lập, được biết đến với tên viết tắt là Namfrel) và một nhóm nhà xuất bản báo chí (giám đốc của Dịch vụ Tin tức Philippines - PNS) cũng đã được ủy ban yêu cầu giúp đỡ. Về phần tôi, tôi đã cố gắng hết sức để khơi dậy sự quan tâm của Mỹ về tầm quan trọng của các cuộc bầu cử Philippines này bằng cách nói chuyện với các quan chức và nhà báo Mỹ đến thăm, bằng cách tranh thủ sự hỗ trợ tích cực của Đại sứ Mỹ Myron Cowen, và bằng cách viết thư cho các nhà hoạch định chính sách Mỹ ở Washington.

Một số chính trị gia Philippines thuộc trường phái “cáo già” (*old fox*). Sự hướng dẫn ban đầu của họ là trong chính trị Mỹ, từ

đó họ đã thu thập được các mảnh khoe được biết đến với các bộ máy chính trị Mỹ trong các cuộc bầu cử địa phương và quốc gia và họ đã thêm vào nhiều mưu mẹo xảo quyệt do chính họ nghĩ ra. Cũng có bạo lực tiềm tàng, vì một số lãnh đạo chính trị có thói quen sử dụng các đội côn đồ (*goon squads*) để cưỡng chế cử tri hoặc đối thủ của họ. Tuy nhiên, sự xuất hiện đột ngột của chiến dịch thống nhất nhằm tổ chức một cuộc bầu cử thực sự tự do vào năm 1951 đã khiến họ bất ngờ. Quân đội Philippines canh gác các cuộc họp công cộng để đảm bảo tự do ngôn luận và sau đó tuần tra khu vực lân cận các điểm bỏ phiếu để ngăn chặn việc quấy rối cử tri và các quan chức bầu cử. Bản thân các điểm bỏ phiếu được bảo vệ bởi các học viên ROTC trung học và đại học, những người thường được đưa đến các khu vực bằng phương tiện vận tải quân đội hoặc bởi các thành viên của Namfrel; và những người sau này cũng phục vụ như người giám sát bỏ phiếu dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Bầu cử.

Các hãng tin hàng đầu của Mỹ đã cử phóng viên nước ngoài đến đưa tin về cuộc bầu cử, để một phóng viên của một ấn phẩm nổi tiếng của Mỹ là nhân chứng tại chỗ ở mỗi khu vực có khả năng xảy ra rắc rối lớn,

ngăn chặn bất kỳ kẻ lừa đảo nào bằng sự hiện diện của anh ta. Tại Washington, Bộ trưởng Ngoại giao Dean Acheson đã có một bài phát biểu nhấn mạnh sự quan tâm sâu sắc của người Mỹ đối với sự tự do của quy trình dân chủ trên thế giới và chúc cử tri Philippines tốt đẹp. Ở Philippines, Đại sứ Cowen đã dũng cảm đi trên một đường cao tốc dễ bị phục kích vào trung tâm *Huklandia* và phát biểu tại một cuộc mít tinh lớn của Namfrel ở Pampanga về ý nghĩa của một cuộc bầu cử tự do giữa những người muốn giữ tự do của họ.

Vào ngày bầu cử vào tháng 11 năm 1951, các sĩ quan công vụ của quân đội đã giúp các tình nguyện viên Namfrel khuyến khích cử tri đi bỏ phiếu, trong khi quân đội vận chuyển và bảo vệ các hòm phiếu cho đến khi việc kiểm phiếu chính thức cuối cùng được hoàn thành tại mỗi thủ phủ tỉnh. Các phóng viên PNS đã thu được kết quả không chính thức tại mỗi khu vực khi việc bỏ phiếu kết thúc và báo cáo điều này qua radio (thường là qua mạng quân sự) cho PNS ở Manila, nơi các tờ báo và đài phát thanh ngay lập tức công bố các kết quả không chính thức cho công chúng, ngăn chặn bất kỳ sự thao túng bí mật quy mô lớn nào sau này đối với các

phiếu bầu trong thùng phiếu. Trong tổng số khoảng năm triệu rưỡi cử tri đã đăng ký, khoảng bốn triệu đã bỏ phiếu; đây là nhiều hơn một triệu cử tri so với cuộc bầu cử trước. Sự trung thực của cuộc bầu cử được chứng thực bởi thực tế đáng tiếc là hầu hết các ứng cử viên được bầu thuộc về đảng đối lập!

Vai trò của quân đội trong việc bảo vệ quyền bầu cử đã gây ra một sự cố kỳ lạ mà tôi đã chứng kiến vào buổi chiều ngày bầu cử. Một giờ trước khi các điểm bỏ phiếu đóng cửa, tôi đã đến thăm phó tham mưu trưởng, Đại tá Jesus Vargas, người đang điều hành chương trình hỗ trợ bầu cử của quân đội và người nằm trong danh sách thăng chức. Khi tôi ở cùng anh ta, anh ta trả lời một cuộc điện thoại, khuôn mặt anh ta lộ rõ vẻ đau khổ khi lắng nghe. Anh ta lẩm bẩm, “Chỉ một phút,” đặt tay lên ống nghe, và quay sang tôi. Anh ta nói rằng một “người có vị trí rất cao” là người gọi anh ta và đang yêu cầu anh ta rút quân ra khỏi việc canh gác các khu vực ở Caloocan – một vùng ngoại ô đông dân của Manila – ngay lập tức, nếu không Vargas sẽ không bao giờ trở thành tướng. Anh ta nên làm gì? Tôi nhắc nhở anh ta rằng với tư cách là một người lính, anh ta đã thể “bảo tồn và bảo vệ Hiến pháp.” Việc anh ta

thực hiện lời thề của mình như thế nào hoàn toàn tùy thuộc vào anh ta. Anh ta cảm ơn tôi, bỏ tay ra khỏi ống nghe và nói vào đó một cách chậm rãi và rõ ràng rằng anh ta sẽ giữ quân đội ở Caloocan cho đến khi các điểm bỏ phiếu đóng cửa và các thùng phiếu được an toàn. Sau đó anh ta cúp máy và cười toe toét với tôi. Tôi bắt tay anh ta. Sau đó, tôi kể cho Magsaysay về sự cố này, và anh ta bắt tay vào việc bảo vệ các sĩ quan và binh lính khỏi sự trả đũa chính trị. Vargas đã được thăng chức lên tướng và tiếp tục sự nghiệp tốt đẹp của mình.

Sự trung thực rõ ràng của cuộc bầu cử năm 1951 này đã có một tác động kịch tính đến dân chúng. Nó nhấn mạnh thực tế rằng, theo Hiến pháp, chính phủ thuộc về người dân và những thay đổi có thể được thực hiện mà không cần dùng đến bạo lực. Cuộc bầu cử cũng làm rạn nứt tinh thần của Huks, một phần là do một loạt các sự kiện giữa họ đã được gây ra bởi một hoạt động bí mật mà tôi đã khởi xướng. Một cơ hội đã nảy sinh để tôi trả đũa chúng bằng chính đồng tiền tâm lý của chúng, và tôi đã nắm lấy nó.

Các đặc vụ MIS đã xác định vị trí một chi bộ agitprop Huk ở Manila. Tôi yêu cầu MIS trì hoãn việc bắt giữ các thành viên

của nhóm bí mật này ngay lập tức và, trong thời gian chờ đợi, đưa một số tài liệu tuyên truyền vào các kênh liên lạc của chi bộ đó, với hy vọng các thành viên sau đó sẽ chấp nhận và sử dụng chúng như của riêng họ. Dựa trên thông tin tôi biết trước về các bước đang được thực hiện để làm cho cuộc bầu cử trung thực, tôi cảm thấy rằng Huks có thể bị khiêu khích phản đối cuộc bầu cử vì những lý do cũ – và giờ là sai lầm – của chúng. Tôi đã viết một chỉ thị Huk giả với lời lẽ mạnh mẽ yêu cầu tất cả những người ủng hộ Huk “Tẩy chay Cuộc Bầu cử!” Chỉ thị giả này viện dẫn các lập luận sẽ được sử dụng, bao gồm các hành vi gian lận trong quá khứ và sự chắc chắn rằng cuộc bầu cử năm 1951 sẽ không khác biệt. Nó được đánh máy trên một máy đánh chữ Huk bị thu giữ trên giấy bị thu giữ, với nhận dạng xác thực, và được bí mật đặt vào các kênh tuyên truyền Huk, thông qua chi bộ agitprop.

Trong những ngày sau đó, Bộ Chính trị và toàn bộ bộ máy Huk đã chấp nhận khẩu hiệu “Tẩy chay Cuộc Bầu cử!” và thực hiện một chiến dịch mạnh mẽ sử dụng các lập luận mà tôi đã cung cấp cho họ. Sau đó là ngày bầu cử và những cú sốc đối với phía họ: lượng cử tri đi bầu khổng lồ và bằng chứng rõ ràng về

những lá phiếu trung thực. Lực lượng chính phủ, báo chí, và các công dân tình nguyện trong Namfrel đã công khai thu hút sự chú ý của Huks và những người ủng hộ họ về việc dự đoán của họ về cuộc bầu cử đã sai lầm như thế nào. Phiếu bầu, chứ không phải đạn, mới là thứ quan trọng! Nếu các lãnh đạo Huk có thể sai lầm đến vậy lần này, thì họ đã sai lầm trong bao nhiêu thứ khác suốt thời gian qua? Tại sao bất cứ ai nên tiếp tục theo họ nữa? Cấp dưới Huk bắt đầu lặp lại những tình cảm này, và tinh thần Huk trượt dốc. Các nhóm Huks bắt đầu tự nguyện đi vào các trại quân đội, đầu hàng và bình luận cay đắng rằng họ đã bị các lãnh đạo của họ lừa dối. Chà, điều đó là sự thật. Họ đã bị lừa.

Tất nhiên, bài học thực sự của cuộc bầu cử tháng Mười Một là một công dân cảnh giác và quyết tâm có thể chọn, theo Hiến pháp, chính phủ mà họ muốn mà không cần dùng đến bạo lực mà Huks ủng hộ. Bây giờ người dân đã biết điều này. Có một sự phấn chấn tinh thần lớn trên khắp đất nước khi tin tức bầu cử được biết đến, và, cùng với nó, người dân đã thay đổi ý kiến của họ về những người lính chính phủ. Nỗ lực rục rĩ này trong hành động công dân rõ ràng là yếu tố quyết định, bởi vì quân đội đã được

người dân đối xử như những người hùng trong phần còn lại của chiến dịch Huk.

Tôi đã thấy bằng chứng về điều này hết lần này đến lần khác trong các chuyến đi của tôi qua các tỉnh. Ví dụ hài hước nhất là một cảnh tôi thấy ở Huklandia vào ngày sau bầu cử. Một đoàn xe tải chở quân đã dừng lại trên đường gần một thị trấn, để những người lính xuống bên lề đường và đi tiểu. Theo thông lệ ở lãnh thổ thù địch, họ giữ vũ khí trong tầm tay, trong khi lính gác ở lại với súng máy được gắn trên xe tải, ngón tay trên cò súng và cảnh giác cao độ với bất kỳ cuộc tấn công bất ngờ nào. Ngay lúc đó, với những tiếng kêu lớn và vui mừng, cư dân thị trấn đã lao ra khỏi nhà và chạy đến chỗ những người lính, chào đón họ, ôm họ, vỗ lưng họ, và cảm ơn họ vì cuộc bầu cử tự do. Những chàng trai mặc đồng phục đã đón nhận điều đó như những người lính.

Khi tôi thấy sự cố của người dân thị trấn và quân đội đó, tôi đang trên đường đến một cuộc họp với Magsaysay, người đã yêu cầu tôi tham gia cùng anh ta trong Khu vực Quân sự 1, bao gồm phần chính của Huklandia lúc bấy giờ. Tôi tìm thấy anh ta tại bệnh viện quân đội của khu vực, đi từ giường này sang giường khác, nói chuyện

với những người lính bị thương. Tôi nhận thấy rằng một nhóm thường dân đã tụ tập quanh một chiếc giường trong góc, nơi một ông già đang nằm. Các bác sĩ nói với tôi rằng ông là một nông dân, đang chết vì vết thương do lưỡi lê ở ngực và bụng. Đám đông xung quanh ông là toàn bộ gia đình ông. Tôi có muốn đi qua và gặp ông ấy không? Tôi từ chối. Gia đình rõ ràng đang đau buồn sâu sắc, và đây không phải là lúc để một người lạ mặt xâm nhập vào cảnh tượng mang tính kinh thánh này, người tộc trưởng già rời bỏ thế giới được bao quanh bởi những người thân yêu của mình.

Nhưng ông già chắc chắn đã thấy tôi nhìn ông, vì con trai cả của ông đi đến và nói với tôi rằng cha ông đã yêu cầu “người Mỹ” đến thăm ông. Khi chúng tôi đi đến chỗ ông già, người con trai giải thích những gì đã xảy ra. Cha ông đã khẳng khẳng rằng tất cả các cử tri đủ điều kiện trong gia đình nên đi bỏ phiếu, điều mà tất cả họ đã làm. Đêm đó, Huks đã đến nhà và yêu cầu một ít gạo, “thuế” thông thường mà họ đã thu từ gia đình trước đây. Người nông dân già đã đi ra cửa và bảo Huks đi đi. Gia đình ông sẽ không đưa gạo cho chúng, sẽ không còn ủng hộ Huks nữa, đã chấm dứt bạo lực. Khi nghe

điều này, Huks đã dùng lưới lê đâm người nông dân già và để ông bị thương nặng ở ngưỡng cửa. Gia đình đã đưa ông đến bệnh viện quân đội, nhưng ông đã quá sức cứu chữa và đang hấp hối.

Tôi đứng cạnh gia đình bên giường bệnh. Ông già nhìn vào mắt tôi và nói khẽ, sức lực gần như đã cạn. Ông nói rằng ông muốn nói chuyện với một người Mỹ trước khi ông chết, điều sẽ sớm xảy ra, bởi vì một người Mỹ sẽ hiểu. Ông đã muốn công bằng xã hội cho gia đình mình và đã tự hào khi một người con trai đã đi gia nhập Huks để chiến đấu cho lý tưởng này. Ông đã đưa thức ăn và tiền cho Huks trong quá khứ. Tuy nhiên, trong cuộc bỏ phiếu hôm thứ Ba, ông già và gia đình đã đi bỏ phiếu, thực sự là để cho nền dân chủ một cơ hội cuối cùng xứng đáng với lòng trung thành của họ. Ông đã thấy rằng nền dân chủ vẫn còn sống. Mọi người đàn ông mà ông đã bỏ phiếu đều thắng cử. Ngay lúc này, ông đã gửi lời nhắn cho con trai mình với Huks, bảo nó rời Huks và trở về nhà. Sau đó, đêm qua khi Huks đến thu “thuế,” ông đã từ chối trả và chúng đã dùng lưới lê và dao đâm ông. “Những gì tôi đã làm là đúng,” ông nói, giọng gần như thì thầm. Vài khoảnh khắc sau, ông qua đời.

GHI CHÚ

NAMFREL. Phong trào Quốc gia vì Bầu cử Tự do (NAMFREL) ban đầu được thành lập bởi Terry Adevoso, Jaime Ferrer, và Frisco Johnny San Juan, tất cả đều là các chỉ huy quốc gia của Quân đoàn Cựu chiến binh Philippines. Tất cả cũng đã chiến đấu chống lại sự chiếm đóng của Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai với tư cách là thành viên của Du kích ROTC Thợ săn (Hunters ROTC Guerrillas), một nhóm sinh viên đại học đã lý tưởng hóa dân chủ và tự do. Ferrer trở thành giám đốc của NAMFREL. Sau đó, San Juan đã tổ chức các tình nguyện viên từ các cựu chiến binh ROTC Thợ săn thành các thành viên sáng lập của Công ty Tự do (Freedom Company), công ty đã hỗ trợ trong công việc mà tôi khuyến khích ở Việt Nam.

CHƯƠNG BẢY

* *

PHILIPPINES 1952-53 VÀ ĐÔNG DƯƠNG 1953

Huks đã tự xem mình là “làn sóng của tương lai.” Làn sóng đó đã bốc hơi vào năm 1952. Với sự ủng hộ ngày càng giảm từ người dân sau cuộc bầu cử tháng 11 năm 1951 và với sự bất mãn ngày càng tăng trong hàng ngũ của chúng, Huks đã rút hầu hết lực lượng của mình khỏi vùng trung tâm cũ của chúng ở các tỉnh ngay phía bắc Manila. Chúng tìm kiếm những khu vực xa xôi nơi chúng có thể ẩn náu để nghỉ ngơi và chuẩn bị cho một sự trở lại với cuộc đấu tranh. Các nhóm nhỏ tản mát xa về phía bắc. Tuy nhiên, phần chính của quân đội Huk và những người theo dõi trung thành nhất của chúng đã đi về phía nam, đi vòng qua Manila bằng cách leo lên những ngọn núi rừng rậm của dãy núi dài được gọi là Sierra Madre bao gồm xương sống phía đông của đảo Luzon. Ở đó, trong địa hình

khắc nghiệt, chúng đã lập trại, một sở chỉ huy chính mới, một sở trường huấn luyện để tăng cường truyền bá chính trị, và một loạt các “căn cứ sản xuất” để trồng lương thực. Đây là những cánh đồng được phát quang từ rừng rậm và chủ yếu trồng lúa rẫy, bắp và *camotes* (khoai mỡ).

Huks đáng lẽ phải đủ an toàn trong khu vực này để lấy lại hơi thở sau những trận đòn năm 1951. Rất ít người Philippines vùng đất thấp từng cố gắng xâm nhập vào đó. Nó quá hoang dã. Mặc dù tôi đã khám phá nhiều vùng Luzon bằng jeep trong những năm qua, thường xuyên xa khỏi đường sá, tôi chỉ biết những dải và mảnh nhỏ của vùng hoang dã này. Khi Huks di chuyển vào đó vào năm 1952, tôi nhớ đến những người lính khác, những người biết quá rõ về nó. Hai trong số họ là người Mỹ mà người bạn của tôi, Go Puan-seng, nhà xuất bản người Hoa, đã kể cho tôi nghe. Anh ta và gia đình đã chạy trốn khỏi cuộc xâm lược của Nhật Bản, đã ẩn náu trên một sườn núi của Sierra Madre và chưa bao giờ bị người Nhật tìm thấy. Một ngày nọ vào đầu năm 1942, hai người lính Mỹ vấp ngã vào trại của anh ta, gầy gò, kiệt sức, đồng phục rách nát, nhưng vẫn nắm chặt súng trường trong tay. Họ là

một phần của tuyến phòng thủ đã cố gắng ngăn chặn cuộc đổ bộ của Nhật Bản ở bờ biển phía đông. Bị kẻ thù tràn ngập, bị cắt đứt khỏi đường xá, hai người đã bắt đầu đi đến Manila qua những ngọn núi. Bây giờ, vài tuần sau, họ gần như đã nhìn thấy mục tiêu của mình. Trong khi cho họ ăn, Go giải thích nhẹ nhàng rằng Quân đội Mỹ không còn giữ Manila nữa và đề nghị hai người ở lại với anh ta. Khi họ hỏi quân đội đang ở đâu, anh ta đưa họ đến một điểm thuận lợi từ đó họ có thể nhìn thấy Vịnh Manila và, xa hơn, ở khoảng cách xa, những ngọn đồi của Bataan nơi có những tia sáng từ các vụ nổ. Anh ta giải thích rằng tất cả những gì còn lại của Quân đội Mỹ đều ở trên bán đảo đó, bị kẻ thù bao vây. Những người Mỹ gầy gò nhìn chăm chăm vào cảnh tượng. Sau đó, họ cảm ơn anh ta vì thức ăn và lời đề nghị ở lại, nhưng quay lại và mệt mỏi lên đường đến Bataan. “Bây giờ chúng tôi biết, hơn bao giờ hết, rằng chúng tôi đang được cần đến,” họ nói với anh ta.

Trong cùng một nơi chằng chịt, rối rắm mà hai người Mỹ đã cố gắng vượt qua từ bờ biển vào năm 1942, Huks giờ đây đang hy vọng có một nơi trú ẩn an toàn mười năm sau. Magsaysay và Quân đội Philippines đã

không để chúng có được điều đó. Các BCT di chuyển lên núi và truy đuổi Huks. Cuộc chiến năm 1952 trở thành cuộc chiến của các đội tuần tra quân đội ngày càng tiến sâu vào rừng rậm, tiếp tục đi cho đến khi sức bền và thức ăn đạt đến điểm nguy hiểm, xua đuổi Huks khỏi các căn cứ sản xuất và trại của chúng, buộc chúng vào một cuộc sống hoàn toàn trốn chạy. Rừng rậm quá dày đặc để cung cấp cho quân đội chính phủ bằng đường hàng không. Những khó khăn rất tàn khốc đối với cả hai bên, nhưng quân đội có thể thay thế quân đội mệt mỏi bằng quân đội tươi mới còn Huks thì không thể. Thương vong và đào ngũ của Huk cứ tăng lên với mỗi cuộc chạm trán. Huks bị bắt ngờ hết lần này đến lần khác khi quân đội tiếp tục áp lực không ngừng. Số lượng tù binh bị bắt tăng lên. Đến cuối mùa hè năm 1952, chỉ còn một số lượng nhỏ còn lại của lực lượng Huk vẫn còn trên chiến trường. Đó là một sự tương phản buồn tẻ với giấc mơ của Huk về việc tiếp quản chính phủ ở Manila một cách chiến thắng trong năm đó.

Trong số các tù binh bị quân đội bắt có một người Mỹ theo chủ nghĩa Cộng sản, William Pomeroy. Anh ta đã kết hôn với một phụ nữ Philippines lớn hơn anh ta vài

tuổi, một người đã là thành viên lâu năm của đảng Cộng sản Philippines. Gia đình Pomeroy đã đi vào Sierra Madre cùng với Huks, cô ấy là một lãnh đạo chính trị và anh ta là một giảng viên tại “Đại học Stalin.” Một đội tuần tra quân đội đã thực hiện một cuộc đột kích bất ngờ vào trại Sierra Madre nơi họ ở, khiến Huks hoảng loạn tìm nơi an toàn. Pomeroy bắt đầu chạy, làm mất kính, và cận thị chạy thẳng vào một cái cây, tự làm mình ngất xỉu. Những người lính đang quan sát không thể nhìn được cười khi họ đi đến, nhặt anh ta lên và bắt anh ta làm tù binh. Điển hình là Magsaysay đã nói chuyện với Pomeroy và sau đó viết một lá thư cho mẹ Pomeroy ở Mỹ trấn an bà về sức khỏe của con trai bà khi bị giam giữ. Vợ của Pomeroy đã chạy theo hướng khác trong cuộc đột kích nhưng cũng bị bắt. Không giống như Pomeroy, người nói chuyện thoải mái với những người bắt giữ mình, cô ấy từ chối nói một lời nào. Sau đó, họ bị kết án tù chung thân vì “nổi loạn phức tạp với giết người, cướp của, đốt phá và bắt cóc.” Sau khi thụ án mười năm, cả hai đều được ân xá, và Pomeroy bị trục xuất về Hoa Kỳ.

Vào mùa hè năm 1952, với động lực của chiến dịch Huk vững chắc, Magsaysay cảm

thấy rằng anh ta có thể an toàn rời khỏi đất nước trong một thời gian ngắn. Anh ta đã đến thăm Mỹ và Mexico. Tôi đi cùng anh ta. Chúng tôi dừng lại ở El Paso để thăm chỉ huy Thế chiến thứ hai của anh ta, Đại tá Gyles Merrill, người mà Magsaysay có sự tôn trọng và tình cảm sâu sắc, và gần nguyên đêm chúng tôi thức để hồi tưởng lại những ngày du kích cũ. Sau đó, chúng tôi đi đến Washington, nơi Magsaysay yêu cầu Mỹ giúp đỡ trong việc trang bị lực lượng của mình, chủ yếu là với máy ủi, máy san đường và các máy móc tương tự để sử dụng trong các dự án hành động công dân quân sự. Ở New York, có các cuộc họp với các nhà xuất bản và biên tập viên, để củng cố sự quan tâm của họ đến bản chất của chiến dịch chống lại Huks. (Bài báo chi tiết nhất về chiến dịch đã được Robert Shaplen viết vào năm 1950 cho tạp chí *Collier's*; cần phải cập nhật.) Ở Thành phố Mexico, Magsaysay là diễn giả chính tại hội nghị của Lions Clubs International, giải thích học thuyết của mình về việc đưa ra cho Huks sự lựa chọn giữa “tình bạn toàn diện hoặc vũ lực toàn diện,” cũng như vai trò khai sáng mà một chính phủ phải đảm nhận để ngăn chặn hoặc kiểm soát các cuộc nổi dậy do Cộng

sản lãnh đạo, bằng cách giữ cho chính phủ và người dân ở cùng một phía. Các Lions Clubs của California đã đáp lại bằng một chiến dịch thu thập thiết bị nông nghiệp trị giá hàng triệu đô la cho Philippines, để giúp cung cấp một sự tiếp nối có ý nghĩa cho chiến dịch quân sự.

Chuyến thăm Washington mang lại cho tôi một hương vị ngắn ngủi về cuộc sống gia đình một lần nữa, về những lo lắng của chủ nhà (cả mái nhà và tầng hầm của ngôi nhà được sửa sang lại của tôi đều bị đột), và về các cuộc họp với các quan chức Mỹ. Tôi đã cố gắng thuyết phục họ rằng chiến dịch chống lại Huks đang ở giai đoạn cuối và đã đến lúc tôi phải rời Philippines. Những lập luận của tôi đã rơi vào tai điếc. Họ dường như thấy những mô tả của tôi về những gì Quân đội Philippines và người dân đang làm là khó hiểu theo cách thức chiến tranh mà họ biết, chẳng hạn như cuộc chiến ở Hàn Quốc. Họ hoài nghi về việc chiến dịch còn lại chỉ là một cuộc quét sạch thường lệ, mà bất kỳ lời khuyên nào từ tôi sẽ là thừa thãi, và gửi tôi trở lại Philippines. Tôi rời Washington trong sự chán nản. Các quan chức cấp cao Mỹ đã quá ít nắm bắt các nguyên tắc cơ bản của chiến tranh nhân dân như được Cộng sản

châu Á tiến hành. Hàn Quốc, với cuộc chiến tranh vị trí kiểu cũ của nó, đã đánh lừa họ về những gì Mao đã dạy và thực hành để giành chiến thắng ở Trung Quốc. Tuy nhiên, du kích ở các nước châu Á khác, ở Mỹ Latinh và ở Châu Phi đang chú ý đến các bài học của Mao từ Trung Quốc. Chúng chắc chắn sẽ tạo ra các vấn đề mà các quan chức Mỹ sẽ phải đối phó trong những năm qua. Làm thế nào họ có thể đối phó nếu họ không hiểu? Vào thời điểm đó tôi không biết, câu hỏi tương tự này sẽ ám ảnh tôi hết lần này đến lần khác trong phần còn lại của thời gian phục vụ đất nước của tôi.

Trở lại Philippines một lần nữa, tôi dễ dàng hòa vào cuộc sống hàng ngày với những chuyến thăm các khu vực chiến đấu cùng Magsaysay, các buổi lên kế hoạch tác chiến về tình báo quân sự, chiến tranh tâm lý (*psywar*), và hành động công dân, cùng những chuyến thăm riêng của tôi giữa người dân. Những thay đổi đang diễn ra vào mùa thu năm đó ở Philippines, tinh tế đến mức tôi chỉ dần dần nhận ra chúng. Những dấu hiệu đầu tiên tôi nhận thấy là tại nhà Magsaysay. Magsaysay và gia đình đã chuyển đến một căn nhà lớn trong khu vực trụ sở lực lượng vũ trang tại Trại Murphy (*Camp Murphy*).

Tôi thường đến thăm anh ta vào sáng sớm mỗi ngày để trò chuyện nhanh về các vấn đề hiện tại. Nếu có một tình huống khẩn cấp ở các tỉnh, chúng tôi sẽ đi xem tận mắt. Nếu không, tôi sẽ rời đi và lo các nhiệm vụ khác của mình.

Trong những cuộc gọi buổi sáng này, tôi nhận thấy có một số lượng người ngày càng tăng kiên nhẫn chờ đợi để nói chuyện với Magsaysay mỗi ngày. Chủ yếu, họ là những người từ các thị trấn nhỏ và trang trại ở các tỉnh, những người có vấn đề và đang tìm kiếm lời khuyên hoặc sự giúp đỡ của anh ta. Magsaysay sẽ ở bàn ăn sáng, thường vẫn mặc đồ ngủ, tiếp họ từng người một khi anh ta ăn, một hàng người dẫn từ chỗ anh ta ở bàn ăn xuyên qua các phòng khác của ngôi nhà, ra cửa trước, và dọc theo đường phố.

Cuối cùng, hàng người đến thăm hàng ngày này đã tăng lên cho đến khi nó dài hai dãy nhà – một cảnh tượng đáng gờm chào đón Magsaysay khi anh ta ra khỏi giường và đi ăn sáng mỗi sáng. Tôi sẽ uống một tách cà phê với gia đình và các phụ tá của anh ta, chờ đợi một khoảnh khắc rảnh rỗi với anh ta, và do đó không thể không nghe lỏm những gì mọi người đang nói với anh ta. Những lời cầu xin, câu hỏi và nhận xét của

họ vượt xa phạm vi bình thường của một Bộ trưởng Quốc phòng. Tôi nhận ra rằng, đối với người dân, Magsaysay đang nhanh chóng trở thành chính phủ, người lãnh đạo quan tâm đến những gì đang xảy ra với họ và sẽ cố gắng sửa chữa bất kỳ sai lầm nào.

Điều tương tự cũng bắt đầu xảy ra với anh ta ở vùng nông thôn. Đúng là, đã có một mối quan hệ bất thường giữa người dân và Magsaysay ngay từ đầu. Nhưng một điều gì đó đã phát triển thêm vào mùa thu năm 1952. Tôi gặp nó lần đầu tiên vào một ngày khi Magsaysay và tôi đã đến thăm quân đội trên núi bao quanh phía đông Laguna de Bay, vùng biển nội địa dài ba mươi bảy dặm phía nam Manila, và đã dừng lại ở thị trấn đánh cá Binangonan khi chúng tôi trở về. Trong khi Magsaysay đang nói chuyện với ngư dân về việc sử dụng thuyền của họ để chở đồ tiếp tế cho quân đội, người dân thị trấn bắt đầu tụ tập xung quanh. Tôi có thể nghe thấy tiếng gọi từ đường phố đến những người bên trong nhà, “Là ‘Ông Lớn’ (*The Guy*)! Ông ấy ở đây!” *The Guy*? Tôi chưa từng nghe biệt danh này dành cho Magsaysay trước đây. Một đám đông dày đặc bao quanh anh ta, những người phụ nữ chen chúc lại gần Magsaysay để chạm

vào quần áo anh ta một cách rụt rè bằng đầu ngón tay, gần như để cầu may, giống như chạm vào một bùa hộ mệnh yêu thích. Magsaysay cười toe toét ngượng ngùng và chào họ. Có một phản ứng nhanh chóng từ hàng trăm người tụ tập xung quanh anh ta, tiếng cười, tiếng reo hò chào đón và những lời chúc tốt đẹp. Giữa tiếng ồn vui vẻ này, chúng tôi đi đến xe. Khi chúng tôi lái xe đi, tôi suy ngẫm về những gì tôi đã thấy. Sự dâng trào cảm xúc đã làm tôi giật mình. Các từ “uy tín cá nhân” (*charisma*) và “sự sùng bái” (*adulation*) xuất hiện trong đầu, nhưng chúng dường như quá nhẹ nhàng. Những người này đã sống quá gần với sự nguy hiểm của khủng bố du kích, quá ý thức về sự trả đũa tàn nhẫn, để thể hiện cảm xúc của họ một cách công khai đối với một lãnh đạo chính phủ trừ khi có một động lực bắt buộc nào đó. Rõ ràng người dân đang khám phá ra rằng họ có một người bảo vệ của riêng mình ở giữa họ và muốn anh ta biết điều đó. Trong những ngày sau đó, người dân ở các thị trấn khác phản ứng theo cùng một cách. Việc này trở nên phổ biến rộng rãi.

Trong khi quân đội chính phủ đang chiến đấu và hy sinh trong giai đoạn cuối của chiến dịch Huk và trong khi người dân đang tỉnh

táo một cách rạng rỡ trước sự hiện diện của Magsaysay, chính quyền ở Manila đã làm một điều ngu ngốc. Tại một cuộc họp mặt của các lãnh đạo của Đảng Tự do (*Liberal party*), đảng đang cầm quyền, các kế hoạch đã được thực hiện cho cuộc bầu cử tổng thống dự kiến vào tháng 11 năm 1953. Cũng như hầu hết các bí mật ở châu Á, bí mật này sớm bị rò rỉ và trở thành chủ đề được lựa chọn để trò chuyện trong các quán cà phê, trong các nhà ăn dã chiến của quân đội, và tại các bàn ăn gia đình. Đảng Tự do, tức giận vì những thất bại của họ trong cuộc bầu cử phụ năm 1951 và ý thức về cách họ đã thắng vào năm 1949, đã lên kế hoạch thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ hơn nữa đối với các điểm bỏ phiếu so với năm 1949 và do đó chắc chắn rằng họ vẫn nắm quyền. Tổng thống, tất nhiên, sẽ tái tranh cử. Ông ta cũng nói với những người bạn thân của mình rằng Magsaysay là một người sắp lên, một người mà ông ta nhìn nhận một cách yêu mến, gần như một người con trai. Magsaysay nên được xem xét như một khả năng cho danh sách ứng cử viên của Đảng Tự do vào Thượng viện. Anh ta sẽ là một chàng trai ngoan ngoãn và làm theo mệnh lệnh của đảng. Với những xáo trộn từ Huks gần như kết thúc, đất nước sẽ trở lại

thời kỳ bình thường. *Status quo ante bellum* (Tình trạng như trước chiến tranh) có thể được thiết lập lại.

Bây giờ, một chút kế hoạch chính trị này sẽ hầu như không được chú ý trong thời điểm bình thường. Nó nằm trong truyền thống chính trị. Nhưng không có gì là bình thường về những ngày cuối năm 1952. Đã có quá nhiều bạo lực và thay đổi trong những tháng qua khiến bất kỳ người hợp lý nào cũng khó tin rằng đồng hồ có thể quay ngược lại bây giờ. Mặc dù vậy, tôi đã không chuẩn bị cho làn sóng phản ứng cảm xúc cao độ đã đến khi tin tức về các kế hoạch của Đảng Tự do lan rộng khắp đất nước. Cơ quan chính trị trông như thể sắp trở nên hỗn loạn hàng loạt. Các công dân nói với tôi một cách kịch tính rằng nếu Đảng Tự do gian lận trong một cuộc bầu cử khác, đó là sự kết thúc của đất nước. Binh lính nói một cách dữ dội về việc ngừng chiến đấu chống lại Huks và lên đòi để tự chiến đấu như du kích chống lại chính phủ. Một số cảm xúc sau này đã lan sang Magsaysay. Rõ ràng là anh ta đã đạt đến điểm thấp nhất trong sự vô mộng với chính quyền. Anh ta nói một cách u ám một ngày nào đó rằng “mọi người” đang nói về việc lên đòi để chiến đấu với chính phủ và

vị trí của anh ta sẽ ở cùng với “mọi người,” chứ không phải với chính phủ. Anh ta báo cáo những câu chuyện châm biếm về các chuyến đi ăn chơi miễn phí của các chính trị gia ở nước ngoài và về nhiều đôi giày mà vợ họ đã mua khi ở nước ngoài và sau đó lén lút qua nhân viên hải quan Philippines. Tổng thống Quirino cũng bị chỉ trích cá nhân. Ông ta đã sử dụng năm ngàn peso (khoảng 2.000 đô la Mỹ) tiền quỹ chính phủ để mua cho mình một chiếc giường. Không phải rõ ràng rằng các chính trị gia đang thờ ơ một cách vô cảm trước hoàn cảnh khó khăn của người dân sao?

Trái tim tôi hướng về những người tức giận về bản chất ký sinh của rất nhiều người “trong cuộc” của xã hội Philippines, nhưng sự thay đổi phải được thực hiện thông qua hòm phiếu và các cải cách theo Hiến pháp, chứ không phải bằng cách mở rộng cuộc xung đột của Philippines thành một cuộc nội chiến thực sự. Tôi thấy mình kiên nhẫn tranh luận với Magsaysay và những người khác về tầm quan trọng của việc họ làm cho các quy trình dân chủ hoạt động chính xác, nếu họ muốn hiện thực hóa ước mơ của họ về Philippines nên trở thành gì. Các đảm bảo bằng văn bản duy nhất họ có là trong

Hiến pháp và Bộ luật Bầu cử, những thứ sẽ bị phá hủy nếu họ bắt đầu phá hủy chính phủ. Họ không thấy điều đó sao?

Magsaysay đã tìm thấy câu trả lời cá nhân của mình. Mà tôi không hề hay biết, anh ta bắt đầu gặp gỡ bí mật với các lãnh đạo của hai đảng phái chính trị đối lập. Đó là một sự kết hợp kỳ lạ, vì mỗi người trong số những người này đều có tham vọng tổng thống mạnh mẽ. Họ là Jose Laurel và Claro Recto của đảng đối lập lớn, Đảng Nacionalista, và Lorenzo Tanada của một nhóm đối lập lý tưởng, Đảng Công dân (*Citizens party*). Vào ngày 16 tháng 11 năm 1952, bốn người này đã ký một hiệp ước. Đảng Công dân sẽ hợp nhất với Đảng Nacionalista. Vào một thời điểm thích hợp, Magsaysay sẽ từ chức khỏi nội các, chấm dứt tư cách thành viên trong Đảng Tự do đang cầm quyền, và trở thành một người Nacionalista. Tại đại hội của Đảng Nacionalista, Laurel, Recto, và Tanada sẽ nỗ lực hết sức để giành được đề cử tổng thống của Nacionalista cho Magsaysay và sau đó thực hiện một “Cuộc Thập tự chinh Vĩ đại” (*Great Crusade*) để bầu anh ta làm tổng thống vào tháng 11 năm 1953.

Vào tối ngày 16 tháng 11, sau khi ký hiệp ước, Magsaysay đã đến thăm tôi và kể cho

tôi nghe về điều đó. Mối quan tâm chính của tôi, khi nghe chi tiết, là liệu Magsaysay có phải thỏa hiệp niềm tin của chính mình hay không. Anh ta trấn an tôi rằng anh ta không thực hiện bất kỳ giao dịch nào để đổi lấy lợi ích chính trị. Đó thực sự là một cuộc thập tự chinh để đạt được một chính phủ đảng hoàng, không có gì khác. Anh ta hỏi tôi về phản ứng của Mỹ. Tôi nói với anh ta rằng những người Mỹ biết anh ta sẽ rất nhiệt tình về việc anh ta tranh cử tổng thống. Tuy nhiên, chính sách chính thức của Mỹ chắc chắn sẽ là phi đảng phái và tôi sẽ phải tuân thủ điều đó bất chấp tình bạn của chúng tôi. Có lẽ Mỹ có thể khuyến khích việc tổ chức một cuộc bầu cử tự do, như đã làm vào năm 1951. Nếu vậy, tất cả những gì Magsaysay cần làm là vận động tranh cử hết mình. Anh ta có thể giành chiến thắng trong một cuộc bỏ phiếu trung thực.

Tin tức về kế hoạch bí mật bắt đầu rò rỉ quá sớm, mặc dù Magsaysay tránh các cuộc họp nội các và làm cho mình thực tế là không thể tiếp cận. Tôi ngạc nhiên khi nghe tên mình bị đưa vào các tin đồn là đã đưa cho Magsaysay ba triệu đô la cho chiến dịch tranh cử của anh ta. Những kẻ tung tin đồn chắc chắn không biết ngân sách nhỏ

bé của chính phủ và cá nhân mà tôi đang hoạt động. Tôi gần như hết tiền. Giữa tất cả những ồn ào chính trị này, tôi tập trung vào việc viết một kế hoạch để bảo vệ tính toàn vẹn của cuộc bầu cử năm 1953.

Đến tháng 1 năm 1953, gia đình chính thức của Mỹ đã thay đổi đáng kể so với năm 1951. Có một tổng thống và một nội các mới ở Washington và một đại sứ mới ở Manila. Tôi mang kế hoạch của mình về việc Mỹ hỗ trợ các biện pháp bảo vệ phi đảng phái trong cuộc bầu cử năm 1953 đến đại sứ quán Mỹ và xem xét nó với Đô đốc Raymond Spruance, lúc đó là đại sứ, và với cố vấn đại sứ quán của ông, William Lacy. Họ đã tán thành nó và giúp tôi yêu cầu đến thăm Washington, nơi tôi hy vọng sẽ được các nhà hoạch định chính sách mới ở đó chấp thuận. Spruance và Lacy nhận thức được tôi đang đi chệch khỏi các vấn đề quân sự đến mức nào, nhưng họ cũng hiểu sự cần thiết của một cuộc bầu cử công bằng nếu chiến dịch chống lại Huks được hoàn thành. Sự hỗ trợ nhiệt tình của họ là vô giá đối với tôi trong việc có được sự lắng nghe thông cảm tại Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng, cùng với sự hỗ trợ của Đô đốc Arthur Radford, lúc đó là chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân. Spruance có

lẽ là sĩ quan hải quân được kính trọng nhất về mặt chuyên môn trong Thế chiến thứ hai, và Lacy là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp đến Manila từ nhiều năm làm việc tại Washington ở cấp độ chính sách và quyết định. Tôi đến Washington vào cuối tháng Giêng và thực hiện các cuộc nói chuyện với các nhà hoạch định chính sách. Đề xuất của tôi về việc giúp Philippines bảo vệ cuộc bầu cử đã được chấp thuận.

Một số quan chức dân sự và sĩ quan quân đội mà tôi nói chuyện ở Washington không quá hài lòng về những gì tôi đang đề xuất với tư cách là một quân nhân. Họ đã không nắm bắt được bản chất chính trị của “chiến tranh nhân dân,” như Huks đã cố gắng tiến hành. Tôi thấy mình phải trích dẫn Mao Trạch Đông cho họ nghe, từ một trong những bài giảng của ông cho các sĩ quan quân đội trong một lớp học hàng động ở Diên An vào đầu Thế chiến thứ hai. Mao đã nói: “Thường có những phần tử quân sự ‘chỉ quan tâm đến công việc quân sự mà không quan tâm đến chính trị.’ Những sĩ quan có tư duy một chiều như vậy, bỏ qua sự liên kết giữa chính trị và quân sự, phải được làm cho hiểu mối quan hệ đúng đắn giữa hai điều đó. Mọi hành động quân sự là phương tiện để đạt

được mục tiêu chính trị trong khi bản thân hành động quân sự là một hình thức biểu hiện của chính trị.” Tôi sẽ lưu ý rằng không quan trọng việc Mao đã sao chép bài giảng của mình từ Tôn Tử, Clausewitz, và Lenin. Học thuyết Cộng sản châu Á hiện đang chú ý đến lời nói của Mao trong chiến tranh của nó, và chúng ta, về phía mình, phải học cách linh hoạt hơn trong việc đối phó với nó.

Hơn nữa, tôi sẽ chỉ ra, người Mỹ cũng có một hệ tư tưởng. Nó xem con người là một cá nhân tự do, được ban cho các giá trị tinh thần từ đó mà có quyền con người. Điều này phù hợp với những gì Phao-lô thành Tarsus đã viết cho người Cô-rinh-tô gần hai ngàn năm trước: “Nơi nào có Thánh Linh của Chúa, nơi đó có tự do.” Khi người Mỹ chúng ta dâng hiến tài sản của mình cho người dân các nước khác, chúng ta nên dâng hiến hệ tư tưởng của mình một cách hào phóng như cách chúng ta dâng hiến tiền bạc, súng đạn, ngũ cốc và máy móc của mình. Trong việc chia sẻ hệ tư tưởng của mình trong khi làm cho người khác đủ mạnh mẽ để chấp nhận và giữ lấy nó cho riêng họ, người dân Mỹ hướng tới một thiên niên kỷ khi thế giới sẽ tự do và chiến tranh sẽ qua đi. Trong hành động được đề xuất của tôi ở Philippines,

việc sử dụng hệ tư tưởng của chúng ta sẽ được thực hiện trong việc giúp người dân Philippines thực hiện lời hứa về luật pháp và hình thức chính phủ của riêng họ, chứ không phải áp đặt một điều gì đó xa lạ và khác biệt lên họ.

Sau khi kế hoạch bầu cử tự do của tôi được chấp thuận, tôi đã sử dụng số ngày nghỉ phép tích lũy để đi nghỉ với gia đình. Trong khi tôi đang thư giãn với họ trên một bãi biển ở Florida, tình hình chính trị ở Manila trở nên căng thẳng. Tại một bữa tiệc cocktail vào ngày 27 tháng 2, Tổng thống Quirino đã bình luận với các phóng viên về Magsaysay: “Anh ta không biết gì về công việc nhà nước, hay cách tiến hành chúng. Anh ta chỉ giỏi giết Huks!” Những nhận xét này đã trở thành tin tức trang nhất trên các tờ báo Manila ngày hôm sau. Magsaysay đã gửi đơn từ chức chính thức của mình cho Quirino, lưu ý rằng “sẽ là vô ích khi tiếp tục giết Huks trong khi Chính quyền tiếp tục nuôi dưỡng sự bất đồng bằng cách bỏ bê các vấn đề của quần chúng.” Magsaysay đã ra đi, nhưng chưa bắt đầu tranh cử, vì anh ta sẽ phải chờ đợi sự đề cử của đại hội Đảng Nacionalista vào tháng Tư trước khi anh ta thực sự có thể bắt đầu chiến dịch tranh cử

tổng thống của mình. Tổng thống Quirino đã bổ nhiệm một bộ trưởng quốc phòng mới, Oscar Castelo, vị thẩm phán đã xét xử và kết án các thành viên Bộ Chính trị sau khi họ bị bắt vào năm 1950.

Khi tin tức từ Manila đến Washington, Bộ trưởng Ngoại giao John Foster Dulles đã yêu cầu tôi cắt ngắn kỳ nghỉ và gọi cho ông ngay lập tức. Ông nói với tôi rằng Carlos Romulo, đại sứ Philippines tại Washington, đang miễn cưỡng thông báo cho Mỹ rằng chính phủ của ông sắp tuyên bố tôi là người không được hoan nghênh (*persona non grata* - p.n.g.). Các chính trị gia của Đảng Tự do đã tức giận về việc tôi “can thiệp” để giành tự do bỏ phiếu trong cuộc bầu cử năm 1951, mà họ đã thua. Dulles nhắc nhở tôi rằng ông đã hứa khi chấp thuận kế hoạch của tôi và sẽ hỗ trợ tôi hết sức có thể. Nhưng không thể làm gì nếu tôi bị loại khỏi Philippines, vì vậy tôi được lệnh trở lại Philippines ngay lập tức, bằng cách ít lộ liễu nhất, và cố gắng tránh bị chú ý quá nhiều. Nếu mọi thứ trở nên quá nóng, ông sẽ sắp xếp một chuyến thăm cho tôi đến Đông Dương hoặc Mã Lai nơi tôi có thể thực hiện một nghiên cứu cho chính phủ Mỹ và chờ đợi tình hình ở Philippines hạ nhiệt. Trong khi đó, ông sẽ cố gắng về mặt

ngoại giao để tránh nhận một tài liệu chính thức về tôi từ chính phủ Philippines.

Hai ngày sau, tôi đến Căn cứ Không quân Clark ở Philippines trên một chiếc máy bay chở hàng C-119 đã cho tôi quá giang từ Okinawa, nơi tôi đã đến từ Washington. Đầu tôi đau nhức vì tiếng ồn của động cơ trong khoang chở hàng gần như trống rỗng mà tôi đã đi, tôi cảm ơn phi công vì chuyến đi đến căn cứ Mỹ. Sau đó, tôi kéo hành lý của mình xung quanh một số máy bay đang đậu về phía một cổng phụ – và đi thẳng vào một đám đông lớn các nhà báo Manila đang phỏng vấn chỉ huy Lực lượng Liên Hợp Quốc tại Hàn Quốc; ông ta đã dừng lại ở Clark để thăm ngấn! Các phóng viên túm lấy tôi. Họ nói rằng Tổng thống Quirino đang nói về việc “p.n.g-ing” tôi (tức là tuyên bố tôi là *persona non grata*) và các lãnh đạo Đảng Tự do ở cả hai viện Quốc hội Philippines đang thúc đẩy các cuộc điều tra về hành vi của tôi. Một trong những phóng viên, ơn Chúa, đã hỏi liệu tôi có đi Đông Dương không. Tôi từ chối trả lời và cười toe toét. Có một sự gật đầu khôn ngoan vì đã đoán được điểm đến của tôi. Rod Nazareno, trưởng văn phòng UPI tại Manila và là một người bạn lâu năm, đã giúp tôi thoát ra, sau đó cho tôi quá giang

bằng xe jeep đến Manila cách đó sáu mươi dặm. Anh ta giữ lời hứa không tiết lộ sự thật rằng tôi đã trở lại Manila.

Những ngày tiếp theo là những ngày đầy khó khăn. Tôi báo cáo với Đại sứ Spruance và tân trưởng JUSMAG, Tướng Albert Pierson, về chuyến thăm Washington của tôi và các chỉ thị từ Bộ trưởng Ngoại giao, mà Chủ tịch JCS đã đồng ý. Pierson kiên quyết về việc tôi phải rời JUSMAG ngay lập tức, vì sự hiện diện của tôi ở đó khiến ông ta bối rối, và thông báo với các phóng viên Manila rằng tôi không còn là thành viên của ban tham mưu JUSMAG nữa. Những tin nhắn giận dữ nhưng muộn màng đã đến từ Washington về tin tức này. Chúng đã quá muộn. Chính thức, tôi là người mồ côi và cần một mái nhà. Tôi đã tìm thấy một nơi, trong văn phòng của nhà sử học, Không đoàn 13 Mỹ tại Clark, nhờ Tướng John Sessums chỉ huy Không đoàn 13. Tôi lặng lẽ sắp xếp thuê một phòng ở Manila và một ngôi nhà lá *nipa* nhỏ ở thị trấn Angeles gần căn cứ Mỹ, cũng như thuê một phòng trong khu nhà ở trên căn cứ. Tôi dự đoán rằng tôi có thể phải di chuyển từ nơi này sang nơi khác nếu có rắc rối.

Những dự đoán này đã trở thành hiện thực. Tony Quirino, anh trai của tổng thống,

đã tự mình được gọi tái ngũ với tư cách là một trung tá trong Quân đội Philippines và đã tổ chức một bộ chỉ huy đặc biệt trong Cục Tình báo Quân đội (*Military Intelligence Service*), được điều hành bởi những kẻ côn đồ cơ bắp mà ông ta đã tuyển mộ làm “đặc vụ.” Chúng theo dõi tôi một vài lần khi tôi lái xe ở Manila và làm rõ ý định của chúng. Tôi sẽ bị đưa về nhà trong một quan tài. Đã có một cuộc rượt đuổi điên cuồng suốt đêm qua Manila trước khi tôi cắt đuôi được chúng, trong đó tâm trí tôi bận rộn phát minh ra các tiện ích cần thiết cho người bị truy đuổi, chẳng hạn như một thiết bị phát ra một đám mây sơn đen dạng khí dung (*aerosol*) sẽ bao phủ kính chắn gió của kẻ truy đuổi. Những phát minh vẫn chỉ là tưởng tượng; tôi không có thời gian để chế tạo những tiện ích như vậy. Mặc dù chúng liên tục chú ý đến tôi, những kẻ côn đồ này không bao giờ khám phá ra nơi tôi ở.

Trong những tuần sau đó, tôi đã gặp gỡ các nhóm công dân khi họ lên kế hoạch chi tiết về cách kêu gọi bỏ phiếu, giám sát các điểm bỏ phiếu cho Ủy ban Bầu cử, và công khai các hoạt động bầu cử của tất cả các đảng phái và ứng cử viên. Namfrel (Phong trào Quốc gia vì Bầu cử Tự do) đã sử dụng

các tình nguyện viên từ Quân đoàn Cựu chiến binh Philippines để tạo ra một tổ chức ở mọi khu vực bầu cử (*precinct*) của mọi tỉnh trên cả nước, và các nhóm công dân khác đã tham gia cùng họ để làm tăng lực lượng tình nguyện này gấp trăm lần so với quy mô của nó trong cuộc bầu cử năm 1951. Các hãng tin và biên tập viên báo chí cũng tổ chức để có một phạm vi đưa tin toàn diện hơn so với năm 1951, bao gồm cả các phương tiện truyền thông vô tuyến nếu việc sử dụng mạng lưới quân sự bị từ chối. Các nhà khai thác radio nghiệp dư (*ham radio operators*) của Philippines đã tham gia vào hoạt động này. Trong khi những sự chuẩn bị này đang được thực hiện, Đảng Nacionalista đã họp đại hội và đề cử Magsaysay làm ứng cử viên tổng thống của họ giữa sự nhiệt tình hỗn loạn. Đảng Tự do họp và đề cử Quirino làm ứng cử viên tái tranh cử của họ. Carlos Romulo, trở về nước để tham vấn từ chức vụ đại sứ của mình ở Washington, đã có một sự bất đồng với Quirino và, khi Phó Tổng thống Fernando Lopez thấy mình trong hoàn cảnh tương tự, hai người đã thành lập một đảng mới mà họ đặt tên là Đảng Dân chủ; nó chủ yếu bao gồm những người đào ngũ từ Đảng Tự do và được tài trợ bởi các nhà trồng mía

và nhà máy đường giàu có. Khi Magsaysay, Quirino, và Romulo bắt đầu vận động tranh cử tổng thống, chính quyền đã bị cuốn vào cuộc đua bầu cử và quên nộp giấy tờ chính thức để trục xuất tôi.

Đến cuối tháng Năm, giọng điệu của cuộc tranh cử chính trị đã được thiết lập. Magsaysay quyết tâm đi vận động tranh cử cá nhân ở mọi thành phố và thị trấn trên cả nước và duy trì một lịch trình hoạt động đáng kinh ngạc khiến nhân viên của anh ta kiệt sức; bài hát vận động tranh cử của anh ta, bài hát tranh cử của ông, giai điệu dễ nhớ “Magsaysay Mambo,” đã trở thành bản hit số một của các ban nhạc khiêu vũ và tôi nghe thấy nó được chơi, hát, huýt sáo và ngân nga ở khắp mọi nơi tôi đến. Bài hát nổi tiếng đến nỗi một số chính trị gia Đảng Tự do đang chống lại Magsaysay đã phàn nàn với tôi rằng họ không thể thoát khỏi “cái thứ chết tiệt” đó, ngay cả gia đình và người giúp việc của họ cũng đang huýt sáo hoặc hát nó. Tổng thống Quirino bằng lòng với một vài lần xuất hiện ở Manila và để ứng cử viên phó tổng thống của mình, Jose Yulo, đi vận động tranh cử cho ông ta ở nơi khác. Yulo, Romulo, và Lopez tuân theo tục lệ lâu đời là có những bài phát biểu dài chỉ trích phe đối

lập của họ, trái ngược với những nhận xét ngắn gọn của Magsaysay bao quát các khu vực. Khi đám đông giảm dần, Romulo và Lopez cuối cùng đã bỏ cuộc vận động tranh cử, giải tán Đảng Dân chủ của họ, và giúp đỡ Magsaysay.

Vào ngày 20 tháng 6 năm 1953, với tiến trình ở Philippines diễn ra tốt đẹp, tôi đã có thể chấp nhận lời mời tham gia một nhóm nhỏ của Mỹ do Tướng John W. “Iron Mike” O’Daniel đứng đầu, nhóm này dừng lại ở Căn cứ Không quân Clark trên đường đến Đông Dương. Ở Sài Gòn, nhóm sẽ gặp Tướng Pháp Henri Navarre, để tư vấn bất cứ điều gì ông ta muốn và để xem xét nhu cầu tài nguyên của ông ta. Navarre đến Sài Gòn ngay trước chúng tôi, đảm nhận quyền chỉ huy tất cả các lực lượng chiến đấu chống lại du kích Việt Minh Cộng sản ở các Quốc gia Liên kết Việt Nam, Campuchia và Lào. Chuyến thăm khoảng sáu tuần đã cho tôi một sự giới thiệu độc đáo về các vấn đề của Đông Dương, ở đỉnh cao quyền lực của Pháp, trong một cuộc chiến tàn khốc đã diễn ra từ năm 1946.

Một số quan chức Pháp đã phản đối việc tôi được đưa vào phái đoàn O’Daniel vào phút chót (rõ ràng họ xem tôi là một nhà cách mạng nguy hiểm), nhưng Tướng

Navarre đã chào đón tôi một cách lịch sự. Ông ta đang nghĩ ra các chi tiết cho một kế hoạch lớn để giành chiến thắng trong cuộc chiến và hỏi tôi về những suy nghĩ về các hoạt động không quy ước (*unconventional operations*), chẳng hạn như tình báo, chiến tranh tâm lý, biệt kích chống du kích (*counterguerrilla maquis*), và bình định. Ông ta đồng ý rằng tôi cần một cái nhìn trực tiếp, vì vậy tôi đã đi khắp ba Quốc gia Liên kết thăm các sở chỉ huy, khu vực chiến đấu, trại huấn luyện, và các nhóm chính trị địa phương liên quan đến bình định. Tôi chỉ biết một chút tiếng Pháp nên tôi chủ yếu dựa vào thông dịch viên, ngôn ngữ ký hiệu, và một cuốn từ điển bỏ túi. Người dân khác biệt đáng kể so với người Philippines, nhưng các phương pháp du kích của Cộng sản thì quá quen thuộc.

Người Việt Nam đã kể cho tôi nghe về lịch sử của họ. Tóm lại, những người dân có tinh thần cao này đã nằm dưới sự cai trị của Trung Quốc trong một ngàn năm và dưới sự cai trị của Pháp trong một trăm năm, với gần như mọi năm đó đều được đánh dấu bằng các cuộc đấu tranh giành độc lập. Vào cuối Thế chiến thứ hai, người Việt Nam đã tuyên bố độc lập khỏi sự kiểm soát yếu ớt của các

nhà quản lý Pháp Vichy. Cộng sản dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã tham gia và bắt đầu loại bỏ các đối thủ chính trị của họ trong một cuộc tắm máu mà những người sống sót không bao giờ quên hay tha thứ, mặc dù thế giới nói chung vẫn không biết về nó. Cộng sản nắm giữ quyền lực khi Quân đội Pháp quay trở lại vào năm 1946. Chiến đấu nổ ra giữa người Việt Nam và người Pháp, và Hồ Chí Minh đã đưa lực lượng của mình lên đồi để tham gia vào “xung đột kéo dài” với người Pháp, những người đã chiếm và giữ các thành phố và thị trấn.

Phần lớn người Việt Nam, vẫn khao khát độc lập, không có phe nào để tham gia. Họ chống lại cả Việt Minh Cộng sản và người Pháp. Khi chiến tranh hoành hành xung quanh gia đình và nhà cửa của họ, họ nói theo phe nào chiếm ưu thế tại địa phương, để giữ mạng sống. Khi lực lượng Liên minh Pháp tàn phá nông thôn cố gắng tiêu diệt du kích Việt Minh, người dân bức bối đã gia nhập Việt Minh để trả thù. Sau đó, khi người Pháp tăng cường các biện pháp tự trị của người Việt Nam và hứa hẹn một nước Việt Nam độc lập, những người theo chủ nghĩa dân tộc bắt đầu tham gia cuộc chiến chống lại Việt Minh với số lượng ngày càng tăng.

Vào thời điểm tôi đến thăm Việt Nam vào năm 1953, hàng triệu người Việt Nam đã có một lập trường rõ ràng chống lại Việt Minh.

Tôi kinh ngạc trước hàng trăm đồn bốt tôi thấy ở Việt Nam, từ các khu phức hợp lớn gồm boong-ke và hệ thống chiến hào đến các pháo đài nhỏ kiểu bối cảnh phim *Beau Geste* chứa một tiểu đội (*squad*), một trung đội (*platoon*), hoặc một đại đội (*company*). Hoàn toàn không giống chiến dịch của Quân đội Philippines chống lại Huks, hầu hết các lực lượng Liên minh Pháp đang đóng giữ các vị trí phòng thủ tĩnh. Thường xuyên, phần lớn nông thôn đã bị bỏ mặc cho kẻ thù. Có một quân đội Việt Nam và các lực lượng dân quân địa phương lớn của Việt Nam, cả hai đều được hỗ trợ khá nhiều bởi binh lính Pháp để huấn luyện, cố vấn, quản lý và thậm chí chỉ huy họ. Chính quyền dân sự Việt Nam phản ánh sự pha trộn tương tự này. Có các nhà quản lý và cố vấn Pháp trong toàn bộ cơ cấu chính phủ. Tôi thấy rõ rằng chủ nghĩa gia trưởng của Pháp đang chuyển giao quyền kiểm soát tự trị quá chậm và miễn cưỡng cho người Việt Nam để tạo ra bất kỳ sự nhiệt tình nào giữa những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Tôi không thấy làm thế nào Navarre sẽ giành

chiến thắng, trừ khi ông ta thực hiện những thay đổi căn bản để thu hút những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam tham gia sâu hơn nhiều. Họ cần một cái gì đó đáng để mạo hiểm mạng sống của mình. Tôi đã nói điều đó. Các quan chức Pháp phản ứng như thể họ nghĩ rằng tôi sẽ tự mình thực hiện những thay đổi căn bản và dường như mừng rỡ khi tôi rời Đông Dương.

Số học đơn thuần (*Plain arithmetic*) có liên quan đến bất kỳ sự xem xét kỹ lưỡng nào về cuộc đấu tranh ở Đông Dương. Ước tính tốt nhất tôi có thể nhận được từ các sĩ quan Pháp và các nhà quan sát trung lập cho thấy sức mạnh của Việt Minh ở đâu đó từ 300.000 đến 400.000 người. (Lạ lùng thay, Tướng Võ Nguyên Giáp chỉ huy Việt Minh cũng sơ suất về số lượng trong các bài viết của mình sau này, khi nói về “hàng trăm ngàn người.”) Từ các tài liệu bị tịch thu và các bằng chứng khác, tôi ước tính một cách thận trọng rằng có khoảng 335.000 người trong quân đội chính quy Việt Minh và dân quân địa phương của họ, và có lẽ một triệu thường dân tích cực giúp đỡ họ, bao gồm cả dân làng bị bắt đi lao động cưỡng bức làm người khuôn vác tiếp tế. Chống lại họ là khoảng 433.000 người thuộc “Lực lượng

Viễn chinh Pháp ở Viễn Đông” (*French “Forces d’Extrême-Orient”*): 233.000 người trong Lực lượng Viễn chinh Pháp (gồm 177.000 quân chính quy và 56.000 *supplétifs* - dân quân bản xứ dưới sự chỉ huy của Pháp) và 199.500 người trong Lực lượng Quốc gia Liên kết (trong đó Quân đội Việt Nam có hơn 100.000 người, một sự tăng trưởng lớn so với khởi đầu vào năm 1949). Bất kể con số thực tế về sức mạnh của kẻ thù là bao nhiêu, các con số này đã quá gần với tỷ lệ một chọi một để các lực lượng thông thường có bất kỳ hy vọng thực tế nào về việc đánh bại lực lượng du kích. Ngay cả các chiến dịch không quy ước giàu trí tưởng tượng cũng đòi hỏi một tỷ lệ tốt hơn. Ở Mã Lai, phải mất 65.000 quân và cảnh sát để đánh bại 8.000 du kích. Ở Philippines là 50.000 quân và hiến binh chống lại 15.000 du kích.

Một số ký ức về chuyến thăm Đông Dương của tôi vẫn còn đọng lại. Đó là chuyến đi gấp gáp đến một tiền đồn lính lê dương nước ngoài trên Cánh đồng Chum (*Plaine des Jarres*) ở Lào để quan sát một cuộc xâm lược đột ngột của Việt Minh vào khu vực – chỉ để phát hiện ra rằng cuộc xâm lược của Cộng sản đã bị hủy bỏ khi người Pháp đã độc quyền mua hết vụ thu hoạch thuốc

phiện trong khu vực một cách phòng ngừa và do đó không cho kẻ thù tiếp cận nguồn cung này. (Kể từ đó, tôi đã nhận thấy một cách mỉa mai rằng các lực lượng quân sự Cộng sản của Bắc Việt Nam hoặc Pathet Lào trở nên tích cực nhất trong khu vực đó hàng năm vào mùa thu hoạch thuốc phiện. Thuốc phiện hiện trả tiền cho nhiều tiểu đoàn và sư đoàn của họ.) Đó là Tướng Navarre báo cáo tóm tắt cho chúng tôi về kế hoạch điều động quân đội của ông ta vào nông thôn chống lại kẻ thù, dường như nói chuyện từ các ghi chú được giấu trong lòng bàn tay trái của ông ta; Tôi tự hỏi liệu các ghi chú đó có được viết trên một con tem bưu chính hay không. Đó là một cuộc tiếp xúc chính thức với Norodom Sihanouk ở Phnom Penh, vị vua đã trở thành hoàng tử, người đã từ bỏ ngai vàng ngay trước đó để trở thành thủ tướng Campuchia. Đó là lần duy nhất tôi gặp gỡ tay chơi béo tốt (*plump playboy*) này. (Nhiều năm sau, ông ta làm một bộ phim mà trong đó ông ta là người hùng đánh bại một gián điệp Mỹ độc ác, người là một biếm họa của tôi. Rõ ràng ông ta yêu thích sự tưởng tượng.) Ngoài ra, còn có những câu chuyện được kể cho tôi bởi các tình nguyện viên Pháp, những người đã thành lập các

maquis, hoặc các băng du kích, trong số các bộ lạc miền núi về việc các sư đoàn Cộng sản Trung Quốc đã đi vào các tỉnh biên giới của Bắc Việt Nam để “bình định” khu vực bằng cách tước đoạt mọi con người sống ở đó. (Tôi không thể vào khu vực để xác minh các câu chuyện một cách trực tiếp, nhưng tôi lưu ý rằng vài năm sau, Cộng sản Trung Quốc được báo cáo là đã bình định Đông Tây Tạng theo cách thức y hệt.)

Tôi rời Sài Gòn với mong muốn quay trở lại các vấn đề để giải quyết hơn của Philippines. Tôi ít có ý niệm rằng tôi sẽ gặp lại những người dân gặp rắc rối của Đông Dương một lần nữa.

GHI CHÚ

CHỦ NGHĨA MỸ (*AMERICANISM*). Trong số các tài liệu về khoa học quân sự vô sản bị thu giữ tại “Đại học Stalin” có một giáo trình cho một bài giảng về lịch sử Đảng Cộng sản Philippines. Nó ghi nhận công lớn cho người châu Á vì đã giúp thành lập đảng, trong số đó có Cộng sản Indonesia Tan Malaka (bí danh Elias Fuentes khi ông ta giả làm người Philippines vào năm 1925) và nhiều người Hoa khác nhau gặp ở Quảng Châu (năm 1920) và ở Thượng Hải (năm 1928) bởi những người sáng lập Philippines là Isabelo de los Reyes, Dominador Gomez, Crisanto Evangelista, và Antonio Ora. Ở lễ giáo trình có các ghi chú viết tay, có lẽ của Huk Mỹ Pomeroy, phản đối rằng Cộng sản Mỹ cũng xứng đáng được ghi nhận! Harrison George (thực ra là William Janequette người San Francisco) là người đã khuyến khích người Philippines đến Quảng Châu. Earl

Browder của Đảng Cộng sản Mỹ đã gặp gỡ người Philippines ở Thượng Hải vào năm 1928. Cộng sản Mỹ James Allen (bí danh Tiến sĩ Sol Ouerbach) đã thuyết phục Tổng thống Quezon vào năm 1938 ân xá cho các lãnh đạo Cộng sản đã bị bỏ tù. Quỹ từ Mỹ đã hỗ trợ Cộng sản trong những ngày đầu.

ĐỘC GIẢ (READERSHIP). Khi nói chuyện với các biên tập viên và nhà xuất bản ở New York vào năm 1952, tôi đã nói với họ về sự quý trọng của Huk đối với báo chí Mỹ. Gần như mọi thành viên Bộ Chính trị đều là độc giả thường xuyên của tạp chí *Time* và *Manila Bulletin* do Mỹ sở hữu. *Manila Times* được biên tập bằng tiếng Anh, của Mỹ là một tờ báo yêu thích khác. Huks cấp thấp hơn đọc nhật báo tiếng Tagalog, *Bagong Buhay*, do Manuel Manahan xuất bản.

ĐỘI NGŨ QUỐC GIA (COUNTRY TEAM). Bill Lacy đã tổ chức “Đội ngũ Quốc gia” đầu tiên của Mỹ tại Manila vào năm 1952. Nó bao gồm các chỉ huy quân sự Mỹ và giám đốc các cơ quan dân sự Mỹ tại Philippines và họp hàng tuần dưới sự lãnh đạo của Đại sứ Spruance. Lacy nói rằng ông ta đã mượn ý tưởng từ đại sứ quán Mỹ ở Iran, các quan chức của họ sau này nói với tôi rằng họ đã áp dụng ý tưởng đội ngũ từ đại sứ quán Mỹ ở Moscow. Chẳng bao lâu, gần như mọi đại sứ quán Mỹ trên khắp thế giới đều có một Đội ngũ Quốc gia tương tự gồm các quan chức Mỹ.

KẾ HOẠCH NAVARRE (NAVARRE PLAN). Về bản chất, kế hoạch năm 1953 của Tướng Navarre cho cuộc chiến ở Đông Dương, là cắt giảm số lượng địa điểm cần bảo vệ và sử dụng quân đội được giải phóng khỏi các nhiệm vụ phòng thủ này để thành lập các lực lượng tấn công và dự bị đáng kể sẽ tìm kiếm kẻ thù và tiêu diệt chúng. Việc sử dụng ngày càng tăng Quân đội Việt Nam mới sẽ được thực hiện, với người Việt Nam đóng vai trò là biệt kích trong các cuộc tấn công quy mô tiểu đoàn. Quân đội Việt Nam sẽ được tăng lên năm mươi tư tiểu đoàn vào năm 1953, cho phép quân đội Liên minh Pháp bắt đầu trở về nhà. Nhiều năm sau, chính quyền Johnson và Nixon đã áp dụng các kế hoạch Mỹ tương tự một cách đáng kinh ngạc cho cuộc chiến ở Việt Nam.

CHƯƠNG TÁM

* *

CUỘC BẦU CỬ TỔNG
THỐNG NĂM 1953

Khi rời Sài Gòn, tôi đã thức suốt đêm cuối cùng để viết các tài liệu và báo cáo, hoàn thành cái cuối cùng trong chuyến bay trở về qua Biển Đông. May mắn là tôi đã làm như vậy. Sự ồn ào của các vấn đề Philippines đã nhấn chìm tôi ngay khi tôi hạ cánh trở lại Clark, nơi bạn bè gặp tôi và cập nhật tình hình. Những suy nghĩ về cuộc đấu tranh ở Đông Dương nhường chỗ cho sự tấn công dồn dập của tin tức về cuộc đấu tranh ở Philippines. Tôi được kể về các âm mưu ám sát Magsaysay, việc sử dụng những kẻ côn đồ để đe dọa các nhân viên chính trị, vị trí của một lô hàng một triệu lá phiếu giả được in ở Hồng Kông và được cất giấu ở Philippines để sẵn sàng nhét vào thùng phiếu, và các động thái bí mật của các ông trùm chính trị nhằm giành quyền kiểm soát bộ máy bầu cử.

Một trong những tình nguyện viên Namfrel đã khiển trách tôi vào ngày hôm sau vì đã đi nghỉ phép khỏi Philippines, trong khi rất nhiều bạn bè của tôi đang liều mạng vì lý tưởng tổ chức một cuộc bầu cử tự do. Tôi không biết rằng những kẻ côn đồ đang đánh bom nhà của các tình nguyện viên Namfrel sao? Tôi yêu cầu anh ta tha thứ cho sự vắng mặt của tôi trong những tuần qua. Nếu anh ta và những người khác muốn, tôi sẽ chuyển đến ở với các gia đình và chia sẻ những mối nguy hiểm. Sự sắp xếp này dường như đã củng cố tinh thần. Tôi không bị đánh bom, mặc dù tôi đã trở thành mục tiêu của một số vụ nổ súng, một lần ở cự ly gần, bằng một khẩu súng trường cỡ nòng .30 khi tôi đang ở trong xe. Thật khó tin, các viên đạn đã trượt tôi.

Trong ba tháng cuối cùng của cuộc bầu cử tổng thống năm 1953, người dân Philippines đã sống một chương lịch sử huy hoàng của họ. Đã có vô số hành động dũng cảm thầm lặng, kiên cường. Các băng nhóm côn đồ được thuê đã cố gắng phá vỡ các cuộc mít tinh chính trị, nhưng khán giả đã từ chối bị đe dọa. Một lần, tại một cuộc mít tinh Magsaysay ở Mindanao, quân đội hiến binh địa phương trong một chiếc xe bọc

thép, rõ ràng theo lệnh của một chính trị gia chính quyền, đã chia súng máy cỡ nòng .50 vào khán giả trong khi những kẻ côn đồ di chuyển xuyên qua đám đông về phía bục để hành hung các diễn giả. Khán giả chủ yếu bao gồm người Moro, những người Hồi giáo ở miền nam Philippines, những người có lịch sử lâu đời là những chiến binh dũng mãnh. Những người đàn ông trong khán giả đã gửi phụ nữ và trẻ em về nhà, trục xuất những kẻ côn đồ, quay lại đối mặt với nòng súng máy của chiếc xe bọc thép trong khi lấy vũ khí của riêng họ, và gọi lớn về phía diễn giả (người bạn đồng hành tranh cử phó tổng thống của Magsaysay, Carlos Garcia, đang ở micro) hãy tiếp tục nói chuyện. Nhiều người Moro đã từ bỏ *kris* truyền thống của họ, thanh kiếm “lưỡi lửa” sắc bén có thể chém xuyên qua nòng súng trường, để chuyển sang sử dụng súng lục cỡ nòng .45 hoặc lựu đạn cầm tay như một phần trang phục của họ. Vụ xả súng tiềm tàng đã bị ngăn chặn bởi sự xuất hiện của Magsaysay, người không hề hay biết về rắc rối, đã mời quân đội hiến binh ăn trưa cùng anh ta. Họ chấp nhận một cách háo hức, rõ ràng là vô cùng vui mừng khi thoát khỏi ổ ong bắp cày mà họ đã khuấy động.

Các khán giả khác ở Philippines cư xử kém kịch tính hơn nhưng cũng kiên quyết không kém. Một đám đông ở Bulacan, ngay phía bắc Manila, từ chối giải tán ngay cả khi những kẻ côn đồ nổ súng vào họ; thay vào đó, những kẻ côn đồ kinh hãi đã giải tán. Ở Negros, một trong những hòn đảo Visayan ở giữa chuỗi đảo Philippines, các nhân viên Namfrel không vũ trang đã tước vũ khí của một tên côn đồ đang đe dọa giết họ và đối xử với hắn bằng hắc ín và lông vũ (*tar-and-feather treatment*). Thiếu nguyên liệu thích hợp, họ nhúng hắn vào mật mía và lăn hắn trong *bagasse*, bã mía sau khi ép. Negros là một trong những khu vực sản xuất đường lớn trên thế giới.

Các tình nguyện viên Namfrel làm việc không vũ trang, nghe theo lời khuyên của tôi rằng cử tri có thể thiết lập quyền cai trị bằng luật pháp ở hình thức có ý nghĩa nhất chỉ khi họ không dùng đến quyền cai trị bằng súng. Tôi liên lạc hàng ngày, cố vấn và khuyến khích những người này. Gần như mọi tổ chức công dân ở Philippines, như Quân đoàn Cựu chiến binh, Công giáo Hành động, Hội doanh nhân trẻ (*Jaycees*), Rotary, và Lions đều có tình nguyện viên với Namfrel vào cuối chiến dịch. Liên đoàn Phụ nữ Cử tri và

Ủy ban Chính phủ Tốt (*Committee for Good Government*) (được thành lập bởi một số ít Jaycees) đã làm việc chặt chẽ với Namfrel. Khi những kẻ côn đồ có vũ trang bắt đầu một chiến dịch phá vỡ các cuộc họp chính trị của các ứng cử viên đối lập bằng vũ lực, tất cả các lãnh đạo du kích hàng đầu trong Thế chiến thứ hai đã gặp nhau và công khai cam kết hỗ trợ hoàn toàn cho các mục tiêu của Namfrel, do đó thông báo cho những kẻ côn đồ rằng chúng đang gây thù chuốc oán với những chiến binh cứng cỏi này. Các nhà khai thác máy telex và thư ký tại Cục Bưu chính xử lý điện tín và điện báo vô tuyến đã phát hiện bằng chứng về sự lừa dối trong một số tin nhắn của các ông trùm chính trị và chuyển thông tin này cho những người đang làm việc cho một cuộc bầu cử tự do, những người đã phơi bày chúng trước công chúng trên báo chí.

Đoàn quân tình nguyện vĩ đại này có một cuốn sổ tay tham khảo tiện dụng được Namfrel xuất bản và phân phát rộng rãi để hướng dẫn. Nó chi tiết các điều khoản của Bộ luật Bầu cử, liệt kê những cách thức được biết mà các ông trùm khu vực (*ward bosses*) sẽ cố gắng lách luật, và đề xuất các hành động đối phó để giữ cho bộ luật

có hiệu lực. (Cuốn sổ tay Namfrel và những bài học tôi học được vào năm 1953 xuất hiện trong tâm trí tôi mỗi khi tôi nghe một chính khách đề xuất rằng một cuộc xung đột ở một quốc gia nào đó ngoài nước mình được giải quyết bằng phiếu bầu của người dân – những người là con tốt trong cuộc xung đột – mà không đề xuất một cách thực tế để giám sát cuộc trưng cầu dân ý đó. Gợi ý mơ hồ thông thường rằng một “cơ quan quốc tế” có thể làm điều này không tính đến kiểu chính trị bản thủ nhất xảy ra trong bất kỳ cuộc trưng cầu dân ý nào vì lợi ích lớn. Người tận tâm và tử tế có khả năng được yêu cầu phục vụ trong một cơ quan quốc tế như vậy có lẽ sẽ cực kỳ ngại ngùng về các chiến thuật đường phố (*gutter tactics*) được tìm thấy ở các quốc gia trên thế giới. Làm cho một cuộc bầu cử phản ánh ý chí thực sự của công dân có lẽ là nhiệm vụ khó khăn nhất mà con người từng gặp phải.)

Nỗ lực chính trong chiến dịch bầu cử năm 1953 là thúc đẩy các ông trùm chính trị và tay sai của họ hướng tới hành vi tốt bằng cách trừng phạt hành vi xấu. Một công cụ mạnh mẽ được sử dụng cho điều này là phơi bày các hoạt động chính trị thông qua báo chí công cộng. Một tay sai có một lý do

chính đáng để thoái thác công việc mờ ám do ông chủ của mình ra lệnh, bởi vì “cả thế giới sẽ biết nếu tôi cố gắng gian lận.” Ban đầu, người ta nghĩ rằng các tờ báo và đài phát thanh đã thành lập có thể thực hiện chức năng này trong suốt chiến dịch. Chủ sở hữu, nhà xuất bản, biên tập viên và quản lý đài đã đồng ý. Hãng thông tấn Philippines (*Philippine News Service - PNS*) thuộc sở hữu chung đã thuê thêm hơn ba ngàn nhà báo địa phương từ các giáo viên trường học, linh mục và công dân có tinh thần cộng đồng tình nguyện, nhiều người trong số họ đã phục vụ trong mạng lưới tình báo Đồng minh của kháng chiến chống lại quân chiếm đóng Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai. PNS cũng thành lập mười bốn đội di động gồm phóng viên, nhiếp ảnh gia và kỹ thuật viên radio để đưa tin các khu vực được dự đoán có khủng bố chính trị. Ủy ban Bầu cử đã cấp thẻ báo chí chính thức cho đội ngũ PNS khổng lồ này. Ngoài ra, các tờ báo và tạp chí tin tức Mỹ đã cử gần năm mươi phóng viên nước ngoài đến Philippines trong những ngày cuối cùng của chiến dịch. Sự hiện diện đơn thuần của họ và các ấn phẩm Mỹ mà họ đại diện là những yếu tố ngăn chặn mạnh mẽ các hành vi sai trái.

Nhưng các ông trùm chính trị đã phản công. Chủ sở hữu và các hãng tin phải chịu áp lực mạnh mẽ, bị cưỡng chế. Nguồn cung cấp giấy in báo của họ bị đe dọa; các nhà quảng cáo rút lui vì sợ lệnh trừng phạt của chính phủ và các mối đe dọa trực tiếp chống lại cá nhân và tài sản của họ. Kể từ khi Tổng thống Quirino đã ân xá, ở đỉnh cao của chiến dịch tái tranh cử của ông, cho một nhóm những kẻ côn đồ nổi tiếng hung ác trong nhà tù quốc gia, và các nhà báo sau đó biết được rằng những kẻ côn đồ này đã đi làm việc ngay dưới sự chỉ đạo của Tony, anh trai của tổng thống, các mối đe dọa bạo lực chống lại báo chí công cộng thật đáng sợ. Đã đến lúc thực hiện một kế hoạch dự phòng. Đây là sự tái sinh của tờ báo ngầm nổi tiếng nhất của Philippines được phát hành trong thời kỳ Nhật Bản chiếm đóng, tờ Philippines Tự do (*Free Philippines*). Những người sống sót sau cái chết, việc bỏ tù và tra tấn mà người Nhật đã gây ra cho nhân viên của tờ báo này đã tái lập vào năm 1953 dưới sự lãnh đạo của nhà xuất bản thời chiến của họ, Manuel P. Manahan, và đề nghị xuất bản bao nhiêu số tùy thích. Manahan, người vào năm 1953 là nhà xuất bản của nhật báo Tagalog hàng đầu, *Bagong Buhay*, là một trong những

giám đốc của PNS, người đã cam kết tổ chức thu thập tin tức đó cho mục tiêu bầu cử tự do. Ông cũng là một người sống sót sau khi bị Nhật Bản tra tấn và bỏ tù. Tự do rất quý giá đối với ông ta.

Tờ *Free Philippines* năm 1953 là một tờ báo khổ nhỏ (*tabloid*) tám trang, được in bí mật. Có mười bảy số giữa ngày 28 tháng 9 và ngày 17 tháng 11, với số lượng in trung bình 100.000 bản. Các bản sao được chuyển tay nhau. Chúng có một lượng độc giả khổng lồ trên khắp các tỉnh. Một bản sao của mỗi số được đặt một cách lén lút trên bàn làm việc của tổng thống ngay sau khi nó ra khỏi máy in. Việc giao hàng bí ẩn tương tự cũng được thực hiện cho các ông trùm chính trị khác. Tờ báo hẳn đã thường xuyên làm hồng bửa sáng của họ, vì trang nhất thường báo cáo chi tiết về các cuộc họp bí mật của họ để lên kế hoạch hành động kiểm soát bộ máy bầu cử. *Free Philippines* đã báo cáo các vụ gian lận trong đăng ký cử tri, một lần đưa một nhóm cử tri đến Manila từ miền trung Luzon để họp báo làm bằng chứng rằng họ còn sống chứ không phải là “đã chết” như các thư ký thị trấn tuyên bố khi từ chối quyền bỏ phiếu của họ; gần 12.000 tên đã được khôi phục vào danh sách. Ở Mindanao hai thành phố

với tổng dân số 5.080 người lại có 10.935 tên trong danh sách đăng ký của họ!

Sự lừa dối bị phơi bày trên *Free Philippines* bao gồm việc chuyển đổi đáng ngại các chỉ huy hiến binh trung thực khỏi các khu vực có nhiều phiếu bầu và thay thế họ bằng các chỉ huy dễ uốn nắn hơn, việc phân phát quy mô lớn chất tẩy mực cho các tay sai có quyền tiếp cận các điểm bỏ phiếu, một triệu rưỡi lá phiếu thừa được in tại Cục In ấn (sau đó Ủy ban Bầu cử đã tịch thu), việc buôn lậu hàng triệu lá phiếu giả từ Hồng Kông và các vụ hỏa hoạn sau đó đã tiêu hủy chúng, hồ sơ cảnh sát về những tay súng làm việc cho các chính trị gia địa phương, những người đã yêu cầu giấy phép súng cho nhân viên của họ, và các kế hoạch khủng bố những người giám sát bầu cử trong cộng đồng này đến cộng đồng khác. Những câu chuyện nâng cao tinh thần cũng được xuất bản về những người đang làm việc cho một cuộc bầu cử tự do, bao gồm các báo cáo về các hành động của các đội luật sư tình nguyện trong việc giải thoát các thành viên Namfrel bị bắt vì tội “hoạt động lật đổ” (thực chất là các hoạt động ủng hộ Bộ luật Bầu cử).

Đã có bạo lực trong cuộc bầu cử năm 1953. Một nỗ lực đã được thực hiện để ám sát

Magsaysay tại thành phố Iloilo, ở Quần đảo Visayan ở trung tâm chuỗi đảo Philippines, bởi hai trong số những nhân vật hung ác được thả khỏi nhà tù quốc gia. Lần này, tin tức về âm mưu đến quá muộn để có hành động khắc phục sớm. Một cảnh báo vô tuyến cho nhân viên của Magsaysay đã mang lại phản ứng đau khổ từ họ rằng Magsaysay đã dừng đoàn xe máy của mình từ sân bay khi anh ta nhìn thấy đám đông người khổng lồ chờ đợi dọc theo các con phố để cổ vũ anh ta và bất ngờ nhảy ra khỏi xe. Anh ta hiện đang đi bộ dọc theo đường phố về phía quảng trường nơi cuộc mít tinh sẽ được tổ chức, và hàng ngàn người đang vây quanh anh ta. Hàng ngàn người khác đang chờ đợi anh ta ở quảng trường. Anh ta sẽ là con mồi dễ dàng cho những kẻ ám sát ẩn mình trong biển người này. Sau đó, tin tức đến rằng Magsaysay đã an toàn. Những kẻ có ý định ám sát đã bị bắt. Chúng đã mất hết can đảm. Khi chúng đến đủ gần để bắn Magsaysay, chúng nhận ra rằng chúng không bao giờ có thể thoát khỏi sau đó; đám đông sẽ thực sự xé xác chúng. Một trong số chúng nói: “Đây là lần đầu tiên trong đời tôi sợ phải bắn.”

Tân trưởng JUSMAG, Tướng Robert M. Cannon, đã gặp Đại sứ Spruance và tôi để

nói về khả năng lạm dụng cơ sở quân sự Philippines trong cuộc bầu cử. Hầu hết các quân nhân Philippines đều tự hào về vai trò của họ trong việc giữ cho cuộc bầu cử năm 1951 tự do và đang phản đối một loạt các lệnh điều chuyển sĩ quan hiến binh đột ngột. (Hiến binh có nhiệm vụ vận chuyển thùng phiếu từ khu vực bầu cử đến thủ phủ tỉnh và sau đó bảo vệ chúng cho đến khi có một cuộc kiểm phiếu chính thức cuối cùng. Với tư cách là người trông giữ, chịu sự chi phối của các sĩ quan của họ, hiến binh có một vai trò cực kỳ nhạy cảm. Một số sĩ quan dễ bị dụ dỗ bởi sự thăng chức nhanh chóng hoặc các phần thưởng khác.) Sau cuộc họp của chúng tôi, Tướng Cannon đã cử các sĩ quan Mỹ của mình đi kiểm tra tất cả các đơn vị quân đội Philippines ở các khu vực có khả năng xảy ra rắc rối bầu cử. Các cuộc kiểm tra tiếp tục qua ngày bầu cử cho đến khi kiểm phiếu cuối cùng. Mặc dù một số chính trị gia đã chê bai sự “can thiệp” của ông ta, hầu như toàn bộ cấp bậc và binh lính của lực lượng vũ trang Philippines đã chào đón sự hiện diện quân sự của Mỹ này. Tướng Cannon đã nhận được rất nhiều lời cảm ơn nồng nhiệt.

Kết quả của những tháng làm việc và mạo

hiểm này là một cuộc bầu cử tự do. Người dân Philippines đã làm cho luật pháp của chính họ hoạt động vì lợi ích của họ, và do đó họ đã bày tỏ lựa chọn chính trị thực sự của mình vào năm 1953. Khi danh sách đăng ký đã được làm sạch và công dân không đăng ký đã được liệt kê, tổng số cử tri đã đăng ký lên tới 5.603.000 cử tri. Đây là gần như mọi công dân đủ điều kiện trong nước! Vào ngày bầu cử, hơn bốn triệu người đã đi bỏ phiếu. Bảng tổng hợp cuối cùng do Ủy ban Bầu cử công bố cho thấy Magsaysay nhận được 2.912.992 phiếu và Quirino nhận được 1.313.991 phiếu. Đó là một chiến thắng long trời lở đất cho Magsaysay.

Anh ta kiệt sức vì chiến dịch tranh cử đầy năng lượng của mình. Anh ta đã đi vận động tranh cử ở mọi thành phố và thị trấn, và ở hầu hết mọi *barrio* (khu phố, làng) của Philippines. Phù hợp với chính sách của Mỹ, tôi đã tránh liên kết với anh ta trong chiến dịch. (Thật kỳ lạ, sự vắng mặt của tôi trong chiến dịch của anh ta đã không ngăn cản tin đồn rằng tôi đã có mặt bên cạnh Magsaysay trong suốt thời gian đó. Mọi người thề rằng họ đã thấy tôi trên bục với anh ta, bao gồm cả thời điểm tôi ở Đông Dương. Sau này, Magsaysay thú nhận với tôi rằng anh ta đã

tự mình tạo ra một số tin đồn này, tin rằng ý tưởng về sự gần gũi của anh ta với người Mỹ sẽ giúp ích cho cuộc bầu cử của anh ta. Anh ta đã hỗ trợ hình ảnh đó bằng cách yêu cầu phụ tá của mình là Manuel Nieto nuôi một bộ ria mép giống của tôi. Nieto, có tổ tiên người Tây Ban Nha, có thể bị nhầm là người Mỹ.)

Với cuộc bầu cử đã kết thúc, tôi chấp nhận lời mời của Magsaysay tham gia cùng anh ta để nghỉ ngơi tại trang trại của cha anh ta ở tỉnh Zambales, nơi cả hai chúng tôi đã xả hơi khỏi những căng thẳng của quá khứ gần đây. Sự lười biếng, giấc ngủ, bơi khỏa thân trong một con sông gần đó, các bữa tiệc cá chiên và bắp nướng (*corn-roasts*) trên bờ, và những bản nhạc du dương (*serenades*) hàng đêm của hàng xóm với ghi-ta và *bandurrias* (nhạc cụ 15 dây của Philippines cũ) đã nhanh chóng thực hiện phép màu phục hồi của chúng. Được nghỉ ngơi, hai chúng tôi trở lại thói quen cũ, quen thuộc khi chúng tôi thảo luận về các cải cách và chương trình anh ta dự định thực hiện với tư cách là tổng thống. Anh ta sẽ trình bày ý tưởng của mình, và tôi sẽ đặt câu hỏi để chắc chắn rằng anh ta đã xem xét các lựa chọn thay thế đang chờ quyết định của anh ta. Bản thân các

quyết định đó là của riêng anh ta. Trong khi đó, các chính trị gia tìm kiếm chức vụ và sự ưu ái kéo đến với chúng tôi; trong khi họ ở trong phòng kín với Magsaysay bên trong nhà, gia đình anh ta và tôi sẽ ngồi trên hiên trước cửa trang trại và nhàn rỗi giết thời gian. Nhiều yêu cầu bổ nhiệm vào chức vụ đã làm Magsaysay bức mình, người nói với tôi rằng hàng chục người đang được thúc đẩy cho mỗi vị trí nội các và các chức vụ bổ nhiệm khác. Tôi đề nghị anh ta liệt kê các tiêu chí của riêng mình cho từng vị trí và sử dụng danh sách này làm cơ sở cho các cuộc bổ nhiệm của mình. Đa số cử tri bầu cho anh ta đã giải phóng anh ta để chọn những người tốt nhất và đi theo con đường độc lập của mình.

Khi chúng tôi đang thảo luận về cải cách chính phủ, tôi đã đề nghị Magsaysay nhớ đến thành công mà anh ta đã có trong việc thiết lập giao tiếp trực tiếp với người dân, thông qua điện tín mười centavo, khi anh ta còn là bộ trưởng quốc phòng. Magsaysay đã rất nhiệt tình áp dụng điều này cho chức vụ tổng thống của mình. Anh ta đã tạo ra một văn phòng mới, Ủy ban Khiếu nại và Hành động của Tổng thống (*Presidential Complaints and Action Commission*), mà

chẳng bao lâu đã được biết đến rộng rãi với từ viết tắt là PCAC (phát âm là “pi-cắc”), và bổ nhiệm Manuel Manahan, người đã hồi sinh tờ báo ngảm *Free Philippines* và người đã thúc đẩy việc đưa tin bầu cử của PNS, làm trưởng cơ quan đầu tiên của nó. PCAC đã đưa người dân và Tổng thống vào một quan hệ đối tác thực sự. Điện tín mười centavo, thư từ và khách đến PCAC lên tới hàng trăm mỗi ngày, bao gồm toàn bộ các vấn đề của chính phủ từ hành vi của các thư ký nhỏ cho đến những gì thực sự đang xảy ra trong các chương trình công trình công cộng lớn. Với sự hỗ trợ mạnh mẽ của Magsaysay, PCAC sẽ trực tiếp đến các quan chức có trách nhiệm, điều tra kỷ lưỡng, đề xuất hành động khắc phục khi cần thiết, và sau đó theo dõi và kiểm tra sự tuân thủ. Công chức đã trở thành đúng nghĩa là như vậy, nhân viên của người dân. (Nhiều năm sau, tôi biết rằng các thành phố Scandinavia có một vị trí tương tự trong chính phủ, đó là thanh tra viên (*ombudsman*). Năm 1953 tại Philippines, tôi nghĩ rằng chúng tôi đã phát minh ra một thứ hữu ích cho nhân loại như lửa hoặc bánh xe.)

Tôi đã lên kế hoạch trở về nhà ở Mỹ ngay sau lễ nhậm chức tổng thống của Magsay-

say vào ngày 30 tháng 12. Cuối cùng tôi đã thuyết phục được các quan chức Mỹ rằng sứ mệnh của tôi ở Philippines đã hoàn thành. Huks Cộng sản đã bị đánh bại về mặt chính trị và đạo đức, cũng như về mặt quân sự. Nếu người dân Philippines giữ vững tiền đề của Hiến pháp của họ, như họ vừa chứng minh rằng họ có thể làm được, số Huks còn lại chỉ có thể tồn tại như những kẻ bị ruồng bỏ. (Thật vậy, Luis Taruc, chỉ huy quân sự Huk, đã đầu hàng vài tuần sau đó.) Phó Tổng thống Richard Nixon, người đã đến thăm Manila ngay sau ngày bầu cử, đã đồng ý về sự kết thúc sứ mệnh của tôi trong một buổi họp riêng với nhóm của tôi và tôi. Ông ta đã chuyển ý kiến này đến các nhà hoạch định chính sách ở Washington.

Người châu Á đã rất hào phóng trong việc đặt cho tôi các biệt danh trong những năm qua. Đại sứ Ấn Độ tại Manila đã thêm vào danh sách vào năm 1953 khi ông bình luận với báo chí rằng kết quả bầu cử “nên khiến một đại tá Mỹ nào đó đổi tên thành ‘Lanslide’.” Bình luận này đã được lưu hành rộng rãi ở châu Á và thậm chí còn được báo chí Anh đăng tải.

Khi Magsaysay nhậm chức vào cuối tháng 12 và tổ chức tòa nhà mở tại dinh tổng

thống, Malacanang, điều đó gợi nhớ mạnh mẽ cho tôi về các bức biếm họa và câu chuyện về Andrew Jackson tại Nhà Trắng. Công chúng trở nên điên cuồng. Đám đông công dân khổng lồ tại lễ nhậm chức của Philippines thực sự đã xé rách quần áo từ lưng Magsaysay khi anh ta đi lên bục. Sau khi tuyên thệ nhậm chức, anh ta mở toang cánh cửa Malacanang và mời mọi người đến thăm. Họ đến hàng ngàn người, người ăn mặc đẹp và người chân đất, chen chúc vào các phòng nghi lễ, phòng ngủ, văn phòng, và nhà bếp, ăn trưa dã ngoại trên bãi cỏ, con cái của họ thay phiên nhau nhảy lên nhảy xuống trên chiếc giường đắt tiền của Tổng thống Quirino, mà Magsaysay đã chuyển ra ngoài sân. Vào Ngày đầu năm mới, gia đình Magsaysay đã cố gắng chào đón tất cả những người gọi điện một cách cá nhân nhưng phải bỏ cuộc, kiệt sức, vào đầu buổi chiều. Tổng cộng có 80.000 người đã đến thăm Malacanang ngày hôm đó!

Cảnh tượng sôi nổi của nền dân chủ chiến thắng này là một cách thích hợp để đánh dấu sự kết thúc sứ mệnh của tôi và trở về nhà.

GHI CHÚ

PHI-LIP-PINES TỰ DO (*FREE PHILIPPINES*). Ban biên tập của tờ

báo ngầm *Free Philippines* bao gồm Manuel Manahan, J. C. “Johnny” Orendain, và G. R. “Gumsy” Alba. M. Aragon là biên tập viên tin tức và C. Foronda là giám đốc kinh doanh. Một loạt các tình nguyện viên đã thu thập tin tức và viết bài cho nó một cách ẩn danh. Một số nhân viên thú nhận với tôi rằng họ nghĩ rằng họ sẽ bị giết bởi những tên côn đồ hoặc lính bảo vệ của các chính trị gia vì công việc này. Không ai bị giết. Một trong những tài sản quý giá nhất của tôi là một tập đóng bìa các ấn bản năm 1953, mà họ đã tặng cho tôi với tư cách là “nhân viên bán hàng đặc biệt của nền dân chủ.”

PCAC. Ủy ban Khiếu nại và Hành động của Tổng thống (*Presidential Complaints and Action Commission - PCAC*) đã kết thúc cùng với cái chết của Magsaysay trong nhiệm kỳ tổng thống của anh ta. Trưởng cơ quan đầu tiên của nó, Manuel Manahan, đã dành toàn thời gian cho PCAC, và kết quả là công việc xuất bản của ông bị ảnh hưởng; vì vậy Magsaysay đã để ông trở lại kinh doanh tư nhân. Frisco Johnny San Juan đã kế nhiệm Manahan làm trưởng PCAC. Sau cái chết của Magsaysay, hai người nằm trong số một nhóm lớn đã thành lập một đảng phái chính trị thứ ba và vận động tranh cử tổng thống không thành công cho Manahan. Ngày nay, Manahan là một thượng nghị sĩ và San Juan là một nghị sĩ.

BIỆT DANH (*NICKNAMES*). Người châu Á có xu hướng đặt cho tôi các biệt danh, không phải tất cả đều được tôi biết. Ba biệt danh tôi đủ nhanh để nắm bắt ở Philippines là “Bigote” (tiếng Tagalog có nghĩa là “ria mép”), “Eagle” (từ chữ cái đầu của tôi “EGL”), và “Brod” (từ cách một người bạn nói “brodder” cho “brother”). Người Việt Nam đặt cho tôi những cái tên của các con vật nhân từ hoặc xảo quyệt, bao gồm một số rỗng và cáo, mặc dù trước mặt tôi thường là “Đại ca” (*Elder Brother*). Ở Philippines, tôi đã tự đặt cho mình danh hiệu chế giễu là “Thương nhân Lông vũ” (*Feather Merchant*) và sau đó đã sử dụng điều này khi tôi làm huy chương bằng bạc được chế tác bởi những người thợ bạc tị nạn và trao chúng cho những cá nhân mà tôi cảm thấy đã giúp đỡ người châu Á theo những cách khiêm tốn. (W.T.T. Ward, Nhà sử học Không đoàn 13, đóng vai trò là thư ký cho các giải thưởng này.)

CHƯƠNG CHÍN

* *

NHIỆM VỤ: VIỆT NAM

Sau ba năm rưỡi chứng kiến những biến cố kịch tính ở Philippines, tôi đã sẵn sàng cho một sự thay đổi về mặt cảm xúc. Thậm chí viễn cảnh phải làm công việc giấy tờ trong một văn phòng nhỏ ở Ngũ Giác Đài, nếu cần, cũng trở nên hấp dẫn hơn tôi từng nghĩ. Nhưng sự thay đổi như vậy đã không xảy ra. Ngay sau khi trở về Washington vào tháng Giêng năm 1954, tôi được yêu cầu chuẩn bị đi Việt Nam.

Tôi đã đi và ở lại Việt Nam cho đến cuối năm 1956, sống giữa một giai đoạn lịch sử ồn ào và đầy nhiệt huyết đã làm đảo lộn số phận của quốc gia này. Đó không phải là một nơi lý tưởng để nghỉ dưỡng.

Tôi nhận được tin về việc mình sẽ đi Việt Nam tại một cuộc họp ở Ngũ Giác Đài giữa các quan chức Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng, nơi họ đang thảo luận về nhu cầu

tiếp tế quân sự của Pháp ở Đông Dương. Trước khi cuộc họp kết thúc, Ngoại trưởng John Foster Dulles bày tỏ hy vọng rằng Việt Nam sẽ sớm được Pháp trao cho một mức độ độc lập lớn hơn, và khi điều này xảy ra, Hoa Kỳ có thể giúp đỡ trực tiếp người Việt Nam thay vì phải chuyển viện trợ thông qua người Pháp. Hy vọng rằng, với sự hỗ trợ, người Việt Nam tự do có thể đạt được quyền tự trị và khả năng tự bảo vệ trong tương lai gần. Dulles quay sang tôi và nói rằng đã có quyết định tôi sẽ đến Việt Nam để giúp đỡ người Việt Nam, tương tự như cách tôi đã giúp người Philippines. Các quan chức quốc phòng cũng xác nhận quyết định này. Tôi sẽ hỗ trợ người Việt Nam trong huấn luyện chống du kích và tư vấn khi cần thiết về các biện pháp của chính phủ nhằm chống lại các hoạt động của Cộng sản. Đại sứ Donald Heath ở Sài Gòn và Tướng John W. “Iron Mike” O’Daniel, người sắp được giao quyền chỉ huy MAAG/Đông Dương (Phái bộ Cố vấn Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ), đã yêu cầu sự phục vụ của tôi. Yêu cầu của họ củng cố quyết định của Washington. Tôi sẽ không đi Việt Nam ngay lập tức, nhưng sẽ sớm thôi.

Tôi thông báo tin về Việt Nam tại nhà, nói rằng tôi có lẽ sẽ có vài tháng để chuẩn

bị. Nhưng điều đó cũng không xảy ra. Ngay đêm đó, tôi nhận được một cuộc điện thoại từ Ramon Magsaysay ở Manila. Ông ấy hỏi liệu tôi có thể quay lại Philippines vài tuần để giúp ông ấy với các chương trình cải cách nông nghiệp và chính phủ hay không. Tôi giải thích rằng tôi phải chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp theo của mình, bao gồm cả việc học một ngoại ngữ, và chắc chắn sẽ rất bận rộn trong vài tuần tới. Có lẽ, tôi có thể đến thăm ông ấy vào mùa xuân. Vì lúc đó đã qua nửa đêm ở Washington, tôi cho rằng ông ấy đang gọi điện cho tôi từ bàn ăn trưa của mình ở Manila và gợi ý rằng ông ấy nên có một giấc ngủ trưa sau bữa ăn trong khi tôi quay lại giấc ngủ của mình ở Washington. Ông ấy cúp máy. Tuy nhiên, ông ấy lại gọi vào những đêm tiếp theo với cùng một yêu cầu. Sau đó, một đêm nọ, tôi không nhận được cuộc gọi nào từ Manila. Thay vào đó, tôi nhận được một cuộc gọi từ Ngũ Giác Đài. Magsaysay đã gọi điện trực tiếp cho Tổng thống Eisenhower và hỏi liệu tôi có thể được cử đến Manila vài tuần không. Thế là xong. Ngũ Giác Đài đang ra lệnh. Tôi phải lên đường ngay lập tức. Được, được, được, tôi có thể quay lại Washington và chuẩn bị cho nhiệm vụ ở Việt Nam. Nhưng trong lúc này, hãy đến Philippines!

Tôi vội vã đóng gói hành lý. Trong lúc tôi đang nhét hàng đồng quần áo vào vali, tôi nhận được cuộc điện thoại từ các anh trai tôi ở Los Angeles. Mẹ tôi vừa qua đời. Chúng tôi là một gia đình gắn bó, yêu thương nhau và tin tức này làm tôi choáng váng. Tôi thay đổi kế hoạch bay để ghé qua California dự đám tang của mẹ. Đó là một cuộc đoàn tụ buồn bã, và tôi chìm trong tâm trạng u uất sâu sắc khi bay tiếp đến châu Á.

Những tuần ở Philippines trôi qua nhanh chóng, và công việc giúp làm dịu đi nỗi đau của tôi. Có những buổi làm việc dài với Magsaysay và các quan chức của ông ấy, xem xét các bước đi mà họ đã lên kế hoạch cho các hành động xã hội và kinh tế, cũng như cách thức để giành được sự ủng hộ của cơ quan lập pháp cho vị tổng thống mới. Ngoài ra, tôi thường lái xe ra các tỉnh để tự mình xem xét những gì đang diễn ra giờ đây khi hòa bình đã trở lại. Có một niềm vui sống mới, rõ ràng, nhộn nhịp ở vùng nông thôn, thể hiện rõ trên khuôn mặt và thái độ của người dân ở các *barrio* (làng). Tôi rất biết ơn cơ hội này để tìm hiểu ý nghĩa của việc kết thúc cuộc đấu tranh lâu dài chống lại quân Huk đối với những người này. Giờ đây họ lại có hy vọng về một cuộc sống đáng giá. Chỉ

còn một số ít quân Huk vẫn còn ngoài vòng pháp luật, sống cuộc đời trốn chạy xa khỏi những nơi quen thuộc cũ. Quân Huk đơn giản là không còn lý do gì để tồn tại nữa khi người dân đã có một chính phủ hiệu quả của riêng họ. Philippines dường như tràn đầy những lời hứa mới. Trước khi tôi kịp nhận ra thời gian trôi nhanh như thế nào, thì đã là cuối tháng Năm.

Một bức điện từ Washington đã kết thúc quãng thời gian này. Tôi phải “tiến hành không chậm trễ bằng phương tiện vận chuyển có sẵn đầu tiên” đến Sài Gòn. Sẽ không có thời gian như đã hứa để quay lại Washington và chuẩn bị cho nhiệm vụ mới này. Tôi hiểu rằng các sự kiện ở Đông Dương đang tiến đến cao trào và Hoa Kỳ muốn tôi có mặt tại chỗ cho bất cứ điều gì xảy ra tiếp theo. Bức điện kết thúc bằng một lời nhắn cá nhân mà cả nhân viên trung tâm điện tín lẫn tôi chưa từng thấy trước đây trong các lệnh chính thức. Sau hàng loạt từ viết tắt và trích dẫn ngân sách thường thấy trong các lệnh, bức điện kết thúc bằng câu “God bless you” (Chúa phù hộ cho bạn)!

Vài giờ sau, tôi đang trên đường đến Sài Gòn trên “phương tiện vận chuyển có sẵn đầu tiên,” một chiếc thủy phi cơ của Phi đội

Cứu hộ Đường không-Đường biển 31 tại Căn cứ Không quân Clark. Phi công và phi hành đoàn đã đề nghị cho tôi đi nhờ, nếu tôi không ngại thêm vài giờ bay trong khi họ tuần tra Biển Đông. Thời gian thêm này hoàn toàn phù hợp với tôi. Nó cho tôi cơ hội suy ngẫm về những gì đang chờ đợi phía trước và tự hỏi tại sao lại có sự vội vã đưa tôi đến Việt Nam vào lúc này. Tôi ngồi trên một chiếc ghế xô, khẽ rung lên theo độ rung của máy bay, nhấp cà phê từ ly giấy, và suy nghĩ về tình hình.

Tôi đã được thông báo rằng tôi sẽ giúp người Việt Nam tự giúp đỡ chính họ. Theo như tôi biết, điều này vẫn gần như không thể đối với một người Mỹ. Người Pháp điều hành Việt Nam như một thuộc địa, với mức độ tự trị tối thiểu cho người Việt Nam. Quốc trưởng Bảo Đại đang ở Pháp. Thủ tướng do ông bổ nhiệm và chính phủ ở Sài Gòn có các nhà quản lý và cố vấn Pháp trong khắp các bộ và cơ quan. Những quan chức Pháp này rất nhạy cảm về đặc quyền thuộc địa của họ và sẽ không để bất kỳ người ngoài nào như một người Mỹ tiếp cận những người Việt Nam dưới quyền của họ. Đúng là Pháp đã tuyên bố Việt Nam độc lập (Hiệp định Vịnh Hạ Long ngày 5 tháng 6 năm 1948, Hiệp

định với Bảo Đại ngày 8 tháng 3 năm 1949, và Tuyên bố của Pháp ngày 3 tháng 7 năm 1953). Nhưng người Pháp vẫn ban hành và kiểm soát tiền tệ của Việt Nam, điều hành ngân hàng quốc gia, hải quan, ngoại giao, lực lượng vũ trang và cảnh sát, đồng thời có vô số quan chức Pháp được bố trí khắp hệ thống hành chính. Cao ủy Pháp ở Việt Nam, chứ không phải Bảo Đại, là người có quyền lực thực sự. Liệu cú sốc Điện Biên Phủ và hội nghị tại Geneva có gây ra sự thay đổi về quy chế không? Tôi hoàn toàn không biết.

Thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ đã cho thấy người châu Á có thể đánh bại người châu Âu một cách quyết định trong trận chiến. Quay lại tháng Giêng năm 1954, vào khoảng thời gian tôi tham dự cuộc họp ở Ngũ Giác Đài, Việt Minh đã điều động lực lượng vào các ngọn núi bao quanh một loạt đồn bốt mà người Pháp đã bắt đầu xây dựng từ tháng Mười Một năm trước, nằm dọc theo Quốc lộ 41 trong thung lũng ở Điện Biên Phủ. Bộ chỉ huy Pháp, nhận thấy sự xuất hiện của lực lượng địch và dường như bị mê hoặc bởi ý nghĩ về Verdun và Phòng tuyến Maginot, đã quyết định rằng đây là nơi có thể dụ kẻ thù ra bãi đất trống để bị tàn sát hàng ngàn người trước họng súng của các

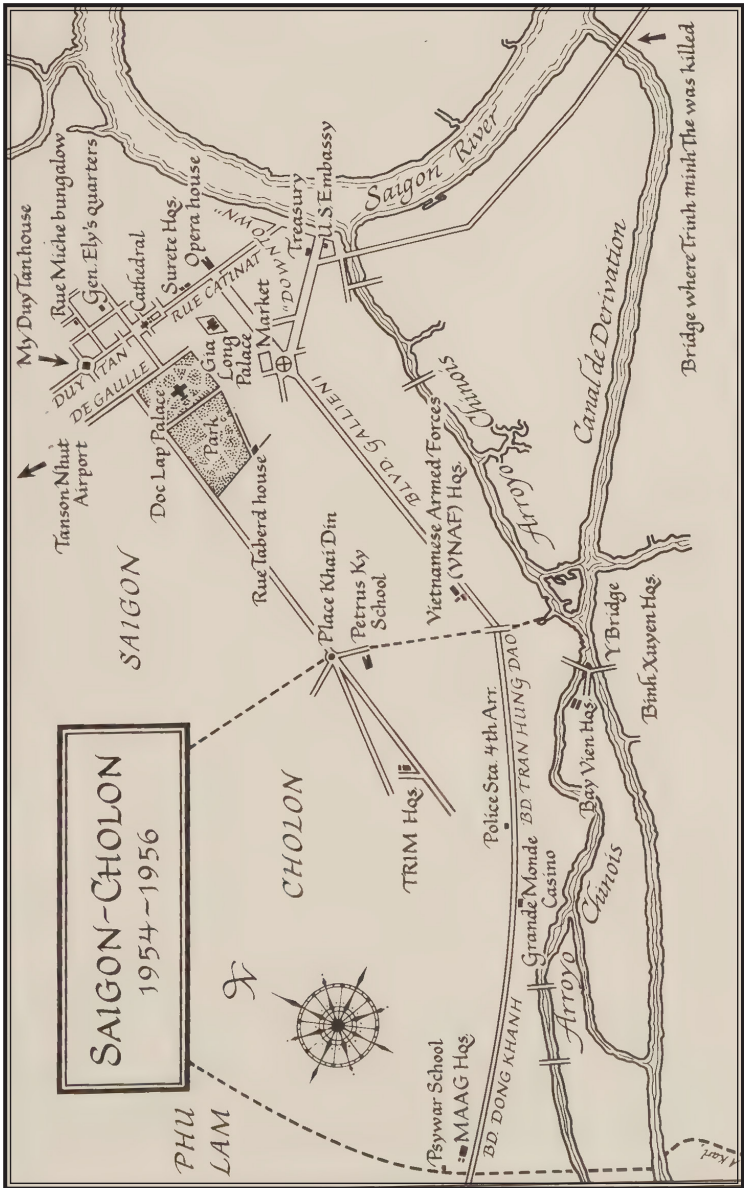
đồn bốt – với kết quả là Việt Minh sẽ phải từ bỏ cuộc chiến của họ. Người Pháp đã gửi thêm người đến Điện Biên Phủ. Việt Minh cũng vậy. Vào tháng Ba, Việt Minh bắt đầu tấn công. Trong tháng Tư, các cuộc tấn công của họ, giờ đã không ngừng nghỉ, được đẩy mạnh một cách dữ dội. Việt Minh có pháo binh mới, lớn để đập tan sự kháng cự của Pháp, và quan sát từ địa hình cao hơn cho phép Việt Minh bắn chính xác – một yếu tố rõ ràng và nghiêm trọng bị Bộ chỉ huy Pháp bỏ qua ngay từ đầu. Cuối cùng, trong đêm 6 tháng 5 và rạng sáng 7 tháng 5, Việt Minh tràn vào các đồn bốt Pháp đã bị phá hủy, nơi cuộc chiến đấu ác liệt tiếp tục kéo dài sang ngày hôm sau. Lúc 4 giờ 45 chiều ngày 8 tháng 5, chỉ huy Pháp phát đi một bức điện từ biệt, nói rằng Điện Biên Phủ đã bị kẻ thù tràn ngập và không thể tiếp tục kháng cự được nữa. Trận chiến quyết định của cuộc chiến thực sự đã diễn ra, nhưng với một kết cục khác so với những gì các tướng lĩnh Pháp mong đợi.

Ngay trong ngày hôm đó, ngày 8 tháng 5, các phái đoàn từ các bên tham chiến đã khai mạc một hội nghị tại Geneva để thảo luận về việc chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương. Các nhà bảo trợ của hội nghị là Anh

và Liên Xô, những nước có mặt cùng với Pháp và Việt Minh. Hoa Kỳ có đại diện tham dự với tư cách là “quan sát viên”. Các bên tham gia khác là Campuchia, Trung Quốc Cộng sản, Lào, và Quốc gia Việt Nam (chính phủ Sài Gòn). Từ những bài báo chí mà tôi theo dõi, các đại biểu tại Geneva dường như đang tranh cãi gay gắt đến mức sẽ mất nhiều ngày trước khi họ có thể đồng ý về bất cứ điều gì tại bàn hội nghị, nếu có thể. (Tuy nhiên, hội nghị cuối cùng đã thành công, với thỏa thuận ngừng bắn và các hiệp định vào ngày 20 tháng 7.)

Tất cả những điều này có ý nghĩa gì đối với hàng triệu người Việt Nam không Cộng sản mà tôi được cho là phải giúp đỡ? Họ là một phần quan trọng trong những gì đang bị đặt lên bàn cân tại Hội nghị Geneva. Thất bại của Pháp tại Điện Biên Phủ chắc chắn đã có ý nghĩa với họ rằng người Pháp sẽ sớm về nước, và tôi cho rằng điều này khiến họ hạnh phúc trong khao khát độc lập của mình. Nhưng điều gì sẽ xảy ra tiếp theo với hàng triệu người Việt Nam này? Liệu tôi có thể giúp đỡ họ không? Tôi không thể trả lời những câu hỏi của chính mình. Chúng vẫn còn ám ảnh tôi khi chúng tôi hạ cánh xuống Tân Sơn Nhất, sân bay của Sài Gòn.





Đã là chiều muộn khi chúng tôi lần bánh đến khu quân sự của sân bay, nơi tôi vật lộn với hành lý của mình xuống đất và cảm ơn phi hành đoàn. Một thợ máy người Mỹ đang làm việc trên một chiếc máy bay vận tải C-47 đậu gần đó vừa hoàn thành công việc và đề nghị cho tôi đi nhờ vào thành phố bằng chiếc xe jeep của anh ấy. Chúng tôi bắt đầu đi qua các con phố, trong khi tôi say sưa quan sát cảnh tượng. Xét cho cùng, tôi sẽ là một phần của nơi này từ bây giờ. Sài Gòn, với những con phố rợp bóng cây và những mái ngói đỏ, dường như thư thái và vô tư hơn so với chuyến thăm của tôi vào mùa hè năm trước. Có lẽ tôi đã đọc được điều này trên khuôn mặt của những người trong dòng xe cộ đông đúc xung quanh chúng tôi. Hầu hết họ dường như chỉ mong muốn về nhà ăn tối sau một ngày làm việc. Xe đạp tràn xuống các con phố, một số người cố sức đạp, nhưng hầu hết là những chiếc xe có động cơ nhỏ kêu pụt-pụt đưa họ đi. Đây đó, cả gia đình tự giữ thăng bằng phía trước và sau khi người cha cầm lái xe đạp. Pha trộn vào hỗn độn này là những chiếc taxi nhỏ xíu, xe jeep, và những chiếc ô tô du lịch mui trần cổ mà người Sài Gòn khi đó dùng làm xe buýt nhỏ (jitneys) đi lại giữa thành phố và các

vùng ngoại ô. Những lời nhắc nhở duy nhất về một đất nước đang có chiến tranh, ngoài những bộ quân phục mà rất nhiều người đang mặc, là thỉnh thoảng một chiếc xe tải quân sự với người lính thuộc địa châu Phi lái xe và đôi khi một lính truyền tin quân sự Pháp, đội mũ bảo hiểm, cúi gập người trên tay lái, lạng lách qua lại trong dòng xe cộ chậm chạp trên chiếc mô tô của mình.

Điểm đến của tôi là nhà của Tướng John W. O'Daniel trên đường Rue La Grandière ở trung tâm thành phố, nơi tôi sẽ trình diện với ông. Tôi đến đúng lúc ông ấy đang ngồi vào bàn ăn tối. Ông chào đón tôi nồng nhiệt, đề nghị cho tôi một chiếc giường dự phòng qua đêm, và mời tôi dùng bữa cùng ông. “Iron Mike” O'Daniel là một người lính thực thụ, dày dạn kinh nghiệm chiến đấu, với vẻ ngoài như một con chó bulldog (chó mặt xệ). Mùa hè năm trước, khi tôi phục vụ trong phái bộ của ông, ông là trung tướng ba sao. Giờ đây ông đeo hai ngôi sao của một thiếu tướng. Khi chức vụ Tham mưu trưởng MAAG/Đông Dương trống, Hoa Kỳ tìm kiếm một thiếu tướng để đảm nhận, để phù hợp với quy tắc cấp bậc thấp hơn chỉ huy Pháp ở Đông Dương. O'Daniel đã yêu cầu được giáng cấp, để phục vụ ở Đông Dương. Các

nhà chức trách Hoa Kỳ đã nuốt nước bọt trước yêu cầu bất thường này, nhưng cuối cùng đã đồng ý. Trên đường đến Sài Gòn, O'Daniel đã dừng lại một thời gian ngắn tại Hồng Kông để mua một số vật dụng cần thiết. Thay vì phải trải qua các nghi lễ dành cho một vị tướng đang đến thăm, ông đã mượn phù hiệu của một trung tá trong ban tham mưu của mình và đeo nó để vội vã mua sắm. Một rắc rối ngoại giao nhẹ đã nảy sinh từ sự cố này. Đó là chủ đề chính của cuộc trò chuyện trên bàn ăn tối đêm đó.

Chúng tôi nói chuyện một lúc rồi đi ngủ. Tôi ngủ thiếp đi. Điều tiếp theo tôi biết là tôi đang bị O'Daniel lay tỉnh. Mơ màng, tôi nhận ra ông đang đứng cạnh giường tôi trong bộ đồ ngủ, và có một tiếng ồn kinh khủng. Có tiếng nổ ầm ầm liên tục của những vụ nổ khổng lồ ở đâu đó không quá xa. Những luồng khí nóng đập vào các cửa chớp bằng gỗ trên cửa sổ, khiến chúng rung lên và đập mạnh. Tôi lao đảo ra khỏi giường và giúp ông mở cửa chớp. Chúng tôi nhìn ra màn đêm. Cảnh tượng bạo lực lớn đang diễn ra ở ngoại ô thành phố, gần sân bay, nơi người Pháp có một kho đạn dược khổng lồ. Chúng tôi đoán rằng lính công binh Việt Minh đã đột kích kho đạn và khiến nó bắt đầu phát

nổ. Một cuộc điện thoại đã xác nhận phỏng đoán. Tiếng gầm rú cứ tiếp diễn. Sau khi lắng nghe những tiếng nổ, tôi nói rằng không có người Mỹ nào có thể làm gì để đối phó với vấn đề này và xin phép quay lại giường ngủ. Giờ đây tôi biết rằng một cuộc chiến tranh vẫn đang diễn ra ở Việt Nam.

Khi tháng Năm chuyển sang tháng Sáu, tôi làm quen với tình hình địa phương. Tôi vẫn không thể tìm thấy bằng chứng nào về lý do tại sao tôi lại được gửi đến Việt Nam một cách vội vã như vậy. Có thời gian rảnh, tôi tìm kiếm những người quen trong giới quân sự Việt Nam, với người dân thành phố thuộc khu vực đô thị Sài Gòn, và với các giáo phái tôn giáo độc đáo của Việt Nam. Ngoài ra còn có những vấn đề thường nhật hơn, chẳng hạn như tìm chỗ ở, một văn phòng riêng thay vì chỉ là cái túi quần, và phương tiện đi lại riêng.

Không gian là một thứ xa xỉ ở Sài Gòn chật chội. Tôi tìm được một căn phòng tại một BOQ (Khu ở dành cho Sĩ quan Độc thân), tạm thời bỏ trống vì người thuê thường xuyên đang đi nghỉ phép. Tôi được cử đến Sài Gòn với tư cách là tùy viên không quân phụ tá để có thể làm việc dễ dàng với cả đại sứ và tham mưu trưởng MAAG, nhưng

không có một chiếc bàn, ghế, hay tủ hồ sơ trống nào trong văn phòng nhỏ bé của tùy viên không quân. Về phương tiện đi lại, tôi được thông báo rằng không có chiếc nào dành cho tôi. Tôi phải đi nhờ xe của người khác hoặc đi lại trong thành phố bằng cyclo (xích lô), phiên bản xe kéo của Sài Gòn, trong đó hành khách ngồi trên ghế toa xe ở phía trước cách mặt đất vài inch trong khi người đạp xe đạp hoặc mô tô chiếc xe phía sau. Một chuyến đi xích lô, trong đó hành khách cảm thấy mình đang đóng vai trò là tấm cản trước của chiếc xe, là một cách nhanh chóng để tăng adrenaline khi đi qua những con phố đông đúc của Sài Gòn. Khi đi xích lô, tôi nhận thấy rằng viện trợ của Hoa Kỳ cho cuộc chiến đã rất hào phóng. Đối với tôi, dường như mọi sĩ quan và binh sĩ Pháp cuối cùng đều đang lái xe jeep Mỹ của riêng mình quanh thành phố.

Sự khó chịu của tôi vì thiếu phương tiện đi lại trở nên không thể kìm nén vào đêm diễn ra buổi tiếp tân ngoại giao đầu tiên mà tôi phải tham dự. Đó là một sự kiện trang trọng do Hoàng thân Bửu Lộc, Thủ tướng Việt Nam, tổ chức tại Dinh Gia Long. Lộng lẫy trong bộ quân phục trắng, tôi đi bộ đến cung điện và dừng lại trên vỉa hè phía trước

để quan sát cảnh tượng. Một hàng ô tô đang đi vào cổng và di chuyển chậm rãi lên một con dốc dẫn đến cửa chính của dinh, nơi đội danh dự chào cờ nghiêm trang với mỗi vị khách đến. Tôi thề là tôi sẽ không thông thả bước vào buổi tiếp tân với tư cách là vị khách duy nhất đi bộ. Một đám đông người Việt Nam đứng xem đoàn xe đến trên đường cạnh tôi trước cung điện. Trong số đó có vài người đạp xích lô, đang nghỉ ngơi bên xe của họ. Tôi chọn ra một người, chỉ mặc một chiếc quần lót và không mặc gì khác ngoài đôi dép trên chân, và thuê anh ta chở tôi đến lối vào dinh. Anh ta và những người đứng xem nở nụ cười lớn khi chiếc xích lô tham gia vào hàng ô tô đang tiến vào. Cố sức đạp, người đạp xe của tôi đã đưa chúng tôi lên được con dốc đến lối vào, nơi tôi trình trọng trả tiền xe trong khi đội danh dự đứng trong tư thế “chào cờ” nghiêm ngặt.

Bên trong dinh, tôi đi qua hàng tiếp đón và ngay lập tức rơi vào một cuộc phục kích của các quan chức Mỹ giận dữ. Họ thông báo với tôi rằng họ chưa bao giờ cảm thấy xấu hổ đến thế trong đời. Làm sao tôi dám hạ thấp uy tín của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ bằng cách đến theo kiểu đó? Tôi trả lời rằng đó là phương tiện duy nhất mà tôi có. Nếu họ

lo lắng về uy tín, hãy giao cho tôi một chiếc xe. Tướng O'Daniel xuất hiện đúng lúc này. Ông ấy tỏ ra rất thích thú với cảnh tượng đó. Ông nói MAAG vừa nhận được một vài chiếc Citroën 2-CV, và vì tôi quá thiếu thốn, ông sẽ cấp cho tôi một chiếc. Thế là tôi có phương tiện đi lại riêng. Chiếc 2-CV là một cái hộp thiếc nhỏ xấu xí, ghế được làm từ những dây cao su rộng bản, nhưng tôi lại yêu nó.

Tướng O'Daniel hộ tống tôi đến chào thăm Tiến sĩ Phan Huy Quát, Bộ trưởng Quốc phòng, và Tướng Nguyễn Văn Hinh, người chỉ huy các lực lượng vũ trang Việt Nam, nói với mỗi người rằng tôi sẽ là sĩ quan liên lạc không chính thức cho ông ấy và sẽ hỗ trợ họ bất cứ điều gì có thể. Quát và tôi phát hiện ra rằng chúng tôi đã gặp nhau ở Hà Nội vào mùa hè năm trước. Giống như nhiều bác sĩ người Việt Nam, ông đã tham gia vào chính trị, mặc dù ông vẫn tiếp tục hành nghề y từ một phòng khám nhỏ tại nhà. (Các chính phủ Việt Nam dường như luôn có một số bác sĩ và nha sĩ ở các vị trí quan trọng.) Chúng tôi hòa hợp với nhau, bất chấp vốn tiếng Anh ít ỏi của ông ấy và vốn tiếng Pháp vụn vặt của tôi. Tướng Hinh là con trai của một cựu Thủ tướng Việt Nam, cao hơn hầu hết các sĩ

quan tham mưu của mình, là một người đàn ông đẹp trai được phụ nữ mến mộ, có vợ là người Pháp, và đang mang quân hàm đại tá chính thức trong Không quân Pháp. Chúng tôi đã gặp nhau trước đây, trong một chuyến thăm ngắn của ông đến Manila trong chiến dịch chống Huk. Hình đặt cho tôi rất nhiều câu hỏi về Magsaysay, nói rằng ông ngưỡng mộ Magsaysay và đã tìm thấy một người ngưỡng mộ khác là Nasser, người mà ông đã đến thăm gần đây ở Ai Cập. Tôi đã cố gắng hết sức để trả lời các câu hỏi của ông, cuối cùng ở lại ăn tối để kể thêm cho ông nghe tại bàn ăn.

Tiến sĩ Quát đã gợi ý, và Tướng Hinh đồng ý, rằng tôi có thể giúp đỡ bộ phận tham mưu G-5 của Quân đội Việt Nam. G-5, được gọi là Nha 5, là tổ chức tuyên truyền và thông tin của quân đội. Rõ ràng người Pháp ít chú ý đến nó và sẽ không bận tâm nếu một người Mỹ hỗ trợ trong cái mà họ coi là một công việc nhỏ. (G-1, Nhân sự, và G-2, Tình báo, vào thời điểm đó được chỉ huy bởi các sĩ quan Pháp, trong khi G-3, Hành quân và Huấn luyện, cũng như G-4, Tiếp vận, đều có cố vấn Pháp.) G-6, Hoạt động Đặc biệt, là một hoạt động của Pháp, với một trưởng phòng người Việt Nam chỉ mang tính danh nghĩa.

Tôi chưa từng biết bất kỳ sĩ quan Pháp nào có liên quan đến G-5, hay Chiến tranh Tâm lý (Psywar). Do đó, nhờ Bộ trưởng Quốc phòng và Tham mưu trưởng, tôi trở thành cố vấn không chính thức cho Đại úy Phạm Xuân Giai, Trưởng Nha 5. Điều đó đưa tôi trực tiếp vào các hoạt động tâm lý của cuộc chiến tranh Pháp-Việt Minh, cuộc chiến vẫn tiếp diễn theo cách tàn khốc của nó trong khi các phái đoàn của các bên tham chiến tranh cãi tại Geneva.

G-5 dường như vượt xa những gì người Philippines có trong tổ chức dân sự vụ của họ cho chiến dịch chống Huk. Có một đội ngũ tham mưu trụ sở lớn, ba đại đội truyền vũ trang hoạt động ngoài mặt trận, một đội ngũ họa sĩ và nhà văn, một đơn vị phát thanh phát các chương trình hàng ngày cho quân đội từ đài phát thanh chính phủ ở Sài Gòn, có quyền sử dụng các cơ sở in ấn lớn, và thiết bị chiến tranh tâm lý tác chiến, chẳng hạn như bộ khuếch đại giọng nói di động, có chất lượng vượt trội hơn bất cứ thứ gì tôi từng biết. Điều thiếu sót, về cơ bản, là một mục đích thực sự để hướng tới cho tất cả nhân lực tài năng và thiết bị tốt này. Đúng là G-5 đang cố gắng khuyến dụ binh lính địch đầu hàng và truyền đạt thông

tin về các sự kiện hiện tại cho quân đội Việt Nam; nhưng G-5 có một gánh nặng chính trị lớn. Người Việt Nam mặc quân phục đang hợp tác với binh lính của lực lượng thuộc địa Pháp, chiến đấu chống lại kẻ thù Cộng sản giữa một dân tộc khao khát độc lập khỏi Pháp. Kẻ thù Cộng sản tiếp tục đóng vai là lực lượng dân tộc chủ nghĩa chân chính duy nhất ở Việt Nam và, mặc dù sự che đậy này đã dần mờ nhạt trong cuộc chiến kéo dài, kẻ thù vẫn giữ lợi thế tâm lý so với Quân đội Việt Nam.

Ban đầu, tôi nhận thấy Đại úy Giai nghĩ rằng vì tôi là người Mỹ, tôi đến với vai trò Ông Già Noel. Anh ấy nhanh chóng lập một danh sách mua sắm các thiết bị của Hoa Kỳ mà anh ấy muốn có. Tôi gợi ý rằng chúng ta có thể tận dụng thời gian ở bên nhau tốt hơn, vì anh ấy đã có nhiều tài nguyên hơn tôi nhận ra. Anh ấy có muốn sử dụng chúng theo cách mà anh ấy sẽ nhân đôi hoặc nhân ba kết quả không? Một khi điều này được thực hiện, thì chúng ta có thể xem xét bất cứ thiết bị mới nào sẽ cần. Giai hỏi tôi đang nghĩ đến điều gì. Sau đó, tôi đề nghị dạy một số kỹ thuật chiến tranh tâm lý tác chiến, cũng như cách tiến hành các chiến dịch truyền miệng, nếu G-5 đảm nhận nhiệm vụ cơ bản là thay đổi

hành vi và thái độ của binh lính Quân đội Việt Nam đối với người dân. Sự kiêu ngạo và tham lam quá phổ biến trong giao dịch của quân đội với người dân. Một truyền thống quân sự đáng tự hào hơn cho Quân đội Việt Nam sẽ là bảo vệ người dân. G-5 có thể giúp thiết lập truyền thống đó. Sau một chút do dự, Giai đồng ý trình bày đề xuất với Tướng Hinh. Hinh chấp thuận, và chúng tôi bắt tay vào làm việc để biến nó thành công.

Một trường học được thành lập để huấn luyện chiến tranh tâm lý quân sự, sử dụng chương trình giảng dạy mà tôi phác thảo chi tiết các cách cải thiện mối quan hệ giữa quân đội và người dân. Các chương trình phát thanh, áp phích, truyền đơn, báo dán trên bảng tin ở các đơn vị quân đội, các vở kịch do nhân viên G-5 viết và biểu diễn, các bài giảng được chuẩn bị sẵn cho các chỉ huy thuyết trình cho quân đội của họ, các bộ phim của anh em nhà Arellano chiếu phản ứng của người dân đối với hành vi tốt và xấu của quân đội ở Philippines, và một cuốn sổ tay binh lính do Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ chuẩn bị đã được sử dụng trong nỗ lực thay đổi mô hình hành vi này. Thành công chỉ mang tính cục bộ. Binh lính đói và được trả lương thấp vẫn ăn trộm gà, heo và gạo

trong các chiến dịch quân sự. Chỉ riêng lời khuyên không thể thay đổi điều này. Sẽ cần một số định hướng mới từ cấp trên và các khoản trợ cấp vật chất đầy đủ hơn cho quân đội để sự thay đổi thực sự diễn ra. Điều này có nghĩa là phải đối phó với thế giới xa lạ đầy phức tạp của tư tưởng Pháp, vì trên thực tế người Pháp đang nắm quyền kiểm soát lực lượng quân đội Việt Nam. Tôi bắt đầu một nỗ lực giáo dục với các sĩ quan tham mưu Pháp mà tôi đã gặp. Họ thấy ý tưởng của tôi xa lạ và cười nhạo đề nghị tôi hãy đi hút thuốc phiện thay vì làm việc đó. Các quan chức ở Washington biết về công việc của tôi với G-5 một cách khá kỳ lạ. Đại úy Giai và một số sĩ quan của anh ấy đã bị cuốn hút bởi mô tả của tôi về cách các kỹ thuật truyền miệng có thể hỗ trợ tâm lý cho các hoạt động của quân đội. Họ hỏi chi tiết, đặc biệt nghĩ đến việc sử dụng chúng ở miền Bắc Việt Nam, nơi áp lực của Việt Minh đặc biệt nặng nề vào thời điểm đó. Trong số các đề xuất tôi đưa ra có việc tung tin đồn ba phần, ngụ ý về sự hiện diện của một sư đoàn Cộng sản Trung Quốc ở một địa điểm gần biên giới (quân đội Trung Quốc bị cấm ghét rộng rãi ở hầu hết miền Bắc Việt Nam). Các sĩ quan G-5 ghi chép khi tôi mô tả các

phương pháp sẽ được sử dụng và cảm ơn tôi. Tôi quên bẵng về điều đó trong những ngày sau đó. Sau đó, một ngày nọ, tôi được thông báo trong một cuộc họp tại đại sứ quán rằng một câu hỏi đã đến từ Washington, hỏi về sự thật của các báo cáo rằng ba sư đoàn Cộng sản Trung Quốc đã vượt biên giới vào miền Bắc Việt Nam. Vì Tướng O'Daniel và tôi sẽ bay đến Hà Nội để thăm vào cuối ngày hôm đó, liệu chúng tôi có thể kiểm tra sự thật của các báo cáo này không? Ở Hà Nội, tôi hỏi về các sư đoàn Cộng sản Trung Quốc được báo cáo là đã vượt biên giới. Tôi nhận được những nụ cười lớn đáp lại. Đại đội truyền vũ trang của Quân đội Việt Nam hoạt động ở Bắc Kỳ đã sử dụng kỹ thuật tung tin đồn của tôi. Thay vì chỉ ám chỉ một sư đoàn Trung Quốc, họ đã quyết định nâng lên thành ba. Họ nói với tôi, kỹ thuật này đã hiệu quả. Gần như mọi người đều tin câu chuyện và các báo cáo đang tràn ngập các nhà thu thập thông tin tình báo quân sự! Tôi hối lỗi viết một lời giải thích về những gì đã xảy ra và nộp lại cho đại sứ quán khi trở về Sài Gòn. Các quan chức ở Washington sau đó cho biết rằng họ không đánh giá cao trò đùa này. Ấn sau về ngoài của những tòa nhà tỉnh lẻ kiểu Pháp và cuộc sống thuộc

địa trên các tuyến đường chính của khu vực đô thị Sài Gòn-Chợ Lớn là thành phố thực sự, một quần thể các thôn xóm Việt Nam san sát nhau. Nó gần như là một trò ảo thuật. Đi sâu vào các con hẻm, ngõ nhỏ, len lỏi qua những tòa nhà văn phòng, cửa hàng và biệt thự bằng bê tông và vữa trát, là những thôn xóm ẩn mình, rộn ràng với cuộc sống riêng, hàng ngàn người chen chúc trong những căn nhà gỗ dọc theo một hoặc hai dãy đường đất. Tổng cộng có lẽ khoảng một triệu người sinh sống trong những thôn xóm này ở Sài Gòn-Chợ Lớn, khuất khỏi tầm nhìn và sự hiểu biết của những người trên các tuyến đường trải nhựa. Rất ít người nước ngoài, ngoại trừ các nhóm cảnh sát, từng đến thăm những thôn xóm này. Chúng tạo nên một thành phố gần như bí mật với những phong tục Việt Nam trường tồn trong một thành phố bề ngoài đã tiếp thu những lối sống nước ngoài.

Tôi tìm thấy thành phố bên trong khi cố gắng tìm hiểu “các ủy ban hành động xã hội” là gì. Đã có những đề cập mơ hồ về chúng trong các buổi gặp gỡ ngoại giao, nhưng dường như không ai biết nhiều hơn ngoài cái tên. Rob McClintock, tham tán của tòa đại sứ Mỹ, cuối cùng đã giúp tôi khởi đầu bằng cách giới thiệu tôi với bộ trưởng hành

động xã hội và lao động. Vị bộ trưởng này lần lượt giới thiệu tôi với “người phụ trách hành động xã hội” của ông, ông Nguyễn Văn Hạnh. Trạc tuổi trung niên, tròn trịa, mặc áo vest và thắt cà vạt, ông Hạnh trông như một viên chức khúm núm khi đáp lời giới thiệu một cách lịch sự. Nhưng khi tôi hỏi liệu tôi có thể đến thăm một số ủy ban này và xem họ đang làm gì không, mặt ông ấy sáng rực lên một cách háo hức và ông ấy dường như trở thành một người khác. Vị bộ trưởng chính thức mời tôi đi cùng ông Hạnh để tìm hiểu những gì ông ấy đang làm. Nói rồi, ông Hạnh nắm lấy tôi và kéo tôi đi cùng khi ông rời khỏi văn phòng. Rõ ràng là về tròn trịa của ông đến từ cơ bắp, không phải mỡ. Bằng tiếng Pháp nhanh, ông ấy kể cho tôi nghe về các ủy ban hành động xã hội, và bản dịch lấp bắp của tôi chỉ giúp tôi nắm được ý chính của lời ông ấy. Chúng tôi bắt đầu một vòng thăm các ủy ban, ông Hạnh khẳng khẳng dẫn đường bằng xe mô tô trong khi tôi bám sát theo sau bằng chiếc Citroën 2-CV.

Khoảng một trăm ủy ban hành động xã hội đã được thành lập trong khu vực đô thị của thủ đô và các vùng ngoại ô. Mỗi ủy ban phục vụ một “khu phố” hoặc xóm. Một ủy ban sử dụng phương pháp tự lực để kích

thích cư dân của một khu phố cải thiện cuộc sống ở đó. Do đó, cư dân có học thức tổ chức các lớp học buổi tối để dạy người mù chữ cách đọc và viết, lấy căn nhà lớn nhất trong xóm làm trường học. Cư dân thành lập đội canh gác xóm để phòng chống hỏa hoạn và trộm cắp, với các tình nguyện viên thay phiên nhau. Các dự án khác bao gồm vệ sinh cộng đồng (thông qua hố xí đào), công trình công cộng (xây dựng một con đường chính từ tế đi qua cộng đồng và treo đèn lồng từ các căn nhà dọc theo đó để cung cấp ánh sáng công cộng vào ban đêm), và tiện ích (đường như chủ yếu bao gồm việc cố gắng lấy nước và điện từ các đường ống chính của thành phố vào cộng đồng). Các ủy ban được bầu tại các cuộc họp của khu phố bằng cách biểu quyết bằng lời. Ông Hạnh tổ chức các cuộc họp, giải thích lợi ích cho cư dân về việc thành lập một ủy ban như vậy, và sau đó tiến hành bầu cử. Ông Hạnh nói rằng ông chưa bao giờ tổ chức bầu cử bằng phiếu kín vì quá nhiều người mù chữ và không thể viết tên lên phiếu bầu. Tôi gợi ý rằng ngay cả người mù chữ cũng có thể vẽ một biểu tượng lên phiếu bầu, chẳng hạn như một dấu chéo, một vòng tròn, hoặc một hình tam giác, và ông ấy đã đồng ý nhiệt tình.

Những ngày sau đó, tôi dành mọi chút thời gian rảnh rỗi để đi thăm các khu phố với ông Hạnh, khi ông tổ chức các cuộc họp để giải thích cách thức hoạt động của một “ủy ban hành động xã hội” và sau đó là sự bí ẩn của quy trình bầu cử “kiểu Mỹ” (với một cử chỉ chỉ về phía tôi để cho người dân thấy người Mỹ là gì). Ông Hạnh và tôi sẽ phải mang vác chiếc thùng phiếu lớn, một chiếc thùng gỗ đơn giản có một khe cắt trên nắp có bản lề và một cái móc khóa, cùng với một chồng giấy nháp và bút chì. Một ứng cử viên đã tuyên bố sẽ lấy một tờ giấy từ tập giấy nháp, cẩn thận vẽ ý tưởng của riêng mình về một biểu tượng thích hợp lên đó, và sau đó giơ biểu tượng lên cho mọi người xem khi anh ta phát biểu về lý do tại sao người dân nên bầu cho anh ta.

Các thư ký bầu cử, thường là những phụ nữ lớn tuổi, những người dường như là người có uy quyền thực sự trong mỗi khu phố, sẽ được chọn bằng cách biểu quyết bằng lời. Họ sẽ phát “phiếu bầu”, một tờ giấy xé từ tập giấy nháp, và bút chì. Mọi người sẽ đánh dấu vào phiếu bầu một cách riêng tư nhất có thể trong đám đông, trốn sau lưng người khác, ngồi xổm trên mặt đất và cúi xuống để che chắn việc đánh dấu của họ, hoặc là

chui vào những căn nhà gần đó. Sau đó, tất cả sẽ xếp hàng và đi qua thùng phiếu, mỗi người nhét lá phiếu đã gấp của mình qua khe trên nắp trong khi các thư ký bầu cử mắt tinh tường theo dõi. Khi tất cả cư dân đã bỏ phiếu, các thư ký bầu cử sẽ mở thùng và kiểm phiếu, trong khi cả xóm xóm lại xung quanh họ để theo dõi. Một tiếng reo hò, cười đùa và thốt lên vang lớn khi kết quả bầu cử được công bố.

Không phải tất cả thời gian của tôi đều dành cho việc giúp đỡ chiến tranh tâm lý quân sự và hành động xã hội khu phố. Tôi cần biết nhiều hơn về lịch sử Việt Nam và sự vận hành của chính phủ nước này. Sách và các tài liệu viết khác về những chủ đề này rất khan hiếm, mặc dù các cuốn sách tuyệt vời về Việt Nam bắt đầu có sẵn ở Sài Gòn vào năm sau. Hầu hết những gì tôi học được đều đến với tôi bằng lời nói thông qua việc hỏi những người Mỹ, người Việt Nam và người Pháp có kiến thức. Dần dần, tôi kinh ngạc trước sự phức tạp của quốc gia nhỏ bé này ở góc đông nam lục địa châu Á. Người dân của nó có khả năng hồi phục đáng kinh ngạc, với rất ít dấu hiệu mệt mỏi sau nhiều năm của một cuộc chiến vẫn tiếp diễn không suy giảm trong khi các đại biểu nói về hòa

binh ở Geneva. Di sản của họ là gì?

Các học giả Việt Nam tự hào nói với tôi rằng người Việt, với tư cách là một dân tộc, đã có năm ngàn năm lịch sử. Họ nói về vương quốc Việt Nam ở miền nam Trung Quốc, kéo dài ba ngàn năm cho đến khi bị hủy diệt vào năm 333 trước Công nguyên. Các học giả khác nói rằng người dân đã từ Trung Quốc di cư xuống, đến Việt Nam ngày nay vào cuối thế kỷ thứ ba trước Công nguyên. Tất cả đều đồng ý rằng có một cuộc chinh phục của Trung Quốc đối với Việt Nam vào năm 111 trước Công nguyên.

Một ngàn năm tiếp theo được đánh dấu bằng hết cuộc nổi dậy này đến cuộc nổi dậy khác. Năm 938 sau Công nguyên, người Việt Nam giành được tự do trong một cuộc chiến và bảo vệ nó trong các cuộc chiến sau đó chống lại người Trung Quốc, đẩy lùi một cuộc xâm lược của các bộ tộc Mông Cổ của Hốt Tất Liệt vào năm 1284. Trong thế kỷ tiếp theo, người Việt Nam đã chiến đấu với người Chăm và người Khmer, giành được phần còn lại của lãnh thổ tạo nên Việt Nam hiện đại. Chiến tranh tiếp tục qua các thế kỷ, cả chống lại những kẻ xâm lược Trung Quốc và giữa các phe phái nội bộ. Quân đội Pháp lần đầu tiên xuất hiện vào năm 1858,

chiếm cảng Tourane, và đến năm 1862 đã chiếm ưu thế đến mức người Việt Nam phải nhượng lại lãnh thổ cho Pháp. Những năm sau đó chứng kiến nhiều cuộc nổi dậy chống lại người Pháp, bao gồm một cuộc nổi dậy lớn của những người theo chủ nghĩa dân tộc vào năm 1945 ngay trước khi Chiến tranh Thế giới thứ Hai kết thúc (được tài trợ bởi lực lượng chiếm đóng Nhật Bản); một thời gian ngắn tự do được đánh dấu bằng các cuộc trả đũa của Cộng sản chống lại những người theo chủ nghĩa dân tộc; và sau đó là cuộc chiến tranh Pháp-Việt Minh bắt đầu vào ngày 19 tháng 12 năm 1946 và vẫn đang tiếp diễn.

Hàng triệu người Việt Nam nằm dưới sự kiểm soát của Cộng sản, những cán bộ chính trị của họ đã thiết lập một chính quyền dân sự dưới hòng súng của lực lượng du kích. Cũng có hàng triệu người Việt Nam dưới sự cai trị của chính phủ quốc gia do Pháp bảo trợ – chính phủ mà tôi được cho là sẽ giúp đỡ khi có thể thực hiện được. Nó được đứng đầu bởi Bảo Đại, Quốc trưởng, người mà nhiều người gọi là “Hoàng đế”. Ông không sống ở Việt Nam. Thay vào đó, ông ở lại vùng French Riviera (Bờ biển Pháp), cai trị lãnh địa của mình bằng điện đài và thư từ gửi

cho thủ tướng của ông ở Sài Gòn và cho đặc phái viên chính của ông, ông Nguyễn Đệ. Thủ tướng được giao nhiệm vụ điều hành chính phủ, bao gồm một số bộ và nha ở Sài Gòn, với các văn phòng chi nhánh ở Hà Nội, và ông không chỉ phải lắng nghe mong muốn của Bảo Đại (và Nguyễn Đệ), mà còn phải lắng nghe Bộ Chỉ huy Tối cao Pháp ở Đông Dương. Có các quan chức Pháp trong tất cả các bộ và nha, nhiều người trong số họ vẫn đang thực hiện các nhiệm vụ hành pháp mặc dù họ đang trong quá trình chuyển sang vai trò cố vấn.

Việt Nam, giống như Gaul cổ đại, được chia thành ba phần, Bắc, Trung và Nam. Mỗi vùng này đều có một thống đốc người Việt riêng. Mỗi vùng được chia nhỏ hơn nữa thành các tỉnh, với một tỉnh trưởng cho mỗi tỉnh. Hơn nữa, mỗi tỉnh được chia nhỏ thành các quận, với một quận trưởng người Pháp hoặc người Việt Nam làm người quản lý. Trên khắp đất nước, các lực lượng Liên hiệp Pháp (bao gồm cả Quân đội Việt Nam) đang tiến hành chiến tranh chống lại kẻ thù Việt Minh du kích. Thường thì các chỉ huy quân sự địa phương là những ông chủ thực quyền của chính phủ khi họ thực hiện các biện pháp và hành động ảnh hưởng đến phúc lợi

và sinh kế của dân chúng sống trong vùng chiến sự.

Bên dưới cấu trúc chính phủ này ở các thành phố, các vùng, các tỉnh và các quận là các xã và ấp của xã nơi người dân nông nghiệp sinh sống. Theo tục lệ, quyền cai trị của hoàng đế kết thúc tại ranh giới làng xã. Mặc dù có nhiều lực lượng của thế kỷ hai mươi đang hoạt động để thay đổi các phong tục lỗi thời (trong số đó có những cán bộ tổ chức Cộng sản đang thiết lập các cấu trúc cho sự cai trị chuyên quyền), vẫn còn tồn tại một sự chia cắt rõ rệt giữa bộ máy hành chính của chính phủ trung ương và bộ máy hành chính truyền thống của các làng xã nông thôn. Những làng xã này được cai trị bởi các hội đồng làng xã, được tạo thành chủ yếu từ những người lớn tuổi đã giành được sự kính trọng của hàng xóm vì là những người khôn ngoan và trung thực. Hệ thống làng xã có vẻ đơn giản, nhưng thực tế nó rất thiết thực, có khả năng thực hiện nhiều nhiệm vụ phức tạp trong khuôn khổ các phong tục ràng buộc bởi truyền thống của hàng ngàn năm.

Các nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam, đối mặt với những thay đổi đang được khởi xướng bởi những người Cộng sản Việt Nam,

đã có một động thái muộn màng để thay đổi cấu trúc hành chính vào tháng Giêng năm 1953, bằng cách tổ chức bầu cử hội đồng thành phố và xã ở các trung tâm dân cư lớn hơn do lực lượng Pháp kiểm soát. Mặc dù chỉ có khoảng một triệu người đi bầu trong tổng số dân khoảng hai mươi lăm triệu người, những cuộc bầu cử này ít nhất cũng là một sự khởi đầu hướng tới việc tự trị của đa số người Việt Nam không Cộng sản. Các cuộc bầu cử đã giúp củng cố và phân cực tình cảm của người Việt Nam đối với một hình thức độc lập khỏi Pháp, khác biệt so với hình thức do Cộng sản đề xuất, những người mà hành động của họ đã làm thất vọng rất nhiều người yêu nước kể từ năm 1946. Chủ nghĩa dân tộc Việt Nam chống Cộng sản, vốn đã âm ỉ kể từ những sự phản bội của Cộng sản gần một thập kỷ trước đã dẫn đến việc tàn sát hoặc bỏ tù rất nhiều người quốc gia, lại bùng cháy trở lại trong các cuộc bầu cử tháng Giêng năm 1953 này. Hầu hết những người Việt Nam được bầu đã dành bài diễn thuyết của họ cho sự nghiệp độc lập cho Việt Nam.

Thủ tướng Tâm, người đã tổ chức các cuộc bầu cử này, cuối cùng đã phải trả giá cho chúng. Ông là công dân Pháp và những

người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam coi ông là một con rối của Pháp (và quá tham nhũng) nên không phù hợp với lý tưởng Việt Nam mà những người theo chủ nghĩa dân tộc hiện đang công khai khao khát. Bảo Đại, từ cung điện của mình ở Riviera, đã cách chức ông Tâm và yêu cầu người anh em họ của mình, Hoàng thân Bửu Lộc, trở thành thủ tướng và thành lập một chính phủ mới vào tháng Giêng năm 1954. Bửu Lộc đã tạo ra cái mà ông gọi là “chính phủ kỹ thuật viên”. Đó là chính phủ mà tôi đang làm quen. (Tôi không làm việc với Bộ Dân chủ hóa, những quan chức của bộ này hoàn toàn phớt lờ thực tế trong giấc mơ tạo ra một Shangri-la ở Việt Nam chỉ sau một đêm.) Gần như tất cả các bộ trưởng và cục trưởng đều nói với tôi rằng họ chỉ là những “người giữ việc tạm thời”. Rõ ràng một cái gì đó mới và tốt hơn trong chính phủ đang được mong đợi sớm.

Tôi đã cố gắng đi đến từng vùng của đất nước trong tháng Sáu đó. Trong các chuyến thăm miền Bắc, tôi làm quen lại với các chính trị gia Việt Nam ở Hà Nội và Hải Phòng mà tôi đã gặp vào mùa hè năm trước. Chủ yếu, họ là thành viên của hai chính đảng quốc gia lâu đời nhất, Đại Việt và VNQDD (Việt Nam Quốc Dân Đảng hay Quốc dân đảng

Việt Nam). Không ai trong số họ thừa nhận tư cách đảng viên với tôi vào thời điểm đó, mặc dù một số đã làm sau này khi tôi đã quen họ hơn. Ban đầu, tôi phân loại mối liên hệ của họ bằng cách lắng nghe những lời đồn đại. Những nhóm này khác với ý tưởng của người Mỹ về các chính đảng, vì chúng là các tổ chức cách mạng, bí mật bao gồm các nhóm ba người và được điều hành bởi một ban lãnh đạo bí mật. Sự hướng dẫn về chính trị của họ đến trong chế độ thuộc địa Pháp, một chế độ mà họ đang cố gắng loại bỏ để làm cho Việt Nam độc lập. Các thành viên phải chịu rủi ro bị Pháp bắt giữ vì tội lật đổ và bị Cộng sản đối thủ ám sát. Kỷ luật đảng đương nhiên rất nghiêm ngặt. Xem xét bản chất âm mưu của những chính đảng dân tộc chủ nghĩa này và các chính đảng khác, tôi không khỏi tự hỏi liệu họ có thể hoạt động một cách xây dựng trong một xã hội mở, một khi Việt Nam thực sự độc lập hay không.

Ở miền Trung Việt Nam, tại Tourane (Đà Nẵng), tôi đã tham gia vào một nỗ lực bất thành nhằm giải cứu bốn người Mỹ bị Việt Minh bắt khi họ lên ra khỏi căn cứ không quân vào buổi trưa để bơi tại một bãi biển cấm. Nỗ lực giải cứu, bằng xe jeep và một chiếc xe tăng hạng nhẹ lính lê dương, kết

thúc khi một phụ nữ Việt Nam lớn tuổi mà chúng tôi gặp trên đường kể lại việc nhìn thấy những người Mỹ, chỉ mặc quần bơi và nhả nhổ khi đi chân trần trên nền đất gồ ghề, bật khóc khi họ bị đưa ra trước mặt cư dân làng bà. Viên trung sĩ lê dương râu ria chỉ huy chiếc xe tăng nhỏ nước bọt xuống đất, nói rằng anh ta sẽ không mạo hiểm chiếc xe tăng của mình để cố gắng giải cứu những người yếu đuối như vậy, và đưa xe tăng trở lại Tourane. Không có sự hỗ trợ hỏa lực, nỗ lực giải cứu phải bị hủy bỏ. (Những người Mỹ này nằm trong số những tù nhân khác được trao trả khi chiến tranh kết thúc.)

Ở miền Nam, tôi làm quen với các giáo phái, không hề hay biết rằng họ sắp lôi kéo tôi vào một tấn kịch chết người. Hai trong số các giáo phái, Hòa Hảo và Cao Đài, là các tôn giáo bản địa với khoảng một triệu tín đồ mỗi giáo phái và có các trung tâm chính ở các tỉnh nông nghiệp phía Tây Sài Gòn. Giáo phái thứ ba, Bình Xuyên, là một tổ chức xã hội với hàng chục ngàn người ở khu vực đô thị Sài Gòn-Chợ Lớn, mà các thủ lĩnh đã giành quyền kiểm soát giới tội phạm ngầm. Tôi bị ấn tượng bởi hình ảnh quân phiệt thời trung cổ mà cả ba giáo phái này truyền tải. Mỗi giáo phái đều có lực lượng

vũ trang riêng hoàn chỉnh với tướng lĩnh và tiểu đoàn, các đảng phái chính trị riêng, và các lãnh thổ xác định mà họ thống trị. Gần như tất cả các lực lượng giáo phái đều được Quân đội Pháp trả lương với tư cách là binh sĩ bổ sung (dân quân). Một ngoại lệ là một nhóm du kích Cao Đài ly khai dưới quyền Trình Minh Thế, người nắm giữ một lãnh thổ gần biên giới Campuchia; họ chiến đấu chống lại cả Pháp và Cộng sản. Khi tôi bày tỏ sự quan tâm đến việc đến thăm họ, các sĩ quan Pháp nói với tôi đừng dính dáng gì đến những “quái vật” như vậy.

Người hướng dẫn đầu tiên của tôi trong các chuyến đi đến các lãnh thổ giáo phái cũng đầy màu sắc như những lãnh đạo giáo phái mà chúng tôi đã thấy. Ông là Đại tá Jean Leroy, lãnh đạo một nhóm du kích Công giáo được gọi là Unités Mobiles de Défense des Chrétientés (Các Đơn vị Di động Bảo vệ Cơ đốc giáo). Thấp bé, gân guốc và dữ dội, ông dường như kết hợp những đặc điểm mạnh mẽ nhất của người cha Pháp và người mẹ Việt Nam của mình. Khi gặp ông ấy tại nhà riêng ở Sài Gòn, tôi nhận thấy nơi này trông giống như một pháo đài với hàng rào dây thép gai, các vị trí đặt súng máy được che chắn bằng bao cát trong sân

và binh lính vũ trang hạng nặng ở mọi điểm quan trọng. Leroy giải thích một cách vui vẻ rằng ông mới chuyển đến Sài Gòn, thích căn nhà này, và đã cưỡng chế đuổi gia đình sở hữu nó. Bây giờ những người chủ đang xuất hiện tại nhà với luật sư và cảnh sát để lấy lại – và Leroy đang thách thức họ gây chiến để giành lấy căn nhà nếu họ có đủ can đảm làm vậy.

Tại chính thủ đô, tôi bắt gặp thêm một mẫu thực tế Việt Nam nữa. Tôi đã nghe những câu chuyện từ những người quen người Pháp và người Việt rằng Bảo Đại đã cạn tiền để vui chơi ở Riviera và đã bán chức vụ cảnh sát trưởng Sài Gòn-Chợ Lớn cho trùm giới tội phạm ngầm, “Bảy” Viễn (Tướng Lê Văn Viễn), với giá bốn mươi bốn triệu đồng bạc (khi đó khoảng 1,25 triệu đô la Mỹ theo tỷ giá chính thức). Bảy Viễn chỉ huy lực lượng giáo phái Bình Xuyên, thu thuế lưu thông thương mại ra vào thành phố, và điều hành các sòng bạc, nhà thổ và buôn bán thuốc phiện của thành phố. Giao dịch bẩn thỉu này trở nên khả thi nhờ vào việc ký kết cuối cùng Hiệp ước Pháp-Việt vào ngày 4 tháng 6 năm 1954, trao cho Việt Nam sự độc lập khỏi Pháp đã được công bố một năm trước. Về mặt pháp lý, với tư cách

là Quốc trưởng của một quốc gia độc lập, Bảo Đại có thể hành động theo ý mình. Vụ bán chức cảnh sát cho trùm xã hội đen này suýt giết chết quốc gia non trẻ trong những tháng sau đó. Tôi đã thấy một số thành quả đầu tiên của thỏa thuận này trong một sự cố mà tôi sẽ nhớ mãi.

Nó xảy ra một đêm khi tôi đang ở trong phòng tại BOQ cố gắng đọc báo tiếng Pháp địa phương với sự trợ giúp của từ điển dịch. Tôi nghe thấy tiếng điện thoại reo ở hành lang cách phòng tôi vài cánh cửa. Nó cứ reo liên tục và cuối cùng tôi đứng dậy trả lời. “Allo! Allo! Allo!” tôi hét vào thiết bị theo cái kiểu xứng đáng với hệ thống điện thoại địa phương thất thường. Từ thiết bị tuôn ra một giọng nữ người Mỹ phấn khích, với giọng miền Nam Sâu Thẳm (Deep South), hỏi: “Mấy người lính lạ lùng này đang bắn loạn xạ quanh nhà là sao vậy?” Bối rối, tôi bắt đầu đặt câu hỏi. Tôi biết được rằng ba cô gái Mỹ, thư ký tại tòa đại sứ Mỹ, đang sống trong một căn nhà nhỏ cách đó vài dãy phố. Lúc đó, tất cả họ đang trốn dưới gầm giường, và việc gọi điện được thực hiện từ vị trí này. Ở phía sau, tôi có thể nghe thấy một loạt tiếng súng tiểu liên và sau đó là tiếng BÙM của một vụ nổ. Giọng nói trên điện

thoại nói rằng dường như có một trận chiến đang diễn ra trong sân nhà họ và trên con phố trước nhà họ. “Mấy ông qua giúp tui tui với. Nghe hông?” Tôi lái xe đến ngay lập tức.

Một đại đội lính đội mũ nón xanh của Bình Xuyên đang trong tư thế chiến đấu dọc theo con phố và trong sân nhà. Mục tiêu của những loạt súng tiểu liên của họ là một căn nhà hai tầng ngay phía sau căn nhà gỗ một tầng nơi các cô gái Mỹ sinh sống. Một quả lựu đạn bay ra từ cửa sổ tầng trên và đáp xuống đường, khiến những kẻ tấn công chạy toán loạn tìm chỗ ẩn nấp. Sau khi thấy các cô gái đã an toàn và dặn dò họ giữ nguyên vị trí sau bức tường bảo vệ của căn nhà gỗ, tôi tìm gặp viên chỉ huy Bình Xuyên. Cuối cùng tôi cũng dịch được ý chính lời của anh ta. Anh ta đang cố gắng bắt giữ một người nào đó bên trong căn nhà. Chắc hẳn chúng tôi đã bị quan sát thấy đang nói chuyện, vì ngay lúc đó, một giọng nói hét lên từ trong nhà rằng những người bên trong sẽ chỉ đầu hàng sĩ quan Pháp, chứ không phải Bình Xuyên! Tôi nhìn quanh. Không thấy một sĩ quan Pháp nào. Rõ ràng là tôi phải là Pierre may mắn rồi. Sau cuộc nói chuyện khó khăn bằng vốn tiếng Pháp tồi tệ của tôi, mọi thỏa thuận cuối cùng đã được thực hiện. Lính

Bình Xuyên rút đi và để tôi tiếp quản những người bị bắt giữ, một người đàn ông, vợ và hai đứa con của ông ta. Từ những lời cầu xin vội vã của họ, tôi nhận ra các từ “quân sự” và “quân đội”, vì vậy tôi đưa họ lên xe của mình và chở họ đến nhà Tướng Hình ở Chợ Lớn. Rõ ràng họ rất mừng khi đến được nhà của viên tư lệnh Quân đội Việt Nam một cách an toàn.

Lúc đó tôi mới biết nguyên nhân của cảnh tượng hỗn loạn tại căn nhà của các cô gái. Sau khi nắm quyền kiểm soát cảnh sát ở thành phố thủ đô, Bình Xuyên đang bắt tay vào việc loại bỏ khỏi lực lượng cảnh sát tất cả những thành viên đã quá hiệu quả trong việc chống tội phạm. Những cảnh sát giỏi đang bị thanh trừng. Người đàn ông tôi cứu là một thám tử Sûreté (An ninh Quốc gia). Tướng Hình và Quân đội Việt Nam đã cung cấp nơi ẩn náu an toàn cho ông ta và hàng chục thám tử và cảnh sát giàu kinh nghiệm khác bằng cách thành lập một tổ chức tình báo và điều tra mới, Nha An ninh Quân đội (Military Security Service hay MSS), và tuyển dụng những người tị nạn có trình độ cao này vào đó. Người Việt Nam có cấp bậc cao nhất trong Sûreté dưới thời Pháp, Mai Hữu Xuân, là một trong những người tị nạn

và được phong làm tướng trong Quân đội Việt Nam và được giao quyền chỉ huy MSS.

Điều đáng nhớ nhất về sự kiện này không phải là việc thành lập một tổ chức quân sự mới mà là cách một người đàn ông bảo vệ nhà và gia đình mình bằng cách sử dụng lựu đạn. Tôi ghi nhớ điều đó như một điều hữu ích cần biết. Một người đàn ông có thể giữ an toàn sau bức tường và giữ chân cả một đại đội quân đội bằng lựu đạn ném qua cửa sổ hoặc cửa ra vào. Kể từ đó, tôi luôn giữ một nguồn cung cấp lựu đạn trong khu nhà ở của mình.

Khi tháng đầu tiên của tôi ở Việt Nam sắp kết thúc, tôi thức khuya một đêm để đánh giá tình hình của mình. Tôi được cử đến để giúp người Việt Nam tự giúp chính họ, vào thời điểm điều này trở nên khả thi. Tuy nhiên, rõ ràng là những người Pháp sống ở Việt Nam dường như không hề hay biết về việc Việt Nam giành được độc lập. Thái độ chiếm hữu của họ đối với người Việt Nam vẫn mạnh mẽ như mọi khi, gọi lên những phản ứng cảm xúc mạnh mẽ của người Pháp bất cứ khi nào một người Mỹ đến gần một trong những người Việt Nam “của họ”. Bộ Chỉ huy Tối cao Pháp, vẫn đang chỉ đạo cuộc chiến chống Việt Minh, tiếp tục kiểm soát

chặt chẽ các lực lượng quân sự quốc gia Việt Nam. Vẫn còn các quan chức Pháp trong suốt chính phủ Việt Nam, đưa ra lời khuyên với giọng điệu nghe lạ lùng giống như mệnh lệnh. Một nhà báo Thụy Sĩ nói: “Người Pháp giống như một người đàn ông từ bỏ người tình của mình. Anh ta biết cuộc tình đã kết thúc, nhưng anh ta ghét khi thấy người tình của mình đi ngang qua trên chiếc xe hơi lớn của một người giàu có mà cô ấy mới gặp.” Tôi hiểu rằng chúng tôi, người Mỹ, là những kẻ mới đến giàu có.

Có hàng triệu người Việt Nam không Cộng sản và được cho là đã đạt đến mức bắt đầu tự quản lý theo một cách nào đó khác ngoài hệ thống Lenin. Số phận của họ là một trong những lợi ích chính đang được xem xét tại hội nghị quốc tế ở Geneva, và tôi hy vọng rằng họ sẽ có cơ hội cho tự do, hay liberty. Trong đời sống gia đình, người Việt Nam tôn trọng đạo đức Khổng giáo. Tuy nhiên, trong quốc gia, đạo đức Khổng giáo dường như vắng bóng, bằng chứng là vụ bán cảnh sát cho bọn giang hồ ở thành phố thủ đô. Làm thế nào người Việt Nam tự do có thể tự quản lý hiệu quả khi giới lãnh đạo cao nhất của họ coi thường đạo đức cá nhân cai trị của người dân, khi sự phá hoại tinh vi của Cộng

sản đang hoành hành trên đất nước được hỗ trợ bởi lực lượng quân sự, khi sự bao bọc gia trưởng của Pháp ngăn cản người Việt Nam học hỏi bằng cách tự làm, khi các chính đảng quốc gia khẳng khẳng giữ lại bản chất bí mật của họ, và khi có quá nhiều chư hầu phong kiến chia cắt người dân và thôn quê?

Tôi chợt hiểu tại sao ai đó đã mở rộng lệnh đi lại gửi tôi đến Việt Nam với câu nói thêm đó là “Cầu Chúa phù hộ cho bạn.”

GHI CHÚ

TARUC. Luis Taruc, Trùm Huk, đầu hàng chính phủ phần lớn là do sự thuyết phục về mặt đạo đức trong các cuộc đàm phán kéo dài hơn bảy năm do một người bạn duy trì liên lạc với tổng thống Philippines. (Tôi đã giúp thiết lập mối quan hệ này ban đầu với Tổng thống Roxas và nó tiếp tục với những người kế nhiệm ông.) Việc đầu hàng thực tế được thực hiện vào phút cuối do tình cờ thông qua một người khác, Benigno Aquino, một phóng viên trẻ của tờ *Manila Times*, người sau này tham gia chính trường, trở thành tỉnh trưởng tỉnh Tarlac và sau đó là thượng nghị sĩ.

ĐIỆN BIÊN PHỦ. Tôi được kể một phần tiếp theo kỳ lạ về trận Điện Biên Phủ khi nói chuyện với những người Pháp sống sót sau khi họ được thả khỏi các trại tù binh Việt Minh. Việt Minh đã chọn các tù binh Pháp trở lại chiến trường này để tái hiện lại trận chiến trước máy quay, để có thể làm phim chính thức về trận chiến. Khi các diễn viên đến, chiến trường đã chìm trong nước! Vào thời điểm diễn ra trận chiến, Tướng Cộng sản Giáp đã ra lệnh cắt các kênh mới cho các dòng suối ở những ngọn núi xung quanh, để làm ngập vùng đất thấp. Khi mưa đến, các công sự của Pháp lẽ ra đã có thể nằm dưới đáy bồn tắm với vòi nước chảy đầy. Hàng ngàn sinh mạng

lẽ ra đã được cứu nếu Việt Minh chỉ cần chờ đợi cơn mưa đến. Rõ ràng nhu cầu chính trị về một chiến thắng nhanh chóng đã khiến Việt Minh bỏ qua việc chờ đợi một chiến thắng bằng thủy lục.

NGƯỜI VIỆT NAM. Tôi tuân theo thông lệ của hầu hết người Việt Nam và sử dụng tên riêng của một người khi nói về họ, ngay cả Ngô Đình Diệm. Hỏi một người Việt Nam về Tổng thống Ngô và họ có lẽ sẽ bối rối, mặc dù họ sẽ nhận ra tên Tổng thống Diệm. Tuy nhiên, Ngô là họ. Đình là tên được gia đình chỉ định cho thế hệ mà ông sinh ra. Trong văn viết xã giao, người Việt Nam nối tên của họ bằng dấu gạch ngang, thường là với chữ cái đầu tiên của tên đệm viết thường. Để dễ đọc bằng tiếng Anh, tôi đã bỏ dấu gạch ngang khỏi tên, cùng với các dấu phụ Bồ Đào Nha được người Việt Nam sử dụng làm hướng dẫn phát âm.

KẺO. Các cuộc bầu cử ủy ban hành động xã hội ở các khu phố Sài Gòn-Chợ Lớn trở nên không khí lễ hội khi ông Hạnh và tôi mời Pat Byrne và Anita Lauve đến xem cùng chúng tôi. Các cô gái là các nhân viên ngoại giao trong bộ phận chính trị của tòa đại sứ Mỹ. Nhận thấy số lượng lớn trẻ em sẽ tụ tập để xem các thủ tục, các cô gái đã mang theo những hũ lớn kẹo cứng và phát cho các em nhỏ. Những người lớn, không chịu kém cạnh về lòng hiếu khách, đã mời chúng tôi vào nhà họ uống trà.

TÍNH VÙNG MIỀN. Ba sọc trên lá cờ của Việt Nam Cộng hòa đại diện cho ba miền của đất nước: Bắc, Trung và Nam. Những người bạn Việt Nam của tôi khẳng định rằng người dân ở mỗi vùng có những đặc điểm khác nhau rõ rệt. Họ coi người miền Bắc về cơ bản là chịu thương chịu khó và thực tế, người miền Trung là trí thức và quý tộc, còn người miền Nam thì ham vui và dễ dãi. Điều đáng chú ý là hầu hết các nhà lãnh đạo hiện đại đều đến từ miền Trung Việt Nam, trong số đó có Ngô Đình Diệm, Hồ Chí Minh và Nguyễn Văn Thiệu.

LỰC LƯỢNG GIÁO PHÁI. Các đội quân không chính quy của các giáo phái, cũng như hầu hết các binh sĩ chiến đấu chống Pháp cùng với Việt Minh Cộng sản, đều được Kempeitai – cảnh sát chính trị của Quân đội Nhật Bản – khởi động đời sống quân ngũ của họ. Sau khi Pháp thất thủ trước Đức vào năm 1940, Nhật Bản đã tiến

vào Việt Nam theo một liên minh với chính phủ Vichy và sử dụng đất nước này làm căn cứ cho các hoạt động chống lại Singapore và các khu vực khác của Đông Nam Á. Khi cục diện Thế chiến thứ Hai bắt đầu xoay chuyển chống lại Đức và Nhật Bản, Kempeitai đã chọn một số thanh niên Việt Nam đầy triển vọng và bí mật huấn luyện họ ở Campuchia và Lào về chiến tranh du kích. Họ trở thành một lực lượng bản địa bí mật dưới sự chỉ đạo của Nhật Bản và xuất hiện công khai vào ngày 9 tháng 3 năm 1945, khi Nhật Bản lật đổ chế độ thuộc địa Vichy ở Đông Dương. Khi người Pháp quay trở lại sau chiến tranh và tuyên bố vào ngày 4 tháng 3 năm 1946 rằng họ sẽ nắm lại quyền kiểm soát, các lực lượng giáo phái đã tham gia cùng những người Việt Nam khác trong hàng ngũ Việt Minh để chiến đấu chống Pháp. Lực lượng Cao Đài đã tham gia vào các Trung đoàn 7 và 8 của Việt Minh thời kỳ đầu, người phụ trách chính trị của họ là Trần Quốc Bửu (sau này là người đứng đầu được kính trọng của Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam, nổi tiếng với các quan chức AFL-CIO của Mỹ). Tuy nhiên, các lực lượng giáo phái đã có những cuộc cãi vã dữ dội với Cộng sản và sớm rời khỏi hàng ngũ Việt Minh. Họ tiếp tục chiến đấu chống Pháp, nhưng dần dần bị kéo về phía Pháp trong một chiến dịch bình định đã khéo léo sử dụng sự kết hợp giữa lực lượng và phần thưởng trợ cấp.

HÒA HẢO. Giáo phái Phật giáo cải cách được gọi là Hòa Hảo (phát âm là “qua hao”) được thành lập vào năm 1939 và lấy tên từ ngôi làng nơi người sáng lập Huỳnh Phú Sổ sinh năm 1919. Tín đồ tôn kính gọi ông là “Đức Tôn Sư” và nói về sự qua đời của ông vào năm 1947 là “sự biến mất” – một hành động bí mật của Cộng sản, những người đã liên minh với Hòa Hảo vào thời điểm đó chống lại Pháp nhưng đã thêm tên của lãnh đạo Hòa Hảo vào danh sách thanh trừng các đối thủ tiềm năng của họ, dù ông đến một cuộc họp, và ám sát ông. Tuy nhiên hành động này được mô tả nhu thế nào, nó đã khiến Hòa Hảo trở nên chống Cộng quyết liệt kể từ đó. Trong các chuyến thăm của tôi vào năm 1954 đến khu vực của họ dọc theo sông Mê Kông và Bassac, Hòa Hảo bị chia thành hai chính đảng chính và có hai quân đội riêng biệt dưới quyền các Tướng

Trần Văn Soái và Nguyễn Giác Ngộ đối địch, cùng ba nhóm quân sự độc lập nhỏ hơn. Nhóm năng động nhất trong số đó là lực lượng du kích do Lê Quang Vinh, biệt danh “Ba Cụt” vì một đốt ngón tay anh ta đã cắt đi một cách kịch tính để cam kết chiến đấu cho độc lập của Việt Nam. Những câu chuyện đầu tiên tôi nghe về anh ta chủ yếu liên quan đến những cuộc hôn nhân tạm thời mà anh ta sắp xếp giữa binh lính của mình và các cô gái làng và một phương pháp tra tấn độc đáo mà anh ta dùng để buộc nông dân tiết lộ tài sản giấu kín của họ – một chiếc đinh thép được đóng từ từ vào tai nạn nhân.

CAO ĐÀI. Bản chất chiết trung của Cao Đài được thể hiện qua đền thờ các vị thánh của giáo phái tại Tòa Thánh Tây Ninh của họ – Chúa Giêsu Kitô, Đức Phật, Lão Tử, Khổng Tử, Tôn Dật Tiên, Trạng Trình và Victor Hugo. Được thành lập ở miền Nam Việt Nam vào năm 1919, tôn giáo này được tổ chức thành một giáo hội chính thức vào năm 1925 bởi các nhà thần và công chức có ảnh hưởng (được cho là sau một buổi đọc bảng cầu cơ và gõ bàn suốt đêm). Vào tháng 8 năm 1941, các lãnh đạo Cao Đài đã cố gắng tận dụng sự cai trị thuộc địa yếu kém của Pháp Vichy và tuyên bố một quốc gia độc lập. Quân đội Pháp đã chiếm Tòa Thánh và đày các lãnh đạo Cao Đài đến Madagascar, nơi họ ở lại cho đến năm 1946. Năm 1943, Nhật Bản bí mật tổ chức một đội quân Cao Đài gồm 3.000 người, huấn luyện một số lãnh đạo làm Sĩ quan Tập sự hay Thiếu úy (thấp hơn cấp bậc thấp nhất của Trung úy Mỹ), trung sĩ và hạ sĩ – bao gồm cả những người mà người Pháp đã phong làm tướng bốn năm sau đó. Lực lượng Cao Đài này đã giúp Nhật Bản lật đổ chế độ thuộc địa Vichy vào tháng 3 năm 1945, chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh chống lại người Pháp quay trở lại vào năm 1946, nhưng đã cắt đứt với Cộng sản và tham gia cùng Pháp chống lại họ vào tháng 1 năm 1947. Tham mưu trưởng Quân đội Cao Đài, Trình Minh Thế, đã ly khai vào năm 1951 với 1.500 người và thành lập quân đội du kích riêng của mình, Quốc Gia Liên Minh (National Union), chiến đấu chống lại cả Pháp và Cộng sản.

BÌNH XUYỀN. Giáo phái phi tôn giáo này khởi nguồn khoảng

năm 1940 như một câu lạc bộ xã hội hoặc băng nhóm của những người làm công nhật và thợ làm than, lấy tên từ khu vực họ sinh sống ở vùng ngoại ô phía Nam thành phố Chợ Lớn và sớm lan rộng sang các khu vực khác của thành phố. Kempeitai của Nhật Bản đã bí mật tổ chức, huấn luyện và trang bị vũ khí cho họ như một lực lượng quân sự, sử dụng họ trong cuộc đảo chính năm 1945 chống lại chế độ thuộc địa Vichy. Bình Xuyên gia nhập Việt Minh thời kỳ đầu để chiến đấu chống lại người Pháp quay trở lại vào năm 1946, nhưng sớm cắt đứt với Cộng sản, chủ yếu là do cãi vã về quyền lực của Lê Văn “Bảy” Viễn, thủ lĩnh Bình Xuyên, và Nguyễn Bình, chỉ huy Cộng sản cho miền Nam Việt Nam. Trớ trêu thay, cả hai người đều nằm trong danh sách thanh trừng bí mật của Hồ Chí Minh, người đã đích thân can thiệp để hàn gắn mối bất hòa của họ một cách tạm thời. Nguyễn Bình bị thanh toán ngay sau đó, nhưng Bảy Viễn đã trốn thoát bằng cách đưa lực lượng của mình về phía Pháp. Người Pháp đã sử dụng Bình Xuyên như một lực lượng dân quân để giúp bảo vệ thành phố thủ đô và các vùng lân cận, cũng như trong các hoạt động mở đường cao tốc chính từ Sài Gòn ra biển tại Cap St. Jacques (Vũng Tàu). Với tư cách là thủ lĩnh của lực lượng vũ trang bản địa tại thủ đô của quốc gia, Bảy Viễn đã phát triển nhanh chóng thành vai trò kết hợp của Boss Tweed (trùm chính trị tham nhũng) và Al Capone (trùm xã hội đen) của thành phố.



Luis Taruc, thủ lĩnh Huk, đang thuyết trình về chính trị cho các vệ sĩ của mình tại một nơi ẩn náu ở miền trung Luzon, năm 1948. Hình: *The Manila Times*



Gần Vịnh Subic, 1950: Các nhà lãnh đạo quân sự Philippines gặp nhau ở sân trường trong chiến dịch chống lại quân Huks. Từ trái sang phải: Tướng Calixto Duque; Bộ trưởng Quốc phòng Ramon Magsaysay; Tướng Mariano Castañeda, tham mưu trưởng; và Tướng Pelagio Cruz của Không quân. Hình: Lansdale



Magsaysay trên máy bay liên lạc L-5, năm 1950, trong một trong những chuyến thăm bất ngờ của ông đến các khu vực chiến đấu trong cuộc chiến chống lại lực lượng Huks.

Hình: Lansdale

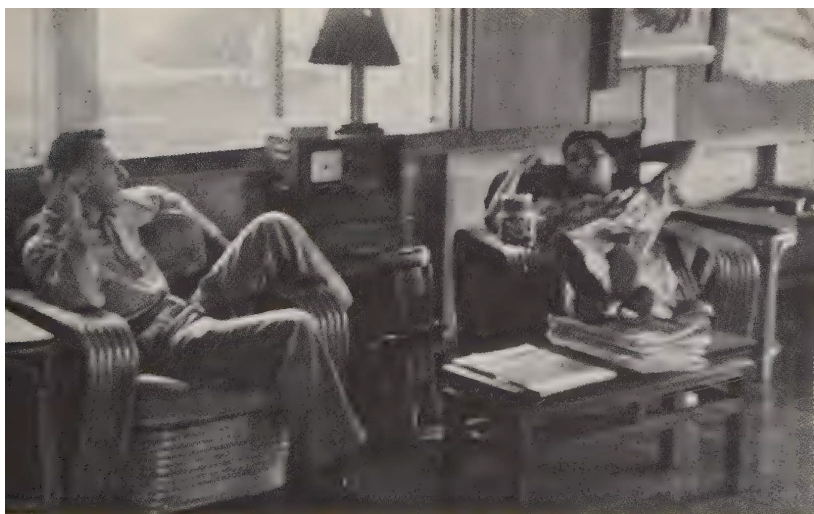


Bài giảng trong quá trình huấn luyện Đại đội "Charlie", Lữ đoàn chiến đấu số 7, nhằm chuẩn bị cho họ đóng vai Huks.

Hình: Ellis



Binh lính thuộc Lữ đoàn Bộ binh số 7 đang nghỉ ngơi trong lúc tiến dọc theo khe núi đến cửa hang Biak-na-Bato, nơi lực lượng Huks đang ẩn náu. Hình: *Signal Corps, AFP*



Manila, 1950: Tác giả và Magsaysay tại nhà riêng trong khu phức hợp JUSMAG. Hình: Ellis



Manila, 1950: Buổi trò chuyện thân mật bên ly cà phê tại một ngôi nhà trong khu phức hợp JUSMAG. Hình: Ellis



Lansdale và Magsaysay ở miền trung Luzon, tháng 1 năm 1951. Hình: Ellis



Ramon Magsaysay tại sở chỉ huy tiền tuyến đang nói chuyện với một nông dân bị thương trong một cuộc đấu trên cánh đồng mía vào tháng 2 năm 1951. Hình: Lansdale



Buổi gặp gỡ thân mật bên ly cà phê ở Manila, năm 1951: Các quan chức dân sự và quân sự Philippines gặp gỡ Đại tá Wendell Fertig (ở giữa), người lãnh đạo lực lượng du kích ở Mindanao trong Thế chiến II. Tác giả, chống khuỷu tay lên đầu gối, ngồi giữa Fertig và Thiếu tá Jose Crisol, trưởng Văn phòng Dân sự. Hình: Ellis



Ramon Magsaysay cùng cha mẹ tại trang trại gia đình ở Castillejos, tỉnh Zambales, năm 1951. Hình: Lansdale



Kapatagan, Mindanao, 1951: Một cuộc dạo bộ trên đường phố của khu cộng đồng nông trại đầu tiên gần như hoàn thành của EDCOR; Magsaysay, cầm thước đo, trong bộ đồ chỉ. Tác giả, bên phải ông, đang trò chuyện với Đại tá Mirasol, giám đốc dự án, bên trái Magsaysay. Hình: Signal Corps, AFP



Bài hát ru bằng kèn Harmonica của Lansdale, trên tàu phóng ngoài khơi bờ biển Cagayan de Oro, Mindanao, tháng 3 năm 1952. Bộ trưởng Quốc phòng Ramon Mag-saysay đang ngủ gật ở phía trước; đằng sau họ là Anatolio Litonjua của tờ *Manila Times* và Đại tá Tirso Fajardo, tư lệnh Quân khu IV, Philippines. Hình: Jose Banzon



Lần gặp đầu tiên với Trịnh Minh Thế tại trụ sở du kích của ông ở Núi Ba Đen, năm 1955. Lê Khắc Hoà ở bên phải. Hình: J. P. Redick



Tướng Hình phong cho phiến quân Hòa Hảo Ba Cụt làm đại tá Quân đội Quốc gia trong cuộc đấu tranh Diệm-Hình. Hình: Quân đội Việt Nam



"Chiến dịch Giải Phóng": Quân đội thuộc Sư đoàn 3.1 của Quân đội Nhân dân Trung Hoa tiến vào một làng ở Bình Định. Một kết quả của "hành động bảo vệ quốc gia" này: thanh niên trở về từ vùng núi. Hình: Quân đội Việt Nam



"Chiến dịch Giải Phóng": Đại tá Kim bắt đầu phân phát 2.000 tấn gạo cho người dân đang đói. Hình: Quân đội Việt Nam



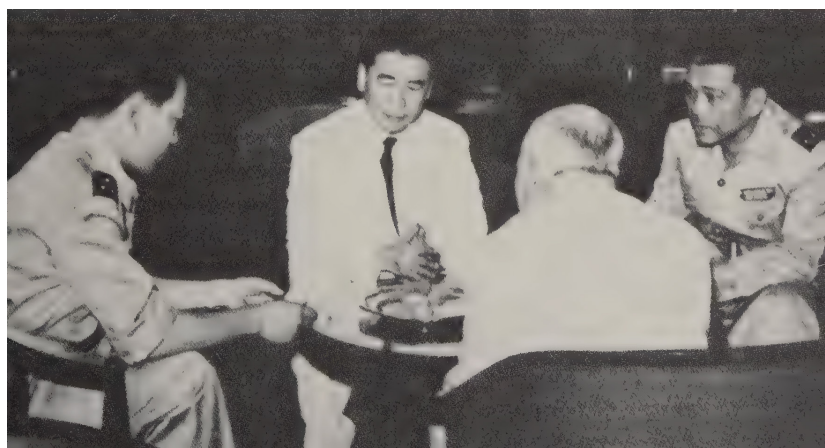
Tháng 4 năm 1955: Quyết định tại Sài Gòn-Chợ Lớn. Hình: Quân đội Việt Nam



Đại lộ Trần Hưng Đạo, Chợ Lớn. Tháng 4 năm 1955: Quân chính phủ di chuyển để bảo vệ khu vực bị cháy, sau khi Bình Xuyên đẩy lùi lính cứu hỏa. Hình: Quân đội Việt Nam



Cesar Climaco, giám đốc "Chiến dịch Anh em" ở Sài Gòn, đang tổ chức một đội thiếu niên dọn dẹp một phần thành phố bị tàn phá trong trận Bình Xuyên. Lưu ý sự hiện diện của Ngô Đình Diệm ở hàng trên. Hình Chiến dịch Anh em Quốc tế



Sài Gòn, mùa thu năm 1954: Những người đàn ông đầy tham vọng gặp Thủ tướng Diệm để đưa ra các đề xuất cho phép họ chia nhau quyền lực, đưa Diệm lên vị trí bù nhìn. Tướng Nguyễn Văn Hinh của Quân đội Việt Nam ở bên trái; Diệm mặc vest trắng quay mặt về phía máy ảnh. Bên phải là Đại tướng Lê Văn "Bảy" Viễn của Bình Xuyên. Quay lưng về phía máy ảnh là bạn của Bảo Đại, Nguyễn Văn Xuân, chuẩn tướng trong



Phòng khám "Chiến dịch Anh em", Cà Mau, trong "Chiến dịch Tự do". Hình: Chiến dịch Anh em Quốc tế

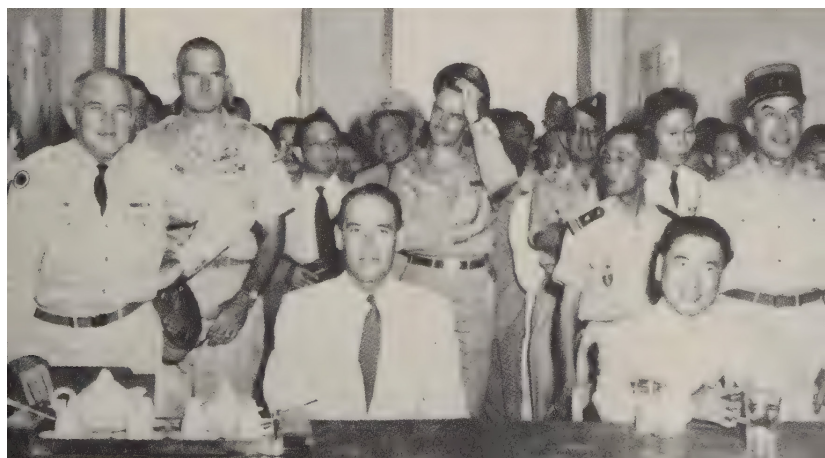


Thủ tướng Diem được người dân Quy Nhơn chào đón ngay sau khi quân Cộng sản rời khỏi thành phố cảng vào năm 1955. Hình: Lansdale do Diệm chuyển

► Quân đội Pháp và là cựu chủ tịch của Đông Dương thuộc Pháp. Diệm đã chấm dứt các cuộc đàm phán ngay sau khi bức ảnh này được chụp. Hình: Lansdale do Diệm chuyển



Sài Gòn, 1955: Tướng J. W. "Iron Mike" O'Daniel đặt vòng hoa tại mộ Chiến sĩ Vô danh ở quảng trường trước Tòa thị chính Sài Gòn trong lễ khai mạc đại hội toàn quốc đầu tiên của Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Đứng phía sau và bên trái của O'Daniel là Thủ tướng Diem, người đã đặt vòng hoa đầu tiên. Hình: Lansdale do Diệm chuyển



Tại buổi lễ năm 1955 ở Sài Gòn. Hàng trước, từ trái sang: Tướng O'Daniel, Đại sứ Hoa Kỳ Frederick Reinhardt, Thủ tướng Diem. Tác giả đang cời mũ. Hình: François Sully-Black Star



Sài Gòn, 1956: Tổng thống Diem, bà Nhu và Thủ tướng U Nu của Miến Điện. Lưu ý trang phục Miến Điện của U Nu, Diem mặc trang phục truyền thống của các quan chức cấp cao Việt Nam. Hình: Lansdale do Diệm chuyển



Cuối tuần tại nhà nghỉ ven biển gần Long Hải, Việt Nam, năm 1956: Ông Diệm (ở giữa) đang nói chuyện với bà Nhu. Hình: Lansdale do Diệm chuyển



Tổng thống Diệm thăm người dân vùng núi, Bản Mê Thuật, năm 1956. Hình: Lansdale do Diệm chuyển



Ảnh chính thức của Không quân Hoa Kỳ: Thiếu tướng Lansdale khi nghỉ hưu (năm 1963).

CHƯƠNG MƯỜI

* *

NỬA CUỐI NĂM 1954

Dòng chảy lịch sử Việt Nam đã nhận được một cú huých và một cú đẩy hướng tới những phương hướng mới vào mùa hè năm 1954 đó. Cú huých đến từ việc bổ nhiệm một thủ tướng mới, ông Ngô Đình Diệm; ông đến Sài Gòn từ Pháp vào ngày 25 tháng 6. Cú đẩy đến từ việc kết thúc hội nghị quốc tế ở Geneva, nơi các bên tham chiến Pháp và Việt Minh ký một thỏa thuận vào ngày 20 tháng 7 để chấm dứt chiến sự ở Việt Nam và nơi, ngày hôm sau, đại diện của các quốc gia lớn và nhỏ tham dự đã tham gia vào một “Tuyên bố Cuối cùng” về việc lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Tôi ít ngờ rằng vị thủ tướng mới này sẽ làm nên lịch sử hay chúng tôi sẽ trở thành bạn bè. Theo tôi nhớ, lần đầu tiên tôi nghe tên ông là khi Đại sứ Heath nói với tôi rằng Bảo Đại đang bổ nhiệm ông Diệm để thành

lập một chính phủ mới. Heath đã hỏi tôi biết gì về ông ấy. Tôi không biết gì và đề nghị tìm kiếm thông tin có thể từ người Việt Nam. Trong khi chờ Washington gửi tiểu sử của ông Diệm, tôi đến thăm những người quen Việt Nam của mình và đặt nhiều câu hỏi về vị thủ tướng tiếp theo.

Trước sự ngạc nhiên của tôi, tôi phát hiện ra rằng ông Diệm nổi tiếng một cách đặc biệt đối với người Việt Nam và người ta hoặc là ngưỡng mộ ông hoặc không thích ông. Rất ít người trung lập. Tất cả đều đồng ý rằng ông là người nổi tiếng trung thực và có ý chí mạnh mẽ. Hầu hết những người tôi nói chuyện cùng đều cảm thấy ông Diệm là một nhà ái quốc vĩ đại, có lẽ là người giỏi nhất trong số tất cả những người theo chủ nghĩa quốc gia còn sống, với một hồ sơ xuất sắc là một nhà quản trị khôn ngoan và có năng lực; một số thậm chí còn khẳng định rằng ông nổi tiếng hơn cả Hồ Chí Minh trong số đồng bào của mình. (Tại sao trước đây tôi lại bỏ sót không biết điều này? “Anh đâu có hỏi,” họ nói với tôi.) Một số người có mối quan hệ chính trị tốt đã cho tôi biết rằng chính phủ Pháp, chứ không chỉ riêng văn phòng thuộc địa Pháp, đã đề xuất việc bổ nhiệm ông Diệm với Bảo Đại, gọi ông là nhà

dân tộc chủ nghĩa Việt Nam duy nhất còn lại có đủ uy tín để tập hợp tất cả những người Việt Nam không Cộng sản. Một quan điểm thiếu sót cho rằng ông Diệm cứng đầu như con lừa, quá xa cách để trở thành một nhà lãnh đạo chính trị giỏi, và lẽ ra nên làm theo ước muốn thời thơ ấu của mình là trở thành một tu sĩ. Một người nói ông là một tên ngu xuẩn, người khác lại nói ông là kẻ hèn nhát.

Bản tiểu sử, khi đến, đã cung cấp dữ liệu cụ thể hơn. Ông Diệm sinh ra ở Huế vào ngày 3 tháng 1 năm 1901, lớn lên trong giới triều đình nơi cha ông là một quan lại hoặc chức sắc cao cấp của triều đình. Ông tốt nghiệp trường quản trị sớm hơn các bạn đồng lứa một năm và làm quận trưởng khi mới hai mươi mốt tuổi (theo cách tính tuổi của người Việt Nam, vốn tính một đứa bé sơ sinh là một tuổi). Ông lần lượt trở thành tỉnh trưởng của hai tỉnh, và vào năm 1933, Bảo Đại phong ông làm Thượng thư Bộ Lại (Bộ Nội vụ) – nơi ông sớm mâu thuẫn với chính quyền thực dân Pháp, những người từ chối xem xét các đề xuất của ông về việc tăng thêm quyền tự trị cho người Việt. Ông Diệm đã từ chức chính phủ và bắt đầu làm việc theo cách riêng của mình để giành độc lập cho Việt Nam.

Ông Diệm và gia đình theo Công giáo, phản đối mạnh mẽ hệ tư tưởng của Cộng sản. Anh trai lớn của ông, Khoa (Khôi), bị Việt Minh giết năm 1945. Bản thân ông Diệm bị Việt Minh bắt cóc, bị giam giữ trên núi một thời gian, và cuối cùng được Hồ Chí Minh mời tham gia chính phủ của ông ta, điều mà ông Diệm từ chối. Năm 1950, ông Diệm rời Việt Nam và vắng mặt (ở Nhật Bản, sau đó vài tháng ở New Jersey với các tu sĩ Maryknoll tại Lakewood, và sau đó ở châu Âu) cho đến khi Bảo Đại yêu cầu ông trở thành thủ tướng vào ngày 16 tháng 6 năm 1954.

Sự tò mò của tôi được khơi dậy, tôi đi đến sân bay Sài Gòn vào sáng ngày ông đến, dự định sẽ có mặt trong số những người chào đón của giới ngoại giao và quan chức. Lái xe trên đường Rue Général de Gaulle (Đường Thống Nhất), con đường chính dẫn ra sân bay, tôi kinh ngạc trước đám đông chen chúc hai bên đường. Dân chúng của thủ đô thời chiến này thường quá lãn đăm đến mức không thèm liếc nhìn các nhân vật quan trọng trên xe limousine hay những đoàn xe quân sự và xe tăng đi qua. Tuy nhiên, ở đây có hàng ngàn người, rõ ràng đang chờ đợi để gặp chỉ một người duy nhất. Điều này thật bất ngờ, bởi vì đã có rất ít nỗ lực để đưa người

dân ra đường chào đón ngoài thông báo đơn giản rằng ông Diệm sẽ đến vào sáng hôm đó. Theo bản năng, tôi rẽ khỏi đường, đậu xe và nhập vào đám đông tụ tập dọc lề đường.

Cả gia đình tụ tập lại với nhau, trẻ em được cõng trên lưng hoặc bế trên vai, níu chặt tay cha mẹ, hoặc chen chúc trên lề đường. Những chiếc xe đẩy có thiết bị ép mía đang làm ăn phát đạt bán nước mía ép của họ. Mọi người hoạt bát, vui vẻ, trong tinh thần ngày lễ. Một giờ trôi qua. Rồi một giờ nữa. Và thêm một giờ nữa. Mọi người nói chuyện một cách hiểu biết về lịch trình các chuyến bay từ Paris. Các chuyến bay đôi khi bị trễ. Điều này đã xảy ra trước đây. Họ vẫn đứng dưới ánh nắng nóng gay gắt của buổi sáng muộn, vẫn mong đợi, vẫn vui vẻ.

Từ xa chúng tôi có thể nghe thấy tiếng còi hú và tiếng pốp-pốp-pốp của xe mô tô. Khi âm thanh lớn dần, đám đông chen lấn về phía trước, để nhìn rõ hơn. Đột nhiên, những chiếc xe mô tô trong đội hình cảnh sát hú còi lao qua. Lướt qua đám đông và bám sát ngay sau những chiếc mô tô là một chiếc limousine lớn màu đen, cờ Việt Nam phấp phới trên giá gắn ở chắn bùn, cửa sổ đóng kín, hành khách vô hình trong nội thất sâu thẳm của nó. Xoẹt! Chiếc limousine và đoàn

tùy tùng đã đi qua. Đám đông nhìn nhau thất vọng. Có phải là ông ấy không? Mà có thấy ông không? Ông ta thậm chí còn không thèm nhìn tội mình! Họ giải tán trong một tâm trạng bức bối. Có những tranh cãi. Cảm giác “hụt hẫng” là một cái gì đó hữu hình, rõ ràng. Tôi lên xe và lái về tòa đại sứ.

Ở đó, tôi kể cho Đại sứ Heath về phản ứng của đám đông đối với việc ông Ngô Đình Diệm vội vã, được bảo vệ vào thành phố. Bất cứ ai đang cố vấn cho ông rõ ràng đã đọc sai tâm trạng của người dân. Ông Diệm lẽ ra nên đi vào thành phố một cách chậm rãi trên một chiếc xe mở mui, hoặc thậm chí là đi bộ, để cung cấp một tiêu điểm cho tình cảm mà người dân rõ ràng đã chờ đợi để trao cho ông. Có lẽ các cố vấn của ông sợ dân, nên mới vội vã đưa ông vào thành phố sau đoàn hộ tống cảnh sát như vậy. Tôi tự hỏi không biết các cố vấn của ông Diệm có thể mắc thêm những sai lầm phán đoán nào nữa không. Sau đó, tôi chợt nghĩ rằng có lẽ ông ấy cần được giúp đỡ, vì ông ấy đã xa Việt Nam và người dân Việt Nam trong nhiều năm. Tôi trình bày điều này với Đại sứ Heath, cùng với gợi ý rằng tôi nên ghi lại một số suy nghĩ để đưa cho ông Diệm xem xét. Heath bảo tôi cứ tiếp tục.

Tôi dành phần còn lại của ngày hôm đó và đêm đó để viết tài liệu. Trong đó, tôi cố gắng cô đọng những gì tôi đã học được về kỳ vọng của người dân, về cách họ hy vọng ông sẽ hành động, và các vấn đề chính theo cách họ nhìn nhận. Tôi tiếp theo bằng một loạt các hành động được đề xuất mà một nhà lãnh đạo có thể thực hiện để giải quyết các vấn đề, từng bước một. Một đề xuất là hợp nhất tất cả các lực lượng quân sự và bán quân sự không Cộng sản của Việt Nam thành một lực lượng vũ trang quốc gia duy nhất, một hành động nên được bắt đầu ngay lập tức nhưng được thực hiện theo từng giai đoạn trong nhiều tuần khi các yếu tố chính trị và kinh tế được giải quyết. Có những đề xuất tương tự về việc tập hợp các nhóm chính trị quốc gia lại với nhau một cách trấn an, để những người thuộc phe phái bí mật hơn sẽ tham gia công khai vào hệ thống chính trị; những đề xuất về việc làm cho chính phủ đáp ứng hơn với người dân, về kinh tế và cải cách ruộng đất, về việc khuyến khích thiết lập các diễn đàn công cộng xung quanh vùng nông thôn, về chăm sóc cựu chiến binh, về sức khỏe cộng đồng, về việc làm cho chính phủ hoạt động hiệu quả hơn ở các tỉnh, và về hành vi cá nhân của một thủ tướng có thể tạo ra

sự hỗ trợ tự nguyện của đa số để đạt được những mục tiêu này.

Mặt trời đã lên khi tôi hoàn thành tài liệu vào sáng hôm sau. Tôi cho Đại sứ Heath và Tướng O'Daniel xem. Họ cảm thấy rằng mặc dù nội dung của nó nằm trong giới hạn của chính sách Hoa Kỳ, chính phủ của chúng tôi không bao giờ có thể nghĩ đến việc chính thức trao một tài liệu như vậy cho một thủ tướng mới tinh. Tuy nhiên, nếu tôi đảm bảo rằng ông Ngô Đình Diệm hiểu rằng tài liệu đó là cá nhân, không có sự hỗ trợ chính thức từ chính phủ Hoa Kỳ, thì tôi cứ việc tiến hành và trao nó cho ông ấy. Vì tôi không chắc ông Diệm hiểu tiếng Anh tốt đến mức nào, tôi đã xin phép Heath cho phép tôi dẫn theo George Hellyer, viên chức Thông tin Công cộng Hoa Kỳ nói tiếng Pháp lưu loát.

Dinh chính phủ nhỏ nơi thủ tướng làm việc (người Pháp chiếm giữ dinh chính phủ chính) ở trong tình trạng hỗn loạn khi Hellyer và tôi đến. Không có lính gác nào thách thức việc chúng tôi vào, không có công chức nào tiếp đón khách. Một vài người trông bối rối đi lang thang trong hành lang từ văn phòng này sang văn phòng khác, ôm giấy tờ và đồ dùng văn phòng trong tay như thể đang tìm một chỗ để ngồi xuống và bắt đầu làm việc.

Một người trong số họ nói với chúng tôi rằng thủ tướng đang ở trên lầu. Chúng tôi đi lên lầu. Hành lang ở đó trống rỗng. Nhận thấy một cánh cửa văn phòng đang hé mở, chúng tôi đẩy nó ra và thò đầu vào. Đó là một văn phòng nhỏ, gần như chật kín bởi một cái bàn chất đầy giấy tờ. Ngồi tại bàn là một người đàn ông Việt Nam trung niên, ngược nhìn chúng tôi từ một tài liệu ông đang đọc khi chúng tôi bước vào.

Thoạt nhìn, ông ấy không gây ấn tượng mạnh lắm. Một dáng người tròn trịa mặc bộ vest hai hàng cúc vải sharkskin trắng, đôi chân ông không chạm hẳn xuống sàn. Tôi nghĩ, chắc ông phải chân ngắn lắm. Mái tóc đen nhánh, chải nghiêm chỉnh, phủ lên một khuôn mặt rộng, trong đó đặc điểm nổi bật nhất là gò má cao tròn trịa, như thể chúng đã được đẩy lên đó bởi nụ cười thường xuyên. Tôi chạm mắt ông, ánh mắt linh hoạt và thân thiện, và đột nhiên ông trở thành một người khác đối với tôi, người cảnh giác và lớn tuổi nhất trong bảy chú lùn đang quyết định phải làm gì với Nàng Bạch Tuyết. Xin lỗi vì đã xen vào, Hellyer giải thích rằng chúng tôi đang cố gắng tìm Thủ tướng Diệm.

“Tôi là Ngô Đình Diệm,” người đàn ông nói với chúng tôi. Chúng tôi vội vã giới thiệu

bản thân, và kể lại câu chuyện tôi đã theo dõi việc ông đến từ sân bay và sau đó viết một tài liệu hoàn toàn mang tính cá nhân, không chính thức với một số đề xuất để ông xem xét. Ông Diệm mời chúng tôi ngồi xuống, nhận lấy tài liệu tôi đưa, đeo kính vào và bắt đầu đọc. Một lúc sau, ông thò tay vào túi và rút ra một cuốn từ điển Pháp-Anh nhỏ loại dùng để đi chợ hoặc hỏi giờ tàu – chứ không phải để dịch các cụm từ liên quan đến dòng chảy chính trị, xã hội, tâm lý, kinh tế và quân sự của một quốc gia. Tôi vội đề nghị Hellyer có thể dịch tài liệu cho ông ấy. Khi ông Diệm đồng ý, Hellyer cầm bản sao chép của tôi, nhìn vào nó, đưa nó ra xa cánh tay và lẩm bầm, “Chết tiệt, tôi không thể đọc được nếu không có kính – mà tôi lại không mang theo!” Ông Diệm bật cười, cởi kính của mình ra và đưa cho Hellyer. Hellyer, với chiếc kính mượn, đã thực hiện công việc dịch thuật một cách xuất sắc. Ông Diệm lắng nghe chăm chú, đặt một vài câu hỏi sâu sắc, cảm ơn tôi vì sự chu đáo của tôi, gấp tài liệu lại và cho vào túi.

Và đó là cách tôi làm quen với Ngô Đình Diệm. Chúng tôi gặp nhau ngày càng thường xuyên hơn trong những tuần và tháng sau đó cho đến khi chúng tôi hình thành thói quen

gặp nhau gần như mỗi ngày. Mối quan hệ của chúng tôi dần phát triển thành một tình bạn có chiều sâu, sự tin tưởng và chân thành đáng kể.

Sau khi tôi và ông Diệm quen nhau hơn một chút, thỉnh thoảng tôi được mời cùng ăn bữa cơm gia đình với ông. Là một người độc thân, ông Diệm thích những khoảnh khắc như vậy. Mặc dù ông ngồi ở đầu bàn, đúng với vị trí thủ tướng của mình, nhưng bữa ăn diễn ra hoàn toàn theo kiểu gia đình. Người anh trai lớn của ông, Giám mục Thực, thường có lời nói cuối cùng, chắc chắn về bất kỳ chủ đề nào đang được thảo luận. Cả ông Thực và ông Diệm đều là những người ăn khỏe khi nói đến chuyện ăn uống, nhưng ông Thực thường ăn xong trước và sẽ phát biểu trong khi ông Diệm vẫn đang ăn. Các em trai của ông Diệm, Nhu và Luyện, cùng với vợ của họ, thỉnh thoảng thêm vào một nhận xét thâm thúy, nhưng nói ít hơn nhiều so với ông Thực hoặc ông Diệm. Ông Nhu, người được xem là nhà trí thức trong gia đình, có xu hướng giải thích ngắn gọn bằng lý thuyết của mình về lý do tại sao một sự kiện hiện tại nào đó đã xảy ra. Ông Luyện, người là nhà ngoại giao của gia đình, thường thêm một số nhận xét để làm dịu đi những lời nhận xét thẳng thắn hơn của các anh trai mình. Bà Nhu sẽ nói

thăng ra, cùng với những người đàn ông, để đưa ra ý kiến của mình, nhưng bà Luyện thì kín đáo hơn nhiều, thường chỉ đáp lại những nhận xét hướng đến mình.

Ngoài những bữa cơm gia đình không thường xuyên này, tôi hiếm khi gặp các anh em của ông Diệm. Tôi chưa bao giờ gặp người em út, Cần, người sống với mẹ ông Diệm ở Huế. Ông Luyện và vợ sớm đi châu Âu; sau này ông trở thành đại sứ tại Tòa án St. James ở London. Thỉnh thoảng, ông Thực hoặc ông Nhu sẽ ở cùng ông Diệm khi tôi đến để gặp ông, nhưng họ sẽ xin phép rời đi sau khi chúng tôi chào hỏi nhau. Tôi thấy các con của ông Nhu thường xuyên hơn, vì chúng được tự do chạy nhảy khắp dinh, và tôi thường dừng lại để chơi nhanh một trò cao bồi và thả dân với chúng. Một lần, khi tôi ngã xuống sàn một cách kịch tính dưới khẩu “súng” bằng ngón tay chìa vào của chúng, có tiếng thở hổn hển phía sau tôi. Tôi ngược lên thì thấy một nhóm các nhà ngoại giao đang đến để chào xã giao. Họ đang nhìn chăm chăm vào tôi với vẻ mặt lạnh tanh, không một nụ cười nào. Tôi và bọn trẻ thấy khoảnh khắc đó thật hài hước.

Vài ngày sau cuộc gặp đầu tiên của tôi với Ngô Đình Diệm, một nhóm khoảng năm

mười quân nhân Hoa Kỳ đã đến Sài Gòn và trình diện tại MAAG. Việc họ đến là để dự đoán vai trò tích cực hơn của người Mỹ trong việc huấn luyện các lực lượng vũ trang Việt Nam, một kỳ vọng dựa trên việc ký kết cuối cùng Hiệp ước cung cấp độc lập cho Việt Nam gần đây tại Paris. Mười hai người trong số những người mới đến đã được chỉ định làm “đội” của tôi. Là binh sĩ, thủy thủ và lính thủy đánh bộ, họ đã được chọn cho tôi bởi các sĩ quan nhân sự ở Washington, những người chắc hẳn đã nghĩ đến một cuộc xung đột kiểu Triều Tiên và bỏ qua danh sách yêu cầu bằng văn bản của riêng tôi. Họ là một đội lý tưởng cho chiến đấu du kích, cho việc phá hủy mọi thứ, cho việc nhảy dù sau chiến tuyến của địch, và cho công việc tình báo nhạy cảm chống lại những kẻ xâm nhập, phá hoại và khủng bố Cộng sản. Nhưng không ai trong số họ biết gì về chiến tranh tâm lý (psywar), hoạt động duy nhất mà tôi đã và đang giúp Quân đội Việt Nam, họ cũng không biết gì về hành động công dân quân sự như đã thực hiện ở Philippines hay những chủ đề mà tôi đã phác thảo cho vị thủ tướng mới là đáng để làm và chúng tôi có thể được yêu cầu hỗ trợ.

Sự xuất hiện của đội này khiến tôi phải

suy nghĩ một cách mỉa mai về những giá trị khác nhau mà phe chúng tôi và phe Cộng sản đặt vào các khía cạnh phi truyền thống của xung đột cách mạng. Các sĩ quan tham mưu quen thuộc với các quy ước của đời sống phương Tây đã chọn những cá nhân này cho tôi, rõ ràng là không biết đến thực tế của một “chiến tranh nhân dân” Cộng sản như Việt Minh đã tiến hành. Ở phía bên kia, các đội Việt Minh giỏi nhất bao gồm nhân sự được đào tạo cho hành động chính trị-quân sự trong một trường học biệt lập, nơi kỳ thi cuối cùng của họ được đích thân Hồ Chí Minh tiến hành, từng cá nhân một – tương tự như những gì Mao Trạch Đông đã làm ở Trung Quốc. Sự tham gia cá nhân này vào việc đào tạo ra các chuyên gia chiến tranh lạnh sẽ là một khái niệm xa lạ đối với bất kỳ nhà lãnh đạo phương Tây nào mà tôi biết, không ai trong số họ có bất kỳ sự quen thuộc thực sự nào với các hành động hàng ngày trên các chiến trường chiến tranh lạnh. Sau cùng, các tổng thống và thủ tướng ở phe chúng tôi đã lên đỉnh cao bằng một con đường khác so với các nhà lãnh đạo Cộng sản, những người đã vượt qua những thực tế khắc nghiệt của các cuộc cách mạng. Về mặt này, Cộng sản có ưu thế hơn chúng tôi.

Các nhà lãnh đạo của họ yêu cầu các trung úy thực địa của họ làm những nhiệm vụ mà chính họ đã từng thực hiện.

Tôi vẫn chưa có văn phòng, nhưng tôi đã được cấp một căn nhà gỗ nhỏ trên đường Rue Miche gần trung tâm thành phố vào tuần trước. Tập hợp đội lính mới của tôi tại căn nhà gỗ, tôi mô tả tình hình cho họ. Họ sẽ là những người huấn luyện về chiến tranh chống du kích, nhưng người Pháp vẫn chưa cho phép Hoa Kỳ huấn luyện người Việt Nam về các chủ đề mà đội này biết. Họ sẽ phải kiên nhẫn và chờ đợi, giống như những người Mỹ khác được đưa đến để cung cấp huấn luyện. Chỉ có ba người trong số họ đáp lại khi tôi hỏi xin tình nguyện viên giúp tôi hỗ trợ người Việt Nam trong chiến tranh tâm lý quân sự. Tôi giao cho những người còn lại nhiệm vụ tìm một hoặc hai căn nhà ở Sài Gòn đông đúc nơi họ có thể được đóng quân theo nhóm, cũng như phương tiện đi lại và những nhu yếu phẩm tương tự. Hai người có thể chuyển đến ở cùng tôi tại căn nhà gỗ, nơi cũng sẽ phải đóng vai trò là văn phòng của chúng tôi trong thời gian này. Lúc đó đã là giờ ăn trưa, tôi chia sẻ những gì tôi có với họ – một bữa ăn mà tất cả họ sau này đều khẳng định là nghèo nàn nhất mà họ từng

ăn. (Tôi đã dự trữ trong căn nhà gỗ cà phê, một phần tư bánh pho mát Thụy Sĩ, và một vài chai rượu vang Algeria, bổ sung bằng những ổ bánh mì Pháp dài từ tiệm bánh bên kia đường – một thực đơn hàng ngày để chuẩn bị cho một người sống một mình, như tôi đã từng.) Không có gì quá ngạc nhiên khi một trong những hành động đầu tiên của đội mới của tôi là tìm cho tôi một người nấu ăn.

Hai trong số những người mới đến nói tiếng Pháp trôi chảy, và tôi đã chọn họ làm bạn cùng nhà. Thiếu úy Hải quân Joseph Redick là một chuyên gia về chống phá hoại và vũ khí nhỏ, người đã học ở Sorbonne sau Thế chiến thứ Hai. Giọng nói nhỏ nhẹ, ra dáng giáo sư, và là tay súng thiện xạ nhất trong đội, anh ta sớm trở thành người đồng hành gần như không đổi của tôi với vai trò thông dịch viên. Thiếu tá Lục quân Lucien Conein đã phục vụ trong quân đoàn lê dương cho đến khi Pháp thất thủ vào năm 1940, sau đó gia nhập OSS (Cơ quan Tình báo Chiến lược) của Mỹ để làm việc với Lực lượng Kháng chiến Pháp; và gần cuối Thế chiến thứ Hai, ông đã nhảy dù vào Việt Nam để giúp đỡ du kích chiến đấu chống Nhật. Là một lính dù có giọng nói ồm ồm như bò rống, ông đã dạy tôi rất nhiều về lịch sử Việt

Nam giai đoạn 1944-1945, những bài học mà tôi phải chọn lọc cẩn thận từ những câu nói chứa đựng một số lời chửi thề màu sắc nhất mà tôi từng nghe và được truyền đạt bằng một giọng nói đầy nội lực.

Cuộc chiến tranh Pháp-Việt Minh đã kết thúc tại Geneva vào tháng 7, sau tám năm xung đột và mất khoảng 400.000 sinh mạng. Khi các bản sao của hiệp định và tuyên bố Geneva đến Sài Gòn, tôi mượn một bộ để nghiên cứu kỹ lưỡng. Hội nghị Geneva đã giải quyết một số vấn đề nhưng cũng đặt ra một số vấn đề khác sẽ phải được giải quyết trong tương lai. Là một trong những người sẽ sống tại nơi mà những vấn đề tương lai này sẽ tồn tại, tôi cảm thấy mình cần phải hiểu rõ chúng nếu muốn giúp ích.

Hiệp định Geneva chính không chỉ liên quan đến việc ngừng bắn. Nó còn đưa ra chi tiết về việc rút quân theo từng giai đoạn của Liên hiệp Pháp và lực lượng Việt Minh. Việt Nam sẽ bị cắt làm đôi bởi một ranh giới quân sự tạm thời tại vĩ tuyến 17, với Việt Minh ở phía Bắc đường ranh giới và lực lượng Liên hiệp Pháp ở phía Nam đường ranh giới vào cuối ba trăm ngày. Một lịch trình đã quy định việc rút quân khỏi các khu vực được chỉ định. Ví dụ, Hà Nội sẽ phải được dọn

sạch quân đội Liên hiệp Pháp trong tám mươi ngày, giống như quân đội Việt Minh phải rút khỏi hai khu vực ở miền Nam trong cùng thời gian đó. Các cuộc chuyển giao khác được ghi nhận để hoàn thành vào cuối một, hai và ba trăm ngày.

Ranh giới quân sự tạm thời tại vĩ tuyến 17 là một hành động phẫu thuật đau thương gợi nhớ đến sự chia cắt Triều Tiên. Nó đặt các ngành công nghiệp lớn và tài nguyên khoáng sản (than antraxit, sắt và bô xít) của Việt Nam dưới sự thống trị của súng đạn Việt Minh ở miền Bắc và sản xuất lương thực lớn của Việt Nam dưới sự thống trị của súng đạn Liên hiệp Pháp ở miền Nam. Ở miền Bắc, khoảng mười ba triệu người sống trong hai mươi hai tỉnh trải dài 62.000 dặm vuông (khoảng 160.000 km²). Ở miền Nam, khoảng mười hai triệu người sống trong ba mươi chín tỉnh trải dài 65.000 dặm vuông (khoảng 168.000 km²).

Hai mươi lăm triệu người Việt Nam – là giải thưởng cơ bản mà cả hai bên tìm kiếm trong cuộc chiến kéo dài tám năm – đã không có tiếng nói trong việc cử đại diện tại Geneva. Cả hai đối thủ chính, Pháp và Việt Minh, thực sự đã đóng vai trò kẻ săn mồi ở Việt Nam, độc đoán cố gắng áp đặt những

cách thức xa lạ lên thần dân của họ bằng vũ lực. Đối với người dân Việt Nam, chủ nghĩa toàn trị của Lenin cũng xa lạ và khó chấp nhận như chủ nghĩa thực dân của Paris. Chỉ một thiểu số người Việt Nam chấp nhận một cách tự nguyện một trong hai sự áp đặt nước ngoài này, và họ làm vậy chủ yếu vì những lý do cũ kỹ là lợi ích cá nhân hoặc sống còn.

Một tuyên bố riêng biệt đã được đưa ra tại Geneva nhằm ghi nhớ người dân Việt Nam. Nó thêm một khoảng thời gian nữa vào lịch trình. Đại diện của Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Việt Nam, Pháp, Lào, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Quốc gia Việt Nam, Vương quốc Anh và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã tham gia. Tuyên bố này “công nhận” ranh giới quân sự tạm thời là tạm thời và tuyên bố rằng người dân Việt Nam sẽ tự chọn tương lai của mình trong các cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức vào tháng 7 năm 1956. Tương lai này được mô tả là một tương lai trong đó người dân Việt Nam “được hưởng các quyền tự do cơ bản, được bảo đảm bởi các thể chế dân chủ được thiết lập thông qua các cuộc tổng tuyển cử tự do bằng bỏ phiếu kín.” Trước các cuộc bầu cử này, công dân Việt Nam có thể quyết

định họ thích sống ở khu vực nào, khu vực Cộng sản hay khu vực Bảo Đại-Pháp.

Ý nghĩa ngôn ngữ của tuyên bố này khác nhau rất nhiều giữa những người tham gia tại Geneva. Những người Cộng sản ký vào nó có những định nghĩa về “quyền tự do,” “các thể chế dân chủ,” và “tổng tuyển cử tự do” rất khác so với những định nghĩa được đưa ra cho những từ này trong một xã hội tự do. Ngay cả khi tuyên bố đang được viết ở Geneva, việc “thanh trừng” các đối thủ chính trị của Cộng sản vẫn tiếp tục ở Việt Nam, dường như là một hoạt động mà Cộng sản cảm thấy không thể thương lượng. Những vụ giết người do chính quyền Cộng sản gây ra ở Việt Nam, lên tới hàng ngàn người vào thời điểm Hội nghị Geneva và nhiều ngàn người nữa kể từ đó, là những sự thật tàn khốc mà người dân Việt Nam đã phải chứng kiến tận mắt và phải cân nhắc khi giải thích lời hứa hẹn nào được đưa ra cho họ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu Geneva, tôi kết luận rằng một số người trong chúng tôi ở Việt Nam đã bị kết án lao động khổ sai trong hai năm tới. Có rất nhiều người sống ở miền Bắc Việt Nam muốn tận dụng cơ hội do Geneva trao cho để di chuyển ra ngoài trước khi Cộng sản tiếp quản. Họ sẽ

không chỉ cần giúp đỡ trong việc di chuyển, mà lý tưởng nhất là nên được cung cấp một cách để bắt đầu một cuộc sống mới ở miền Nam tự do. Việc ở lâu trong các trại tị nạn sẽ làm người Việt Nam mất tinh thần và suy nhược như việc ở lại như vậy đối với những người tị nạn ở châu Âu và Trung Đông. Nếu Việt Nam thực sự đang trở nên độc lập khỏi Pháp, nó sẽ cần sự tham gia mạnh mẽ của mọi công dân để làm cho phần không Cộng sản của quốc gia mới thành công trước khi cuộc trưng cầu dân ý được đề xuất được tổ chức vào năm 1956. Không chỉ vậy, mà ai sẽ muốn từ bỏ nhà cửa gia đình mình để có một hành trình dài đến một cuộc sống mới trong một trại? Tôi nhận thấy rằng một phần của lao động khổ sai phía trước sẽ phải bao gồm việc cung cấp chăm sóc và vận chuyển cho một lượng lớn người di cư và sau đó tìm phương tiện để nông dân bắt đầu các nông trại mới, ngư dân chuyển đến ngư trường mới, thợ thủ công tìm được việc làm công nghiệp mới. Đó sẽ là một công việc khổng lồ.

Cứ như thể vấn đề người tị nạn chưa đủ khó khăn, một câu hỏi lớn khác được đặt ra bởi hiệp định Geneva. Lực lượng Việt Minh sẽ rời bỏ các khu vực ở miền Nam mà họ đã thống trị và cai trị bằng một bộ máy chính

trị. Sau khi chính quyền Việt Minh rút đi, ai sẽ vào tiếp quản? Chính phủ Việt Nam không có đủ công chức có kinh nghiệm hoặc được đào tạo để đáp ứng nhu cầu này ngoài việc tiếp quản từ chính quyền Pháp ở những nơi khác. Tuy nhiên, tôi nghi ngờ rằng ông Diệm và các nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam khác trong chính phủ sẽ phản đối mạnh mẽ việc nhờ Pháp giúp đỡ trong việc điều hành các tổ chức cấp tỉnh về hành chính, an ninh và dịch vụ công cộng: trong mắt người Việt Nam, đây sẽ là bằng chứng rõ ràng rằng miền Nam Việt Nam vẫn là một thuộc địa của Pháp, chứ không phải một quốc gia độc lập. Người Mỹ bị loại khỏi vòng cân nhắc. Nguồn nhân lực lớn duy nhất được tổ chức, kỷ luật và được cho là sẵn có cho chính phủ là Quân đội Việt Nam. Tuy nhiên, nó vẫn nằm dưới sự kiểm soát của Pháp, và quen thuộc với việc chiến đấu với du kích địch bằng các đơn vị cỡ vừa và pháo binh; nó không có kinh nghiệm di chuyển vào một lãnh thổ để giúp thành lập chính phủ, thực hiện công trình công cộng, và cung cấp bảo vệ cảnh sát cho người dân. Nếu Quân đội Việt Nam được sử dụng cho một nhiệm vụ khác biệt như vậy, nó phải thay đổi nhiều thói quen và học các kỹ năng mới. Một lần

nữa, tôi dự đoán rằng một số người trong chúng tôi sẽ phải giúp đỡ với nhiệm vụ này.

Tôi đã nói chuyện về những quan điểm này với Đại sứ Heath và Tướng O'Daniel, thêm một gợi ý rằng các quân nhân Hoa Kỳ tại MAAG, những người vẫn đang chờ đợi một thỏa thuận của Pháp để giúp huấn luyện người Việt Nam, có kỹ năng quản lý đáng để đưa vào công việc giúp lập kế hoạch di chuyển người tị nạn. Việc di chuyển sẽ tương tự, ở một số khía cạnh, như một cuộc vận chuyển quân đội quy mô lớn. Ban đầu, ý tưởng của tôi có vẻ gây sốc, bởi vì các quan chức chính phủ và cơ quan cứu trợ thực sự đang nghĩ đến việc đưa hàng ngàn người tị nạn vào các trại tương tự như những trại được thành lập sau cuộc di cư gần đây của người Ả Rập khỏi Palestine. Tôi cảm thấy rằng các kế hoạch nên được lập ra để di chuyển và định cư ít nhất một triệu người tị nạn, thậm chí có thể là hai triệu. Ngoài ra, tôi lưu ý rằng chính phủ Việt Nam đang coi vấn đề này chỉ là một mục nữa trong chương trình nghị sự dài của các cuộc họp nội các. Thủ tướng Diệm nên được thuyết phục để thành lập một ủy ban tị nạn có năng lực cao, với quyền hành pháp, để giải quyết vấn đề này toàn thời gian.

Các thông điệp về chủ đề này liên tục được gửi giữa tòa đại sứ và Washington trong vài ngày tiếp theo. Đại sứ Heath và tôi đã nói chuyện với ông Diệm, người tỏ ra ngần ngại trao quá nhiều quyền hạn cho một ủy ban tị nạn riêng biệt. Tôi lập luận rằng chính ông sẽ giữ quyền hành pháp cuối cùng, vì ông sẽ vừa bổ nhiệm vừa bãi nhiệm các ủy viên, cũng như chấp thuận hoặc không chấp thuận tất cả các đề xuất chương trình. Cuối cùng, tôi hỏi thẳng ông ấy rằng liệu ông có nghĩ là thận trọng khi buộc khoảng một triệu người Việt Nam ở lại dưới sự kiểm soát của Cộng sản trong khi họ muốn di tản, chỉ vì những khó khăn trong việc đi lại và triển vọng tị tộ khi kết thúc hành trình hay không. Nếu điều này xảy ra, họ sẽ bị cầm tù theo ý muốn của Cộng sản khi cuộc trưng cầu dân ý năm 1956 được tổ chức. Đến lúc này, ông Diệm đã nhượng bộ. Ông thành lập Ủy ban Tị nạn ngay lập tức. Ngay sau đó, Washington đồng ý rằng Hoa Kỳ sẽ hỗ trợ việc di chuyển người tị nạn Việt Nam từ Bắc vào Nam, vì lý do nhân đạo.

Các đội dân sự và quân sự của Mỹ đã bắt tay vào việc giúp đỡ Ủy ban Tị nạn Việt Nam. Các trại tập trung và tiếp nhận đã được thiết lập. Các cuộc khảo sát được thực

hiện về đất công và tài nguyên sẵn có cho việc định cư cuối cùng của người tị nạn tại những ngôi nhà mới. Hải quân Hoa Kỳ đã thành lập một lực lượng đặc nhiệm gồm các tàu vận tải biển để di chuyển người tị nạn về phía Nam. Không quân Pháp thiết lập một cầu hàng không. Các tổ chức tình nguyện của một số quốc gia đã gửi vật tư và nhân sự đến chăm sóc người tị nạn. Chuyện đó đã trở thành một cuộc di cư sử thi. Đến khi kết thúc, khoảng 900.000 người Việt Nam đã di chuyển từ Bắc vào Nam và đã được định cư đầy đủ ở những ngôi nhà mới. (Trong cùng thời gian, khoảng 90.000 người di chuyển từ Nam ra Bắc, hầu hết trong số họ được vận chuyển bằng các tàu Liberty dưới lá cờ Ba Lan; những con tàu này là một phần của viện trợ cho thuê của Mỹ cho Liên Xô trong Thế chiến thứ Hai. Về ngoài lời thôi, rỉ sét của những con tàu này chắc chắn đã khiến một số người tị nạn Cộng sản sợ hãi không dám thực hiện chuyến đi.)

Theo ước tính chặt chẽ nhất của tôi từ thông tin sau này về điều kiện ở miền Bắc, có lẽ khoảng 400.000 người khác đã đưa ra quyết định gia đình di chuyển về phía Nam nhưng bị đe dọa không cho di cư bởi chính quyền Cộng sản địa phương và quân

đội Việt Minh. Những đội quân này đã chặn đường và giao thông xe lửa ở một số khu vực và đóng cửa các bãi biển đối với những người tị nạn hy vọng chạy trốn về phía Nam bằng thuyền nhỏ. Trong nhiều tháng sau khi thời hạn do Geneva chỉ định kết thúc, những người tị nạn vẫn xuất hiện từ miền Bắc, đi bộ qua những con đường mòn rừng rậm và núi non hẻo lánh hoặc sử dụng thuyền nhỏ. Hơn 100.000 người tị nạn bổ sung đã rỉ rả về phía Nam bằng chính nỗ lực của họ.

Tôi đã chia đội nhỏ của mình thành hai. Một nửa, dưới quyền Thiếu tá Conein, tham gia vào công việc cứu trợ người tị nạn ở miền Bắc. Nửa còn lại ở lại với tôi để giúp đỡ các nỗ lực khác. Tôi đã tạo ra sự quan tâm và bàn tán đáng kể với quan điểm của mình về những cách mà chính phủ Sài Gòn có thể lấp đầy khoảng trống do sự rút lui về chính trị và hành chính của Việt Minh khỏi nhiều khu vực ở miền Nam. Tuy nhiên, chủ đề vẫn ở giai đoạn thảo luận, và không có hành động thực chất nào được thực hiện. Tôi đã cố gắng hết sức để tìm hiểu những gì đang xảy ra ở những khu vực đó và thực hiện một số kế hoạch sơ bộ chờ đến thời điểm có quyết định hành động. Tôi phát hiện ra rằng một tổ chức khung gồm các cán bộ chính

trị đang ở lại hoạt động bí mật sau khi Việt Minh rút quân công khai. Hơn nữa, số lượng lớn vũ khí, đạn dược, mìn, lựu đạn và các vật liệu khác đang được Việt Minh chôn giấu bí mật trước khi họ rút lui. Các lực lượng Cộng sản đã không nói lời tạm biệt khi họ rời đi mà nói với người dân “Chúng tôi sẽ sớm gặp lại các bạn.” Thông tin này từ vùng nông thôn ở miền Nam khó có thể là tin vui.

Một chút ánh nắng Philippines đã xoa dịu cái khung cảnh Việt Nam ảm đạm đối với tôi – của những người bị buộc phải rời bỏ nhà cửa hàng loạt, của Cộng sản rõ ràng đang tích trữ các chiến trường tương lai để tiếp tục cuộc đấu tranh của họ, của khối chính trị quốc gia phân mảnh với xu hướng bí mật bè phái, và của sự hiện diện nặng nề của chủ nghĩa thực dân Pháp vẫn tiếp diễn bất chấp nền độc lập công khai của Việt Nam. Ánh nắng đến dưới hình thức một nhóm tình nguyện viên Philippines đáng chú ý, họ là những đội tiên phong đầu tiên của một nỗ lực gọi là Chiến dịch Tình huynh đệ (Operation Brotherhood). Nhóm người vui vẻ và chăm chỉ này chỉ có một mục tiêu. Họ muốn giảm bớt nỗi đau khổ của những người châu Á đồng bào của họ.

Tôi đã có mặt khi Chiến dịch Tình huynh

đệ ra đòi. Người bạn Philippines sôi nổi của tôi, Oscar Arellano, đã có một chuyến thăm công tác tới Sài Gòn với tư cách là phó chủ tịch Châu Á của International Jaycees (Phòng Thương mại Cơ sở Quốc tế) và mời tôi ăn tối với các lãnh đạo của Jaycees Việt Nam. Arellano, dáng người tròn như quả bóng bay, năng động, là một kiến trúc sư, đã tham gia vào các buổi tán gẫu cà phê của tôi ở Manila và đã tổ chức một trong những nhóm tình nguyện viên cho chiến dịch bầu cử tự do năm 1953 ở Philippines. Các lãnh đạo Jaycee Việt Nam bao gồm một bác sĩ, một nha sĩ và một dược sĩ. Trong bữa tối, họ mô tả mối quan tâm của họ về các vấn đề sức khỏe do người tị nạn đến từ miền Bắc gây ra và sự thiếu hụt trầm trọng nhân viên và tài nguyên y tế Việt Nam để đối phó với những vấn đề này. Arellano bắt lửa khi nghe cuộc nói chuyện này. Ông nói rằng có nhiều bác sĩ, nha sĩ và y tá ở Philippines. Nếu Jaycees Việt Nam cần sự giúp đỡ của họ, ông sẽ cố gắng tìm một số tình nguyện viên đến phục vụ tại Việt Nam. Có lẽ International Jaycees sẽ hỗ trợ dự án này. Thậm chí có thể có các đội tình nguyện viên từ các quốc gia khác sẵn lòng giúp đỡ tại Việt Nam. Dù sao đi nữa, ông biết có những người Philippines

sẽ tình nguyện ngay khi ông nói với họ về nhu cầu. Các lãnh đạo Jaycees Việt Nam lắng nghe với sự nhiệt tình ngày càng tăng và, khi chúng tôi kết thúc bữa tối, đã viết một lời mời chính thức để được giúp đỡ bởi những tình nguyện viên như vậy.

Vài tuần sau, đội tiên phong đầu tiên của tình nguyện viên Philippines trong Chiến dịch Tình huynh đệ (nhanh chóng được đặt biệt danh là “OB”) đã đến. Họ là bảy bác sĩ và y tá. Một phòng khám được thành lập tại trung tâm tiếp nhận người tị nạn chính ở Sài Gòn, và họ sớm làm việc chăm chỉ. Các tình nguyện viên Philippines khác đã theo nhóm đầu tiên này, khi các chi nhánh Jaycee ở Mỹ bổ sung đóng góp vào quỹ được gây quỹ ở Philippines, cho đến khi có 105 bác sĩ và y tá Philippines ở Việt Nam. Sau đó, khi International Jaycees chấp nhận dự án, các đội tình nguyện viên từ nhiều quốc gia khác đã đến và phục vụ tại Việt Nam. Chiến dịch Tình huynh đệ đã điều trị cho khoảng 400.000 bệnh nhân Việt Nam trong năm đầu tiên đó. Cuối cùng, các phòng khám miễn phí của họ được thành lập ở nhiều khu vực của miền Nam Việt Nam, không chỉ nơi người tị nạn định cư, mà bất cứ nơi nào có nhu cầu lớn về dịch vụ của họ. Viện trợ y

tế được tăng cường bằng các bài học về vệ sinh, dinh dưỡng và kinh tế gia đình (bao gồm cả việc đóng hộp thực phẩm). Thậm chí còn có các bài giảng về các phương pháp canh tác cải tiến; người Philippines đã chỉ cho nông dân Việt Nam ngay phía Nam vĩ tuyến 17 cách nuôi cá thương mại trong ao cá. Tin tức về nỗ lực này lan truyền qua khu phi quân sự vào miền Bắc, nơi các lãnh đạo ở Hà Nội nghe được và yêu cầu các cố vấn nông nghiệp Đỏ Trung Quốc của họ sao chép thành công này. Họ chỉ là chuyên gia về sản xuất lúa ở vùng cao và đã thất bại trong nỗ lực xây dựng một ao cá kiểu mẫu ở miền Bắc.

Cộng sản đã dành những lời khen khác cho Chiến dịch Tình huynh đệ, một số trong đó đáng ngờ. Điều hài hước nhất là khi Đài Phát thanh Hà Nội phát sóng lời buộc tội rằng Oscar Arellano là một thiếu tướng trong Quân đội Philippines mà Magsaysay đã gửi đến Việt Nam để làm trợ lý cho tôi. Arellano, một thường dân ít giống quân nhân và tốt bụng nhất mà tôi từng gặp, đã buồn bã suốt một giờ sau khi nghe lời buộc tội này nhưng sau đó bật cười trước sự vô lý điên rồ của cáo buộc. Những lời khen chân thành hơn, dưới hình thức bắt chước, là sự

xuất hiện ở miền Bắc Việt Nam của “đồng chí tình nguyện viên xã hội chủ nghĩa,” một đội ngũ y tế của Đông Đức đã thành lập một bệnh viện ở Hà Nội, và một số đội y tế công cộng của Tiệp Khắc đã đi lại ở các tỉnh miền Bắc. Tôi nghi ngờ rằng khoảng một triệu người Việt Nam đã được hưởng lợi từ sự quan tâm của các tình nguyện viên ban đầu ở phía chúng tôi và những người bất chước họ ở phía bên kia trước khi các dự án này kết thúc. Bất chấp những lời tuyên truyền ngu ngốc, đó là một khoảnh khắc ấm lòng và đáng nhớ trong chiến tranh lạnh.

Tôi tiếp tục những nỗ lực của mình với người Việt Nam để nhấn mạnh các vấn đề phát sinh ở các tỉnh miền Nam khi lực lượng Việt Minh rút lui vào các khu tập kết để lên đường ra Bắc. Tôi đã nói chuyện với Bộ trưởng Quốc phòng Lê Ngọc Chấn và Tướng Nguyễn Văn Hinh về chủ đề này và đề xuất sử dụng các đơn vị của Quân đội Việt Nam để tạm thời lấp đầy khoảng trống hành chính-an ninh do Việt Minh rút đi. Tôi dường như đang nói với những đôi tai điếc. Các lãnh đạo cấp cao của ngành quốc phòng Việt Nam đang bận tâm với những lo lắng mang tính tức thời hơn đối với họ. Một số lo lắng này là hợp lý, chẳng hạn như gánh

nặng công việc hàng ngày liên quan đến việc chuyển quân đội Việt Nam từ Bắc vào Nam. Nhưng mỗi quan tâm lớn hiện tại của họ lại là một vấn đề phi lý đến ngớ ngẩn, mà tôi không hề hay biết trong giai đoạn đầu và chỉ phát hiện ra bằng cách hỏi thẳng thừng chuyện gì đang diễn ra bí mật như vậy. Sau này, nó trở nên được nhiều người biết đến. Tướng Hinh đang đùa giỡn với ý định lật đổ Thủ tướng Diệm!

Việt Nam đã dạy cho tôi rằng đất nước này đầy dẫy những bất ngờ. Sự trỗi dậy tham vọng của Hinh vào thời điểm đặc biệt này là bài học đã củng cố sự học hỏi của tôi. Ông ta không có cơ hội nào để lãnh đạo những người quốc gia Việt Nam. Họ coi ông ta, một cách đúng đắn, là một sĩ quan quân đội chuyên nghiệp người Pháp, đã được người Pháp đặt vào và giữ lại vị trí chỉ huy các lực lượng quân sự Việt Nam. Có một khả năng xa vời là ông ta có thể làm thủ tướng nếu Việt Nam vẫn là thuộc địa của Pháp. Nhưng về mặt pháp lý, Việt Nam không còn là thuộc địa nữa, và địa vị của các nhà lãnh đạo quân sự Pháp hầu như không được tôn trọng sau khi Pháp bị người châu Á đánh bại tại Điện Biên Phủ. Tôi chỉ có thể kết luận, từ những nhận xét của những người thực dân

Pháp bắt mansion và những nhà phiêu lưu quân sự, rằng một số người trong số họ có lẽ đã xúi giục Hình lên kế hoạch đảo chính. Có lẽ họ nghĩ rằng họ có thể quay ngược đồng hồ bằng một động thái như vậy. Thật điên rồ!

Do đó, vào thời điểm miền Nam Việt Nam được cho là đang bắt đầu cuộc sống của mình như một quốc gia độc lập trong khi gánh vác những gánh nặng lớn lao do hiệp định Geneva áp đặt, một vở kịch rẻ tiền đã chen lấn chiếm lấy sân khấu trung tâm của các vấn đề quốc gia. Như để nhấn mạnh sự vụng về này, phần lớn vở kịch được diễn theo phong cách hề kịch. Những người chúng tôi ở gần các nhân vật chính trên sân khấu không biết nên cười hay nên khóc.

Vụ việc dường như xuất phát từ sự ác cảm cá nhân giữa Thủ tướng Diệm, một người độc thân nghiêm khắc, và Tướng Hình, một người đã có gia đình nhưng có cuộc sống ăn chơi đáng kể xa vợ con. Thủ tướng yêu cầu tướng quân di chuyển một số tiểu đoàn nhất định. Vị tướng từ chối. Các tiểu đoàn, được chỉ huy bởi các sĩ quan quốc gia hiếu chiến, đã cố gắng tự di chuyển, nhưng bị chặn lại bởi các đơn vị đặc biệt do tướng quân điều đến. Tại thời điểm này, thủ tướng cố gắng cách chức vị tướng, nhưng vị tướng từ chối

từ bỏ quyền chỉ huy của mình. Thay vào đó, ông nói rằng ông nghĩ chính ông sẽ sa thải thủ tướng và tự mình đảm nhiệm chức vụ đó. Khi được hỏi về điều này, Tướng Hinh chỉ cười và đưa cho tôi xem một chiếc bật lửa được tặng bởi Gamal Nasser, người đã lên nắm quyền ở Ai Cập bằng một cuộc đảo chính quân sự không lâu trước đó. Nasser, Tướng Hinh nói, có ý tưởng đúng. Tôi nói rằng Việt Nam cần tinh thần đồng đội, chứ không phải trò hề, giữa các nhà lãnh đạo của mình. Lời khuyên của tôi dành cho Hinh là ông nên ngừng cố gắng đóng vai chính trị gia và bắt đầu hành động như một tướng quân. Vài giờ sau, Thủ tướng Diệm đưa cho tôi nghe phía của ông về cuộc tranh cãi. Lời khuyên của tôi dành cho ông Diệm là ông nên ngừng cố gắng đóng vai tướng quân và bắt đầu hành động như một chính trị gia.

Bộ Chỉ huy Tối cao Pháp, nơi vẫn có quyền hạn đối với Quân đội Việt Nam (bao gồm lương bổng và việc thăng cấp của các sĩ quan), đã không can thiệp. Vở kịch tiếp tục diễn ra mãi. Quân đội trung thành với Hinh đã chiếm đài phát thanh quốc gia ở Sài Gòn và bắt đầu phát sóng các cuộc tấn công nhằm vào ông Diệm. Cơ quan Thông tin Hoa Kỳ (U.S. Information Agency) cố

gắng lấy lại thiết bị phát sóng mà họ đã cho chính phủ Việt Nam mượn, thiết bị rất quan trọng trong việc giữ cho đài hoạt động, nhưng không thể vượt qua những chiếc xe tăng đang bao vây tòa nhà. Tôi đã cố gắng đưa một người bạn Mỹ của các phát thanh viên quân sự Việt Nam vào trong tòa nhà và dẫn dắt các cuộc tấn công vào ông Diệm đã giảm bớt.

Một ngày nọ, trong khi các cuộc tấn công trên đài phát thanh đang ở đỉnh điểm, tôi đến thăm Bộ Quốc phòng. Các phòng chờ không một bóng người. Tôi có thể nghe thấy tiếng la hét giận dữ trong văn phòng bộ trưởng nên tôi đẩy cửa bước vào. Một cảnh tượng không thể tin được đang diễn ra. Bộ trưởng Quốc phòng Chấn, cả năm feet (khoảng 1 mét 52) người ông ta, đang đứng thẳng sau bàn làm việc, một tay đặt trong ngăn kéo mở. Đối diện với ông là ba người bạn thân của Tướng Hinh trong Quân đội Việt Nam, chia súng tiểu liên vào vị bộ trưởng nhỏ bé này. Sự xuất hiện bất ngờ của tôi đã phá vỡ cảnh tượng. Tôi đề nghị các binh sĩ hạ súng xuống và rời đi, điều mà họ đã làm sau khi cười toe toét với tôi. Ông Chấn sau đó rút tay ra khỏi ngăn kéo bàn, với một khẩu súng lục mà ông đã giấu ở đó. Ông nói với tôi rằng

người của Hinh đã đến để bắt ông, và ông đã trả lời rằng ông đang ra lệnh bắt họ. Chính lúc này thì tôi bước vào. Ông Chấn cảm thấy bức mình vì tôi đã ngăn cản hành động của ông. Tôi nói với ông rằng người chết không thể bắt giữ ai được và ông đã may mắn vì còn sống.

Mối quan hệ của tôi với Bộ trưởng Quốc phòng Chấn đã dẫn đến một mẩu trò hề kỳ lạ được vá vào vở kịch đang diễn ra. Ông Chấn, một luật sư, có khách hàng trong số các lãnh đạo Hòa Hảo, bao gồm cả du kích Ba Cụt, người đã chặt một đốt ngón tay để thề nguyện cho sự nghiệp của mình. Ông Chấn đã đề nghị rằng hai chúng tôi nên dành vài ngày nghỉ vào lúc nào đó và đến thăm Ba Cụt, nhưng lịch trình bận rộn của chúng tôi không bao giờ cho phép điều này. Gợi ý này của ông Chấn là mối quan hệ duy nhất của tôi với Ba Cụt vào thời điểm một số quan chức Mỹ đến thăm Sài Gòn và được nghe một cuộc họp giao ban tại MAAG về tình hình ở Việt Nam. Tướng O'Daniel đã mời một số sĩ quan tham mưu Pháp nói chuyện với các vị khách Mỹ tại buổi họp giao ban này, và tôi cũng tham dự, ngồi ở phía sau phòng.

Một trong những sĩ quan Pháp tại buổi

hợp giao ban này đã có một bài nói chuyện nhỏ về sự bất mãn của Quân đội Việt Nam với Thủ tướng Diệm và nói rằng các hoạt động của Đại tá Lansdale trong việc cố gắng mua lòng trung thành của lực lượng giáo phái cho thủ tướng hầu như không giúp ích gì! Ông ta nói, ngay cả vào lúc đó, tôi đang thực hiện một chuyến thăm Ba Cụt trong nơi ẩn náu du kích của ông ta, mang theo một chiếc vali chứa hàng triệu đồng tiền piastre mà tôi ngây thơ nghĩ rằng tôi có thể mua được Ba Cụt. Ba Cụt đã lên kế hoạch phục kích tôi và cướp chiếc vali! Viên sĩ quan Pháp dừng lại ở thời điểm kịch tính này để khán giả thưởng thức sự ngu xuẩn của một người Mỹ ngu ngốc như vậy. Tôi phá vỡ sự im lặng bằng cách đứng dậy ở phía sau phòng và cầu xin ông ta kể tiếp câu chuyện. Tôi muốn biết liệu Ba Cụt có giết tôi hay không.

Việc tôi phá hỏng câu chuyện của viên sĩ quan Pháp không bao giờ ngăn cản nó được lưu hành. Rõ ràng, các sĩ quan tham mưu Pháp thấy hình ảnh một người Mỹ bị lừa quá hấp dẫn. Một số người trong số họ đã đến gặp tôi tại các buổi tiếp tân ngoại giao và cố gắng cỏi cục đồng phục của tôi để xem những vết đạn mà tôi được cho là đã phải

chịu. Họ sẽ đổ mặt vì giận dữ khi tôi ám chỉ với những vị khách gần đó rằng những nỗ lực cởi cúc đồng phục của tôi chắc hẳn là bằng chứng của hành vi dâm dục đồng tính.

Trong khi đó, Tướng Hinh tiếp tục khoe khoang rằng ông ta sẽ lật đổ Thủ tướng Diệm. Ông ta sẽ ấn định một ngày cho sự kiện này, rồi cười phá lên khi ngày đó trôi qua mà không có chuyện gì xảy ra. Trong một dịp như vậy, Đại sứ Heath gợi ý rằng tôi nên ghé qua Dinh Độc Lập để xem liệu thủ tướng có ổn không. (Người Pháp đã bàn giao Dinh Norodom, nơi ở của Cao ủy Pháp, cho thủ tướng Việt Nam vào ngày 7 tháng 9, và nó ngay lập tức được đổi tên thành Dinh Độc Lập hay Independence Palace.) Dinh gần như vắng tanh, lính gác vắng mặt ở các vị trí, không có nhân viên văn phòng nào chạy vội như thường lệ trong hành lang. Thủ tướng Diệm đang bình thần làm việc tại bàn, ngạc nhiên khi có người quan tâm đến sự an toàn của ông. Tối hôm đó, tôi gặp Tướng Hinh, ông ta hỏi tôi cảm thấy thế nào về việc ông ta đã đi xe mô tô xung quanh các con phố giáp ranh dinh. Tôi nói thật với ông ta rằng tôi đã không thấy kỳ công này, vì tôi ở trong nhà với thủ tướng, người cũng bỏ lỡ việc nhìn thấy điều này. Hinh khăng khăng

rằng lời đe dọa đảo chính và chuyển đi mô tô của ông ta đã làm ông Diệm sợ hãi. Tôi thừa nhận rằng Hình dường như đã làm sợ hãi hầu hết mọi người khác trừ ông Diệm. Vài tối sau, Hình mời tôi ăn tối với ông ta và các nhân viên của ông ta. Nhà ông ta là một tổ ong hoạt động, các sĩ quan tham mưu la hét vào điện thoại, người đưa tin mô tô đến và đi, và một số chỉ huy đơn vị đang chăm chú xem bản đồ khu vực đô thị Sài Gòn. Tướng Hình bình thản giải thích sự nhộn nhịp bằng cách nói rằng cuộc đảo chính của ông ta đã được ấn định vào sáng hôm sau. Nghĩ rằng nên làm chậm ông ta lại trên một con đường tai hại như vậy, tôi nhận xét rằng thật tệ, vì đã có một cơ hội đưa Hình và các sĩ quan tham mưu của ông ta đi thăm Philippines một thời gian ngắn. Tôi nói thêm rằng tôi sẽ rời Sài Gòn đi Manila tối hôm đó và xin lỗi vì thông báo gấp. Ông ta có muốn đi thăm các hộp đêm ở Manila không? Hình trả lời một cách tiếc nuối rằng ông ta sẽ bận nhưng nói rằng tôi có thể đưa một số sĩ quan tham mưu của ông ta đi thăm. Tôi chọn những người phó thân cận nhất của ông ta. Một cuộc điện thoại vội vã đến Tướng O'Daniel đã dẫn đến việc mượn máy bay vận tải C-47 của ông ta cho chuyển đi. Đêm đó, tôi đến Manila cùng

với những người bạn thân nhất của Hinh. Tôi giải thích cho Magsaysay lý do tại sao chúng tôi đột nhiên xuất hiện ở Philippines và ông ấy đã sắp xếp một chương trình kéo dài một tuần cho các vị khách Việt Nam. Tôi vội vã trở lại Sài Gòn một mình. Tướng Hinh nói với tôi một cách buồn bã rằng ông ta đã hủy bỏ cuộc đảo chính của mình. Ông ta đã quên rằng ông ta cần những người phó thân cận cho các vai trò chủ chốt trong cuộc đảo chính và không thể tiến hành trong khi họ vắng mặt khỏi đất nước cùng tôi. Tôi chưa bao giờ tìm ra được mức độ nghiêm túc của Hinh với lời nói về việc lật đổ thủ tướng.

Những trò gian lận kéo dài của các lời đe dọa đảo chính của Hinh đang đi đến hồi kết. Đại sứ Donald Heath đang rời Việt Nam, được thay thế bởi đại diện cá nhân của Tổng thống Eisenhower, Tướng Lục quân đã nghỉ hưu J. Lawton “Lightning Joe” Collins. Bộ Chỉ huy Tối cao Pháp cũng đang thay đổi, và Tướng Paul Ely, một quân nhân chu đáo và rất được kính trọng, đã đến để trở thành nhà lãnh đạo mới của lực lượng Liên hiệp Pháp. Đại sứ Heath đã tổ chức một số bữa tối và tiệc chia tay cho nhiều người bạn Pháp của ông ở Sài Gòn, một số trong đó tôi đã tham dự. Tại một bữa tiệc,

Heath tập hợp một nhóm sĩ quan quân đội Pháp xung quanh ông tại đàn piano, nói với họ rằng ông biết hầu hết các bài chansons (ca khúc) nổi tiếng ở Paris, và đề nghị chơi đệm piano cho bất cứ bài nào họ muốn hát. Có một khoảnh khắc im lặng trong khi họ đang nghĩ về loại bài hát salon mà một nhà ngoại giao Mỹ có thể biết. Trong sự im lặng, Tướng O'Daniel cất giọng vang vọng với Đại sứ Heath: “Ông có biết bài ‘The Dog-Faced Soldier’ không?” Heath không biết. Vì vậy, O'Daniel và tôi đã hát, không có đệm nhạc, bài hát yêu thích này của Sư đoàn Bộ binh 3 Hoa Kỳ trong thời gian giải phóng Pháp trong Thế chiến thứ Hai. Tôi e rằng màn trình diễn với giọng ồm ồm của chúng tôi đã làm tắt đi bất kỳ mong muốn ca hát nào của những người khác.

Tướng Collins đến Sài Gòn vào ngày 8 tháng 11 và bay đến Đà Lạt sáng hôm sau để hội đàm với Tướng Ely, người đang nghỉ dưỡng tại khu nghỉ mát trên núi này. Rõ ràng cả hai đã đồng ý rằng đã đến lúc kết thúc vở kịch Hình. Vào ngày 19 tháng 11, Hình bàn giao quyền chỉ huy Quân đội Việt Nam cho Tướng Nguyễn Văn Vỹ, và rời đi Paris. Joe Redick và tôi là những người Mỹ duy nhất ở sân bay để nói lời tạm biệt, một

sự thật được nhiều sĩ quan Pháp tụ tập bên cạnh máy bay để tiễn Hình ghi nhận. Một nhóm sĩ quan này đã đưa ra một số nhận xét cay nghiệt về sự hiện diện của tôi. Tôi nói với họ một cách vui vẻ rằng tôi đang mong chờ niềm vui được chứng kiến họ cũng rời Sài Gòn, không lâu nữa; sự hài hước nặng nề của họ đã làm tôi phát ngán. Tướng Hình tiếp tục đến Paris và có một sự nghiệp đáng giá trong ngành quân sự Pháp.

Các ông trùm của thế giới ngầm Sài Gòn-Chợ Lớn, Bình Xuyên, đã trở nên bồn chồn trong suốt cuộc xung đột Hình. Không thỏa mãn với việc là chủ nhân của cảnh sát đô thị, ma túy, cờ bạc, mại dâm, và các tiểu đoàn binh lính trong đội quân tư nhân của họ, họ yêu cầu ông Diệm trao cho họ một phần lớn hơn trong chính phủ – ví dụ, một vài ghế bộ trưởng. Tôi gặp gỡ các cố vấn chính trị của Bảy Viễn, thủ lĩnh Bình Xuyên, và gợi ý rằng đã đến lúc Bình Xuyên nên bắt đầu xem xét cách họ sẽ được ghi lại trong sách lịch sử Việt Nam. Thay vì được biết đến là những ông trùm giang hồ tham lam quyền lực, tại sao họ không thể hành động theo những cách sẽ giành được sự tôn trọng của đồng bào và đi vào lịch sử với tư cách là những nhà hảo tâm? Đề xuất này đã được

đón nhận tốt, với các cố vấn nói với tôi về việc Bảy Viễn và các lãnh đạo Bình Xuyên khác đã trải qua thời thơ ấu trong nghèo khó và có lẽ sẽ hoan nghênh những ý tưởng về cách họ có thể giúp đỡ người dân. Tôi có ý tưởng gì?

Tôi gợi ý rằng Bình Xuyên nên hình dung việc rèn kiếm thành lưới cày. Quân đội tư nhân của họ có thể hạ vũ khí và, với thiết bị và vật liệu mua được từ việc bán các cơ sở kinh doanh thế giới ngầm của họ, nó có thể xây dựng một siêu xa lộ rất cần thiết từ Sài Gòn ra biển tại Cap St. Jacques (nơi Bình Xuyên sở hữu nhiều tài sản). Xa lộ, như một sự đóng góp của họ cho đất nước, có thể mang tên của thủ lĩnh Bình Xuyên.

Đề xuất xa lộ của tôi thu hút Bảy Viễn. Tôi sắp xếp một cuộc họp giữa Bảy Viễn và ông Diệm. Sau cuộc họp, một Bảy Viễn giận dữ quay lại và trút cơn thịnh nộ lên các cố vấn; trên thực tế, một người trong số họ đã bị bắn vào bụng ở cự ly gần. Khi tôi nghe về hậu quả tai hại này, tôi vội vã đến gặp ông Diệm để tìm hiểu xem điều gì đã xảy ra trong cuộc nói chuyện của ông với Bảy Viễn. Ông Diệm nói với tôi rằng thủ lĩnh Bình Xuyên đã đưa ra một đề xuất “ngớ ngẩn” nào đó về việc từ bỏ những thói hư

tật xấu và sử dụng tài nguyên của mình để xây dựng một xa lộ. “Đúng rồi, đúng rồi,” tôi nói với ông Diệm. “Đó là điều tôi đã giải thích cho ông khi tôi yêu cầu ông gặp anh ta. Vậy, ông đã nói gì với anh ta?” Ông Diệm trả lời: “À, tôi nói rằng tôi không tin anh ta. Tôi bác bỏ nó. Dù sao đi nữa, người đàn ông đó là một tên lưu manh.” Tôi đã bị sốc bởi sự mù mờ chính trị của ông Diệm, và tôi đã nói với ông ấy như vậy. Ông ấy đã thất bại trong việc tận dụng một giải pháp mang tính xây dựng cho một vấn đề nan giải. Bình Xuyên kiểm soát một đội quân và cảnh sát, được hỗ trợ bởi quý đen. Thay vì khuyến khích họ từ bỏ những thứ này, ông đã chuốc lấy sự thù ghét của họ. Một tên cướp bị khinh miệt cũng nguy hiểm như người phụ nữ được đồn đại. Một ngày nào đó sẽ phải trả giá đắt.

Trong chuyến thăm vôi vã của tôi đến Manila cùng với các phụ tá thân cận của Hinh, tôi đã nói chuyện với Magsaysay về điều kiện làm việc của Thủ tướng Diệm tại Dinh Độc Lập ở Sài Gòn, đặc biệt là sự thiếu sót của đội cảnh vệ quân sự được cho là cung cấp an ninh cho dinh. Magsaysay đã đồng ý rằng, nếu ông Diệm mong muốn, Đại tá Napoleon Valeriano có thể được biệt phái trong một tuần ở Sài Gòn để cố vấn về cách

cải thiện an ninh cho thủ tướng. Valeriano là phụ tá quân sự trưởng của Magsaysay và chỉ huy tiểu đoàn cận vệ tổng thống ở Manila. Ông Diệm nhiệt tình chấp nhận, và Valeriano được mời đến Sài Gòn và sớm thắt chặt an ninh Dinh Độc Lập. Khi trở về Manila, ông đã dẫn theo một nhóm sĩ quan Quân đội Việt Nam để được huấn luyện thêm với tiểu đoàn cận vệ tổng thống Philippines.

Một Đại tá Lục quân Philippines khác, Jose Banzon, đã có mặt ở Sài Gòn để đưa ra những gợi ý cho quân đội Việt Nam. Banzon, người đã điều hành chương trình điện tín mười xu (ten-centavo) khi Magsaysay còn là Bộ trưởng Quốc phòng và là người đã nhiệt tình tham gia vào hành động công dân quân sự trong chiến dịch chống Huk, là tùy viên quân sự Philippines tại Thái Lan và cũng được công nhận là quan sát viên quân sự tại Đông Dương. Ông có mối quan hệ rộng rãi với các sĩ quan quân đội Việt Nam và đã làm công tác truyền giáo đáng kể trong việc thúc đẩy khái niệm về một mối quan hệ gần gũi và thân thiện hơn giữa Quân đội Việt Nam và người dân. Do đó, khi tôi biết từ ông Diệm rằng một số đơn vị của Quân đội Việt Nam đã tiến vào Long Mỹ sau khi Việt Minh rút đi và đang cố gắng “lấp đầy

khoảng trống,” tôi đã yêu cầu Joe Banzon đi cùng Rufe Phillips thuộc nhân viên của tôi để xem xét sơ bộ những gì đang xảy ra.

Long Mỹ nằm gần Vịnh Xiêm (Gulf of Siam) ở phía Tây Nam xa xôi của Sài Gòn, là vùng đất ruộng lúa nước hầu như chỉ cao hơn mực nước biển. Banzon và Phillips trở về từ chuyến thăm Long Mỹ với đầy lời khen ngợi về những nỗ lực của Quân đội Việt Nam trong việc giúp đỡ người dân bằng cách xây dựng lại cầu, đường và các công trình công cộng khác. Họ cũng nói rằng quận này có lẽ có những con muỗi lớn nhất thế giới và, mặc dù ban ngày trời nóng ẩm nhiệt đới, nhưng ban đêm lại có một cái lạnh ẩm ướt trong không khí. Nhu cầu về màn chống muỗi và chăn là rất cấp thiết. Tôi đưa Banzon và Phillips vào để báo cáo tóm tắt với các quan chức Mỹ, Pháp và Việt Nam về tình hình, trong đó có Thủ tướng Diệm. Tôi thúc giục ông mang theo một chuyến màn chống muỗi và chăn trong chuyến thăm cá nhân đến Long Mỹ; với tư cách là một nhà lãnh đạo, ông cần phải tự mình xem xét những điều kiện mà người dân và chính phủ đang phải đối mặt khi Việt Minh rút đi. Ông Diệm đã làm theo lời khuyên này và thực hiện chuyến đi, đi vòng quanh một số trang trại xa xôi dọc

theo sông và kênh rạch bằng thuyền chèo. Sau khi nói chuyện với hàng trăm nông dân và binh lính tại chỗ, ông Diệm trở nên tin tưởng như tôi rằng cần có một chương trình lớn của chính phủ để tái chiếm và tái thiết các khu vực do Việt Minh bỏ lại. Chuyến thăm Long Mỹ là chuyến thăm đầu tiên trong số nhiều chuyến thăm mà ông sẽ thực hiện ở vùng nông thôn.

Về Giáng sinh năm 1954 ở Sài Gòn, tôi chỉ nhớ hai điều. Một là việc chuyển phát một món quà cho một người Mỹ. Điều thứ hai là việc tìm kiếm các bài hát mừng Giáng sinh (Christmas carols).

Món quà đến bằng thư từ William Bullitt, nhà ngoại giao Mỹ nổi tiếng, người đã nhờ tôi tìm và trao nó cho một người bạn Việt Nam của ông, Đỗ Văn Bông. Bullitt, trong một nhiệm vụ đến Pháp cho người anh em họ Franklin Roosevelt trong Thế chiến thứ Hai, đã bị thương gần chết trong một tai nạn xe jeep. Ông Bông lúc đó là một hộ lý trong Quân đội Pháp và đã chăm sóc Bullitt hồi phục sức khỏe trong nhiều tháng. Rất dễ tìm thấy ông. Ông đã trở thành planton hay thư ký người Việt Nam trưởng tại đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, và tôi gặp ông thường xuyên. Khi trao món quà của Bullitt cho ông và gửi

lời chúc mừng mùa lễ, tôi chợt nhận ra rằng hai người đã biết nhau được một thập kỷ. Đó là khoảng thời gian tối đa mà bất kỳ người Mỹ và người Việt Nam nào đã biết nhau. Mỗi quan hệ giữa hai quốc tịch xuyên Thái Bình Dương này mới mẻ làm sao!

Sự việc về bài hát mừng Giáng sinh cho thấy hai quốc tịch này có thể có những va chạm văn hóa. Một ngày nọ, tôi hỏi Thủ tướng Diệm Giáng sinh được tổ chức ở Việt Nam như thế nào. Ông nói, nó được coi là một ngày thánh, với những người theo đạo Thiên Chúa đi lễ nhà thờ và giữ sự tôn nghiêm của ngày lễ một cách lặng lẽ tại nhà. Không có quà, không có cây thông Noel, không có bữa tối đặc biệt. Thời điểm lễ hội thực sự đối với người Việt Nam là Tết, lễ kỷ niệm vào đầu năm mới âm lịch. Đây là lúc các gia đình sum họp, trao đổi quà và lời chúc, ăn các bữa ăn truyền thống, và bắn những tràng pháo lớn. Khi tôi hỏi thêm về Giáng sinh, ông Diệm thừa nhận rằng ông khá thích những bài hát mừng và thánh ca như “Silent Night” mà ông đã nghe khi ông ở nước ngoài nhưng hầu như không được biết đến ở Việt Nam. Điều này khiến tôi gợi ý rằng có lẽ chúng tôi có thể tìm một số đĩa hát nhạc Giáng sinh và phát sóng một chương trình đặc biệt trên Đài phát

thanh Sài Gòn. Ông Diệm nói: “Cứ làm đi!”

Ông Diệm kiểm tra các đĩa hát tại dinh và tại đài phát thanh, trong khi tôi tìm kiếm trong các bộ sưu tập đĩa trong cộng đồng người Mỹ. Cả hai chúng tôi đều tay trắng. Rõ ràng vào thời điểm đó không có một đĩa nhạc Giáng sinh nào ở Sài Gòn. Tôi vội vàng gửi tin cho bạn bè ở Manila. Gói hàng của họ đến vào ngày trước Giáng sinh, và tôi vội vàng mang nó đến Dinh Độc Lập. Ông Diệm cũng háo hức muốn nghe nhạc như tôi, và ông ấy đặt một máy hát đĩa di động trên bàn làm việc trong văn phòng trong khi tôi xé mở gói hàng. Đĩa nhạc lễ hội vui vẻ đầu tiên được bật lên và từ loa phát ra là bài “All I want for Christmas are my two front teeth” (Tất cả những gì tôi muốn cho Giáng sinh là hai chiếc răng cửa của tôi)! Đĩa tiếp theo là “Rudolf, the Red-Nosed Reindeer” (Tuần lộc mũi đỏ Rudolf).

Tôi vội vàng đọc nhãn trên chồng đĩa. Chúng đều là những bản nhạc mới lạ tương tự, hầu hết trong số chúng hiện đã bị lãng quên một cách vui vẻ. Ông Diệm ngồi cạnh bàn, kiên nhẫn lắng nghe lời bài hát được ca sĩ hát một cách ồn ào, với vẻ mặt khó hiểu. “Đó có phải là những bài hát mừng Giáng sinh không?” ông ấy hỏi tôi một cách lịch

sự. Tôi bắt đầu cam đoan với ông ấy là đúng nhưng sau đó cười phá lên trước sự vô lý của khoảnh khắc này ở Sài Gòn và sự thất vọng trên khuôn mặt ông ấy. Đó là lần đầu tiên tôi nghe bất kỳ bài hát nào trong số này. Tôi đã xa nhà quá lâu.

Tuần cuối cùng của năm 1954 mang theo những dấu hiệu và điềm báo về sự thay đổi. Vào ngày 28 tháng 12, các thỏa thuận Paris cuối cùng đã được phê chuẩn, và chính phủ Pháp cấp cho Việt Nam độc lập hoàn toàn. Tại Sài Gòn, các quân nhân Pháp và Mỹ đang xây dựng kế hoạch để thực hiện một thỏa thuận ngày 13 tháng 12 của Pháp rằng người Mỹ có thể bắt đầu giúp đỡ sớm trong việc huấn luyện các lực lượng vũ trang Việt Nam, thông qua một tổ chức kết hợp Pháp-Mỹ. Tổ chức sau này sẽ nằm dưới quyền của Tổng Tư lệnh Pháp Tướng Paul Ely và dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh đạo quân sự Mỹ cao cấp nhất tại Việt Nam, Tướng O'Daniel. Các nhà hoạch định tham mưu đã đưa ra một tên gọi làm việc cho tổ chức mới, Allied Training and Operations Mission (Phái bộ Huấn luyện và Hoạt động Đồng minh), nhưng nó chỉ tồn tại cho đến khi ai đó nhận ra rằng nó sẽ được biết đến bằng từ viết tắt là ATOM. Tên Training Relations

Instruction Mission (Phái bộ Hướng dẫn Quan hệ Huấn luyện - TRIM) cuối cùng đã được chọn. Theo sự thúc giục của tôi, cơ quan quân sự mới đã quan tâm đến việc sử dụng cơ cấu quân sự Việt Nam trong việc tái chiếm các khu vực mà Việt Minh đang rút lui, cũng như công việc huấn luyện binh thường hơn, và tôi đã được yêu cầu tham gia tổ chức khi nó được thành lập.

Ngoài ra, trong tuần cuối cùng của năm 1954, tại Paris đã xác nhận rằng Ngân hàng Đông Dương thuộc sở hữu của Pháp sẽ bị bãi bỏ và chính phủ Việt Nam có thể quản lý công việc ngân hàng của riêng mình. Ngân hàng Quốc gia Việt Nam được thành lập vào ngày 1 tháng 1 năm 1955. Đồng thời, người Việt Nam và người Pháp đang tiến gần hơn đến thỏa thuận về vấn đề chỉ huy và kiểm soát các lực lượng vũ trang Việt Nam. (Ba tuần sau, vào ngày 20 tháng 1 năm 1955, Pháp đồng ý bàn giao toàn bộ quyền kiểm soát các lực lượng vũ trang Việt Nam cho chính phủ Việt Nam trong vòng năm tháng.)

Khi năm 1954 kết thúc, luận điệu tuyên truyền cho rằng Việt Nam là một quốc gia độc lập. Tuy nhiên, vẫn còn một lực lượng viễn chinh Pháp lớn hiện diện trong nước, và vẫn còn nhiều người Pháp trong các cơ

quan dân sự và quân sự của Việt Nam, mặc dù hầu hết trong số họ đã từ bỏ các vị trí điều hành để đảm nhận vai trò cố vấn. Sự hiện diện của người Pháp rất rõ ràng và nặng nề. Cùng lắm, các quan chức Việt Nam chỉ cảm nhận được một chút, chứ không phải hít thở sâu, bầu không khí tự do và độc lập.

GHI CHÚ

LỊCH SỬ. Một số nhà báo giàu trí tưởng tượng đã bóp méo lịch sử Việt Nam theo ý thích của riêng họ, thẳng thừng đưa vào cái “sự thật” kỳ lạ rằng tôi là một trong một nhóm những kẻ âm mưu người Mỹ (những người khác là Hồng y Spellman và anh em Dulles là John Foster và Allen) đã ép buộc Bảo Đại bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm thủ tướng. Những câu chuyện như vậy khiến tôi tự hỏi làm thế nào các nhà sử học có thể xây dựng một tường thuật thẳng thắn về các sự kiện của con người. Tôi tin rằng việc tôi thuật lại sự kiện ông Diệm đến Việt Nam năm 1954 sẽ làm sáng tỏ vấn đề này.

ROSSON. Trong số các quân nhân Mỹ đã giúp đỡ trong cuộc di tản người tị nạn năm 1954–1955 có một người đã tạo dựng được danh tiếng đáng kính cho mình một thập kỷ sau đó với tư cách là chỉ huy sư đoàn Lục quân Hoa Kỳ, đầu tiên là Tham mưu trưởng và sau đó là Phó chỉ huy các lực lượng Mỹ chiến đấu ở Việt Nam, Tướng William Rosson. Năm 1954, với cấp bậc Trung tá, ông phụ trách các quân nhân Mỹ được giao công tác tị nạn. Sau khi bị ướt sũng trong một đêm mưa nhiệt đới khi chỉ đạo dỡ hàng từ tàu vận tải chở người tị nạn, ôm những đứa trẻ khóc thét và những bó đồ gia dụng từ tàu vận tải đến nơi trú ẩn, ông nói với tôi rằng ông chưa bao giờ chửi rửa ai mạnh mẽ như chửi rửa tôi – vì cái ý tưởng sáng suốt giao quân nhân làm công việc như vậy. Tôi bình thản nói với ông ấy rằng đó là một cách tốt để học được một số sự thật về “chiến tranh nhân dân.”

BỨC MÀN TRE. Có nhiều báo cáo vào thời điểm đó về các hành động của Việt Minh nhằm chặn cuộc di tản của người tị nạn ở miền Bắc. Bản tường thuật nghiêm trọng nhất mà tôi nghe được kể về việc tám nghìn người tị nạn bị lực lượng vũ trang chặn lại tại Ba Làng ở Tỉnh Thanh Hóa giữa Phát Diệm và Vinh. Quân đội đã nổ súng, giết chết, làm bị thương và khiến những người tị nạn chạy tán loạn. Những báo cáo này phù hợp với thực tiễn của Cộng sản là giữ dân chúng của họ trong tầm kiểm soát, phía sau cái gọi là Bức màn Sắt ở châu Âu và Bức màn Tre ở châu Á, vì vậy tôi có xu hướng tin chúng.

“OB.” Các thành viên Jaycees Sài Gòn đã giúp Oscar Arellano tạo ra Chiến dịch Tình huynh đệ là Bác sĩ Vương Thiệu Dung, Bác sĩ Hồ Quan Phước, và Lê Thanh Nghè. Trong cuộc gặp đầu tiên của tôi với họ vào năm 1954, họ đã cho tôi xem một bức ảnh của một cựu thành viên Jaycee Mỹ đã đến thăm họ một năm trước, Richard Nixon, lúc đó là phó tổng thống Hoa Kỳ.

TUYÊN TRUYỀN. Jean Barre, một nhà báo Pháp, đã giúp Tướng Hinh trong cuộc tranh chấp với ông Diệm bằng công tác tuyên truyền. Câu nói sắc sảo nhất mà ông ta đưa ra để Hinh nói là: “Tôi thừa nhận Diệm là người trung thực, nhưng con gái bốn tuổi của tôi cũng vậy. Điều đó có khiến con bé đủ tiêu chuẩn làm thủ tướng không?” Sau này Barre bỏ trốn đến Phnom Penh, nơi ông ta xuất bản một tờ báo và viết bài phát biểu cho Hoàng thân Sihanouk. Tôi từ lâu đã nghi ngờ ông ta là tác giả của một tin đồn thất thiệt vào năm 1957 rằng tôi đã âm mưu ám sát Sihanouk với Dap Chu'on, một nhà ái quốc Khmer đã chết vì bạo lực trong một chuyến thăm của đội cận vệ của Sihanouk. Tôi chưa bao giờ gặp hay giao dịch với Dap Chu'on, mặc dù tôi ước mình đã làm, vì ông ta được người dân Campuchia yêu mến. Tin đồn ám sát kỳ quặc đó đã dựng tôi lên làm người thế mạng để Sihanouk tấn công trong những lời chỉ trích thường xuyên của ông ta.

SHARPE. Người Mỹ đã dừng cảm vượt qua xe tăng và súng máy để vào đài phát thanh, và sau đó điều chỉnh các chương trình phát sóng chống Diệm bởi người của Tướng Hinh, là Thiếu úy Hải quân

Lawrence Sharpe. Sharpe, một sĩ quan tham mưu trong lực lượng đặc nhiệm Hải quân Hoa Kỳ vận chuyển người tị nạn, đã mời Trung úy Nguyễn Văn Minh đến nhà mình ở Mỹ; hai người đã trở thành bạn thân. Khi tôi biết điều này, tôi đã yêu cầu chỉ huy lực lượng đặc nhiệm, Đô đốc Sabin, tạm thời chuyển Sharpe sang làm việc với tôi để tôi có thể đưa Sharpe và Minh gặp nhau. Minh phụ trách đài phát thanh cho Tướng Hinh.

CHẤN. Sau khi phục vụ với tư cách là bộ trưởng quốc phòng, Lê Ngọc Chấn trở thành đại sứ Việt Nam tại Tunisia. Hiện tại ông là đại sứ của đất nước mình tại Tòa án St. James ở London.

ĐỨC. Việc Quân đội Việt Nam tái chiếm Long Mỹ nằm dưới sự chỉ huy của Trung tá Dương Văn Đức, người sau này chỉ huy việc bình định Cà Mau, được thăng hàm tướng, và phục vụ nhiều năm với tư cách là đại sứ Việt Nam tại Hàn Quốc.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

* *

TRÌNH MINH THẾ

Nếu có bất kỳ hành động đơn lẻ nào của tôi trong năm 1954 khiến những người Pháp hay buôn chuyện ở Sài Gòn bàn tán xôn xao hơn thường lệ, thì đó là việc tôi làm quen với thủ lĩnh du kích nổi loạn huyền thoại Trình Minh Thế. Họ thấy thật tai tiếng khi một người Mỹ lại gặp gỡ một người bị Pháp đặt ngoài vòng pháp luật. Là một thanh niên nông dân trở thành lính, người đã tự mình gây dựng một đội quân du kích vì chính nghĩa độc lập của Việt Nam, Thế đã dám thách thức cả thực dân Pháp lẫn lực lượng Cộng sản. Tệ hại nhất, trong mắt kẻ thù, ông đã đạt được thành công đáng kể. Khi tôi gặp ông lần đầu, quân đội Liên hiệp Pháp vẫn đang cố gắng săn lùng ông, cũng như các đội ám sát của Việt Minh. Cả hai đều muốn ông chết. Cuộc gặp đầu tiên của tôi với Thế (phát âm là “Tay”) bắt nguồn từ một cuộc

nói chuyện tôi có với Thủ tướng Diệm vào mùa thu. Vụ việc Hình đang ở đỉnh điểm. Ông Diệm nhắc tôi về đề xuất ban đầu của tôi rằng tất cả các đội quân giáo phái và các băng nhóm du kích nên được sáp nhập vào Quân đội Quốc gia Việt Nam để tạo thành một lực lượng quốc gia duy nhất. Liệu tôi có thực sự tin rằng điều này khả thi không, với tình trạng tồi tệ hiện tại trong Quân đội Việt Nam? Nếu các đội quân giáo phái được hợp nhất vào quân đội, liệu điều này có làm tăng thêm rắc rối không?

Tôi thừa nhận rằng các vấn đề quân sự dường như đang rối tung, mặc dù các quan chức Pháp có trách nhiệm rõ ràng đang chán ngấy với Hình và tham vọng của ông ta. Tuy nhiên, ngoài Hình ra, ông Diệm còn có những lựa chọn nào? Chắc chắn sẽ có một thách thức tiềm tàng đối với quyền lực của chính phủ nếu các đội quân giáo phái củng cố các vùng lãnh thổ tự trị trong khu vực của họ. Bất kỳ nỗ lực nào nhằm giải tán các đội quân này sẽ đẩy rẩy những nguy cơ chính trị và kỹ thuật phức tạp đến mức đáng sợ. Tuy nhiên, với rất nhiều băng nhóm vũ trang đang lang thang ở vùng nông thôn phía nam vĩ tuyến 17, Việt Nam sẽ vẫn ở trong tình trạng hỗn loạn chính trị. Chỉ còn một

số ngày nhất định được những người tham gia Hội nghị Geneva phân bổ cho miền Nam Việt Nam để ổn định tình hình trước cuộc bỏ phiếu quyết định trong cuộc trưng cầu dân ý được đề xuất. Ông Diệm sẽ phải làm bất cứ điều gì có thể, bất cứ khi nào có thể, và không thể có được sự xa xỉ là chờ đợi thời điểm an toàn nhất hoặc hợp lý nhất để thực hiện. Một đội quân duy nhất, thống nhất là một nhu cầu quốc gia.

Ông Diệm nhìn tôi một lúc mà không nói gì. Sau đó, ông hỏi tôi một cách nhẹ nhàng rằng liệu tôi đã nghe nói về Trình Minh Thế chưa. Tôi trả lời rằng tôi có nghe, chủ yếu là từ các sĩ quan Pháp căm ghét ông ta và những lời mô tả của họ về ông ta khó mà được coi là tốt đẹp. Ông Diệm nói thẳng rằng ông coi Thế là một người yêu nước Việt Nam thực thụ, loại lãnh đạo theo chủ nghĩa dân tộc mà ông sẽ cần có bên cạnh nếu những người Việt Nam không Cộng sản muốn có một cơ hội tốt đẹp trong tương lai. Ông Diệm kể cho tôi nghe về uy tín của Thế ở miền Tây (nghĩa là phía tây và tây nam Sài Gòn), và nói rằng nếu Thế được biết đến là người ủng hộ chính phủ, điều đó sẽ nghiêng cán cân quyền lực về phía ông Diệm. Các em trai của ông Diệm là Luyện và Nhu đã

liên lạc với đại diện của Thế ở Sài Gòn, và Thế đang thể hiện sự quan tâm đáng kể đến việc hợp tác với ông Diệm trong sự nghiệp dân tộc.

Sau đó, ông Diệm hỏi tôi liệu tôi có thể chuyển một lá thư cá nhân từ ông ấy đến Thế không. Vì lực lượng Pháp đang bao vây du kích của Thế, có những khó khăn nhất định trong việc ông Diệm có cuộc gặp mặt trực tiếp với ông ta. Là một người Mỹ, tôi sẽ có thể tiếp cận Thế một cách cá nhân, điều mà ông ấy hoặc các em trai của ông ấy không thể làm được. Nội dung chính của lá thư sẽ là đề nghị hợp nhất lực lượng của Thế vào quân đội quốc gia ngay khi có thể sắp xếp các thỏa thuận hiệu quả. Chắc chắn tôi có thể nên nói những lời tán thành với Thế về chủ đề đó. Ông Diệm sẽ để lá thư không dán phong bì để tôi có thể đọc nó trước khi chuyển giao.

Tôi thừa nhận rằng tôi muốn chuyển lá thư và thỏa mãn sự tò mò của mình về thủ lĩnh du kích gây tranh cãi này bằng cách gặp ông ta. Khó khăn duy nhất mà tôi có thể thấy trước là việc xin phép của Mỹ cho chuyến thăm, điều này có thể mất vài ngày. Ông Diệm trả lời một cách lạnh lùng rằng ông ấy cũng có thể mất vài ngày để sắp xếp

chuyến thăm của tôi với Thế, vì tôi sẽ là người Mỹ đầu tiên gặp ông ta và du kích của Thế khá khắc nghiệt với người nước ngoài, bằng chứng là cuộc chiến hiện tại của họ với người Pháp. Ông Diệm nhắc tôi phải hành động một cách bí mật, lo sợ rằng người Pháp sẽ biết về chuyến thăm và có lẽ sẽ phục kích tôi hoặc thực hiện các biện pháp khác để ngăn chặn cuộc gặp gỡ.

Tôi đã thảo luận yêu cầu của ông Diệm với Đại sứ Heath. Chúng tôi đồng ý rằng sự ủng hộ của Thế đối với ông Diệm có thể tạo ra sự khác biệt lớn trong vị thế chính trị của ông Diệm, có lẽ mở đường cho những hành động tương tự với các lực lượng không chính quy khác ở Việt Nam. Tướng O'Daniel ủng hộ mạnh mẽ việc hợp nhất tất cả các lực lượng quân sự khác nhau thành một quân đội quốc gia duy nhất. Vấn đề đã được gửi đến Washington qua radio. Vài ngày sau, Washington gửi lời chấp thuận. Tôi thông báo cho ông Diệm, người nói với tôi rằng các thỏa thuận cuối cùng đang được tiến hành cho chuyến thăm Thế.

Hai ngày sau, tôi lên đường cho cuộc gặp gỡ cùng với năm người trong đội người Mỹ của tôi, những người đã xin đi cùng, tò mò như tôi muốn thấy các lực lượng du kích Việt

Nam này. Chúng tôi mặc quần áo thể thao dân sự, như thể đi dã ngoại một ngày. Một số người có súng ngắn giấu dưới áo sơ mi. Vũ khí của tôi được đặt trên sàn xe, trong tầm tay để nhanh chóng sử dụng khi cần. Đi cùng chúng tôi là một cục trưởng chính phủ Việt Nam, người mà ông Diệm đã giới thiệu với tôi, mặc như đi làm ở văn phòng Sài Gòn, với bộ đồ sharkskin trắng và cà vạt đen. Ông ta lo lắng trấn an tôi rằng ông sẽ thiết lập liên lạc ban đầu với quân du kích. Sự lo lắng của ông ta đã được một số đồng đội người Mỹ của tôi chú ý, họ thì thầm rằng họ không tin tưởng ông ta. Điểm đến của chúng tôi là một ấp cách Sài Gòn khoảng một trăm kilômét (sáu mươi hai dặm), qua Tây Ninh và không xa biên giới Campuchia. Lái xe về phía tây dọc theo Quốc lộ 1 dưới ánh nắng sớm mai, vượt qua những vọng gác cô đơn và những đồn nhỏ ven đường nằm giữa những cánh đồng lúa, rồi đi về phía bắc trên Quốc lộ 22 qua các đồn điền cao su Ven Ven và Trà Võ, tôi đã suy nghĩ lại những gì tôi đã được kể về Trình Minh Thế và du kích của ông ta.

Kiến thức của tôi quá mơ hồ và đến từ hai phiên bản hoàn toàn trái ngược. Đối với người Pháp, ông ta là con quái vật xảo quyệt và nguy hiểm, kẻ đã ám sát Tướng

Chanson vào năm 1951 và cho nổ tung một chiếc xe hơi trước Nhà hát Lớn ở Sài Gòn vào năm 1953, giết chết những người qua đường vô tội. Đối với nhiều người Việt Nam, ông ta là một Robin Hood, một người yêu nước khao khát độc lập dân tộc, người đã chiến đấu thành công chống lại cả Pháp và Cộng sản, và đã mang lại một sự tiến bộ hữu hình về công bằng xã hội cho các cộng đồng nông thôn trong khu vực hoạt động của ông. (Ngay cả một số sĩ quan Pháp căm ghét Trình Minh Thế cũng thừa nhận với tôi rằng ông ta là người trung thực và công bằng đáng ngạc nhiên với người dân trong khu vực của mình.) Ước tính về lực lượng du kích của ông ta dao động từ 500 lính chiến đấu đến con số phấn khích là 10.000. (Sau này, tôi biết được rằng ông ta có 2.500 người có vũ trang).

Trong những ngày sau đó, nhiều chi tiết hơn về cuộc đời của nhà lãnh đạo dân tộc này đã được tôi biết đến. Ông đã trải qua một cuộc sống đầy màu sắc trong ba mươi hai năm tuổi đời. Rồi trang trại gia đình ở tuổi hai mươi mốt, ông đã cùng những người Việt Nam khác tham gia huấn luyện chiến tranh du kích tại các trại bí mật của *Kempeitai* (Mật vụ) Nhật Bản ở Campuchia

và Lào. Năm 1945, ông là sĩ quan trong đại đội quân sự bí mật của Cao Đài được thành lập tại xưởng đóng tàu Lichinan ở Sài Gòn, và ông đã tham gia vào cuộc đảo chính do Nhật Bản xúi giục chống lại chính quyền thuộc địa Pháp Vichy vào tháng Ba năm đó. Khi lực lượng Liên hiệp Pháp trở lại Việt Nam sau Thế chiến II, Thế cùng các binh sĩ Cao Đài khác tham gia vào phong trào kháng chiến dân tộc Việt Minh ban đầu chống lại người Pháp. Chán ghét những sự phản bội và thanh trừng của Cộng sản, Cao Đài đã rời bỏ phong trào Việt Minh vào năm 1947 và thành lập lực lượng dân quân dưới sự bảo trợ của Pháp, để bảo vệ các cộng đồng tôn giáo của họ. Trình Minh Thế trở thành tham mưu trưởng của các lực lượng vũ trang Cao Đài này.

Thành công quân sự đáng chú ý đầu tiên của ông là một hệ quả lạ lùng từ khóa huấn luyện bí mật mà ông nhận được từ người Nhật. Năm 1949, ông thành lập mười hai trung đội cơ động và thực hiện một chiến dịch chớp nhoáng chống lại Việt Minh do chỉ huy Cộng sản của Liên khu miền Đông là Nguyễn Bình lãnh đạo. Ông và Bình là bạn học tại trường huấn luyện chiến tranh du kích của Nhật Bản, nơi họ đã cùng nhau

vạch ra một kế hoạch hành quân cho miền Nam Việt Nam. Trong chiến dịch năm 1949, Thế nhận ra rằng Bình đang sử dụng kế hoạch cũ của họ, kế hoạch mà ông ta biết rõ như Bình, và ông đã hành động phù hợp. Các trung đội cơ động của Cao Đài đã bắt Việt Minh bất ngờ và phá vỡ các đơn vị của họ. (Sau thất bại này, Bình và lực lượng suy yếu của ông ta đã bị phản bội giao cho người Pháp. Tôi nghe nói rằng sự phản bội này do Lê Duẩn sắp đặt theo yêu cầu của Hồ Chí Minh, như một phần của cuộc thanh trừng nội bộ Cộng sản.)

Chống lại Cộng sản đang đe dọa Cao Đài là một chuyện, nhưng làm điều đó dưới ngọn cờ của Pháp ngày càng trở nên khó chịu đối với Thế. Ông cảm thấy rằng Cao Đài nên là một phần của cuộc đấu tranh giành độc lập chứ không nên đóng góp cho hệ thống thuộc địa Pháp. Năm 1951, ông rời khỏi lực lượng vũ trang Cao Đài và bắt đầu một phong trào chính trị-quân sự của riêng mình vì độc lập dân tộc, được gọi là Quân-Đội Quốc-Gia Liên-Minh (Lực lượng Liên minh Quốc gia). Nhiều người Cao Đài đã tham gia cùng ông, bao gồm cả cha ông (là một trung úy trong lực lượng của con trai mình) và bốn người em trai; cha và các em trai sau đó đã tử trận

trong cuộc chiến chống Cộng sản. Khi lực lượng Pháp ra trận chống lại ông, Thế đã áp dụng một chiến thuật độc đáo là trả đũa các chỉ huy Pháp thực sự, những người đã ra lệnh đưa quân vào chiến đấu chống lại ông. Điều này dẫn đến cái chết của Tướng Chanson vào năm 1951 và vụ nổ tại Nhà hát Lớn Sài Gòn năm 1953 (với các chỉ huy cấp cao của Pháp là những nạn nhân được nhắm tới). Không cần phải nói, các tướng lĩnh Pháp cho rằng chiến thuật này là man rợ.

Năm 1952, Trình Minh Thế chuyển lực lượng Liên Minh của mình lên ngọn núi Núi Bà Đen, thực hiện lời tiên tri được nhiều người tin tưởng của các nhà tiên tri địa phương rằng “Vị Tướng Thần Tài” một ngày nào đó sẽ đến và sống trên núi. Ngọn núi, vốn nhô lên dốc và đột ngột từ vùng đồng bằng xung quanh, còn được biết đến trên các cánh đồng và con sông trong tầm mắt là “trái tim của nhân dân”. Do đó, đây là một căn cứ có giá trị tâm lý cho lực lượng du kích, chỉ cách trụ sở Cao Đài ở thành phố Tây Ninh năm dặm về phía đông bắc. Du kích Liên Minh có thể di chuyển dễ dàng đến và đi từ căn cứ của họ, bất chấp sự hiện diện của lực lượng Liên hiệp Pháp đã cố gắng ngăn chặn họ, và vào năm 1954, họ đã

mở rộng khu vực ảnh hưởng của mình về phía tây nam qua vùng đất ngập nước, lầy lội của Đồng Tháp Mười (Plaine des Joncs) gần như đến Sông Mê Kông.

Sự thống trị của họ trên một lãnh thổ đáng kể, đối với một số lượng nhỏ binh sĩ có vũ trang như đã báo cáo, gợi ý cho tôi rằng Liên Minh là những người tài giỏi về chính trị cũng như quân sự. Tôi đặc biệt ấn tượng bởi tình cảm mà người dân Việt Nam dành cho họ. Các gia đình nông dân tự nguyện mang bánh tét truyền thống vào dịp Tết, và những đồng quà tặng khổng lồ này được để lại ở rìa rừng cho du kích. Những người lính Việt Nam trong lực lượng Liên hiệp Pháp hoạt động chống lại Liên Minh sẽ để lại đồ tiếp tế thuốc lá và đường, kèm theo những lời nhắn nói “Xin lỗi vì chúng tôi đang chiến đấu với các bạn,” khi người Pháp dỡ trại. “Ông ấy là một người tốt,” tôi được người Việt Nam nói đi nói lại khi tôi hỏi họ về lãnh đạo Liên Minh.

Vào buổi sáng mùa thu năm 1954 đó, chúng tôi lái xe dọc theo một con đường đất lầy lội đến chân núi Núi Bà Đen và dừng lại gần ấp Bãi Trai. Ngọn núi sừng sững trên đầu chúng tôi, cây cối và bụi rậm dày đặc dọc theo sườn núi bên đường và những cánh

đồng lúa trải dài ở phía bên kia đường. Tôi đang quan sát một nhóm trẻ em đi chân trần dọc theo bờ ruộng thì một nhóm du kích im lặng bước ra đường từ khu rừng rậm. Một người trong số họ, mà tôi nghĩ là một thanh niên tuổi học sinh trung học, cao không quá năm feet và có lẽ nặng chín mươi pound ướt sũng, đang dẫn đầu. Mặc một chiếc áo sơ mi kaki bạc màu và quần tây, đi giày tennis, không vũ khí, không đội mũ, anh ta trông giống như một người hướng dẫn được cử đến để đưa tôi đến gặp thủ lĩnh của họ. Anh ta có một nụ cười rộng, dễ mến trên khuôn mặt, điều đã mang lại nụ cười trên khuôn mặt tôi khi anh ta chìa tay ra bắt tay tôi chào mừng. Anh ta tự giới thiệu. Anh ta là Trình Minh Thế.

Chàng thanh niên gầy gò này chính là tên du kích tội phạm bị người Pháp căm ghét! Tôi không thể tin được. Đôi mắt anh ta ánh lên tiếng cười trước vẻ mặt của tôi, Trình Minh Thế đề nghị chúng tôi rời khỏi con đường ngay lập tức vì có lực lượng Liên hiệp Pháp gần đó. Chúng tôi giấu xe trong rừng và đi bộ, Trình Minh Thế dẫn đầu, trèo gần như thẳng đứng lên sườn núi trên một tảng đá khổng lồ đã đổ xuống trong một thời đại nào đó. Sau một hồi leo trèo dài, chúng tôi

đến một túp lều nhỏ ẩn mình giữa một khu rừng rậm rạp. Đây là sở chỉ huy của ông. Chúng tôi bước vào túp lều nhỏ xíu, gần như trống rỗng và ngồi vào một chiếc bàn tự chế của người kiểm lâm. Mặc dù đã học hết cấp ba, Trình Minh Thế chỉ nói tiếng Việt, một chút tiếng Pháp và một chút tiếng Nhật. Vì tiếng Pháp của tôi cũng chỉ là sơ sài, cuộc trò chuyện của chúng tôi cần sự giúp đỡ nhiệt tình từ những người khác.

Đi cùng Trình Minh Thế là một người dân sự đặc biệt nhanh nhẹn, thông minh và rõ ràng là được giáo dục tốt, Lê Khắc Hoài (người sau này có sự nghiệp xuất sắc trong ngành ngoại giao Việt Nam). Tôi có Joe Redick đi cùng. Túp lều quá nhỏ nên những người bạn đồng hành khác của tôi phải đợi bên ngoài với các binh sĩ Liên Minh. Cuộc nói chuyện của chúng tôi đi theo con đường gian nan từ tiếng Việt của Thế sang Hoài, người dịch sang tiếng Pháp cho Redick, người dịch sang tiếng Anh cho tôi, với các câu trả lời của tôi đi ngược lại theo cùng một lộ trình. Trình Minh Thế và tôi nhìn nhau, giao tiếp thầm lặng bằng ánh mắt và nét mặt, trong khi những người trợ giúp của chúng tôi vật lộn với các bản dịch. Tôi không thể ngừng ngạc nhiên về một người

trẻ trung và tươi tắn như một cậu bé như anh ta lại có thể là quái vật khét tiếng trong mắt người Pháp hay người yêu nước nổi tiếng của người Việt Nam. Tôi thấy mình quý mến anh ta một cách bản năng.

Tôi đưa cho ông ta lá thư cá nhân từ Ngô Đình Diệm, và ông ta đọc kỹ. Sau đó, ông ta bình luận rằng ông là một người ngưỡng mộ ông Diệm, tin rằng ông ấy là một người chân thành, trung thực, có năng lực, người có thể dẫn dắt sự nghiệp dân tộc Việt Nam đến thành công. Tôi gật đầu với điều này và sau đó cẩn thận hỏi Thế về niềm tin chính trị của chính ông. Ông ta cho tôi xem một “tuyên ngôn” mà ông ta đã lưu hành trong các khu vực nông thôn xung quanh nơi quân đội của ông ta hoạt động, cùng với một loạt tài liệu, kế hoạch và nghiên cứu về tương lai của Việt Nam. Tuyên ngôn tuyên bố độc lập khỏi sự cai trị của thực dân Pháp và nhấn mạnh nhu cầu tự do cá nhân của con người, nhấn mạnh rằng công lý công cộng nên được thiết kế để phục vụ nhu cầu này. Các kế hoạch của ông ta kêu gọi các cộng đồng tự quản và bao gồm một số phần với các khái niệm trưởng thành, khai sáng bất thường cho nền kinh tế nông nghiệp.

Trình Minh Thế quan sát tôi kỹ lưỡng khi

Hoài dịch các tài liệu và sau đó đưa ra một nhận xét bằng tiếng Việt với Hoài. Tôi nghe thấy các từ “Magsaysay” và “Phi-Luật-Tân” (Philippines) khi ông ta nói. Hoài dịch lại, nói rằng Thế tự hỏi Magsaysay sẽ nghĩ gì về những ý tưởng chính trị này; Trình Minh Thế đã theo dõi tin tức về chiến dịch Huk và cuộc bầu cử năm 1953 ở Philippines và muốn tôi biết rằng mối liên hệ của chính tôi với người Philippines và các sự kiện trên quần đảo này đã được biết đến ngay cả ở Tây Ninh. Tôi trả lời rằng Magsaysay thực sự là một người bảo vệ tự do của con người và chia sẻ những niềm tin được bày tỏ trong các tài liệu mà tôi đã xem. Tuy nhiên, với tư cách là một người Mỹ, tôi phải nói với ông rằng tuyên ngôn và tài liệu của ông đã gợi cho tôi nhớ đến, một cách sâu sắc và cảm động, một số người khác của những ngày xa xưa, những người Mỹ đã thành lập đất nước của tôi. Tôi chân thành hy vọng rằng ông ta hết lòng vì những nguyên tắc đã được chỉ cho tôi. Trình Minh Thế đập nắm đấm xuống bàn khi điều này được dịch lại cho ông ta và nói một cách mạnh mẽ, “Đó là điều chúng tôi chiến đấu vì!”

Chúng tôi thảo luận về sự cần thiết phải đoàn kết giữa những người theo chủ nghĩa

dân tộc Việt Nam, bao gồm cả nhu cầu về một Quân đội Việt Nam duy nhất. Ông ta trả lời chậm rãi và suy tư rằng có lẽ có một nhu cầu như vậy, nhưng hiện tại có quá nhiều “phần tử xấu” trong quân đội quốc gia đến nỗi một người yêu nước của mình sẽ thấy gần như không thể làm đồng đội với họ trong hàng ngũ. Tuy nhiên, ông ta nói, tôi có thể nói với ông Diệm rằng ông ta và Liên Minh sẽ cam kết ủng hộ ông ấy. Họ sẽ chăm sóc cho ông Diệm an toàn, nếu ông ấy bị Tướng Hinh và “các sĩ quan Pháp khác” buộc phải rời khỏi Sài Gòn. Tôi đảm bảo với ông ta rằng tôi sẽ mang lời này trở lại cho ông Diệm và biết rằng ông ấy sẽ biết ơn lời cam kết này. Sau đó tôi hỏi ông ta về lực lượng du kích của ông.

“Đi thôi, tôi sẽ cho ông xem,” ông ta nói. Chúng tôi rời khỏi túp lều và bắt đầu trèo xuống núi.

Chúng tôi đã thăm hết trung đội này đến trung đội khác của những người lính đi chân trần mặc quần áo calicot noir (quần áo bà ba đen) của nông dân miền Nam, được trang bị nhiều loại vũ khí cá nhân được giữ gìn cẩn thận và thậm chí cả vũ khí do tổ đội vận hành như súng máy hạng nặng và súng cối. Các trung đội rải rác khắp ngọn núi đầy

rừng rậm, và khi chúng tôi đi bộ từ trung đội này sang trung đội khác, những người đưa tin nhanh chóng đi ngang qua chúng tôi, mang theo phù hiệu vai của sĩ quan Pháp mà các sĩ quan ở trung đội tiếp theo sẽ vội vàng đeo vào khi chúng tôi xuất hiện. Tôi nói với Thế rằng các sĩ quan không cần phải đeo phù hiệu đối với tôi. Anh ta cười và nói rằng chính các sĩ quan muốn làm điều này, nhưng chỉ có một bộ phù hiệu duy nhất để truyền tay nhau. Tôi vô cùng ấn tượng với những vũ khí rõ ràng được chăm sóc kỹ lưỡng mà những người lính được trang bị, bao gồm một khẩu súng lục bán tự động cỡ nòng nhỏ và cái có vẻ là súng máy cỡ nòng .50. Tôi hỏi ông ta lấy những vũ khí đó ở đâu. “Chúng tôi tự làm,” là câu trả lời của ông ta.

Và thế là ông ta cho chúng tôi xem các xưởng trong rừng của Liên Minh, đầy đủ một cách đáng kinh ngạc với lò rèn, máy khoan, máy tiện và nhiều loại máy công cụ được cung cấp năng lượng bởi máy phát điện diesel. Quân đốc xưởng và các thợ lành nghề cấp cao là người Hoa, họ nói với tôi rằng họ đã chiến đấu với Cộng sản trong nhiều năm, cuối cùng đã bị đuổi khỏi quê hương, và dần dần tìm đường đến khu vực phía nam này, nơi họ lại có cơ hội chiến đấu

chống lại một kẻ thù đáng ghét. Khi tôi hỏi về người Pháp, họ tức giận nhỏ nước bọt xuống đất, mắt nhìn chăm chăm. Họ cao lớn và vạm vỡ hơn rõ rệt so với những người Việt Nam đang làm việc bên cạnh họ và khiến tôi thấy họ là một trong những người độc lập mạnh mẽ nhất mà tôi từng gặp. Với kinh nghiệm và kỹ năng lâu năm của họ, họ sẽ là những chiến binh đáng gờm. Họ cho tôi xem một số súng máy hạng nặng và một số bản sao của súng trường M-1 của Mỹ đang được hoàn thành. Tôi hỏi về nguồn cung cấp thép và được cho xem những thanh ray thép mà du kích đã mang về từ một tuyến đường sắt. (Tuyến đường sắt gần nhất cách đó nhiều dặm, chạy về phía bắc từ Sài Gòn đến Lộc Ninh, và tôi chưa bao giờ biết được nguồn cung cấp những thanh ray thép này.) Người Hoa cũng đang sản xuất máy thu phát vô tuyến cho Liên Minh.

Khi chúng tôi đi dọc theo một con đường mòn từ xưởng làm việc cuối cùng, một người lính Liên Minh chỉ vào một chỗ trên đường và cười kể một giai thoại. Có vẻ như một số lính Pháp đã đến chỗ đó không lâu trước đây, săn lùng Trình Minh Thế và du kích của ông ta. Thủ lĩnh Liên Minh đã đạp xe đạp đến chỗ họ và hỏi họ đang làm gì. Người Pháp

tưởng ông là một thanh niên trong làng và gọi ông là “nhóc con” khi hỏi xin thông tin. Ông đã vui vẻ chỉ sai đường cho họ. Trong khi câu chuyện này đang được kể cho tôi, Thế biến mất, và xuất hiện ngay sau đó đạp một chiếc xe đạp lên đường mòn để cho tôi thấy cách ông đã gặp lính Pháp. Khi ông đạp xe đến và dừng lại, cả hai chúng tôi đều bật cười. Mặc dù đã ba mươi hai tuổi, ông ta trông giống một thiếu niên đến kinh ngạc.

Sau lời hứa sẽ sớm gặp lại, chúng tôi chia tay. Đã tối khi tôi trở về Sài Gòn. Tôi ghé qua dinh thự của Đại sứ Heath và mô tả chuyến thăm Trình Minh Thế, sau đó đến dinh thự tổng thống, nơi tôi cung cấp cho Ngô Đình Diệm thông tin về cam kết ủng hộ của Liên Minh. Để lại ông Diệm trong tâm trạng vui vẻ hơn bao giờ hết, tôi lái xe về khu nhà ở của mình để ăn bữa tối muộn. Có nhiều người đang chờ gặp tôi. (Đôi khi, nhà tôi gọi nhớ đến một nhà ga xe lửa, có đủ loại người ra vào suốt ngày đêm.) Trong số đó có một người quen Pháp. Anh ta giận dữ nói với tôi rằng chuyến thăm của tôi đến kẻ bắn thiêu, giết người, tên Trình Minh Thế đó đã bị lộ và lần tới tôi cố gắng làm điều gì đó như thế, tôi sẽ bị giết. Tôi cười toé toét và mời anh ta ăn tối cùng, nhưng anh ta giận dữ giậm chân

ra khỏi nhà. Ô, tôi nghĩ, bí mật ở châu Á là thế đấy!

Trình Minh Thế đã mời tôi đến thăm ông ta một lần nữa tại nơi ẩn náu của du kích trên núi, vì vậy vài ngày sau tôi lái xe cùng Joe Redick đến cùng một địa điểm cô độc trên con đường gần ấp Bãi Trai. Lần này, vẫn có những đứa trẻ ở cánh đồng lúa dọc theo con đường phía bên kia núi. Lần này, chúng chú ý. Redick và tôi bước ra khỏi xe và tựa vào chắn bùn trước của nó, tận hưởng ánh nắng buổi sáng và không khí trong lành của vùng quê. Đột nhiên, đá và gậy bay vèo vèo về phía chúng tôi từ lũ trẻ, và chúng tôi nghe thấy những tiếng hét giận dữ “Pháp” (French). Quần áo dân sự của chúng tôi, chiếc xe Pháp của chúng tôi mang biển số dân sự, và vẻ ngoài rõ ràng là người nước ngoài đã khiến lũ trẻ nhầm chúng tôi là người Pháp.

Trình Minh Thế và một vài du kích của ông ta đến vào lúc này, và lũ trẻ chạy tán loạn. Tôi nói rằng hẳn là rất buồn khi trở thành một người Pháp ở Việt Nam vào thời điểm đó, đặc biệt nếu một người là một trong nhiều người Pháp thực sự có tình cảm với người Việt Nam, bởi vì ngay cả lũ trẻ cũng phản ứng dữ dội chống lại họ. Chủ nhà của tôi tỏ vẻ bối rối, có

lẽ tự hỏi tại sao tôi lại quan tâm đến một vấn đề tầm thường như vậy.

Chúng tôi bỏ qua chủ đề này để nói về những vấn đề khác. Tuy nhiên, sự cố với lũ trẻ trên cánh đồng lúa đó vẫn còn trong tâm trí tôi trong những ngày sau, khi sự tranh chấp nảy sinh giữa những cá nhân người Pháp và tôi. Tôi khôn ngoan không đề cập điều này với người Pháp. Họ dường như đã đủ không thích tôi mà không cần tôi làm cho nó tệ hơn bằng cách nói với họ rằng tôi cảm thấy tiếc cho hoàn cảnh khó khăn của họ.

Chiều tối hôm đó, sau khi tôi trở về Sài Gòn, một vài lãnh đạo Hòa Hảo đã ghé thăm nhà tôi. Trong số đó có Tướng Nguyễn Giác Ngộ, một người lớn tuổi điềm đạm, trang nghiêm mà tôi chưa từng gặp trước đây và sự thẳng thắn, cởi mở giản dị của ông ta khi nói chuyện toát lên một sự trung thực mộc mạc hấp dẫn. Một lãnh đạo khác, Đại tá Lâm Thành Nguyên, hoàn toàn tương phản với Ngộ. Tôi đã gặp người đàn ông tròn trịa với vẻ mặt “đòi hỏi” này trước đây, tại trụ sở của Soái ở Cái Vồn. Nguyên kéo tôi ra khỏi Ngộ và các lãnh đạo Hòa Hảo khác tại nhà tôi để thông báo rằng ông ta sẵn sàng thực hiện một “thỏa thuận” với tôi, đổi lại lấy tiền và vũ khí. Tôi hiểu rằng, với sự giúp đỡ đó, ông

ta sẵn sàng vượt qua xác của các lãnh đạo Hòa Hảo khác và trở thành lãnh đạo không thể tranh cãi. Tôi nói tôi không có tiền hoặc vũ khí cho ông ta hay bất kỳ ai khác. Ông ta dường như không tin tôi.

Đề nghị của Nguyễn là triệu chứng cho những tham vọng chia rẽ của quá nhiều lãnh đạo Việt Nam mà tôi đã gặp ở Việt Nam. Điều đó khiến tôi phải yêu cầu ông ta ngồi xuống với những người khác trong khi tôi nói chuyện với tất cả họ “từ trái tim tôi.” Tôi nói với nhóm về cảm nghĩ của tôi về vị trí của người dân do hiệp định Geneva đặt ra và nhu cầu lớn về sự đoàn kết giữa những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Họ kiên nhẫn ngồi nghe tôi đưa ra những nhận xét này. Một vài người trong số họ nói với tôi sau đó rằng những gì tôi nói có thể ổn cho công chúng nói chung, nhưng còn “thỏa thuận” của tôi với Trình Minh Thế thì sao? Tôi nói rằng tôi đã nói với ông ta điều tương tự. Một số người không buồn che giấu sự hoài nghi của họ. Nhưng Tướng Ngô nói với tôi một cách nghiêm trang, khi ông ta nói lời tạm biệt, rằng ông chia sẻ niềm tin của tôi và sẵn sàng hợp nhất phần còn lại của lực lượng Hòa Hảo của ông ta vào quân đội quốc gia, như ông đã làm với một trung đoàn.

Sau đó tôi nói chuyện với Ngô Đình Diệm về chuyến thăm của các lãnh đạo Hòa Hảo, gợi ý rằng họ xứng đáng nhận được một số sự quan tâm đặc biệt từ chính phủ của ông. Nội các đã được thay đổi một lần nữa, và người bạn của Hòa Hảo là Chấn không còn là bộ trưởng quốc phòng nữa. Theo gợi ý của tôi, tôi đã hy vọng ông Diệm sẽ bổ nhiệm Tiến sĩ Quát vào vị trí này, nơi ông ấy có thể đã bắc cầu cho khoảng cách giữa chính phủ và quân đội. Nhưng ông Diệm đã giao danh mục đầu tư cho một doanh nhân, Hồ Thông Minh. Tôi bày tỏ hy vọng rằng vị bộ trưởng mới có thể tập trung vào vấn đề hợp nhất tất cả các lực lượng vũ trang Việt Nam khác nhau thành một quân đội quốc gia duy nhất.

Ông Diệm không quá lạc quan về khả năng hợp nhất các lực lượng giáo phái vào quân đội quốc gia, nói rằng điều này tùy thuộc vào người Pháp, vì họ kiểm soát tất cả các lực lượng đối lập và là những người duy nhất có thể ra lệnh cho họ. Ông hứa sẽ thảo luận điều này với cả người Pháp và bộ trưởng quốc phòng mới của ông. Trong khi đó, liệu tôi có thể vui lòng giúp đỡ Tướng Ngô không? Tôi nhắc ông Diệm rằng tôi kiên quyết phản đối việc giúp đỡ Ngô hoặc chỉ huy của bất kỳ đội quân tư nhân nào khác.

Không có đội quân giáo phái nào nên được làm cho mạnh hơn.

Ông Diệm nở một nụ cười kỳ lạ trên khuôn mặt khi tôi nói điều này. Ông giơ tay ra hiệu cho tôi dừng lại. “Không, không, đó không phải là ‘giúp đỡ’ mà tôi muốn nói,” ông nói với tôi. “Nguyễn Giác Ngộ là một người rất đáng kính, một kiểu người công bằng và trung thực cần thiết ở Việt Nam. Nhưng ông ấy là một quân nhân, một người thực sự nhút nhát, không nói nhiều khi ở cạnh người dân. Điều tôi yêu cầu là ông giúp ông ấy học cách hòa hợp với người dân, để họ sẽ yêu mến ông ấy như ông ấy xứng đáng. Ông sẽ làm điều này chứ? Ông có thể làm được mà.” Tôi quá kinh ngạc trước yêu cầu này nên chỉ có thể gật đầu đồng ý, tôi sẽ cố gắng.

Ngày hôm sau, khi tôi đang sắp xếp cho một cuộc gặp khác với Tướng Ngô, tôi nhận được tin báo rằng Trình Minh Thế đang trên đường đến gặp tôi tại ngôi nhà gỗ nhỏ của tôi trên đường Rue Miche ở Sài Gòn. Đây thực sự là một bất ngờ. Tôi đã phải thực hiện các chuyến đi đến Tây Ninh để gặp ông ta, vì các quan chức chính phủ Diệm được cho là gặp quá nhiều khó khăn để tự mình làm điều đó, và bây giờ ông ta lại tự tin đến thị trấn! Tôi đi ra cửa trước của ngôi nhà gỗ để

xem khu phố vốn yên tĩnh có ở trạng thái bình thường không. Rue Miche là một con phố nhỏ, thường không có phương tiện. Sáng hôm nay, có những chiếc xe Jeep chở đầy người được trang bị súng tiểu liên ở mỗi góc của dãy nhà ngăn nơi tôi sống. Bên kia đường là một chiếc sedan đầy những người đàn ông có vũ trang khác. Một người là một sĩ quan Pháp mà tôi đã gặp trước đây. Tôi đi bộ qua đường đến chỗ anh ta và hỏi, “Có chuyện gì vậy?” Anh ta cau mày khi tôi băng qua đường, và mặt anh ta càng tối sầm hơn khi anh ta bảo tôi đừng tỏ ra ngây thơ với anh ta. Anh ta biết Trình Minh Thế sắp đến thăm tôi. Khi Thế xuất hiện, anh ta sẽ bị tiêu diệt như những gì anh ta xứng đáng. Nếu may mắn, tôi sẽ đứng trong tầm đạn và cũng nhận được những gì tôi xứng đáng.

Tôi cảm ơn sự trung thực của anh ta và bắt đầu quay lại ngôi nhà gỗ của tôi bên kia đường, tuyệt vọng tự hỏi làm thế nào tôi có thể cảnh báo Thế về cuộc phục kích đang chờ đợi ông ta. Khi tôi đến trước cửa nhà gỗ của mình, một chiếc sedan nhỏ rẽ qua góc phố và lái chậm về phía tôi. Có nhiều con mắt đang dò xét những người ngồi trong chiếc sedan, bao gồm cả tôi. Người lái xe là một người đàn ông nhỏ bé, mặc quần áo kaki

không nổi bật, chiếc mũ cũ kéo sụp xuống mắt. Người khách ngồi ghế sau là một người Việt Nam béo tốt và trông có vẻ giàu có, mặc bộ vest *sharkskin* trắng, tự quạt mình bằng chiếc mũ *panama*. Chiếc sedan nhỏ dừng lại trước mặt tôi. Người lái xe bật ra khỏi ghế lái và vội vã đi vòng quanh xe, đôi dép lê trên bàn chân trần đập vào vỉa hè, để mở cửa sau cho hành khách. Khi người lái xe mở cửa và đứng sang một bên, anh ta ngẩng đầu lên và nhìn tôi với một nụ cười toe toét lớn. Đó chính là Trình Minh Thế, rõ ràng là ông ta đang hết sức tận hưởng khoảnh khắc này! Tôi nhanh chóng đưa tay ra chào đón người khách dân sự béo tốt, bắt đầu đi về phía nhà với anh ta, sau đó dừng lại và, bằng giọng to cho khán giả, nói với người lái xe đi vòng ra bếp, nơi sẽ có đồ giải khát cho anh ta. Người dân sự béo tốt và tôi đi vào cửa trước; đến gần, tôi nhận thấy anh ta đang run rẩy và đổ mồ hôi rất nhiều. Ở cửa, tôi nhìn quanh. Những người có vũ trang vẫn ở vị trí phục kích của họ, vẫn cảnh giác nhìn xuống đường chờ đợi sự xuất hiện của nạn nhân được nhắm đến. Tôi rất biết ơn vì dường như mọi người đều biết rằng tôi có nhiều khách Việt Nam đến nhà, ngày đêm. Một người đàn ông béo không rõ danh tính

đã không gây ra sự tò mò của những người theo dõi.

Trình Minh Thế đi vào nhà qua cửa bếp, cười vui vẻ. Ông ta giải thích rằng hành khách của ông ta là một trong những người bạn của ông ta, người mà ông đã đưa theo để làm phiên dịch. Tôi nhận xét rằng người Pháp dường như được thông tin rõ về các hoạt động của ông ta, ngay cả khi họ không tận dụng được điều đó vì họ không thể nhận ra ông ta khi ông ta sắp sa vào một trong những cái bẫy của họ. Tôi thúc giục ông ta thực hiện các biện pháp phòng ngừa nhiều hơn, bao gồm kiểm tra an ninh để tìm kiếm những người cung cấp thông tin tiềm năng trong số nhân viên của ông ta.

Trình Minh Thế gật đầu, sau đó thay đổi chủ đề. Lực lượng của ông ta ở miền Tây đã đụng độ với lực lượng của Ba Cụt. Liệu tôi có thể đến khu vực Hòa Hảo, gặp Ba Cụt và sắp xếp một thỏa thuận ngừng chiến không? Bản thân ông ta đang đi đến đó ngay sau khi rời khỏi tôi, để đích thân chỉ huy các hoạt động, vốn đã được thực hiện cho đến nay bởi cấp phó của ông ta là Văn Thành Cao. Tôi gợi ý rằng ông ta nên rút khỏi cuộc chiến với Ba Cụt, vì tôi không có cách nào nhanh chóng để gặp Ba Cụt hoặc gây ảnh hưởng đến ông

ta. Có các sĩ quan liên lạc Pháp với Ba Cụt, nhưng tôi nghi ngờ liệu họ có tuân theo lệnh từ trụ sở Pháp hay không, vì họ dường như đang chơi một trò chơi nào đó của riêng họ. Họ chắc chắn sẽ không nghe lời tôi. Trình Minh Thế gật đầu đồng ý, bắt tay, lên ra cửa bếp và lái xe đi cùng với người khách béo tốt của mình. Những kẻ phục kích giữ vị trí của họ trên phố cho đến tối hôm đó, khi họ bỏ cuộc trong sự chán nản.

Vài ngày sau, Trình Minh Thế lại đến thăm tôi, đạp xe đạp đến nhà. Ông ta kể cho tôi nghe phần tiếp theo của cuộc chiến với lực lượng của Ba Cụt. Ông ta đã cố gắng rút lực lượng Liên Minh và đàm phán với Ba Cụt, nhưng Ba Cụt đã từ chối nói chuyện, thay vào đó đẩy lực lượng của mình vào các cuộc tấn công dữ dội chống lại Liên Minh. Vì vậy, Trình Minh Thế đã sử dụng chiến thuật cơ bản của mình là “bắt lấy thủ lĩnh.” Ông ta và một nhóm Liên Minh được chọn lọc đã xâm nhập vào lực lượng Ba Cụt và xác định vị trí của Ba Cụt, người đang chỉ đạo các hoạt động chống lại Liên Minh, bao vây ông ta và kêu gọi ông ta đầu hàng. Ba Cụt đáp lại lời kêu gọi đầu hàng bằng một loạt đạn lửa, mà Liên Minh bắn trả. Ba Cụt và các nhân viên trực tiếp của ông ta ngã xuống dưới

cơn mưa đạn. Ba Cụt bị bắn xuyên cổ và ngực và được cho là đã chết. Với việc những người của Ba Cụt chạy đến hiện trường, đội Liên Minh đã trốn thoát an toàn. Ngay sau đó, họ kinh ngạc khi thấy một chiếc trực thăng quân sự Pháp đến. Ba Cụt được đưa đến bệnh viện bằng máy bay. Liên Minh đã mất hai ngày để xác định vị trí bệnh viện và tìm hiểu về Ba Cụt. Ông ta vẫn còn sống và sẽ bình phục, nhờ sự chăm sóc y tế kịp thời từ người Pháp. Tuy nhiên, hiện tại, với việc Ba Cụt bị thương, cuộc chiến giữa người của ông ta và Liên Minh đã dừng lại.

Vài tháng sau, vào ngày 13 tháng 2 năm 1955, các thủ tục cuối cùng đã hoàn tất cho việc sáp nhập 2.500 du kích của Trình Minh Thế vào quân đội quốc gia. Một buổi lễ đã đánh dấu sự kiện này. Trình Minh Thế và quân đội Liên Minh của ông đã diễu hành qua Sài Gòn, dọc theo đại lộ Norodom, xuống phố Catinat, băng qua phố Espagne, đến đại lộ Charner và quảng trường trước Kho bạc. Binh lính mặc bộ quần áo đen của nông dân trồng lúa, giờ đã bạc màu thành xám xỉ, và đội mũ vải kiểu quân đội với vành mũ được khâu xung quanh như mũ thủy thủ hoặc mũ quân phục cũ, đó là những bộ đồng phục duy nhất - hay quần áo, nói đúng hơn - mà

họ có. Nhiều người trong số họ đi chân trần, mặc dù những người có giày bóng rổ hoặc giày tennis bằng cao su thì mang chúng và diễu hành ở hàng ngoài gần khán giả nhất để giúp che đi đôi chân trần của đồng đội. Sự vắng mặt của những đôi ủng nặng nề khiến cuộc diễu hành trông gần như ma quái. Hàng ngàn người dân Sài Gòn đứng dọc vỉa hè và lề đường dõi theo những binh lính diễu binh nhanh nhẹn, gần như im lặng, và nhìn họ chằm chằm mà không hề phát ra tiếng động nào. Họ dường như kinh ngạc khi nhận ra đây chính là những chiến binh dũng mãnh của Liên Minh mà người ta đã kể rất nhiều câu chuyện về họ. Đó là một cảnh tượng kỳ lạ, vào một ngày nắng chói chang, những người dân thành thị ăn mặc chỉnh tề đứng dọc đường phố, những binh lính mặc đồ đen diễu binh nhanh chóng lướt qua họ, âm thanh duy nhất là tiếng vỗ nhẹ của bàn chân trần hoặc đế giày cao su trên vỉa hè.

Diệm, các thành viên nội các của ông, các sĩ quan của Bộ Tổng tham mưu Việt Nam và khoảng một trăm vị quan chức nước ngoài ngồi trên khán đài ở đại lộ Charner. Tôi đã theo dõi cuộc diễu binh qua các con phố và lên vào một chỗ ngồi ở một đầu khán đài, giữa

một số sĩ quan Pháp và Mỹ, ngay khi quân đội Liên Minh tiến vào đại lộ và xếp hàng cho buổi lễ. Có tiếng xì xào từ đám khán giả xung quanh tôi, chủ yếu là những lời chê bai về bộ đồ bà ba đen bạc màu và đôi chân trần của những người lính Liên Minh. Một trong những sĩ quan Pháp phía sau tôi thì thầm lên, “Nhìn xem Lansdale gọi lính là gì kìa!” Tiếng cười khúc khích vang lên trên khán đài. Tôi quay lại phía các sĩ quan Pháp đang ngồi đó. “Khoan đã,” tôi nói. “Các ông người Pháp chẳng bao giờ đánh bại được họ cả.” Một người Mỹ gần đó hỏi chuyện gì đang xảy ra và những người mặc đồ bà ba đen này là ai vậy? Tôi nói với anh ta, bằng giọng đủ lớn để những người khác nghe thấy, rằng họ là quân du kích vừa mới từ trong nước đến và, vì là du kích, điều đáng chú ý không phải là đôi chân hay đồng phục của họ, mà là vũ khí và khuôn mặt của họ. Đó là những gì cho thấy họ là những người quen chiến đấu, chứ không phải diều binh. Mỗi khẩu súng đều trong tình trạng hoạt động tốt, có thể hơi cũ kỹ nhưng sẵn sàng sử dụng. Những người lính ngẩng cao đầu đầy tự hào, vẻ mặt có chút khinh miệt pha lẫn thích thú khi đáp lại ánh nhìn của những vị chức sắc ăn mặc chỉnh tề trên khán đài.

Các binh sĩ Liên Minh đã tuyên thệ gia nhập Quân đội Việt Nam. Sau đó, Ngô Đình Diệm làm lễ tuyên thệ cho Trình Minh Thế lên hàm Chuẩn tướng và đội mũ tướng lĩnh Việt Nam lên đầu ông. Lễ tuyên thệ được cử hành ngoài quảng trường. Khi kết thúc, Diệm và Thế quay lại khán đài, Thế nhìn chăm chú về phía khán giả. Ông thấy tôi ngồi ở một bên và tách khỏi Diệm, bước tới, cười toe toét, đôi mắt gần như khuất dưới vành chiếc mũ mới to tướng. Chúng tôi chào nhau và tôi chúc mừng ông. Diệm dừng lại ở quảng trường và nhìn Thế với vẻ khó hiểu, rõ ràng đang tự hỏi tại sao ông lại đi lạc. Diệm nhìn thấy tôi ngay lúc đó, nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt. Ông vẫy tay chào. Tôi giơ hai tay lên cao, hai tay chắp lại, tạo thành dấu hiệu của võ sĩ quyền anh. Những người Pháp phía sau tôi lầm bầm với nhau. Diệm và Thế ngồi vào vị trí của mình trên khán đài, và quân Liên Minh diễu hành qua họ rồi ra khỏi quảng trường. Buổi lễ đã kết thúc. Quân Liên Minh, không còn là du kích nữa, giờ đã là một phần của quân đội chính quy. Tối hôm đó, họ được điều đến doanh trại mới, phía bắc Sài Gòn.

GHI CHÚ

NÚI BÀ ĐEN. Núi Bà Đen có nghĩa là “Black Woman Mountain”. Một thập kỷ sau, khi quân đội Mỹ đến khu vực này, họ đã lãng mạn hóa hơn và gọi nó là “Núi Trinh Nữ Đen”. Máy quay truyền hình đã nhiều lần chiếu cảnh chiến đấu trên và gần ngọn núi này cho khán giả trên khắp thế giới.

CHƯƠNG MƯỜI HAI

* *

ĐẦU NĂM 1955

Đã có những lúc tôi ước mình có chín mạng như mèo. Những ngày đầu năm 1955 là một khoảng thời gian như vậy. Nếu là một con mèo, tôi đã có thể từ bỏ cuộc sống của những ngày đó và bắt đầu một cuộc sống mới. Tuy nhiên, tôi phải sống với cuộc đời mình đang có. Vì vậy, trong khi làm quen với Trình Minh Thế, tôi cũng tiếp tục với các công việc khác của mình, hầu hết chúng dường như đẩy dấy những vấn đề phức tạp và rắc rối.

Tôi đã khởi đầu không suôn sẻ với vị đại sứ mới của chúng ta, Tướng Collins. Tôi đã khuyến khích một dự án của người Việt Nam mà nhanh chóng khuấy động sự phản nộ của giới quan liêu. Tôi chào đón một số du khách Philippines đến Sài Gòn và phát hiện ra rằng họ là những người đi trước của một nhóm tình nguyện viên đầy nhiệt huyết,

đang tìm kiếm sự hướng dẫn về cách họ có thể giúp đỡ người Việt Nam. Tôi tham gia tổ chức huấn luyện quân sự hỗn hợp Pháp-Mỹ với tư cách là trưởng phòng, với một nhiệm vụ khó khăn cần thực hiện, chỉ để thấy rằng người Pháp đã cài đầy các điệp viên tình báo của họ vào đội ngũ nhân viên của tôi, những người thích dành thời gian và tài năng của họ để viết báo cáo về tôi. Trên hết, cơ quan mật vụ Pháp ở Việt Nam đã trình lên đại sứ quán của chúng tôi một danh sách dài về những hành vi sai trái bị cáo buộc của tôi và mời tôi đến một phiên họp kín để trả lời các cáo buộc nếu tôi có thể. Thật là một cách khởi đầu năm mới vui vẻ!

Tướng Collins mang lại một bầu không khí chính xác quân sự cho các cuộc họp của “Đội ngũ Quốc gia” (Country Team) Hoa Kỳ tại Sài Gòn, vốn trước đây, dưới sự hướng dẫn của Donald Heath, là những buổi họp thân mật với nhiều thảo luận cởi mở. J. Lawton Collins nhấn mạnh vào một hình thức kỷ luật hơn, yêu cầu mỗi thành viên báo cáo miệng ngắn gọn, sau đó tất cả chúng tôi sẽ im lặng và ngồi đó trong khi ông ấy cho chúng tôi biết tình hình thực sự như thế nào và mỗi người chúng tôi phải làm gì cho đến cuộc họp hàng tuần tiếp theo. Ông ấy

rất giống một ông chủ, người mà chúng tôi phải trả lời bằng vâng thưa ngài hoặc không thưa ngài, chấm hết.

Collins và tôi đã va chạm trực tiếp tại cuộc họp Country Team đầu tiên mà ông ấy chủ trì ở Sài Gòn. Những lý do cơ bản cho những gì đã xảy ra, có lẽ, nằm ở những nền tảng cực kỳ khác nhau mà mỗi người chúng tôi đã mang đến thời điểm đó ở Sài Gòn khi chúng tôi cần làm việc cùng nhau để phục vụ đất nước của mình.

Tôi vừa thoát ra khỏi cuộc đấu tranh chống lại Huk ở Philippines, với sự phụ thuộc nặng nề vào người dân. Điều đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tôi. Collins đến từ thế giới của “bức tranh lớn,” các giới quản lý cấp cao ở Washington với cái nhìn đơn giản hóa cần thiết về các vấn đề phức tạp của thế giới mà họ phải đối mặt hàng ngày, khi họ phân phát số lượng chính xác về nhân lực, tiền bạc và vật chất mà họ cho là đủ để đối phó với mỗi yêu cầu. Trong một thế giới như vậy, ngữ nghĩa vào thời điểm đó dường như không đúng chỗ, các từ thường gọi lên những hình ảnh sai lệch cho những người sử dụng chúng. Ví dụ, “Chính phủ” ngụ ý một tổ chức quản trị phần nào trưởng thành, những người đã làm việc trong nhiều năm và có

một vị trí ổn định trong xã hội, bất chấp những thay đổi định kỳ của tổng thống hoặc thủ tướng, như ở châu Mỹ hoặc châu Âu. Áp dụng hình ảnh này vào những gì đang tồn tại ở miền Nam Việt Nam, nơi một nhóm nhỏ các quan chức tụ tập ở Sài Gòn và ra lệnh chủ yếu cho nhau trong sự thiếu hiểu biết bi thảm về những gì đang xảy ra ngoài vùng ngoại ô, chỉ có thể dẫn đến những đánh giá sai lầm. Xã hội Việt Nam vẫn còn trong thời kỳ Trung Cổ phong kiến. Cộng sản đã tìm thấy một cách để thoát ra. Những người theo chủ nghĩa dân tộc sẽ phải tìm một cách khác nếu không sẽ phải khuất phục.

Trong cuộc họp Country Team đầu tiên của mình, Collins đã phác thảo các ưu tiên cho các nhiệm vụ chung sắp tới của chúng tôi, trong đó có việc giúp tăng cường hiệu quả của chính phủ Diệm và cắt giảm mạnh nhân lực của quân đội quốc gia, mà Hoa Kỳ đang chi trả hóa đơn. Khi ông ấy kết thúc, tôi đã lên tiếng về hai vấn đề mà tôi đã nhấn mạnh trước khi ông ấy đến: nhu cầu tạo ra các thể chế phổ biến (popular institutions) trong cơ cấu chính trị trước cuộc đối đầu trưng cầu dân ý được đề xuất vào năm 1956 với Cộng sản, và tầm quan trọng của việc hợp nhất các lực lượng vũ trang địa phương,

phong kiến vào quân đội quốc gia trước khi bắt đầu cắt giảm nó. Collins nói với tôi một cách dứt khoát rằng tôi đã lạc đề, rằng ông ấy là đại diện cá nhân của Tổng thống Hoa Kỳ, rằng với tư cách là đại diện, ông ấy đã đặt ra các ưu tiên, và hoàn toàn không cần thiết phải thảo luận chúng. Tôi có hiểu không? Tôi đứng dậy và nói, “Vâng, thưa ngài. Tôi hiểu. Tôi đoán không có ai ở đây là đại diện cá nhân của nhân dân Hoa Kỳ. Nhân dân Mỹ sẽ muốn chúng tôi thảo luận về những ưu tiên này. Vì vậy, tôi xin tự bổ nhiệm mình là đại diện của họ và chúng tôi sẽ rời khỏi ngài.” Tôi bước ra khỏi cuộc họp.

Tôi đi đến văn phòng của cố vấn đại sứ quán, gần văn phòng đại sứ nơi cuộc họp Country Team đang được tổ chức. Ngồi đó, tôi bắt đầu ghi chép lại nhiều công việc mà tôi sẽ phải giải quyết trước khi rời Việt Nam, vì tôi hoàn toàn mong đợi Collins sẽ ra lệnh cho tôi ra khỏi đất nước ngay lập tức. Sau một lúc, Randy Kidder, cố vấn đại sứ quán, bước vào văn phòng của anh ta và nói với tôi rằng cuộc họp Country Team đã kết thúc. Tướng Collins muốn gặp tôi, ngay lập tức. Tôi vào gặp Collins, người đang ngồi tại bàn làm việc bận rộn với giấy tờ.

Với giọng điệu của một người cha, ông ấy

nói với tôi rằng ông ấy rất thất vọng về hành vi của tôi tại cuộc họp. Là một quân nhân, chắc chắn tôi hiểu rằng chỉ có thể có một chỉ huy ra lệnh. Tôi đồng ý nhưng chỉ ra rằng tình hình chúng ta đang gặp phải không đơn giản hay rõ ràng; chúng ta đối mặt với một tình huống vô cùng phức tạp cần rất nhiều suy nghĩ và sự hiểu biết trước khi đưa ra một đường lối hành động, vì có rất nhiều tương lai đang bị đe dọa. Collins trả lời rằng ông ấy đã cân nhắc rất nhiều đến việc lựa chọn các ưu tiên mà ông ấy đã thiết lập cho chúng tôi. Chúng là những tảng đá khổng lồ của các vấn đề lớn đang làm khó chúng tôi. Những gì tôi đã đưa ra tại cuộc họp thực sự chỉ là những viên sỏi thứ yếu.

Tôi nói rằng tôi chân thành muốn ông ấy thành công trong sứ mệnh của mình ở Việt Nam, rằng thành công của ông ấy sẽ có ý nghĩa trong tương lai của hàng triệu người, và tôi đã hy vọng giúp đỡ ông ấy. Tuy nhiên, cả thành công của ông ấy lẫn sự giúp đỡ của tôi sẽ không thể thực hiện được nếu chúng ta mang mắt kính và bịt miệng ở giữa một bối cảnh mà có quá nhiều thứ xa lạ, không rõ, hoặc gây hiểu lầm. Tôi sẵn sàng bị gửi về nhà hoặc ở lại, quyết định là của ông ấy. Nếu tôi ở lại, thì tôi muốn đóng góp thông tin vào

nội dung và dữ liệu mà ông ấy sẽ xem xét trước khi đưa ra quyết định. Tôi hiểu rằng biệt danh “Lightning Joe” thực ra là do các đồng đội đặt cho ông ta vì tốc độ suy nghĩ và đưa ra giải pháp cho các vấn đề của ông. Có lẽ ở Việt Nam, ông ấy có thể trình bày những suy nghĩ này trong các cuộc gặp riêng với tôi và tôi có thể thêm bất cứ điều gì tôi biết, để làm sáng tỏ các yếu tố mà ông ấy liệt kê là phù hợp với bất kỳ vấn đề nào đang được xem xét.

“Joe Chóp” mỉm cười với điều này và nói rằng điều đó sẽ không khả thi. Ông ấy giải thích rằng ông thường suy nghĩ sâu sắc nhất sau bữa trưa, khi ông nghỉ ngơi một lúc trên giường. Ông ấy không ngủ trưa sao, vì giấc ngủ ngắn buổi chiều là một phong tục ở vùng nhiệt đới? Không, ông ấy chỉ đơn giản là duỗi người trên giường, nghỉ ngơi và suy nghĩ.

“Tốt,” tôi thốt lên. “Tôi sẽ đến nhà ông ngay sau bữa trưa và tham gia cùng ông trong phòng, ngồi yên lặng ở đó trong khi ông nghỉ ngơi. Nếu ông muốn nói chuyện, được thôi, chúng ta sẽ nói chuyện. Nếu ông chỉ muốn nghỉ ngơi, tôi sẽ không nói một lời nào. Hãy xem liệu điều này có hiệu quả không.” Tôi xin phép và rời đi vội vã, vì đã

đến giờ ăn trưa. Có những người đang chờ tôi ở nhà mà tôi sẽ phải giải quyết nhanh chóng, sau đó nuốt vội bữa trưa và đến dinh thự của đại sứ. Với một chút vội vã, tôi cố gắng đến chỗ ông ấy ngay khi ông ấy đang kết thúc bữa trưa. Ông ấy nhăn mặt khi nhìn thấy tôi và nói với tôi rằng ông ấy không muốn cố gắng nghỉ ngơi khi có tôi lảng vảng.

“Thôi nào,” tôi thúc giục. “Dù sao thì cũng hãy thử một lần, bây giờ tôi đã ở đây rồi.” Miễn cưỡng, ông ấy dẫn đường đến phòng của mình.

Ông ấy đuổi người trên giường trong khi tôi ngồi bệt trên một chiếc ghế cạnh giường. Chúng tôi đã dành toàn bộ thời gian nghỉ ngơi để nói chuyện. Tôi kể cho ông ấy nghe về những gì tôi tin là những thiếu sót và điểm mạnh của Ngô Đình Diệm, vì sự xa cách của Diệm với người dân khiến tôi lo lắng. Tôi mô tả vực thẳm giữa chính phủ ở thủ đô và chính quyền rời rạc ở các tỉnh và khoảng cách thậm chí còn lớn hơn giữa các nhà quản lý tỉnh và người dân làng. Cần có các thể chế phổ biến (popular institutions) thông qua đó người dân có thể bắt đầu tham gia vào các vấn đề công cộng. Các công cụ chính phủ có sẵn, chẳng hạn như quân đội lớn và cơ quan dân sự nhỏ bé, có thể được sử

dụng để mang các dịch vụ hành chính (và thậm chí có lẽ là ánh sáng chính trị) đến các khu vực nông thôn đang được Việt Minh rút đi theo hiệp định Geneva. Tôi mô tả những gì tôi đã tìm hiểu về sự phấn khích mà người dân làng đã cảm thấy trong những ngày đầu của Việt Minh, khi họ lần đầu tiên có cơ hội lên tiếng công khai trong các cuộc mít tinh quần chúng và khi một số cải cách ruộng đất thực sự được thực hiện. Sự đàn áp sau đó đã làm chết đi sự nhiệt tình này, nhưng chính phủ Sài Gòn thậm chí chưa bao giờ cố gắng khởi đầu như cách Cộng sản đã làm. Điều quan trọng đối với kết quả của cuộc đối đầu trưng cầu dân ý năm 1956 là chính phủ phải có một sự khởi đầu chân thành, một sự khởi đầu mà người dân sẽ hiểu và cảm thấy là một phần của nó.

Collins đã khiển trách tôi vì lạm dụng từ “quan trọng” (vital) trong bối cảnh này. Ông ấy nói với tôi về nhiều vấn đề ở Washington, những giới hạn trong việc sử dụng hiệu quả hơn các khoản tiền được ngân sách ở giai đoạn chuyển tiếp này của quan hệ Hoa Kỳ ở Đông Dương, bản chất tinh tế của sự hỗ trợ của chúng ta đối với người Pháp trong khi họ đang can dự sâu hơn vào các vấn đề ở Bắc Phi và trong khi vị thế của họ ở các quốc

gia Đông Dương đang trải qua sự thay đổi lớn, và sự nghiêm trọng ngày càng tăng của cuộc đối đầu hạt nhân giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Các cuộc chơi quyền lực chính trị của cuộc đối đầu này xứng đáng với mô tả “quan trọng”; những vấn đề nhỏ hơn chắc chắn không như vậy. Nhu cầu hợp tác hài hòa với người Pháp ở Việt Nam là “thiết yếu,” mặc dù điều này có thể ngày càng khó khăn hơn khi viện trợ của Hoa Kỳ cho họ giảm dần và sự nhạy cảm của người Pháp tăng lên. Có vẻ như Hoa Kỳ sẽ không tài trợ cho cuộc đấu tranh của Pháp ở Bắc Phi, và có những câu hỏi tế nhị về vũ khí Hoa Kỳ hiện đang nằm trong tay người Pháp ở Việt Nam.

Sau cuộc nói chuyện dài và khó khăn này, tôi nhìn Collins. Ông ấy trông mệt mỏi và tôi nhận ra rằng ông ấy vẫn đang mắc kẹt trong sự mất cân bằng đồng hồ sinh học từ chuyến bay nhanh chóng của mình từ múi giờ Washington đến múi giờ Sài Gòn. Cơ thể và thói quen của ông ấy đang nói với ông ấy rằng ông ấy đang ở những giờ sáng sớm ở Washington. Tôi xin lỗi vì đã khẳng khẳng về “buổi trao đổi” của chúng ta khi ông ấy sẽ tốt hơn nếu thực sự ngủ một giấc để điều chỉnh bản thân theo giờ Sài Gòn. Ông ấy đồng ý. Tôi rút lui một cách vội vàng. Trong

những ngày tiếp theo, chúng tôi có thêm những cuộc nói chuyện tương tự về một số chủ đề. Chúng thường khiến tôi cảm thấy bối rối, như thể mỗi người chúng tôi đã tiến hành cẩn thận và chân thành trong hai thế giới hoàn toàn riêng biệt.

Một câu trả lời cho câu hỏi phải làm gì với công chức Việt Nam đến từ một vị khách đến nhà tôi. Anh ta là Kiều Công Cung, một người Việt Nam lùn, vạm vỡ, sôi nổi khoảng bốn mươi tuổi. Giống như những người khác, Cung chỉ đơn giản là đến một ngày nọ, tự giới thiệu, nói rằng anh ta đã nghe nói rằng tôi đang cố gắng giúp đỡ Việt Nam và anh ta có một số ý tưởng về những gì cần phải làm. Anh ta từng là một quan chức với Việt Minh, nhưng đã bỏ cuộc trong sự tức giận về cách các quan chức Cộng sản đã “làm ô nhiễm phong trào vì những mục đích hẹp hòi của riêng họ.” Nhưng những gì anh ta thấy kể từ đó về các quan chức Sài Gòn đã khiến anh ta thất vọng. Họ là một nhóm người kiêu ngạo, chậm chạp, vô kỷ luật, chỉ biết đẩy giấy tờ, không có niềm tin chính trị và chỉ quan tâm đến lương của họ. Khi cuộc đối đầu với Cộng sản diễn ra vào năm 1956, nhóm Sài Gòn này sẽ là một chỗ dựa cực kỳ yếu ớt để trông cậy vào. Cung, anh ta muốn dạy cho những quan chức này cách

phục vụ người dân thực sự. Có lẽ khi đó sự nghiệp dân tộc sẽ có cơ hội vào năm 1956.

Mắt Cung lóe lên lửa giận dữ khi anh ta giải thích lý do cho chuyến thăm của mình. Anh ta bùng lên dữ dội hơn khi tôi nói với anh ta rằng anh ta nghe có vẻ như chỉ muốn có một công việc trong chính phủ, như một loại *Sa hoàng* (Czar) của công chức, và tôi không phải là người để gặp gỡ xin việc làm trong chính phủ Việt Nam. Lời nói như muốn nổ tung từ miệng anh ta. Anh ta không chỉ là một người tìm việc. Anh ta không muốn làm sếp. Trên thực tế, anh ta sẽ hài lòng nếu anh ta có thể làm cho một số ý tưởng của mình được chấp nhận bởi một quan chức nào đó thể hiện đủ sự khôn ngoan và can đảm để đưa ý tưởng của anh ta vào thực tế. Sau đó, anh ta sẽ vui vẻ đi theo con đường của riêng mình và để chính phủ yên.

Anh ta nói đúng rằng dịch vụ chính phủ đã quá hạn cần thay đổi. Nó sơ sài ở một số khu vực và không tồn tại ở những khu vực khác. Khoảng 80% nhân viên chính phủ sống và làm việc ở khu vực đô thị Sài Gòn và là người thành phố, những người lao động cổ cồng trắng điển hình. Chính phủ Sài Gòn đang gặp khó khăn gần như không thể tạo ra các đội ngũ quản trị viên dân sự có năng lực

để lấp đầy khoảng trống ở các khu vực mà Việt Minh đang rút lui. Nếu Cung có một số ý tưởng thực tế về cách thay đổi những nhân viên bàn giấy yếu kém thành những người làm việc thực địa cứng rắn trong một thời gian rất ngắn, tôi sẽ cố gắng hết sức để giúp anh ta có một buổi điều trần với một giám đốc điều hành chính phủ. Anh ta hứa sẽ lập ra một kế hoạch thực tế.

Ngày hôm sau, tôi đã hội đàm với những người Mỹ trong ban cố vấn hành chính công của phái bộ kinh tế Hoa Kỳ. Họ đang bận rộn lên kế hoạch thành lập Học viện Quốc gia về Hành chính tại Sài Gòn, nơi sẽ cung cấp hướng dẫn cấp cao trong các lớp học cho các nhân viên chính phủ triển vọng nhất. Một hợp đồng đang được ký kết với Đại học Bang Michigan để thực hiện công việc này, cũng như giám sát một chương trình an toàn công cộng để chuẩn bị cảnh sát làm nhiệm vụ ở các khu vực nông thôn. Tôi lắng nghe khi những người Mỹ này mô tả sự kỹ lưỡng của chương trình. Phải mất nhiều tháng trước khi có bất kỳ kết quả nào từ những nỗ lực như vậy. Chúng tôi không có thời gian. Tôi giải thích với họ rằng thời gian biểu Geneva sẽ khiến các khu vực rộng lớn của đất nước không có bất kỳ dịch vụ công

cộng nào, đặc biệt là từ tháng 2 đến tháng 5 năm 1955, do việc Việt Minh rút quân. Sài Gòn không chỉ phải di chuyển vào các khu vực này, mà còn phải bắt đầu dịch vụ chính phủ ở những nơi sơ sài hoặc không tồn tại ở những nơi khác. Kế hoạch Geneva là để các chính phủ ở miền Bắc và miền Nam bắt đầu thảo luận về cuộc trưng cầu dân ý được đề xuất vào năm 1956 vào khoảng tháng 7 năm 1955. Một năm là quá ít thời gian để chứng minh cho người dân thấy một chính phủ dân tộc chủ nghĩa là một sự thay thế chấp nhận được so với những gì Cộng sản đã cho họ thấy. Điều này có nghĩa là, bằng cách nào đó, chính phủ tốt phải được thành lập và hoạt động với một số hiệu quả trên khắp miền Nam Việt Nam trước tháng 7 năm 1955. “Không thể nào!” họ nói với tôi. Họ quay lại với việc lên kế hoạch cho học viện.

Vào đầu tháng Giêng, Cung mang đến cho tôi một kế hoạch mà anh ta đã soạn thảo. Nó hình dung ra một trại huấn luyện ở vùng nông thôn, có lẽ gần Sài Gòn. Hàng trăm công chức mỗi lần sẽ được đào tạo cấp tốc về cách làm việc bằng tay chân trong lao động thủ công. Khi vào trại huấn luyện, họ sẽ cởi bỏ quần áo thành phố để mặc quần áo bà ba đen (calicot noir) của nông dân

làng xã. Quần áo bà ba sẽ là trang phục duy nhất được phép mặc cho đến khi họ hoàn thành toàn bộ chu trình đã được Cung lên kế hoạch. Chu trình này bao gồm không chỉ giáo dục chính trị, rèn luyện thể chất và học cách sử dụng công cụ tại trại huấn luyện, mà còn có một giai đoạn phục vụ tiếp theo trong một ấp hoặc làng. Tại các làng, họ sẽ giúp đỡ cư dân xây trường học, đường sá, cầu cống, nhà xí hố, và các công trình công cộng tương tự, cũng như giúp thiết lập tự quản. Sau một tháng như vậy, họ sẽ được đánh giá về khả năng phục vụ người dân của mình, và các ứng viên thành công sẽ được bố trí làm quản trị viên ở bất cứ nơi nào cần thiết (với áo vest và cà vạt, nếu họ muốn). Điều đó sẽ nhanh chóng mang lại sự hiện diện hữu ích của chính phủ ở nông thôn và tạo ra những công chức, với một số hiểu biết về nhu cầu thực sự của người dân, để phục vụ các văn phòng ở cả thủ đô và các tỉnh.

Lần tiếp theo tôi gặp Ngô Đình Diệm, tôi kể cho ông ấy nghe về Cung. Ông Diệm cũng bị hấp dẫn như tôi bởi ý tưởng về những nhân viên cổ còn trắng được đào tạo thành công chức bằng cách bắt đầu làm bẩn tay của họ. Ông ấy đã nghe nói về Cung và sẽ hỏi em trai mình là Nhu để biết thêm thông

tin, giải thích rằng Nhu dường như có thể nhận được dữ liệu như vậy một cách nhanh chóng. (Đây là lần đầu tiên ông Diệm thừa nhận với tôi rằng em trai ông đang điều hành một cơ quan tình báo cho ông.) Cuối ngày hôm đó, khi nói chuyện với Bộ trưởng Quốc phòng mới là Hồ Thông Minh, tôi biết rằng Minh không chỉ biết Cung mà còn là người đã gợi ý Cung đến gặp tôi. “Một người rất có năng lực,” Minh nói về anh ta. Hai ngày sau, ông Diệm bay ra Huế để thăm, mời Minh đi cùng. Minh đưa Cung đi cùng trong chuyến đi. Kết quả là ông Diệm đã bổ nhiệm Cung bắt tay vào chương trình, báo cáo trực tiếp cho ông Diệm nhưng sử dụng không gian văn phòng trong Bộ Quốc phòng, nơi Minh có thể giúp Cung bắt đầu.

Chương trình được đặt tên là “Công Tác Công Dân” (Civic Action). Tôi phản đối, chỉ ra rằng điều đó sẽ gây nhầm lẫn vì Quân đội Việt Nam đã bắt đầu sử dụng tên đó cho công việc giúp đỡ người dân của họ. Tôi bị bác bỏ. Ông Diệm đã tự mình chọn cái tên từ những gì tôi đã nói với ông ấy về công tác dân sự quân sự ở Philippines. Ông ấy nghĩ đó là một cái tên thậm chí còn phù hợp hơn khi áp dụng cho việc đào tạo các quan chức học cách phục vụ người dân. Tôi im lặng.

Chương trình Công Tác Công Dân đã được Cung trình bày tại một cuộc họp nội các, với sự chấp thuận nhiệt tình từ ông Diệm. Một địa điểm cho trại huấn luyện đã được tìm thấy ở ngoại ô Sài Gòn. Một chiến dịch tuyển dụng đã được khởi xướng để kêu gọi các tình nguyện viên từ hàng ngũ các nhân viên cổ cồn trắng của tất cả các bộ. Nó thất bại. Không ai tình nguyện. Sự đồng thuận giữa các quan chức là Cung là một loại người điên, muốn họ từ bỏ những công việc béo bở trong thành phố để ra vùng quê và làm bẩn tay giúp đỡ người dân. Anh ta không hiểu rằng họ là những người có học thức, không phải lao động sao? Sự phản đối lớn đến nỗi tôi đã gợi ý với ông Diệm rằng một số vụ sa thải công chức có chọn lọc, có cân nhắc có thể là phù hợp. Ông ấy thích xử lý vấn đề theo một cách khác.

Ông Diệm đã nghiên cứu triển vọng tương lai của những người tị nạn từ Bắc Việt Nam. Tôi nhớ rằng ông ấy muốn một số nông dân thay đổi cây trồng truyền thống từ lúa sang trồng kenaf lấy sợi và nuôi gia súc, và ông ấy muốn các thợ thủ công bắt đầu các doanh nghiệp mới ở ngoại ô Sài Gòn. Trong số những người tị nạn có các quan chức từ Hà Nội đang cạnh tranh để có các chức vụ

cao cấp trong các cơ quan ở Sài Gòn và một số sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên từ Đại học Hà Nội. Ông Diệm coi chương trình Công Tác Công Dân mới là một câu trả lời sẵn sàng cho sự quấy rầy của họ. Ông ấy đã cưỡng bức một nhóm các quan chức Hà Nội (“Các anh muốn phục vụ trong chính phủ của tôi? Tôi có đúng nơi dành cho các anh đây!”) và kêu gọi các tình nguyện viên từ giới sinh viên đại học, những người đã hưởng ứng nhiệt tình. Những người tị nạn này đã trở thành khóa cán bộ đầu tiên được đào tạo tại trung tâm Công Tác Công Dân.

Chương trình Công Tác Công Dân bắt đầu huấn luyện và hoạt động với số tiền ít ỏi. Ông Diệm đã vét được một khoản tiền nhỏ từ ngân sách đã bị kéo căng của mình. Phái bộ kinh tế Hoa Kỳ thận trọng về việc hỗ trợ chương trình này, bất chấp những nỗ lực của tôi để thu hút họ tham gia vào việc lập kế hoạch và để tôi loại bỏ mọi liên hệ với nó. Họ chỉ đưa ra sự hỗ trợ tối thiểu có thể sau nhiều áp lực. Một số quản trị viên Hoa Kỳ sau đó đã thú nhận rằng họ sợ rằng đó là một kế hoạch nào đó của tôi để tràn ngập đất nước bằng các điệp viên bí mật, điều mà họ không muốn tham gia. (Trớ trêu thay, điều này lập lại một chương trình tuyên

truyền của Cộng sản đưa ra những cáo buộc tương tự.) Hậu quả của sự hỗ trợ keo kiệt này là chương trình huấn luyện Công Tác Công Dân là một trường học của thực tế khắc nghiệt ngay từ khi thành lập. Các học viên đã đổi quần áo thành phố của họ lấy quần áo bà ba đen của nông dân và người lao động miền Nam ngay ngày đầu tiên. Họ học cách làm việc bằng tay chân bằng cách tự xây dựng doanh trại và phòng học, trong khi ngủ trên mặt đất vào ban đêm và tham dự các buổi học ngắn ngoài trời.

Khi các đội Công Tác Công Dân đầu tiên sau đó báo cáo với các tỉnh trưởng để nhận nhiệm vụ công việc sau khi tốt nghiệp, nhiều tỉnh trưởng đã từ chối tin rằng những thanh niên này mặc quần áo bà ba đen và với đôi tay chai sạn vì lao động thực sự là các quản trị viên chính phủ. Kết quả là, hầu hết các đội đã bị giữ nhàn rỗi tại các tỉnh lỵ cho đến khi Kiều Công Cung nghĩ ra ý tưởng tự mình đến thăm từng tỉnh lỵ, mặc quần áo bà ba đen giống như họ. Cảnh tượng Cung, được biết là một quan chức chính phủ cấp cao được Ngô Đình Diệm tin cậy nhưng lại ăn mặc theo kiểu lao động hàng ngày, đã thuyết phục. Các đội được cử ra các làng. Ở đó, những rắc rối khác ập đến với họ. Giọng nói lạ lẫm của

tiếng địa phương miền Bắc đã gây ra tâm lý bài ngoại (xenophobia), không bao giờ xa bề mặt ở bất kỳ ngôi làng Việt Nam nào, và các đội Công Tác Công Dân thường bị đối xử như người ngoài. Tổ chức nằm vùng của Việt Minh đã nhanh chóng khai thác lỗ hổng này. Tin đồn được lan truyền một cách khéo léo về những tai họa khủng khiếp mà những người lạ này đang mang đến cho các làng. Du kích Việt Minh, những người đã nằm im, đã đào vũ khí giấu kín của họ lên và bắt đầu hành động. Các thành viên của các đội Công Tác Công Dân bắt đầu bị sát hại.

Các bản sửa đổi vội vàng đã được thực hiện trong chương trình Công Tác Công Dân. Hầu hết các đội người miền Bắc đã được chuyển sang làm việc trong các cộng đồng tị nạn mới, nơi những người miền Bắc đồng hương của họ đang cố gắng bắt đầu lại cuộc sống. Người miền Nam được tuyển dụng để thành lập các đội mới, trong số đó có một số thanh niên triển vọng từ các làng nông thôn, những người đã được trả về làm việc tại các huyện nhà của họ sau khi huấn luyện. Cuối cùng, ở các khu vực nguy hiểm nhất, nơi du kích rình rập hàng đêm, các đội Công Tác Công Dân đã được tổ chức cùng với cảnh sát Dân Vệ và các đơn vị quân đội,

với tư cách là thành phần dân sự không vũ trang của một lực lượng như vậy.

Đó là một lời bình luận buồn về sự vô nhân đạo của cuộc đấu tranh kéo dài ở Việt Nam rằng, sau nhiều năm và thay đổi tên, lý do ban đầu đằng sau chương trình Công Tác Công Dân vẫn còn giá trị lớn. Cán bộ bản địa mặc quần áo bà ba đen của cái hiện được gọi là Phát Triển Cách Mạng (Revolutionary Development) hiện đang đi ra vùng nông thôn và làm việc trong các làng để giúp thúc đẩy tự trị, tự phát triển và tự vệ. Khóa huấn luyện mà họ tham gia chất chứa những ký ức về những thanh niên đã đi trước họ và đã gặp cái chết trong khi cố gắng giúp đỡ đồng bào của mình. Bây giờ các cán bộ quần áo bà ba đen được trang bị vũ khí để tự vệ. Giới lãnh đạo Cộng sản đã đặt một giá trị xấu xí lên công lao của công việc của họ. Một cán bộ bị giết được đánh giá cao tương đương với một người Mỹ bị giết, trong việc liệt kê công lao cho việc thăng chức và khen thưởng giữa các lực lượng Việt Cộng và Quân đội Bắc Việt Nam. Cộng sản đã thiết lập tỷ lệ tương đương này trong các mệnh lệnh vào ngày 15 tháng 3 năm 1967.

Các bác sĩ và y tá của Chiến dịch Tình Huynh đệ (Operation Brotherhood) không

phải là những người Philippines duy nhất đón nhận tinh thần giúp đỡ người Việt Nam trong hoàn cảnh khó khăn của họ. Một nhóm lớn cựu chiến binh Philippines tham gia chiến đấu du kích chống lại Nhật Bản và thường dân, những người đã phục vụ với tư cách là tình nguyện viên trong chiến dịch bầu cử tự do năm 1953 của Philippines, đã thành lập một công ty dịch vụ công cộng, phi lợi nhuận ở Manila vào tháng 11 năm 1954. Họ đặt tên cho tổ chức mới của mình là Công ty Tự do Philippines (Freedom Company of the Philippines) và mô tả mục đích của nó là “thúc đẩy sự nghiệp tự do.” Họ bầu Frisco Johnny San Juan làm chủ tịch và bao gồm Magsaysay và tôi trong số các thành viên danh dự. Tôi đã gặp các nhà lãnh đạo của tổ chức mới trong chuyến thăm ngắn ngủi của tôi đến Manila cùng với các trung úy đảo chính của Tướng Hinh và đã khuyến khích doanh nghiệp của họ. Tôi cảm thấy rằng sự hiện diện ở Việt Nam của những người như vậy, những người thể hiện rõ ràng sự tận tâm với nguyên tắc tự do của con người, sẽ có tác dụng khích lệ đối với những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam.

Khi tôi đề cập đến những người Philippines của Freedom Company với Thủ tướng

Diệm, tôi đã đụng phải những định kiến kinh điển của châu Á – một quốc gia có xu hướng coi thường người dân của các nước láng giềng. (Về mặt này, Đông Nam Á rất giống với Balkan của Viễn Đông, sôi sục với những sai lầm cổ xưa cần được sửa chữa hơn cả những người cuồng tín chủng tộc da đen hoặc da trắng ở Hoa Kỳ có thể tưởng tượng.) Với vẻ nhăn nhó trên khuôn mặt, ông Diệm nói với tôi rằng người Việt Nam không cần sự giúp đỡ của một đám diễn giả và nhạc sĩ hộp đêm (hầu hết các ban nhạc nhảy ở châu Á vào thời điểm đó đều là người Philippines). Tôi nhắc ông Diệm về các bác sĩ và y tá Philippines đang làm việc tại Việt Nam và lưu ý rằng có một sự thiếu hụt đáng buồn những người Việt Nam được đào tạo trong nhiều lĩnh vực kỹ thuật khác, nơi sự giúp đỡ của những người Philippines am hiểu sẽ vô giá. Ông Diệm nói rằng ông sẽ phải suy nghĩ về điều đó. Tôi để nó ở đó.

Frisco Johnny San Juan đến Sài Gòn với một nhóm quan chức Freedom Company, để thực hiện một cuộc khảo sát về những cách thức họ có thể giúp đỡ người Việt Nam. Vì Philippines chưa công nhận Việt Nam về mặt ngoại giao và chỉ có một quan chức trong nước, quan sát viên quân sự Đại tá

Jose Banzon, tôi gợi ý rằng anh ta nên sắp xếp một cuộc họp cho họ với ông Diệm. Nếu ông Diệm phản ứng tích cực, thì một hợp đồng có thể được soạn thảo giữa chính phủ Việt Nam và công ty cho các dịch vụ của người Philippines. Tại cuộc họp của họ, ông Diệm trở nên tò mò với những câu chuyện của người Philippines về các cải cách dịch vụ công cộng ở Philippines, nơi San Juan đã tích cực trong việc hiện đại hóa dịch vụ hải quan và hiện đang phục vụ với tư cách là phó trưởng ban Ủy ban Khiếu nại và Hành động của Tổng thống.

Trước khi cuộc họp kết thúc, một hợp đồng đã được ký giữa chính phủ Việt Nam và Freedom Company “để thúc đẩy sự nghiệp tự do ở Việt Nam.”

Sau đó, cả ông Diệm và các quan chức Freedom Company đều hỏi riêng tôi về những ý tưởng mà người Philippines có thể làm. Tôi nói với cả hai rằng Việt Nam cần nhất các thể chế quốc gia để bắt đầu tập hợp người dân lại với nhau. Đặc biệt quan trọng là các thể chế mà trong đó người dân có thể có tiếng nói được chính phủ lắng nghe. Vì Việt Nam có rất nhiều cựu chiến binh từ những năm chiến tranh gần đây, thì sao lại không phải là một tổ chức cựu chiến

binh quốc gia? Freedom Company có một số quan chức được bầu của Quân đoàn Cự chiến binh Philippines trong đó. Bản thân San Juan gần đây đã phục vụ với tư cách là Tư lệnh Quốc gia của quân đoàn này. Những người Philippines này có thể giúp các cự chiến binh Việt Nam thành lập một tổ chức của riêng họ, với các chi hội trên khắp đất nước. Cự chiến binh sẽ có xu hướng lên tiếng không chỉ về nhu cầu của chính họ mà còn về các vấn đề của cộng đồng của họ.

Ý tưởng đã được chấp nhận. Nhiệm vụ đầu tiên của Freedom Company tại Việt Nam là cung cấp hướng dẫn và khuyến khích trong việc thành lập Quân đoàn Cự chiến binh Việt Nam. Tổ chức mới đã kiếm được tiền bằng cách tiếp quản việc phân phối báo chí và tạp chí trên toàn quốc. Nó nhanh chóng có một lượng thành viên bùng nổ gồm hàng ngàn cự chiến binh và thành lập các chi hội ở hầu hết mọi tỉnh. Sau đó vào năm 1955, Freedom Company được yêu cầu cung cấp kỹ thuật viên để huấn luyện binh sĩ Việt Nam về bảo trì quân khí, sửa chữa xe cộ, sử dụng thiết bị điện, và điều hành kho vật tư và các kho khác, và thỉnh thoảng, nó đáp ứng các yêu cầu của Việt Nam về các chuyên gia trong các lĩnh vực khác.

Sau nhiều tháng làm việc ngoài phạm vi chính thức của tôi ở Việt Nam, tôi rất vui mừng khi được giao một văn phòng chính thức của riêng mình vào tháng 1 năm 1955. Có lẽ “chính thức” là một thuật ngữ quá thanh lịch. Nó thực sự là một túp lều nhỏ trong sân trụ sở MAAG ở Chợ Lớn. Ván lót sàn bao phủ nền đất. Hai bóng đèn trần, treo lủng lẳng từ dây của chúng, thấp sáng bên trong. Ghế gấp và bàn dã chiến, và một số thùng mở để đựng hồ sơ, hoàn thành đồ đạc. Túp lều là một trong số ít túp lều tụ tập xung quanh tòa nhà chính của trụ sở, vốn là một trường học thuộc địa cũ của Pháp bằng xi măng và vữa, được biết đến chủ yếu trong khu phố vì đã từng là một nhà chứa được người Nhật thành lập để thuận tiện cho quân đội của họ. Người Pháp đã giao nơi này cho người Mỹ như một trong nhiều trò đùa “thâm thúy” của họ. Tôi chưa bao giờ tìm ra nguồn gốc của túp lều cụ thể của riêng tôi.

Việc tôi chuyển đến làm việc hàng ngày trong túp lều này tại MAAG xảy ra sau khi tôi tình nguyện tham gia tổ chức Pháp-Mỹ đã được thỏa thuận vào tháng 12 như là công cụ để huấn luyện Quân đội Việt Nam. Trong khi các chi tiết về cách người Pháp và người Mỹ sẽ làm việc cùng nhau đang

được giải quyết, Tướng O'Daniel đã tập hợp những người Mỹ được chọn để làm nhân viên cho tổ chức mới và đưa chúng tôi vào không gian có sẵn duy nhất tại trụ sở của ông ấy, các túp lều trong sân, để thực hiện một số kế hoạch trước cho công việc sắp tới. Có bốn phòng ban nhân viên: lục quân, hải quân, không quân, và binh định. Tôi đứng đầu phòng binh định, phòng này sẽ hướng dẫn Quân đội Việt Nam trong các động thái tái chiếm các khu vực trước đây của Việt Minh cũng như giám sát bất kỳ hoạt động an ninh nào ở các khu vực mà du kích vẫn đang khủng bố dân chúng.

Hai tuần tiếp theo chúng kiến hầu hết kế hoạch cơ bản của chúng tôi được thực hiện, bao gồm các chỉ thị được đề xuất cho người Việt Nam bất cứ khi nào họ sẵn sàng bắt đầu chương trình. Mặc dù kế hoạch của riêng tôi dựa nhiều vào những bài học tôi đã học được ở Philippines và từ những chuyến đi của tôi quanh vùng nông thôn Việt Nam, nhưng nó cũng được điều chỉnh và định hình bởi người Việt Nam. Tôi đã thảo luận từng bước với thủ tướng, bộ trưởng quốc phòng, và các nhà lãnh đạo của Quân đội Việt Nam, những người mà tôi tiếp tục gặp gần như hàng ngày. Đầu vào của người Việt

Nam này là yếu tố quan trọng nhất trong việc lập kế hoạch. Chúng tôi người Mỹ và người Pháp sẽ hướng dẫn người Việt Nam nắm quyền kiểm soát các vấn đề của chính họ. Nếu họ muốn thành công, các hoạt động được đề xuất sẽ phải được người Việt Nam hiểu và chấp nhận hoàn toàn.

Thay đổi đầu tiên mà họ thực hiện là trong tên chương trình của chúng tôi. Họ phản đối từ bình định (pacification), nói rằng nó biểu thị một thực tiễn thuộc địa Pháp do Tướng Lyautey nghĩ ra ở Bắc Phi và được áp dụng ở Việt Nam bởi các GAMOs (Các Nhóm Hành chính Lưu động) đã thiết lập các chính phủ địa phương và đội bảo vệ nhà ở các khu vực đã được lực lượng Liên hiệp Pháp dọn dẹp. (Tôi đã thấy công việc của các GAMOs và nghĩ rằng phần lớn trong số đó là xuất sắc.) Các nhà lãnh đạo Việt Nam đồng ý với khái niệm sử dụng Quân đội Việt Nam để giúp đỡ và bảo vệ người dân, vì vậy tôi khẳng định rằng nếu họ không thích từ bình định, họ hãy tự chọn một cái tên. Sau nhiều lần suy nghĩ, các nhà lãnh đạo đã chọn một thuật ngữ tiếng Việt cho công việc, được dịch sang tiếng Anh là hành động an ninh quốc gia (national security action). Chúng tôi đã nhanh chóng chấp nhận cái tên

này. Điều buồn cười là, bản thân người Việt Nam (cùng với người Pháp và người Mỹ) vẫn tiếp tục nói về công việc này là bình định. Nhiều năm sau, bất chấp những thay đổi tên chính thức khác, nó vẫn được gọi là bình định. Thói quen khó bỏ.

Vào khoảng cuối tháng Giêng, tổ chức huấn luyện Pháp-Mỹ mới, TRIM, đã trở thành hiện thực. Bộ chỉ huy Pháp đã cung cấp Cité Lorgeril, một khu phức hợp có tường bao quanh ở Chợ Lớn, bao gồm một tập hợp các biệt thự để chịu xung quanh một sân trong, làm trụ sở. Tổ chức của nó được cân bằng, với độ chính xác khoa học, giữa người Mỹ và người Pháp. Tướng O'Daniel là chỉ huy của TRIM nhưng hoạt động dưới quyền của tổng chỉ huy Pháp, Tướng Ely. Tham mưu trưởng của TRIM (và là cấp trên trực tiếp của tôi) là sĩ quan thuyết trình người Pháp đó, Đại tá Jean Carbonel, người đã kể câu chuyện ngớ ngẩn về việc tôi mang một vali đầy tiền cho Ba Cụt. Phó của ông là một người Mỹ, Trung tá Bill Rosson. Dưới họ là các trưởng của bốn phòng ban nhân sự (lục quân, hải quân, không quân và an ninh quốc gia), hai người trong số họ là người Pháp và hai người Mỹ, mỗi người có một cấp phó thuộc quốc tịch kia. Tôi là trưởng phòng

an ninh quốc gia. Phó của tôi là một lính dù người Pháp, Trung tá Jacques Romain-Defosses. Phòng ban nhân sự của chúng tôi có số lượng sĩ quan Pháp và Mỹ bằng nhau.

Có quá ít sự thân thiện trong TRIM đối với tôi. Tham mưu trưởng người Pháp, người là cấp trên trực tiếp của tôi, dường như luôn bức tức với tôi và thể hiện cảm xúc của mình bằng cách từ chối nói chuyện trực tiếp với tôi. Thay vào đó, ông ấy sẽ đặt sĩ quan phụ tá của mình, một sĩ quan Pháp, bên cạnh và, trong khi nhìn tôi, sẽ yêu cầu sĩ quan phụ tá chuyển tiếp tin nhắn này đến tôi. Khi sĩ quan phụ tá kết thúc, tôi sẽ trả lời trực tiếp tham mưu trưởng, người ngay lập tức sẽ hỏi sĩ quan phụ tá, “Anh ta nói gì?” Câu trả lời của tôi sẽ được lặp lại. Điều đó thật thảm hại, vì tất cả chúng tôi đều đang tỏ ra nghiêm túc theo kiểu quân đội và đang nói tiếng Anh mặt đối mặt. Ông ấy mang hành vi này vào cuộc sống xã giao chính thức của chúng tôi. Tại các buổi tiếp tân, ông ấy sẽ giậm chân và quay lưng lại khi tôi đến gần. Tôi khó mà lấy lòng ông ấy bằng hành vi của riêng mình. Tôi sẽ đặt một cánh tay qua vai ông ấy một cách thân mật và thông báo cho những người đứng gần đó bằng một giọng Mỹ khó chịu, “Anh chàng này là bạn thân

của tôi. Các bạn đối xử tốt với anh ấy nhé, nghe không?” Điều này khiến ông ấy bùng nổ, giận dữ hất cánh tay tôi ra khỏi vai mình. Tôi phát hiện ra rằng ông ấy vẫn tiếp tục tin vào những câu chuyện hư cấu phức tạp về việc tôi hối lộ người Việt Nam bằng những khoản tiền lớn.

Hầu hết các sĩ quan Pháp trong phòng ban nhân sự của tôi đều công khai cho tôi biết rằng họ đến từ các cơ quan tình báo khác nhau. Thịnh thoảng, họ sẽ có đủ lòng tự trọng để đổ mặt khi tôi bắt gặp họ đang bận viết báo cáo về các hoạt động hàng ngày của tôi, có lẽ cho một cơ quan mẹ. Mặt khác, tất cả họ đều đã phục vụ ở Việt Nam trong sáu năm trở lên và đặc biệt am hiểu về đời sống và địa lý Việt Nam. Vì vậy, vấn đề của tôi là làm thế nào để chuyển hướng họ khỏi sự nghi ngờ tâm thần không đáng có về mọi thứ tôi làm và hướng tới sự giúp đỡ chân chính trong việc chuẩn bị của Việt Nam cho các hoạt động an ninh quốc gia nghiêm túc và phức tạp đang diễn ra. Tôi chỉ thành công một phần.

Ví dụ, một trong những sĩ quan Pháp đến từ một cơ quan mật vụ. Anh ta ngồi ở một bàn đối diện với tôi, bận rộn với công việc giấy tờ một lúc, và sau đó chỉ ngồi đó, nhìn chăm

chằm. Tôi nhận thấy rằng cái nhìn chằm chằm của anh ta ngày càng tập trung vào một chiếc điện thoại gần tôi được chỉ định để sử dụng tiếng Anh. Ngay cả những chiếc điện thoại tại TRIM cũng được chia đều giữa hai quốc tịch, mặc dù dịch vụ tệ hại là công bằng. Cả điện thoại tiếng Pháp và tiếng Anh đều phải chịu các hiệu ứng âm thanh dường như từ ngoài không gian, thêm giọng nói được bắt giữa câu hoặc trong tiếng hét “Allo, allo!” và những khoảng lặng chết chóc. Gần như mọi cuộc gọi đến sẽ bắt đầu bằng những lời phàn nàn báng bổ về sự chậm trễ và thất vọng lâu dài liên quan đến việc kết nối cuộc gọi đến chúng tôi. Sau đó, người gọi sẽ vội vàng hét lên tin nhắn của mình trước khi bị cắt. Biết được hồ sơ hoạt động của điện thoại, tôi cho rằng sĩ quan Pháp nhìn chằm chằm vào nó chỉ đơn giản là đang dành cho nó một sự căm ghét thâm lặng.

Nhưng một buổi sáng, chiếc điện thoại tiếng Anh này reo. Sĩ quan Pháp, người đã đang viết nguệch ngoạc trên một mảnh giấy và thường xuyên tham khảo từ điển Pháp-Anh của mình, nhảy dựng lên, chớp lấy mảnh giấy, và lao đến chiếc điện thoại đang reo trước khi một người Mỹ có thể với tới nó. Giờ mảnh giấy lên và đọc từ đó, anh ta nói

cẩn thận vào ống nghe, “Tôi không nói tiếng Anh, tạm biệt.” Sau đó anh ta gác máy. Anh ta nhìn tôi để xem tôi có nhận thấy trò đùa kỳ quặc của anh ta không. Tôi cười lớn. Anh ta có vẻ hơi ngạc nhiên trước phản ứng của tôi và sau đó tự cười toe toét.

Tôi quay lại bàn của anh ta cùng với anh ta. Sĩ quan Pháp ở bàn bên cạnh nói tiếng Anh trôi chảy và tôi hỏi liệu anh ta có phiên dịch cho hai chúng tôi không. Đã đến lúc tất cả chúng tôi nên làm quen với nhau hơn. Chúng tôi bắt tay vào một buổi nói chuyện chung. Người thích chơi khăm thừa nhận rằng anh ta chỉ còn ba tháng nữa là ở Việt Nam và thẳng thắn là đang ngồi chờ thời gian cho đến khi khởi hành. Tôi thú nhận rằng tôi không có tất cả các câu trả lời về cách giúp đỡ người Việt Nam vào thời điểm hiện tại. Vì anh ta đã phục vụ nhiều năm trong số họ, chắc chắn phải có ít nhất một điều mà anh ta đã mong muốn làm cho người Việt Nam mà chiến tranh đã ngăn cản anh ta làm? Nếu anh ta nêu tên điều đó, và nếu nó có thể được đưa vào công việc của chúng tôi, anh ta có thể dành tất cả thời gian còn lại của mình cho nhiệm vụ tự chọn đó và nhận được tất cả sự hỗ trợ mà tôi có thể huy động.

Anh ta trả lời một cách suy nghĩ rằng anh ta đã mong muốn được hỗ trợ trẻ em Việt Nam từ lâu và muốn soạn thảo một đề xuất rõ ràng cho một chương trình thanh niên để phù hợp với khái niệm an ninh quốc gia. Tôi nói rằng điều này nghe có vẻ tốt, đáng được ủng hộ, và mắt anh ta sáng lên. Với công việc như vậy để làm, anh ta nói với tôi rằng anh ta sẽ xin được phục vụ thêm ở Việt Nam, mặc dù anh ta muốn nghỉ phép ngắn về nhà trước vì anh ta đã xa gia đình nhiều năm. Chúng tôi chia tay trong không khí vui vẻ này. Ngày hôm sau, tại TRIM, anh ta đứng nghiêm trước bàn tôi, chào, và thông báo với giọng trang trọng rằng anh ta đã được lệnh luân chuyển trở lại Pháp. Việc anh ta khởi hành được ấn định vào ngày hôm sau. Anh ta có xin gia hạn nhiệm vụ ở Việt Nam không, như chúng tôi đã thảo luận? Anh ta trả lời cộc lốc, “Vâng, thưa ngài,” đôi mắt anh ta thể hiện một nỗi đau nội tâm thầm lặng. Anh ta nói với tôi rằng anh ta sẽ phải đi. Chúng tôi nói lời tạm biệt.

Các sĩ quan Pháp khác trong phòng ban của tôi cũng có những cảm xúc sâu sắc về những cách mà họ thực sự muốn giúp đỡ người Việt Nam. Tôi kiên nhẫn tìm hiểu ý tưởng của họ và đưa họ vào làm việc trong

các dự án tự chọn bất cứ khi nào tôi có thể. Những cuộc ra đi đột ngột vẫn tiếp diễn. Phòng ban nhân sự dần dần ổn định trong một bầu không khí lịch sự bề ngoài, thỉnh thoảng bị làm hỏng bởi những lời bộc phát được ghim lên bảng thông báo một cách ẩn danh bởi cả hai quốc tịch. Chúng tôi giải quyết một khối lượng công việc nặng nề về lập kế hoạch hoạt động và hậu cần với người Việt Nam. Hai chiến dịch an ninh quốc gia quy mô lớn và hàng chục hoạt động khác là đủ để giữ cho tất cả chúng tôi bận rộn trong một thời gian. Tôi sẽ mô tả công việc này trong chương tiếp theo. Nó trở thành một phần của lịch sử Việt Nam.

Sự bận tâm của giới chức Pháp ở Việt Nam với sự hiện diện của tôi đã dẫn đến một cuộc đối đầu trong giai đoạn này. Rõ ràng là các câu chuyện khác nhau về những việc tôi làm đã được cơ quan mật vụ Pháp thu thập, các sĩ quan của họ đã khiêu nại về tôi với CIA, cơ quan liên lạc thông thường của họ. Họ tuyên bố họ có một danh sách dài các cáo buộc chống lại hành vi của tôi. Tôi biết điều này từ đại sứ, người nói rằng người Pháp muốn đối chất với tôi, đưa ra từng cáo buộc một, và ghi lại câu trả lời của tôi. Mặc dù ông ấy cảnh báo tôi rằng ông ấy phản đối

một cuộc đối đầu như vậy, vì khía cạnh xử kín (star-chamber) của thủ tục, tôi đã rất muốn chấp nhận. Tôi đã quá chán với những nỗ lực ám sát nhân vật của rất nhiều người Pháp, và đã đến lúc phải đối đầu trực tiếp với họ.

Khi điều này đang được thảo luận trong văn phòng đại sứ, trưởng CIA, với nụ cười tự mãn trên khuôn mặt, đề nghị tổ chức cuộc họp với người Pháp tại một bữa tiệc trưa tại nhà riêng của ông ấy, nói rằng điều này sẽ được người Pháp chấp nhận. Ông ấy dường như đang hả hê với cuộc họp, rõ ràng là mong đợi tôi sẽ nhận được một trận mắng mỏ bằng lời nói nghiêm trọng hoặc tệ hơn từ các đồng nghiệp Pháp của ông ấy. Ông ấy nói thêm rằng người Pháp sẽ cho phép ông ấy ngồi vào làm quan sát viên của cuộc thẩm vấn, và ông ấy hứa sẽ cung cấp cho đại sứ một báo cáo đầy đủ để chuyển tiếp đến Washington. Tôi nhanh chóng nói rằng tôi cũng sẽ nộp một báo cáo, có thể được chuyển tiếp đồng thời. Tôi cảm thấy mình giống như Daniel sắp bước vào hang sư tử.

Vì vậy, một buổi trưa không lâu sau đó, tôi gặp gỡ người Pháp tại nhà của trưởng CIA ở Sài Gòn. Giám đốc địa phương của cơ quan mật vụ Pháp, một đại tá mà tôi đã có mối

quan hệ rất thân thiện trong công việc của mình với phái bộ O'Daniel đến Đông Dương vào năm 1953, ngồi ở một cái bàn chơi bài, giấy tờ trải ra trước mặt, khuôn mặt nghiêm nghị, lưng thẳng đứng, và bắt đầu cuộc họp bằng cách chính thức yêu cầu tôi phản hồi theo ý muốn của tôi đối với bất kỳ cáo buộc nào được liệt kê trong các giấy tờ trước mặt ông ấy. Vì danh sách rất dài, nên khó có thể giải quyết hết tất cả các mục trước bữa trưa. Chúng tôi có thể tạm dừng cuộc họp đủ lâu để dùng bữa và sau đó quay lại cuộc tra hỏi. Có một số sĩ quan của ông ấy đang có mặt, những người am hiểu kỹ lưỡng về các sự cố trong danh sách của ông ấy, và tôi có phiền sự hiện diện của họ không, vì họ sẽ cố vấn cho ông ấy về tính chính xác của bất kỳ câu trả lời nào tôi đưa ra? Tôi đảm bảo với ông ấy rằng tôi rất hài lòng khi có họ hiện diện.

Mục đầu tiên buộc tội tôi cung cấp vũ khí cho Ba Cụt, phiến quân Hòa Hảo, bằng cách thả dù vào một ngày cụ thể. Tôi khó mà tin vào tai mình. Tôi bật cười. Các sĩ quan Pháp trừng mắt. Tiếng cười của tôi xúc phạm họ. Khi tôi lấy lại hơi thở, tôi giải thích với họ rằng vào ngày cụ thể mà họ đã nêu tên, một đợt thả dù quả thực đã được thực hiện cho Ba Cụt (người đã được Tướng Hinh phong

làm đại tá trong Quân đội Việt Nam ngay trước khi ông ấy khởi hành đến Paris, mặc dù Ba Cụt vẫn đối kháng với chính phủ Sài Gòn). Tuy nhiên, hoạt động đó rõ ràng không phải của tôi.

Tôi thông báo với họ rằng Quân đội Việt Nam đã quan sát đợt thả dù này và đã điều tra nó. Quân đội Việt Nam đã thu hồi ba chiếc dù và truy tìm chúng theo dấu hiệu của chúng đến một đơn vị quân đội Pháp. Các sĩ quan Pháp đã có mặt với Ba Cụt khi ông ta nhận đợt thả dù. Dấu hiệu đuôi của máy bay vận chuyển đã được ghi lại, và việc kiểm tra hồ sơ hoạt động bay và nhân sự tại sân bay Tân Sơn Nhất đã tiết lộ tên của các phi công và phi hành đoàn Pháp đã ở trên máy bay vào thời điểm việc giao hàng được thực hiện cho Ba Cụt. Chính phủ Diệm đã gửi một khiếu nại chính thức đến bộ chỉ huy Pháp về sự cố này, được ghi lại đầy đủ bằng tài liệu. Điều gì khiến họ cảm thấy rằng, bằng một phép màu nào đó, tôi đã nhúng tay vào hoạt động hoàn toàn của Pháp này?

Những người thẩm vấn tôi bị lung lay. Vị đại tá quay sang một bên và thì thầm khẩn cấp với nhóm “chuyên gia am hiểu” đang ngồi dự. Sau đó, ông ấy dũng cảm đọc mục thứ hai. Tôi bị buộc tội cung cấp vũ khí cho

Trình Minh Thế, do đó hỗ trợ ông ta trong cuộc chiến chống lại người Pháp, những người, xét cho cùng, là đồng minh của người Mỹ. Tôi đáp lại lời khẳng định này với giọng điệu bình tĩnh nhất có thể. Trình Minh Thế và quân đội Liên Minh của ông ta đang trên đường đến Sài Gòn để được hợp nhất vào Quân đội Việt Nam chính quy và chắc chắn không có ý định chiến đấu với người Pháp trừ khi người Pháp cố gắng ngăn chặn động thái này và do đó can thiệp vào lợi ích tốt nhất của Quân đội Việt Nam – điều mà họ đã khẳng định chính thức rằng họ sẽ hỗ trợ. Cuộc chiến đã kết thúc sau khi tôi đến thăm Trình Minh Thế ở Tây Ninh, và tôi tin rằng ý nghĩa của sự thật này, cùng với việc ba tù nhân Pháp mà Liên Minh đã giữ được trở về an toàn, không bị họ bỏ qua.

Tuy nhiên, tôi tiếp tục, nói về vũ khí, tôi đã nhận thấy một số súng máy Hoa Kỳ mà Liên Minh đã thu giữ từ các lực lượng Pháp được gửi đến chống lại họ, và tôi đã sao chép số sê-ri của những khẩu súng này để kiểm tra chúng với danh sách Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Chúng ban đầu được Hoa Kỳ cung cấp cho người Pháp ở Hà Nội vào năm 1951, để hỗ trợ các hành động của Pháp chống lại Cộng sản. Tôi có một số câu hỏi sắc bén trong đầu

về việc những vũ khí này đã được chuyển từ việc sử dụng chống lại Cộng sản sang việc sử dụng bởi các lực lượng Pháp chống lại một sĩ quan Việt Nam được biết là đang chiến đấu với Cộng sản, vì ông ta đã thu giữ những vũ khí được đề cập từ người Pháp.

Tại thời điểm này của thủ tục, bữa trưa được thông báo. Các sĩ quan Pháp nói với chủ nhà của chúng tôi rằng họ không thể ở lại ăn trưa. Trên thực tế, họ không thể tiếp tục cuộc họp nữa vì họ có công việc khẩn cấp phải giải quyết ở nơi khác. Họ đứng dậy, thu dọn giấy tờ, và chuẩn bị rời đi. Khuôn mặt họ đỏ bừng vì xấu hổ. Hai mục đầu tiên đã nổ tung chống lại họ như những điều xì gà phát nổ, và họ không muốn ngồi đó và bị phơi bày thêm sự bẽ mặt. Tôi khẳng khẳng rằng họ phải ở lại và hoàn thành cuộc tra hỏi, dù họ có ăn trưa hay không, vì toàn bộ việc này là ý tưởng của họ, không phải của tôi. Miễn cưỡng, họ ngồi xuống lần nữa và chúng tôi giải quyết toàn bộ danh sách. Rõ ràng là các sĩ quan Pháp vô cùng hối hận vì đã phải thực hiện trò hề mà họ đã bắt đầu.

Tất cả trừ một cáo buộc đều rõ ràng là những phát minh, những câu chuyện hư cấu dễ dàng bị phá hủy. Ngoại lệ là cáo buộc rằng đội của tôi ở Hải Phòng đang lên kế

hoạch “thổi bay bến cảng Hải Phòng.” Tôi thừa nhận rằng họ đã nói về chủ đề này và sau đó giải thích bối cảnh. Đô đốc Pháp chỉ huy ở Hải Phòng là một người lớn tuổi sống bên cạnh ngôi nhà nơi đội của tôi và những người Mỹ khác sống. Người Mỹ đã nhận thấy rằng nhà vệ sinh của đô đốc Pháp chỉ cách nhà họ vài mét và ông ấy dành một khoảng thời gian dài bất thường ngồi trên bồn cầu mỗi sáng; và sự vui đùa đã chiếm lấy họ. Làm thế nào họ có thể mang lại cho ông già một cảm giác hồi hộp trong khi ông ấy ngồi đó vào buổi sáng? Họ có nên ném pháo qua cửa sổ không? Không, tìm ông ấy có thể không chịu nổi căng thẳng. Thay vào đó, họ đã nảy ra ý tưởng nói lớn về việc thổi bay toàn bộ bến cảng, cả nước và mọi thứ, trước khi nó phải được giao cho Việt Minh. Vị đô đốc, nghe lỏm được điều này, vội vã chạy ra khỏi phòng tắm để gửi một tin nhắn khẩn cấp cho Tướng Ely. Tôi đã được thông báo về sự cố này kịp thời và đã bảo các sĩ quan Mỹ này ngừng làm các đô đốc Pháp sợ hãi. Họ đã hứa sẽ cư xử đúng mực. Tuy nhiên, nếu các sĩ quan Hải quân Pháp vẫn còn sợ hãi, tôi sẽ thực hiện các biện pháp tiếp theo. Các sĩ quan Pháp nói với tôi một cách cộc lốc rằng điều đó sẽ không cần thiết.

Cuộc họp kết thúc. Có lẽ, bộ chỉ huy Pháp đã nhận được một báo cáo về các thủ tục này. Tôi đã đưa báo cáo tóm tắt của riêng tôi cho đại sứ của chúng tôi, để chuyển tiếp đến Washington với bất kỳ thông tin nào mà trưởng CIA địa phương đang báo cáo. Toàn bộ việc này lẽ ra phải kết thúc ở đó. Tất nhiên là không, sự ngược đời của bản chất con người là như vậy. Những nỗ lực ám sát nhân vật của Pháp vẫn tiếp tục, đạt đến đỉnh điểm vài tuần sau đó vào mùa xuân năm 1955. Những câu chuyện hư cấu do giới Pháp ở Sài Gòn tạo ra đã tìm đường vào báo chí Pháp và cuối cùng vào báo chí giật gân của các phụ trương cuối tuần trên các tờ báo của các nước châu Âu khác. Những người có ý tốt sẽ cắt những câu chuyện này và gửi cho tôi. Chúng đã thêm một nét Alice ở xứ sở thần tiên vào những sự kiện mà tôi đang trải qua.

Tuy nhiên, tôi có thể đã bị thổi còi vì các hoạt động khác vào đầu năm 1955. Ví dụ, tôi đã truyền đạt một số ý tưởng về chiến tranh tâm lý (psywar) cho một nhóm người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam đang chuẩn bị rời Bắc Việt Nam vào Nam. Họ mô tả sự tấn công tuyên truyền kéo dài của Cộng sản mà họ đã phải chịu đựng trong nhiều năm. Họ

đang khao khát giáng một đòn cuối cùng để trả đũa trước khi họ rời khỏi quê hương miền Bắc của họ. Tôi có bất kỳ gợi ý nào không? Quả thực là có. Tôi đã cho họ hai gợi ý, mà họ đã nhanh chóng áp dụng.

Ý tưởng đầu tiên được sử dụng ngay trước khi người Pháp rời khỏi thành phố Hà Nội và giao quyền kiểm soát cho Việt Minh. Vào thời điểm đó, bộ máy Cộng sản bên trong thành phố đang bận rộn với các kế hoạch bí mật để chuẩn bị cho người dân chào đón sự tiến vào của quân đội Việt Minh. Tôi gợi ý rằng những người bạn theo chủ nghĩa dân tộc của tôi nên ban hành một bản tuyên ngôn Cộng sản giả (fake Communist manifesto), ra lệnh cho mọi người trong thành phố ngoại trừ các nhân viên bệnh viện thiết yếu phải ra đường không chỉ để chào đón trong vài giờ mà là để ăn mừng kéo dài một tuần. Trên thực tế, điều này có nghĩa là ngừng làm việc bảy ngày. Dịch vụ giao thông, điện và thông tin liên lạc sẽ bị đình chỉ. Việc mở rộng đơn giản này đối với các kế hoạch đã được thực hiện lẽ ra sẽ mang lại cho Cộng sản một vấn đề bất ngờ khó chịu khi họ bắt đầu cai trị.

Một bản tuyên ngôn trông có vẻ chân thực đã được in và phân phát trong đêm thứ hai trước thời điểm dự kiến Việt Minh tiến vào.

Những người theo chủ nghĩa dân tộc đã đảm bảo với tôi rằng họ có thể phân phát nó một cách an toàn vì trưởng công an ở Hà Nội là một người bạn thân của họ và sẽ giải cứu bất kỳ ai trong số họ có thể bị bắt và bị giam giữ. Ngày hôm sau, cư dân Hà Nội đọc bản tuyên ngôn giả và sắp xếp rời nhà và công việc để ăn mừng trên đường phố một tuần. Bản tuyên ngôn trông rất chân thực đến nỗi các cán bộ Cộng sản bên trong thành phố đã hống hách đảm bảo, từng khu phố, rằng số lượng người tham gia sẽ đạt 100%. Một thông điệp vô tuyến vào phút cuối từ Cộng sản bên ngoài thành phố, ra lệnh cho Cộng sản bên trong bỏ qua bản tuyên ngôn này, bị coi là một nỗ lực tuyên truyền phản công của Pháp và bị bỏ qua một cách yêu nước. Khi lực lượng Việt Minh cuối cùng đến Hà Nội, các nhà lãnh đạo của họ bắt đầu công việc tế nhị là ra lệnh cho người dân quay lại làm việc. Họ mất ba ngày để khôi phục các dịch vụ công cộng. Việc ngừng làm việc ba ngày là một thành tựu đáng kể đối với một mẫu giấy.

Tuy nhiên, khi những người theo chủ nghĩa dân tộc gặp tôi sau đó ở Sài Gòn, họ trông rất buồn bã. Một vụ bắt giữ đã xảy ra khi bản tuyên ngôn được phân phát. Người

bạn của họ, trưởng công an, trở nên quá say mê với tinh thần của vụ việc đến nỗi ông ta đã lấy một chồng bản tuyên ngôn ra xe của mình để trực tiếp giúp phân phát. Người Pháp bắt quả tang ông ta và, với bằng chứng là các bản sao tuyên ngôn trong tay, đã bị thuyết phục rằng ông ta là một điệp viên Cộng sản. Họ đã bắt giữ ông ta và đưa ông ta vào chính nhà tù của mình. Ông ta cầu xin được đưa vào miền Nam như một tù nhân. Người Pháp đã làm như vậy và giao ông ta cho chính phủ Việt Nam ở Sài Gòn. Không ai tin câu chuyện của ông ta rằng bản tuyên ngôn là giả. Ông ta đang bị giam giữ trong tù. Liệu tôi có giúp được không? Tôi giải thích những gì đã xảy ra với Thủ tướng Diệm. Tôi phải mất đến tháng Giêng mới vượt qua được sự hoài nghi của ông ấy và giúp ông ấy được thả.

Ý tưởng thứ hai đã sử dụng mê tín dị đoan của người Việt Nam dưới một hình thức của Mỹ. Tôi đã lưu ý rằng có nhiều thầy bói ở Việt Nam đang làm ăn phát đạt, nhưng tôi chưa bao giờ thấy bất kỳ dự đoán nào của họ được xuất bản. Tại sao không in một cuốn niên giám (almanac) cho năm 1955 chứa đựng những lời tiên đoán của các nhà chiêm tinh nổi tiếng nhất và các nhân vật

bí ẩn khác, đặc biệt là những người dự đoán một tương lai đen tối cho Cộng sản? Với giá vừa phải – những bản miễn phí sẽ có mùi vị tuyên truyền quá nhiều – nó có thể được bán ở miền Bắc trước khi những khu vực cuối cùng ở đó được di tản. Nếu nó được làm tốt, các bản sao có lẽ sẽ được chuyển tay nhau và lan truyền khắp các khu vực do Cộng sản kiểm soát.

Kết quả là một cuốn niên giám được in vội vàng chứa đầy những lời tiên đoán về các sự kiện sắp xảy ra vào năm 1955, bao gồm thời kỳ khó khăn cho người dân ở các khu vực Cộng sản và các cuộc đấu đá trong giới lãnh đạo Cộng sản. Trước sự kinh ngạc của chính tôi, nó đã tiên đoán một số điều thực sự đã xảy ra (chẳng hạn như việc đàn áp đẫm máu nông dân phản đối các cải cách ruộng đất được thực hiện kém cỏi và sự chia rẽ trong Bộ Chính trị). Cuốn niên giám đã trở thành một mặt hàng bán chạy nhất ở Hải Phòng, cảng tị nạn chính. Ngay cả một đơn đặt hàng tái bản lớn cũng được bán hết ngay khi nó được bày bán. Những người bạn theo chủ nghĩa dân tộc của tôi nói với tôi rằng đó là cuốn niên giám đầu tiên như vậy được thấy ở Việt Nam trong thời hiện đại. Họ rất bối rối khi phát hiện ra rằng một khoản lợi

nhuận kha khá đã được tạo ra từ những gì họ dự định là một đóng góp yêu nước cho sự nghiệp dân tộc. Một cách kín đáo, họ đã quyên góp số tiền này cho các quỹ giúp đỡ những người tị nạn từ miền Bắc.

GHI CHÚ

FREEDOM COMPANY (Công ty Tự do). Freedom Company of the Philippines đã mở rộng dịch vụ của mình sang cả Lào cũng như Việt Nam, trở nên đặc biệt nổi tiếng với kỹ năng huấn luyện thợ cơ khí và thợ thủ công của mình. Sau cái chết của Tổng thống Magsaysay, các nhà lãnh đạo của Freedom Company đã thành lập một công ty mới vì lợi nhuận gọi là Eastern Construction Company, Inc. (ECCOI), công ty này đã tiếp quản các hợp đồng của Freedom Company ở Việt Nam và Lào, giữ lại nhiều tinh thần của nhóm ban đầu.

PLANNERS (Các Nhà Hoạch Định). Đội ngũ người Mỹ đã làm việc với tôi trong túp lều ở MAAG vào tháng 1 năm 1955, phát triển các kế hoạch binh định, là Trung tá Lục quân Chuck Hash, Sam Kar-rick và Ed Quereau, Trung úy Hải quân Joe Redick, và Trung úy Lục quân Rufe Phillips.

CHƯƠNG MƯỜI BA

* *

CÁC CHIẾN DỊCH BÌNH
ĐỊNH NĂM 1955

Những tuần đầu năm 1955 tràn ngập công việc bình định, hay điều mà ông Diệm khăng khăng gọi là hành động an ninh quốc gia. Có những buổi họp lập kế hoạch kéo dài giữa bộ phận tham mưu TRIM của tôi và người Việt Nam, những cuộc họp giao ban gần như liên tục với các quan chức để đảm bảo họ hiểu chương trình, các cuộc kiểm tra huấn luyện binh lính và hiệu quả hậu cần, và sau đó là hướng dẫn và hỗ trợ cho chính các hoạt động khi chúng bắt đầu. Đó là loại nỗ lực xây dựng khiến việc thúc dẩy vào buổi sáng và đi làm trở nên thú vị.

Khi năm 1955 bắt đầu, vẫn còn hai khu vực tập kết lớn cho Việt Minh ở miền Nam Việt Nam, như đã được quy định trong hiệp định Geneva. Khi Việt Minh di chuyển ra khỏi các khu vực này để đi về phía bắc ranh giới tại vĩ tuyến 17, chính phủ Việt Nam sẽ

tiến vào và giành quyền kiểm soát. Việc tiến vào và giành quyền kiểm soát này là nỗ lực chính của chương trình bình định; nó phải được xử lý đúng đắn để cư dân của các khu vực này chào đón sự xuất hiện của chính quyền Sài Gòn. Được thỏa thuận là khu vực tập kết đầu tiên, Bán đảo Cà Mau ở cực nam Việt Nam, sẽ sẵn sàng để tiếp quản vào ngày 8 tháng 2. Khu vực thứ hai, các tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định dọc theo bờ biển ở khu vực miền Trung Việt Nam, sẽ được tiếp quản theo từng giai đoạn, mỗi ngày một phần, bắt đầu vào ngày 22 tháng 4. Ngoài nhu cầu về quyền lực chính phủ của hai khu vực tập kết này, còn có những khu vực khác được cho là đã nằm dưới sự kiểm soát của Sài Gòn nhưng trên thực tế chỉ được cai trị một cách sơ sài và hỗn loạn, với nhiều nạn cướp bóc và khủng bố. Những khu vực khác này cũng cần được chú ý.

Người Việt Nam có khả năng thực hiện công việc này đang thiếu hụt. Có rất ít người tốt nghiệp đại học ở Việt Nam; và hầu hết họ là những người làm nghề chuyên môn bên ngoài chính phủ. Nhìn chung, công việc ở Việt Nam đang được điều hành bởi những người tốt nghiệp trung học đã tạo nên công chức và hàng ngũ sĩ quan quân đội dưới thời

Pháp. Các công chức đã bị giới hạn ở các vị trí tương đối nhỏ trong thời gian Pháp cai trị; các sĩ quan quân đội cấp cao chỉ lên đến cấp chỉ huy tiểu đoàn, với rất ít người được phép có kinh nghiệm chỉ huy ngay cả một nhóm tạm thời gồm hai hoặc ba tiểu đoàn trong một lực lượng cơ động. Bây giờ, trong chương trình bình định, chúng tôi đang yêu cầu những người Việt Nam này điều hành các hoạt động lớn hơn và phức tạp hơn bất cứ điều gì họ từng xử lý trước đây. Gần như tất cả những người tốt nghiệp trung học đều được nuôi dưỡng ở thành phố, vì ít gia đình nông dân có đủ khả năng gửi con cái họ đến trường ở các thành phố, nơi có các trường trung học. Đây cũng là một vấn đề, vì bình định sẽ diễn ra ở nông thôn, và sự quen thuộc với những gì có thể xảy ra ở đó có thể là chìa khóa thành công của nó.

Trong các cuộc nói chuyện với ông Diệm, tôi đã nhấn mạnh sự khan hiếm nhân tài trong đội ngũ công chức cho nhiệm vụ ở các tỉnh, mặc dù các chương trình đào tạo như chương trình Hành động Công dân của Cung cuối cùng sẽ tạo ra nhiều hơn. Các lực lượng quân sự giàu nhân tài hành pháp hơn, cả về số lượng và kiến thức về nông thôn. Hầu hết binh lính là những chàng trai

sinh ra ở nông thôn được tuyển vào đời sống quân đội bởi các chiêu mộ viên quân đội di chuyển cùng các đơn vị lính, và hầu hết các cuộc chiến đấu và di chuyển quân đã diễn ra xa các thành phố và ở các tỉnh. Hơn nữa, Quân đội Việt Nam là tổ chức duy nhất có hệ thống thông tin liên lạc toàn quốc, vì hệ thống vô tuyến và điện báo dân sự vẫn còn bị hư hỏng do chiến tranh. Quân đội có thể gửi lệnh đến bất kỳ đơn vị nào trong nước và nhận được hành động kỷ luật theo mong muốn. Các bộ dân sự thì không thể. Tất cả những điều này đều ủng hộ việc tạm thời sử dụng quân đội để nhanh chóng mở rộng quyền kiểm soát hành chính của Sài Gòn trên khắp miền Nam Việt Nam.

Ông Diệm đã đồng ý với trọng tâm của những nhận xét này. Ông cũng chia sẻ quan điểm của tôi rằng những người lính được huấn luyện để chiến đấu sẽ cần được huấn luyện thêm nếu nhiệm vụ chính của họ được chuyển hướng sang giúp đỡ và bảo vệ người dân. Tuy nhiên, điều quan trọng là chính phủ Sài Gòn phải phấn đấu vì lý tưởng của quyền cai trị dân sự thay vì quyền cai trị quân sự. Việc sử dụng lực lượng quân sự nên được giữ ở mức tối thiểu và ngay cả khi đó cũng phải được công nhận rõ ràng là một

biện pháp tạm thời. Việc chuẩn bị các công chức để thay thế quân đội phải được ưu tiên hàng đầu, với một kế hoạch thay thế có trật tự và đã được thiết lập.

Sau nhiều suy nghĩ và bàn bạc, chương trình bình định đã được khởi xướng bằng một chỉ thị do ông Diệm ban hành với tư cách là thủ tướng, và các chỉ thị thực hiện nhanh chóng được đưa ra từ bộ trưởng quốc phòng và tổng tham mưu trưởng các lực lượng vũ trang Việt Nam (bây giờ không chỉ bao gồm lục quân, mà còn có hải quân, không quân và lính thủy đánh bộ mới). Một gợi ý của tôi đã được đưa vào. Tình hình ở mỗi tỉnh sẽ được đánh giá để xác định loại nào trong ba loại sau đây phù hợp nhất với nó: an ninh quốc gia (national security), chuyển tiếp (transition), hoặc dân sự (civil). Một tỉnh an ninh quốc gia là tỉnh được coi là quá vô pháp để các nhà chức trách dân sự có hiệu quả; quân đội sẽ được triển khai ở đó để ngăn chặn khủng bố và bắt đầu thiết lập luật pháp, và chỉ huy quân sự sẽ phục vụ với tư cách là tỉnh trưởng cho các vấn đề dân sự cũng như các nhiệm vụ quân sự của mình. Một tỉnh chuyển tiếp là tỉnh đang đạt được tiến bộ tốt hướng tới một tình trạng hòa bình; chỉ huy quân sự sẽ có một phó dân sự

cho các vấn đề dân sự – và vai trò của họ sẽ được đảo ngược khi tiến trình tiếp tục. Một tỉnh dân sự là tỉnh đủ hòa bình để quyền cai trị dân sự có hiệu quả; một thường dân sẽ là tỉnh trưởng.

Một cách tùy tiện, chúng tôi quyết định rằng các tỉnh trong khu vực tập kết Việt Minh nên được xếp loại “an ninh quốc gia” trong những ngày đầu khi chính quyền Sài Gòn tiến vào chiếm đóng chúng sau khi Việt Minh rời đi. Đơn giản là chúng tôi không biết đủ về điều kiện ở đó để đảm bảo mạo hiểm với bất cứ điều gì khác. Việc sử dụng quân đội trong các tỉnh này là hợp lý. Còn các tỉnh khác ở Việt Nam thì sao? Có hơn ba mươi tỉnh sẽ phải được xem xét và gán cho một loại thích hợp. Ông Diệm sắp chỉ định các loại tỉnh này bằng sắc lệnh, thì tôi nảy ra một ý tưởng. Tại sao không cho các quan chức biết về các tỉnh này một tiếng nói trong việc đánh giá loại phù hợp? Tất cả các quan chức dân sự và quân sự hàng đầu trên khắp miền Nam Việt Nam đã được mời đến một cuộc họp ở Sài Gòn, từ ngày 3 đến ngày 5 tháng 2, để được thông báo về chương trình bình định mới. Tại sao không để họ trình bày quan điểm của mình một cách công khai trong cuộc họp này và có

một hội đồng các bộ trưởng hiện diện để đưa ra quyết định cuối cùng ngay tại chỗ?

Tôi đã đưa ra gợi ý này với suy nghĩ rằng một cuộc tranh luận lành mạnh, công khai sẽ đưa ra tất cả các sự thật thích hợp về điều kiện hiện tại ở mỗi tỉnh. Tôi đã không chuẩn bị cho cơn bão cảm xúc bùng nổ tại cuộc họp tháng Hai khi điều này được thử. Hội trường ở Sài Gòn chật cứng các quan chức dân sự và sĩ quan quân đội Việt Nam và Pháp, hàng trăm người trong số họ. Đường như mỗi người đều có một ý kiến về mỗi tỉnh. Những người hiện đang nắm giữ quyền lực địa phương trong một tỉnh có xu hướng làm cho nó nghe giống như thiên đường. Những người hy vọng có được những công việc này hoặc đơn giản là ghen tị với những người nắm giữ công việc có xu hướng làm cho một tỉnh nghe giống như địa ngục trần gian. Những người khác chỉ đơn thuần là lên tiếng về việc bạn bè ở tỉnh của họ thất vọng đến mức nào với chiến tranh, với chính phủ Sài Gòn, với giá gạo, hoặc với hàng ngàn thứ khác. Những người tham gia Pháp đã phát biểu về mỗi tỉnh, với nội dung chính là chỉ có họ mới có thể mang lại những ngày hạnh phúc mà một tỉnh đã từng có, những ngày hạnh phúc sau đó được mô tả. Tất nhiên là

nóng giận bùng lên. Những lời phản bác la hét rất rõ ràng trong suốt ba ngày họp sốt sắng. Cuối cùng, tuy nhiên, nó đã kết thúc. Mỗi tình đã được gán cho một loại. Không ai có thể nói rằng nó đã không được thảo luận cần kê trước tiên.

Việc huấn luyện binh lính cho các hoạt động bình định tập trung phần lớn vào việc cải thiện hành vi của binh lính đối với dân thường. Một số khóa huấn luyện này có hiệu quả, một số thì không. Ví dụ, một trong những nỗ lực sớm nhất là để sửa chữa những thói quen xấu của các tài xế quân sự. Một người lính ngồi sau tay lái của một chiếc jeep hoặc một chiếc xe tải lớn trở thành một Walter Mitty (người hay mơ mộng) hình dung mình là người bị đánh giá thấp trong một cuộc đua đường trường Grand Prix, vượt qua nhóm đối thủ để lao về đích đầu tiên. Sự hợp tác bị suy giảm bất cứ khi nào các phương tiện quân sự chạy hỗn loạn qua các con đường làng, làm cư dân, gà và heo chạy tán loạn trên đường đi của chúng.

Quân đội được giao nhiệm vụ tiến vào Cà Mau đã được giảng dạy về phép lịch sự trên đường. Sau đó, một cuộc thi tài xế giỏi đã được tổ chức, với các giải thưởng và huy chương cho tài xế lịch sự nhất trong mỗi đơn

vị. Lễ trao giải được tổ chức tại một quảng trường công cộng ở thị trấn Sóc Trăng. Đó là một sự kiện lớn, với sự tham dự của hầu hết cư dân thị trấn. Một ban nhạc quân đội đã biểu diễn. Huy chương và giải thưởng được trao cho những tài xế lịch sự nhất. Sau khi buổi lễ kết thúc và đám đông lớn đang giải tán, các tài xế được vinh danh nhảy lên xe tải của họ, nhấn ga varoom-varoom, và phóng đi về nhà ngay giữa đám đông. Mọi người nhảy tránh để bảo toàn mạng sống, mở đường cho những cỗ xe lớn mạnh này, nguyên rửa những tài xế đeo huy chương.

Các sĩ quan và binh sĩ chiến tranh tâm lý (psywar) thuộc Phòng G-5 trong Quân đội Việt Nam được giao nhiệm vụ truyền bá tư tưởng cho quân đội. Một loạt các vở kịch ngắn đã được viết và trình diễn bởi các đội G-5 trước khán giả binh lính, với việc bắt buộc tham dự. Mỗi vở kịch ngắn đưa ra một ví dụ kịch tính về hành vi tốt và xấu của binh lính giữa dân thường, nhấn mạnh hậu quả. Diễn viên bao gồm một Người lính Tốt, một Người lính Xấu, và Người dân Làng. Trong một vở kịch ngắn, Người lính Tốt sẽ trả tiền cho dân làng một con gà, trong khi Người lính Xấu sẽ ăn trộm một con mặc cho sự phản đối của Dân làng; sau

đó Dân làng sẽ nói về những người lính, với những lời thân thiện dành cho đơn vị của Người lính Tốt nhưng Dân làng sẽ đi giúp du kích địa phương tấn công đơn vị kia, đơn vị của Người lính Xấu. Trong một vở kịch ngắn khác, Dân làng lặp lại lời tuyên truyền hiện tại của Việt Minh chống lại chính phủ Sài Gòn, và Người lính Tốt trả lời điều này một cách hợp lý bằng những sự thật chính xác, trong khi Người lính Xấu cúi kính bảo người dân im lặng. Có hàng tá vở kịch ngắn này, được trình diễn từ phía sau xe tải.

Việc huấn luyện và truyền bá tư tưởng về hành vi này còn kém xa so với những nỗ lực phổ biến của các lực lượng Cộng sản Châu Á, nơi các quy tắc ban đầu về hành vi trong Bát Lộ Quân Cộng sản Trung Quốc vẫn là cơ sở cho các bài giảng liên tục của các chính ủy và được thực thi bằng kỷ luật sắt. (Những người vi phạm thường bị bắn.) Các quy tắc Cộng sản được gọi là “ba kỷ luật lớn” và “tám điều chú ý.” Ba kỷ luật lớn là “Hành động theo mệnh lệnh; không lấy bất cứ thứ gì từ nhân dân; không cho phép lợi ích cá nhân làm tổn hại lợi ích công cộng.” Tám điều chú ý là “Đặt lại cửa (sau khi được sử dụng làm giường); buộc lại rơm rạ (sau khi dùng làm nệm); nói năng nhã nhặn; mua

bán công bằng; trả lại mọi thứ đã mượn; bồi thường mọi thứ đã làm hư hỏng; không tẩm nơi có phụ nữ nhìn thấy; và không cướp đoạt tài sản cá nhân của tù binh.” Các quy tắc này là tinh hoa của chiến tranh nhân dân. Khi quân đội đoàn kết với nhân dân, chiến tranh bắt đầu được chiến thắng. Cộng sản Châu Á hiểu điều này. Rất ít người ở phe chúng ta hiểu. Người dân vẫn bị chà đạp khi binh lính của chúng ta cố gắng đạt được các mục tiêu chiến thuật được giao cho họ. Chừng nào điều này còn xảy ra, chúng ta không thể thắng.

Sự bài ngoại của người Việt Nam trở nên rõ rệt vào đêm trước cuộc chiếm đóng Cà Mau, hay “Chiến dịch Tự do” (Operation Liberty), như chiến dịch chiếm đóng này được gọi một cách chính thức. Tất cả người Việt Nam có liên quan đến chiến dịch, từ ông Diệm trở xuống, đều nói rõ với tôi rằng họ không muốn người nước ngoài hiện diện khi họ hành quân vào. Tuyên truyền Cộng sản đã miêu tả những người trong chính phủ Sài Gòn là “chó săn” của thực dân Pháp. Các nhà lãnh đạo Sài Gòn muốn người dân chỉ nhìn thấy người Việt Nam trong lực lượng chiếm đóng, để có cơ hội công bằng bác bỏ tuyên truyền Cộng sản và bắt đầu

thuyết phục người dân rằng Việt Nam đã độc lập và có khả năng tự quản. Tôi thừa nhận rằng tôi thông cảm với nhu cầu được bày tỏ này. Nhưng có một số điều thực tế cần phải làm, và không có người Việt Nam nào để làm chúng. Các báo cáo về tình hình sức khỏe ở Cà Mau rất đáng báo động. Để giúp đỡ người dân, các đội y tế nên vào Cà Mau cùng với quân đội. Vị bác sĩ Việt Nam duy nhất đi cùng quân đội sẽ phải bận rộn chăm sóc binh lính. Nếu muốn cung cấp hỗ trợ y tế cho người dân, phải sử dụng người nước ngoài.

Quân đội Pháp, Hội Chữ thập đỏ Pháp, và những người Philippines của Chiến dịch Tình huynh đệ đều đề nghị gửi các đội y tế vào giúp đỡ người dân Cà Mau. Tôi đã biện hộ cho trường hợp của họ với ông Diệm và các quan chức khác. Người Việt Nam kiên quyết. Không người nước ngoài! Tôi đã có những khoảnh khắc mỉa mai khi người Pháp đổ lỗi cho tôi về sự từ chối này và, về phía họ, người Việt Nam buộc tội tôi thúc đẩy “sự nghiệp của người Pháp.”

Vì người Việt Nam từ chối sự giúp đỡ của Philippines một cách nhẹ nhàng hơn, tôi quyết định thay đổi chiến thuật. Những người từ chối là đàn ông, và có một số cô gái

rất xinh trong số các y tá Filipina. Tôi gọi ý rằng Chiến dịch Tình huynh đệ đưa một vài y tá xinh đẹp nhất đến thăm Sóc Trăng, nơi tôi đang gặp gỡ các lãnh đạo Quân đội Việt Nam để kiểm tra vào phút chót cuộc hành quân vào Cà Mau. Khi cuộc họp quân sự của chúng tôi ở Sóc Trăng kết thúc để ăn trưa thịnh soạn, tôi đã tìm cách mời nhóm Chiến dịch Tình huynh đệ tham gia cùng chúng tôi. Các sĩ quan Việt Nam cấp cao thì nhau mời các cô gái Filipina xinh đẹp ngồi cạnh họ trong bữa trưa. Bữa trưa vừa mới bắt đầu thì người Việt Nam đã quyết định rằng các đội y tế Philippines đơn giản là phải đi cùng họ vào Cà Mau. Các sắp xếp đã được thực hiện ngay tại chỗ. Có một phong tục cổ xưa của người Châu Á là sử dụng một cô gái xinh đẹp làm nhà đàm phán. Tôi tự đá vào chân mình vì đã không nghĩ ra điều đó sớm hơn. (Chiến dịch Tình huynh đệ đã vào Cà Mau bằng xe tải Quân đội Việt Nam và thiết lập một bệnh viện dã chiến trong một ngôi trường bỏ hoang, với các đội lưu động đến thăm các làng. Cư dân yêu quý họ. Cha mẹ của em bé đầu tiên sinh ra trong bệnh viện này đã đặt tên cho đứa trẻ là “O.B.,” để bày tỏ lòng biết ơn.)

Sự bài Pháp của người Việt Nam làm phức

tập công việc của tôi theo những cách khác. Thứ nhất, họ không muốn người Pháp biết kế hoạch chi tiết cho việc chiếm đóng Cà Mau, chẳng hạn như lịch trình đến của từng đơn vị; họ nghi ngờ rằng người Pháp sẽ tìm cách nào đó để phá hỏng chiến dịch và làm cho Quân đội Việt Nam trông tệ. Tuy nhiên, tôi có cả sĩ quan Pháp và Mỹ của bộ phận TRIM của tôi giúp chuẩn bị lực lượng Việt Nam cho chiến dịch. Họ cần phải biết đủ để hỗ trợ hiệu quả. Cuối cùng tôi đã thuyết phục được người Việt Nam tiết lộ chi tiết để chúng tôi có thể làm những điều thực tế về hậu cần, nhưng không phải trước khi một sự cố đau đớn xảy ra. Cảnh tượng là một buổi họp giao ban do chỉ huy chiến dịch Cà Mau, Trung tá Dương Văn Đức, chủ trì, với Tướng O'Daniel và nhiều sĩ quan Pháp và Mỹ khác nhau tham dự. Trung tá Đức mô tả kế hoạch tác chiến của mình mà không cần dùng ghi chú. Tướng O'Daniel tìm thấy nhiều lỗi trong bài trình bày bằng lời nói của Đức và bắt đầu hỏi dồn ông ta. Tôi thì thào vào tai O'Daniel rằng Đức đã tự bịa ra một kế hoạch giả ngay tại chỗ, chỉ vì O'Daniel đã đưa các sĩ quan Pháp đến buổi giao ban – điều mà tôi đã cảnh báo ông ta. Sau đó, tôi cho O'Daniel xem kế hoạch thật.

Lâu sau đó, tôi mới thuyết phục Đức xem lại kế hoạch thật của mình với nhân viên TRIM của tôi.

Lệnh cấm người nước ngoài đi cùng quân đội vào khu vực tác chiến của người Việt Nam đã được mở rộng để bao gồm cả các sĩ quan trong bộ phận TRIM của tôi, những người mà tôi muốn đi cùng với tư cách là cố vấn. Cuối cùng Trung tá Đức đã nhượng bộ trước lời thỉnh cầu của chính các sĩ quan của mình và cho phép tôi đưa vào khu vực tác chiến hai sĩ quan Mỹ của tôi, những người được người Việt Nam yêu mến. Trung tá Sam Karrick sẽ cố vấn về hậu cần tại căn cứ hoạt động. Thiếu úy Rufe Phillips sẽ đi cùng một lực lượng bất thường sẽ vào khu vực qua sông và kênh rạch và tham gia với lực lượng Quân đội Việt Nam chính đi bằng đường bộ tại thị trấn Cà Mau. Phillips, người từng chơi bóng bầu dục tại Yale, là một người cao sáu feet (tóc vàng hoe), một người khổng lồ giữa những người Việt Nam nhỏ hơn. Anh ta nổi bật như một ngón tay cái bị đau. Một số sĩ quan Pháp cay đắng bức bối về sự có mặt của anh ta và, một ngày nọ, chỉ Phillips cho các quan chức Việt Nam xem và hỏi thẳng thừng: “Khi các ông nói không có người nước ngoài nào có thể đi cùng các

ông, tại sao các ông lại đưa người nước ngoài đó đi cùng?” Người Việt Nam nhìn Phillips và giải thích: “Anh ấy không phải là người nước ngoài. Anh ấy là bạn của chúng tôi!”

Tin tức về sự hiện diện của Phillips rõ ràng đã được truyền lên chuỗi chỉ huy Pháp đến Tướng Ely và từ ông ta đến Tướng Collins, đại sứ Mỹ. Trong cuộc họp Đội Quốc gia Mỹ (U.S. Country Team) tiếp theo, Collins đã chỉ trích Tướng O'Daniel vì chỉ có một cố vấn TRIM với quân đội Việt Nam trong chiến dịch Cà Mau, mà lại là một thiếu úy; với tất cả các tiểu đoàn đang tiến vào, phải có hàng chục cố vấn, hy vọng bao gồm ít nhất một số trung tá. “Anh ấy là người của Ed,” O'Daniel trả lời, quay sang tôi. “Ồ, vậy thì khác,” Collins nói. Tôi vội vàng giải thích những gì đang xảy ra trong chiến dịch vào thời điểm đó, làm thế nào nó đang thành công mà không có một đám cố vấn Pháp và Mỹ độc đoán bám theo. Ông Diệm đang bay xuống Cà Mau để thăm. Sau khi thủ tướng có một ngày ở Cà Mau, sẽ có đủ thời gian cho tất cả người nước ngoài muốn đến thăm và xem bất cứ điều gì họ muốn.

Chiến dịch Cà Mau đã đi vào lịch sử Việt Nam như một thành công. Người dân đã hưởng ứng sự thân thiện và thái độ nhân đạo

của lực lượng chính phủ Sài Gòn bất cứ khi nào và bất cứ nơi đâu được thể hiện. Các cán bộ Cộng sản đã thúc giục người dân chỉ thể hiện sự chấp thuận miễn cưỡng, và ban đầu người dân đã ngoan ngoãn cố gắng làm điều này. Nhưng người dân không thể giữ thái độ xa lánh trước rất nhiều sự sẵn lòng giúp đỡ, rất nhiều bằng chứng cho thấy có người thực sự quan tâm đến họ. Nhiều ngàn bức ảnh màu sắc rực rỡ của lá cờ quốc gia Việt Nam và của Ngô Đình Diệm đã được phát cho dân làng, những người đã xé bỏ những bức ảnh cũ đã phai màu của Hồ Chí Minh trong nhà và thay thế bằng những bức ảnh mới của Sài Gòn. Quan trọng hơn, người dân đã tự nguyện bắt đầu tiết lộ vị trí các kho vũ khí và đạn dược bí mật, cung cấp tên của những người trong các tổ chức nằm vùng của Việt Minh, và xắn tay áo làm việc cùng với binh lính trong việc xây dựng lại và sửa chữa các công trình công cộng bị phá hủy hoặc bị bỏ quên.

Ông Diệm, bận rộn với công việc ở Sài Gòn, đã hoãn chuyến thăm Cà Mau lại một tuần. Tôi cần nhắc ông trong các cuộc nói chuyện hàng ngày cho đến khi ông đi, chủ yếu là để khiến tôi im lặng hơn vì bất kỳ lý do nào khác. Hầu như mọi người đàn ông,

phụ nữ và trẻ em ở thị trấn Cà Mau đều đổ ra chào đón ông. Khung cảnh không quá trật tự. Mọi người vẫy tay đầy phấn khích và gọi tên ông. Một số người thoát ra khỏi đám đông để nói chuyện với ông. Đó là một cảnh tượng dễ lây lan. Binh lính được xếp thành đội danh dự, nghiêm chỉnh chào cờ để chào đón vị khách, đã quên kỷ luật và reo hò. Cảnh tượng được lặp đi lặp lại khi ông đi lang thang khắp thị trấn và các khu vực lân cận. Khi ông Diệm trở về Sài Gòn, ông dường như được hồi sinh, tràn đầy năng lượng mới. Ông đã nhận được một liều lượng say đắm của sự nổi tiếng được thể hiện một cách chân thật.

Trong sự phấn khích sau chiến dịch Cà Mau, Đức được thăng cấp đại tá và sau đó trở thành đại sứ đầu tiên của Việt Nam tại Hàn Quốc. Rufe Phillips được thăng cấp trung úy nhất.

Có một sai lầm nghiêm trọng đã xảy ra trong chiến dịch Cà Mau, mà tôi tự đổ lỗi cho bản thân. Nó liên quan đến rừng U Minh ở bờ biển phía đông của Bán đảo Cà Mau. Khu rừng là một mê cung rộng lớn của rừng ngập mặn. Lực lượng trinh sát (chủ yếu là cựu Việt Minh đã quy thuận chính phủ) nói với tôi rằng có lẽ khoảng một trăm lính Việt

Minh đang ẩn náu trong U Minh. Người dân địa phương và các quan chức y tế công cộng nói rằng khu vực rừng ngập mặn này nổi tiếng vì tỷ lệ mắc bệnh sốt rét thể não và các bệnh chết người khác cao. Do đó, khi đến câu hỏi về việc sử dụng quân đội để tìm kiếm kỹ lưỡng U Minh hay cho các nhiệm vụ cấp bách khác, tôi đã đề xuất phương án sau. Với việc biên giới U Minh được canh gác, tôi nghĩ rằng Việt Minh trong rừng sẽ héo mòn hoặc đi ra đầu hàng. Thực tế là, bất chấp tỷ lệ tử vong cao, Việt Minh đã ở lại, sống sót và xây dựng một tổ hợp căn cứ đáng kể ở U Minh. Sau này, nó trở thành khu vực cung cấp, huấn luyện và nghỉ ngơi cho lực lượng du kích Việt Cộng. Cuối cùng, những người Mỹ bị bắt giữ nằm trong số các tù nhân bị giam giữ ở đó. Ngày nay, nó vẫn là một vết loét đáng sợ về mặt vệ sinh và chính trị đe dọa sự sống còn của miền Nam Việt Nam.

Một khi chiến dịch Cà Mau đã diễn ra tốt đẹp, các kế hoạch đã được soạn thảo cho việc chiếm đóng khu vực lớn cuối cùng còn lại đang được Việt Minh rút đi. Khu vực này là cái mà hiệp định Geneva gọi là “khu vực tập hợp tạm thời của Trung Việt – đợt cuối cùng.” Nó chạy dọc theo bờ biển khoảng một

trăm năm mươi dặm và kéo dài vào sâu đất liền khoảng năm mươi đến sáu mươi dặm, tổng cộng khoảng tám nghìn dặm vuông, và bao gồm các tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định ở phía bắc xa xôi của Sài Gòn. Có một đồng bằng ven biển chạy lùi vào vài dặm từ Biển Đông, sau đó là chân đồi và thung lũng, và cuối cùng là một khối núi lớn, hầu hết được bao phủ bởi rừng rậm rạp. Một đường cao tốc trải nhựa và một tuyến đường sắt chạy dọc theo chiều dài của nó, gần bờ biển. Một đường cao tốc trải nhựa khác chạy vào nội địa gần cuối phía nam của khu vực, và có một vài con đường và đường mòn sơ sài khác. Chính phủ Sài Gòn được lên lịch bắt đầu tiến vào khu vực này vào ngày 22 tháng 4, tiến vào ở đầu phía bắc và tiếp tục về phía nam từng phần một, tuân thủ một thời gian biểu nghiêm ngặt. Việt Minh sẽ lên tàu tại cảng Quy Nhơn ở cuối phía nam của khu vực, từ đó họ sẽ đi bằng đường biển đến Hải Phòng ở Bắc Việt Nam.

Đây là khu vực gấp đôi diện tích của chiến dịch Cà Mau. Rõ ràng, sẽ cần nhiều quân hơn. Quân đội Việt Nam đang trải qua một chút Mỹ hóa trong tổ chức của mình, bao gồm việc thành lập các trung đoàn và sư đoàn từ sự hỗn tạp trước đây của các

tiểu đoàn riêng lẻ. Các Sư đoàn 31 và 32 mới thành lập của Quân đội Việt Nam đã được chỉ định là lực lượng được sử dụng. Ông Diệm và Bộ Tổng Tham mưu quân đội đã chọn một cái tên cho chiến dịch: Chiến dịch Giải Phóng (Operation Giai-Phong), có nghĩa là giải thoát khỏi ngục tối hoặc phá vỡ xiềng xích. Đại tá Lê Văn Kim được bổ nhiệm làm chỉ huy. Ông là Thư ký Bộ Tổng Tham mưu vào thời điểm đó, được cho là một sĩ quan có khả năng xử lý một đội quân lớn như vậy, có quê hương ở khu vực tác chiến, và đã làm việc chặt chẽ với nhân viên TRIM của tôi trong việc chuẩn bị một nghiên cứu về “Những bài học kinh nghiệm ở Cà Mau.” “Những bài học” đã được xuất bản bằng tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp và được phân phát rộng rãi trong chính phủ Việt Nam như một hướng dẫn về cách thức thích hợp để mở rộng quyền quản lý của Sài Gòn trên cả nước.

Đại tá Kim là một nhân vật hiếm có, một người Việt Nam tốt nghiệp Trường Chiến tranh Pháp. Điều đó làm cho các buổi lập kế hoạch của chúng tôi với ông diễn ra nhanh chóng và tốt đẹp, nhưng nó cũng làm dấy lên sự nghi ngờ của ông Diệm và các anh em của ông, những người nghĩ rằng có lẽ

Kim đã được người Pháp ưu ái đến mức ông ta trở nên Pháp hơn Việt Nam. Khi Bộ Tổng Tham mưu Việt Nam và bộ trưởng quốc phòng đề xuất với ông Diệm việc bổ nhiệm Kim làm chỉ huy, ông Diệm đã do dự, lo lắng chủ yếu vì Kim rất tự hào là công dân Pháp. Điều này dẫn đến một buổi gặp riêng giữa hai người, trong đó ông Diệm yêu cầu Kim chọn giữa quốc tịch Pháp và Việt Nam. Kim đã chọn Việt Nam. Ngay cả điều này cũng không làm hài lòng các anh em của ông Diệm là Nhu (người sống với ông Diệm) và Cần (người sống với mẹ ông Diệm ở Huế). Mỗi người anh em đều đặt đặc vụ của riêng mình vào nhóm các nhà hành chính dân sự sẽ đi cùng quân đội trong Chiến dịch Giải Phóng. Trong suốt chiến dịch, các đặc vụ đã gửi một làn sóng báo cáo về các hoạt động của Kim. Một số báo cáo độc địa đến mức cuối cùng tôi đã thúc giục ông Diệm tự mình chọn một người mà ông tin tưởng cá nhân và nhờ người này kiểm tra kỹ lưỡng sự thật của các báo cáo. Ông Diệm đã làm như vậy. Các báo cáo bút độc đã dừng lại.

Cũng như ở Cà Mau, người Việt Nam khẳng định rằng chỉ có một cố vấn nước ngoài, Thiếu úy Phillips, đi cùng quân đội của họ trong Chiến dịch Giải Phóng. Một lần

nữa, các sĩ quan Pháp và Mỹ của nhân viên TRIM của tôi đã cung cấp hỗ trợ hậu thuẫn cho chiến dịch từ bên ngoài. Chúng tôi liên lạc bằng giọng nói liên tục qua vô tuyến với Phillips, người sống và làm việc với Kim, chỉ huy chiến dịch. Đến lúc này mọi người đã quen với sự sắp xếp này. Không còn những lời phàn nàn về việc chỉ có một sĩ quan cấp dưới người Mỹ cố vấn cho người Việt Nam, ngay cả khi Giải Phóng triển khai một lực lượng mà về cơ bản là một quân đoàn đầy đủ. Phương pháp của chúng tôi đã hiệu quả.

Cũng như ở Cà Mau, các bác sĩ và y tá Philippines của Chiến dịch Tình huynh đệ đã theo quân đội vào khu vực, nơi họ thiết lập một bệnh viện tạm thời và thực hiện các dịch vụ y tế công cộng. Một cơn bão đã đổ bộ vào bờ biển, làm hỏng tàu tiếp tế của họ và làm ngập lụt khu vực làm việc của họ. Dario Arellano, người đã chụp ảnh công việc y tế của Philippines, đã cố gắng quay trở lại Sài Gòn trong cơn bão để cung cấp cho tôi chi tiết cho những nỗ lực của chúng tôi nhằm cứu trợ tình hình của họ. Trong số những điều khác, anh ấy đề cập rằng những người Philippines đã tìm thấy một tòa nhà cũ trên một ngọn đồi phía trên vùng lú, trống rỗng, cổ kính, nhưng mái nhà vẫn còn nguyên

ven, và đã chuyển vào đó. Đó là một nơi trú ẩn tốt, nhưng đêm đầu tiên những người Philippines đã phát hiện ra rằng nó đầy ma, những bóng ma trong trang phục của linh mục và tu sĩ! Liệu tôi có thể vui lòng nói cho những người Philippines biết họ đã tìm thấy cái gì trên thế giới này không? Đường như không ai ở đó biết. Ngày hôm sau tôi hỏi ông Diệm. Ông là một bách khoa toàn thư di động về các sự kiện liên quan đến đất nước ông. Chắc chắn rồi, ông kể cho tôi về một tu viện Công giáo được xây dựng tại địa điểm đó từ lâu. Khoảng năm mươi năm trước, nó đã trở thành một nữ tu viện, nhưng các nữ tu đã chuyển đi gần mười năm trước. Tòa nhà vẫn bị bỏ hoang cho đến khi những người Philippines chuyển vào để tránh bão. Sau đó tôi kể cho ông ấy nghe về những hồn ma mà những người Philippines đã nhìn thấy. Một cách kiên nhẫn, với giọng điệu thực tế, ông ấy giải thích với tôi rằng những hồn ma có lẽ là các tu sĩ và linh mục đã chết ở đó một trăm năm trước. Khi tôi truyền đạt điều này, những người Philippines đã làm tôi ngạc nhiên khi ở lại đó. Họ nói rằng những hồn ma rất thân thiện!

Chiến dịch Giải Phóng cũng đi vào sách lịch sử với tư cách là một thành công, bất

chấp những nỗ lực phá hoại của Cộng sản. Khi quân đội Việt Nam tiến vào khu vực từ phía bắc, quân đội Việt Minh đang rút lui về cảng xuất phát ở phía nam, để lại phía sau những cây cầu bị phá hủy, một tuyến đường chính bị khoét những con hào sâu hoắm cách nhau vài mét, đường ray xe lửa bị xé toạc, đường dây điện báo và điện thoại bị tịch thu, và những câu chuyện hoang đường trong dân chúng - kiểu như “chúng ăn thịt trẻ con vào bữa sáng” - về hành vi tàn bạo vô nhân đạo mà họ có thể phải đối mặt từ binh lính quân đội Việt Nam. Kỷ luật và sự thân thiện của binh lính Quân đội Việt Nam, cùng với sự sẵn lòng rõ ràng của họ trong việc giúp đỡ người dân bằng cách xây dựng lại các chợ bị phá hủy, mái nhà, đường sá và cầu cống đã sớm vượt qua nỗi sợ hãi mà những người Cộng sản sắp rời đi đã gieo rắc trong lòng người dân.

Chiến dịch hận thù của Cộng sản đã phản tác dụng, phần lớn là do hành vi gương mẫu của quân đội quốc gia. Đến ngày thứ ba, tin tức về thái độ anh em của họ đã lan truyền trước cuộc hành quân. Dân làng đứng dọc theo con đường, cổ vũ họ và phân phát thức ăn và đồ uống. Đến ngày thứ tư, dân làng đã chỉ cho quân đội quốc gia nơi Cộng sản đã

giấu các kho vũ khí, đạn dược và các vật tư khác. Trong khi đó, ở cuối phía nam của khu vực, gần Quy Nhơn, cảng lên tàu, người dân bắt đầu trở nên thù địch với binh lính Việt Minh. Các chính ủy Cộng sản đi cùng những binh lính này đã cưỡng ép các thiếu niên, đưa họ ra miền bắc để học tập, hứa hẹn cuối cùng sẽ trở về. Các gia đình bắt đầu giấu con cái của họ trên đồi. Khi việc cưỡng bức nhập ngũ cuối cùng lan đến cả những đứa trẻ mười hai tuổi, dư luận đã bùng nổ. Đến lúc các đơn vị cuối cùng của quân đội Việt Minh hành quân qua các đường phố thị trấn Quy Nhơn để lên tàu vận tải của họ, người dân bị kích động đã ném đá vào họ, la hét những lời chửi rủa. Đó gần như không phải là một cuộc rút lui cao đẹp. Tất cả điều này xảy ra trong khi Quân đội Việt Nam vẫn còn cách thị trấn hàng dặm trong cuộc hành quân của mình.

Khi các báo cáo từ các điệp viên tình báo về những gì đang xảy ra ở đó đến, tôi thúc giục ông Diệm tạm gác công việc ở Sài Gòn và bay đến Quy Nhơn, canh thời gian đến của ông trùng với việc Quân đội Việt Nam tiến vào thị trấn. Tâm trạng của người dân ở đó biện minh cho sự xuất hiện của ông với tư cách là nhà lãnh đạo quốc gia. Khi ông

Diệm ra lệnh điều máy bay cho chuyển bay, tôi đề nghị rằng đây cũng là lúc để đưa một số người nước ngoài đi cùng ông, bao gồm các quan chức Pháp đã từng hoài nghi về vị thế của ông trong lòng người dân. Tôi cảm thấy đáng để tạm thời bỏ qua lệnh cấm đối với sự hiện diện của người nước ngoài, vì phản ứng của thị trấn đối với việc có một nhà lãnh đạo quốc gia chia sẻ sự giải phóng của họ nên là một điều mở mang tầm mắt ngay cả đối với những nhà quan sát hoài nghi nhất. Do đó, một vị tướng Pháp và một số nhà báo Pháp đã cùng ông Diệm đến Quy Nhơn.

Ông Diệm đến Quy Nhơn ngay khi Quân đội Việt Nam đang tiến vào thị trấn. Máy bay của ông bay vòng trên đầu và sau đó hạ cánh xuống sân bay. Quân đội quốc gia vội vã chạy ra sân bay, cùng với cư dân thị trấn khi tin tức về sự đến của ông Diệm lan truyền. Chỉ một số ít người có mặt khi ông bước ra khỏi máy bay. Khoảnh khắc sau đó, quân đội và người dân ồ ạt kéo đến, tạo thành một đám đông dày đặc xung quanh ông. Ông Diệm nhỏ bé dường như biến mất giữa họ. Sau đó, những người phấn khích đã làm một điều chưa từng thấy trong số người Việt Nam. Họ nhắc bổng ông lên vai,

để cả đám đông có thể nhìn thấy. Một tiếng reo hò lớn vang lên. Về mặt kinh ngạc của ông Diệm, trước sự xử lý bất ngờ này, biến thành một nụ cười toe toét. Ông thả tay khỏi một cái đầu mà ông đã nắm lấy để giữ thăng bằng và vẫy tay. Một tiếng reo hò lớn khác vang lên. Ông Diệm yêu cầu được đặt xuống. Họ đặt ông xuống đất và ông đi bộ qua đám đông, vui vẻ trao đổi lời chào. Đó là một cảnh tượng sống động và hạnh phúc cuồng nhiệt. Những người Pháp chứng kiến thấy điều đó khó tin. Một người nói với tôi rằng ông ta sẽ không tin điều đó nếu ông ta không nhìn thấy, nói thêm: “Tôi không biết người dân yêu quý ông ấy. Nó còn hơn cả những gì Hồ Chí Minh từng nhận được.” Tôi hy vọng đó là một khoảnh khắc mà tất cả sẽ nhớ – ông Diệm, những người nước ngoài, quân đội và người dân.

GHI CHÚ

BÌNH ĐỊNH. “Hành động An ninh Quốc gia” được ông Diệm thiết lập trong chỉ thị 278/PTT/OP/M của ông. Trong các lệnh thực hiện vào tháng 2 năm 1955 từ Bộ Quốc phòng, có các mô tả rõ ràng về công việc phải làm của binh lính và các đội hành chính trong các khu vực cũ của Việt Minh. Dòng kết của các mô tả này là: “Tóm lại, cư dân, được đối xử như những thân dân trung thành của một chế độ giải phóng, sẽ được dẫn dắt để tự chọn chế độ mà họ sẽ bảo vệ chống lại bất kỳ sự phá hoại hiện tại nào hoặc bất kỳ mối đe dọa nào trong tương lai.”

HUYỀN BÍ. Người Việt Nam không cần nhiều đến những câu chuyện ma Philippines. Việt Nam quá đầy rẫy những điều bí ẩn đến nỗi tôi từng khuyên người Mỹ nên đọc tác phẩm “Kim” của Kipling và chú ý đến mô tả về việc huấn luyện phản gián của cậu bé Kimball O’Hara trong nhận thức về ảo ảnh. Hầu như mọi nhà lãnh đạo Việt Nam mà tôi biết, vào một thời điểm nào đó, đã tham khảo ý kiến của một thầy bói trong số vô số những người thực hành thần linh học, số học, chiêm tinh học, thuật xem chỉ tay, thuật xem hình dáng sọ, thuật chiêu hồn, thuật phong thủy, và phép thuật vật linh. Theo những người tin, ngay cả các con đường ở Sài Gòn cũng bị ám bởi những người thiệt mạng trong các tai nạn giao thông, khiến tầm nhìn của những người lái xe đang sống bị mờ đi trong giây lát khi họ đi qua những cảnh chết chóc trước đây. Tuy nhiên, người Việt Nam bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi những điểm lành hay điểm xấu của các con số, đặc biệt là ngày tháng. Có một niềm tin gần như phổ quát của người Việt Nam về sự xui xẻo của số 5, chẳng hạn như ngày 5, 14 và 23 của tháng âm lịch Trung Quốc được sử dụng trong lịch Việt Nam (với 1 cộng 4 và 2 cộng 3 đều bằng 5). Việc di chuyển bằng máy bay thương mại giảm mạnh vào những ngày đó, và các quan chức hoặc tướng lĩnh bắt đầu các hoạt động vào những ngày như vậy bị coi là yếu mệnh hoặc ngu ngốc. Tôi sẽ cảnh báo người Mỹ về những ngày mê tín của người Việt Nam nhưng cũng sẽ nhắc nhở họ về đạo đức của chính chúng ta bằng cách trích dẫn Thánh Vịnh 118:24: “Đây là ngày Chúa đã làm ra; chúng ta hãy vui mừng và hoan hỉ trong ngày đó.”

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

* *

MẶT TRẬN THỐNG NHẤT
CÁC GIÁO PHÁI

Có cách mà phần còn lại của thế giới làm mọi việc. Và rồi có cách làm của người Việt Nam. Người Việt Nam dường như khẳng khẳng muốn khác biệt và khó đoán, và đôi khi một chút tính cách ngang bướng này lại ảnh hưởng đến người nước ngoài giữa họ, khiến họ thêm vào những rắc rối vốn đã không ổn. Thông thường, những hành vi ương bướng như vậy được hòa nhập vào sự hỗn loạn thường nhật của cuộc sống ở Việt Nam và chỉ được chú ý trong chốc lát. Tuy nhiên, năm 1955 thì không phải vậy. Trong những tháng đầu sau Tết Nguyên đán mùa xuân năm 1955, đón chào năm mới âm lịch Ất Mùi, đã có một sự điên cuồng bất ngờ gần như xé toạc Việt Nam ra từng mảnh.

Những dấu hiệu của thời cuộc cho thấy mọi kỳ vọng về một mùa xuân hòa bình đầy tiến bộ quốc gia. Diệm đang làm chủ

nhệm vụ của mình với tư cách là thủ tướng, ngày càng thể hiện kỹ năng điều hành tốt hơn. Hàng trăm nghìn người tị nạn miền Bắc đang xây dựng cuộc sống mới và nhà cửa mới ở miền Nam. Quân đội Việt Nam đã bỏ lại phía sau những ngày tháng khó khăn dưới thời tướng Hinh và đang tiếp thu những phương pháp mới được các cố vấn Pháp và Mỹ dạy trong TRIM. Chiến dịch bình định ở Camau đã diễn ra tốt đẹp, và chiến dịch sắp tới ở miền Trung Việt Nam (Chiến dịch Giải-Phóng) hứa hẹn sẽ còn tốt hơn nữa. Niềm hy vọng mới đã được nhen nhóm ở nông thôn khi nông dân canh tác lại những mảnh đất bỏ hoang trong những năm chiến tranh. Vấn đề lãnh chúa bè phái đang được giải quyết, với việc sáp nhập một số lực lượng bè phái vào quân đội quốc gia: du kích Liên Minh của Trình Minh Thế, 10.000 quân Cao Đài dưới quyền tướng Nguyễn Thành Phương, trung đoàn Hoa Hảo còn lại dưới quyền tướng Nguyễn Giác Ngộ (trung đoàn khác của ông đã được sáp nhập trước đó), và bốn tiểu đoàn Hòa Hảo dưới quyền Trung tá Nguyễn Văn Huệ. Con đường đã được mở ra cho việc sáp nhập các lực lượng bè phái khác. Tướng Ely, chỉ huy cao cấp nhất của Pháp, đang dần chấp nhận việc

từ bỏ quyền kiểm soát của Pháp đối với lực lượng vũ trang Việt Nam và thậm chí đã bắt đầu nghĩ đến việc rút Quân đoàn Viễn chinh Pháp khỏi Việt Nam. Ngày 5 tháng 3, không khí lạc quan bắt đầu chứng lại. Hôm đó, các lãnh đạo các giáo phái Việt Nam đã họp mặt tại Chợ Lớn và quyết định lật đổ chính quyền của Diệm, chia nhau quyền lực. Cuộc họp do Bảy Viễn, phó lãnh chúa của thành phố, triệu tập. Ông ta đã mua chuộc quyền lực cảnh sát từ Bảo Đại và có đội quân giáo phái Bình Xuyên riêng. Ông ta rất bất bình trước các sắc lệnh do Diệm ban hành hồi tháng Giêng, nhằm mục đích ngăn chặn trẻ vị thành niên đến các nhà chứa và kiểm chế buôn bán ma túy. Bảy Viễn nói với các lãnh đạo Cao Đài và Hòa Hảo (trong đó có cả tay sai Bình Xuyên của ông ta) rằng người dân miền Nam Việt Nam cần một chính phủ tốt hơn chính phủ mà “tên ngốc” Diệm đang cung cấp. Nếu các giáo phái có thể đoàn kết đủ lâu để thực hiện một hành động chính trị, họ có thể yêu cầu và giành được các chức vụ trong chính phủ, kiểm soát nguồn lực tài chính và nhân lực của đất nước. Diệm sẽ được thăng chức lên làm thủ tướng danh dự trong khi họ thực sự điều hành mọi việc. Nếu họ hợp nhất lực lượng quân sự thành

một đội quân hùng mạnh, Diệm sẽ sợ hãi và chấp nhận yêu cầu của họ. Việc đó hẳn sẽ dễ thôi.

Những lời của Bảy Viễn đã lọt vào tai một số người sẵn sàng lắng nghe, những người có thể đoán trước được mùi vị của tiền bạc và quyền lực mà ông ta đang hứa hẹn với mỗi người trong số họ. Họ bắt đầu tổ chức lại lực lượng cho cuộc đảo chính. Một Mặt trận Quốc gia Thống nhất các Tông phái chính thức đã được nhất trí. Phạm Công Tắc, Giáo chủ của Cao Đài, sẽ là Tổng tư lệnh, với điều kiện ông ta phải đóng góp toàn bộ lực lượng Cao Đài cho sự nghiệp của mặt trận chứ không phải sáp nhập họ vào quân đội quốc gia. Mặc dù các đạo quân của các tông phái khác nhau sẽ vẫn độc lập dưới sự chỉ huy của các tướng lĩnh hiện tại (những người mà cuộc họp hứa sẽ thăng cấp), nhưng họ sẽ trở thành một đạo quân thống nhất trong trường hợp cần thiết. Lãnh đạo du kích Hòa Hảo, Ba Cụt (người bị mất một khớp ngón tay), được chỉ định làm tổng tư lệnh. Bảy Viễn đã làm ngọt ngào thêm sự đề cử của mình đối với Ba Cụt bằng cách nhanh chóng đặt quân đội Bình Xuyên của mình dưới quyền chỉ huy của Ba Cụt trong bất kỳ trường hợp khẩn cấp nào. Cuộc họp kết thúc với những

lời cam kết ủng hộ mặt trận mới và chương trình của nó.

Tôi nghe về cuộc họp của các thủ lĩnh giáo phái khi các Tướng Trình Minh Thế và Nguyễn Thành Phương ghé qua nhà tôi trên đường về từ cuộc họp đó. Họ đang cười. Họ nghĩ rằng mặt trận này là một trò đùa lớn và có vẻ ngạc nhiên khi tôi không chỉ xem tin tức đó một cách nghiêm túc, mà còn chỉ ra rằng cả hai người đã bị lừa trong một trò lừa đảo rõ ràng. Nếu cả hai đã ký tên tham gia mặt trận, điều đó có nghĩa là họ đã đặt các lực lượng vũ trang của mình, vốn là nguồn sức mạnh duy nhất của họ, dưới sự kiểm soát của Ba Cụt cho một trò chơi chính trị do trùm giang hồ Bảy Viễn bày ra. Một khi họ bắt đầu chơi trò chơi của hắn, họ sẽ thấy mình bị mắc kẹt, không thể thoát ra. Trong trường hợp của Trình Minh Thế, lời thề trung thành gần đây của ông với chính phủ đặt ông vào vị trí mà việc thực hiện các hành động cho Ba Cụt và Bảy Viễn sẽ khiến ông dễ bị buộc tội phản quốc và nổi loạn. Nguyễn Thành Phương, người mà quân đội Cao Đài của ông đang ở giai đoạn cuối của việc hội nhập vào quân đội quốc gia, cũng ở trong tình trạng tương tự. Sẽ dễ hiểu nếu họ chia sẻ niềm tin của Bảy Viễn, nhưng họ

đã tuyên bố những lý tưởng cao hơn nhiều. Nghiêm túc mà nói, họ có thực sự đã ký tên tham gia mặt trận không?

Các tướng quân đã trở nên nghiêm túc hơn và thừa nhận rằng họ thực sự đã ký tên. Họ không thể thấy làm thế nào tội phản quốc và nổi loạn có thể bị tuyên bố chống lại bất kỳ ai trong mặt trận, vì Quốc trưởng Bảo Đại dường như có liên quan. Một số người làm việc chặt chẽ với Nguyễn Đệ (“người của Bảo Đại ở Sài Gòn”) đã có mặt tại cuộc họp và đã khuyến khích việc thành lập mặt trận và các mục tiêu của nó. Nếu nó xảy ra hành động vũ trang chống lại chính phủ Diệm, Bảo Đại có lẽ sẽ hợp pháp hóa hành động đó.

Tôi nhận xét rằng hai vị tướng đang ở trong một tập đoàn rất kỳ lạ. Nguyễn Đệ có một tiếng xấu đáng sợ trong số người Việt Nam với tư cách là một kẻ mưu mô mà các âm mưu của hắn dường như luôn sử dụng một con cờ sẽ kết thúc ở phần thua trong một thỏa thuận trong khi Nguyễn Đệ trở nên giàu có và mạnh mẽ hơn. Có những thực dân nhiệt thành trong số người Pháp đang gây ảnh hưởng đến Bảy Viễn và Ba Cụt, những người thực dân mà lợi ích cá nhân của họ đi ngược lại lợi ích của những người Việt Nam

mong muốn độc lập hoàn toàn cho đất nước của họ. Liệu Thế và Phương đã thay đổi mục tiêu về một Việt Nam độc lập, một mục tiêu mà họ đã tuyên bố mạnh mẽ trong các cuộc họp trước với tôi?

Các Tướng Thế và Phương đảm bảo với tôi rằng lý tưởng về một đất nước độc lập của họ vẫn mạnh mẽ như mọi khi. Chính trị của những gì họ đang tham gia khác so với những gì tôi nghĩ. Có lẽ tôi không hiểu luật chơi. Tôi nhận xét rằng có lẽ họ cũng không hiểu luật chơi và đã bị mắc kẹt trong đó. Tôi đề nghị thắng thừng rằng họ nên từ chức khỏi mặt trận. Họ trả lời không, họ sẽ không từ chức ngay bây giờ. Có lẽ các mục tiêu của mặt trận khác với mục tiêu của chính họ. Họ chưa thể biết được. Họ sẽ duy trì tư cách thành viên trong mặt trận trong thời gian này và cố gắng hết sức để khám phá điều gì đang thực sự xảy ra. Có thể sẽ đến lúc họ có thể chấm dứt một âm mưu gây hại cho đất nước bằng cách từ chức. Nhưng chưa phải bây giờ. Chúng tôi chia tay nhau với lời lẽ nước đôi này.

Sau khi các tướng rời đi, tôi lái xe đến nơi ở của đại sứ và thông báo cho Đại sứ Collins về sự phát triển của giáo phái. Ông không nghĩ đó nhất thiết là một điều xấu, vì nó

có thể dẫn đến việc ông Diệm bị buộc phải “mở rộng cơ sở” của chính phủ mình, một hành động mà ông ấy đã nghe tôi ủng hộ trong quá khứ. “Vâng,” tôi trả lời, “mở rộng, nhưng không làm mất giá trị.” Các mục tiêu của mặt trận có mùi của một cuộc giành quyền lực trần trụi, với các đội quân giáo phái được sử dụng như tống tiền, một mối đe dọa để ép buộc ông Diệm trao chính phủ cho một nhóm nhỏ quân phiệt. Một cuộc đảo chính như vậy sẽ là một nền tảng tồi tàn và sai lầm để xây dựng một tương lai đảng hoàng cho Việt Nam. Động thái mới này sẽ trao quyền lực cho những cá nhân nổi tiếng vì các hành động ngoài vòng pháp luật của họ. Một chính phủ mà họ thực sự cai trị sẽ là một chính phủ dựa trên sự thiếu tôn trọng luật pháp và trật tự và do đó sẽ trị vì dưới phương châm “tội phạm có lợi.” Tôi không thể thấy Hoa Kỳ tiếp tục bất kỳ sự hỗ trợ nào cho một chính phủ Việt Nam nếu nó bị biến chất một cách kỳ lạ như vậy.

Collins đề nghị tôi kiềm chế cảm xúc của mình một chút nhưng bảo tôi tiếp tục theo dõi Thế và Phương về việc từ chức khỏi mặt trận. Có lẽ tôi có thể thuyết phục những người khác từ chức nữa. Trong khi đó, ông tiếp tục, ông đã nói chuyện với Tướng Ely

về vấn đề giáo phái, và cả hai đều cảm thấy rằng một nhóm người Mỹ và người Pháp nên thực hiện một nghiên cứu kỹ lưỡng về vấn đề này. Với những khuyến nghị hợp lý, ông và Ely sẽ trình bày chúng với Thủ tướng Diệm và thúc giục việc áp dụng chúng, hứa hẹn sự hỗ trợ của Pháp và Mỹ trong giới hạn hợp lý. Với suy nghĩ này, liệu tôi có đi cùng Collins để gặp Ely để thảo luận không? Tất nhiên là tôi sẽ đi.

Khi chúng tôi gặp Ely vào sáng hôm sau, vị chỉ huy Pháp nói rằng ông và Collins đã đồng ý có một nghiên cứu Pháp-Mỹ về vấn đề giáo phái và cả hai đều muốn tôi đảm nhận việc đó. Tướng Gambiez sẽ chịu trách nhiệm về nửa phần nỗ lực của Pháp vì ông ta chỉ huy các lực lượng Liên hiệp Pháp ở miền Nam Việt Nam, nơi các giáo phái đang hoạt động, và ông ta đã được chỉ thị cung cấp cho tôi sự hỗ trợ đầy đủ. Nghiên cứu là một công việc khẩn cấp cho các đồng minh Pháp-Mỹ, trên thực tế là ưu tiên hàng đầu, đến mức tôi không thể được cấp nhiều thời gian để hoàn thành nó. Hy vọng, nó có thể được thực hiện trong một tuần hoặc mười ngày. Nó phải đề xuất một số giải pháp cụ thể.

Tôi đồng ý ngay lập tức. Đối với nghiên

cứu, tôi sẽ cần sự giúp đỡ toàn thời gian của các sĩ quan quân đội quen thuộc với các vấn đề của các lực lượng vũ trang giáo phái, các nhà kinh tế biết tình hình nông nghiệp ở các khu vực có giáo phái, các quan chức chính trị có thể đánh giá các yếu tố xã hội nhạy cảm liên quan, các chuyên gia thông tin có thể lập kế hoạch cách thức để thuyết phục các giáo phái về những lợi ích đang chờ đợi họ từ các hành động được đề xuất và, cuối cùng, các quan chức được chỉ định bởi cả Ely và Collins, những người có thể đảm bảo tính khả thi của bất kỳ khuyến nghị nào mà nhóm nghiên cứu Pháp-Mỹ đưa ra, đặc biệt nếu số tiền lớn được đưa vào các giải pháp được đề xuất. Tuy nhiên, một điều khác đến trước. Tôi lo lắng về thành phần và sự chỉ đạo của nhóm nghiên cứu Pháp-Mỹ. Gambiez là một chuẩn tướng và rõ ràng có cấp bậc cao hơn tôi, với tư cách là một đại tá. Sẽ rất khó xử khi có một người cao cấp hơn tôi hành động ở vị trí số hai.

Tướng Ely nói thẳng với tôi rằng Gambiez sẽ giúp tôi. Cả Collins và Ely đều đảm bảo với tôi rằng nhóm nghiên cứu có thể thu hút tất cả các chuyên gia Pháp-Mỹ cần thiết và sử dụng họ toàn thời gian. Họ nhắc nhở tôi một lần nữa về tính cấp bách của công việc.

Với Joe Redick đi cùng tôi trong tư cách là phiên dịch viên, tôi lập tức đến gặp Tướng Gambiez tại trụ sở của ông ở khu vực Trại Chanson. Ông vẫy tay thân mật mời chúng tôi ngồi vào một chiếc bàn nhỏ ở giữa văn phòng rộng rãi của ông. Một con chó Alsatian lớn nằm trên sàn nhà bên cạnh và nhìn tôi một cách cảnh giác. Tướng Gambiez ngồi với chúng tôi và nói một cách vui vẻ rằng đó là một con chó canh gác có thể tấn công và giết tôi chỉ bằng một lời từ ông ta. Tôi nhận xét cũng vui vẻ rằng lý do tay tôi để trong túi khi chúng tôi ngồi xuống là vì tôi có một khẩu súng tự động .25-cal. nhỏ trong túi và tôi hy vọng con chó không làm ngón tay bóp cò của tôi ngứa ngáy, vì khẩu súng đang nhắm vào bụng chủ nhà của tôi hoặc có lẽ thấp hơn một chút. Gambiez cười và đưa con chó sang phía bên kia phòng. Tôi lịch sự đặt tay lên mặt bàn.

Sau những lời thăm hỏi xã giao này, chúng tôi nhanh chóng bắt tay vào công việc. Gambiez đã chỉ định một số trợ lý là chuyên gia về các vấn đề giáo phái để tham gia toàn thời gian vào dự án nghiên cứu. Tôi đảm bảo với ông ta rằng ông ta không cần tham gia trực tiếp trừ khi ông ta muốn làm như vậy. Các sắp xếp đã được thực hiện cho

cuộc họp đầu tiên của nhóm Pháp-Mỹ ngay trong ngày hôm đó.

Cuộc họp đầu tiên này, với sự tham dự của năm sĩ quan Pháp và số lượng tương đương người Mỹ, được tổ chức tại nhà gỗ của tôi. Tôi giải thích kế hoạch làm việc. Đầu tiên, chúng tôi sẽ tổng hợp những sự thật trần trụi, khó khăn, không tô vẽ về các giáo phái. Một khi chúng tôi có đủ thông tin, chúng tôi sẽ cố gắng đưa ra kết luận và đưa ra các khuyến nghị. Chúng tôi sẽ bắt đầu bằng cách gộp chung thông tin mà mỗi người chúng tôi đã có, xem những gì có thể còn thiếu, và sau đó tìm kiếm các mảnh thông tin còn thiếu cụ thể. Tôi yêu cầu một đại tá Pháp ghi chép khi chúng tôi gộp chung những gì chúng tôi đã biết và có bản tóm tắt sự thật sơ bộ được viết ra vào ngày hôm sau, với các bản sao cho tất cả chúng tôi.

Nhưng căng thẳng gia tăng khi chúng tôi bắt đầu đóng góp những sự thật mà chúng tôi biết. Một số sĩ quan Pháp không thể cưỡng lại việc kể những loại tiểu thuyết lãng mạn mà được coi là “sự thật mà mọi người đều biết” trong phe Pháp, và tôi nhấn mạnh sự cần thiết của bằng chứng chính xác và tính chân thật ngay cả khi nó làm tổn thương khi nói ra. Ví dụ, chúng tôi nói về một đơn vị nhỏ

Hòa Hảo dưới quyền một đại tá ở Cần Thơ. Chính xác đơn vị này có bao nhiêu người và vũ khí? Họ trung thành với ai? Một số sĩ quan Pháp nhận xét, với những tiếng cười khẩy, rằng tôi nên trả lời câu hỏi vì tôi đã tặng chiếc Cadillac cho vị đại tá Hòa Hảo vào thứ Hai trước đó. Tôi kiên nhẫn giải thích rằng chúng tôi đang tìm kiếm sự thật, không phải tiểu thuyết, và lưu ý rằng chiếc xe được đề cập không phải là Cadillac mà được báo cáo là một chiếc Buick. Các nhà chức trách Việt Nam có tên của một thiếu tá Pháp được cho là đã thực hiện món quà đặc biệt này ở Cần Thơ. Vì thiếu tá này nằm trong bộ phận liên lạc giáo phái của ban tham mưu của Tướng Gambiez, tôi cảm thấy rằng các sĩ quan của bộ phận đó đang có mặt với chúng tôi có thể trả lời các câu hỏi của tôi mà không cần kể lại một câu chuyện cổ tích hoang đường nào đó. Và cứ thế việc chia sẻ thông tin diễn ra trong cuộc họp.

Đại tá Pháp đã không có bản tường thuật về thông tin gộp chung của chúng tôi vào ngày hôm sau, vì vậy tôi tự mình viết lên những phát hiện đầu tiên của nhóm Pháp-Mỹ. Ngoài những trò gian lận không được tiết lộ có thể đang diễn ra, quân đội giáo phái đã bị người Pháp ngừng trả lương quân

sự thường xuyên như *supplétifs* (quân bổ sung) vào tháng Giêng, nhưng chính phủ Diệm đã tiếp tục trả lương cho đến khi Mặt trận Liên Giáo phái được thành lập, khi điều này cũng bị dừng lại. Tuy nhiên, quân đội giáo phái đã lấy một phần thu hoạch lúa gạo miền nam vào tháng Giêng đến tháng Ba và thường dư dả cho đến tháng Sáu, khi việc thiếu lương thường xuyên sẽ đặt ra một vấn đề thực sự. Quân đội giáo phái có tổng cộng khoảng 40.000 người có vũ trang ở các vị trí có khả năng đe dọa an ninh của Sài Gòn-Chợ Lớn. Có lẽ có 9.000 Bình Xuyên trong thành phố và các vùng ngoại ô ngay lập tức, cộng thêm một nhóm nhỏ dân quân Công giáo dưới quyền Đại tá Leroy, chính là người đã giới thiệu tôi với Hòa Hảo nhiều tháng trước và người mà bây giờ đã liên minh với Bảy Viễn. Trong tổng số 40.000 người, khoảng một nửa đã được hội nhập gần đây (hoặc đang trong quá trình hội nhập) vào quân đội quốc gia, hầu hết vẫn còn trong đội hình đơn vị ban đầu của họ.

Trong mười ngày tiếp theo, nhóm Pháp-Mỹ đã làm việc cật lực cho nghiên cứu. Tôi đã từ bỏ giấc ngủ bình thường của mình để thu thập thông tin và sau đó cố gắng hiểu được nó. Trong các cuộc họp cuối cùng của

chúng tôi, chúng tôi kết luận rằng Việt Nam không thể chịu đựng được các đội quân tư nhân của các giáo phái, mặc dù cần phải cung cấp kế sinh nhai cho những người trong đó, an ninh ở các khu vực mà các đội quân này hoạt động, và vị trí chính trị cho các nhà lãnh đạo giáo phái. Chúng tôi đề xuất một chương trình để giải tán các đội quân giáo phái và để binh lính của họ được hấp thụ vào các lực lượng vũ trang quốc gia hoặc Lực lượng Dân vệ (cảnh sát nông thôn), hoặc vào các chương trình công trình công cộng cho tái thiết sau chiến tranh. Nhu cầu chính trị được đáp ứng bằng một đề xuất thành lập một cơ quan bầu cử quốc gia với quyền lập pháp, sẽ được người dân bầu chọn ba tháng sau đó; các nhà lãnh đạo giáo phái hoặc những kẻ tay sai được chỉ định của họ có thể ra tranh cử. Nhu cầu kinh tế phần lớn được đáp ứng bằng các dự án nông nghiệp được đề xuất để mở ra các vùng đất canh tác mới và tăng lợi nhuận trên các vùng đất hiện đang thuộc sở hữu của nông dân giáo phái. Có những đề xuất chi tiết khác, bao gồm việc khởi xướng một chương trình trường công lớn, bao gồm cả trường trung học, ở các vùng giáo phái.

Nghiên cứu, với những sự thật khó khăn

giành được và những ý tưởng thực tế để tạo ra một cuộc sống hòa bình đáng giá hơn so với chủ nghĩa hiếu chiến cho các giáo phái, đã được trao cho Collins và Ely trong giới hạn thời gian mười ngày mà họ đã đặt ra. Tôi đã phải ngủ rất ít để hoàn thành nó đúng hạn và có phần lão đảo vì làm việc quá sức. Vì vậy, phản ứng của Collins đến như một tiếng động khô khốc thay vì một cú sốc đối với tôi. Sau khi đọc qua nghiên cứu, Collins nói với tôi rằng nghiên cứu “không đầy đủ” để phục vụ nhu cầu của ông. Ông sẽ nhờ nhân viên chuyên gia cá nhân của mình chuẩn bị một cái khác. Ông không giải thích tại sao nó “không đầy đủ,” mặc dù tôi đoán rằng ông đã muốn tôi đề xuất một công thức nào đó sẽ đặt Bảy Viễn, Ba Cụt, và những người khác vào chính phủ trong khi đặt ông Diệm sang một bên như một nhân vật bù nhìn nghi lễ. Tôi nhận xét rằng tình hình chính trị sắp bùng nổ về vấn đề giáo phái, rằng các khuyến nghị của tôi sẽ giải tỏa nó nếu chúng được sử dụng kịp thời, và rằng nếu ông không bận tâm, tôi sẽ về nhà và ngủ bù. Với điều đó, tôi lái xe về nhà và đi ngủ. Điều tiếp theo tôi biết, đã là hai mươi giờ sau đó.

Đã được tươi tỉnh hơn nhiều, tôi gặp lại

các Tướng Thế và Phương, hai trong số các nhà lãnh đạo quân sự giáo phái. Họ nói với tôi rằng Mặt trận Liên Giáo phái sắp đưa ra một tối hậu thư cho ông Diệm, yêu cầu ông trao cho họ những vị trí đặc địa trong chính phủ và tiếng nói chính trong cách thức điều hành chính phủ. Ông Diệm có thể tiếp tục chủ trì với tư cách là một bù nhìn (straw man). Tối hậu thư phải được tuân thủ trong năm ngày. Nếu ông Diệm từ chối, các lực lượng vũ trang giáo phái sẽ biểu dương lực lượng, và buộc ông phải nhượng bộ. Tôi nói với Thế và Phương rằng, nếu họ muốn rút lui một cách danh dự khỏi mặt trận, thời điểm để làm điều đó đã đến. Việc họ rút lui có thể khiến những người khác đang vội vã tham gia vào các hành động có thể phá hỏng những tiến bộ đã đạt được ở Việt Nam phải suy nghĩ lại. Hai vị tướng nói rằng rào cản lớn nhất đối với việc rút lui là những gì Giáo chủ Cao Đài có thể làm về vị trí của Phương với tư cách là người đứng đầu lực lượng quân sự Cao Đài. Mặc dù vậy, có lẽ tôi đã đúng về việc đã đến lúc phải hành động. Gặp lại nhau tối nay thì sao? Tôi đồng ý.

Tôi gặp Đại sứ Collins và nói với ông ấy những gì đang diễn ra, lưu ý rằng thời gian để nghiên cứu vấn đề đã hết. Mối đe dọa về

việc biểu dương lực lượng của các đội quân giáo phái tư nhân chống lại chính phủ là một thách thức mà ông Diệm sẽ đứng lên đối mặt. Ông là một người gan dạ. Hơn nữa, Quân đội Việt Nam sẽ ủng hộ ông. Các sĩ quan của nó không mấy ưa thích các đội quân giáo phái. Bất chấp những tin đồn ngược lại, tôi chắc chắn rằng Quân đội Việt Nam sẽ chiến đấu trong một cuộc đối đầu. Mặt trận Liên Giáo phái đang đi vào một quỹ đạo va chạm dẫn đến một cuộc nội chiến, trừ khi các nhà lãnh đạo của nó có thể được thuyết phục hành động hợp lý. Một lập trường kiên định của các Tướng Thế và Phương có thể bắt đầu một khoảng dừng trong đó những cái đầu lạnh hơn có thể chiếm ưu thế. Đã đến lúc phải hành động nhanh chóng, tích cực.

Collins bảo tôi xem tôi có thể làm gì với Thế và Phương tối nay, và thường xuyên thông báo cho ông ấy. Tôi đã thức gần như cả đêm nói chuyện với hai vị tướng tại nơi ở Sài Gòn của Phương, thông qua Joe Redick làm phiên dịch viên. Họ đã quyết định chắc chắn rời khỏi mặt trận, vì vậy cuộc nói chuyện của chúng tôi là về cách tốt nhất để làm điều này và vẫn giữ được vị trí sức mạnh của họ và sử dụng chúng cho những mục đích xây dựng. Tôi đã gọi điện cho Collins về quyết

định của họ. Ông ấy yêu cầu tôi đưa họ đến nhà ông ấy vào buổi sáng. Tôi nhận xét rằng họ sẽ khá mệt mỏi vào buổi sáng, nhưng một cuộc gặp riêng trong đó ông ấy chúc mừng họ về quyết tâm của họ có thể hữu ích trong việc củng cố họ.

Sáng hôm sau, Thế, Phương, Redick, và tôi lái xe đến nơi ở của Collins, rã rời sau đêm dài nói chuyện và cần tắm rửa, quần áo sạch sẽ, và bữa sáng. Tôi đảm bảo với họ rằng đó sẽ chỉ là một cuộc gọi ngắn và thân thiện, và sau đó tất cả chúng tôi có thể đi tiếp. Tôi ngạc nhiên, khi chúng tôi bước vào, thấy rằng Collins có cả đội ngũ chuyên gia chính trị, kinh tế và thông tin đặc biệt của riêng mình ở đó. Khi chúng tôi ngồi xuống với hai vị tướng giáo phái, tôi ngồi chung ghế sofa với Collins và Redick ngồi trên ghế đầu bên cạnh các tướng để làm phiên dịch viên, nhóm chuyên gia Mỹ kéo ghế lại thành hình bán nguyệt xung quanh chúng tôi, đặt những cuốn sổ ghi chú lớn lên đùi, lấy bút và bút chì ra, và ngồi chăm chú, dường như sẵn sàng ghi lại mọi lời quý giá cho hậu thế.

Collins bắt đầu cuộc họp bằng cách nói với những vị khách của mình rằng ông sốc như thế nào với tư cách là một quân nhân về hành vi không trung thành của hai vị tướng

đối với chính phủ của họ. Tôi dừng Redick lại khi anh ta ngoan ngoãn bắt đầu dịch điều này và nài nỉ Collins hãy chúc mừng các tướng vì quyết định của họ là duy trì lòng trung thành với chính phủ. Điều này dẫn đến một cuộc tranh cãi nảy lửa giữa Collins và tôi, trong khi hai vị tướng giáo phái ngồi đó bối rối, theo dõi cảnh tượng và không thể hiểu tiếng Anh mà chúng tôi đang nói. Tôi chỉ ra rằng, như Collins đã gợi ý, tôi đã mời Tướng Thế và Phương đến một cuộc họp riêng với ông ấy. Thay vào đó, có một nhóm đang ngồi với sổ và bút chì mà khách của ông có thể nhầm là nhà báo. Điều tối thiểu có thể làm là giải thích những người ghi chép là ai. Ngoài ra, tôi thúc giục ông ấy chỉ cần gửi lời chúc mừng về cam kết trung thành của họ; họ không nên bị la mắng. Collins chỉ lặp lại những nhận xét ban đầu của mình bằng một giọng to hơn, nói thêm rằng ông đang cố gắng ngăn chặn đổ máu. Rõ ràng cuộc họp không đi đến đâu, và tôi sợ rằng Thế và Phương có thể nắm bắt được ý nghĩa lời nói của ông ấy, trở nên tức giận, và để sự tức giận của họ vượt qua quyết định rút khỏi mặt trận của họ. Một cuộc đụng độ giữa các giáo phái và chính phủ sau đó sẽ trở thành điều chắc chắn. Đó hầu như

không phải là cách để tránh đổ máu. Vì vậy, tôi cố gắng mỉm cười, đứng dậy, và ra hiệu cho hai vị tướng đi theo tôi. Tôi giải thích với Collins rằng tôi sẽ mời họ ăn sáng và nói với họ rằng ông ấy đã ca ngợi quyết định của họ. Chúng tôi rời đi.

Sau bữa sáng, Thế và Phương đi đến cuộc họp của mặt trận nơi tối hậu thư gửi ông Diệm sắp được quyết định. Hai vị tướng đã lên tiếng phản đối tối hậu thư và sau đó từ chức khỏi mặt trận, nói rõ rằng họ cũng đang nói cho các lực lượng vũ trang dưới quyền chỉ huy của họ. Họ rời cuộc họp mặt trận trong một cảnh hỗn loạn. Khi tôi nghe tin này, tôi gặp Collins và nói với ông ấy những gì đã xảy ra. Vào thời điểm đó, ông ấy và nhân viên của mình đang ở bàn ăn trưa. Chúng tôi cũng có một chút hỗn loạn giữa chúng tôi về cách cuộc họp sáng sớm tại dinh thự đã diễn ra. Tôi biết rằng tôi đã không làm hài lòng những người khác bằng những đóng góp của mình cho cuộc trò chuyện về cuộc đối đầu buổi sáng. Tuy nhiên, tôi biết ơn rằng sự vội vã của các giáo phái hướng tới bạo lực đã bị chặn lại. Tôi thúc giục rằng bất cứ hành động nào mà người Mỹ và người Pháp định thực hiện với ông Diệm để giải quyết vấn đề giáo phái phải được thực hiện

kịp thời. Sự nghỉ ngơi mà lập trường đúng cảm của Thế và Phương mang lại có thể chỉ là thoáng qua.

Sự nghỉ ngơi quả thực quá ngắn ngủi. Những người còn lại trong mặt trận quyết định tiếp tục với kế hoạch của họ mà không có sự ủng hộ của Thế và Phương và lực lượng của họ. Mặt trận đã gửi tối hậu thư cho ông Diệm vào ngày 22 tháng 3, nói với ông rằng ông có thời hạn đến ngày 27 tháng 3 để đồng ý với nó, “nếu không thì...” Ông Diệm kiểm chế cơn giận của mình và bình tĩnh đề nghị đàm phán với các nhà lãnh đạo mặt trận, nói rằng ông có một số đề xuất của riêng mình, trong đó tất cả những người yêu nước tốt có thể tham gia cùng ông trong việc xây dựng một cái gì đó vững chắc và lâu dài hơn vì lợi ích của đất nước. Lời đề nghị đàm phán đã bị từ chối. Bình Xuyên đã định vị súng cối để pháo kích dinh thủ tướng nếu ông Diệm từ chối chấp nhận tối hậu thư.

Cuộc khủng hoảng nhanh chóng lan rộng và làm cho thần kinh của cư dân thủ đô ngày càng căng thẳng hơn theo từng giờ trôi qua. Tin đồn lan truyền như cỏ dại, che lấp những sự thật đơn giản của cuộc đối đầu. Có lẽ tin đồn sai lệch hiệu quả nhất trong cộng đồng người nước ngoài là Quân đội

Việt Nam sắp binh biến, các sĩ quan và binh lính của nó được miêu tả là kịch liệt phản đối ông Diệm. Tin đồn thất thiệt được tin tưởng mạnh mẽ ở các cấp cao đến nỗi việc tôi kiểm tra trực tiếp các tiểu đoàn trong khu vực Sài Gòn và những phát hiện của tôi về tinh thần cao và lòng trung thành trong quân đội đã bị bác bỏ là tiểu thuyết lãng mạn. Các báo cáo sai lệch rằng Quân đội Việt Nam sẽ không chiến đấu đã được gửi đến Washington và Paris, nhuộm màu các phán đoán ở đó. Quan điểm trái ngược của tôi được gửi đến Washington như một bài viết thêm thiếu sót. Nhiều quan chức Việt Nam cũng tin vào tin đồn sai lệch, và các bộ trưởng nội các bắt đầu từ chức, trong số đó có Bộ trưởng Quốc phòng Hồ Thông Minh. Khi Đại sứ Collins và tôi gặp Minh để thúc giục ông ở lại vị trí của mình, ông thừa nhận rằng ông đã không kiểm tra cá nhân bất kỳ đơn vị Quân đội Việt Nam nào. Nhưng ông vẫn tin rằng quân đội sẽ không chiến đấu; ông từ chức và rời khỏi thành phố.

Vào ngày 29 tháng 3, sáng sau khi bộ trưởng quốc phòng từ chức, Redick và tôi lái xe đến dinh tổng thống để gặp ông Diệm. Rõ ràng là tiểu đoàn bảo vệ tại dinh đang xem xét nghiêm túc các báo cáo rằng một

cuộc tấn công của Bình Xuyên vào dinh sắp xảy ra. Không giống như những ngày hài kịch opera về các mối đe dọa của Tướng Hình, binh lính đang bận rộn hoàn thành các vị trí kiên cố trong khuôn viên rộng lớn của dinh và đang trong trang bị chiến đấu, vũ khí ở tư thế sẵn sàng. Trong chính dinh tổng thống, có một sự hồi hả hoạt động, điện thoại reo, các quan chức vội vã dọc hành lang và lên xuống cầu thang, khuôn mặt của họ tập trung và nghiêm túc. Không có cảm giác hoảng loạn trong không khí, chỉ là một tốc độ nhanh hơn, cảm giác sắp xếp mọi thứ ngăn nắp trước khi một tình huống khẩn cấp được dự kiến thực sự xảy ra.

Chúng tôi cố ý đến sớm cho cuộc hẹn với ông Diệm, vì tôi muốn kiểm tra việc lắp đặt thiết bị vô tuyến mà tôi đã sắp xếp với Quân đoàn Truyền tin cho dinh. Nó sẽ giữ cho thủ tướng liên lạc được với các mạng lưới vô tuyến quân sự và các khu vực khác của đất nước, ngừa trường hợp dinh bị cắt đứt khỏi liên lạc bình thường trong tình huống khẩn cấp. Redick và tôi dừng lại ở văn phòng nhỏ của Võ Văn Hải, người giữ chức thư ký điều hành bí mật cho ông Diệm, và hỏi ông về thiết bị vô tuyến quân sự mới. Hải vẫn là con người vui vẻ thường thấy của mình, chào

đón chúng tôi bằng một nụ cười lớn. Ông cho chúng tôi xem thiết bị mới, được lắp đặt trong tình trạng hoạt động tốt trong một hốc tường liền kề với văn phòng của ông Diệm. Trong khi chúng tôi đang xem nó, ông Diệm tham gia cùng chúng tôi. Ông cười toe toét khi cảm ơn chúng tôi về thiết bị, nói rằng nó có thể hữu ích. Tôi nói với ông ấy rằng đài vô tuyến đã dẫn đến những lệnh rõ ràng từ Phái đoàn Mỹ cho tôi là tránh xa dinh trong trường hợp xảy ra một cuộc tấn công. Hoa Kỳ không muốn có một người Mỹ hiện diện tại một trong các sở chỉ huy trong trường hợp xảy ra xung đột giữa những người quốc gia. Tôi đã bị nghiêm cấm sử dụng đài vô tuyến. Ông Diệm nói một cách khô khan rằng ông hiểu.

Trong văn phòng của mình, ông Diệm trải ra một bản đồ tỷ lệ lớn của khu vực đô thị và chỉ ra các vị trí nơi súng cối Bình Xuyên đã được báo cáo. Theo những gì ông có thể biết, tất cả chúng đều là súng cối 60mm, mặc dù có báo cáo rằng Bình Xuyên đang cố gắng có được một số súng cối 81mm nặng hơn. Nếu vậy, điều đó có thể tồi tệ. Súng cối 60mm sẽ gây ít thiệt hại cho các bức tường dinh dày nếu mọi người vẫn ở phía sau chúng. Ông Diệm nói với chúng tôi điều này với giọng

điều thờ ơ của một sĩ quan giao ban, mô tả chuyên nghiệp và dường như không quan tâm đến thực tế rằng ông sẽ là mục tiêu chính của cuộc tấn công mà ông đang liệt kê các công tác chuẩn bị. Tôi bị ấn tượng bởi sự bình tĩnh của ông. Đây là một người đàn ông kiểm soát được bản thân. Hành vi cá nhân của ông hẳn đã củng cố tinh thần của tất cả những người xung quanh ông.

Sau đó, tôi hỏi ông Diệm về tình trạng của Hồ Thông Minh, Bộ trưởng Quốc phòng. Ông Diệm cười cay đắng. Ông nghe nói rằng Minh đã đi Đà Lạt, nơi một số người của Bảo Đại đã tụ tập khi Bình Xuyên bắt đầu chuẩn bị tấn công dinh tổng thống. Có lẽ Minh đang ở cùng họ. Ông Diệm nói rằng điều đó thực sự không quan trọng, vì ông đã tự mình đảm nhận danh mục đầu tư Bộ Quốc phòng và sẽ giữ nó trong thời gian này. Ông nhận xét, với một nụ cười thoáng qua trên khuôn mặt, rằng các chỉ huy quân đội dường như thích điều này. Họ ghê tởm những tin đồn về nỗi sợ hãi của họ đối với Bình Xuyên và tinh thần được cho là thấp kém của họ. Ở ông Diệm, họ biết họ có một người sẽ giữ vững lập trường và sẽ đưa ra cho họ những mệnh lệnh rõ ràng nếu xảy ra chiến đấu. Ông đã có các cuộc nói chuyện với các chỉ

huy đơn vị xác nhận sự sẵn sàng và lòng trung thành của họ. Thực tế, ông không có ý định tự mình đảm nhận tất cả các công việc giấy tờ chi tiết, hàng ngày của Bộ Quốc phòng. Ông đã yêu cầu Trần Trung Dzung, Quốc vụ khanh tại phủ thủ tướng, chuyển sang Bộ Quốc phòng và quản lý các công việc thường xuyên của nó. Chúng tôi đổi chủ đề và nói về các giải pháp thay thế có thể xảy ra cho một cuộc đụng độ công khai giữa chính phủ và Bình Xuyên. Cả chính phủ Pháp và Mỹ đều có những nguồn lực mà có lẽ có thể đóng góp để giúp đỡ một khi ông Diệm tìm ra một cách khả thi và chấp nhận được để giải quyết vấn đề.

Ông Diệm nói rằng ông đã đề nghị đàm phán với các nhà lãnh đạo mặt trận, nhưng Bảy Viễn đã nói rất rõ rằng hắn muốn ông Diệm từ chức hoặc tránh đường trong khi Viễn và đồng bọn nắm quyền điều hành chính phủ. Một vấn đề đạo đức cơ bản đang bị đe dọa. Bảy Viễn đã béo lên nhờ những điểm yếu của người dân thông qua việc kiểm soát cờ bạc, mại dâm, và buôn bán thuốc phiện. Hắn đã củng cố vị trí của mình bằng cách thỏa thuận với Bảo Đại, theo đó hắn đã tự mình bổ nhiệm người của mình làm cảnh sát trưởng. Bây giờ, bằng

cách sử dụng vũ lực, trùm phó này sẽ cố gắng giành lấy quyền điều hành chính phủ. Điều đó sẽ chấm dứt hy vọng của hàng triệu người quốc gia Việt Nam đang hoàng. Là một người yêu nước, ông Diệm không thể để điều này xảy ra.

Ông Diệm nói với tôi rằng ông đã nêu vấn đề kiểm soát cảnh sát với Bảo Đại, lưu ý rằng Quốc trưởng đã hứa với ông “toàn quyền” với tư cách là thủ tướng của ông. Chắc chắn, những quyền hạn như vậy bao gồm kiểm soát cảnh sát. Ông đã yêu cầu Bảo Đại hủy bỏ thỏa thuận với Bảy Viễn, giải phóng ông Diệm để bổ nhiệm một cảnh sát trưởng mới. Bảo Đại đã trả lời bằng một thông điệp hoa mỹ về sự tin tưởng vào ông Diệm nhưng đã tránh trả lời yêu cầu. Trong khi đó, các thông điệp đã truyền thông tin về yêu cầu của ông Diệm từ các vòng tròn triều đình của Bảo Đại đến Bảy Viễn, và đến người của Bảo Đại ở Sài Gòn, cảnh báo họ. Sau đó, mặt trận đã được thành lập và tối hậu thư được ban hành. Rõ ràng là Bảo Đại đang khuyến khích Bảy Viễn hành động.

Tôi nói với ông Diệm rằng tôi tôn trọng lập trường của ông về vấn đề đạo đức. Nếu tính tham nhũng trở thành nền tảng của chính phủ, phần tự do của Việt Nam sẽ sụp

đổ, và tham nhũng dường như là tên của trò chơi mà Bảy Viễn đang chơi. Những người quốc gia Việt Nam sẽ cần tất cả sức mạnh đạo đức mà họ có thể tập hợp cho những ngày sắp tới. Việc lôi kéo chính phủ vào tệ nạn, vào các thỏa thuận bất hợp pháp để trục lợi cá nhân quan chức, và vào các khoản hối lộ khác mà Bảy Viễn dường như đang nghĩ đến sẽ làm suy đồi nó đến mức nó sẽ không còn danh dự nào trong lòng người dân. Sau đó, người dân sẽ không có lựa chọn công bằng hoặc xứng đáng nào trong cuộc trưng cầu dân ý năm 1956. Ông Diệm không cần cảm thấy cô đơn vào khoảnh khắc quyết định này. Những người có thiện chí khác trong suốt lịch sử đã phải đối mặt với những khoảnh khắc tương tự và là người đồng hành của ông về mặt tinh thần. Một thời điểm như thế này đến để thử thách mọi nhà lãnh đạo tốt. Tôi chắc chắn rằng ông Diệm sẽ vượt qua thử thách.

Ông Diệm cảm ơn tôi và đi cùng chúng tôi đến cầu thang, vẫy tay chào tạm biệt khi chúng tôi đi xuống xe. Chúng tôi vẫy tay lại và rời đi. Hình bóng kiên cường trong bộ vest trắng, một mình ở đầu cầu thang, neo lại trong tâm trí tôi khi chúng tôi lái xe về nhà, một liều thuốc giải độc cho sự thối rữa

mà người ta cảm nhận được trong không khí. Dọc theo các con phố, tôi nhận thấy những cây bách xù đang nở hoa và cây tulip đang rụng cánh hoa. Sự phong phú của vẻ đẹp vào dịp Tết, những cánh hoa *bông mai* truyền thống, hoa cúc (*bông cúc*), hoa *vạn thọ* (hoa Phật), *mồng gà* (*mong-ca*), quýt (*mandariniers*), và thược dược (*dahlias*) đã héo tàn và qua đi.

GHI CHÚ

CHÍNH TRỊ. Cuộc nói chuyện về ông Diệm “mở rộng cơ sở” của chính phủ mình vào tháng 3 năm 1955, bằng cách trao các vị trí chủ chốt cho các nhà lãnh đạo giáo phái, đã bỏ qua các bước đã được thực hiện theo hướng này. Vào ngày 24 tháng 9 năm 1954, ông Diệm đã cải tổ chính phủ của mình, bổ nhiệm tám thành viên của các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo vào các vị trí nội các (trong tổng số mười bốn vị trí trong nội các). Ông đã chọn những người này vì năng lực điều hành của họ cũng như vì sự kết nối với giáo phái của họ. Vấn đề nảy sinh khi những người này từ chối trở thành con rối cho các nhà lãnh đạo giáo phái và, thay vào đó, cố gắng phục vụ lợi ích tốt nhất của quốc gia. Các nhà lãnh đạo giáo phái, giống như Tướng Hình trước họ, thêm khát quyền lực cá nhân lớn hơn một cách trần trụi. Vì vậy, thực tế là một số người giáo phái được kính trọng đã có mặt trong chính phủ đơn giản là không thỏa mãn sự thèm muốn của các nhà lãnh đạo.

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

* *

ĐỐI ĐẦU Ở SÀI GÒN

Những tiếng nổ lớn làm tôi bật dậy khỏi giường vào lúc nửa đêm, ngày 29 rạng sáng 30 tháng 3. Chúng nghe như thể chúng cách đó khoảng bốn hoặc năm dãy nhà, theo hướng Dinh Độc Lập. Giữa các tiếng nổ, tôi có thể nghe thấy tiếng súng máy lấp bắp và tiếng súng trường nổ lách tách, mặc dù những âm thanh này dường như ở khoảng cách xa hơn. Rõ ràng quân bộ binh đang chiến đấu ở một nơi nào đó, nhưng không phải ở dinh thủ tướng. Lắng nghe chăm chú để giải thích các âm thanh, tôi cũng nghe thấy một tiếng chuông khiến tôi bối rối một lúc cho đến khi tôi nhận ra đó là điện thoại.

Khi tôi nhắc ống nghe điện thoại, tôi thấy con chó của tôi là Pierre, một con chó French poodle to lớn, màu xanh đen, đã chui rúc vào không gian hẹp dưới gầm giường, rõ ràng là ý tưởng của nó về một thiên đường an toàn

khỏi đêm ôn ào và giận dữ. Tất cả những gì tôi có thể thấy về nó là hai con mắt lớn đang khẩn cầu tôi. Nó cố gắng ngo nguậy ra khỏi chỗ ẩn nấp để đến chỗ tôi nhưng bị kẹt. Tôi nhấc mép giường lên để nó thoát ra và đang cười vì tình huống lố bịch mà nó tự đặt mình vào thì tôi nhớ ra rằng tôi vẫn đang cầm điện thoại. Tôi nói hello vào ống nghe.

Cuộc gọi đến từ các sĩ quan trong đội của tôi sống trong một ngôi nhà trên đường Taberd, cách dinh thủ tướng hai dãy nhà về phía bên kia so với tôi. Tôi được thông báo khá gay gắt rằng đó không phải là chuyện đáng cười. Đạn pháo đang rơi xung quanh ngôi nhà. Chẳng phải họ nên ra khỏi đó và trốn thoát đến một phần an toàn của thành phố sao? Tôi bảo họ ở yên tại chỗ và tránh xa cửa sổ và cửa ra vào. Các bức tường dày và đủ mạnh để chịu được pháo cối. Sẽ không an toàn khi ở ngoài trời. Tôi hỏi họ về tiếng súng bộ binh mà tôi đã nghe thấy ở đằng xa. Vâng, họ cũng nghe thấy tiếng súng, nhưng nó cách đó nhiều dãy nhà. Và, ô vâng, họ đã có một thương vong. Một trong các sĩ quan đã vấp phải một số bồn nước đặt ở hành lang để đề phòng hỏa hoạn. Không, không có xương nào bị gãy. Anh ấy chỉ bị chấn động và sẽ ổn thôi. Tôi bảo họ thông báo cho tôi về

bất kỳ thay đổi nào trong tình hình và sau đó cúp máy.

Joe Redick đến nhà ngay khi tôi cúp máy. Vợ và hai con nhỏ của anh ấy đã đến Sài Gòn ngay trước đó và đang sống trong một căn hộ ở trung tâm thành phố. Tôi bảo anh ấy quay lại với gia đình, vì một cuộc đấu súng trong thành phố vào giữa đêm hầu như không phải là một sự kiện đảm bảo cho những người mới đến. Anh ấy trả lời rằng cuộc chiến cách xa họ nhiều dặm nhà, và, trên thực tế, họ có vẻ đang tận hưởng sự phấn khích. Tôi muốn anh ấy làm gì? Tôi yêu cầu anh ấy xử lý hệ thống điện thoại và cố gắng nói chuyện với ai đó ở dinh thủ tướng. Ông Diệm có ổn không? Dinh thủ tướng có an toàn không?

Cuối cùng Redick đã hoàn thành một cuộc gọi đến Võ Văn Hải tại dinh thủ tướng sau những cuộc tranh cãi thông thường với các tổng đài viên và những lần ngắt kết nối gây khó chịu giữa chừng câu. Hải nói rằng ông Diệm vừa mới vào. Ông đã ở ngoài sân dinh thủ tướng, mặc đồ ngủ và dép, kiểm tra quân đội, xem xét việc chăm sóc những người bị thương, và đảm bảo rằng họ đang cảnh giác trong trường hợp bị tấn công mặt đất. Không, không có bất kỳ cuộc tấn công

bộ binh nào vào dinh thủ tướng bởi Bình Xuyên, chỉ có pháo cối, vẫn đang diễn ra. Ngoài một số tường bị sút mẻ, dinh thủ tướng vẫn nguyên vẹn. Cuộc giao tranh mặt đất đang diễn ra ở khu vực Chợ Lớn nơi Bình Xuyên đã cố gắng tấn công các cơ sở của quân đội quốc gia, chẳng hạn như khuôn viên Bộ Tổng Tham mưu, và đang bị đẩy lùi.

Ông Diệm ngắt lời để nói với tôi rằng quân đội trong xe tải đã bị Bình Xuyên phục kích xung quanh đường Gallieni. Tiếng súng lớn nhất đến từ một hiệu thuốc, trong số tất cả các nơi, và đã có thương vong quân đội. Quân tiếp viện quân đội đang gặp khó khăn trong việc di chuyển bằng xe tải qua thành phố vì xe tăng Pháp chặn một số đường phố và các giao lộ chính. Ông Diệm nói rằng một vài binh sĩ Quân đội đã chiếm giữ đồn cảnh sát ở Quận 4 và ông lo lắng về tình hình của họ nếu không có thêm quân có thể vượt qua để giúp họ. Đồn cảnh sát đang bị Bình Xuyên bắn phá dữ dội. Ông Diệm sẽ cố gắng gọi cho Tướng Ely một lần nữa và yêu cầu xe tăng Pháp không chặn tuyến đường đang được sử dụng cho quân tiếp viện quân đội. Tôi bảo ông ấy tự chăm sóc bản thân và ngừng chạy xung quanh ngoài trời trong bộ đồ ngủ của mình. Chúng tôi nói lời tạm biệt.

Sau đó tôi gọi điện cho Collins và nói với ông ấy về tin tức từ dinh thủ tướng. Ông ấy yêu cầu tôi đến nơi ở của ông ấy, nếu tôi có thể, trong khoảng một giờ nữa, khi ông ấy sắp có một cuộc họp với Ely. Tôi quyết định lái xe đến nơi ở của ông ấy cách đó khoảng chục dặm nhà bằng một con đường vòng vo, với hy vọng thu thập được một số thông tin trực tiếp. Tiếng pháo xung quanh dinh thủ tướng dường như đang giảm dần, nhưng tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng ồn ào ở xa của cuộc giao tranh mặt đất.

Tôi lái xe đi. Ở góc phố đầu tiên, tôi nhận thấy một số binh sĩ quân đội quốc gia đang di chuyển thận trọng về phía đường phố của tôi, kéo theo một khẩu súng máy. Họ đang trong đội hình chiến đấu, với những người lính súng trường dẫn đầu làm lính tiên phong. Tôi ngoái đầu nhìn xuống đường phố, chợt nhớ ra rằng một trong những chính trị gia Bình Xuyên có một ngôi nhà cách tôi một dặm nhà. Chắc chắn rồi, đèn đường cách đó một dặm nhà cho thấy những bóng người mặc quần áo kaki phía sau một bức tường, mỗi người đội chiếc mũ nồi xanh của Bình Xuyên. Tôi không thể phát hiện ra một khẩu súng máy, nhưng một số súng tiểu liên đã được nhìn thấy. Có vẻ như một cuộc chiến

đang được hình thành ngay trên khu nhà của tôi. Tôi gọi một tiếng “chúc may mắn” khe khẽ đến những người lính quân đội quốc gia khi tôi đi qua họ và hướng đến con đường đi qua dinh thủ tướng và về phía Chợ Lớn.

Có ít hoạt động rõ ràng tại dinh thủ tướng. Quân đội quốc gia rải rác khắp các khu phố xung quanh, mỗi thân cây, bụi cây, con hẻm, và hàng rào che chở những người có vũ trang cảnh giác với rắc rối, vũ khí và đôi mắt của họ theo dõi chiếc xe của tôi khi tôi lái xe đi. Về phía Chợ Lớn, xe tăng hạng nhẹ của Pháp đang di chuyển trên đường phố. Cuối cùng, tại một giao lộ vòng xoay của các đại lộ, tôi bắt gặp một đội hình xe tăng chặn đường.

Một đoàn xe tải chở đầy quân đội Việt Nam đã bị xe tăng Pháp chặn lại, đoàn xe kéo dài trở lại trong bóng tối, các sĩ quan chỉ huy của nó đang tranh cãi giận dữ với các sĩ quan Pháp đứng trên đường bên cạnh xe tăng của họ. Âm thanh của cuộc giao tranh bộ binh gần đó tạo ra một tiếng ồn đinh tai. Các sĩ quan Pháp đang hét lên rằng người Việt Nam không thể qua được; đoàn xe vận tải quân sự sẽ phải quay đầu và trở về trại. Các sĩ quan Việt Nam đang hét lên giận dữ rằng họ phải vượt qua và giúp đỡ đồng đội

của họ trên đường Gallieni. Tôi nhảy ra và tham gia cuộc tranh cãi. Quân tiếp viện Quân đội Việt Nam phải vượt qua! Các sĩ quan Pháp nói không. Tôi lấy ra một cuốn sổ và yêu cầu tên của họ. Họ từ chối nói với tôi và hét lên rằng tôi nên biến đi trước khi xe tăng dọn dẹp tôi cùng với chiếc xe của tôi.

Nhiều xe tăng Pháp nữa đang âm thầm đến. Đoàn xe tải Việt Nam bắt đầu quay đầu trên đường và đi ngược lại hướng mà nó đã đến. Tôi lái xe đến nơi ở của Đại sứ Collins, âm thanh của cuộc xung đột bộ binh vẫn tạo ra một tiếng âm í từ cuộc giao tranh gần đó.

Tôi nói với Collins về việc xe tăng Pháp chặn sự di chuyển của quân tiếp viện Quân đội Việt Nam. Rõ ràng quân đội Pháp đang cố tình giúp đỡ lực lượng giang hồ Bình Xuyên đã phục kích quân đội Việt Nam trên đường Gallieni và đã tấn công các cơ sở quân đội ở Chợ Lớn. Nếu những đơn vị quân đội quốc gia nhỏ bé, bị bao vây này không được giúp đỡ ngay lập tức, họ có thể bị tiêu diệt. Tôi chỉ có thể kết luận rằng quân đội Pháp muốn Bình Xuyên thắng, gây ra thất bại không chỉ cho quân đội quốc gia mà còn cho ông Diệm và chính phủ của ông. Đó là một trường hợp đáng hổ thẹn như thể quân đội Mỹ đã từng được sử dụng, trở lại những

năm 1920, để giúp Al Capone và băng đảng của hắn chiếm lấy thành phố Chicago.

Khi tôi bày tỏ những quan điểm này với Collins, có một cái nhìn kỳ lạ, hơi bối rối trên khuôn mặt ông ấy, một chút kiên nhẫn quý tộc với một người không quá thông minh, thậm chí hơi ra vẻ cha chú. Điều đó đủ để tôi dừng nói và bắt đầu lắng nghe. Collins nhẹ nhàng nói với tôi rằng ông vừa đồng ý với Tướng Ely rằng nên có một lệnh ngừng đổ máu ở Sài Gòn-Chợ Lớn. Ely đã bày tỏ lo ngại về sự an toàn của hàng ngàn thường dân Pháp sống trong khu vực đô thị. Hơn nữa, có lẽ có một triệu thường dân Việt Nam trong thành phố, nhiều người trong số họ có thể trở thành nạn nhân nếu cuộc chiến giữa Bình Xuyên và Quân đội Việt Nam tiếp tục, vì chiến trường nằm ngay trong thành phố. Do đó, các nhà lãnh đạo Mỹ và Pháp đã đồng ý áp đặt lệnh ngừng bắn lên hai bên đối đầu. Với sự đồng ý của Tướng Collins, Ely đang liên lạc ngay lập tức với cả ông Diệm và Bảy Viễn và nói với mỗi người ra lệnh cho quân đội của mình ngừng chiến đấu và ở yên tại chỗ cho đến khi có lệnh tiếp theo. Các lực lượng Liên hiệp Pháp đã được đưa vào thị trấn để đảm bảo rằng lệnh ngừng chiến được tuân thủ và duy trì, cũng

như để bảo vệ các khu phố nơi hầu hết người Pháp sinh sống.

Âm thanh của súng bộ binh từ cuộc chiến ở Chợ Lớn nghe rõ ràng khi Collins ngừng nói. Cả hai chúng tôi đều lắng nghe nó. Collins nói thêm, có thể mất một chút thời gian để tất cả binh lính nhận được tin về lệnh ngừng bắn, nhưng cuộc chiến phải được chấm dứt vào sáng sớm. Ông ấy tiếp tục nói, gần như nói với chính mình, rằng việc đổ máu phải được ngăn chặn.

Tôi nói với ông ấy rằng tôi nghĩ sự thúc đẩy nhân đạo này của quân đội Pháp đến vào một thời điểm muộn màng một cách kỳ lạ và tôi không thể hiểu tại sao Hoa Kỳ phải là một phần của nó. Các quân nhân Pháp đã liên lạc chặt chẽ với Bình Xuyên, dưới lệnh của Tướng Ely, và lẽ ra có thể dễ dàng ngăn chặn Bình Xuyên khởi xướng cuộc tấn công vào ông Diệm và Quân đội Việt Nam. Rõ ràng là không hợp lý khi Bình Xuyên sẽ bắt đầu cuộc chiến này mà không có sự chấp thuận ngầm của Pháp. Tôi phải kết luận rằng những quân nhân Pháp này đã tin vào câu chuyện hư cấu của chính họ rằng Quân đội Việt Nam là một đối thủ dễ dàng bị đánh bại bởi Bình Xuyên. Khi quân đội đó, bị mắc kẹt trong cuộc phục kích và bị tấn công ở

các vị trí cô lập bởi lực lượng lớn, đã chứng tỏ không dễ bị đánh bại và bắt đầu chống trả mạnh mẽ, tôi tưởng tượng rằng tinh thần của binh lính Bình Xuyên bắt đầu sa sút và điều này đã gây sốc cho người Pháp. Chỉ cần thêm một vài binh lính Việt Nam trong thị trấn đã có thể đuổi Bình Xuyên ra khỏi thành phố, nhưng người Pháp đã ngăn chặn quân tiếp viện này. Lệnh ngừng bắn bây giờ chỉ đơn thuần là trì hoãn ngày phán xét mà mỗi bên sẽ chuẩn bị kỹ lưỡng hơn. Khi ngày đó đến, sẽ có nhiều đổ máu hơn so với khả năng xảy ra đêm nay.

Collins lắng nghe điều này và nói rằng chúng tôi chỉ có thể làm một việc tại một thời điểm. Ngay bây giờ, chúng tôi phải ngăn chặn việc đổ máu thêm. Đó là điều chúng tôi có thể làm và chúng tôi sẽ làm. Chấm hết. Tôi lái xe trở lại nhà gỗ của mình, buồn bã bởi những lời lẽ dường như đặt những người trong chúng ta đang cố gắng giúp người Việt Nam thiết lập các nguyên tắc cao trong chính phủ vào loại đối lập là những kẻ vô cảm, khát máu.

Khi tôi rẽ vào con đường của mình, tôi nhận thấy binh lính Quân đội Việt Nam vẫn còn hiện diện trên khu phố của tôi, rõ ràng đã sẵn sàng chiến đấu. Lúc đó khoảng ba

giờ sáng và đèn đường vẫn bật; nhưng ngoài những mảng sáng của chúng là bóng tối của đêm, những bóng đen của cây cối, bụi rậm và tường che chắn sự hiện diện của quân đội. Ở đằng xa là âm thanh của cuộc chiến bộ binh tiếp tục. Trên khu phố của tôi, những người lính đã vào vị trí để bắt đầu một cuộc chiến của riêng họ, rõ ràng đã sử dụng thời gian kể từ lần cuối tôi nhìn thấy họ để lặng lẽ bò từng chút một đến các vị trí hiện tại của họ, cẩn thận không để bị Bình Xuyên ở khu phố tiếp theo bắn. Tôi nhìn xuống con phố đến ngôi nhà ngoài góc tiếp theo, nơi quân Bình Xuyên đã cắm chốt sau bức tường vườn. Không có ai trong tầm mắt. Bản thân ngôi nhà thì tối đen. Tôi chỉ có thể đoán, nhưng có vẻ có khả năng, rằng Bình Xuyên cũng đang ở vị trí chiến đấu, lặng lẽ chờ đợi động thái tiếp theo của binh lính quân đội.

Tôi lái xe nhanh vào sân nhà mình. Từ đó, tôi gọi nhỏ ra ngoài với những người lính quân đội, yêu cầu họ kiểm tra với chỉ huy của họ về lệnh ngừng bắn. Tôi nghe thấy một tiếng ừm công nhận và sau đó một giọng nói khể khàng gọi chỉ huy qua radio. Tôi bắt đầu đi vào nhà và suýt bị con chó Pierre của tôi quật ngã, nó chào đón tôi bằng những cú nhảy điên cuồng vào ngực tôi – và sau

đó phóng đi như chớp ra đường. Tôi đi đến cổng và gọi nó. Không có phản hồi từ con chó. Đôi mắt tìm kiếm của tôi cuối cùng đã tìm thấy nó, đang đứng, đầu cúi thấp, hít ngửi một cách thích thú hai người lính nằm sấp sau một khẩu súng máy. Tôi gọi nó lần nữa, với nhiều uy quyền hơn. Pierre, thường cư xử tốt, phản ứng bằng cách bắt đầu chạy xung quanh hít ngửi những người lính khác ở vị trí chiến đấu; sau đó nó nhảy múa ra giữa đường, khom người một cách vui đùa và sủa vào những người lính. Nếu họ đã sẵn sàng cho một trò chơi nào đó, thì nó cũng vậy. Tất nhiên, đó là một sự tiết lộ trắng trợn về các vị trí mà họ đã bò vào rất cẩn thận và lén lút trong đêm. Tôi sợ rằng một trong những người lính quân đội có thể nổ súng vì bức mình, hoặc một trong những lính Bình Xuyên có thể bắt đầu bắn vào một trong những người của quân đội, bây giờ vị trí của anh ta đã bị xác định.

Tôi hét to vào đêm yêu cầu mọi người giữ súng và giữ bình tĩnh. Đó là một trong những tiếng hét tốt nhất của tôi và vang xa hàng dãy nhà. Với điều đó, tôi bước ra đường, chiến trường tiềm năng, và cố gắng bắt con chó của tôi. Nó nghiêng đầu, khom người, và sau đó nhảy múa ra khỏi tầm tay tôi khi tôi

đến gần nó. Đó là niềm vui lớn, và nó chơi trò chơi lặp đi lặp lại.

Trong bóng tối xung quanh chúng tôi, tôi nghe thấy những tiếng cười khe khẽ từ những người lính. Sau đó, một số lính Bình Xuyên ở khu phố tiếp theo bắt đầu huýt sáo gọi Pierre, mang lại tiếng cười cho đồng đội của họ. Những người lính quân đội cũng bắt đầu huýt sáo. Những tiếng gọi từ mọi hướng làm nó bối rối. Nó đến gần tôi, nhìn từ bên này sang bên kia một cách khó chịu trước tất cả những tiếng huýt sáo, và đứng đó. Tôi kéo nó vào nhà, biết rằng những người lính thích thú của cả hai bên không còn tâm trạng để giữ thái độ chiến đấu của họ nữa. Tôi nghĩ một cách triết lý rằng ít nhất Pierre đã ngăn chặn được một số đổ máu đêm đó.

Sáng hôm sau, lệnh ngừng chiến do Pháp áp đặt, được Mỹ ủng hộ, đã có hiệu lực. Tại văn phòng của tôi, tôi biết được rằng lệnh ngừng bắn đã được áp đặt ba giờ mười lăm phút sau khi Bình Xuyên bắt đầu nã cối vào Dinh Thủ tướng lúc nửa đêm.

Hai tuần tiếp theo tràn ngập sự bất an của lệnh ngừng chiến ở Sài Gòn-Chợ Lớn. Binh lính của cả Bình Xuyên và Quân đội Việt Nam vẫn được giữ ở các vị trí mà họ đã chiếm giữ khi cuộc chiến chấm dứt, ở

một số nơi nằm trên các vỉa hè đối diện của các đại lộ và đường phố, dễ dàng trong tầm nói chuyện và lắng mạ. Các vị trí được tăng cường bằng bao cát, vì vậy những pháo đài nhỏ và các điểm mạnh nằm rải rác trong thị trấn, và vùng đất không người ở giữa là một con phố đầy xe cộ đi lại bình thường hàng ngày. Vì những người lính cảnh giác, đứng cạnh vũ khí của họ, mỗi bên chờ đợi bên kia bắt đầu chiến đấu trở lại, việc lái xe dọc theo các con phố giữa các pháo đài đối lập đã thêm một chút hứng thú bổ sung vào công việc vốn đã gay cấn của việc di chuyển qua mô hình giao thông hỗn loạn của thị trấn.

Lực lượng Pháp cũng đã di chuyển vào thành phố, xây dựng các pháo đài bao cát của riêng họ dọc theo các đường phố và đại lộ, đặt hàng dặm lưới dây thép gai rối rắm, đậu xe tăng trên vỉa hè và tại các vòng xoay giao thông nơi chúng có tầm bắn xuống các đường phố, và vận hành toàn bộ tổ hợp quân sự này bằng hàng ngàn quân. Quân đội Pháp đã phân vùng các quận và khu phố của khu vực đô thị, tuyên bố nhiều khu vực trong số đó nằm dưới sự bảo vệ của Pháp. Các lãnh thổ này, được che chắn bởi sức mạnh quân sự của Pháp, ngay lập tức được mệnh danh

là “khu vực Pháp.” Nhiều vị trí kiên cố của lực lượng Bình Xuyên nằm trong các khu vực Pháp, và Bình Xuyên có thể di chuyển tự do và công khai sau sự bảo vệ của quân đội Pháp. Vị trí của một số vị trí được bảo vệ này khiến chúng trở nên đáng ngại. Ví dụ, một khu vực Pháp nằm gần Dinh Độc Lập (Doc Lap Palace) nơi ông Diệm sống và làm việc. Phía sau lực lượng Pháp, chỉ tám trăm thước từ văn phòng và phòng ngủ của ông Diệm, Bình Xuyên đã kiên cố hóa trụ sở Cảnh sát An ninh Quốc gia trên đường Catinat.

Ông Diệm giận dữ ước tính rằng các khu vực Pháp chiếm một nửa diện tích đô thị của Sài Gòn-Chợ Lớn, hoàn toàn tách biệt khỏi các đợt triển khai đáng kể của Pháp ở vùng ngoại ô. Lực lượng Pháp trong chính thành phố có tổng cộng khoảng 30.000 người, với khoảng bốn trăm xe tăng đủ kích cỡ. (Ông ấy không thấy buồn cười trước lời nhận xét của tôi rằng, cuối cùng, một mục đích đã được tìm thấy cho thiết giáp Pháp vốn đã đóng một vai trò không vẻ vang trong bùn lầy của ruộng lúa và tại các con sông không thể lội qua trong cuộc chiến Pháp-Việt Minh.) Khi ông Diệm đề cập đến quy mô của lực lượng Pháp, ông không thể kiềm chế mình khỏi

việc trách cứ chính quyền Pháp. Ông Diệm nói: “Một trong các tướng Pháp, Jacquot, đã đến Bộ Tổng Tham mưu của chúng ta và thông báo với họ rằng một nửa lữ đoàn quân Pháp sẽ được đưa vào thị trấn. Nhưng Tướng Ely đã từ chối việc tôi đưa vào thêm ba tiểu đoàn. Nếu tôi có thêm ba tiểu đoàn trong thị trấn, Bình Xuyên đã do dự không thực hiện những hành động điên rồ này!”

Quân đội Việt Nam trong thị trấn chỉ có số lượng ít hơn một tiểu đoàn. Một đại đội đã bị phục kích trên đường Gallieni, và một đại đội khác đã chiếm đồn cảnh sát ở Quận 4, nơi đã xảy ra một cuộc chiến. Các đội quân khác rải rác trong các đội hình nhỏ. Đối diện với họ là mười sáu tiểu đoàn Bình Xuyên, trung bình khoảng 400 người mỗi tiểu đoàn, cộng thêm cảnh sát dưới sự kiểm soát của Bình Xuyên. Tỷ lệ vũ khí tự động hào phóng trong số Bình Xuyên là điều đáng lo ngại, mặc dù một trong những nỗi sợ hãi chính của tôi là các sĩ quan Pháp sẽ cung cấp cho Bình Xuyên pháo binh nặng hơn súng cối 60mm mà họ đã sử dụng trong vụ pháo kích Dinh Độc Lập. Người Pháp đã cung cấp cho Bình Xuyên ba *vedettes*, hay tàu pháo, và những tàu pháo này rất quan trọng trong một thành phố ven sông như Sài Gòn-Chợ

Lớn. (Hải quân Việt Nam nhỏ bé lúc đó nằm dưới sự chỉ huy và kiểm soát nghiêm ngặt của Pháp, không thể làm gì chống lại “hải quân” của Bình Xuyên hay các pháo đài ven sông của chúng kiểm soát sông Sài Gòn.)

Trong thời gian ngưng chiến bất ổn này, tôi lặng lẽ kiểm tra xem Quân đội Việt Nam đang làm tốt đến mức nào trong việc thu thập tình báo chiến thuật về Bình Xuyên. Các sĩ quan Pháp đang điều hành Phòng Nhì (*Deuxième Bureau*) của Bộ Tổng Tham mưu Việt Nam, giống như các sĩ quan Pháp đang hướng dẫn Bình Xuyên. Với các sĩ quan Pháp ở cả hai bên cộng tác với nhau, bất kỳ thông tin nào họ cung cấp cho Quân đội Việt Nam sẽ rất đáng nghi ngờ. Tuy nhiên, Quân đội Việt Nam cần những sự thật trung thực để làm cơ sở cho các kế hoạch và quyết định của họ.

Các nhà lãnh đạo cấp cao của Quân đội Việt Nam, Lê Văn Ty và Trần Văn Đôn, không có kinh phí để thu thập tình báo vì họ được cho là phải dựa vào Phòng Nhì. Những nhà lãnh đạo Quân đội Việt Nam chỉ huy quân đội đối diện với Bình Xuyên lại là một trường hợp khác. Cả hai đều tên là Minh. Một người thấp và mảnh khảnh, người kia cao và vạm vỡ, vì vậy họ nhanh chóng được đặt

biệt danh phân biệt. Đại tá Trần Văn “Minh Nhỏ” chỉ huy Vùng Quân sự I, bao gồm thủ đô và lãnh thổ phía nam và phía tây thành phố. Minh Nhỏ có một quỹ một trăm ngàn piasters cho tình báo và một triệu piasters để mua vũ khí (từ những người ly khai), nhưng ông dường như không được thông tin đầy đủ về lực lượng đối lập với mình. Hoặc, nói cách khác, ông dường như tò mò hơn về vị trí tài sản của Bình Xuyên hơn là về các khía cạnh quân sự. Ông ấy không đơn độc trong chuyện này.

Nhiều người Việt Nam khác vô cùng tò mò về những khoản lợi bất chính của trùm phỏ Bình Xuyên, Bảy Viễn, và nơi hẩn cất giữ kho báu của mình. Việc buôn bán thuốc phiện (chủ yếu từ Lào và miền Nam Trung Quốc, sau đó qua Bình Xuyên đến châu Âu và các thị trường khác) được cho là lên tới hai trăm triệu piasters mỗi tháng, hoặc gần hai tỷ rưỡi piasters mỗi năm. (Tỷ giá hối đoái hợp pháp lúc đó là 35 piasters đổi 1 đô la Mỹ.) Khoản thu của Bình Xuyên từ việc kiểm soát cờ bạc và mại dâm đã tăng thêm hàng triệu thu nhập nữa. Bảo Đại được báo cáo là đã được Bình Xuyên trả một triệu đô la Mỹ để nhượng lại quyền kiểm soát cảnh sát cho chúng, cùng với một

tỷ lệ phần trăm lợi nhuận từ thuốc phiện; thu nhập của ông ta được cho là lên tới 3,4 triệu đô la Mỹ một năm.

Trung tá Dương Văn “Minh Lớn” chỉ huy các lực lượng Quân đội Việt Nam trong khu vực Sài Gòn-Chợ Lớn. Ông không có quý chính thức để thu thập tình báo, nhưng ông dường như được thông tin rất chi tiết về các lực lượng Bình Xuyên mà ông đang đối mặt. Tôi phát hiện ra rằng ông đã thu thập thông tin từ mọi nguồn mà ông có thể nghĩ ra, bao gồm cả người cung cấp thông tin tình nguyện và được trả tiền. Tiền cho người sau đến từ việc Minh Lớn bán xe và đồ đạc của chính mình, cũng như thế chấp nhà của ông. Khi tôi biết điều này, tôi đã vô cùng ấn tượng. Đây là một người đàn ông đặt nhiệm vụ lên trên bản thân. Tôi đã thảo luận về các vấn đề tiền bạc của ông ấy với ông Diệm, và các sắp xếp đã được thực hiện để chuyển quỹ dự phòng của Bộ Quốc phòng cho ông ấy sử dụng. Ông Diệm có các nguồn tình báo riêng của mình, chủ yếu từ em trai Nhu nhưng cũng có các nguồn trực tiếp độc lập với em trai mình. Những người này bao gồm Mai Hữu Xuân của Nha An ninh Quân đội (MSS) và Nguyễn Ngọc Thơ, người đã phục vụ trong các chức vụ hành chính tỉnh ở giữa

các giáo phái trong vài năm. Xuân có nhiều kiến thức về Bình Xuyên từ những ngày ông ở Sûreté (Cảnh sát mật), khi ông giữ một chức vụ hàng đầu trong điều tra hình sự. Và còn có những cá nhân khác gặp ông Diệm riêng tư, tất nhiên. Liên lạc chính của ông với các vấn đề Trung Quốc ở Chợ Lớn là thông qua Lý Giai Hán (thường được gọi là Lý Kay). Vào ngày 8 tháng 4, chủ ngân hàng Trung Quốc đáng kính này đã bị bắt cóc khỏi một nhà hàng Chợ Lớn bởi ba người đàn ông có vũ trang. Ông Diệm yêu cầu Tướng Gambiez can thiệp với Bình Xuyên trong trường hợp này, nhưng không có kết quả. (Những kẻ bắt cóc đã ghi được một số điểm cao trong giai đoạn này. Trong số các nạn nhân có khoảng ba mươi quân nhân Quân đội Việt Nam sống ở Sài Gòn-Chợ Lớn.)

Ngô Đình Nhu đã làm việc suốt ngày đêm để cung cấp thông tin cho anh trai mình là ông Diệm. Ông đã thiết lập mạng lưới tình báo của riêng mình và đang thu thập những đồng báo cáo khổng lồ đầy sự thật và hư cấu. Ngoài ra, ông đã hoạt động trong chính trị công đoàn trong vài năm và nhận được nhiều thông tin tự nguyện từ công nhân sống ở các khu vực Bình Xuyên. Hơn nữa, ông đã trở thành liên lạc viên của ông Diệm

với các lực lượng giáo phái trung thành, chẳng hạn như Tướng Ngô của Hòa Hảo và Tướng Phương của Cao Đài. Tướng Phương và 8.000 quân bổ sung (*supplétifs*) Cao Đài đã được hội nhập vào Quân đội Việt Nam vào ngày 31 tháng 3, một ngày sau cuộc tấn công của Bình Xuyên, và đang theo dõi các vùng ngoại ô và các lối tiếp cận Sài Gòn-Chợ Lớn ở phía tây. Nhu cũng đã thúc giục Trình Minh Thế tham gia vào các hoạt động bí mật chống lại sở chỉ huy Bình Xuyên tại cầu chữ “Y” trên Kênh Tàu Hủ (*Arroyo Chinois*) ở Chợ Lớn, nhưng Thế lúc đó cảm thấy bị chính phủ lợi dụng và từ chối. Thật vậy, Trình Minh Thế và quân đội của ông đã bị bỏ lại trong một loại tình trạng lắp lửng quan liêu, mà ông mô tả với tôi là “lầy lội,” nói rằng ông và người của ông “không có lệnh, không có gì cả.”

Trình Minh Thế thừa nhận rằng ông được thông tin khá tốt về Bình Xuyên. Ông đã lên lút giới thiệu các kỹ thuật viên cho Bình Xuyên, và họ đang bận rộn tại hàng chục dự án Bình Xuyên, bao gồm việc điều hành máy phát vô tuyến của Bảy Viễn tại cầu chữ Y, thứ đang thực hiện các chương trình phát sóng hàng ngày để kích động công chúng. Tôi có muốn cho nổ nó không? (Sau đó, tôi

hỏi Đại sứ Collins liệu chúng ta có nên cho nổ máy phát này không. Ông ấy nói không.)

Trong cuộc đối đầu với Bình Xuyên, tôi cũng ngập lụt trong thông tin tự nguyện. Người Việt Nam từ các khu phố tôi đã đến thăm vào mùa hè trước, khi các ủy ban “hành động xã hội” được bầu, bắt đầu gọi điện đến nhà để đảm bảo rằng tôi biết điều gì “thực sự” đang xảy ra. Gia đình Ocampo, những cư dân Philippines lâu năm, những người đã treo cờ Mỹ từ nhà của họ khi quân đội Anh tiếp quản Sài Gòn từ Nhật Bản vào năm 1945, đã nhờ bạn bè của họ trong giới lái xích lô và taxi giúp đỡ và làm tôi ngạc nhiên với những món quà thông tin chi tiết hàng ngày. Đại tá Jose Banzon, quan sát viên của Philippines, cũng hào phóng chia sẻ thông tin từ cộng đồng Philippines, với các nhạc sĩ và ca sĩ là một phần thân thiết của đời sống về đêm đô thị do Bình Xuyên điều hành. Cùng với tất cả những điều này, những người bạn của tôi trong giới nhà báo Mỹ và Việt Nam trong thành phố, những người bất bình như tôi trước sự chế giễu của trò chơi chính trị đang diễn ra ở Sài Gòn, đã cố gắng chia sẻ những gì họ biết hàng ngày. Tôi vô cùng xúc động khi rất nhiều người muốn giúp đỡ.

Một khía cạnh kỳ lạ đã được đưa vào cảnh tượng các lực lượng có vũ trang nhưng đang chờ đợi bên trong Sài Gòn khi các chuyến bay thương mại mang các ấn phẩm tin tức mới nhất đến thị trấn từ Hoa Kỳ. Ấn phẩm ngày 4 tháng 4 của tạp chí *Time* có chân dung ông Diệm trên trang bìa. Được trưng bày trên các quầy báo xung quanh thị trấn, nó tạo thành một phong nền nổi bật cho các pháo đài bao cát của binh lính trên vỉa hè.

Vào khoảng giữa tháng Tư, tôi được thông báo rằng Collins và Ely cuối cùng đã đi đến một số kết luận về các giáo phái. Tôi được yêu cầu giúp sắp xếp một cuộc họp Pháp-Mỹ với các nhà lãnh đạo giáo phái. Sử dụng các sĩ quan Pháp và Mỹ trong nhóm nghiên cứu trước đây của tôi làm người đưa tin, tôi đã gửi lời mời tham dự cuộc họp này đến tất cả các nhà lãnh đạo chính của các giáo phái, sắp xếp xen kẽ thời gian đến của họ để các nhà lãnh đạo trung thành và những người trong mặt trận sẽ không phải ở cùng nhau trong cùng một phòng, tránh trường hợp họ bắn nhau. Tình trạng ngừng bắn có vũ trang bất ổn của thành phố rất rõ ràng khi những người được mời tham dự lái xe đến địa điểm họp ở Chợ Lớn. Mỗi người phải đi qua các xe tăng Pháp đậu trên nhiều đường phố, thủy

thủ đoàn của chúng ngồi không trên đỉnh dưới ánh mặt trời hoặc cắm trại gần đó.

Các cuộc họp được tiến hành bằng tiếng Pháp và do các sĩ quan Pháp chủ trì. Mỗi thủ lĩnh giáo phái đều được “trình bày quan điểm” để báo cáo về tình hình, tổng số quân lính và nhu cầu của mình, trong khi các sĩ quan Pháp và Mỹ tham dự ghi chép lại. Mỗi nhà lãnh đạo giáo phái cũng được thăm dò về cảm xúc của mình đối với một “chính phủ có cơ sở rộng hơn” và “ngăn chặn việc đổ máu.” Vâng, vâng, họ trả lời, chính phủ cần phải rộng hơn; một số gần như chảy nước dãi khi họ hình dung quyền lực đang đến với họ. Và vâng, họ muốn ngăn chặn đổ máu; một số rõ ràng lo lắng về việc giữ an toàn cho bản thân. Một số sĩ quan Pháp trong khán giả hội nghị không thể giữ vẻ mặt nghiêm túc trong suốt các phiên hỏi đáp và đang cười thầm với nhau về trò hề của buổi hội nghị. Lần này tôi đồng ý với họ, mặc dù cảm giác bất an trong bụng khiến tôi không thể cười cùng họ. Tôi nghĩ thấy một “giải pháp chính trị” sắp diễn ra theo đó quyền kiểm soát chính phủ sẽ thuộc về Bảy Viễn và những người bạn Pháp của hắn.

Một trong những người tham dự Bình Xuyên tại cuộc họp Pháp-Mỹ này là một

Đại tá Minh khác trong vở kịch này – Đại tá Thái Hoàng Minh, tham mưu trưởng lực lượng Bình Xuyên. Cao lớn, vạm vỡ, với phong thái quân nhân và thiếu khoa trương trong lời nói, ông gây ấn tượng với tôi là một người đàn ông đáng nể. Ông đang làm gì giữa những tên cướp này? Tôi vội vàng tìm kiếm trong trí nhớ của mình về những gì tôi đã biết về ông ấy. Ông đã có một thành tích chiến đấu ấn tượng khi lãnh đạo *supplétifs* Bình Xuyên chống lại Việt Minh khi con đường đến Cap St. Jacques (Vũng Tàu) được mở vào tháng 2 năm 1953. Ông đã bị loại khỏi vòng chiến khi giẫm phải mìn.

Khi Đại tá Minh rời bục sau phần trình bày của mình, Redick và tôi đã tự giới thiệu. Các sĩ quan Pháp nhanh chóng áp sát chúng tôi như những bà mẹ gà mái lo lắng. Tôi chúc mừng Minh về khả năng đi lại không bị khập khiễng sau một chấn thương nghiêm trọng như vậy. Những chiến công của ông đã được biết đến ngay cả với một người Mỹ như tôi. Ông có phiền cho tôi xem những vết thương của ông đã lành như thế nào không? Minh, cười, nói rằng ông cũng đã nghe nói về tôi và xắn ống quần lên để cho tôi xem những tổn thương rộng lớn ở chân ông đã lành như thế nào. Tôi ngồi xồm xuống để

kiểm tra chúng. Các sĩ quan Pháp bỏ đi, khó chịu bởi sự tò mò đa cảm của tôi. Ngay khi họ đã đi khuất tầm nghe, tôi nhẹ nhàng nói với Minh rằng chúng ta chỉ có vài khoảnh khắc ở một mình. Tôi muốn nói chuyện với ông ấy một cách rất nghiêm túc về một điều khác. Tôi hỏi: “Ông đang làm cái quái gì ở phe sai trái vậy? Ông thuộc về nơi những người yêu nước khác đang ở, không phải với bọn giang hồ.”

Cảm xúc thật sự của Minh tuôn ra trong những lời thì thầm dữ dội. Ông nói rằng ông không tham gia vào quyết định thực hiện cuộc tấn công nửa đêm ngày 29-30 tháng 3 hoặc trong cuộc chiến. Ông nghĩ điều đó là ngu ngốc và sai trái. Có bốn tiểu đoàn trung thành với cá nhân ông, tất cả đều nằm ở phía nam thành phố, bên kia con rạch. Ông muốn tự mình đưa họ về với ông Diệm, không phải với chính phủ hay Quân đội Việt Nam. Liệu tôi có nói với ông Diệm điều này không? Nếu ông Diệm đồng ý, Minh sẽ thực hiện các sắp xếp cần thiết. Tôi hứa sẽ thông báo cho ông Diệm. Chúng tôi không có cơ hội nói chuyện thêm vì các sĩ quan Pháp lách chách quay lại với chúng tôi, đột nhiên lo lắng về việc đã để chúng tôi ở một mình trong vài khoảnh khắc. Họ đi cùng Đại tá

Minh ra cửa. Khi ông rời đi, ông dành cho tôi một nụ cười thân thiện. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy ông ấy. Vài ngày sau, ông qua đời.

Sau cuộc họp giáo phái Pháp-Mỹ, Trình Minh Thế làm tôi ngạc nhiên với một số tin tức về bản thân ông. Ông sẽ đi Indonesia với tư cách là một trong những đại biểu chính thức của Việt Nam tham dự Hội nghị Á-Phi hai mươi chín quốc gia sẽ họp tại Bandung từ ngày 18 đến ngày 23 tháng 4. Tôi thúc giục ông mặc bộ đồng phục đồ ngủ đen của mình tại các cuộc họp Bandung. Một số đại biểu Cộng sản chắc chắn sẽ xuất hiện trong trang phục giả nông dân. Ông có được bộ đồng phục ruộng lúa của mình một cách trung thực hơn họ và nên mặc nó một cách tự hào.

Tôi gặp ông Diệm vào buổi chiều hôm sau và nói với ông ấy về Đại tá Minh của Bình Xuyên. Ông Diệm vô cùng quan tâm đến đề xuất của Minh về việc đưa bốn tiểu đoàn của ông ta về và ngay lập tức yêu cầu em trai Nhu bắt đầu thực hiện các sắp xếp với Minh. Tất cả chúng tôi đều đồng ý rằng cần phải sử dụng sự thận trọng lớn trong việc này, để bảo vệ Minh.

Ông Diệm cũng có những vấn đề khác

trong tâm trí. Ông rất lo lắng về xu hướng của các sự kiện. Thứ nhất, ông đã cử em trai mình là Luyện sang Pháp để nói chuyện với Bảo Đại. Hai người đã từng thân thiết với nhau. Tuy nhiên, giờ đây, Bảo Đại dường như đang tránh mặt Luyện, người đang lo lắng tìm kiếm một cuộc yết kiến. Trong khi đó, những người thân tín của Bảo Đại ở Sài Gòn dường như đang bận rộn với một kế hoạch mới nào đó. Tin đồn là Bảo Đại sẽ quay trở lại Việt Nam. Nếu đúng, chắc chắn sẽ có một phản ứng gay gắt từ công chúng chống lại ông ta. Mọi người đã bắt đầu liên kết Bảo Đại với Bình Xuyên, và các biển hiệu bắt đầu xuất hiện với dòng chữ “đả đảo Bảo Đại” trên đường phố.

Ông Diệm nhận ra rằng hành vi của Bình Xuyên đang cố ý tạo ra thêm bất ổn và mất an ninh trong dân chúng, có lẽ để cung cấp một cái cớ cho việc áp đặt các hạn chế cảnh sát nghiêm ngặt hơn đối với người dân bởi cảnh sát trưởng của Bảy Viễn, Lại Văn Sang, hoặc bởi quân đội Pháp. Những chiếc xe jeep chở đầy người lao nhanh qua các đường phố Chợ Lớn vào lúc hoàng hôn, bắn súng tiểu liên. Thương vong dân sự đang gia tăng. Ngay trưa hôm đó, những người đàn ông có vũ trang trên một chiếc xe jeep đã bắn vào

lối công chính của tòa nhà Bộ Tổng Tham mưu ở Chợ Lớn. Ông Diệm nhìn ra ngoài cửa sổ một cách trầm ngâm một lúc, khuôn mặt ông nghiêm nghị khi ông suy ngẫm về những suy nghĩ đáng lo ngại của mình. Cuối cùng ông quay sang tôi và nói rằng bây giờ ông biết Ely và Collins đang nghĩ gì như một giải pháp cho vấn đề giáo phái. Ông đã nói chuyện với mỗi người trong số họ. Trên thực tế, ông đã nói chuyện với Collins sáng hôm đó.

Giải pháp được đề xuất của họ, như đã được phác thảo với ông, có năm điểm chính. (1) Chính phủ Việt Nam sẽ chỉ mang tính chất lâm thời và sẽ bao gồm một nội các liên hiệp bao gồm một số người đối lập với ông Diệm. (2) Một cảnh sát trưởng mới sẽ được ông Diệm bổ nhiệm, phải được sự chấp thuận của cả nội các liên hiệp mới và Bình Xuyên, “để ngăn chặn đổ máu.” (3) Các đại biểu sẽ được bổ nhiệm để thành lập một Quốc hội Lâm thời, sẽ họp vào ngày 15 tháng 5; trong số những người được bổ nhiệm này, sáu mươi người sẽ đến từ các giáo phái, mười sáu người sẽ là người miền Bắc, và mười người sẽ do ông Diệm chỉ định. Quốc hội Lâm thời sẽ đề xuất với Bảo Đại người mà ông ta nên bổ nhiệm làm thủ tướng mới.

(4) Một Hội đồng Tối cao danh dự sẽ được bổ nhiệm làm cơ quan tư vấn, với các lãnh đạo giáo phái được bao gồm làm thành viên. (Ông Diệm dừng lại ở đây, rồi nói thêm, “như thể các lãnh đạo giáo phái sẽ hài lòng với những chức vụ danh dự chẳng khác nào họ muốn tiền bạc.”) (5) Hai em trai của ông Diệm là Luyện và Nhu sẽ bị lưu đầy khỏi Việt Nam, tạm thời.

Ông Diệm đã gửi giải pháp của riêng mình cho vấn đề giáo phái trong một bức thư gửi Tướng Ely sáng hôm đó. Về cơ bản, bức thư nói: “Quân đội Viễn chinh Pháp đã vũ trang cho các giáo phái và chính họ phải là người giải trừ quân bị của họ ngay bây giờ.”

Tôi gặp Tướng Collins ngay sau khi tôi rời Dinh Độc Lập. Tôi kể cho ông ấy nghe về những nhận xét của ông Diệm và đưa ra ý kiến tốt nhất của tôi về phản ứng của ông Diệm đối với giải pháp được đề xuất mới của Pháp-Mỹ: Ông Diệm sẽ không chịu khuất phục. Hơn nữa, hầu hết người dân Việt Nam sẽ ủng hộ ông. Khi tin tức về giải pháp được đề xuất được công khai, nó sẽ tạo ra sự bất ổn lớn trong dân chúng. Nó sẽ được coi là một sự khiêu khích hơn là một giải pháp. Trừ khi có một cách thực tế để hấp thụ khoảng 40.000 binh sĩ giáo phái có vũ trang vào các

hoạt động khác, rắc rối nghiêm trọng ở Việt Nam đang ở phía trước.

Collins chắc chắn rằng, mặc dù có thể không hoàn hảo, giải pháp có thể được thực hiện. Mục tiêu chính vẫn là xoa dịu tình hình bùng nổ để ngăn chặn đổ máu. Bản thân ông ấy đang thực hiện một chuyến đi nhanh đến Washington. Ông ấy phác thảo một số vấn đề khẩn cấp mà ông ấy muốn giải quyết ở đó. Có vấn đề giáo phái. Ngoài ra, còn có vấn đề giảm và tái tổ chức Lực lượng Dân sự (*Garde Civile* – dân vệ) và các vấn đề tương tự với Quân đội Việt Nam. Hơn nữa, có một nhu cầu cấp bách về thêm kinh phí cho việc tái định cư người tị nạn.

Tôi nhắc nhở Collins rằng tôi gặp ông Diệm gần như hàng ngày. Đối với tôi, rõ ràng là Việt Nam đang tiến thẳng và nhanh chóng vào tình trạng hỗn loạn thực sự. Khi rắc rối xảy ra, ông Diệm chắc chắn sẽ hỏi tôi liệu Hoa Kỳ có ủng hộ ông ấy với tư cách là người đứng đầu chính phủ hay không. Ông Diệm sẽ xứng đáng nhận được một câu trả lời trung thực. Tôi nên nói gì với ông ấy?

Collins trả lời thẳng thừng rằng tôi nên nói với ông Diệm rằng Hoa Kỳ sẽ ủng hộ ông ấy. Ông Diệm là người đứng đầu chính phủ hợp pháp được Hoa Kỳ công nhận. Nhưng

sau đó Collins nói thêm một nhận xét kỳ lạ. Ông ấy nói với tôi rằng tôi có thể nghe thấy đủ loại tin đồn về những điều khác, thậm chí là những câu chuyện rằng Hoa Kỳ sẽ không ủng hộ ông Diệm. Tôi phải bỏ qua những câu chuyện như vậy. Tôi có thể được đảm bảo rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục ủng hộ ông Diệm và nên thông báo cho ông ấy như vậy.

Khi Tướng Collins rời Sài Gòn đi Washington, Ngô Đình Diệm đang phát thanh một buổi phát thanh tới người dân Việt Nam. Ông ấy nhắc lại lời mời của mình đối với các nhà lãnh đạo Bình Xuyên và Hòa Hảo đến gặp ông ấy. Ông ấy thừa nhận rằng chính phủ không còn trả tiền cho lực lượng *supplétif* nữa nhưng nói rằng ông ấy sẽ cố gắng tìm ra cách để giúp đỡ họ nếu họ sẵn lòng làm việc với ông ấy. Hơn nữa, một động thái mới đang được thực hiện để cho phép người dân tham gia nhiều hơn vào chính phủ. Tổng tuyển cử sẽ được tổ chức trong vòng ba tháng, để bầu các đại diện vào một Quốc hội Chung (*General Assembly*). Trong khi đó, cử tri sẽ được thăm dò ý kiến về chính xác công việc của Quốc hội Chung nên là gì. Ông Diệm kêu gọi đoàn kết, nói rằng điều đó là cần thiết nếu Việt Nam muốn đạt được độc lập sau khi bị chia cắt trong tám mươi

nằm dưới chế độ thực dân. Ông cũng lưu ý rằng quân đội quốc gia có tất cả các phương tiện cần thiết để chống lại bất kỳ nỗ lực bạo lực nào.

Tôi nghe về buổi phát thanh này tại văn phòng của tôi ở TRIM, nơi chúng tôi đang bận rộn với công tác chuẩn bị cuối cùng cho Chiến dịch Giải Phóng (*Operation Giai-Phong*), được lên kế hoạch bắt đầu trong ba ngày ở Quảng Ngãi. Mãi đến tối tôi mới có thể đi và gọi cho ông Diệm. Tôi hỏi ông ấy liệu có bất kỳ phản hồi nào về buổi phát thanh của ông từ Bình Xuyên hay Hòa Hảo không. Không có. Sau đó tôi hỏi về Quốc hội Chung được đề xuất và việc thăm dò ý kiến cử tri. Ông Diệm trả lời rằng Quốc hội không chỉ có các đại diện được bầu, mà còn có các đại diện được bổ nhiệm từ các nhóm vũ trang và các đảng phái chính trị như một phương tiện để giảm bớt căng thẳng hiện tại trong nước.

Việc thăm dò ý kiến cử tri được đề xuất của ông sẽ được thực hiện thông qua một bảng câu hỏi đơn giản được phân phát cho cử tri ở tất cả các làng xã. Họ sẽ gửi thư trả lời của mình đến chính phủ, sử dụng phong bì có dán tem và địa chỉ người gửi. Cử tri sẽ được yêu cầu trả lời ba câu hỏi chính: *Bạn*

có muốn bầu cử Quốc hội Chung không? Bạn có muốn một quân đội quốc gia duy nhất không? Bạn có muốn một chương trình cải cách không? Câu hỏi cải cách sẽ có một số câu hỏi phụ liên quan đến cải cách ruộng đất, một trường đại học quốc gia, công trình công cộng, và sự hồi sinh của nền kinh tế quốc gia. Một bản sao kết quả từ cuộc thăm dò sẽ được gửi cho Bảo Đại để ông tham khảo, nhằm cho ông ta thấy mọi người đang nghĩ gì.

Bảng câu hỏi hiện đang được soạn thảo và sẽ sẵn sàng để phân phát trong một tuần. Một tuần sau đó, các câu trả lời sẽ bắt đầu gửi đến. Tôi cảnh báo ông ấy không nên quá lạc quan trong việc mong đợi phản hồi từ cử tri kịp thời để nó được lập bảng đúng cách, công bố kết quả và chuẩn bị cho việc tổ chức tổng tuyển cử trên khắp miền Nam Việt Nam. Ông ấy đang nói về hàng triệu ý kiến và phiếu bầu, sẽ phải được xử lý bởi một tổ chức hành chính hiện đang hơi tê liệt và chưa bao giờ thực hiện công việc như vậy trước đây. Ông Diệm chắc chắn rằng người Việt Nam có thể làm được. Sau đó tôi hỏi ông ấy về đề xuất của Pháp-Mỹ để giải quyết tình hình hiện tại. Ông ấy có từ chối xem xét nó không? Ông Diệm nói rằng ông

đang xem xét nó, nhưng làm sao ông có thể trao các vị trí quyền lực cho những kẻ phản bội trong chính phủ mà vẫn giữ được đủ sự tôn trọng từ người dân để có thể cai trị? Rõ ràng, Cảnh sát trưởng Sang sẽ phải đi ngay lập tức. Các vụ bắt cóc và xả súng vẫn tiếp diễn. Mặc dù ông Diệm đã cố gắng hết sức để thể hiện sự kiềm chế, việc thiếu hành động quyết đoán, chẳng hạn như thay đổi cảnh sát trưởng, sẽ mang lại những hậu quả nghiêm trọng. Chính phủ của ông đang trên bờ vực từ chức. Quân đội đang ngày càng chán nản bởi sự thiếu quyết đoán rõ ràng. Nhiều cảnh sát đã về với chính phủ sau cuộc tấn công của Bình Xuyên đang mất hết nhuệ khí. Bản thân người dân đang bắt đầu cảm thấy bị phản bội và ngày càng bồn chồn.

Ông Diệm đã nhận được một điện tín từ Bảo Đại, nói rằng lệnh ngừng chiến ở Sài Gòn nên được gia hạn ít nhất cho đến cuối tháng Tư. Ông Diệm nói, Bảo Đại cũng yêu cầu ba mươi triệu piasters, nhưng ông Diệm không có tiền để đưa cho ông ta.

Tôi đã tự mình chuẩn bị cho những ngày bạo lực rõ ràng sắp tới. Vì tôi phải lái xe qua thành phố hàng ngày để đi làm và về, tôi đã cố gắng hết sức để học các đường phố nhỏ và các con đường thay thế bằng cách

thay đổi lộ trình mỗi lần tôi lái xe quanh thị trấn. Việc tự học của tôi được thúc đẩy bởi việc bị bắn một vài lần trên tuyến đường thông thường của tôi và, một lần, suýt nữa thì thất bại trong nỗ lực bị một chiếc xe tải đâm vào tôi. Tôi đã chuyển đến một ngôi nhà lớn hơn trên đường Duy Tân, và ngày càng có nhiều tin đồn rằng nó sắp trở thành mục tiêu của một cuộc tấn công khủng bố. Một số sĩ quan trong đội của tôi đã chuyển đến ở cùng tôi, và chúng tôi cất giấu vũ khí đã nạp đạn và lựu đạn gần cửa sổ và cửa ra vào để có chúng sẵn sàng trong trường hợp khẩn cấp. Những người bạn Philippines của tôi từ Công ty Tự do (*Freedom Company*) lo lắng cho sự an toàn của tôi và cuối cùng đã thuyết phục tôi cho phép một trong số họ, Proc Mojica, chuyển đến và theo dõi mọi thứ vào ban đêm. Proc đang học chơi guitar, vì vậy tôi chìm vào giấc ngủ mỗi đêm trong tiếng du dương của các bài hát du kích Philippines trôi nổi khắp nhà. Những bài hát ru này dường như phù hợp với tâm trạng ở Sài Gòn lúc đó.

Trình Minh Thế trở về từ Hội nghị Bandung đầy đầy những câu chuyện. Ông đã tận hưởng một khoảnh khắc do chính mình tạo ra, trong đó ông đã trình bày một bản

tuyên bố cá nhân chống chủ nghĩa đế quốc trước hội nghị. Mặc bộ đồng phục đồ ngủ đen của mình, ông đã đọc to bản tuyên bố của mình từ sàn đấu trước phái đoàn Cộng sản Trung Quốc, do Chu Ân Lai dẫn đầu. Tuyên bố bắt đầu bằng những lời cay đắng về những cách mà thực dân Pháp đã đàn áp quyền tự do của người Việt Nam. Vui mừng với những gì họ đang nghe, những người Cộng sản đã tăng âm lượng của hệ thống phát thanh công cộng để đảm bảo rằng tất cả các đại biểu đều nghe thấy lời của nhà cách mạng Việt Nam thon thả và trẻ tuổi trong bộ đồ ngủ đen này. Những lời đó vang vọng khắp hội trường. Vàng, thực dân Pháp rất xấu. Nhưng, dù họ xấu xa đến đâu và người Việt Nam ghét họ đến mức nào, vẫn có một cái ác lớn hơn ngày nay, một cái ác mà người nói sẽ chống lại chừng nào còn hơi thở trong cơ thể – chủ nghĩa đế quốc của những người Cộng sản! Chúng là kẻ thù tồi tệ nhất của tất cả đối với người dân! Với điều đó, Thế đã nhìn chằm chằm vào những người Cộng sản Trung Quốc choáng váng, sau đó quay trở lại chỗ ngồi của mình.

Vào ngày 25 tháng 4, ông Diệm nói với tôi rằng tình hình đang trở nên “khó gỡ.” Ngày hôm sau, ông cách chức Lại Văn Sang, giám

đốc cảnh sát quốc gia của Bình Xuyên, và bổ nhiệm Nguyễn Ngọc Lễ thay thế ông ta. Ông Lễ đã tổ chức các cựu chiến binh với sự giúp đỡ của người Philippines trong Công ty Tự do. Vào ngày 27 tháng 4, ông Diệm nói với tôi rằng Bảo Đại đã phản ứng bằng cách gửi cho ông một điện tín từ Pháp, ra lệnh cho ông thay đổi chỉ huy lực lượng vũ trang Việt Nam bằng một người do Bảo Đại lựa chọn, Tướng Nguyễn Văn Vỹ, hiện đang ở Đà Lạt với các tiểu đoàn Vệ binh Hoàng gia của Bảo Đại. Tôi đã gặp ông Vỹ một số lần, biết ông ấy là một trong những chỉ huy chiến đấu có năng lực nhất của Việt Nam, và khá ấn tượng với sự chính trực rõ ràng và phong thái thận trọng của ông ấy. Ông Diệm suy đoán rằng ông Vỹ sẽ không chỉ nắm quyền chỉ huy các lực lượng vũ trang Việt Nam mà còn tự tuyên bố mình là người đứng đầu chính phủ lâm thời dưới danh nghĩa Bộ hạ Bảo Đại, đưa ông Diệm sang Pháp, và chuẩn bị đường cho sự trở lại Việt Nam của Bảo Đại. Tôi nghi ngờ điều này; ông Vỹ là một người quá danh dự để thực hiện một hành động sẽ xé nát Việt Nam như vậy. Một hậu quả sẽ là Bình Xuyên sẽ trở nên mạnh mẽ hơn nhiều trong một chính phủ lâm thời như vậy. Nếu điều này được chỉ ra cho ông Vỹ, tôi

chắc chắn rằng ông ấy sẽ tuân theo truyền thống mà người Pháp đã dạy ông và từ chối chấp nhận những mệnh lệnh như vậy. Tuy nhiên, ông Diệm cảm thấy rằng ông Vỹ là một sĩ quan quá danh dự để từ chối tuân theo mệnh lệnh của Quốc trưởng mình.

Khi tôi rời ông Diệm, ông đã bắt đầu soạn thảo một thư trả lời điện tín của Bảo Đại. Ông ấy sẽ cố gắng làm cho Bảo Đại nhận ra sự thật của tình hình ở Việt Nam và đánh thức ông ta khỏi những giấc mơ hảo huyền.

GHI CHÚ

KHỦNG BỐ. Đại tá Trần Văn Đôn (sau này là tướng và thượng nghị sĩ) đã xác nhận câu chuyện của ông Diệm về vụ bắn súng máy vào tòa nhà Bộ Tổng Tham mưu. Vụ nổ súng đến từ một chiếc xe jeep chở đầy người (một trong số họ rõ ràng là người da trắng) đội mũ nổi xanh của Bình Xuyên. Vụ nổ súng được căn thời gian vào lúc các nhà lãnh đạo Quân đội Việt Nam đang bước ra khỏi cửa chính để ăn trưa. Họ lập tức tìm chỗ ẩn nấp và không ai bị trúng đạn.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

* *

TRẬN CHIẾN SÀI GÒN

Tôi dành buổi sáng ngày 28 tháng 4 tại văn phòng của mình ở TRIM, bận rộn với các yêu cầu của chương trình “hành động an ninh quốc gia” mà lúc này đã có các hoạt động đang tiến hành trên khắp đất nước. Tôi đang giải quyết vấn đề thay thế các cây cầu bị phá hủy ở miền Trung Việt Nam. Chiến dịch Giải Phóng (*Operation Giai-Phong*) đang bị cản trở khi vượt sông; việc chèo đò tạm bợ bằng thuyền nhỏ làm chậm tiến độ hành quân của bộ phận chính của quân đội và các xe tải chở hàng cứu trợ cho dân chúng. Quân đội Viễn chinh Pháp có vật liệu xây cầu, nhưng nó được dành để vận chuyển sang Pháp và Bắc Phi. Đại tá Kim và Trung úy Phillips muốn bay đến Sài Gòn từ Chiến dịch Giải Phóng vào sáng hôm sau để giải quyết vấn đề. Tôi bảo họ cứ đến và sắp xếp để họ gặp Tướng O’Daniel tại

văn phòng MAAG của ông ở Chợ Lớn phía tây khi họ đến. Có lẽ O'Daniel có thể giúp chúng tôi tìm vật liệu làm cầu.

Vào buổi trưa, một cuộc điện thoại từ Dinh Độc Lập hỏi liệu tôi có thể vui lòng đến gặp ông Diệm ngay lập tức không. Joe Redick và tôi lên đường đến dinh bằng con đường ngắn nhất. Khi đến gần Quảng trường Khải Định, một vòng xoay giao thông nơi năm đại lộ và đường phố gặp nhau, tôi nhận thấy có điều gì đó bất thường. Những người đi xe đạp va vào nhau và ngã xuống đường. Ô tô đang dừng lại, cửa bật mở và phun hành khách lên vỉa hè, nơi họ nằm co ro. Thoạt nhìn, nó trông giống như một cảnh hài hước lớn. Tôi giảm tốc độ, kinh ngạc. Sau đó tôi nghe thấy tiếng súng máy, một âm thanh đã bị các ngôi nhà dọc phố làm giảm đi. Đó là một sự kiện quá bất ngờ trong giao thông dày đặc đến nỗi dường như phải mất một lúc lâu tôi mới có thể liên kết việc người ta đổ gục xuống đất với tiếng súng máy. Khi tôi nhận ra, tôi dừng xe lại. Redick và tôi nằm rạp trên vỉa hè cùng với những người khác.

Tiếng súng chết dần sau vài phút. Chúng tôi quay trở lại xe và lái xe qua cảnh giao thông ngừng lại hỗn độn tại vòng xoay. Thấy chúng tôi đang di chuyển, mọi người bắt

đầu đứng dậy trở lại, rõ ràng là bị chấn động nhưng không hề hấn gì. Tiếng súng chắc hẳn đã bay qua đầu chúng tôi. Trong công viên rộng lớn phía sau dinh, tôi nhận thấy có điều gì đó mới mẻ được thêm vào: những khẩu đội pháo với các binh sĩ quân đội Việt Nam đóng quân xung quanh. Chúng trông thật lạc lõng giữa những sân tennis, sân chơi trẻ em, đường mòn dành cho cưỡi ngựa và những luống hoa rực rỡ dưới những tán cây nhiệt đới cao lớn.

Ông Diệm đang đi đi lại lại trên hiên dài tầng hai của cổng phía đông dinh khi chúng tôi đến. Thay vì vào văn phòng bên trong, như thường lệ, chúng tôi đứng trên hiên và nói chuyện. Ông Diệm vừa nhận được tin từ Washington ngay trước khi gọi điện cho tôi. Ông ấy được báo cáo rằng Đại sứ Collins đã nhận được sự chấp thuận của Tổng thống Eisenhower về một sự thay đổi chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Ông Diệm sẽ bị “loại bỏ” để ủng hộ một chính phủ liên hiệp. Báo cáo này có đúng không? Ông Diệm nhìn tôi chằm chằm khi hỏi điều này. Tôi nói quả quyết rằng tôi không tin báo cáo đó. Collins đã đảm bảo với tôi trước khi ông ấy khởi hành rằng Hoa Kỳ sẽ ủng hộ ông Diệm, bất chấp mọi tin đồn ngược lại. Ông Diệm

từ chối nói với tôi nguồn thông tin của ông. Tôi nói rằng tôi sẽ bắt đầu kiểm tra lại với Washington bằng radio để chắc chắn gấp đôi về những gì tôi vừa nói với ông ấy. Vì lúc đó là nửa đêm ở Washington, sẽ mất hàng giờ trước khi có thể có phản hồi từ các quan chức hàng đầu của Hoa Kỳ.

Ông Diệm thư giãn một chút trước những lời trấn an của tôi. Ông ấy nói rằng có những báo cáo về việc xả súng trên đường phố khắp thị trấn, và tôi mô tả những gì đã xảy ra trên đường chúng tôi đến gặp ông ấy. Ông Diệm nghĩ rằng Bình Xuyên có lẽ đang tự làm nóng mình để chuẩn bị một hành động phá vỡ lệnh ngừng chiến. Ông ấy cười tinh nghịch và nói thêm rằng ông ấy có một số tình báo chiến thuật mới về Bình Xuyên. Súng cối của họ đã được ngấm bắn lại vào dinh. Chính điểm trên hiên nơi chúng tôi đang đứng là mục tiêu chính xác cho một khẩu súng cối 81mm mà Bình Xuyên đã mua được trong thời gian ngừng chiến. Chúng tôi có thể bị thổi bay ngay cả khi chúng tôi đang đứng đó nói chuyện với nhau.

Tôi hỏi ông Diệm về tham mưu trưởng Bình Xuyên, người sắp về phe quốc gia, Đại tá Thái Hoàng Minh. Ông Diệm nói rằng các sắp xếp đã được thực hiện để cho Đại tá

Minh và bốn tiểu đoàn của ông (lúc đó đang ở gần Gò Công, phía nam Sài Gòn) đi qua các tuyến, nơi họ sẽ được hội nhập vào quân đội quốc gia. Minh đã nói rằng quân đội của chính ông ta và sáu tiểu đoàn “lính tấn công Sûreté” của Bình Xuyên gần như ở thế đối đầu nhau. Một trung đội trung thành với Minh đang ở khu vực đường Catinat, trong khu vực an ninh Pháp gần Dinh Độc Lập.

Chúng tôi rời đi sau khi tôi gợi ý với ông Diệm rằng ông ấy nên rời khỏi hiên nếu nó thực sự là mục tiêu của đạn cối 81mm “bất cứ lúc nào.” Tôi lái xe về nhà tôi trên đường Duy Tân, cách dinh khoảng tám dãy nhà. Hầu như không có giao thông trên đường phố. Lúc đó là khoảng hơn một giờ chiều, và tất cả những người khôn ngoan ở Sài Gòn đều ở nhà để ăn trưa và ngủ trưa. Ngay khi tôi đang rẽ vào lối lái xe vào nhà mình, một loạt tiếng nổ lớn vang lên từ hướng dinh. Rõ ràng, cuộc tấn công vào dinh đã bắt đầu. Khi tôi bước vào nhà, điện thoại đang reo.

Đó là Ngô Đình Diệm gọi cho tôi. Giọng ông ấy nghe bình tĩnh, không hề nao núng. Tôi hỏi liệu ông ấy có ổn không. Vâng, ông ấy nói với tôi; ông ấy đang gọi Tướng Ely và đã sắp xếp với tổng đài để tôi nghe cuộc trò chuyện, với tư cách là một nhân chứng.

Trước khi tôi có thể hỏi thêm câu hỏi, Ely đã nhắc máy. Tôi đã cố gắng hết sức để theo dõi cuộc trò chuyện, bằng tiếng Pháp (sau đó xác minh lại với Redick và ông Diệm). Ông Diệm nói với Ely rằng Dinh Độc Lập đang bị Bình Xuyên bắn và ông muốn Ely biết rằng hành động thù địch này đã phá vỡ lệnh ngừng chiến. Ely nói rằng ông ấy không thể nghe thấy bất kỳ âm thanh nào của một cuộc tấn công vào dinh tại nhà của ông ấy. (Ông ấy sống cách dinh khoảng một nửa quãng đường so với nhà tôi, nơi những tiếng nổ là một tiếng ầm ĩ lớn trong không khí giữa trưa. Tôi tự hỏi liệu Ely có đang ở trong một căn phòng đóng kín, có lẽ với máy điều hòa không khí làm át đi âm thanh của các vụ nổ pháo gần đó không. Điều này có thể không?)

Ông Diệm dường như ngạc nhiên rằng Ely không thể nghe thấy tiếng pháo kích. Ngay sau đó, có một tiếng wha-a-am lớn vang lên qua điện thoại. Một khoảng lặng kéo dài. Ông Diệm quay lại điện thoại, giọng ông ấy hơi run. Ông hỏi liệu Ely có nghe thấy điều đó không! Một quả đạn đã phát nổ vào tường phòng ngủ nơi ông Diệm đang nói chuyện. Ông muốn Ely hiểu rằng ông Diệm đã không phá vỡ lệnh ngừng chiến. Bình

Xuyên đã làm điều đó. Ông Diệm đang ra lệnh ngay lập tức cho Quân đội Việt Nam đánh trả. Ely bắt đầu nói điều gì đó, nhưng ông Diệm ngắt lời để tuyên bố rằng ông đã thông báo cho Ely về sự thật và đang hành động. Ông ấy cúp máy.

Tôi ngồi xuống ăn trưa muộn, viết ghi chú về những gì đang xảy ra bằng một tay trong khi tôi ăn bằng tay kia. Trước khi tôi ăn xong, điện thoại lại reo. Lúc này, có một sự ồn ào lớn đang diễn ra ở phía dinh, nơi pháo binh trong công viên đang bắn trả hỏa lực của Bình Xuyên. Tôi phải úp điện thoại bằng cả hai tay để nghe.

Người gọi là bạn tôi John Mecklin, phóng viên của tạp chí *Time* và *Life*. Anh ấy nghe có vẻ kích động. Anh ấy đang gọi điện từ đồn cảnh sát Quận 4. Anh ấy và nhiếp ảnh gia Howard Sochurek đang ở đó. Mecklin đang nói chuyện với tôi từ sàn của đồn cảnh sát, nằm dưới một cái bàn để bảo vệ, và Sochurek đang ở phía sau bức tường xi măng của tòa nhà cạnh cửa. Một đại đội lính Quân đội Việt Nam đang ở trong đồn cảnh sát với họ. Một tiểu đoàn, có lẽ nhiều hơn, quân Bình Xuyên đang tấn công đồn cảnh sát từ bên kia đại lộ. Những kẻ tấn công đang trút hỏa lực súng tiểu liên nặng nề vào

đồn cảnh sát và áp sát nhanh chóng. Chúng sẽ ở bên trong đồn bất cứ lúc nào. Nếu tôi có bất kỳ ý tưởng sáng suốt nào về những gì Sochurek và Mecklin nên làm tiếp theo, thì bây giờ là lúc để nói với anh ấy.

Tôi bắt đầu hỏi Mecklin về lối thoát phía sau của đồn cảnh sát, thì anh ấy kêu lên: “Chúa ơi! Ôi Chúa ơi!” Tôi hét lại: “Cái gì vậy?” Mecklin nói rằng đại đội lính quân đội đã lao ra khỏi tòa nhà một cách điên cuồng, ngay khi quân Bình Xuyên vừa đến đó. Đó là một cuộc phản công. Sochurek đang khom người ở đó, chụp ảnh cảnh tượng. “Chúa ơi, nhìn họ chiến đấu kìa, Howard,” là những lời tiếp theo của Mecklin. Sau đó là một tiếng “ồ, ồ!” theo sau là một tiếng thở phào nhẹ nhõm. Mecklin nói với tôi rằng anh ấy sẽ phải cúp máy. Anh ấy và Sochurek đang rời khỏi đồn cảnh sát vì cả hai đang nhìn thấy một cảnh tượng không thể tin được. Đại đội quân đội đang truy đuổi một tiểu đoàn Bình Xuyên dọc theo đại lộ, như thể trong một cuộc chạy đua, vượt qua những chiếc mũ nồi xanh rơi vãi trên đường khi Bình Xuyên giật ra và ném đi chiếc mũ nhận dạng của họ. Mecklin hét lên khi cúp máy: “Ai nói những người lính quân đội này sẽ không chiến đấu!”

Tôi quay lại để ăn trưa, nhưng số phận đã định tôi không thể làm được. Tôi chợt nhớ rằng Thiếu tá Lou Conein đang ở trong một tình huống nguy hiểm tiềm tàng. Ông ấy đã đến Sài Gòn từ Hải Phòng và đã ngủ đêm qua tại nhà nhân viên của tôi trên đường Taberd. Trong bữa tối, hai người đàn ông vũ trang hạng nặng đã bước vào và nói rằng họ là đặc phái viên từ Bảy Viễn. Họ muốn Conein đi cùng họ để gặp sếp của họ, người có một thông điệp cho tôi. Conein đã gọi điện cho tôi, và tôi đã khuyên ông ấy không nên đi cùng họ đến trụ sở Bình Xuyên. Chúng tôi không có sự đảm bảo an toàn nào từ những tên gangster. Thay vào đó, Conein có thể sắp xếp để gặp lại họ, ở một nơi an toàn do chính ông ấy lựa chọn, để nhận thông điệp của Bảy Viễn. Hai đặc phái viên và Conein cuối cùng đã đồng ý gặp nhau vào trưa nay trên một con đường rộng, thoáng trong khu vực an ninh Pháp. Đến bây giờ, đã một tiếng rưỡi trôi qua kể từ giờ hẹn và tôi chưa nhận được tin tức gì từ Conein hay từ các sĩ quan khác đi cùng để bảo vệ ông ấy và địa điểm gặp gỡ.

Tôi gọi đến nhà trên đường Taberd. Không, không có tin tức gì từ Conein. Rất nhiều đạn pháo đang nổ tung xung quanh

ngôi nhà, xe hơi cháy rụi trên đường, vì vậy có lẽ ông ấy đã không thể quay lại. Mọi người trong nhà đều an toàn. Ngôi nhà đã bị trúng đạn nhưng thiệt hại nhỏ. Tôi bảo họ ở yên đó và tìm chỗ trú ẩn. Tôi sẽ xem liệu tôi có thể tìm thấy những đồng đội khó nắm bắt của chúng ta không.

Tôi đi ra xe của mình ở lối lái xe vào. Ngay lúc đó, Conein và những người khác lái xe đến, theo sau là một chiếc jeep. Trước sự ngạc nhiên của tôi, Thiếu tá “Bo” Bohannon, và một trung tá quân đội cùng một trung úy hải quân đánh bộ mà tôi không biết, bước ra từ chiếc jeep phía sau. Tất cả họ đều đến Sài Gòn lúc một giờ chiều trên chuyến bay Pan-American trong ngày. Bo nói rằng anh ấy nghĩ mình có thể bỏ lỡ một số niềm vui và trò chơi, vì vậy anh ấy đã bốc đồng xin nghỉ phép và may mắn tìm được chỗ trên chuyến bay thương mại từ Manila sáng hôm đó. Tôi rất mừng được gặp anh ấy! Hai người lạ mặt đang báo cáo nhận nhiệm vụ trong đội của tôi. Tất cả họ đã gặp nhau khi tìm kiếm phương tiện đi nhờ đến nhà tôi từ sân bay.

Conein tái nhợt, rõ ràng đang bị sốc. Tôi hỏi về cuộc hẹn của ông ấy với Bình Xuyên. Ông ấy nói với tôi: “Năm người chết, ngay

trước mặt tôi. Cả trẻ con nữa!” Những người khác giải thích rằng Bình Xuyên đã không xuất hiện nhưng một quả đạn cối đã bắn trúng một chiếc taxi Renault nhỏ ngay trước mặt Conein khi ông ấy đang chờ họ. Cú bắn trực tiếp đã thổi bay chiếc taxi, tài xế và hành khách của nó, một nhóm gia đình có ba đứa trẻ nhỏ. Tôi bảo Conein vào nhà và rót cho ông ấy nửa ly whisky.

Tôi gọi điện đến nhà của ông ấy trên đường Taberd để báo tin ông ấy đã đến. Khi tôi được thông báo rằng không có vụ pháo kích nào gần ngôi nhà gần đây, tôi nói rằng tôi sẽ cử Thiếu tá Bohannan cùng với Conein và những người khác; Bo sẽ chịu trách nhiệm. Tôi đưa họ đến Rue Taberd, nơi có giường và thức ăn cho tất cả. Tôi sẽ ghé qua khi tôi có thể. Trước tiên, tôi phải đến đại sứ quán để nói với các quan chức ở đó những gì tôi biết về tình hình và đảm bảo rằng thông tin chính xác đang được gửi đến Washington. (Tôi lo lắng về những gì ông Diệm đã nói với tôi về sự thay đổi trong chính sách của Hoa Kỳ. Có lẽ nó đang được thảo luận. Nếu vậy, những sự thật về tình hình thay đổi nhanh chóng ở Sài Gòn phải đến Washington kịp thời.)

Tôi lái xe về phía trung tâm thành phố và

đại sứ quán. Xe tăng Pháp và dây thép gai đã chặn hoàn toàn một số con phố. Tôi đi đường vòng. Tại một trường học, binh lính Quân đội Việt Nam đang trèo ra khỏi một đoàn xe tải. Tôi dừng lại, và một số sĩ quan và binh lính nhận thấy tôi và gọi những người khác. Họ vẫy vũ khí và hét lên, nhảy múa xung quanh. Tất cả họ đều hưng phấn sẵn sàng cho một cuộc chiến. Ở góc phố tiếp theo, Cảnh sát Quân đội Việt Nam (MP) chặn tôi lại và khẳng khái tôi đi đường vòng khác. Có chiến đấu đang diễn ra ngay phía trước. Tôi rẽ vào một đại lộ chính dẫn đến Chợ Lớn và nghe thấy âm thanh của cuộc giao tranh bộ binh nặng nề. Một tiểu đoàn Quân đội Việt Nam chạy bộ dọc theo bên đại lộ, hướng về phía cuộc chiến. Tướng O'Daniel lái xe ngang qua bằng xe nhân viên của ông ấy ngay lúc đó và vẫy tay với tôi. Khi ông ấy lái xe qua những người lính đang chạy, ông ấy nghiêng người ra khỏi xe và bóp đồng hét lên: “Cho chúng thấy địa ngục đi, các chàng trai, cho chúng thấy địa ngục đi!” Họ hét lại, một tiếng reo đáp lại đầy nhiệt huyết.

Đến đại sứ quán sau tất cả những đường ngoằn ngoèo, tôi thấy một phi đội xe tăng hạng nhẹ Pháp đang được bố trí trước đó trong các vị trí phòng thủ. Trong văn phòng

của *chargé d'affaires* (người đứng đầu tạm thời), các quan chức cấp cao của đại sứ quán đang ngồi quanh một cái bàn soạn thảo một thông điệp vô tuyến cho Washington. Trước sự ngạc nhiên của tôi, họ đang tranh luận về việc sử dụng những tính từ nào để mô tả tinh thần thấp của binh lính Quân đội Việt Nam, những người hiện phải đứng lên chống lại Bình Xuyên đầy tinh thần! Tôi gần như không thể tin vào tai mình. Rõ ràng là họ đã ở trong tòa nhà đại sứ quán và dựa vào các báo cáo điện thoại từ bạn bè người Pháp về những gì đang xảy ra. Tất cả chỉ là một sự tưởng tượng. Một trong những tùy viên thậm chí còn nói rằng ông ấy đã được thông báo rằng tôi đã đích thân dẫn đầu một cuộc tấn công của Quân đội Việt Nam chống lại trụ sở Bình Xuyên và đã bị giết. Các sĩ quan Pháp tuyên bố đã nhìn thấy điều này.

Tôi nói với những người đang tụ tập những gì tôi biết về tình hình. Lời nói của tôi được đón nhận một cách hoài nghi. Tôi thúc giục họ hoãn việc soạn thảo thông điệp thêm mười lăm phút nữa trong khi họ đi ra ngoài đường để tận mắt nhìn thấy những gì thực sự đang diễn ra hoặc gọi điện cho Tướng O'Daniel để hỏi ông ấy, vì ông ấy đã lái xe quanh thị trấn. Tùy viên quân đội, một

lính bộ binh, bước vào ngay lúc đó và xác nhận những quan sát của tôi. Cuộc tranh luận lại bùng nổ. Tôi nói với *chargé* rằng tôi muốn gửi một thông điệp riêng mang tên tôi là nguồn, để Washington có thể phân loại các quan điểm trái ngược nhau trong các điện tín từ Sài Gòn. Ông ấy đồng ý. Với điều đó, tôi ngồi xuống và viết một điện tín chi tiết mô tả các sự kiện theo như tôi biết cho đến ngày hôm đó. Sau khi cho *chargé* xem, tôi đảm bảo nó đã được gửi đi. Nhóm vẫn đang tranh luận về thông điệp chính thức. Đã là cuối buổi chiều khi tôi rời đại sứ quán. Những đám khói dày đặc làm tối bầu trời phía trên Chợ Lớn, nơi một phần lớn của thành phố đang cháy, và mỗi bên đều tuyên bố bên kia đã gây ra. Ngọn lửa hoành hành mà hầu như không được kiểm soát, vì lính cứu hỏa không thể vượt qua các chiến tuyến. Hàng ngàn người chạy qua các đường phố từ những ngôi nhà đang cháy của họ, tìm kiếm sự an toàn nhưng cố gắng tránh các điểm mạnh nơi giao tranh bộ binh đang diễn ra ác liệt. Quân đội Việt Nam và các nhân viên chính phủ đang mở các nơi trú ẩn tạm thời cho những người tị nạn này trong các trường học nhằm cố gắng tổ chức chăm sóc cho họ, mặc dù nhiều người đã trải qua đêm trên

đường phố. Sau đó tôi được biết rằng một trăm người đã chết trong đám cháy, năm trăm nạn nhân được biết đã đến bệnh viện, và hàng ngàn người khác mất nhà cửa. Hơn một dặm vuông của khu vực đông dân nhất thành phố đã bị cháy rụi.

Tôi ghé qua ngôi nhà lớn trên đường Taberd nơi hầu hết đội của tôi sống. Các phương tiện cháy rụi và bị đạn bắn nát khiến con phố bên ngoài trông giống như một bãi phế liệu, và một chiếc sedan móp méo nằm chắn ngang bậc thang phía trước, chặn cửa. Tôi treo qua tường để vào. Mọi người và mọi thứ bên trong đều nguyên vẹn. Tôi yêu cầu Thiếu tá Fred Allen của đội, người biết rõ Tướng Nguyễn Văn Vỹ, cố gắng gặp ông Vỹ hoặc tìm hiểu xem ông ấy đang làm gì. Ông Vỹ được báo cáo là đang thực hiện mệnh lệnh của Bảo Đại. Các quan chức đại sứ quán của chúng tôi đã nói với tôi rằng ông Vỹ đã đến Sài Gòn từ Đà Lạt với một tiểu đoàn Vệ binh Hoàng gia và đã tiếp quản quyền chỉ huy Quân đội Việt Nam, có lẽ để ngăn chặn cuộc phản công chống lại Bình Xuyên. Allen đã có những nỗ lực vô ích, dù đang ở trong thị trấn, nhưng ông Vỹ không thể hoặc không muốn gặp ông ấy. Sau đó, các sĩ quan Quân đội Việt Nam nói với tôi rằng ông Vỹ đang

ra lệnh với tư cách là một chỉ huy, nhưng không ai tuân theo chúng. Họ nói thêm rằng ông Vỹ đã bất thành trong việc cố gắng giải nhiệm Minh Lớn khỏi quyền chỉ huy quân đội chiến đấu chống lại Bình Xuyên trong thành phố, để thay thế anh ta bằng một trong những sĩ quan của ông Vỹ.

Sau khi trời tối, trong các trận chiến đêm khốc liệt, quân đội đã tấn công các thành trì của Bình Xuyên tại sông bạc Đại Thế Giới (*Grand Monde*) và tại Trường Trung học Petrus Ký, cả hai đều ở Chợ Lớn. Tướng Phương của Cao Đài đã ghé qua để kể cho tôi nghe về cuộc tấn công Petrus Ký, nói rằng một số người Pháp đã bị bắt ở đó cùng với Bình Xuyên. (Ngày hôm sau, ông Diệm xác nhận báo cáo này về những người Pháp tại Petrus Ký, cung cấp cho tôi tên của những người đang bị Quân đội Việt Nam giam giữ. Sau đó, ông ấy báo cáo rằng tổng cộng ba mươi bảy người Pháp cuối cùng đã được tìm thấy tại Petrus Ký, một số người trong số họ thừa nhận họ là thành viên của một tổ chức dân quân thuộc địa.)

Khuya hôm đó, tôi nhận được tin từ Washington. Có những lời thách thức dành cho tôi: thông điệp vô tuyến của tôi chứa những tuyên bố khác biệt với thông tin khác

đang nhận được; nếu đúng là ông Diệm còn sống, vẫn là người đứng đầu chính phủ và thực sự được quân đội quốc gia ủng hộ như tôi tuyên bố, thì tôi nên yêu cầu các quan chức cấp cao của Hoa Kỳ tại hiện trường xác nhận những tuyên bố của tôi. Tôi mệt mỏi tự hỏi làm thế nào tôi có thể khiến một số người Mỹ này nhìn thấy những gì đang ở ngay dưới mũi họ. Tôi chìm vào giấc ngủ với suy nghĩ về điều đó.

Sáng sớm hôm sau, ngày 29 tháng 4, tôi bị đánh thức bởi một tiếng ồn ào trên đường phố trước nhà tôi. Tôi nhìn ra ngoài. Khu phố chật kín người dọc theo vỉa hè và lề đường ở cả hai bên đường, nơi xe xích lô, taxi và thậm chí cả một chiếc xe tải cũ bị kẹt cứng trong khu vực đậu xe. Có một vài đám cháy nhỏ dựa vào tường vườn, nơi mọi người đang nấu bữa sáng. Tiên đoán đầu tiên của tôi là những người này là người tị nạn từ cuộc xung đột và đám cháy lớn ở Chợ Lớn, mà tôi đánh giá từ những vết nhòe trên bầu trời chắc hẳn vẫn đang cháy. Cuộc giao tranh cũng tiếp tục, âm thanh của nó rõ ràng trong không khí buổi sáng. Tuy nhiên, những người này không giống người tị nạn. Tôi không thấy trẻ em, không thấy bó đồ đạc nào.

Người giúp việc nhà tôi bước vào và nói với tôi rằng những người này đã bắt đầu đến trước bình minh. Không, họ không phải là người tị nạn. Họ đã đến nơi tôi sống để bảo vệ tôi vì những “tờ giấy” và các chương trình phát thanh. Anh ấy cho tôi xem một số “tờ giấy.” Chúng là những tờ rơi với nhiều kích cỡ khác nhau, một số từ máy in, số khác từ máy in ronéo, với tên tôi được hiển thị rõ ràng trong mỗi tờ. Có vẻ như các nhóm khác nhau đã cùng đưa ra một ý tưởng cùng một lúc là treo thưởng một khoản tiền lớn cho đầu của tôi. Các tờ rơi đã được phân phát đêm qua và sáng sớm nay. Đối với các chương trình phát thanh, đó là một lời kêu gọi mới hàng giờ trên đài phát thanh Bình Xuyên, treo thưởng một khoản tiền lớn cho bất kỳ ai đưa tôi đến Bình Xuyên còn sống. Các chương trình phát thanh nhanh chóng giải thích lý do tại sao tôi nên được đưa đến còn sống, phòng trường hợp người nghe hiểu sai rằng lực lượng gangster Bình Xuyên đang trở nên yếu đuối. Khán giả đài phát thanh được đảm bảo rằng tôi sẽ bị tra tấn thích đáng, cho đến khi, cuối cùng, bụng tôi sẽ bị xé toạc, ruột tôi bị nhét đầy bùn, và cơ thể tôi sẽ được thả trôi trên Kênh Đào (*Canal de Derivation*) cho mọi người xem.

Các tờ rơi và chương trình phát thanh đổ lỗi cho tôi về tất cả các rắc rối hiện tại ở Sài Gòn-Chợ Lớn.

Tôi ra ngoài đường để gặp đám đông trước nhà tôi. Họ là một số quan chức khu phố được bầu từ những ngày thành lập ủy ban hành động xã hội, những người đã đến từ khắp thành phố, cùng với các tài xế taxi và xích lô là bạn của gia đình Ocampo, và thậm chí là một nhóm quan chức ăn mặc chỉnh tề giải thích với tôi rằng họ là cư dân của một chung cư gần đó. Từ nhiều nhận xét của họ, tôi hiểu rằng tôi đại diện cho một điều gì đó “tốt” đối với họ và đã rõ ràng rằng “những kẻ xấu” đang tìm cách hủy diệt tôi. Họ không muốn điều đó xảy ra và đã ở nhà tôi để ngăn chặn nó.

Đó là một cách choáng váng để bắt đầu một ngày. Tôi chắc chắn đã đứng đó giữa họ trong vài phút, không thể nói nên lời. Đó là một trong những khoảnh khắc vĩ đại nhất trong cuộc đời tôi.

Khi cảm xúc của tôi đã được kiểm soát trở lại, tôi cảm ơn họ vì đã đến với tôi trong giờ phút cần thiết và hỏi liệu tất cả đã ăn sáng chưa. Có một tiếng đồng thanh xác nhận. Tôi trấn an họ rằng không cần phải canh gác ngôi nhà. Tôi đang rời đi để làm

nhệm vụ ở nơi khác trong thành phố, và tôi chắc chắn rằng họ có công việc riêng và gia đình riêng để chăm sóc trong ngày hôm đó. Tôi bước vào xe của mình, lùi ra, và lái xe xuống phố vẫy tay và mỉm cười. Khi tôi lái xe đi, đám đông đang giải tán.

Tôi đi vòng quanh các nhà của các quan chức cấp cao của Hoa Kỳ, để gặp họ trong bữa sáng hoặc trước khi họ rời nhà đi làm trong ngày. Đến bây giờ, đã có sự đồng thuận chung với những gì tôi đã báo cáo với Washington. (Việc Quân đội Việt Nam tấn công thành trì Bình Xuyên tại sông bạc Đại Thế Giới dường như đặc biệt thuyết phục về chất lượng chiến đấu của quân đội.) Quan chức duy nhất tôi bỏ lỡ là Tướng O'Daniel, người đã rời đi vài phút trước. Vợ ông, Ruth, nói với tôi: “Ông biết Mike cứ khi nào có quân đội chiến đấu. Ông ấy rất muốn ra khỏi nhà sáng nay.” Bà ấy chỉ cho tôi nơi mảnh đạn từ các vụ nổ cối đã rơi xuống xung quanh ngôi nhà, trên hiên nhà, trong sân. Bà ấy nhìn ra ngoài cửa một cách đắm chiêu vào buổi sáng đẹp trời, đầy nắng, nói rằng bà ấy đoán bà ấy nên ở bên trong như chồng bà ấy đã yêu cầu. Vẫn còn tiếng nổ cối, tiếng pháo kích âm âm, và tiếng nổ lách tách của vũ khí bộ binh không quá xa.

Tôi lái xe đến văn phòng của tôi tại TRIM để gặp Đại tá Kim và Rufe Phillips, để tôi có thể đưa họ ra MAAG ở đầu xa của Chợ Lớn cho cuộc họp với Tướng O'Daniel về việc lấy vật liệu cho cầu Bồng Sơn và các cây cầu khác trong Chiến dịch Giải Phóng. Giao tranh đang diễn ra xung quanh khu vực, vì vậy không có cảnh sát giao thông. Đó là một chuyến lái xe nhanh chóng đến khu phức hợp TRIM, kết thúc bằng một cảnh tượng hoàn toàn trái ngược với cảnh tượng ở nhà tôi. Một đám đông sĩ quan Pháp đã tụ tập trên đường phố trước văn phòng tôi. Một trong số họ bế một cô bé người Việt Nam nhỏ tuổi trên tay, chân cô bé chảy máu do vết thương từ mảnh đạn, và đang có một bài phát biểu đầy cảm xúc với những người khác. Ông ta nói: “Hãy nhìn những gì Lansdale đã làm. Hắn gây chiến với trẻ con!” Khi đám đông trừng mắt nhìn tôi, tôi đưa cô bé khỏi tay ông ta và trao cô bé cho Trung tá George Melvin, người đã đến, để ông ấy có thể đưa cô bé đến phòng khám của chúng tôi cách đó vài mét để điều trị. Việc mất đi công cụ hỗ trợ nhân đạo không ngăn được người phát biểu, người tiếp tục mô tả sự độc ác của tôi. Có vẻ như tôi đã chỉ đạo cuộc chiến chống lại Bình Xuyên, đồng thời trốn dưới gầm giường với

ông Diệm đang run rẩy, tay tôi nhỏ máu của những người vô tội, và phải chịu trách nhiệm cho “mọi thứ.” Kim và Phillips đứng gần đó, kinh ngạc trước lời công kích. Tôi nói với họ: “Chúng ta hãy ra khỏi đây. Chúng ta có cuộc họp với Tướng O’Daniel.”

Chúng tôi lên hai chiếc xe, Phillips đi cùng tôi và Kim trong một chiếc xe nhân viên Việt Nam. Kim đột nhiên nhảy ra khỏi xe nhân viên của mình và chạy đến chỗ chúng tôi. Vừa mới đến từ các hoạt động ở miền Trung Việt Nam, anh ấy đã quên mất tình hình trong thành phố. Chúng tôi sẽ phải lái xe qua các tuyến Bình Xuyên để đến MAAG, và chiếc xe quân đội Việt Nam của anh ấy chắc chắn sẽ bị bắn tan xác trong quá trình đó. Khi Kim bước vào xe cùng chúng tôi, tất cả chúng tôi đều cười ngượng ngịu. Chúng tôi đã suýt nữa ngu ngốc đến chết người.

Phía tây khu phức hợp TRIM, kiến thức mới thu thập được về các con phố trong thành phố của tôi đã trở nên hữu ích. Vài dãy nhà sẽ vắng bóng người, nhà cửa đóng kín. Sau đó sẽ có một dãy nhà với quân đội đang giao chiến. Phanh gấp. Lùi lại. Đi đường vòng. Thường xuyên binh lính sẽ ngược nhìn lên từ vũ khí họ đang bắn và

vẫy tay bảo chúng tôi đi khỏi. Chuyển đi trở thành một loạt các cuộc đi vòng. Tôi nhớ lại một con đường phía sau đến MAAG, qua các ngõ hẻm và làn đường gần như quá hẹp đối với một chiếc ô tô, sẽ đưa chúng tôi vào từ phía tây bắc. Tuyến đường yên bình cho đến khi tôi rẽ góc cuối cùng ngay trước khi đến MAAG – và lái xe đưa chúng tôi thẳng vào giữa một chướng ngại vật bao cát đầy rẫy quân Bình Xuyên! Khi chúng chia vũ khí về phía chúng tôi, tôi mỉm cười nụ cười số một của mình, vẫy tay, nói một lời chào “chào các chàng trai” vui vẻ, và lái xe chậm chậm vòng qua vị trí bao cát. Họ đứng nhìn chúng tôi. Tôi tiếp tục lái xe. Trong chốc lát, chúng tôi đã ở trụ sở MAAG. Lính Bình Xuyên, nằm phục kích sau một khẩu súng máy trên vỉa hè, thậm chí còn không ngược nhìn khi chúng tôi lái xe vào cổng.

Ngay sau khi chúng tôi ngồi xuống với Tướng O'Daniel để thảo luận về vật liệu làm cầu, khu phố xung quanh MAAG đã biến thành một bãi chiến trường. Chúng tôi phải hét lên để nghe thấy nhau qua tiếng ồn của súng máy và lựu đạn nổ. Tôi xin phép rời khỏi hội nghị và đi đến phòng vệ sinh nam ở phía sau tòa nhà. Tôi phát hiện ra rằng cửa sổ phía trên bồn tiểu có một tầm nhìn tuyệt

vời ra một điểm mạnh Bình Xuyên gần đó, nơi những người phòng thủ đội mũ nổi xanh đang bận rộn bắn xối xả xuống đường. Tôi quay lại hội nghị và thúc giục O'Daniel đi đến phòng vệ sinh để có một cách độc đáo để xem một trận chiến. Ông ấy đã làm theo, sau khi nhìn tôi nghi ngờ. Nhìn ra ngoài cửa sổ, ông ấy nói với tôi, quái quỷ, không có gì để xem cả. Tôi nhìn lại. Bình Xuyên đã bỏ trống tiền đồn trong vài khoảnh khắc tôi đi vắng. Những người phòng thủ trước đây rõ ràng đã giật phăng mũ nổi của họ khi họ chạy trốn. Các vị trí bao cát đầy đầy mũ nổi xanh.

Tiếng súng trong khu phố giảm dần khi hội nghị của chúng tôi kết thúc. Tôi dành khoảng một phút riêng tư với O'Daniel, kể cho ông ấy nghe về thông điệp vô tuyến gửi cho tôi từ Washington. Điều đó dường như làm ông ấy ngạc nhiên. Ông ấy có những quan điểm rất tích cực về lòng trung thành và khả năng của Quân đội Việt Nam, điều này trùng hợp với quan điểm của tôi.

Khi chúng tôi rời MAAG, trẻ em đã ra ngoài vỉa hè và đường phố, hào hứng nhặt các vỏ đạn bằng đồng thau từ đạn đã bắn hết. Cột cờ trong sân đã bị trúng đạn, nhưng cờ Mỹ vẫn đang bay. Một tiểu đội lính Quân đội Việt Nam đang di chuyển về phía tây

dọc theo đường phố, hướng về phía âm thanh chiến đấu bây giờ đã cách đó vài dặm nhà. Tôi đưa Kim và Phillips trở lại TRIM, nơi họ có thể hội ý với nhân viên của tôi về các nhu cầu hoạt động khác ở miền Trung Việt Nam. Việc lái xe qua các đường phố dễ dàng hơn nhiều. Chỉ còn lại một vài thành trì của Bình Xuyên ở các khu vực chính của thành phố.

Khi tôi trở về nhà riêng trên đường Duy Tân, không có đám đông sáng sớm nào ở trước nhà. Con phố một lần nữa trở nên yên tĩnh, hẻo lánh như chính nó. Người bảo vệ tạm thời, Proc Mojica, đang ngủ say sau nhiệm vụ canh gác dài, cảnh giác đêm hôm trước. Tôi đặt một tách cà phê và một tập giấy lên bàn ăn và vừa mới ngồi xuống để viết một số ghi chú về tình hình thay đổi trong thị trấn thì Đại tá Jean Leroy bước qua cửa. Tôi liếc nhìn ra cửa, người lãnh đạo du kích này đã giới thiệu tôi với Hòa Hảo và người mà giờ đây được báo cáo là đã gia nhập lực lượng với Bình Xuyên. Một tiểu đội lính của ông ta, vũ trang hạng nặng, đã chiếm các vị trí canh gác dọc theo mặt trước nhà tôi.

Leroy bảo tôi đi cùng ông ấy đến Bình Xuyên. Vì đài phát thanh Bình Xuyên vẫn

đang phát sóng những lời đe dọa rùng rợn về việc mổ bụng tôi, tôi nói với Leroy: “Không, cảm ơn. Tôi không đi đâu.” Tôi nói thêm rằng tôi lo lắng cho sự an toàn của chính ông ấy và kể cho ông ấy nghe về thành công mà quân đội đang có trong việc đánh bại Bình Xuyên. Leroy và người của ông ta đang liều mạng mỗi phút họ ở trong khu vực này. Ông ấy nên đến một khu vực an toàn ngay lập tức. Leroy cười toe toét và lặp lại yêu cầu đi cùng ông ấy. Một lần nữa tôi từ chối, nói rằng chúng tôi là bạn tốt đến mức tôi không thể chống cự vì nếu tôi làm vậy thì cả hai chúng tôi đều sẽ bị thương. Đến lúc đó, chúng tôi đang đứng mặt đối mặt trong phòng khách. Tay tôi chỉ cách vài inch so với một số lựu đạn tôi đã giấu trên một gờ sau rèm cửa sổ. Tại thời điểm này, Bohannon và một số sĩ quan nhân viên của tôi bước vào hiện trường. Bohannon nói rằng tôi thực sự không cần tất cả những người bảo vệ có vũ trang đó trước nhà, bởi vì Bình Xuyên đang tháo chạy. Tôi nói với ông ấy rằng những người “bảo vệ” sắp rời đi. Tôi khoác tay qua vai Leroy và dẫn ông ấy ra cửa, nơi chúng tôi nói lời tạm biệt. Ông ấy và quân đội của ông ta lao đi trong những chiếc xe jeep của họ.

Tôi không gặp lại Leroy trong mười năm, khi chúng tôi gặp nhau ở Washington để uống một ly vì “những ngày xưa.” (Leroy đã phải chạy trốn khỏi Việt Nam vào năm 1955, và ông ấy đã tìm đường đến Pháp. Ông ấy và người của ông ta trở thành nhà thầu xây dựng ở Pháp, nhanh chóng học hỏi các kỹ năng, và đã thành công trong cuộc sống xa nhà.)

Chiều hôm đó, Conein và Allen trong đội của tôi đã có cuộc nói chuyện với Tướng Nguyễn Văn Vỹ, người được cho là đang cố gắng nắm quyền chỉ huy Quân đội Việt Nam cho Bảo Đại và ngăn chặn cuộc chiến chống lại Bình Xuyên. Họ nói với tôi rằng ông Vỹ đã nhận được một số lựu pháo bọc thép từ quân đội Pháp, những người háo hức đáp ứng bất kỳ yêu cầu nào của ông ấy, và, trước sự kinh hoàng của người Pháp, ông ấy đã chuyển những khẩu lựu pháo này cho Quân đội Việt Nam. Quân đội ngay lập tức bắt đầu sử dụng lựu pháo để chống lại các thành trì Bình Xuyên còn lại trong thành phố. Rõ ràng ông Vỹ, khi đến bước đường cùng, nhận thấy rằng trái tim ông ấy thuộc về đồng đội của mình trong Quân đội Việt Nam. Thay vì tham gia vào toàn bộ trò chơi chính trị phức tạp mà Bảo Đại, Bình Xuyên và người Pháp

mong đợi ở ông ấy, ông Vỹ đã hành động để đảm bảo rằng quân đội ít nhất sẽ thắng trận chiến trong thành phố. Nhưng ông Vỹ vẫn quyết tâm nắm quyền chỉ huy dưới danh nghĩa Bảo Đại, và các chỉ huy chiến đấu của quân đội vẫn từ chối tuân lệnh ông ấy. Khi tôi nghe điều này, tôi kết luận rằng ông Vỹ đang cố gắng hành động một cách danh dự dưới những mệnh lệnh mà hầu như không thể tuân theo một cách danh dự.

Chiều muộn, ông Diệm yêu cầu tôi đến dinh. Nó trông giống như một bãi chiến trường. Có những hố đạn pháo và rác rưởi quân sự trong vườn, lối đi bộ, và đường lái xe và những vết cứt lớn trên tường dinh. Cửa sổ bị đóng kín, các vị trí phòng thủ bao cát có thể được nhìn thấy khắp khuôn viên dinh, và quân đội vũ trang hạng nặng rất rõ ràng. Một trung đội được đào hầm ở cổng trước, rõ ràng là không mong đợi những vị khách thân thiện. Tôi cố gắng lách xe qua họ và đi vào khuôn viên.

Ông Diệm gặp tôi trong một hốc nhỏ bên ngoài phòng ngủ của ông ấy, nơi có một cái bàn nhỏ, mặt bàn chất đống những tập giấy lớn. Ông ấy đang làm hầu hết công việc hàng ngày của mình ở nơi che chắn này, nơi tương đối an toàn khỏi đạn bắn và đạn pháo.

Tôi nhìn ông ấy kỹ để xem ông ấy đang chịu đựng căng thẳng như thế nào. Ông ấy đã không ngủ đêm hôm trước và đôi mắt mệt mỏi của ông ấy thể hiện điều đó. Thay vì đi đi lại lại và cử chỉ mạnh mẽ, như ông ấy thường làm, ông ấy ngồi trên ghế, dáng người hơi khom xuống. Khuôn mặt và giọng nói của ông ấy cho thấy kết quả của sự tổn thương cảm xúc mà ông ấy đã phải chịu đựng. Có những vết hằn căng thẳng quanh mắt và miệng. Lời nói của ông ấy chậm hơn bình thường rất nhiều.

Hốc nhỏ buộc chúng tôi phải có một sự thân mật. Hầu như không có chỗ cho ghế và bàn của ông ấy, chứ đừng nói đến đồ nội thất khác. Hai chiếc ghế hẹp được mang vào cho Redick và tôi. Chúng tôi chen chúc vào và ngồi đầu gối chạm đầu gối với ông Diệm.

Ông Diệm nói rằng Quân đội Việt Nam đã tiến xa đến Arroyo Chinois (Kênh Tàu Hủ) ở Chợ Lớn, nhưng quân đội đã kiệt sức và cần được nghỉ ngơi trước khi cố gắng vượt qua. Bình Xuyên vẫn giữ cầu Y và phần phía nam thành phố ngoài các kênh rạch và rạch. Quân đội sẽ cố gắng vượt qua vào sáng sớm. Một số binh lính Bình Xuyên của Đại tá Thái Hoàng Minh đã tìm cách vượt qua kênh sang phía Quân đội Việt Nam, như ông

ấy đã sắp xếp. Nhiều người khác đang đến nhưng phải chiến đấu mở đường xuyên qua các binh lính Bình Xuyên khác để đến các tuyến của Quân đội Việt Nam.

Ông Diệm có tin xấu về sĩ quan Bình Xuyên này, Minh. Rõ ràng Minh đã về nhà để đón vợ trước khi vượt qua các tuyến quân đội. Một số vệ sĩ của Bảy Viễn đã chờ sẵn ở đó. Một nhân chứng báo cáo rằng Minh và vợ ông ấy đã bị bắt, bị quấn trong dây xích xe đạp, bị đánh đập dã man trong khi nằm bất lực trên mặt đất, và sau đó bị đẩy vào một chiếc xe đã lái đi. Có lẽ, Minh và vợ ông ấy đã chết, hoặc sẽ sớm chết.

Giọng ông Diệm trĩu nặng cảm xúc khi ông ấy nói với tôi điều này. Tôi đề nghị rằng điều thông minh nhất ông ấy có thể làm ngay lúc đó là ngủ một giấc ít nhất một giờ. Ông ấy trả lời rằng ông ấy muốn làm như vậy, nhưng ông ấy thực sự đã yêu cầu tôi gặp ông ấy về một vấn đề khác. Liệu tôi có thể vui lòng chờ trong khi ông ấy kể cho tôi nghe về điều đó không? Nước mắt đã trào ra trong mắt ông ấy khi ông ấy nói. Tôi gật đầu đồng ý. Chúng tôi ngồi đó im lặng trong vài khoảnh khắc.

Cuối cùng ông Diệm với tay đến chiếc bàn lộn xộn của mình và nhặt một bức điện

tín dài. Với giọng ghen ngào, ông ấy nói đó là một bức điện tín từ Bảo Đại. Ông ấy đọc to. Rõ ràng là tác giả đã soạn thảo nó trong cơn thịnh nộ tàn bạo. Nó tuyên bố rằng ông Diệm đã được chọn làm người đứng đầu chính phủ để đoàn kết và giúp đỡ phúc lợi của người dân Việt Nam. Thay vì hành động nhân từ đó, ông ấy đã làm gì? Ông ấy đã bất tuân đối với mong muốn của Bảo Đại, đã xa lánh tình bạn của Pháp, và đã hành động như một quái vật, đẩy người Việt Nam ôn hòa vào nỗi kinh hoàng của cuộc xung đột huynh đệ tương tàn. Bàn tay cố chấp của ông ấy đang nhỏ máu của đồng bào vô tội của mình. Hàng ngàn người khác mất nhà cửa khi nhà của họ bị cháy trong các đám cháy mà ông ấy đã gây ra. Nỗi đau khổ của họ đổ lên đầu ông ấy. Thay vì là một nhà lãnh đạo tốt, ông ấy đã mang lại thảm họa. Do đó, ông ấy phải rời Sài Gòn ngay khi nhận được điện tín này và đi chuyển bay đầu tiên đến Pháp, nơi ông ấy phải báo cáo ngay lập tức cho Bảo Đại. Ông Diệm phải chuyển giao chính phủ cho người thích hợp, người mà Bảo Đại đã chỉ định. Đó là Tướng Vỹ.

Khi đọc xong bức điện tín, ông Diệm nhìn tôi cầu khẩn. Tôi nhận xét nhẹ nhàng rằng thời khắc quyết định thực sự của ông ấy

đã đến. Nếu ông ấy đang tự hỏi phải làm gì – như tôi suy đoán từ ánh mắt trên khuôn mặt ông ấy – tôi có một gợi ý để hỗ trợ suy nghĩ của ông ấy. Ông ấy có thể xem xét lại các hành động của mình đã dẫn đến khoảnh khắc này, đánh giá từng hành động dựa trên giá trị đạo đức hay khiếm khuyết đạo đức của nó và dựa trên cách nó ảnh hưởng đến đa số người dân. Khi làm điều này, ông ấy sẽ đi đến tổng thể của sức mạnh hay điểm yếu của vị trí hiện tại của mình và, từ tổng thể này, có thể đưa ra quyết định của mình. Với tư cách là các nhà lãnh đạo quốc gia, ông ấy và Bảo Đại phải nghĩ đến lợi ích lớn hơn. Nếu điều đó giúp ích, tôi sẽ ngồi với ông ấy như một người bạn trong khi ông ấy suy nghĩ kỹ lưỡng về điều này.

Ông Diệm chạm vào đầu gối tôi bằng tay, ra hiệu cho tôi ở lại. Chạm rài, đau đớn, ông ấy kể lại cho tôi những hành động trong quá khứ của mình có liên quan đến cuộc khủng hoảng hiện tại. Đó là một quá trình dài.

Dần dần, các nguyên tắc mà ông ấy đã tuân theo và, về cơ bản, tạo nên vấn đề đang bị đe dọa đã xuất hiện. Quyền lực chính phủ nên được sử dụng vì lợi ích của những người bị cai trị. Nếu chính phủ chuyển giao trách nhiệm về an toàn công cộng của mình cho

những kẻ sẵn mỗi công chúng, một chính phủ như vậy sẽ ngừng hành động vì lợi ích của những người bị cai trị và do đó không còn trung thực với sự ủy thác của người dân nữa. Việc giao quyền cảnh sát cho Bình Xuyên là vô nguyên tắc, nhưng việc lấy lại chúng từ Bình Xuyên và biến chúng thành trách nhiệm của chính phủ là có nguyên tắc. Nếu ông Diệm rời Việt Nam, quyền cảnh sát chắc chắn và sai lầm sẽ trở lại với Bình Xuyên. Trong mắt người dân, sẽ không có cơ sở đạo đức nào để chính phủ có thể cai trị. Chính phủ Việt Nam không được dựa trên những ý tưởng bị người dân khinh miệt. Với một cơ sở đạo đức vững chắc trong chính phủ, người dân sẽ muốn tham gia vào đó nhiều hơn và nên làm như vậy. Nếu không, tự do sẽ thất bại.

Em trai của ông Diệm, Ông Nhu, đến ngưỡng cửa vào thời điểm này. Ông ấy cũng dường như đã phải chịu một tổn thương cảm xúc. Ông ấy mệt mỏi dựa vào khung cửa, không còn trông giống như một diễn viên chính trẻ con đóng vai bác sĩ phẫu thuật trẻ tuổi hay nghị sĩ năm nhất trong một bộ phim Hollywood, như ông ấy thường làm. Đây là một người đàn ông khác đã cạn kiệt sức lực. Khi Ông Nhu thu hút được sự chú

ý của ông Diệm, ông ấy nói với ông Diệm rằng đài phát thanh Bình Xuyên đang phát sóng nội dung của bức điện tín Bảo Đại. Rõ ràng những người của Bảo Đại có liên quan đến Bảy Viễn đã nhận được một bản sao. Ông Diệm nghiêng rằng trước tin tức này. Quốc trưởng của ông ấy đã cung cấp thông điệp được mã hóa này cho những kẻ đang cố gắng hủy diệt ông ấy. Đó hẳn là giọt nước tràn ly quyết định. Ông Diệm nói quả quyết rằng ông ấy sẽ ở lại Sài Gòn và sẽ tiếp tục điều hành chính phủ. Tôi hỏi ông ấy liệu ông ấy có chắc chắn về quyết định của mình không. Ông ấy chắc chắn. “Tôi biết tôi đang làm điều đúng đắn!”

Tôi rời dinh và bắt tay vào nhiệm vụ thông báo cho giới lãnh đạo Hoa Kỳ về tình hình ở Sài Gòn. Sau khi đưa tin về quyết định của ông Diệm cho Randy Kidder, phó đại sứ quán, người đứng đầu tạm thời khi Collins vắng mặt, tôi đã gửi một thông điệp riêng của mình đến Washington, tổng hợp những gì tôi đã nghe từ ông Diệm và những gì tôi đã thấy về một quân đội trung thành đang đuổi Bình Xuyên ra khỏi thành phố.

Hẳn đây là thông điệp cụ thể mà Ngoại trưởng John Foster Dulles đã đề cập với tôi nhiều tháng sau đó. Nhân viên của ông ấy

đã mang thông điệp của tôi đến cho ông ấy trong khi ông ấy đang dự một bữa tiệc tối. Sau khi đọc nó, ông ấy đã xin lỗi và đi đến Nhà Trắng để gặp Tổng thống và thông báo cho ông ấy. Tổng thống Eisenhower sau đó đã đưa ra quyết định ủng hộ ông Diệm, trong khả năng của Hoa Kỳ. Trước đó, Tổng thống đã cho đại diện của mình, Tướng Collins, toàn quyền trong vấn đề chính trị này. Dulles nói với tôi rằng Collins đã thảo luận với ông ấy về việc thành lập một chính phủ liên hiệp ở Sài Gòn. Quyết định cuối cùng của Tổng thống đã đến sau khi Collins rời Washington và đang trên đường trở lại Sài Gòn. Không có cuộc thảo luận cấp cao nào ở Washington này được tôi biết ở Sài Gòn vào thời điểm đó. Tôi đã không tin các báo cáo của ông Diệm từ Washington rằng Hoa Kỳ sắp “loại bỏ” ông ấy và đã nghĩ rằng tôi đang thành thật khi tôi bày tỏ sự không tin của mình. Từ những điều nhỏ nhặt tôi từng học được, cuối cùng tôi đã kết luận rằng vai trò vô tình của tôi là một quân tốt thí trong một trò chơi chính trị.

Đêm đó, Trình Minh Thế ghé qua nhà tôi một lúc. Ông ấy muốn tôi biết rằng ông ấy đã đưa hai tiểu đoàn Liên Minh của mình, 1.300 người, vào thị trấn từ vùng ngoại ô.

Ông Diệm đã yêu cầu ông ấy đi vòng ra phía sau lực lượng Bình Xuyên và ngăn chặn chúng di chuyển ra khỏi thành phố trở về những nơi ẩn náu g cũ của bọn cướp sông giữa Sài Gòn và Biển Đông. Xe tăng Pháp đã chặn sự di chuyển của các tiểu đoàn Liên Minh dọc theo các con đường tỉnh đến nơi trú ẩn của cướp sông (chẳng hạn như rừng Sác), vì vậy Thế đã lên vào thành phố sau khi trời tối cùng với quân đội của mình. Ông ấy hy vọng tìm được cách nào đó để tấn công sườn lực lượng Bình Xuyên và xuống sông phía sau chúng. Tôi chúc ông ấy may mắn. Ngay sau khi ông ấy rời đi, tôi bắt đầu nhận được các cuộc gọi điện thoại. Tin đồn lan truyền chóng mặt trong cộng đồng Mỹ và Pháp rằng những du kích man rợ trong đồ bà ba đen đang ở trong thị trấn thực hiện một “đêm của những con dao dài” trong đó tất cả chúng tôi sẽ bị cắt cổ. Tôi đã cố gắng hết sức để trấn an những người gọi điện rằng quân đội đồ bà ba đen là một phần của lực lượng quân đội đang bảo vệ thành phố. Cuối cùng, tôi chỉ đơn giản là ngừng trả lời điện thoại và đi ngủ.

Các chương trình phát thanh Bình Xuyên về thông điệp lãng mạn của Bảo Đại gửi cho ông Diệm, cùng với sự hiện diện của

lực lượng Pháp trong thủ đô Việt Nam và sự tàn bạo của cuộc giao tranh đường phố giữa Quân đội Việt Nam và Bình Xuyên, đã làm bùng nổ một cảm xúc lẫn lộn. Bản thân vụ nổ đã đến vào ngày cuối cùng của tháng Tư và tiếp tục cho đến ngày 4 tháng 5, dưới hình thức một loạt các hành động chính trị điên cuồng của những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Đến ngày 4 tháng 5, các sự kiện chính trị ở Việt Nam đã không giống bất cứ điều gì mọi người đã hình dung. Ngay cả đến ngày 2 tháng 5, khi Đại sứ Collins trở về từ Washington, đó là một Việt Nam hoàn toàn khác so với nơi ông ấy đã rời đi. Diễn biến sự việc đã vượt xa tầm kiểm soát của các chuyên gia và các quan chức nhìn nhận vấn đề một cách tổng quát.

Có hai lực lượng phân cực với những cái tên tương tự đang bận rộn ở Việt Nam trong giai đoạn sôi nổi này, mỗi lực lượng làm việc với năng lượng cuồng nhiệt. Một là Ủy ban Cách mạng (*Revolutionary Committee*), bao gồm một số nhà tư tưởng chính trị bốc lửa hơn trong số Hòa Hảo và Cao Đài đã ủng hộ ông Diệm chống lại Bình Xuyên. Có lẽ người chu đáo nhất trong số này là Nguyễn Bảo Toàn, người tổ chức một đảng chính trị cấp cơ sở trong số những người

theo Hòa Hảo của Tướng Nguyễn Ngọc Ngo. Tướng Thế và Phương đã tham gia vào Ủy ban Cách mạng mới này. Nó muốn có một số hành động nhanh chóng. Bảo Đại bị tuyên bố phế truất. Ông Diệm được coi là đã từ chức vào ngày 29 tháng 4. Một chế độ mới sẽ nắm quyền, mặc dù có cuộc tranh luận dữ dội về thành phần của chế độ mới này. Ông Diệm có thể được Ủy ban Cách mạng bầu làm Tổng thống. Hoặc bản thân ủy ban có thể cai trị, với sự ủng hộ lập pháp của một cơ quan cách mạng mở rộng có ba đại diện từ mỗi tỉnh ở Việt Nam. (Mặc dù được gọi là Ủy ban Cách mạng, tên chính thức hơn của nó là “Tổng hội Lực lượng Cách mạng Dân chủ,” với cơ quan chính bao gồm ba trăm nhà ái quốc trẻ tuổi nói rằng họ đại diện cho mười tám đảng chính trị dân tộc.)

Lực lượng phân cực kia là Phong trào Cách mạng Quốc gia (*National Revolutionary Movement*), được khơi dậy bởi Ngô Đình Nhu và Trần Quốc Bửu, lãnh đạo Tổng Liên đoàn Lao công Việt Nam, cùng với những người khác. Nó thành lập các nhóm cách mạng ở một số tỉnh lỵ và trong các công đoàn lao động của Sài Gòn-Chợ Lớn và lên kế hoạch tổ chức một Đại hội Cách mạng tại Sài Gòn vào ngày 1 tháng 5, với hàng ngàn

người tham gia. Mục tiêu ban đầu của nó là tập hợp sự ủng hộ cho Ngô Đình Diệm và sau đó lên kế hoạch bầu cử quốc gia cho một hình thức chính phủ cộng hòa. Bảo Đại sẽ phải tự mình chịu rủi ro cùng với các ứng cử viên khác, mặc dù nhiều nhà cách mạng trong phong trào này vô cùng tức giận về các hoạt động gần đây của Bảo Đại. “Ngu ngốc” là một trong những nhãn mác nhẹ nhàng hơn mà họ dành cho ông ấy. Các phái đoàn đã đến Sài Gòn cho đại hội ngày 1 tháng 5, nhưng điều kiện chiến đấu trong thành phố thủ đô quá nổi bật để làm cho một cuộc tụ họp lớn khả thi. (Mấy ai thích gặp gỡ đồng nghiệp của mình tại một mục tiêu pháo binh?) Đại hội Cách mạng cuối cùng đã được triệu tập vào ngày 4 tháng 5, với khoảng sáu trăm đại biểu từ các tỉnh và công đoàn tham dự. Nghị quyết chính là ủng hộ ông Diệm. Trong những ngày ngay sau đó, các cuộc biểu tình quần chúng rầm rộ đã diễn ra ở gần như mọi thành phố và tỉnh lỵ của miền Nam Việt Nam, liên minh với Phong trào Cách mạng Quốc gia.

Vào ngày 2 tháng 5, Dinh Độc Lập là bối cảnh cho một vở kịch truyền hình khó tin. Ủy ban Cách mạng đã đến đó để yêu cầu ông Diệm “cúi đầu trước ý chí của họ, vì lợi ích

của người dân.” Ủy ban phát hiện ra sự hiện diện của một vị khách khác, Tướng Nguyễn Văn Vỹ, người vừa nhận được sự thúc đẩy thêm từ Bảo Đại. Ông Vỹ nói với ông Diệm rằng ông ấy sẽ phải rời khỏi Việt Nam. Ông Vỹ sẽ tiếp quản chính phủ với “quyền lực tối cao.” Ông ấy có 1.500 lính Vệ binh Hoàng gia được triển khai gần đó trong khu vực an ninh Pháp, nơi Quân đội Việt Nam bị cấm vào. Các thường dân trong ủy ban, vung vẩy súng lục, ngay lập tức tuyên bố bắt giữ ông Vỹ. Đổi lại, ông Vỹ ngay lập tức tuyên bố ủy ban là bất hợp pháp và ông ấy không công nhận quyền lực của họ. Đúng lúc này, các thành viên của Bộ Tổng Tham mưu Việt Nam gọi điện đến dinh để mời ông Vỹ dùng bữa tối, để kỷ niệm những khẩu lựu pháo được chuyển giao cho quân đội nhờ những nỗ lực của ông ấy. Ông ấy nói với họ rằng ông ấy nghi ngờ mình không thể dùng bữa với họ, vì ông ấy đang bị bắt giữ bởi cái gọi là Ủy ban Cách mạng. Các sĩ quan Bộ Tổng Tham mưu nói rằng họ sẽ gửi lính quân đội đến dinh và giải cứu ông ấy.

Hai người Mỹ, những người bạn nhà báo của tôi là John Mecklin và Howard Sochurek, đã có mặt tại dinh khi điều này đang diễn ra. Sochurek bận rộn với máy ảnh của mình,

ghi lại cảnh tượng (một bức ảnh sau đó đã được xuất bản làm trang giữa trong một số báo *Life*). Mecklin tìm thấy một chiếc điện thoại và gọi cho tôi tại nhà tôi trên đường Duy Tân để mô tả cảnh tượng. Tôi yêu cầu anh ấy để tôi nói chuyện với Trình Minh Thế và thông dịch viên Hoài của ông ấy. Tướng Thế đến điện thoại và, qua Hoài, nói với tôi rằng những người cách mạng đi cùng ông ấy đang bí về việc phải làm gì tiếp theo, vì Quân đội đang đến dinh và họ có thể tự kết thúc bằng việc trở thành thương vong hoặc tù nhân. Tôi nói với ông ấy rằng đó nghe có vẻ là một tình huống khó xử chết tiệt để ông ấy bị mắc kẹt vào và đề nghị ông ấy đưa ủy ban ra khỏi dinh ngay lập tức. Nếu muốn, ông ấy có thể đưa họ đến nhà tôi để ăn tối. Tướng Thế nói rằng họ sẽ đến ngay, nhưng xin hãy giữ máy, ông Diệm muốn nói chuyện với tôi. Ông Diệm cầm điện thoại. Ông ấy nói rằng ông ấy vẫn ổn và, bây giờ ủy ban đang rời đi đến nhà tôi, ông ấy sẽ giải quyết tình hình nhanh chóng. Ông ấy đã yêu cầu ông Vỹ dùng bữa tối với ông ấy hoặc rời đi nhanh chóng cùng với ủy ban. Dù thế nào đi nữa, ông Diệm lúc này không nhận lệnh từ ông Vỹ hay bất cứ ai khác.

Các thành viên của Ủy ban Cách mạng

đã đến ngay sau đó. Đầu bếp của tôi đã ứng biến một bữa tối vội vàng bằng cách mượn thức ăn từ hàng xóm, chúng tôi ăn theo kiểu tiệc đứng trong khi ngồi xung quanh và nói chuyện. Sau khi lắng nghe những người cách mạng hào hứng, tôi thúc giục họ lập kế hoạch kỹ lưỡng hơn trong tương lai và đề nghị họ nên khôn ngoan khi hợp nhất với Phong trào Cách mạng Quốc gia. Bằng cách nào đó, tất cả những người cách mạng dân tộc Việt Nam sẽ phải làm việc như một đội. Sau bữa tối, ủy ban rời đi, nói rằng họ sẽ tổ chức một cuộc họp bí mật. Sau đó tôi được biết rằng họ đã soạn một bản tuyên ngôn ngắn và, khoảng nửa đêm, bắt đầu in nó dưới dạng tờ rơi. Nhưng vì các sự kiện vào ngày 3 tháng 5, chỉ một số ít tờ rơi được phát hành.

Sáng ngày 3 tháng 5, Đại sứ Collins đã họp với “Đội Quốc gia” (*Country Team*) của mình, bao gồm các sĩ quan chính trong Phái bộ Hoa Kỳ. Ông ấy đã vắng mặt ở Sài Gòn trong hai tuần và mở đầu cuộc họp bằng nhận xét rằng ông ấy thấy tất cả chúng tôi khá thay đổi trong thái độ kể từ lần cuối ông ấy gặp chúng tôi. Rõ ràng, ai đó đã gây ra một cuộc cách mạng ngay cả trong số những người Mỹ chúng tôi. Ông ấy lịch sự từ chối giải thích nhận xét của mình khi tôi

hỏi ông ấy đang nói về điều gì. Sau đó, ông ấy nói với chúng tôi về các chỉ đạo chính sách hiện tại của Hoa Kỳ tại Việt Nam, đã được chuyển đến ông ấy trong một thông điệp vô tuyến khi ông ấy đến nơi. Chúng tôi phải ủng hộ Ngô Đình Diệm trong cuộc khủng hoảng hiện tại. Chúng tôi phải giúp giảm bớt cảm xúc chống Pháp trong người Việt Nam. (Đến lúc này, có sự thể hiện công khai đáng kể của người dân chống lại Pháp ở Sài Gòn. Về phần mình, người Pháp dường như đã bỏ qua mối liên hệ giữa hành vi của chính họ và phản ứng của người Việt Nam và bị thuyết phục rằng, bằng một phép màu nào đó, tôi đã chịu trách nhiệm cá nhân cho tình thế chính trị tồi tệ của họ. Một số người tuyên bố tôi đang cố gắng bắt đầu Thế chiến III.)

Chiều ngày 3 tháng 5, Trình Minh Thế bất ngờ đến nhà tôi. Ông ấy có một vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết. Với tuyên bố đó, ông ấy trải một bản đồ trên bàn ăn. Khi ông ấy làm phẳng bản đồ, một vết thương nhẹ trên tay khiến máu chảy nhỏ giọt từ các ngón tay. Tôi băng bó tay cho ông ấy trong khi ông ấy nói chuyện.

Ông ấy nói rằng ông ấy vẫn đang theo lệnh phải đi vòng ra phía sau Bình Xuyên

và chặn đường rút của chúng đến các pháo đài dưới sông cũ. Tuy nhiên, sáng hôm đó, Quân đội Việt Nam đã bảo ông ấy đi sườn trái, với hai tiểu đoàn ông ấy có trong thị trấn, khi quân đội vượt kênh để đẩy Bình Xuyên ra khỏi các vị trí ở các quận và vùng ngoại ô ngay phía nam thành phố. Họ phải vượt qua hai con kênh và sau đó lao xuống Quốc lộ 15 đến Nhà Bè, rất xa phía sau Bình Xuyên.

Ông ấy và quân đội của mình đã di chuyển qua khu vực bờ sông của Sài Gòn sáng hôm đó, qua các vị trí của Pháp trong thành phố, và đến cầu Tân Thuận Đông bắc qua Kênh Đào (*Canal de Derivation*), gần nơi kênh gặp sông Sài Gòn. Bình Xuyên có một pháo đài ngay bên kia cầu. Trình Minh Thế đã di chuyển khoảng một nửa tiểu đoàn qua cầu, để tấn công pháo đài, thì ba tàu pháo Bình Xuyên xuất hiện. Các tàu pháo đã bắn vào cầu. Có nhiều thương vong. Việc vượt kênh đã bị ngừng lại. Làm thế quái nào ông ấy có thể chống lại những chiếc tàu pháo đó? Người của ông ấy đang chết ở ngoài đó ngay bây giờ.

Tôi nói với ông ấy rằng ông ấy cần pháo binh để vừa giải quyết các tàu pháo vừa hỗ trợ cuộc tấn công vào pháo đài. Ông ấy nói

rằng ông ấy đã đến trụ sở Quân đội Việt Nam van xin họ cung cấp pháo binh nhưng được cho biết không có khẩu pháo nào sẵn sàng cho ông ấy sử dụng vào lúc này. Ông ấy sẽ phải xoay sở mà không có pháo binh. Sau này, khi có thể, quân đội sẽ cố gắng di chuyển một số pháo binh để hỗ trợ ông ấy.

Tôi hỏi ông ấy vũ khí lớn nhất của ông ấy là gì. Ông ấy có hai xe trinh sát bọc thép với súng máy .50-cal. (*cỡ nòng 12.7mm*). Đó là vũ khí nặng nhất của ông ấy. Tôi nói, ông ấy sẽ phải tận dụng tốt nhất những vũ khí này, như một biện pháp tạm thời cho đến khi ông ấy nhận được sự hỗ trợ pháo binh. Súng máy .50-cal. sẽ phải tập trung hỏa lực vào lớp giáp bảo vệ kíp súng trên các tàu pháo. Nếu có thể, ông ấy nên cố gắng lấy một số bazooka từ quân đội và thêm hỏa lực của chúng vào hỏa lực của súng máy hạng nặng. Dưới hỏa lực bao che này, ông ấy nên cố gắng đưa người của mình ra khỏi cái bẫy chết người trên cầu. Sau khi tập hợp lại lực lượng, ông ta phải yêu cầu hỗ trợ pháo binh trước khi thử lại phương án tấn công tầm xa, để bị lộ diện đó lần thứ hai.

Trình Minh Thế gật đầu đồng ý. Chúng tôi ôm nhau để khích lệ. Ông ấy chạy ra đường, nhảy lên một chiếc jeep, và lái xe đi. Tôi

chạy ra xe riêng của mình và phóng nhanh đến Dinh Độc Lập.

Tại dinh, tôi bước vào một cuộc họp giữa ông Diệm và một nhóm sĩ quan Quân đội Việt Nam. Tướng Ty và Đại tá Đôn có mặt trong số họ, cũng như cả hai chỉ huy hàng đầu trong trận chiến chống lại Bình Xuyên, Minh Nhỏ và Minh Lớn. Họ đang hân hoan. Quân đội đã vượt qua Kênh Tàu Hủ ở Chợ Lớn và Bình Xuyên đang tháo chạy. Tôi sẽ không chúc mừng họ sao? Tôi nói với họ không đời nào, chưa. Trong khi tất cả họ đang đứng quanh khen ngợi lẫn nhau, cuộc tấn công của họ qua kênh tại sông đang bị đánh tơi tả vì họ không chịu cung cấp hỗ trợ pháo binh cho nó.

Tôi nhắc nhở họ, như họ đã biết, rằng tôi đang bị mệnh lệnh nghiêm ngặt không được ra bất kỳ lệnh nào cho họ. Tuy nhiên, mệnh lệnh của tôi không cấm tôi kể cho họ một câu chuyện. Bây giờ hãy nghe đây! Ngày xưa ngày xưa, một số chỉ huy Quân đội Việt Nam đang uống trà cùng với sếp của họ và kể cho ông ấy nghe họ tuyệt vời như thế nào trong khi họ lẽ ra phải di chuyển một trong các khẩu đội pháo binh từ Dinh Độc Lập, hoặc từ trước nhà tổng tham mưu trưởng, hoặc từ sân trụ sở Bộ Tổng Tham mưu, và

sử dụng pháo binh đó để hỗ trợ Trình Minh Thế tại cầu Tân Thuận Đông. Đơn vị của ông ấy là đơn vị duy nhất trên toàn mặt trận đang phải đối mặt với súng lớn được bảo vệ bằng lớp giáp. Nó cũng là đơn vị duy nhất không có hỗ trợ pháo binh. Các chỉ huy quân sự sắp bị người dân lên án, những người sẽ trở nên man rợ khi họ nghe điều này. Ngay bây giờ, tôi đang vô cùng tức giận và đang chờ những người nghe của tôi kết thúc câu chuyện cho tôi.

Có một sự im lặng sừng sờ khi tôi dừng lại. Ông Diệm phá vỡ sự im lặng bằng cách bảo Minh Nhỏ đưa pháo binh đến cho Trình Minh Thế ngay lập tức. Minh Nhỏ vội vã bỏ đi và những người khác bắt đầu rời khỏi. Tôi chúc mừng họ về việc vượt qua Kênh Tàu Hủ. Họ nhìn tôi có vẻ hơi nghi ngờ. Tôi đã rất tức giận khi tôi ngắt lời cuộc họp của họ. Tôi bảo đảm với họ một lần nữa rằng tôi hạnh phúc về thành công của họ cho đến nay. Tuy nhiên, trận chiến vẫn còn xa mới thắng, và đây không phải là lúc để bắt đầu thư giãn.

Ông Diệm yêu cầu tôi ở lại và nói chuyện với ông ấy. Chúng tôi đi đến một phòng khách nhỏ được trang bị một chiếc ghế dài và một số ghế nặng được đặt quá xa nhau để dễ dàng trò chuyện, vì vậy tôi đề nghị chúng

tôi ngồi cùng nhau trên chiếc ghế dài. Ông Diệm mở đầu cuộc trò chuyện bằng cách nói rằng ông ấy chưa bao giờ thấy tôi tức giận như vừa rồi. Rốt cuộc, Trình Minh Thế là một quân nhân và sẽ phải chịu rủi ro cùng với những người khác trong trận chiến. Tôi không nên quá quan tâm đến công việc của ông ấy. Mặc dù Trình Minh Thế là một người bạn, ông ấy chỉ là một trong nhiều người yêu nước Việt Nam là bạn của tôi và có lẽ không được giáo dục tốt hoặc có kinh nghiệm như một số người khác. Tôi bảo ông Diệm dừng lối nói chuyện này. Nó đang dẫn đến một điểm mà ông ấy có thể nói điều gì đó khiến tôi tức giận trở lại. Trình Minh Thế đã ủng hộ ông Diệm khi những người có học thức và kinh nghiệm hơn đã do dự. Ngay bây giờ, ông ấy đang mạo hiểm mạng sống vì ông Diệm. Tình bạn như vậy đáng giá hơn tất cả những người bạn lợi dụng cộng lại. Hơn nữa, ai đó đã ngu ngốc đến mức phạm tội khi đặt quân du kích của Thế, những người không được huấn luyện tốt cũng như không được trang bị tốt, vào một cuộc tấn công chính thức mà không có hỏa lực hỗ trợ. Đó là một sự sử dụng tồi tệ khả năng của du kích.

Ông Diệm thay đổi chủ đề. Ông ấy kể cho tôi nghe, chi tiết và rất dài, về tất cả các

hoạt động cách mạng đang diễn ra trong số những người theo chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Ông ấy cung cấp cho tôi tiểu sử tóm tắt của một số nhà lãnh đạo. Những người này đã hoạt động trong phong trào Quốc tế thứ 4. Những người kia đã ở với Việt Minh với tư cách là cán bộ chính trị. Những người khác nữa đã bị mất uy tín trong hoạt động này, hoạt động kia, hoặc hoạt động khác đã thất bại. Ông Diệm, thấy sự quan tâm của tôi, đã đọc thoai về các nhân vật cách mạng Việt Nam trong hơn hai giờ. Khi ông ấy nói, buổi tối buông xuống Sài Gòn. Đèn bật sáng bên trong dinh. Tôi nhắc ông Diệm rằng ông ấy có việc phải làm, và tôi cũng vậy. Tôi đang bắt đầu nói lời tạm biệt thì em trai ông ấy, Ông Nhu, bước vào phòng.

Ông Nhu đi thẳng đến nơi chúng tôi đang ngồi trên ghế dài và đứng lặng lẽ trong vài khoảnh khắc, chỉ nhìn chúng tôi. Cuối cùng, ông ấy nói nhỏ: “Trình Minh Thế đã tử trận. Tại cây cầu. Tôi vừa nghe tin và nghĩ rằng anh nên biết.” Tin tức này đánh vào tôi rất mạnh. Tôi hầu như không lắng nghe khi Ông Nhu giải thích rằng ông ấy đã kiểm tra cẩn thận các chi tiết trước khi vào thông báo cho chúng tôi. Ông ấy lấy làm tiếc khi phải nói điều đó, nhưng tin tức dường như là sự thật.

Trình Minh Thế bị đánh trúng phía sau tai, rõ ràng là bởi một viên đạn súng trường. Từ góc độ ông ấy bị trúng đạn, tay súng trường đã ở phía sau và phía trên Thế. Quân đội ở đó đang nói rằng đó hẳn là một tay bắn tỉa. Có tin đồn về một tay bắn tỉa Pháp từ các vị trí phòng thủ Pháp gần đó.

Ông Nhu rời khỏi phòng. Ông Diệm và tôi ngồi lặng thinh trên ghế dài. Tôi đứng dậy để rời đi, để ở một mình với nỗi đau buồn của mình. Tôi quay sang ông Diệm và nói với ông ấy: “Chúng ta đã mất một người bạn thực sự.” Tôi không thể tin tưởng bản thân mình nói thêm điều gì. Ông Diệm nhìn mặt tôi và bắt đầu khóc. Những tiếng nức nở lớn làm cơ thể ông ấy rung lên. Tôi ngồi xuống lần nữa và ôm ông ấy vào lòng. Ông ấy vừa khóc vừa ngắt quãng xin tôi tha thứ cho cách ông ấy đã nói về Trình Minh Thế trước đó một chút. Tôi nói với ông ấy rằng thực sự không có gì phải tha thứ, nhưng ông ấy phải luôn luôn ghi nhớ. Những đồng đội thực sự rất hiếm có. Ông ấy không bao giờ được quay lưng lại với những người vô vị kỷ phục vụ cho tự do. Chúng tôi ngồi đó yên lặng sau đó cho đến khi ông ấy lấy lại được sự kiểm soát. Sau đó tôi rời đi về nhà. Nước mắt khiến tôi khó nhìn thấy khi tôi lái xe.

Vào ngày 4 tháng 5, có một lễ tang công cộng lớn cho Trình Minh Thế ở Sài Gòn, tiếp theo là một buổi lễ công cộng khác ở Tây Ninh. Hàng ngàn người đã tham gia. Ông ấy đã rất gần gũi với trái tim của người dân Việt Nam, và nhiều người coi sự mất mát của ông ấy là cá nhân. Cùng với bạn của Thế, Lê Khắc Hoài, tôi đã sắp xếp để chính phủ Việt Nam chu cấp cho vợ góa và các con của ông ấy. Người lớn nhất, Nhựt, mới chỉ sáu tuổi, và có một em gái nhỏ tên là Thu, em trai nhỏ Châu, và một đứa con thứ tư sắp chào đời bất cứ ngày nào. Trình Minh Thế gần như không có một xu dính túi khi ông ấy bị giết.

Tôi đã ở bên gia đình khi chúng tôi chôn cất ông ấy trên ngọn núi yêu quý của ông ấy, Núi Bà Đen, bên cạnh những người đã hy sinh cùng ông ấy tại cây cầu. Những người lính còn lại của ông ấy quỳ gối trên sườn núi bên dưới mộ, gần như ẩn mình trong cây cối và bởi một lớp sương mù đã bò lên độ cao, và tụng những lời mà tôi không thể hiểu được. Hoài nói với tôi rằng họ đang thể tình đồng chí với tôi, người mà thủ lĩnh đã ngã xuống của họ đã coi là anh em của mình. Tôi đứng đó với gia đình ông ấy và yêu cầu những người lính của ông ấy trung thành với niềm

tin của Trình Minh Thế và phục vụ đất nước của họ thật tốt.

Tại Sài Gòn vào sáng ngày 4 tháng 5, giữa sự trỗi dậy lớn của cảm xúc về cái chết của Trình Minh Thế, ông Diệm đã củng cố quyền lực lãnh đạo chính phủ của mình. Ông ấy đã triệu tập một cuộc họp nội các đã phê chuẩn các sắc lệnh của ông ấy thu hồi quyền lực của Tướng Nguyễn Văn Vỹ, loại bỏ Lê Văn “Bảy” Viễn khỏi chức vụ tướng trong Quân đội Việt Nam, và tịch thu tài sản của các lãnh đạo Bình Xuyên. Số tiền thu được từ việc bán các tài sản này sẽ được dùng để làm nhà ở cho các nạn nhân vụ cháy và các dự án cứu trợ tương tự. (Các tài sản bao gồm nhiều khách sạn, hộp đêm và xe tải; và trong quá trình kiểm toán, một số lượng lớn ô tô bị đánh cắp đã được phát hiện trong các nơi ẩn náu của Bình Xuyên.) Một sắc lệnh khác vào ngày 4 tháng 5 cho phép ông Diệm đặt bất kỳ sĩ quan quân đội nào “nghỉ phép dài hạn” khi xét thấy cần thiết; việc loại bỏ những người đã hoạt động chống lại chính phủ bắt đầu.

Ông Diệm, trong một chương trình phát thanh, nói rằng lực lượng Bình Xuyên cuối cùng đã bị đẩy ra khỏi thành phố. Bây giờ người dân và quân đội đã tham gia vào một

nỗ lực chung, thành phố không còn có thể bị đe dọa nữa. Ông Vỹ đã cố gắng đâm sau lưng quân đội khi nó đang chiến đấu để bảo vệ người dân, vì vậy ông Vỹ phải rời đi. Các cuộc biểu tình chống Pháp phải được kiểm chế. “Khi một người đang thắng, người đó không được kiêu ngạo. Đừng thể hiện sự thù hận đối với người nước ngoài hiểu chúng ta, có ý định tốt đối với chúng ta và giúp đỡ chúng ta.” Ông ấy kết thúc chương trình phát thanh bằng cách nói về nhu cầu có một hội đồng lập pháp, lưu ý rằng ông ấy đã một mình vào năm 1933 khi ông ấy đấu tranh để có một hội đồng dân cử “nhưng hôm nay tất cả người dân đang chiến đấu bên cạnh tôi.”

Đến ngày 9 tháng 5, tất cả Bình Xuyên đã ra khỏi khu vực đô thị Sài Gòn, và một ngàn lực lượng còn lại của chúng đã rút lui xuống sông đến nơi ẩn náu cướp biển cũ ở rừng Sác. Lực lượng Bình Xuyên cuối cùng ở Sài Gòn đã canh gác trung tâm truyền thông quốc gia PTT gần dinh, trụ sở Cảnh sát Quốc gia, và tòa nhà Ngân hàng Quốc gia, tất cả đều nằm trong các khu vực an ninh của Pháp. Khi tin tức về việc Pháp nói lỏng các hạn chế đình chiến đến Dinh Độc Lập, tôi đang nói chuyện với ông Diệm ở lối vào dinh. Cả hai chúng tôi đều kinh ngạc khi Thiếu tá

Huỳnh Văn Cao, một trong những sĩ quan tiểu đoàn bảo vệ dinh đã nhận được huấn luyện đặc biệt với Tiểu đoàn Vệ binh Tổng thống tại Malacanang ở Manila, chạy qua chúng tôi, nhảy vào một chiếc jeep, dừng lại ở cổng để đón ba người lính từ đội bảo vệ, và lái xe đi cùng họ. Hai mươi phút sau Cao trở về. Ông Diệm hỏi anh ấy tại sao anh ấy lại đi vội vã như vậy. Cao nói rằng khi anh ấy nhận được báo cáo về việc Pháp kết thúc các hạn chế an ninh của họ, anh ấy đột nhiên nhớ đến các binh lính Bình Xuyên vẫn đang chiếm giữ các vị trí phòng thủ trong các tòa nhà chính phủ quan trọng. Anh ấy và một nhóm nhỏ lính của mình đã lái xe đến các tòa nhà và yêu cầu Bình Xuyên ở đó đầu hàng. Họ đã làm. Đó là một chút suy nghĩ nhanh chóng và sáng kiến. Ông Diệm thăng cấp cho Cao.

Sau nhiều ngày chiến đấu qua các đầm lầy ngập mặn, với việc binh lính tự buộc mình vào cây đước vào ban đêm để giữ đầu và vai trên mặt nước khi họ ngủ, và với Không quân Việt Nam non trẻ cố gắng hỗ trợ bộ binh bằng cách nắn gân đặt bom từ máy bay huấn luyện hạng nhẹ, những tàn dư cuối cùng của Bình Xuyên trong rừng Sác đã đầu hàng. Bảy Viễn và một số lãnh đạo

khác trốn thoát bằng thuyền và cuối cùng tìm đường đến Pháp.

GHI CHÚ

CẦU BỔNG SƠN. Sĩ quan hành chính của tôi tại TRIM, Trung tá George Melvin, đã tận tâm tìm kiếm vật liệu để xây cầu bắc qua sông Lại Giang tại Bồng Sơn, một điểm vượt sông đã gây cản trở cho tiến trình ổn định của Chiến dịch Giải Phóng. Trong những năm sau này khi Melvin và tôi gặp nhau, chúng tôi đã có thói quen nâng ly chúc mừng “cầu Bồng Sơn” và hồi tưởng về những ngày sôi nổi đó ở Việt Nam.

ANH HÙNG. Người giúp việc nhà tôi, Phạm Văn Ty, tuân theo một phong tục Việt Nam và có hai người vợ, cả hai đều sống cùng anh ấy và giúp việc nhà cho tôi. Tôi bị hấp dẫn và kinh ngạc bởi biểu đồ nhiệm vụ hôn nhân mà hai người vợ đã dán trên cửa phòng của họ. Nó có các ô kẻ cho những giờ anh ấy được cho là rảnh rỗi, những ô được điền tên của người vợ nào sẽ là bạn đồng hành của anh ấy trên giường, trong bữa ăn, v.v. Anh ấy đã được chia phức tạp giữa hai người vợ theo một lịch trình rất dày đặc. Mặc dù phải chịu những đòi hỏi về thời gian và năng lượng, anh ấy vẫn giữ được phong thái vui vẻ, hồn nhiên quanh nhà, khiến tôi không ngừng ngưỡng mộ. Thật là một người đàn ông!

DIXIE. Các chương trình phát thanh Bình Xuyên trong cuộc chiến ở Sài Gòn-Chợ Lớn đã trở nên đặc biệt khó chịu tại một thời điểm. Xạ thủ Bình Xuyên đã bắn rơi một chiếc máy bay thể thao hạng nhẹ, không vũ trang do một thương dân Pháp điều khiển và chở Dixie Reese, một nhiếp ảnh gia của Phái bộ Kinh tế Hoa Kỳ. Reese đã yêu cầu phi công bay thấp để anh ấy có thể chụp ảnh các cảnh tượng đang xảy ra với thành phố. Cả hai người đàn ông đã chết trong vụ tai nạn. Đài phát thanh Bình Xuyên ngay lập tức tuyên bố rằng Reese là một điệp viên bí mật làm việc cho tôi và do đó xứng đáng bị giết. Reese, một người có tính cách vui vẻ, vô tư, là một trong những người hòa bình nhất mà tôi từng biết. Tuyên bố

rằng anh ấy đang làm việc cho tôi sẽ khiến anh ấy kinh ngạc nhiều như tôi vậy. Điều đó đơn giản là không đúng sự thật.

MỘT MÌNH. Khi ông Diệm đề cập trong chương trình phát thanh ngày 4 tháng 5 năm 1955 rằng ông ấy đã “một mình” vào năm 1933, thánh giả Việt Nam của ông ấy đã hiểu ý ông ấy là gì. Ông Diệm từng là Thượng thư Bộ Nội vụ cho Hoàng đế Bảo Đại (cai trị Đế quốc An Nam) vào năm 1933 và đã thúc đẩy quyền tự trị nhiều hơn cho người Việt Nam, bao gồm cả một hội đồng quốc gia. Chính quyền thực dân Pháp đã từ chối, và ông Diệm đã từ chức để phản đối. Bảo Đại tiếp tục làm hoàng đế dưới thời Pháp cho đến năm 1945, khi ông ấy thoái vị và chấm dứt đế quốc chư hầu.

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

* *

GIỮA NĂM 1955

Sài Gòn hiện ra với vẻ tàn tạ và xơ xác đối với hành khách đến bằng máy bay vào ngày 10 tháng 5. Khi hạ cánh, các máy bay bay phía trên tàn dư của lực lượng Bình Xuyên đang tháo chạy dọc sông, đồng đổ nát của các tòa nhà do chiến sự, sự lộn xộn của xe tăng và binh lính Pháp trên đường phố, và những mảng lớn hoang tàn cháy đen ở các quận Chợ Lớn nơi trận hỏa hoạn lớn đã hoành hành.

Trong số những người đến ngày hôm đó có George Frederick Reinhardt, tân đại sứ Mỹ. Là một nhân viên ngoại giao chuyên nghiệp, ông thay thế đặc phái viên của tổng thống, J. Lawton Collins. Rõ ràng, Hoa Kỳ đang từ bỏ nỗ lực giải quyết nhanh chóng và đơn giản các vấn đề phức tạp của Việt Nam, thông qua một cấp phó quyền lực của người đứng đầu hành pháp Mỹ, để chuyển

sang một cách tiếp cận thông thường hơn thông qua ngoại giao chuyên nghiệp.

Vào thời điểm đó, ông Diệm chỉ có thể dành một sự ghi nhận hết sức sơ lược cho sự thay đổi lãnh đạo Mỹ tại Sài Gòn. Ông đang bận tâm với các vấn đề quân sự trong nước, những vấn đề đã dạy ông một số bài học cay đắng trong những ngày vừa qua. Mặc dù lực lượng Bình Xuyên rõ ràng sắp bị tiêu diệt, nhưng các đồng minh của họ, “các đạo quân” Hòa Hảo của Soái và Ba Cụt, đã phong tỏa sông Mê Kông và sông Bassac, bao vây các thành phố ở miền Nam xa xôi và cố gắng bắt thành để mở một con đường thoát cho lực lượng Bình Xuyên bại trận.

Ông Diệm với vẻ mặt nghiêm nghị tiếp tục công việc đối phó với những đạo quân giáo phái cuối cùng còn chống đối ông. Khi tôi nhắc ông về bài phát thanh gần đây của ông về sự cần thiết phải là một người chiến thắng lịch thiệp, ông trả lời ngắn gọn rằng ông vẫn chưa thắng.

Ông Diệm trở thành Tổng tư lệnh thực thụ của lực lượng quân sự quốc gia. Ông điều chuyển các tiểu đoàn, thay đổi chỉ huy, theo dõi chính xác số lượng đạn dược của mọi tiểu đoàn có thể phải đối mặt với chiến đấu, và nắm rõ các chi tiết chính xác và cập nhật

về hành vi của sĩ quan và binh lính trong tất cả các đơn vị chiến đấu.

Ông gay gắt tranh cãi với các chỉ huy quân sự Pháp về việc nhượng lại quyền kiểm soát các tuyến đường bộ và đường thủy phục vụ cho việc di chuyển quân đội của ông, về việc chỉ huy và trang bị lực lượng sông ngòi, về sự hiện diện của quân nhân Pháp trong lực lượng ly khai, và về chất lượng đạn dược cung cấp cho quân đội quốc gia. Ông nghi ngờ người Pháp cung cấp đạn dược tốt hơn cho kẻ thù của ông so với Quân đội Việt Nam. Có lần, ông chất vấn một tướng Pháp về việc Ba Cụt nhận được sự giúp đỡ đáng ngờ như vậy. “Không thể nào!” vị tướng Pháp tức giận nói. “Chúng tôi có hộp đạn ghi 1949 và 1950,” ông Diệm đáp trả gay gắt. “Một vài hộp ghi 1951. Ba Cụt bắn chúng tôi bằng hộp đạn ghi 1954. Điều đó mới là không thể nào!”

(Nhiều tháng sau, khi U Nu của Miến Điện đến Việt Nam, tôi hỏi ông Diệm ý kiến của ông về vị khách này. Ông Diệm nghĩ U Nu dường như không có phẩm chất cần thiết để cai trị ở Đông Nam Á vào thời điểm đó. Phẩm chất đó là gì? “Ông ấy không biết gì về quân đội của mình,” ông Diệm nói với tôi. “Ông ấy thậm chí không thể cho tôi biết

có bao nhiêu người trong đó, ông ấy có bao nhiêu tiểu đoàn, hay người Miến Điện có những vũ khí gì!”)

Vào ngày 13 tháng 5, Tướng Soái đưa ra đề nghị hòa bình với ông Diệm. Lực lượng Hòa Hảo của ông sẽ cam kết trung thành với chính phủ nếu ông Diệm cấp cho ông mười bảy triệu đồng bạc để giải quyết các khoản nợ lương của quân lính, và sau đó trợ cấp cho lực lượng này với mức bốn triệu rưỡi đồng bạc hàng tháng. Ông Diệm thẳng thừng trả lời rằng việc phong tỏa sông ngòi của Soái đang làm tổn hại đến kinh tế quốc gia, và ông sẽ không trả tiền.

Soái cho quân lính của mình đào hào tại thành trì của ông ở Cái Vồn, đối diện thành phố Cần Thơ qua sông Bassac. Ba Cụt đưa lực lượng du kích của mình vào thành trì này. Lực lượng Hòa Hảo ly khai bắt đầu nã súng cối vào thành phố đối diện qua sông. Rõ ràng qua những tuyên bố công khai của họ, các lãnh đạo Hòa Hảo vẫn tự tin rằng họ có thể đánh bại Quân đội Việt Nam và ông Diệm.

Ông Diệm hành động. Ông gửi 1.500 lính của Trung đoàn Bảo vệ Hoàng gia xuống phía Nam để chiếm vị trí chống lại lực lượng ly khai tại Cái Vồn. Đó là một đòn tâm lý sắc sảo. Soái và Ba Cụt tuyên bố rằng, là những

người ủng hộ Bảo Đại, họ chống lại ông Diệm, nhưng ở đây ông Diệm lại gửi trung đoàn cá nhân của Bảo Đại chống lại họ. (Trung đoàn này đã được Tướng Vy đưa từ Đà Lạt về Sài Gòn trong nỗ lực bất thành nhằm lật đổ ông Diệm cho Bảo Đại. Khi nỗ lực thất bại, ông Diệm đã thay đổi sĩ quan của trung đoàn và giành được sự ủng hộ của họ.) Hành động của ông Diệm đã cho gần như mọi người ở miền Nam Việt Nam thấy rằng ông đang nắm quyền chỉ huy vững chắc.

Soái và Ba Cụt gửi lời đến Phạm Công Tắc, Giáo chủ của Cao Đài, người vẫn là người đứng đầu trên danh nghĩa của Mặt trận Giáo phái Thống nhất, rằng cần có một đội quân Cao Đài để giúp chống lại ông Diệm. (Đội quân Cao Đài cũ dưới quyền Tướng Phương vẫn trung thành với chính phủ và đã được hợp nhất vào Quân đội Việt Nam.) Vì vậy, Giáo chủ Tắc phong Lê Văn Tấn làm tướng mới và giao cho ông ta nhiệm vụ thành lập một đội quân Cao Đài khác.

Qua những câu chuyện tôi nghe được, người Pháp đang khuyến khích việc tái sinh lực lượng Cao Đài để chống lại ông Diệm. Ông Diệm nói với tôi rằng một tướng Pháp đã đến thăm Giáo chủ Tắc tại Tây Ninh. Khi tôi gợi ý rằng vị tướng Pháp có thể đã cố

gắng can ngăn Giáo chủ Tắc, ông Diệm nói ông biết tôi không ngây thơ đến mức đó. Hai sĩ quan Pháp đã tiếp nối chuyến thăm của vị tướng này bằng cách giao một khoản tiền lớn cho Giáo chủ Tắc.

Sau khi nghe câu chuyện này từ ông Diệm, tôi đã kiểm tra riêng với Tướng Phương, người đã xác nhận chuyến thăm của hai sĩ quan Pháp và cho tôi biết tên của họ. Ông Phương đã được đề nghị một triệu đồng bạc, được trưng bày một cách hấp dẫn, nếu ông chịu thêm lực lượng của mình vào đội quân Cao Đài mới. Ông Phương đã thắng thùng từ chối. Ký ức về Trình Minh Thế còn quá mới và mạnh mẽ để ông đi ngược lại con đường mà cả hai đã quyết định là tốt nhất cho đất nước.

Trong khi cuộc đối đầu ngày càng leo thang ở nông thôn, cảm xúc đang sục sôi trong thành phố. Có nhiều người châu Âu thất vọng ở Sài Gòn, những người đã tự lừa dối mình rằng ông Diệm chắc chắn sẽ bị lật đổ bởi các đối thủ giáo phái của ông. Khi điều ngược lại xảy ra, họ trút giận. Ông Diệm tất nhiên là mục tiêu chính, nhưng những đòn công kích cũng nhắm vào người Mỹ nói chung và tôi nói riêng. Đó là một ví dụ về hành vi xấu của con người mà vẫn in sâu trong ký ức của tôi.

Một phần sự tức giận đó thể hiện dưới hình thức báo chí. Các phóng viên Pháp và Anh đã gửi những câu chuyện cường điệu một cách thái quá về các sự kiện gần đây ở Sài Gòn. Giờ đây, họ cố gắng che đậy sai lầm của mình bằng những bài xã luận đầy cảm xúc, với những bài ôn hòa nhất vẫn chủ trương rằng Bảo Đại nên thành lập một chính phủ liên hiệp, bao gồm cả Bình Xuyên, như là phương tiện duy nhất để cứu Việt Nam. Ông Diệm bị miêu tả là một người đàn ông bé nhỏ bất hạnh, với đôi tay đầm máu của những người vô tội. Tôi là bộ óc người Mỹ đứng sau ông ta, vừa ngâm thơ một cách không tưởng lại vừa xảo quyết một cách không tưởng. Những câu chuyện này xuất hiện trên các tạp chí nổi tiếng của Pháp và Anh, rồi lại tràn về Sài Gòn qua các hãng thông tấn, khuấy động cảm xúc một lần nữa. Đó là một sự hỗn loạn tự duy trì.

Cuộc tấn công bằng báo chí là có thể chịu đựng được, thậm chí còn gây phân tâm một cách bệnh hoạn. Điều xảy ra tiếp theo thì không. Một nhóm người cay cú trong cộng đồng người Pháp ở Sài Gòn đã thực hiện một chiến dịch khủng bố ác độc chống lại cư dân Mỹ. Lựu đạn được ném vào ban đêm vào sân các ngôi nhà nơi người Mỹ sinh sống. Ô tô

thuộc sở hữu của người Mỹ bị cho nổ hoặc đặt bẫy. Các quan chức an ninh Pháp bình thản thông báo với các quan chức Mỹ đang lo lắng rằng hoạt động khủng bố là do Việt Minh và các nhóm người Việt khác gây ra, nhằm trả đũa việc người Mỹ can thiệp vào công việc của Việt Nam. Chúng tôi không nhận ra rằng chính người Mỹ, chứ không phải người Pháp, là những người mà người Việt Nam căm ghét sao?

Các phụ nữ tại Đại sứ quán Mỹ đã hỏi tôi xin lời khuyên và sự giúp đỡ. Một phụ nữ sống một mình ở một thành phố nước ngoài phải làm gì khi một quả lựu đạn nổ trước cửa nhà vào lúc nửa đêm? Làm thế nào để đảm bảo một chiếc xe không bị gài bẫy trước khi vặn chìa khóa khởi động?

Đáp lại những yêu cầu này, các thành viên trong nhóm của tôi đã tổ chức một lớp học không chính thức tại khu nhà ở dành cho nhân viên của chúng tôi trên đường Taberd, nơi chúng tôi trình bày cho các cô gái người Mỹ cách thức phòng ngừa việc gài bẫy và ném lựu đạn. Một trong những học viên là Anita Lauve, một sĩ quan chính trị tại đại sứ quán của chúng tôi. Những bài học của chúng tôi không đủ để giúp cô ấy. Sáng sớm hôm sau, chiếc xe của cô ấy, đậu trên đường

phía trước căn hộ, đã bị nổ tung. Cô ấy quên mất sự thận trọng và đã đuổi theo những kẻ gây án xuống phố trong bộ đồ ngủ, tức giận vì không thể bắt kịp chúng.

Rõ ràng là tôi nằm trong danh sách bị bắn. Mỗi chuyến lái xe trên phố đều trở nên “sống động” hơn bởi tiếng viên đạn vút qua đầu tôi hoặc một cửa sổ xe đột ngột vỡ tan. Sự nguy hiểm đã được nhấn mạnh vào một buổi sáng. Một người đàn ông Pháp để ria mép giống tôi đã đậu một chiếc xe gần như y hệt xe của tôi trước nhà tôi trong khi ông ta qua đêm ở một ngôi nhà đối diện. Buổi sáng, khi ông ta lái xe rời khỏi chỗ đậu, một chiếc xe khác từ góc phố gần đó lao ra, vượt qua ông ta, và bắn xối xả bằng tiểu liên vào ông ta ở cự ly gần, giết chết ông ta và làm chiếc xe lỗ chỗ vết đạn. Các điều tra viên cảnh sát nói rằng nạn nhân đã bị nhầm là tôi.

Lúc đó, tôi đã có những mẫu thông tin rời rạc về danh tính của những kẻ Pháp cay cú đứng sau triều đại khủng bố này. Một số là cộng sự của vị đại tá Pháp, tham mưu trưởng của TRIM, người đã từ chối nói chuyện trực tiếp với tôi. Vì vậy, sáng hôm đó, khi đến trụ sở TRIM, tôi đã đi gặp ông ta. Như thường lệ, chúng tôi nói chuyện qua viên sĩ quan phụ tá của ông ta. Tôi kể cho ông ta nghe về

cái chết của người đàn ông Pháp bị nhầm là tôi và nói rằng tôi biết danh tính của những kẻ chủ mưu. Trò hề tàn nhẫn này đã đi quá xa, và tôi nói thêm một cách bộc phát: “Tôi chính thức thông báo với ông rằng tôi sẽ rút lại sự bảo vệ của tôi đối với Quân đoàn Viễn chinh Pháp. Đừng quên rằng các ông đang cách Mẩu quốc Pháp mười ngàn dặm. Bất cứ điều gì xảy ra với các ông từ nay về sau, các ông phải tự chịu trách nhiệm.”

Tối hôm đó, những lời của tôi đã mang ý nghĩa nghiêm trọng khi lựu đạn gây choáng nổ bên ngoài khu nhà ở của những kẻ cầm đầu nhóm Pháp cay cú. Ngoài ra, ba sĩ quan cấp dưới của Quân đội Pháp đã bị cảnh sát Việt Nam bắt quả tang, với một lượng chất nổ trong xe jeep của họ và một danh sách mục tiêu là người Mỹ trong tay. Họ đã bị tống vào tù.

Tôi đề nghị với ông Diệm rằng nên giữ họ lại cho đến khi Tướng Ely đích thân yêu cầu thả họ. Tôi chắc chắn rằng vị chỉ huy người Pháp không hề hay biết về những sai lầm của nhóm cay cú trong lực lượng của ông ấy; đây là một cách chắc chắn để cho ông ấy biết rõ. Ông Diệm ra lệnh giữ ba sĩ quan cấp dưới này cho đến khi có thông báo thêm từ ông.

Sáng hôm sau, tôi bị triệu tập đến Đại sứ quán Mỹ. Thông báo chính thức đã đến rằng tôi bị cáo buộc đã đe dọa loại bỏ sự bảo vệ của tôi khỏi Quân đoàn Viễn chinh Pháp. Hành động của tôi đi ngược lại chính sách hữu nghị của Hoa Kỳ đối với các đồng minh Pháp của chúng ta. Tôi giữ vẻ mặt bình thản và trả lời rằng chừng nào người Pháp còn tiếp tục cố gắng khủng bố người Mỹ, thì nhân viên của tôi, gồm mười sĩ quan Mỹ, và tôi dứt khoát từ chối “bảo vệ” Quân đoàn Viễn chinh Pháp gồm 80.000 người. Tuy nhiên, tôi sẵn sàng thương lượng một thỏa thuận với người Pháp. Sau đó, tôi kể cho đại sứ của chúng tôi nghe về ba sĩ quan cấp dưới người Pháp bị bắt quả tang đêm hôm trước và hoàn cảnh họ đang bị giam giữ.

Tướng Ely đã được thông báo về việc các sĩ quan của mình bị giam. Ông nói chuyện với ông Diệm về trường hợp của họ, và họ đã được thả. Đổi lại, nhóm cay cú đã bị kỷ luật. Triều đại khủng bố đã chấm dứt.

Trong tuần cuối cùng của tháng 5, Pháp đồng ý di chuyển khoảng 80.000 quân thuộc Quân đoàn Viễn chinh Pháp khỏi các trại và đồn bốt trong và xung quanh Sài Gòn và đồn trú họ tại các khu vực tập trung lên tàu

ở bờ biển. Khi xe tăng và binh lính Pháp bắt đầu rút khỏi thành phố, nhiều căng thẳng cũng tan biến theo họ. Lần đầu tiên trong chín mươi năm, ngoại trừ một thời gian gián đoạn vào năm 1945, người Việt Nam đã giành quyền kiểm soát Sài Gòn.

Khi Sài Gòn dần ổn định trở lại, một nhóm nhà báo Pháp đã đến thăm. Các hãng tin và biên tập viên ở Pháp cuối cùng đã cử các phóng viên từ đội ngũ của họ đến Việt Nam để tìm hiểu chính xác những gì đang xảy ra. Những bài viết nghiêm túc của họ đã dập tắt những câu chuyện hư cấu gây kích động cuối cùng. Theo yêu cầu của họ, tôi đã gặp họ. Hầu hết các câu hỏi của họ đều tập trung vào lý do tại sao người Việt Nam lại trở nên chống Pháp đến vậy trong những tuần qua.

Tôi nói với họ rằng đó là vì một số người Pháp tại địa phương đã phản bội những nguyên tắc của nước Pháp. “Những nguyên tắc nào?” họ hỏi. “Tự do, bình đẳng, bác ái (Liberté, égalité, fraternité),” tôi nói. “Khi người Pháp bắt đầu đối xử với người Việt Nam như những anh em tự do và bình đẳng, thì những vết thương sẽ lành lại.”

Trong giai đoạn nguy hiểm ở Sài Gòn, ông Diệm đã giới thiệu tôi với một khách mời của ông, Bernard Yoh. Yoh đã lãnh đạo du

kích ở Thượng Hải trong Thế chiến thứ II, bao gồm các hoạt động cho Đô đốc Milton Miles, và sau đó đã chiến đấu chống lại Cộng sản Trung Quốc. Tôi nhanh chóng phát hiện ra rằng Yoh có sự hiểu biết hiếm có về chiến thuật và lý luận của chiến tranh phi quy ước, vì vậy chúng tôi nhanh chóng đi sâu vào chuyện nghề nghiệp.

Nhận thấy nụ cười hài lòng trên khuôn mặt ông Diệm, tôi hỏi liệu ông có phiền nếu tôi đưa Yoh đi ăn trưa và nói chuyện thêm tại nhà tôi không. Ông ấy rất vui, nói rằng ông hy vọng chúng tôi sẽ trở thành bạn bè.

Sau đó, khi đưa Yoh trở lại với chủ nhà, Yoh đã khiển trách tôi vì lái xe trên đường mà không mang theo vũ khí. Chắc chắn tôi phải biết rằng tôi nằm trong một sổ danh sách tử thần? Nói rồi, ông ấy tháo khẩu súng lục ổ quay nòng cụt cỡ nòng .38 và bao da đeo quanh eo mà ông đang mang ra và khăng khăng tôi phải đeo chúng ngay lập tức. Tôi nói tôi không cần súng lục của ông ấy. Ông ấy cứ nài nỉ, tôi phản đối, và cuối cùng, khi ông ấy ra khỏi xe, Yoh ném khẩu súng lục và bao da vào lòng tôi. “Ông phải mang vũ khí,” ông ấy nói.

Nhiều năm sau, khi chúng tôi đã trở thành bạn tốt, tôi thú nhận với Yoh lý do tại sao

tôi không đeo khẩu súng lục của ông ấy vào eo ngày hôm đó ở Sài Gòn. Eo của tôi đã mang sẵn một khẩu súng lục ổ quay và một khẩu súng ngắn của riêng tôi, được che phủ bởi áo sơ mi thể thao của tôi. Trong tầm với, dưới ghế, còn có những vũ khí khác. Tôi chỉ đơn giản là không muốn ai biết rằng tôi lái xe quanh thành phố với cả một kho vũ khí đi kèm. Ở châu Á, một người có thể bị bắn vì một khẩu súng lục dễ dàng hơn là vì một cái ví hay đồng hồ đeo tay. Tôi không cần phải khuyến khích thêm bất kỳ tên côn đồ nào dùng tôi làm mục tiêu tập bắn nữa.

Chiến dịch chống lại những kẻ ly khai Hòa Hảo dưới quyền Soái và Ba Cụt đã được hình thành cuối cùng vào gần cuối tháng 5. Nó được mô phỏng theo “các hoạt động an ninh quốc gia” mà chúng tôi đã phát triển để tiếp quản lãnh thổ cũ của Việt Minh, với sự nhấn mạnh nặng nề vào các biện pháp chính trị, tâm lý, xã hội và kinh tế cũng như lực lượng quân sự.

Trung tá Dương Văn “Big” Minh, người đã dẫn đầu quân đội chống lại Bình Xuyên ở Chợ Lớn, đã được thăng chức và được bổ nhiệm làm chỉ huy chiến dịch mới. Một thường dân, Nguyễn Ngọc Thơ, được bổ nhiệm làm cố vấn chính trị và phó chỉ huy

của ông. (Năm 1963, chính hai người này, Big Minh và Thơ, đã tiếp quản chính phủ sau cái chết của ông Diệm.)

Hai vị chỉ huy này là người miền Nam, thông cảm với nguyện vọng và tình cảm của người dân ở vùng ruộng lúa nơi lực lượng của họ sẽ hoạt động. Họ làm việc chăm chỉ để giáo dục binh lính về sự nhạy cảm tôn giáo và văn hóa của người dân trong khu vực và nhu cầu cấp thiết phải có hành vi tốt của quân đội. Chiến dịch tuân theo tinh thần châm ngôn của Magsaysay về việc đưa ra cho kẻ thù sự lựa chọn “toàn lực hoặc toàn bộ tình hữu nghị”.

Kết quả là, lực lượng ly khai đã đầu hàng với số lượng lớn sau những hành động mạnh mẽ đầu tiên của Quân đội Việt Nam, chỉ còn lại một số ít người ly khai trong các băng nhóm nhỏ lẻ trốn. Hòa bình đã trở lại nông thôn trong một thời gian rất ngắn, và Big Minh và Thơ trở thành những nhân vật nổi tiếng và được lòng dân tộc.

Chiến dịch bắt đầu bằng một cuộc mít tinh công khai tại trung tâm Hòa Hảo là Long Xuyên, do Tướng Hòa Hảo Ngô, người vẫn trung thành, dẫn đầu. Khoảng năm mươi đến sáu mươi nghìn người đã tham gia cuộc biểu tình ủng hộ chính phủ và tẩy các

biểu ngữ đảng phái với nội dung “Ông Diệm Muôn Năm” và “Đả Đảo Bảo Đại”.

Sau đó, thành trì ly khai tại Cái Vồn đã bị tấn công dữ dội bằng pháo binh và tiếp theo là bộ binh bao vây những gì còn sót lại của các vị trí cố thủ. Ba Cụt và những người du kích theo ông đã chạy trốn khỏi các chiến hào và hầm trú ẩn Cái Vồn trước cuộc tấn công tàn khốc, khiến tôi hơi nhớ lại cách Bedford Forrest đã rời Vicksburg trước khi thành trì đó đầu hàng trong Nội chiến của chúng tôi. Tướng Soái cũng trốn thoát cùng với một số ít người của mình. Tin tức về thất bại lớn này của lực lượng quân sự mặt trận nhanh chóng lan đến Tây Ninh. Giáo chủ Tắc của Cao Đài, cùng với các thành viên gia đình và một vài cộng sự thân cận, đã trốn sang tị nạn an toàn ở Phnom Penh, Campuchia.

Soái và Ba Cụt vẫn lẩn trốn trong nhiều tháng, những người đi theo họ dần dần tan rã. Soái cuối cùng đã quy phục chính phủ vào tháng 3 năm 1956, nhận được lương hưu và một căn nhà ở Sài Gòn từ ông Diệm. Ba Cụt gặp một số phận bi thảm hơn.

Trong khi quân đội quốc gia đang truy lùng ông ta, Ba Cụt đã gửi một thông điệp đến Nguyễn Ngọc Thơ, giám đốc chính trị

của chiến dịch chống lại ông ta. Ông ta sẵn sàng đàm phán và chỉ định một địa điểm vắng vẻ để gặp riêng Thơ. Bất chấp khả năng bị phục kích, Thơ đã gặp ông ta, nhưng chỉ để khám phá ra rằng Ba Cụt đã đưa ra những yêu cầu quá đáng như là điều kiện để ông ta “quy phục” chính phủ. Thơ đã từ chối đề nghị nhưng đồng ý gặp lại Ba Cụt để thảo luận các điều khoản khiêm tốn hơn.

Cuộc họp thứ hai được ấn định, một lần nữa tại một địa điểm vắng vẻ vào lúc nửa đêm. Khi ông Diệm nghe tin này, ông đã ra lệnh cho Thơ qua radio không được mạo hiểm như vậy. Thơ yêu cầu sĩ quan điện đài không chính thức gửi thông điệp cho ông ta cho đến sau đó và vẫn lén đi đến cuộc họp, nhưng chỉ thấy yêu cầu của Ba Cụt không thay đổi. Tối hôm đó, tôi ở Sài Gòn với ông Diệm và nhận xét về lòng dũng cảm của Thơ khi đi một mình gặp Ba Cụt. Ông Diệm cau mày về điều này. “Thơ là một người theo thuyết định mệnh,” ông Diệm nói, “và điều đó khác với lòng dũng cảm mà anh muốn nói.”

Vì Thơ đã từ chối ông ta hai lần, Ba Cụt sau đó đã gửi cho tôi một thông điệp, yêu cầu một cuộc gặp. Tôi đã chọn một địa điểm do mình lựa chọn, nơi an toàn cho cả hai chúng tôi, nhưng lưu ý rằng rào cản ngôn

ngư có nghĩa là tôi sẽ phải dẫn theo một thông dịch viên. Khi điều này được chấp nhận, Joe Redick và tôi đã tổ chức hai cuộc họp với những người ly khai của Ba Cụt. Ba Cụt có những ý tưởng lớn về danh dự, địa vị và tiền bạc mà ông Diệm nên cấp cho ông ta và người của ông ta để chấm dứt sự ly khai, và ông ta sẽ không giảm bớt yêu cầu của mình. Sau cuộc họp thứ hai, tôi không còn giao dịch với ông ta nữa.

Ba Cụt bị một đội tuần tra của chính phủ bắt vào ngày 13 tháng 4 năm 1956, khi tôi đang ở Washington để thảo luận các vấn đề khác của Việt Nam. Một đội tuần tra đã tình cờ bắt gặp ông ta. Khi bị bắt, ông ta có một cuốn sổ tay trong túi, đầy những ghi chép về công việc của mình và bao gồm một câu bằng tiếng Anh mà ông ta cho là của tôi. Ông Diệm hỏi tôi sau đó liệu tôi có thực sự nói với Ba Cụt, “Đừng tham lam quá đáng như vậy” (*“Don’t be so damn greedy”*?) không. Tôi thừa nhận là có. Bất chấp lời cầu xin khoan hồng của tôi, Ba Cụt đã bị một tòa án quân sự kết án tử hình và bị xử bằng máy chém tại Cần Thơ vào ngày 13 tháng 7.

Khoảng thời gian bắt đầu kết thúc của lực lượng ly khai mặt trận tại Cái Vồn, một sự khởi đầu hạnh phúc hơn nhiều đã diễn ra ở Sài Gòn.

Hội Cựu Chiến binh Việt Nam đã tổ chức đại hội quốc gia lần đầu tiên vào ngày 29 tháng 5 năm 1955, tại Tòa Thị Chính Sài Gòn. Ponce Enriquez và các thành viên khác của Hội Cựu Chiến binh Philippines thuộc Công ty Tự do Philippines đã tích cực làm cố vấn cho sự kiện thành lập này. Một tượng đài Chiến sĩ Vô danh đã được khánh thành tại quảng trường trước Tòa Thị Chính, và Tướng O'Daniel đã đặt vòng hoa đại diện cho Hoa Kỳ.

GHI CHÚ

SỢ YẾU (PHILIA-PHOBIA). Nếu tôi tin vào luân hồi, tôi đã có thể làm các phóng viên châu Âu kinh ngạc bằng một câu chuyện có thật để thêm vào những bài báo phụ trương Chủ nhật vốn đã giật gân của họ về thái độ chống Pháp được cho là của tôi. Khi còn là một thanh niên, tôi đã từng có một giấc mơ sống động về việc mình là một trung úy pháo binh người Pháp, những khẩu đại bác của tôi trên một bờ biển đầy cát bị bắn phá bởi những tàu chiến Anh dám đi vào gần, hòng súng của họ nhả lửa và khói, bởi vì súng của tôi đã hết đạn. Trong giấc mơ của tôi, tôi có thể thấy những viên đạn đại bác lao về phía chúng tôi, một số rơi xuống vùng nước nông gần bãi biển. Tôi lội ra để nhặt một viên lên và xem liệu nó có vừa với súng của tôi không, để bắn trả người Anh. Khi tôi nắm lấy một viên đạn đại bác dưới nước, tôi giật mình nhận thấy nó nóng bỏng. Cú sốc bỏng đã đánh thức tôi khỏi giấc mơ. Giấc mơ dường như quá chân thực đến nỗi tôi đã ghi chú lại trong nhật ký của mình. Nhiều năm sau, đọc một cuốn lịch sử về chiến dịch của Napoleon ở Ai Cập, tôi bắt gặp mô tả về chính xác sự kiện này. Thật trớ trêu biết bao nếu tôi đã từng là một sĩ quan Pháp từ nhiều thế hệ trước và giấc mơ chỉ là một lời thì thầm từ quá khứ?

CHƯƠNG MƯỜI TÁM

* *

SỰ KHỞI ĐẦU CỦA NỀN CỘNG HÒA

Không có gì về tương lai là có thể đoán trước được trong những tháng hè năm 1955 ở miền Nam Việt Nam. Ban lãnh đạo đất nước cũng nằm trong tình trạng lấp lửng này. Ông Diệm đã bị Quốc trưởng Bảo Đại bác bỏ nhưng vẫn kiên trì giữ chức Thủ tướng, khẳng định rằng ông đang hành động vì lợi ích tốt nhất của đa số người dân, những người mà, về phần mình, rõ ràng sẵn sàng đi theo ông vào lúc này. Nhưng ông và họ đang đi đâu?

Câu hỏi này được nhấn mạnh bởi sự sôi sục cách mạng rõ ràng trên đất nước. Các phong trào dân tộc đối lập nổi lên, và các nhà lãnh đạo khác nhau của họ sốt ruột thúc giục ông Diệm hành động theo nhiều cách mâu thuẫn. Tình trạng bất ổn xã hội càng bị khuấy động bởi việc tái định cư gần một triệu người tị nạn miền Bắc vào các ngôi nhà

mới ở miền Nam, giọng nói khác biệt của họ gây khó chịu cho tai người miền Nam, các cộng đồng mới thành lập của họ cần những chương trình công cộng khổng lồ, trong đó có việc đào hàng trăm dặm kênh rạch ở vùng đất thấp miền Nam, nếu họ muốn trở thành một phần khả thi của kinh tế địa phương.

Các vấn đề quân sự cũng đang trong giai đoạn chuyển đổi. Quân đoàn Viễn chinh Pháp không chỉ di chuyển vào các trại ven biển theo thỏa thuận, mà còn đóng gói các kho quân nhu khổng lồ ở miền Nam Việt Nam và vận chuyển chúng ra khỏi đất nước. Ông Diệm và các nhà lãnh đạo quân sự Việt Nam lo lắng về nguồn cung cấp cho nhu cầu của miền Nam Việt Nam. Quân đội Việt Nam có kế hoạch giảm bớt lực lượng, tổ chức lại và huấn luyện lại, nhưng hầu hết các tiểu đoàn của họ vẫn quá bận rộn trong các chiến dịch chống lại lực lượng ly khai Hòa Hảo và trong các hành động an ninh quốc gia ở các khu vực cũ của Việt Minh để có thể làm được nhiều hơn là chỉ mới bắt đầu các chương trình đó.

Mỹ khẳng định về việc giảm lực lượng Việt Nam vì lý do tiết kiệm ngân sách; và khi người Pháp chuẩn bị rời đi, các báo cáo đáng lo ngại từ miền Bắc Việt Nam cho biết

các sư đoàn Cộng sản mới đang được thành lập, huấn luyện và trang bị một lượng lớn pháo binh, thiết giáp và xe cộ của Liên Xô và Trung Quốc. Vì người Pháp đang rời đi và Quân đội Việt Nam được biết rộng rãi là đang chuẩn bị cắt giảm, người miền Nam Việt Nam lo lắng rằng việc tăng cường sức mạnh quân sự và khả năng cơ động của Cộng sản miền Bắc nhằm mục đích xâm lược miền Nam. Hà Nội sẽ không tấn công Trung Quốc và không cần một lực lượng khổng lồ như vậy để xâm lược Lào. Điều này khiến nước láng giềng còn lại, miền Nam Việt Nam, suy đoán một cách hợp lý rằng họ sẽ là nạn nhân của việc tăng cường quân sự ở miền Bắc.

Trong khoảnh khắc bất ổn này ở Việt Nam, người Anh và những người khác (bao gồm cả người Mỹ) nhắc nhở ông Diệm rằng ông phải tham gia các cuộc đàm phán với các nhà lãnh đạo Hà Nội về kế hoạch tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý vào năm 1956. Các đại biểu tại Geneva năm 1954 đã chỉ đạo Bắc và Nam gặp nhau về vấn đề này một năm trước cuộc trưng cầu dân ý. Điều đó có nghĩa là các cuộc đàm phán phải được bắt đầu vào tháng 7 năm 1955. Ông Diệm, bị quấy rầy, nói rằng nói chuyện với Cộng sản

về một cuộc bầu cử không có ý nghĩa gì đối với ông.

Tôi bắt đầu mô tả các yếu tố cải thiện có thể có nghĩa là một chiến thắng cho các nhà dân tộc chủ nghĩa Việt Nam tự do trong cuộc trưng cầu dân ý, nhưng ông Diệm khiển trách tôi vì đã đánh giá thấp khả năng giờ trò bắn thiu của Cộng sản. Ông viện dẫn một danh sách dài các vi phạm Hiệp định Geneva của Cộng sản. Không bầu cử với họ!

Ông Diệm thông báo cho người Anh về lập trường của mình một cách ngoại giao. Vào ngày 16 tháng 7, ông đã có một buổi phát thanh cho người dân Việt Nam. Ông nói với họ: “Chúng tôi đã không ký kết Hiệp định Geneva. Chúng tôi không bị ràng buộc dưới bất kỳ hình thức nào bởi những hiệp định này được ký kết trái với ý chí của người dân Việt Nam... Chúng tôi không bác bỏ nguyên tắc bầu cử như một phương tiện hòa bình và dân chủ để đạt được sự thống nhất. Nhưng bầu cử chỉ có thể là một trong những nền tảng của nền dân chủ thực sự với điều kiện chúng phải hoàn toàn tự do. Và chúng tôi sẽ nghi ngờ về khả năng đạt được các điều kiện bầu cử tự do ở miền Bắc dưới chế độ đàn áp do Việt Minh thực hiện.”

Mùa hè đầy biến động cũng mang đến

những thay đổi cho tôi. Tôi được chuyển từ TRIM, nơi tôi và các đồng nghiệp người Pháp đã từng gây gỗ nhau và nơi hoạt động an ninh quốc gia của Pháp-Mỹ tại Việt Nam hầu như đã kết thúc. Tôi được bổ nhiệm vào MAAG và được yêu cầu thành lập một phòng ban nhân sự mới ở đó để giải quyết những gì chúng tôi gọi là các vấn đề “phi quy ước”. Công việc bao gồm huấn luyện Quân đội Việt Nam về các hoạt động tình báo, chiến tranh tâm lý và thông tin quân đội. Chúng tôi đã giúp tổ chức và huấn luyện những đơn vị Biệt kích Quân đội Việt Nam đầu tiên. Tôi tiếp tục gặp ông Diệm gần như hàng ngày.

Ngay sau khi tôi chuyển sang MAAG, chỉ huy Pháp, Tướng Ely, và tổng cục trưởng MAAG Hoa Kỳ, Tướng O'Daniel, đã gặp nhau để thảo luận về những gì việc tăng cường lực lượng quân sự Cộng sản ở miền Bắc có thể báo trước. Một kết quả của cuộc họp là bắt đầu để Quân đội Việt Nam lập kế hoạch phòng thủ miền Nam Việt Nam trong trường hợp bị xâm lược. Họ cũng giao cho tôi nhiệm vụ tổ chức người Việt Nam kháng chiến du kích trong trường hợp Cộng sản xâm lược.

Tôi đã làm điều thiết thực và đưa vấn đề này cho ông Diệm, chỉ ra cho ông rằng sự

kháng chiến du kích hiệu quả nhất có thể được hình thành bởi các đảng phái chính trị trong số những người dân tộc chủ nghĩa. Vì ông là lãnh đạo chính trị của những người dân tộc chủ nghĩa Việt Nam, nên việc bổ nhiệm một nhóm điều hành chính trị để tôi cố vấn là tùy thuộc vào ông. Đổi lại, một phòng ban nhân sự nên được thành lập trong Quân đội Việt Nam để làm việc bên cạnh các đảng phái chính trị và đảm bảo sự phối hợp giữa lực lượng quân sự quy ước và du kích. Ông Diệm nhanh chóng bổ nhiệm một ban giám đốc kháng chiến như một phần trong ban nhân sự của chính mình.

Trong những tuần tiếp theo, các căn cứ du kích tiềm năng và các khu vực hoạt động đã được định vị dọc theo các tuyến đường xâm lược có thể xảy ra, cán bộ chính trị đã được tuyển mộ và giảng dạy những điều cơ bản về chiến tranh du kích, và mạng lưới thông tin liên lạc đã được thiết lập.

Khái niệm trang bị vũ khí cho người dân ở các ấp và làng xã để tự vệ đã được áp dụng, nhanh chóng phát triển thành một chương trình toàn quốc được gọi là “Quân đội Tự vệ Thôn xã” (sau này trở thành Lực lượng Địa phương quân). Ông Diệm chấp thuận việc trang bị vũ khí cho công dân vì đó là một

cách thực tế để đảm bảo quy tắc dân chủ ở miền Nam Việt Nam.

Địa vị của các bộ tộc miền núi, những người sống cuộc sống du mục dọc theo các đường mòn nội địa được lực lượng Cộng sản sử dụng và đã được người Pháp tổ chức như các lực lượng du kích chống Việt Minh (*maquis*), cần được sửa đổi mạnh mẽ. Người Việt Nam đối xử với người dân miền núi như những người thấp kém, và sự ác cảm của họ được đáp lại. Ông Diệm đồng ý cải cách về hành chính và thái độ chính thức tại các khu vực bộ tộc, và một khởi đầu mới đã được thực hiện. Cùng với các chương trình xá hội được cải thiện, người dân bộ tộc lại được tổ chức lại để kháng chiến chống lại Cộng sản một lần nữa. Các sĩ quan trong ban nhân sự của tôi bắt đầu đeo những chiếc vòng tay thể hiện việc họ được nhận làm con nuôi vào các bộ tộc, mặc dù tôi đã giữ các chuyến thăm của người Mỹ ngắn gọn, không muốn chúng tôi xen vào giữa các bộ tộc và người Việt Nam như người Pháp đã làm – và như quân nhân Mỹ sẽ làm một thập kỷ sau đó.

Khi mùa hè trôi qua, tôi gần như là một vị khách hàng ngày tại dinh. Ông Diệm đang vật lộn với những suy nghĩ của mình về tương lai chính trị và dường như đã tìm

thấy tôi là một bằng cộng hưởng hữu ích, một người quen thuộc và thân thiết mà ông có thể thư giãn và là chính mình. Áp lực bên ngoài đã giảm bớt, đặc biệt là từ chính phủ Pháp, những người đã có những động thái thân thiện với ông sau cuộc gặp giữa Dulles và Faure ở Paris. Nhưng các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam còn lâu mới được giải quyết. Với tư cách là nhà lãnh đạo quốc gia *tạm thời*, sáng kiến hướng tới một cơ sở khả thi hơn cho phúc lợi chính trị của Việt Nam sẽ phải đến từ ông Diệm.

Các cuộc trò chuyện của chúng tôi trong mùa hè đó rất dài. Ông Diệm sẽ dẫn thông dịch viên Redick và tôi vào văn phòng của ông, nơi ba chiếc ghế nặng được đặt để nói chuyện riêng (*tête-à-tête*). Vì những chiếc ghế luôn ở cùng một vị trí, tôi thường trêu chọc ông về những chiếc micrô ẩn bằng cách nói: “Kiểm tra... một... hai... ba,” khi tôi ngồi xuống.

Sau đó, chúng tôi sẽ bắt đầu trò chuyện qua vô số tách trà và gói thuốc lá; việc ông Diệm hút thuốc liên tục còn vượt qua cả việc hút thuốc nhiều của Redick và tôi. (Với tất cả khói thuốc đó, chúng tôi nên gọi nơi đó là “Căn phòng Xanh”). Nhờ tất cả số trà đó, chúng tôi sẽ phải nghỉ giải lao định kỳ để đi

vệ sinh. Tôi nhớ có lần ông Diệm đã trả lời một câu hỏi đầy tính khiêu khích từ tôi về ảnh hưởng của giáo lý Thiên chúa giáo đối với người Việt Nam bằng cách giảng giải cho tôi suốt năm giờ đồng hồ. Những buổi như vậy sẽ làm thông dịch viên của chúng tôi, Redick, kiệt sức, mặc dù dần dần khả năng hiểu tiếng Pháp của tôi được cải thiện đủ để giảm bớt gánh nặng cho ông ấy phần nào.

Tôi đã cố gắng hết sức để khuyến khích Diem suy nghĩ thấu đáo về bản chất của một cấu trúc chính trị có thể mang lại cho Nam Việt Nam, với một nền dân chủ tự do, cơ hội tồn tại trong thế giới hiện đại. Ông Diệm sẽ diễn thuyết về các triết lý chính trị thống trị ở châu Âu đầu thế kỷ, một chủ đề mà ông đặc biệt am hiểu. Tôi sẽ bác bỏ một số điểm ông đưa ra, nhắc nhở ông về sự đau khổ của con người mà một số ý tưởng chính trị đã mang lại khi những người tham vọng áp dụng chúng cho những mục đích sai trái, chẳng hạn như việc Mussolini sử dụng chủ nghĩa nghiệp đoàn (*syndicalism*).

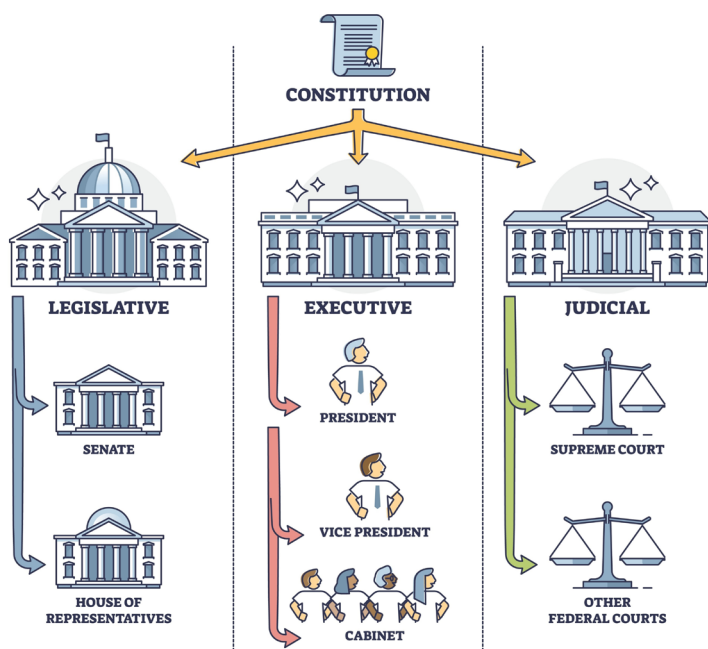
Sau đó, tôi sẽ chuyển sự chú ý của ông sang những chủ đề gần gũi với trái tim ông hơn: lịch sử Việt Nam và sự tiến hóa xã hội của người dân. Kiến thức của ông về đất nước và đồng bào của mình là vô cùng rộng

lớn, một sự kết hợp hấp dẫn giữa học thức, chuyện phiếm và tình cảm mà có thể mang lại cho ông sự nghiệp là nhà sử học hàng đầu của Việt Nam nếu ông chọn. Sau đó, tôi sẽ dẫn dắt vào các cuộc thảo luận về khả năng thích ứng của các ý tưởng nước ngoài với văn hóa Việt Nam, với những áp đặt theo chủ nghĩa Lenin của Cộng sản dưới thời Hồ Chí Minh, những đổi mới của phương Tây từ người Pháp, và ảnh hưởng lâu dài của tư tưởng Trung Quốc và Nho giáo đối với người Việt Nam.

Vì phần lớn cuộc đời mình ông Diệm đã tiếp xúc với những người ở châu Á và châu Âu có quan điểm chính trị hạn hẹp về Hoa Kỳ, những người chủ yếu coi Hoa Kỳ là một gã khổng lồ công nghiệp vật chất sử dụng sức mạnh thô bạo và tiền bạc để đạt được mục đích của mình với tư cách là người lãnh đạo thế giới, tôi đã dành thời gian để dạy ông Diệm một chút về đất nước và đồng bào tôi. Tôi nhấn mạnh khởi đầu khiêm tốn của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, những năm làm việc chăm chỉ mà những nông dân, thợ thủ công và chủ cửa hàng Mỹ đã mất để giành được tự do từ một cường quốc thực dân, và những năm làm việc tiếp theo của họ để tạo ra một phương tiện tự quản.

Ông Diệm đã biết rằng Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ ra đời năm 1776, nhưng ông dường như ngạc nhiên khi tôi nói với ông rằng Hiến pháp Hoa Kỳ được viết mười một năm sau đó và phải đến tháng 3 năm 1789 mới có hiệu lực. Tôi mô tả một số vấn đề phải vượt qua trong một xã hội nông thôn, cùng với cả ước mơ và những cuộc cãi vã của các Cha đẻ Sáng lập (*Founding Fathers*).

BRANCHES OF GOVERNMENT



Ông Diệm hỏi tôi những câu hỏi sắc bén về “kiểm soát và cân bằng” giữa ba nhánh của chính phủ Hoa Kỳ và yêu cầu tôi mô tả chi tiết cách thức người đứng đầu hành pháp thực thi quyền lực. Có lần, tôi đã phải vẽ một sơ đồ để minh họa “chuỗi mệnh lệnh” từ tổng thống Hoa Kỳ xuống.

Nhận thấy sự quan tâm sâu sắc của ông Diệm đối với chức tổng thống Hoa Kỳ, tôi cũng kể cho ông nghe về cách George Washington đã nhìn nhận vị trí này, thiết lập các phong tục của nó và đóng vai trò là một người phân xử chính trị đứng trên các phe phái đảng phái. Tôi chỉ ra rằng ít người trong lịch sử có cơ hội như Washington để trở thành “cha đẻ của đất nước mình.” Có lẽ ông Diệm có thể là một trong số ít người đó. Với tư cách là nhà lãnh đạo quốc gia khi Việt Nam giành được độc lập, tôi hy vọng ông Diệm sẽ sử dụng sức mạnh lãnh đạo của mình một cách khôn ngoan như Washington đã làm, để các thế hệ tương lai sẽ kính trọng ông.

Sau này, khi nổi áp suất chính trị lại sôi lên ở Việt Nam, thỉnh thoảng tôi lại nhắc nhở ông Diệm rằng ông phải ghi nhớ các thế hệ tương lai trong các hành động của mình. Tôi sẽ hỏi ông: “Ông có nghĩ đó là điều đúng đắn

mà ‘cha đẻ của đất nước’ nên làm không?” Thường thì ông sẽ dừng lại và suy ngẫm trước khi hành động. Tuy nhiên, có một lần, trong một cuộc tranh luận về quyền tự do báo chí (trong đó tôi đã cầu xin không đóng cửa một tờ báo dân tộc nhỏ), ông Diệm đã bác lại tôi một cách gay gắt, kết thúc bằng câu nói: “và đừng gọi tôi là cha nữa!”

Trong khi đó, những người khác cũng đang thúc giục ông Diệm hành động chính trị. Đứng đầu trong số họ là hai em của ông, Nhu và Cần, mỗi người lãnh đạo các phe cách mạng, đôi khi cạnh tranh nhau. Nhu, người làm việc với ông Diệm hàng ngày tại dinh với tư cách là trợ lý chính trị và tình báo của ông, rõ ràng có lợi thế trong cuộc cạnh tranh này; ảnh hưởng của ông đối với ông Diệm tăng lên từ giữa năm 1955 trở đi. Tuy nhiên, ông Diệm cũng gặp Cần, người trẻ nhất trong gia đình, thỉnh thoảng, hoặc trong các chuyến thăm mẹ của ông Diệm ở Huế (nơi Cần điều hành việc gia đình) hoặc trong các chuyến thăm ngắn ngủi của Cần đến Sài Gòn.

Tôi muốn gặp Cần, người mà tôi đã nghe cả những câu chuyện ca ngợi và không mấy thiện chí. Ông Diệm liên tục trấn an tôi rằng ông sẽ sắp xếp một cuộc gặp, nhưng bằng

cách nào đó nó cứ bị hoãn lại, và cuối cùng ông nói rằng Cẩn chỉ là một người thích ở nhà và tôi không nên mất thời gian đi thăm “cậu em” của ông. Tôn trọng mong muốn của ông Diệm về gia đình ông, tôi chưa bao giờ gặp Cẩn.

Phong trào Cách mạng Quốc gia (MNR), vốn đã bùng cháy thành một đời sống chính trị sôi nổi vào tháng 5, giờ đây đã có các chi nhánh trên khắp đất nước. Mặc dù ban điều hành quản lý của nó bao gồm các nhà lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa năng nổ, mỗi người đều có một lượng người theo đáng kể của riêng mình, nhưng người điều hành MNR chiếm ưu thế là em trai của ông Diệm, Nhu. Khi mùa hè chuyển sang mùa thu, MNR ngày càng ôn ào và hiếu chiến hơn về việc phế truất Bảo Đại và ủng hộ ông Diệm.

Nhu và các đồng nghiệp MNR của ông đề xuất nhiều đổi mới chính trị khác, một số sáng suốt và một số chỉ là sự lén lút quay trở lại với những công cụ bất hạnh của quá khứ. Một trường hợp như vậy, mà tôi phản đối mạnh mẽ đến mức ông Diệm phải gác lại, là một kế hoạch tạo ra một chương trình “tự lực cộng đồng” bên ngoài. Được xây dựng trong chương trình đề xuất là những thủ đoạn tương tự nhằm khiến cư dân một cộng

đồng tố cáo lẫn nhau như Cảnh sát đặc biệt Nhật Bản (Kempeitai) đã sử dụng khi họ tạo ra “hội hàng xóm” để kiểm soát dân chúng ở các khu vực bị xâm lược trong Thế chiến thứ II.

Tôi đã cảnh báo Diệm không nên sử dụng các biện pháp phòng thủ toàn trị để chống lại mối đe dọa toàn trị từ phía Cộng sản. Chúng sẽ làm cản trở khát vọng tự do thực sự của nhân dân và dẫn đến sự bất mãn, điều này có thể bị các phần tử chính trị lật đổ lợi dụng và kích động. Tại sao Diệm lại phải giúp đỡ Hồ Chí Minh thay vì sự nghiệp dân tộc chủ nghĩa?

Khi những ngày mùa thu trôi qua, sự bất ổn trong các nhóm cách mạng và các đảng phái chính trị dân tộc chủ nghĩa gia tăng. Họ muốn hành động. Tôi nhắc ông Diệm về ước mơ lâu dài của ông về một quốc hội nhân dân cho Việt Nam, tin rằng việc bầu cử và thành lập một quốc hội như vậy sẽ biến tất cả những năng lượng chính trị này thành một hình thức hiệu quả hơn. Ông Diệm nói thẳng với tôi rằng Bảo Đại vẫn phản đối một quốc hội như vậy. Tôi chỉ ra rằng chủ quyền thực sự của một quốc gia chỉ có thể đến từ nhân dân.

Với tư cách là một nhà lãnh đạo, ông

Diệm phải hành động để giúp người dân tìm ra phương tiện để thể hiện chủ quyền của họ dưới một hình thức thực tế nào đó. Nếu miền Nam Việt Nam muốn giữ được tự do và tự quản, thì đã đến lúc người Việt Nam phải tìm ra cách tự giải quyết công việc của mình. Ông Diệm đồng ý rằng cấu trúc chính trị của miền Nam Việt Nam phải được thay đổi mạnh mẽ nếu những người dân tộc chủ nghĩa Việt Nam muốn tồn tại. Ông trích dẫn cho tôi nhiều lời bày tỏ suy nghĩ này từ MNR và các chính trị gia khác, nói thêm rằng tình hình chính trị đang tiến gần đến điểm bùng nổ; nếu ông không hành động sớm, cuộc cách mạng sẽ vượt qua ông.

Tôi đoán được kết luận mà những nhận xét này đang dẫn đến và ngắt lời ông. Nếu ông đang nghĩ đến việc lật đổ Bảo Đại và tự mình lên thay thế Bảo Đại làm quốc trưởng, thông qua sự ra lệnh của các hành động MNR và các cuộc biểu tình quần chúng do MNR lãnh đạo, tôi nói, ông nên quên nó đi. Gia đình ông quá gắn bó với MNR. Cả người dân Việt Nam lẫn những người tự do trên thế giới sẽ không tin vào tính hợp lệ của sự bảo trợ như vậy. Ánh mắt trên khuôn mặt ông Diệm đã xác nhận suy đoán của tôi về điều ông sắp nói.

Tôi giải thích với Diệm rằng cách thức chấp nhận được và khả thi duy nhất để tạo ra sự thay đổi triệt để mà ông ấy và phong trào MNR đang hướng tới sẽ là thông qua quyền phổ thông đầu phiếu, một sự thể hiện ý chí tự do của người dân thông qua lá phiếu. Nếu Diệm chắc chắn rằng người dân sắp bùng nổ nếu không có sự thay đổi, ông ấy nên để họ nói lên điều đó bằng một cuộc bỏ phiếu. Kết quả sẽ được công nhận trên toàn thế giới, vì nguyên tắc chủ quyền tối cao của người dân được chấp nhận rộng rãi.

Hơn nữa, một cuộc trưng cầu dân ý chỉ nhằm mục đích cho người dân chọn một nguyên thủ quốc gia mới vào thời điểm này là chưa đủ. Kể từ khi Bảo Đại từ bỏ ngôi Hoàng đế để trở thành Quốc trưởng, Việt Nam đã tự điều hành thông qua một mớ hỗn độn các luật và sắc lệnh phần lớn bắt nguồn từ thời kỳ thuộc địa. Một số trong đó rõ ràng đã lỗi thời trong một quốc gia hiện đã độc lập. Nếu người dân được trao quyền bầu cử lãnh đạo của họ, họ sẽ muốn quá trình này tiếp tục và phát triển. Điều đó có nghĩa là cần có một bộ quy tắc hoàn toàn mới, được thể hiện trong một hiến pháp. Ngay cả Bắc Việt Nam cũng đã có hiến pháp. Trong một cuộc tranh cử giữa tập quán cũ dưới thời Bảo Đại

và một cái gì đó mới dưới thời Diệm, Diệm sẽ phải nêu rõ cái mới đó là gì. Ít nhất, ông ấy sẽ phải gắn việc ứng cử của mình với một nhiệm vụ tạo ra một hiến pháp do các đại diện được người dân lựa chọn viết ra. Ông ấy sẽ phải ấn định một ngày cụ thể cho cuộc bầu cử đại diện vào một Quốc hội Lập hiến, trong khi đó – nếu người dân chọn ông ấy thay vì Bảo Đại – nắm giữ chức vụ như một sự tín nhiệm công cho đến khi Hiến pháp ra đời, và sau đó ông ấy sẽ phải tuân thủ Hiến pháp đó.

Cuộc đối thoại này diễn ra vào cuối tháng Chín. Nó khiến Diệm suy nghĩ rất nhiều. Vài ngày sau, Diệm cho thấy qua cuộc trò chuyện với tôi rằng ông ấy đã chấp nhận ý tưởng về một cuộc bầu cử phổ thông. Ông ấy đã lên kế hoạch làm thế nào để tổ chức nó trên toàn quốc trong một ngày.

Ngày 6 tháng 10 năm 1955, Diệm công bố một cuộc trưng cầu dân ý sẽ được tổ chức vào ngày 23 tháng 10 để người dân quyết định ai sẽ là nguyên thủ quốc gia, Bảo Đại hay Ngô Đình Diệm với lời cam kết khởi xướng chính phủ lập hiến. Cử tri sẽ được phát hai lá phiếu, một lá mang tên và hình ảnh của Bảo Đại, lá kia mang tên và hình ảnh của Ngô Đình Diệm. Cử tri sẽ bỏ lá

phiếu mà mình ưa thích và loại bỏ lá còn lại. Tôi thúc giục Diệm sử dụng một bức ảnh đẹp của Bảo Đại trên những lá phiếu này, vì tôi chắc chắn rằng Diệm sẽ sử dụng một bức ảnh đẹp của chính mình. Ngoài ra, tôi cảnh báo ông ấy về khả năng phong trào MNR nhồi nhét phiếu bầu, vì ông ấy và cử tri sẽ phải hoàn toàn tin tưởng vào tính hợp lệ của kết quả bầu cử trong trường hợp ông ấy thắng cử và bắt tay vào xây dựng một hệ thống chính trị mới. Gian lận sẽ là xây dựng tương lai trên một nền tảng giả dối và điều này có nghĩa là bất cứ điều gì ông ấy làm tiếp theo sẽ tồn tại ngắn ngủi. Ông ấy phải nhìn về phía trước đến nhu cầu của các thế hệ chưa ra đời nếu ông ấy tranh cử vào vị trí “cha đẻ của đất nước,” vốn sẽ là ý nghĩa của cuộc trưng cầu dân ý này.

Diệm tỏ ra nghi ngờ về việc giúp đỡ Bảo Đại quá nhiều trong cuộc trưng cầu dân ý. Rốt cuộc, Bảo Đại đã là một thế lực chính trị trong nhiều năm, và những người ủng hộ Bảo Đại ở Việt Nam sẽ sử dụng mọi mảnh khố họ biết để giành chiến thắng. Họ đã và đang công khai rộng rãi bức điện tín ngày 18 tháng 10 từ Bảo Đại, bãi miễn Diệm. Tôi nhắc nhở ông ấy rằng Diệm có nhiều người ủng hộ tích cực hơn Bảo Đại. Điều tối đa

mà Diệm có thể làm, nếu ông ấy cảm thấy phong tục và sự mê tín có thể chống lại mình, là thêm một số bảo hiểm tiềm thức bằng cách sử dụng màu sắc trên các lá phiếu, in lá phiếu của chính mình bằng màu đỏ, màu hạnh phúc của châu Á. Lá phiếu của Bảo Đại có thể được in bằng màu đen, xanh lam hoặc xanh lục.

Khuôn mặt của Diệm rạng rỡ lên trước gợi ý này. Trong cuộc bầu cử ngày 23 tháng 10, lá phiếu cho Diệm được in bằng màu đỏ vui tươi của các đám cưới châu Á và các sự kiện vui vẻ khác. Lá phiếu của Bảo Đại có màu xanh lục không mấy ấn tượng, mặc dù bức ảnh trên đó cho thấy một người đàn ông đẹp trai hơn bức chân dung trên lá phiếu của Diệm.

Kết quả kiểm phiếu cuối cùng, khi những người quét đường quét đi một lượng lớn lá phiếu xanh bị vứt bỏ, là 5.721.735 phiếu bầu cho Diệm và 63.017 phiếu bầu cho Bảo Đại. Ngày 26 tháng 10, Ngô Đình Diệm tuyên bố thành lập Cộng hòa Việt Nam, tự phong mình làm tổng thống.

GHI CHÚ

ĐỒ UỐNG (POTABLES). Việc “nhận làm con nuôi” của một bộ lạc miền núi ở Việt Nam bao gồm một cuộc chè chén say sưa đến

mức có thể biến bất kỳ ai thành một người Gypsy (ám chỉ người say xỉn, sống lang thang). Chủ và khách uống từ một cái bát chung, loại bia được ủ là một loại bột nhào lên men mà những người phụ nữ trong bộ lạc đã nhai và sau đó nhổ vào bát. Khách cần có một dạ dày sắt. Sau khi tham gia những nghi lễ tương tự đáng ngạc nhiên với các bộ lạc ở châu Á và Nam Mỹ, cuối cùng tôi đã được người bạn du kích Trung Quốc của mình là Bernie Yoh cho một lời khuyên hữu ích. Anh ấy bảo tôi mang theo một cái bình đựng loại rượu brandy yêu thích của mình đến những buổi gặp mặt này, chọn ra tộc trưởng và chia sẻ cái bình đó với ông ấy như một vinh dự đặc biệt. Nếu làm một cách lịch sự, điều đó sẽ khiến bộ lạc cảm thấy được tôn trọng và chắc chắn là làm cho việc uống rượu trở nên dễ chịu hơn.

CHƯƠNG MƯỜI CHÍN

* *

NHỮNG NGÀY CUỐI CÙNG Ở VIỆT NAM

Một trong những lợi ích không được công nhận của đời sống quân ngũ là người lính mặc quân phục thỉnh thoảng sẽ học được cách khiêm nhường. Tôi đã có một trải nghiệm đáng nhớ vào cuối năm 1955. Nó đến từ vị tân chỉ huy MAAG. Nhiệm kỳ và thời gian phục vụ của Tướng O'Daniel đã kết thúc, và ông ấy đã trở về Hoa Kỳ để nghỉ hưu. Người thay thế ông, Trung tướng Samuel Tankersley Williams, đã đến Sài Gòn vào ngày 15 tháng 11. Ông là một tư lệnh chiến đấu nổi tiếng, được biết đến rộng rãi trong giới quân sự Hoa Kỳ với biệt danh “Hanging Sam” (Sam Treo Cổ).

Lý do ông có biệt danh đáng sợ như vậy sớm trở nên rõ ràng. Tướng Williams bắt tay vào việc “chỉnh đốn” MAAG theo ý mình, với những lời quả trách gay gắt nhắm vào các sĩ quan cấp cao chịu trách nhiệm về bất

cứ điều gì ông thấy lỗi thôi hoặc không đúng chỗ. Những tiếng gầm của ông có thể được nghe thấy khắp các tòa nhà trụ sở MAAG, khi từng người không may mắn này nối tiếp người khác đứng trước mặt ông, hứng chịu cơn thịnh nộ trút xuống đầu. Lời buộc tội thường xuyên nhất của vị chỉ huy mới là sĩ quan đó đang điều hành công việc của mình “như lực lượng dân quân Texas và điều này phải chắc chắn thay đổi.” Những người đàn ông mạnh mẽ đã phải bật khóc.

Đến lượt tôi quá sớm. Vào ngày thứ hai ở MAAG, Hanging Sam gọi tôi vào văn phòng. Khi tôi đến gần văn phòng, tôi có thể nghe thấy giọng nói đầy uy lực của ông đang mắng nhiếc ai đó vì vẻ ngoài lộn xộn của bãi xe cơ giới. Tôi vội vàng kiểm tra vẻ ngoài của mình. Đúng, các nút áo đồng phục đã được cài và khóa kéo đã kéo. Một Chuẩn tướng bước ra khỏi văn phòng, mặt tái mét và choáng váng. Anh ấy hỏi tôi có phải đang đi gặp Hanging Sam không. Tôi trả lời là có. Anh ấy thốt lên một câu “Chúa phù hộ anh” đầy thành kính khi tôi bước vào. Tôi đi ngang qua bàn của các phụ tá, những người đang cúi đầu xuống giấy tờ thể hiện sự chăm chỉ tuyệt vời; đối với tôi, họ trông như đang cố tránh bão. Tại bàn làm việc của Tướng

Williams, tôi dừng lại ở tư thế nghiêm với tiếng gót chân vang lên, chào ông ấy bằng nghi thức tốt nhất của mình và báo cáo.

Williams nhìn tôi một lúc, rồi nói với tôi bằng giọng điệu trò chuyện rằng ông ấy đã đến thăm phòng ban của tôi khi tôi vắng mặt. Ông ấy kết luận: “Anh điều hành họ như một băng nhóm Gypsy. Anh có gì để nói về bản thân mình không?” Tôi nhìn lại ông ấy, một hình ảnh nhanh chóng xuất hiện trong đầu về một số nhân viên của tôi vừa trở về sau chuyến thăm các bộ lạc miền núi, chắc chắn đang đeo những chiếc vòng tay bộ lạc mới trên cổ tay. Họ quả thực là một nhóm trông giống Gypsy. Vì vậy, tôi mỉm cười và thừa nhận sự thật trong lời buộc tội của Tướng Williams, và nói thêm: “Tôi thích người Gypsy, thưa ngài.”

Có một sự im lặng kéo dài. Sau đó là một trận bão tố. Tôi nhận được một bài giảng gay gắt về việc duy trì kỷ luật đường như kéo dài mãi mãi và chắc chắn không chỉ dành cho tai tôi mà còn cho mọi sinh vật sống trong toàn bộ khu vực đô thị và thậm chí có lẽ là các con tàu trên biển. Trong khi bài giảng đang diễn ra, các phụ tá rón rén bước ra khỏi văn phòng, tìm nơi trú ẩn khỏi cơn bão lời nói. Cuối cùng, bài giảng kết thúc và

Tướng Williams nói rằng tôi được giải tán. Tôi nói rằng tôi có một vấn đề khác cần thảo luận với ông ấy. “Đó là gì?” ông hỏi. “Tối nay ăn tối với tôi ở chỗ tôi nhé?” tôi hỏi.

Sau một hồi trò chuyện thêm, trong đó ông ấy khẳng định rằng tôi đã không chú ý đầy đủ đến bài giảng của ông và tôi cũng quả quyết không kém rằng tôi đã nghe từng lời, ông ấy đã chấp nhận lời mời của tôi. Tôi không nói với ông ấy điều này, nhưng lời quở trách gay gắt của ông đã làm tôi nhớ đến những lời tôi nhận được từ người ông bất khuất của mình, đến nỗi những ký ức triu mến về ông ấy đã chiếm rất nhiều trong suy nghĩ của tôi suốt bài giảng dài đó. Hanging Sam không chỉ đến ăn tối đêm đó mà hai chúng tôi dần dần đạt được sự thấu hiểu lẫn nhau, và một tình bạn hiếm có đã phát triển, có ý nghĩa rất sâu sắc đối với tôi. Vài tuần sau, khi tôi đến thăm Washington, tôi đã nói chuyện với một nhóm sĩ quan trong Bộ Tham mưu Liên quân tại Lầu Năm Góc. Một trong số họ ngạc nhiên ngắt lời: “Anh muốn nói là anh thích Hanging Sam à?” Tôi khẳng định là có. Tôi đã nghiêm túc, lúc đó và bây giờ.

Tôi đã trải qua những ngày lễ bên ngoài Việt Nam. Tướng Williams thì không. Ông

ấy nói với tôi rằng ông ấy đã ở cùng Quân đội Việt Nam tại Khu Phi quân sự giữa miền Bắc và miền Nam trong dịp Giáng sinh và Ngày đầu năm mới và chưa bao giờ cảm thấy cô đơn hơn trong đời. Ông ấy đã nhận được các báo cáo về việc quân đội Bắc Việt Nam di chuyển về phía biên giới này, cùng với các báo cáo về việc họ được trang bị xe tăng và pháo binh Liên Xô mới. Các báo cáo đã nhiều ngày tuổi, vì vậy ông ấy không ngừng tự hỏi điều gì có thể đang xảy ra lúc này khi nhìn về phía Bắc. Các báo cáo tình báo ít ỏi mà ông nhận được chỉ làm tăng thêm nỗi lo sợ của ông. Ông ấy không ngừng hình dung về một cuộc xâm lược bất ngờ của lực lượng Cộng sản và ít tin tưởng vào dự đoán của riêng tôi rằng Bắc Việt Nam sẽ tiến vào miền Nam một cách bí mật, chứ không phải bằng một cuộc xâm lược công khai. Ông ấy là một cựu binh Triều Tiên, nơi các lực lượng Cộng sản đã tiến hành các cuộc xâm lược công khai qua biên giới. Ông ấy nhớ bài học mà họ đã dạy cho ông. Những dự đoán “nhìn vào quả cầu pha lê” của riêng tôi dựa trên những gì tôi biết về tính cách của Hồ, Giáp và các nhà lãnh đạo Bắc Việt Nam khác. Bất chấp sự may mắn trong trận chiến công khai rộng lớn tại Điện Biên Phủ,

tôi tin rằng họ vẫn suy nghĩ theo kiểu du kích và các hoạt động bí mật. Một cuộc xâm lược công khai sẽ bị họ coi là quá bất thường và nguy hiểm, khi họ có những phương tiện đã được chứng minh hơn để sử dụng.

Linh cảm của Tướng Williams về một cuộc xâm lược từ phía Bắc đã khiến ông ấy cố gắng hết sức để giúp các lực lượng vũ trang Việt Nam sẵn sàng đối phó với một cuộc tấn công như vậy. Điều này có nghĩa là tổ chức và huấn luyện quân đội Nam Việt Nam thành các đơn vị đủ lớn và có đủ hỏa lực để chống lại một cuộc tấn công dữ dội của nhiều sư đoàn Bắc Việt Nam. Khi Nam Việt Nam chuẩn bị cho cuộc chiến quy mô lớn được dự kiến, lực lượng vũ trang của họ dần mang hình ảnh của lực lượng Hoa Kỳ, không chỉ với trung đoàn và sư đoàn (như đã được Tướng O'Daniel khởi xướng), mà còn với các quân đoàn. Thời kỳ các tiểu đoàn biệt lập và độc lập rải rác trên khắp đất nước đã qua. Con người và hỏa lực giờ đây có thể được tập trung cho phòng thủ.

Nhiều năm sau, các nhà phê bình “xa lông” với lòng dũng cảm đáng ngờ của sự hồi tưởng đã tuyên bố rằng việc biến Quân đội Việt Nam thành một lực lượng quy ước như vậy là ngu ngốc. Tất nhiên, những nhà phê

bình này không phải nhìn qua biên giới nơi các sư đoàn Cộng sản được trang bị vũ khí hạng nặng đang hình thành cho một hành động trông đáng ngờ như một cuộc xâm lược. Khi Tướng Williams đặt câu hỏi về dự đoán của riêng tôi về sự xâm nhập bí mật, tôi đã phải thành thật thừa nhận rằng tôi có thể đã sai. Người Việt Nam không dễ đoán như vậy, và hơn nữa, tôi không biết Giáp và các nhà lãnh đạo quân sự Cộng sản khác đã lắng nghe lời khuyên của các sĩ quan Liên Xô như thế nào khi họ đang bận rộn hướng dẫn Bắc Việt Nam các phương pháp tấn công quét sạch bằng pháo binh và thiết giáp tập trung. Một cuộc xâm lược chính thức không thể bị loại trừ như một khả năng bởi những người chịu trách nhiệm đối phó với nó. Tướng Williams dành phần lớn thời gian của mình để thăm viếng binh lính Việt Nam. Quan sát ông ấy làm điều này, tôi ngày càng ấn tượng bởi mối quan hệ mà ông ấy sớm thiết lập với những người lính bình thường, những người đến gặp ông ấy, riêng tư tìm kiếm lời khuyên của ông ấy về các vấn đề cá nhân hoặc kể cho ông ấy nghe về việc sinh nở và qua đời của người thân. Các sĩ quan sẽ tâm sự với ông ấy về các vấn đề chỉ huy theo một cách mà họ hiếm khi làm

với cấp trên người Việt của chính họ. Những người Mỹ nhìn vào Williams và chỉ thấy vị tư lệnh chiến đấu cứng rắn đã bỏ lỡ khía cạnh khôn ngoan và thấu hiểu này của con người ông, điều mà bằng cách nào đó, sử dụng một loại “radar cá nhân,” quân nhân Việt Nam đã khám phá ra. Rất ít trong số hàng nghìn người Mỹ phục vụ sau này tại Việt Nam có được mối quan hệ gắn bó với người Việt Nam gần gũi như mối quan hệ mà Tướng Williams đã có.

Williams đã cố gắng mở đường cho những người Mỹ dưới quyền mình noi gương ông. Tôi giới thiệu phương pháp của ông cho bất kỳ ai chịu trách nhiệm huấn luyện và cố vấn cho quân đội nước ngoài ngay tại quê hương họ. Mỗi tháng một lần, các cố vấn quân sự Mỹ đóng quân khắp Việt Nam được tập hợp lại tại Sài Gòn. Tại cuộc họp, không chỉ có sự trao đổi giữa những người Mỹ về các vấn đề đang diễn ra, mà còn có một khoảng thời gian Williams nhường diễn đàn lại cho người Việt Nam. Trong khoảng thời gian này, Tướng Trần Văn Đôn, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội Việt Nam, sẽ nói với những người Mỹ cố vấn đang tập hợp một cách chính xác và thẳng thắn về việc quân nhân Việt Nam nghĩ những người Mỹ này

đang thành công hay thất bại như thế nào. Không có tên nào được nêu ra, để tránh làm bẽ mặt cá nhân người Mỹ hoặc người Việt Nam; nhưng các vấn đề về hành vi, khác biệt văn hóa và nhiều xích mích có thể gây rắc rối nghiêm trọng giữa quân nhân của hai quốc tịch đều được đưa ra thảo luận. Đó là một bài tập mang tính khai mở, thổi bay những quan niệm sai lầm và cho mỗi người Mỹ trong khán phòng cơ hội bắt đầu hiểu những gì từ trước đến nay dường như xa lạ với họ.

Tất nhiên, những người Mỹ khác cũng đang làm việc chặt chẽ với người Việt Nam. Một số mối quan hệ đã dẫn đến một sự phát triển mà tôi tin rằng chỉ có thể mang lại thảm họa cuối cùng cho miền Nam Việt Nam. Khi tôi phát hiện ra điều gì đang xảy ra, tôi đã cố gắng làm cho chiều hướng sự kiện được điều chỉnh và thậm chí đã đi đến Washington để đích thân kháng nghị với Ngoại trưởng. Nhưng nỗ lực của tôi đã thất bại.

Sự phát triển này mang tính chính trị. Dấu hiệu đầu tiên tôi nhận thấy là khi một số gia đình xuất hiện tại nhà tôi vào một buổi sáng để kể cho tôi về việc người thân của họ, tất cả đều là các nhân vật chính trị, đã bị bắt vào nửa đêm. Vụ bắt giữ có một

khía cạnh kỳ lạ, diễn ra khi thành phố đang ngủ và được thực hiện bởi những người đàn ông được vũ trang hạng nặng, được xác định là “cảnh sát đặc biệt.” Các gia đình đến nhờ tôi giúp đỡ hoặc trấn an gần như nói năng lộn xộn khi cố gắng trả lời các câu hỏi của tôi về lý do tại sao người thân của họ bị bắt. Họ không biết chắc chắn nhưng suy đoán rằng người thân của họ, những người không phải tội phạm hay người vi phạm pháp luật, là nạn nhân của sự trả đũa chính trị bởi đảng Cần Lao. Họ nói rằng mọi quan chức trong chính phủ đang bị gây áp lực phải tham gia và người thân của họ đã từ chối. Người thân của họ yêu Việt Nam và làm việc chăm chỉ trong chính phủ nhưng ghét ý tưởng tham gia một hội kín để giữ công việc của mình. Một phần sự ghê tởm của họ đến từ những gì họ nghe được về buổi lễ gia nhập, trong đó các thành viên mới phải hôn ảnh Ngô Đình Diệm và thề trung thành tuyệt đối với ông. Các chi bộ bí mật của Cần Lao đang được tổ chức nhanh chóng trong toàn bộ hệ thống dân sự và lực lượng quân sự.

Tôi biết một chút về Cần Lao, và những gì những người bối rối này nói với tôi đơn giản là không phù hợp với bức tranh đó. Nguồn gốc của Cần Lao là vào năm 1953 khi sáu nhà

tư tưởng chính trị thành lập một đảng chính trị mới mà họ gọi là Đảng Công Nông Cách Mạng. Sáu người đó là Ngô Đình Nhu, Bác sĩ Nguyễn Tăng Nguyên, Trần Quốc Bửu, Trần Văn Độ, Trần Trung Dzung và Trần Chánh Thành, một sự pha trộn giữa các lãnh đạo lao động và trí thức từ ba miền chính của Việt Nam. Hy vọng của họ là tổ chức công nhân thành thị và nông dân nông thôn trong một nỗ lực dân tộc chủ nghĩa chung với giới trí thức trên cả nước, thành lập các chi bộ khu phố, làng xã và ấp. Nguyễn Tăng Nguyên giữ chức chủ tịch đầu tiên của đảng. Khoảng ba tháng sau khi thành lập, đảng mới đổi tên thành *Le Parti Travailleiste* (Đảng Lao động) và thông qua một chương trình nhân văn gần gũi hơn với các đảng châu Âu cùng tên. Sau khi Diệm lên làm thủ tướng và đối đầu với Pháp, đảng đã dịch tên sang tiếng Việt là Cần Lao, và em trai của Diệm là Nhu trở thành tổng bí thư của nó. Ông ta dần dần thao túng năm người đồng sáng lập kia ra khỏi các vị trí lãnh đạo trong đảng. Lần cuối cùng tôi nghe tin, nó vẫn là một đảng tương đối nhỏ, mặc dù nó có một số thành viên năng nổ và có khả năng được Nhu chỉ đạo với kỹ năng đáng kể.

Tôi có một cuộc gặp đã định với Diệm vào

cuối buổi sáng hôm đó. Tôi đã tận dụng cơ hội để kể cho ông ấy nghe về các vụ bắt giữ vào đêm khuya và cung cấp cho ông ấy tên của những người mà tôi nghe nói đã bị bắt. Ông ấy nhận ra họ và rõ ràng là rất ngạc nhiên trước các vụ bắt giữ. Ông ấy xin lỗi và rời khỏi phòng khoảng hai mươi phút, khi trở lại, ông ấy thông báo với tôi rằng tất cả chỉ là một sai lầm và những người đó đang được thả. Ông ấy có vẻ hơi bối rối và xấu hổ khi nói điều này. Tôi đoán rằng ông ấy đã nói chuyện này với em trai mình là Nhu, người có văn phòng ở phía sau dinh, và thực sự đã không biết về sự việc trước khi tôi nói với ông ấy.

Quyết định rằng thời điểm đã chín muồi, tôi cũng kể cho ông ấy nghe những gì tôi đã nghe được về việc tuyển mộ bí mật các thành viên Cần Lao trong toàn bộ hệ thống dân sự và lực lượng quân sự cũng như về buổi lễ gia nhập, trong đó các thành viên mới quỳ gối và hôn bức chân dung của ông. Diệm cười trước mô tả này và nói rằng đó là chuyện vô nghĩa; ông ấy chắc chắn không có chuyện như vậy đang được thực hiện. Về phần Cần Lao, đúng là nhiều thành viên mới đang gia nhập đảng, ủng hộ ông ấy chỉ vì họ chia sẻ ý tưởng của ông ấy về cách tốt nhất

để Việt Nam phát triển và lớn mạnh. Tất cả những gì em trai ông ấy là Nhu thực sự đang làm là xây dựng một đảng chính trị hỗ trợ cho tổng thống mới được bầu của Cộng hòa Việt Nam, thực ra không khác gì ở Hoa Kỳ, nơi mỗi tổng thống đều có một đảng chính trị ủng hộ mình.

Tôi nói một cách dứt khoát rằng vị trí của ông ấy gần giống với George Washington hơn, người không có đảng phái chính trị riêng, chứ không phải các tổng thống Hoa Kỳ sau này. Ở Việt Nam, các thành viên của các đảng dân tộc chủ nghĩa lâu đời đã bỏ phiếu cho ông ấy với niềm tin rằng ông ấy sẽ cho mọi người một cơ hội công bằng để tham gia vào đời sống chính trị quốc gia. Nếu Cần Lao hiện đang được em trai ông ấy tổ chức như một tổ chức chính trị bí mật trong toàn bộ chính phủ, cùng với việc sử dụng cảnh sát đặc biệt cũng do em trai ông ấy kiểm soát để dập tắt bất kỳ sự phản đối nào, thì Cần Lao sẽ buộc các đảng dân tộc chủ nghĩa khác phải hoạt động ngầm để tồn tại. Điều đó sẽ khiến thể chế chính trị ở miền Nam Việt Nam bị chia rẽ sâu sắc, trong một trò chơi thâm lặng và chết chóc của những người dân tộc chủ nghĩa đấu tranh chống lại những người dân tộc chủ nghĩa, ngay

vào thời điểm mà những nhà ái quốc có tư tưởng cần phải công khai để viết hiến pháp và thành lập một hệ thống chính trị mới để cạnh tranh với hệ thống Cộng sản ở miền Bắc. Những gì đang được bắt đầu bây giờ chỉ có thể dẫn đến sự lặp lại khủng khiếp của những bi kịch trong quá khứ giữa các đảng viên dân tộc chủ nghĩa như Đại Việt, VNQDD, Hòa Hảo và Cao Đài. Việc lặp lại lịch sử hỗn loạn của sự phản bội, giết người và các cuộc nổi dậy bất thành như cuộc nổi dậy lịch sử ở Yên Đổ cuối cùng sẽ chỉ mang lại lợi ích cho những người Cộng sản đang chờ đợi.

Diệm nói rất ít sau lời bộc phát của tôi. Tôi rời đi, hy vọng ông ấy đang trong tâm trạng suy nghĩ, và lái xe đến đại sứ quán Mỹ. Ở đó, tôi kể cho Đại sứ Reinhardt nghe về các sự kiện buổi sáng và kết luận bằng cách nói rằng đây là thời điểm mà những người Mỹ dưới sự chỉ đạo của ông ấy, những người thường xuyên liên lạc với Nhu, và những người đang cố vấn cho chi nhánh cảnh sát đặc biệt, sẽ phải làm việc chăm chỉ hơn trong việc gây ảnh hưởng đến người Việt Nam hướng tới một khái niệm chính trị cởi mở và tự do hơn. Khi tôi nói, một cái nhìn kỳ lạ xuất hiện trên khuôn mặt của đại

sứ. Sau một lúc im lặng, ông ấy nhẹ nhàng thông báo với tôi rằng một quyết định chính sách của Hoa Kỳ đã được đưa ra. Người Mỹ chúng ta sẽ hỗ trợ những gì có thể để xây dựng một đảng chính trị dân tộc chủ nghĩa mạnh mẽ sẽ ủng hộ Diệm. Vì Diệm hiện là tổng thống được bầu, ông ấy cần có đảng của riêng mình.

Tin tức về việc một quyết định chính sách như vậy của Hoa Kỳ đã được đưa ra, và nó được đưa ra mà tôi không hề hay biết hay có cơ hội nói bất cứ điều gì trong khi nó đang được cân nhắc, đã gây sốc cho tôi. Tôi đã nói với Reinhardt như vậy, chỉ ra rằng ông ấy và các nhà hoạch định chính sách của Hoa Kỳ ở Washington đều biết rõ rằng tôi có các cuộc thảo luận gần như hàng ngày với Diệm, chủ yếu về các chủ đề chính trị. Không có người Mỹ nào khác làm điều này thường xuyên như vậy, mặc dù Diệm thỉnh thoảng gặp gỡ những người Mỹ khác, chẳng hạn như Wesley Fishel, người đang chuẩn bị chương trình đào tạo của Đại học bang Michigan cho các nhà quản lý Việt Nam, và Wolf Ladejinsky, người đang cố vấn về các biện pháp cải cách ruộng đất. Mặc dù tôi thường gặp Fishel và Ladejinsky, nhưng cả hai đều không đề cập đến việc Hoa Kỳ

khuyến khích một đảng chính trị tổng thống bí mật, và tôi nghi ngờ rằng họ cũng không hề biết về điều đó.

Reinhardt nói với tôi một cách dứt khoát rằng quyết định chính sách của Hoa Kỳ đã được đưa ra và tôi nên định hướng hành động của mình theo nó. Theo yêu cầu của tôi, ông ấy đã mời đội ngũ chính trị của mình đến gặp tôi. Chúng tôi đã có một cuộc thảo luận dài, và có một số khoảnh khắc giận dữ. Các thành viên trong đội ngũ kiên quyết rằng lý luận của họ với tư cách là các nhà khoa học chính trị là đúng đắn; cần phải có một đảng dân tộc chủ nghĩa mạnh mẽ hỗ trợ nhà lãnh đạo đương nhiệm. Tôi thừa nhận rằng điều này sẽ là lý tưởng ngoại trừ tại thời điểm này ở Việt Nam, khi việc thành lập một đảng như vậy bởi người Việt Nam, những người sẽ tổ chức nó theo đường lối bí mật, từng chi bộ ngầm, có nghĩa là tất cả các đảng dân tộc chủ nghĩa khác sẽ phải che giấu các hoạt động của chính họ. Đảng mới, Cần Lao, sẽ kiểm soát cảnh sát, quân đội và các chức năng trừng phạt kinh tế của chính phủ. Các vụ bắt giữ những người đối lập chính trị vào nửa đêm cho thấy những quyền lực này có thể được sử dụng như thế nào. Đảng Cần Lao có thể phát triển đến một quy mô khá,

nhưng thể chế chính trị của miền Nam Việt Nam sẽ bị tổn thương nặng nề. Thời điểm không thể tệ hơn, ngay trước khi viết hiến pháp và tạo ra một hệ thống chính trị mới cho đất nước. Một hệ thống dân chủ khả thi, công khai – một mục tiêu mà các quan chức Hoa Kỳ cảm thấy là đáng mong muốn – đơn giản là không thể phát triển từ một sự khởi đầu như vậy.

Những lập luận của tôi đã bị bác bỏ. Vì vậy, sau khi bị chặn lại ở Sài Gòn, tôi quay sang Washington và yêu cầu một cơ hội trở về nhà để tham vấn. Yêu cầu đã được chấp thuận. Đến Washington, tôi bắt đầu vòng họp “báo cáo” theo thông lệ với các nhà hoạch định chính sách, giám đốc điều hành hoạt động, quản trị viên hỗ trợ và nhân viên của họ. Tôi đã biện luận cho trường hợp của mình nhưng không thành công. Các cuộc họp bao gồm một phiên họp riêng với John Foster Dulles và Allen Dulles, vì hai anh em này có tiếng nói quyết định trong việc xác định mối quan hệ của Hoa Kỳ với Việt Nam. Tôi cũng không thành công với họ như với những người khác, bất chấp sự thân thiện của cuộc họp. Tôi hiểu rằng họ cảm thấy con đường thực dụng là con đường mà các chuyên gia chính trị của họ ở Sài Gòn đã đề xuất, mặc dù họ

nhìn nhận quan điểm của tôi một cách thông cảm ngay cả khi đánh giá chúng là quá viễn vông và lý tưởng. Tuyên bố của tôi rằng đây là một trong những thời điểm mà chủ nghĩa lý tưởng có nguyên tắc là con đường thực dụng và thực tế nhất chỉ khiến họ đưa ra lời khuyên rằng tôi nên tách mình ra khỏi bất kỳ sự hướng dẫn nào đối với các đảng phái chính trị ở Việt Nam. Đó là một khoảnh khắc thất vọng ảm đạm đối với tôi.

Sau khi trở về Việt Nam, tôi đã thực hiện con đường duy nhất còn lại cho mình. Tôi đã dành mọi khoảnh khắc có thể, khi gặp Diệm, để nói về sự cần thiết phải có một phe đối lập chính trị trung thành và về cách khuyến khích nó tham gia vào các vấn đề công cộng. Trong việc này, tôi đã không mấy thành công. Một mặt, người Việt Nam có một chút tính cách Potemkin mạnh mẽ trong họ và sẵn sàng dựng lên những mặt tiền giả tạo như ông đã xây dựng những ngôi làng giả cho Catherine Đại đế chiêm ngưỡng. Do đó, không có gì quá ngạc nhiên khi thấy các đảng phái chính trị Việt Nam mới ra đời, do các cộng sự của Nhu thành lập và ngoan ngoãn tự gọi mình là “phe đối lập trung thành,” trong khi các đảng dân tộc chủ nghĩa đối lập đã được thành lập từ lâu

phải chịu đựng sự áp bức ngày càng tăng.

Với tư cách là một quan sát viên, lần đầu ở Việt Nam và sau đó từ xa ở Washington, tôi đã chứng kiến đảng Cần Lao lớn mạnh. Nó thu hút nhiều người tốt vào hàng ngũ của mình, trong đó có những người bạn thân thiết của tôi, và sớm trở thành giới tinh hoa thống trị của đất nước. Nó phát triển mạnh mẽ trong gần một thập kỷ, với một hệ tư tưởng riêng gọi là “Chủ nghĩa Nhân Vị” (được cho là đề cao sự liên chính của cá nhân) và với kỷ luật đảng vững chắc. Nó ngày càng hành động chống lại sự bất đồng chính kiến. Khi các nhà tù chật cứng với các đối thủ chính trị, khi các đảng dân tộc chủ nghĩa cũ hoạt động ngầm, với thể chế chính trị bị rạn nứt, cán bộ chính trị Cộng sản trở nên tích cực trên khắp miền Nam Việt Nam, tuyển mộ những người theo dõi để hành động chống lại một chính phủ được giữ vững chủ yếu bởi giới tinh hoa Cần Lao hơn là bởi sự ủng hộ của người dân. Con báo đã gặt hái cuối cùng đã đến vào tháng 11 năm 1963, khi phe đối lập dân tộc chủ nghĩa nổi dậy dữ dội, bỏ tù nhiều người Cần Lao và giết chết Diệm, Nhu và những người khác. Thật đau lòng khi trở thành một người ngoài cuộc chứng kiến đoạn lịch sử bi thảm này.

Trong cuộc họp với anh em nhà Dulles vào đầu năm 1956, tôi đã yêu cầu Ngoại trưởng sử dụng ảnh hưởng của mình với quân đội Hoa Kỳ để giúp tôi được chuyển khỏi Việt Nam, giống như ông ấy rõ ràng đã sử dụng nó để đưa tôi đến đó vào năm 1954. Tôi nói với ông ấy rằng những ngày làm việc mang tính xây dựng của tôi ở đó dường như đang kết thúc, nhờ những hạn chế về chính sách của Hoa Kỳ. Yêu cầu của tôi dường như làm ông ấy ngạc nhiên. Ông ấy thẳng thừng nói với tôi rằng còn nhiều việc mà tôi có thể giúp ở Việt Nam. Ông ấy nêu ra chủ đề về cuộc trưng cầu dân ý năm 1956 như đã được đề xuất tại Hội nghị Geneva năm 1954. Tôi chắc chắn muốn ở lại Việt Nam và sát cánh cùng những người bạn của tôi ở đó vượt qua bất kỳ vấn đề và mối nguy hiểm nào mà cuộc trưng cầu dân ý sẽ mang lại, đúng không? Tôi nên ở lại Việt Nam ít nhất đến hết năm 1956.

Tôi tự hỏi liệu tôi có nghe đúng không. Cuộc trưng cầu dân ý năm 1956 ư? Tôi nói tôi nghi ngờ sẽ có bất kỳ cuộc trưng cầu dân ý nào; quá nhiều điều đã xảy ra kể từ hội nghị tại Geneva. Ông ấy nói rằng tất nhiên sẽ có một cuộc trưng cầu dân ý và yêu cầu tôi giải thích những nghi ngờ của mình. Tôi

nhắc ông ấy về việc Diệm đã từ chối, vào năm 1955, gặp gỡ các nhà lãnh đạo Cộng sản Hà Nội về vấn đề này và lưu ý rằng thái độ của ông ấy không hề thay đổi kể từ đó. Hơn nữa, nếu Hoa Kỳ dùng một chút sức ép chính thức và buộc Diệm gặp các quan chức Hà Nội để sắp xếp một cuộc trưng cầu dân ý, một trở ngại khác có lẽ sẽ phát sinh. Các quan chức Cộng sản, những người đã tiến hành một cuộc chiến thành công chống lại Pháp, lại là những người quản lý chính phủ tội tệt. Uy tín của họ với công chúng ở miền Bắc Việt Nam cực kỳ thấp đến nỗi họ sẽ không dám đưa nó ra bỏ phiếu, chứ đừng nói đến việc mạo hiểm một cuộc đối đầu với Diệm, người mà sự nổi tiếng đang ở đỉnh cao. (Chiến thắng áp đảo của Diệm trước Bảo Đại trong cuộc bỏ phiếu không thoát khỏi sự chú ý của các nhà lãnh đạo Hà Nội.) Tôi cảm thấy chắc chắn rằng các nhà lãnh đạo Cộng sản, trong khi lớn tiếng tuyên bố về việc tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý, sẽ làm mọi cách có thể để trì hoãn nó.

Khi bị thúc ép về lý do đằng sau những kết luận này về thái độ có thể có của các quan chức Hà Nội, tôi đã kể cho anh em nhà Dulles nghe những gì tôi đã nghe từ những người tị nạn và du khách từ miền Bắc

Việt Nam. Chương trình cải cách ruộng đất của Cộng sản đã được thực hiện theo một cách quá cấp tiến, quá đột ngột, ngay cả những trang trại gia đình nhỏ cũng bị tước khỏi tay chủ sở hữu và giao không phải cho người nghèo, mà cho những người vô công rồi nghề, ăn mày và lười biếng trong làng. Rõ ràng, suy nghĩ là khi họ thất bại trong việc canh tác, các trang trại sau đó có thể bị nhà nước tịch thu như đất bỏ hoang và biến thành các trang trại nhà nước tập thể hóa. Các vùng nông thôn miền Bắc Việt Nam đang nổi dậy, đặc biệt là ở tỉnh Nghệ An quê hương của Hồ Chí Minh, nơi quân đội đã được điều đến để tái lập quyền kiểm soát của chính phủ. Theo lời khuyên của Liên Xô, Bộ Chính trị đã đình chỉ chương trình cải cách ruộng đất và công khai khiển trách các quan chức phụ trách chương trình, nhưng dân cư nông nghiệp vẫn đang sục sôi chống lại chính phủ.

Một biện pháp nông nghiệp Cộng sản khác đã làm cho người dân miền Bắc Việt Nam thất vọng hơn nữa, đặc biệt là ở khu vực Đồng bằng sông Hồng nơi đa số sinh sống. Muốn bù đắp sự thiếu hụt trong sản xuất lúa gạo, chính phủ Hà Nội đã làm theo lời khuyên của Trung Quốc và đồn trại cây cối

trên các ngọn đồi để trồng lúa trên cạn. Khi lớp phủ tự nhiên biến mất, nước đổ xuống từ các ngọn đồi khi mưa đến, gây ra lũ lụt chưa từng có và đau khổ cho vùng đất thấp. Ngoài việc phải chịu tất cả sự phẫn nộ này ở các vùng nông thôn, chế độ Hà Nội còn tỏ ra vụng về với tài sản quý giá nhất của mình, giới trẻ. Sự nổi dậy đang khuấy động tại Đại học Hà Nội, nơi sinh viên đang yêu cầu giảm bớt lượng tuyên truyền chính trị quá nặng nề trong tất cả các bài giảng của họ. Sinh viên phàn nàn rằng các giảng viên của họ cắt xén cả những môn học có tính kỹ thuật cao để ủng hộ những luận thuyết dài dòng về chủ nghĩa duy vật biện chứng. Điều tương tự cũng đang xảy ra ở các trường trung học miền Bắc Việt Nam. Giới trẻ triển vọng nhất của họ đang tìm kiếm lỗi sai của chế độ.

Vì những lý do này, tôi cảm thấy rằng các nhà lãnh đạo Cộng sản ở Hà Nội sẽ kín đáo thông báo cho Liên Xô (đồng bảo trợ của Hiệp định Geneva năm 1954) đi chậm lại trong việc thúc đẩy một cuộc trưng cầu dân ý trong bất kỳ cuộc họp nào với Anh (đồng bảo trợ Geneva kia). Không có điều nào trong số này loại trừ khả năng một cuộc phiêu lưu của Cộng sản vào miền Nam Việt Nam, công khai hay bí mật; theo truyền thống, việc gây

rắc rối ở đất nước láng giềng có thể chuyển hướng sự chú ý khỏi rắc rối trong nước. Ở Việt Nam sẽ có động lực mạnh mẽ để miền Bắc thiếu gạo giành quyền kiểm soát miền Nam thặng dư gạo. Tất cả những gì tôi đang nói là tôi chắc chắn các nhà lãnh đạo Cộng sản biết rằng họ không thể đạt được mục tiêu này thông qua thùng phiếu.

Lập luận của tôi về việc cuộc trưng cầu dân ý có được tổ chức hay không không có tác động rõ rệt nào đến thời gian tôi phục vụ tại Việt Nam. Tôi trở lại Sài Gòn “cho đến hết năm.” Vì vậy, tôi đã có mặt ở Việt Nam khi hành động tiếp theo về cuộc trưng cầu dân ý diễn ra ở London vào tháng 4 năm 1956. Vào ngày 11 tháng 4, đại diện của các quốc gia bảo trợ Hội nghị Geneva năm 1954, Lord Reading cho Vương quốc Anh và Gromyko cho Liên Xô, đã đồng ý rằng cuộc trưng cầu dân ý được đề xuất là không khả thi trong các điều kiện hiện tại ở Việt Nam và do đó sẽ không được tổ chức. Tin tức này nhanh chóng bị lu mờ bởi một câu chuyện bí ẩn gây chấn động hơn, đó là sự biến mất vào ngày 19 tháng 4 của Người nhái Anh, Thiếu tá Lawrence Crabb, gấn tàu tuần dương Liên Xô *Ordzhonikidze* vốn đã đưa Khrushchev và Bulganin đến Anh một ngày trước đó.

(Vào thời điểm đó, bí ẩn về người nhái làm tôi mê hoặc hơn là thỏa thuận không tổ chức cuộc trưng cầu dân ý.) Ngày bầu cử được đề xuất tại Geneva vào tháng 7 đã trôi qua trong im lặng.

Năm 1956, “Dân chủ” là chủ đề số một trong các quán quán phở và xe phở của miền Nam Việt Nam. Những quầy súp này trong các khu chợ và trên vỉa hè tương đương với hiệu thuốc góc phố hoặc quán bar khu phố của Mỹ. Ở Việt Nam, mọi người trao đổi tin tức, chuyện phiếm và ý kiến qua những tô súp. Phở là món súp miền Bắc với thịt bò (hoặc gà) và bánh phở nửa khô; nó là món được yêu thích ở Sài Gòn, cùng với món súp Trung Quốc gồm thịt heo và hủ tiếu không sấy khô gọi là hủ tiếu. Ở miền Trung Việt Nam, món súp phổ biến nhất là bún bò với đậu phộng xắt nhỏ, bạc hà và rau lá. Ở các vùng phía nam sông Mê Kông và Bassac, đó là mì, một món súp với mì sợi Trung Quốc hoặc hoành thánh. Do đó, bất kỳ ai muốn thấy người Việt Nam thân thiện nhất và tìm hiểu xem công chúng đang nói gì về các sự kiện hiện tại đều cần phải tham gia một chuyến du ngoạn ẩm thực giữa các quầy súp. Đó là một cách thú vị để khảo sát chính trị.

Phần lớn, người dân nói về Dân chủ với

chữ D viết hoa, như thể nó là một từ ma thuật mô tả giải pháp lý tưởng cho mọi sai lầm chính trị, một liều thuốc tiên sẽ biến Việt Nam thành một mảnh thiên đường trên trái đất. Tuy nhiên, cuộc bầu cử quốc gia cuối cùng mà người Việt Nam tổ chức vào năm 1946 để thành lập một nước cộng hòa dân chủ đã kết thúc thảm khốc đối với những người dân tộc chủ nghĩa Việt Nam, vì thiếu số Cộng sản đã sử dụng cuộc bầu cử để giành quyền kiểm soát chính phủ và thiết lập một nhà nước cảnh sát. Chính phủ Cộng sản ở Hà Nội, tự gọi mình là Nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam, dựa vào cuộc bầu cử năm 1946 để có được quyền lực và rõ ràng là đã không dám tổ chức một cuộc bầu cử nào kể từ đó, bất chấp việc họ mượn ý tưởng từ Jefferson và Paine cho một số phần trong Hiến pháp của mình. Có lẽ việc những người Cộng sản đã tạo ra một trò hề xấu xí đối với các lý tưởng chính trị đã khiến các nhóm chính trị gia ở miền Nam Việt Nam tranh cãi chống lại mọi bước tiến tới dân chủ được thực hiện vào năm 1956 mà họ tin là chưa hoàn hảo; họ đã bị cháy trong ngọn lửa đó một thập kỷ trước. Ước mơ và hy vọng của người dân miền Nam Việt Nam vẫn là tạo ra một nhà nước hòa bình và lý tưởng.

Diệm đã để mắt đến sự thiếu dân chủ ở Hà Nội khi ông thêm một số lời cảnh báo cho đồng bào mình trong bài phát biểu tuyên bố thành lập Cộng hòa Việt Nam, ba ngày sau chiến thắng của ông trước Bảo Đại trong cuộc bầu cử vào tháng Mười năm trước. Ông nói: “Dân chủ không phải là một nhóm các văn bản và luật lệ để đọc và áp dụng. Nó về cơ bản là một trạng thái tinh thần, một cách sống với sự tôn trọng tối đa đối với mọi con người, bản thân chúng ta cũng như những người láng giềng của chúng ta... Do đó, dân chủ đòi hỏi ở mỗi chúng ta nỗ lực, thấu hiểu và thiện chí nhiều hơn vô hạn so với bất kỳ hình thức chính phủ nào khác.”

Cũng trong lời tuyên bố đó vào tháng Mười, Diệm đã hứa thành lập một ủy ban “để thiết lập một dự án Hiến pháp,” một dự án mà “sẽ được trình lên Quốc hội được bầu trước cuối năm.” Vào ngày 28 tháng 11, ông ấy đã bổ nhiệm một ủy ban gồm mười một thành viên, do Vũ Văn Mẫu làm chủ tịch và các thành viên được chọn từ giới luật sư, sáu người trong số họ là quan chức nội các. Tôi chỉ ra cho Diệm rằng các thành viên ủy ban là những người thành thị, và ngay cả khi ông ấy cảm thấy họ là những trí thức xuất sắc, tôi không thể không tự hỏi liệu họ có hiểu đủ về

người Việt Nam ở nông thôn để nói thay cho họ trong Hiến pháp hay không. Diệm giải thích rằng Quốc hội, khi được bầu, sẽ có cơ hội đầy đủ để đại diện cho tất cả mọi người trong việc hoàn thiện lời văn cuối cùng của Hiến pháp. Tôi cầu nguyện thầm khi ủy ban bắt đầu làm việc.

Sự lo lắng của tôi được xoa dịu phần nào khi Diệm tuyên bố vào tháng 1 năm 1956 rằng các cuộc bầu cử sẽ được tổ chức vào ngày 4 tháng 3 để bầu 123 đại biểu cho một Quốc hội Lập hiến, mỗi đại biểu đại diện cho cử tri của một khu vực cụ thể. Các chính trị gia trong các đảng dân tộc chủ nghĩa lâu đời đã phản đối kịch liệt điều này, tuyên bố rằng chính phủ có ý định gian lận bầu cử và đưa người của mình vào Quốc hội; thay vào đó, họ muốn một nhóm được lựa chọn bởi các đảng chính trị đã thành lập – về cơ bản là một nhóm tinh hoa tự bổ nhiệm – để viết Hiến pháp. Các chính trị gia này đe dọa tẩy chay cuộc bầu cử. Tôi đã có một số buổi gặp gỡ ồn ào với một số người trong số họ, trong đó cảm xúc dâng cao và tôi đã thất bại trong việc thuyết phục họ rằng cuộc bầu cử ngày 4 tháng 3 sẽ là cơ hội để họ đưa các tổ chức của mình hoạt động vì một đời sống chính trị hiện đại hiệu quả ở Việt

Nam. Sự xúc động trong các cuộc họp này một phần xuất phát từ lời chế nhạo của tôi rằng họ sợ thử thách lòng tự trọng của mình tại thùng phiếu.

Sự lo lắng của tôi càng được xoa dịu hơn khi một nhóm chính trị gia nông thôn, chủ yếu là Hòa Hảo và Cao Đài, yêu cầu Công ty Tự do Philippines bảo trợ Juan C. Orendain đến thăm Việt Nam, với tư cách là cố vấn thân thiện cho những người soạn thảo Hiến pháp mới. Orendain (người mà tôi đã đề cập trước đây là một trong những biên tập viên đúng cảm của *Free Philippines* vào năm 1953) sẵn lòng giúp đỡ. Diệm nghe tin về lời mời và hỏi tôi về ông ấy. Tôi nói với ông ấy rằng Orendain đã dành nhiều năm cuộc đời mình để đấu tranh cho tự do của con người, cả với tư cách là một nhà báo và một luật sư hiến pháp nổi tiếng ở Philippines; ông ấy là một trong những người Philippines mà tôi có sự tôn trọng và tình cảm sâu sắc nhất. Diệm tỏ ra quan tâm đáng kể, và khi Orendain đến Sài Gòn, đã có nhiều cuộc trò chuyện dài với ông ấy. Orendain đã dành nhiều tháng ở Việt Nam, giúp đỡ tất cả những ai tìm kiếm lời khuyên của ông.

Chiến dịch tranh cử vào Quốc hội Lập hiến diễn ra từ ngày 20 tháng 2 đến ngày

2 tháng 3. Khoảng bốn trăm ứng cử viên tranh giành 123 ghế. Khoảng một nửa số đại biểu tuyên bố rằng họ phản đối (ở các mức độ khác nhau) chế độ Diệm, mặc dù rất ít chính trị gia lâu đời tham gia cuộc đua. Cử tri mà các ứng cử viên kêu gọi ủng hộ trẻ tuổi hơn so với ở Hoa Kỳ vào thời điểm đó, vì tuổi bầu cử đã được hạ xuống còn mười tám. Bản thân chiến dịch đã chứng kiến một sự đổi mới đáng chú ý trong tiến trình dân chủ: chính phủ chi trả chi phí cho chiến dịch, cung cấp áp phích, truyền đơn, thời gian phát thanh và phương tiện đi lại cho các ứng cử viên trên cơ sở bình đẳng, với một hội đồng đại diện của các ứng cử viên quyết định ở mỗi khu vực về nơi dán áp phích và thời gian tổ chức các cuộc họp chính trị. Để loại bỏ các ứng cử viên phù phiếm, những người đạt được dưới 5 phần trăm số phiếu bầu trong khu vực của họ sẽ phải tự trả tiền cho phần chi phí in truyền đơn và áp phích của họ.

Khi cuộc bỏ phiếu ngày 4 tháng 3 được kiểm, 80% số người đăng ký đã đi bầu. Các ứng cử viên công khai ủng hộ Diệm đã giành được 84 trong số 123 ghế trong Quốc hội mới, trong đó có ông và bà Ngô Đình Nhu, em trai và em dâu của tổng thống. Đó

là một cuộc bầu cử sạch sẽ hơn nhiều so với những cuộc bầu cử khác mà tôi từng thấy ở châu Á, và tôi ít nghi ngờ rằng một số nhà lãnh đạo dân tộc chủ nghĩa trong phe đối lập đã có cơ hội chiến thắng tốt nếu họ tham gia cuộc đua thay vì ngồi ngoài quan sát. Các đại biểu được bầu tin rằng họ đã thắng một cách công bằng và minh bạch. Một trong những hành động đầu tiên của Quốc hội mới, khi bắt đầu họp, là tuyên bố rằng họ sẽ không phê duyệt bản dự thảo do ủy ban do Diệm bổ nhiệm viết. Họ sẽ tự mình viết từng từ của Hiến pháp mới. Diệm nói tốt, vậy thì tự làm đi. Ông ấy đã đưa cho Quốc hội một số hướng dẫn chung và yêu cầu họ hoàn thành việc viết trong vòng bốn mươi lăm ngày. Họ bắt tay vào làm việc, chọn mười lăm đại biểu để thực hiện việc soạn thảo thực tế. Họ đã không hoàn thành sau bốn mươi lăm ngày, vì vậy Diệm đã gia hạn thời gian. Cuối cùng, công việc của Quốc hội đã hoàn thành và, vào ngày 26 tháng 10 năm 1956, Hiến pháp mới đã được ban hành.

Hiến pháp là một sự pha trộn giữa truyền thống, các ý tưởng xã hội tiên tiến và các giới hạn có khả năng nguy hiểm. Nó thiết lập hai nhánh chính phủ độc lập, hành pháp và lập pháp, trong đó nhánh hành pháp trao

cho tổng thống những quyền lực mạnh mẽ như trong hệ thống Mỹ. Nó trình bày chi tiết các nghĩa vụ cũng như quyền lợi của công dân. Nó công nhận gia đình là nền tảng của xã hội và giao cho chính phủ những trách nhiệm cụ thể đối với các gia đình Việt Nam. Chính phủ cũng được giao nhiệm vụ giúp đỡ, trong phạm vi có thể, những người thất nghiệp, người già và nạn nhân của bệnh tật và thiên tai. Tiền lương công bằng, quyền thành lập công đoàn và đình công được bao gồm trong các quyền và nghĩa vụ của công dân. Độc quyền kinh doanh bị đặt ngoài vòng pháp luật.

Các biện pháp hạn chế, trao cho tổng thống quyền hạn đặc biệt đối với an ninh công cộng trong thời gian khẩn cấp, đã len lỏi vào Hiến pháp trong khi Quốc hội đang soạn thảo. Tôi cảm thấy, lúc đó và bây giờ, rằng điều này chủ yếu là do du kích Cộng sản phát động một chiến dịch khủng bố mới ở nông thôn. Mặc dù đây là một chiến dịch tương đối nhẹ so với các động thái khủng bố trước đó và sau này của Cộng sản, nhưng nó đủ tàn bạo để nhắc nhở tất cả các đại biểu được bầu trong Quốc hội rằng quốc gia mới có những kẻ thù chết người vẫn có ý định áp đặt ý chí của chúng bằng vũ lực.

Hiến pháp vừa được hoàn thành và phê chuẩn thì đã được sửa đổi. Không giống như sự kiện tương tự ở Hoa Kỳ, khi Tuyên ngôn Nhân quyền ra đời với tư cách là những sửa đổi đầu tiên của Hiến pháp chúng ta, các sửa đổi của Việt Nam thì bình thường hơn. Một trong số đó đã duy trì chức vụ của các đại biểu Quốc hội Lập hiến, tự động biến họ thành thành viên của Quốc hội mới cho đến khi các cuộc bầu cử tiếp theo được tổ chức. Một sửa đổi khác trao quyền cho Tổng thống Diệm bổ nhiệm một phó tổng thống, một chức vụ dự kiến sẽ được bầu cử trong tương lai. Ngày 29 tháng 12 năm 1956, Diệm bổ nhiệm Nguyễn Ngọc Thơ làm phó tổng thống của mình. Thơ, như bạn còn nhớ, đã từng là cố vấn chính trị cho Đại Minh trong chiến dịch chống lại quân du kích giáo phái ly khai. Ông ấy cũng là Quốc vụ khanh phụ trách kinh tế quốc gia.

Chiến dịch khủng bố của du kích Cộng sản được đề cập ở trên là cơn ác mộng cũ về sự man rợ với các vụ giết người và bắt cóc. Lần này nó được thúc đẩy bởi sự thành công đang nảy nở mà Diệm và chính phủ của ông đang có được trong việc thiết lập một sự cai trị hiệu quả trên khắp miền Nam Việt Nam. Các nhà lãnh đạo Cộng sản ở Hà Nội không

thể để điều này tiếp tục. Các cán bộ Cộng sản ở lại các làng xã đã đào vũ khí giấu kín của họ lên và tiến hành các cuộc đột kích bí mật. Các cán bộ đã đi ra Bắc vào năm 1954–1955 bắt đầu trở về các khu vực quê hương của họ ở miền Nam theo các nhóm nhỏ, được củng cố bằng khóa huấn luyện bồi dưỡng về phương pháp chính trị và chiến thuật đơn vị nhỏ. Đến cuối năm 1956, có hàng trăm du kích Cộng sản trong các băng nhóm rải rác khắp miền Nam Việt Nam đang cố gắng áp đặt sự kiểm soát lên người dân làng.

Chính phủ chủ yếu dựa vào Bảo an, lực lượng hiến binh cảnh sát quốc gia, để duy trì luật pháp và trật tự ở các tỉnh. Bảo an bị yếu thế nghiêm trọng khi cố gắng đối phó với du kích. Tôi đã nhớ những bài học được dạy từ chiến dịch Huk ở Philippines và đã thúc giục Diệm chỉ định Bảo an là một tổ chức dự bị quân sự, với huấn luyện và trang bị cho ít nhất các hoạt động quân sự cấp đại đội cũng như công việc cảnh sát thông thường của họ. Tuy nhiên, Phái bộ Hoa Kỳ tại Việt Nam đã quyết định một chính sách kiên quyết là tách biệt lực lượng cảnh sát và quân đội và thuyết phục Diệm rằng cách duy nhất ông có thể nhận được sự giúp đỡ của Mỹ cho cảnh sát của mình là giữ họ

như một tổ chức dân sự thuần túy, với các “chuyên gia” cảnh sát dân sự Mỹ làm cố vấn và huấn luyện viên.

Kết quả là một lực lượng cảnh sát được huấn luyện sơ sài và trang bị theo những gì cần thiết để giữ trật tự trong một thành phố Mỹ và không sẵn sàng một cách đáng thương cho thực tế ở nông thôn Việt Nam. Một tiểu đội cảnh sát Bảo an, được trang bị còi, dùi cui và súng lục cỡ nòng .38, khó có thể được kỳ vọng bắt giữ một tiểu đội du kích được trang bị súng tiểu liên, súng trường, lựu đạn và súng cối; tiểu đội Bảo an sẽ chết hoặc bị phân tán bởi du kích từ lâu trước khi họ đến đủ gần để có hiệu quả. Mặc dù vậy, Bảo an vẫn cố gắng làm những gì các cố vấn Mỹ của họ khẳng định. May mắn thay, trước khi Bảo an phải chịu quá nhiều thương vong, Tướng Williams đã âm thầm thuyết phục Bộ Quốc phòng Việt Nam chuyển vũ khí và đạn dược quân sự “đi cửa sau” cho Bảo an, cho phép họ có cơ hội chiến đấu để sinh tồn. Vào thời điểm đó, Diệm đã cầu xin Phái bộ Hoa Kỳ thay đổi chính sách hỗ trợ cảnh sát Việt Nam của mình, nhưng vô ích. Các quan chức Mỹ là một giống người cứng đầu.

Bảo an có các đồn đóng quân, nơi ở của một tiểu đội, trung đội hoặc đại đội tại các

địa điểm chiến lược trên khắp đất nước. Những tiền đồn này là những công việc gia đình, nơi cảnh sát Bảo an sống cùng gia đình của họ. Khi tôi lái xe dọc theo các con đường tỉnh ngang qua những tiền đồn này, tôi thấy chúng dường như hòa hợp với phong cảnh thôn dã như thế nào, với quần áo gia đình phơi khô dưới nắng và rất nhiều trẻ em chơi đùa quanh sân. Rõ ràng du kích Cộng sản cũng nhận thấy sự ảm cúng này, và đã nghĩ ra một chiến thuật kết hợp nó. Một nhóm du kích sẽ giả vờ tấn công ồn ào vào một ngôi làng, để dụ cảnh sát Bảo an ra khỏi đồn của họ. Khi cảnh sát vội vã đến giúp đỡ ngôi làng, một nhóm du kích khác sẽ di chuyển vào đồn, giết hại những phụ nữ và trẻ em còn lại ở đó. Đó là một bài học Pavlovian tàn bạo, điều kiện hóa Bảo an không đến giúp đỡ dân làng mà ở lại bảo vệ gia đình của họ trong các tiền đồn. Không có người bảo vệ Bảo an, dân làng trở thành con mồi dễ dàng cho du kích.

Một câu trả lời cho chủ nghĩa khủng bố ngày càng tăng ở nông thôn là vũ trang cho dân làng tự bảo vệ. Khi tôi thảo luận điều này với Diệm, ông ấy sẵn sàng đồng ý, nói thêm rằng bằng cách vũ trang cho cử tri, có lẽ Việt Nam có thể chắc chắn có một nền

dân chủ thực sự, vì không nhà lãnh đạo nào có thể trở thành nhà độc tài khi đối diện với một công chúng mang vũ khí. Các đơn vị tự vệ làng xã được thành lập trên khắp đất nước, do các tình nguyện viên địa phương đảm nhiệm và được trang bị chủ yếu bằng vũ khí lỗi thời, chẳng hạn như súng trường Lebel, đã được các quan chức thuộc địa Pháp cho vào kho từ nhiều năm trước. (Sau này, dân quân tự vệ làng xã đã trở thành Lực lượng Địa phương ngày nay, một lực lượng bảo vệ quê hương đã phải hứng chịu nhiều cuộc tấn công của du kích Cộng sản hơn bất kỳ lực lượng quân đội chính quy nào chiến đấu ở Việt Nam.)

Nghịch lý thay, chiến dịch khủng bố của Cộng sản lại bắt đầu đúng vào lúc cuộc sống ở nông thôn bắt đầu cho thấy những hứa hẹn lớn lao đối với người dân trên đất liền. Không chỉ là quân đội đã rời khỏi các chiến trường cũ trong ruộng lúa, cho phép đất nông nghiệp được cày cấy trong hòa bình; mà còn có vô số nỗ lực mới đang được thực hiện để cải thiện toàn bộ nền kinh tế nông nghiệp của Việt Nam. Mỗi lần tôi đến thăm Tổng thống Diệm tại văn phòng của ông, tôi đều thấy ông đang nghiên cứu sâu một chương trình mới nào đó, thường có quy mô lớn – chẳng

hạn như việc thoát nước cho các đầm lầy lớn ở Đồng Tháp Mười dọc biên giới Campuchia hoặc việc tạo ra một ngành công nghiệp chăn nuôi gia súc lớn ở vùng cao nguyên sẽ cung cấp cơ hội mới cho cả người dân tộc thiểu số miền núi và cho những người di cư từ các trang trại nghèo khó ở vùng đất thấp ven biển miền Trung. Một số kế hoạch này vẫn chỉ là giấc mơ, nhưng nhiều kế hoạch đã trở thành hiện thực.

Một trong những thực tế đó là sự phát triển của khu vực xuyên Bassac, vùng đất giữa nhánh Bassac của sông Mê Kông và Vịnh Thái Lan. Giai đoạn đầu tiên kêu gọi định cư hơn một trăm nghìn người trong các cộng đồng nông trại kiểu mẫu mới ở khu vực Cái Sắn và thoát nước cho vùng đất thấp bằng cách xây dựng 125 dặm kênh đào có thể điều hướng. Các làng kiểu mẫu và kênh đào được xây dựng chủ yếu bằng sức lao động thủ công. Bất cứ khi nào tôi nhìn thấy hàng nghìn người dân địa phương với xẻng và xô đang làm việc cật lực tại các kênh đào mới mà sẽ là huyết mạch liên kết họ với phần còn lại của Việt Nam trong một khu vực có ít đường sá và nhiều đường thủy, nó làm tôi nhớ đến một hình ảnh sống động về việc xây dựng các kim tự tháp ở Ai Cập cổ đại. Các

quan chức Mỹ quản lý viện trợ của Hoa Kỳ cho dự án này dường như cũng kinh ngạc như tôi trước cảnh tượng hàng nghìn người lao động này. Các khu định cư được lên kế hoạch để xen kẽ một cộng đồng người tị nạn từ miền Bắc giữa các cộng đồng nông dân tương tự từ miền Nam, xen kẽ người miền Bắc và người miền Nam khắp khu vực trong một nồi lẩu văn hóa mà hy vọng sẽ cho mỗi người cơ hội bình đẳng.

Diệm cũng rất nhiệt tình với các loại cây trồng mới. Dưới sự hướng dẫn của ông, lúa nổi được trồng trên các khu thí nghiệm lớn dọc theo sông Vàm Cỏ, nơi lũ lụt theo mùa biến vùng đất thấp thành những đầm lầy rộng lớn, và các cộng đồng người tị nạn miền Bắc định cư ở vùng chân đồi của dãy Trường Sơn Việt Nam được khuyến khích trồng kenaf (cây đay, cây gai), loại cây có sợi có thể dệt thành bao tải đựng đường. Có lần, khi tôi đáp lại lời khoe khoang của Diệm về loại trái cây tuyệt vời được trồng ở Việt Nam bằng cách ca ngợi những quả xoài ưu việt của Cebu ở Philippines, Diệm đã cử các nhà nông học đến Cebu – và ngay sau đó, việc trồng trọt đã được thực hiện ở Việt Nam. (Tôi đã làm điệu nhận xét của mình về xoài bằng cách ca ngợi quả măng

cụt Việt Nam, lưu ý rằng chúng là loại trái cây yêu thích của Magsaysay cũng như của tôi. Diệm đã tặng tôi một giỏ măng cụt để gửi cho Magsaysay, tôi đã ném thử rất nhiều trước khi gửi đi: sự cảm dỗ của loại trái cây tuyệt vời này là quá lớn đối với tôi.)

Wolf Ladejinsky, chuyên gia cải cách ruộng đất người Mỹ, đã rời vị trí của mình với chính phủ Hoa Kỳ vào thời điểm đó, và Diệm ngay lập tức thuê ông. Hai người trở thành bạn thân vào năm 1956, và Ladejinsky được cấp một ngôi nhà bên cạnh dinh tổng thống và dùng bữa sáng với Diệm gần như mỗi sáng. Do đó, thói quen hàng ngày của Diệm bắt đầu bằng những buổi ăn sáng này, thảo luận về việc thực hiện các biện pháp cải cách ruộng đất do Ladejinsky soạn thảo và được Diệm ban hành dưới dạng sắc lệnh, cũng như vô số vấn đề của toàn bộ phạm vi các dự án nông nghiệp đang được tiến hành. Cả hai người đều chia sẻ ước mơ biến Việt Nam thành một Vườn Địa đàng, với sự sung túc cho tất cả cư dân và với nguồn thực phẩm dồi dào cho các quốc gia khác trong lưu vực Thái Bình Dương.

Vào thời điểm đó, tôi đã không nhận thấy, Diệm đã thực hiện một bước đi sai lầm nghiêm trọng trong việc phát triển nông

thôn, một bước đi sau này sẽ gây ra những hậu quả chính trị tai hại. Trong một sắc lệnh, ông đã thay đổi phong tục tự quản làng xã cũ và thay thế bằng một hệ thống lãnh đạo được bổ nhiệm, các trưởng làng mới được chỉ định bởi các tỉnh trưởng và quận trưởng, những người này cũng do Diệm bổ nhiệm. Rõ ràng, ý định của ông là liên bang hóa chính quyền địa phương như một phương tiện để thống nhất quốc gia. Những người không tin tưởng trên thế giới này có thể thấy điều đó khó tin, nhưng tôi chỉ biết về sắc lệnh này rất lâu sau khi tôi rời Việt Nam. Làm thế nào mà tôi lại bỏ sót việc biết về nó vào thời điểm đó vẫn là một bí ẩn đối với tôi, vì đó là một chủ đề gần gũi với trái tim tôi. Ký ức đó làm tôi đau lòng.

Trong các cuộc nói chuyện riêng của tôi với Diệm, tôi thường nhấn mạnh tầm quan trọng của việc có các quan chức được bầu ở cấp địa phương cũng như cấp quốc gia, bắt đầu từ các làng xã; Diệm dường như đồng cảm, chỉ cảnh báo rằng sẽ cần thời gian để giới thiệu. Nhưng sắc lệnh của ông ấy về các quan chức làng xã lại đi ngược lại. Nó đã loại bỏ phần lớn sáng kiến địa phương mà các nền dân chủ hiện đại được xây dựng, vi phạm chiều chỉ cổ xưa của Việt Nam rằng

“phép vua thua lệ làng,” và trao cho cán bộ tuyên truyền Cộng sản một lập luận cực kỳ hiệu quả để khiến dân làng chống lại chế độ Diệm; mọi thứ diễn ra sai lầm trong một ngôi làng đều có thể bị đổ lỗi cho các quan chức do Diệm bổ nhiệm, dù họ có chịu trách nhiệm hay không.

Những tuần cuối cùng của năm 1956 đã đưa tôi vào một cuộc đối đầu giữa Diệm và cộng đồng người Hoa. Tôi đã cố gắng làm người hòa giải.

Có lẽ có khoảng một triệu người Hoa sống ở Việt Nam vào năm 1956, mặc dù không có cuộc điều tra dân số chính xác và những người Việt Nam và người Hoa có trách nhiệm chỉ có thể đưa ra cho tôi những phỏng đoán mơ hồ khi tôi hỏi họ. Bất kể con số thực là bao nhiêu, người Hoa là một nhóm thiểu số quan trọng ở Việt Nam, “người nước ngoài có địa vị đặc biệt” theo Hiệp ước Nam Kinh năm 1935, tách biệt về mặt văn hóa với người Việt Nam và là những người nắm giữ nền kinh tế của miền Nam Việt Nam. Thành phố chính của người Hoa là Chợ Lớn, khu vực đô thị song sinh kéo dài về phía tây từ Sài Gòn và hiện là một phần của một đô thị duy nhất. Đối lại việc đóng thuế cao, các nhà quản lý Pháp đã cho

phép người Hoa một mức độ tự chủ kinh tế, ngoại trừ khai thác khoáng sản. Người Hoa thống trị thương mại lúa gạo, sở hữu gần như tất cả các nhà máy xay xát lúa gạo, cũng như thương mại bán lẻ và bán buôn của đất nước, hầu hết công nghiệp nhẹ và chế biến thực phẩm. Quyền tự trị của người Hoa được đánh dấu thêm bằng một hình thức tự quản, với những người đứng đầu các bang (dòng họ) của người Hoa thu thuế và đóng vai trò là trọng tài trong các vấn đề của cộng đồng cho chính phủ Việt Nam.

Cũng như ở các nước khác ở Đông Nam Á, có sự đổ kỵ đáng kể đối với người Hoa vì sự thịnh vượng của họ, mặc dù sự ác cảm không dẫn đến những sự bùng nổ của lòng căm thù rực cháy thỉnh thoảng xảy ra ở những nơi khác. Ở Việt Nam, sự thành công và địa vị đặc biệt của người Hoa giống như một cơn đau âm ỉ hơn là một vết thương sâu trong thể chế chính trị. Bù lại điều này là sự vay mượn phong phú văn hóa Trung Quốc của người Việt Nam trong đời sống hàng ngày của họ, một sự hòa quyện lớn hơn bất kỳ quốc gia nào khác ở Đông Nam Á. Người Việt Nam rất tôn trọng văn minh Trung Hoa. (Tôi chưa gặp một người Việt Nam nào mà không biết những câu chuyện về “Tam

Quốc” hoặc không nhận thức được các lời răn dạy của Khổng giáo.) Nhưng người Việt Nam có một nỗi sợ hãi lịch sử về sự thống trị chính trị của Trung Quốc, và những anh hùng Việt Nam được tôn kính nhất là những người đã đánh bại quân đội Trung Quốc trong quá khứ. Ngược lại, nhiều cư dân người Hoa cảm thấy vượt trội về mặt đạo đức và văn hóa so với người Việt Nam; một câu nói phổ biến trong những người Hoa này mô tả phụ nữ Việt Nam là lẳng lơ (*chien*) và đàn ông Việt Nam là dân chơi (*niao*). Bất chấp những khác biệt này, có sự hòa hợp tự do giữa người Việt Nam và người Hoa, và không có sự kỳ thị nào đi kèm với hôn nhân khác chủng tộc.

Vào tháng 8 năm 1956, Diệm đã ban hành hai sắc lệnh ảnh hưởng đến cư dân người Hoa ở Việt Nam. Sắc lệnh đầu tiên loại bỏ địa vị đặc biệt của người Hoa, yêu cầu họ đăng ký là người nước ngoài và cấm người nước ngoài tham gia vào mười một loại hình kinh doanh. Sắc lệnh thứ hai, được ban hành vài ngày sau đó, cấp quốc tịch Việt Nam cho tất cả người Hoa sinh ra ở Việt Nam. Các công dân mới được yêu cầu xin thẻ căn cước mới, và phải lấy tên Việt Nam. Sắc lệnh thứ hai đã nói lỏng một số lệnh cấm trong sắc

lệnh đầu tiên, bằng cách cho phép người Hoa có vợ hợp pháp người Việt Nam tiếp tục tham gia vào một số ngành kinh doanh bị cấm cũng như cho phép người Hoa đầu tư vào các doanh nghiệp Việt Nam. Về bản chất, hai sắc lệnh này nhằm mục đích loại bỏ một nhóm thiểu số quan trọng bằng cách đồng hóa họ vào công dân.

Các sắc lệnh này gây sốc cho người Hoa. Một số gia đình đã trốn sang Campuchia, nơi địa vị đặc biệt cũ của họ vẫn còn. Mặc dù hàng nghìn người Hoa trẻ tuổi bắt đầu đăng ký là công dân Việt Nam, các thế hệ lớn tuổi hơn co lại trong sự tổn thương và bối rối giận dữ, tổ chức các cuộc họp gay gắt kéo dài giữa họ. Tôi nhớ cảm giác ngạc nhiên của riêng tôi vào thời điểm đó, chủ yếu là do sự đột ngột mà Diệm đã hành động, và sự nhiệt tình quan liêu mà các quan chức Việt Nam của ông đang cố gắng thực hiện các sắc lệnh của ông. Tôi đã cố gắng hết sức để thuyết phục Diệm rằng việc ban hành các sắc lệnh mang lại những thay đổi kinh tế và xã hội gay gắt cần phải được trình bày một cách chu đáo và khéo léo với người dân nếu muốn chúng thành công. Diệm nói với tôi một cách kiên quyết rằng người Hoa đã hiểu đủ và ông sẽ làm cho các sắc lệnh

thành công. Vài ngày sau cuộc trao đổi này giữa chúng tôi, chúng tôi đã có một cuộc tranh cãi về thời hạn trừng phạt được đặt ra để thay đổi tất cả các biển hiệu thương mại sang ngôn ngữ Việt Nam, trong đó có hàng trăm biển hiệu đèn neon và bóng đèn điện công phu đã làm cho đêm ở Chợ Lớn sống động với ánh sáng và màu sắc. Cuối cùng, Diệm đồng ý nới lỏng thời hạn và cho cộng đồng người Hoa một khoảng thời gian hợp lý hơn để thực hiện các thay đổi.

Vài ngày sau khi ban hành hai sắc lệnh ảnh hưởng đến cộng đồng người Hoa, một số lãnh đạo các bang ở Chợ Lớn đã đến thăm tôi. Họ đã nghe nói rằng tôi đã từng giúp người Hoa ở Manila với chính phủ Philippines và hỏi liệu tôi có làm điều tương tự cho người Hoa ở Việt Nam bây giờ không. Tôi hứa sẽ lắng nghe họ và sau đó xác định xem tôi có thể giúp đỡ hay không. Điều này dẫn đến các cuộc họp ở Chợ Lớn với các nhóm lãnh đạo người Hoa, chủ yếu bằng tiếng Pháp; Ogden Williams làm thông dịch viên cho tôi, thay thế Joe Redick, người đã trở về Hoa Kỳ. Tôi rất ấn tượng bởi việc các lãnh đạo người Hoa chia rẽ ý kiến như thế nào. Một số cảm thấy rằng họ nợ Việt Nam rất nhiều và chỉ mong muốn việc chuyển đổi sang nếp sống

Việt Nam trở nên thân thiện hơn; họ đặc biệt muốn các quan chức Việt Nam thực hiện các sắc lệnh với sự ít thù hằn rõ ràng hơn và sự thấu hiểu lớn hơn. Các lãnh đạo khác cảm thấy rằng họ đã làm đủ cho Việt Nam bằng cách đóng thuế và đe dọa hoặc chống lại các sắc lệnh hoặc rời khỏi đất nước.

Lời khuyên của tôi dành cho họ là cộng đồng người Hoa cần đi đến một số quan điểm thống nhất giữa chính họ. Khi họ đã làm được điều đó, họ nên trình bày những quan điểm này với Tổng thống Diệm và chính phủ của ông. Nếu họ muốn, tôi sẽ cố gắng sắp xếp một cuộc họp cho họ với Diệm; tuy nhiên, nếu họ chỉ cãi nhau trước mặt Diệm, tôi nghi ngờ rằng một cuộc họp như vậy sẽ hữu ích. Tôi nhắc nhở họ rằng họ đang sống ở một đất nước có các vấn đề an ninh nguy hiểm, nhưng ít con trai của họ đã tình nguyện phục vụ trong quân đội. Hầu hết vẫn ở trong tình trạng thoải mái, được miễn nghĩa vụ quân sự và gây ra sự oán giận từ các gia đình có con trai đang mạo hiểm mạng sống để phục vụ quốc gia. Tôi gợi ý rằng cộng đồng người Hoa có thể đưa ra dấu hiệu rõ ràng hơn về việc họ quan tâm đến những gì đang xảy ra với những người láng giềng Việt Nam của họ nếu người Hoa muốn

người Việt Nam quan tâm đến những gì xảy ra với họ. Một số người Hoa trẻ tuổi đã giúp đỡ trong Chiến dịch Tình Huynh đệ. Họ làm như vậy với tư cách cá nhân; do đó hành động của họ được coi là cá nhân chứ không phải là sự đóng góp của người Hoa. Có lẽ người Hoa có thể đăng ký một đơn vị Chữ thập đỏ của riêng họ với Quân đội Việt Nam hoặc thành lập các đơn vị dịch vụ tương tự để giúp đỡ những người tị nạn hoặc trẻ mồ côi Việt Nam, những người đang rất cần sự giúp đỡ. Bằng chứng hữu hình về sự quan tâm như vậy có thể giúp tạo ra một bầu không khí chính trị thuận lợi hơn cho họ.

Dần dần, các lãnh đạo của các bang người Hoa chính đã giải quyết được những khác biệt của họ. Tôi đã có thể thuyết phục Diệm gặp họ, một mình và không chính thức, để cuộc nói chuyện có thể thẳng thắn và mang tính xây dựng. Một số cuộc họp như vậy đã được tổ chức. Kết quả là, việc hòa nhập người Hoa vào công dân Việt Nam tiếp tục, nhưng với tốc độ chậm hơn và với việc miễn trừ nhiều hình phạt khắc nghiệt hơn trong các sắc lệnh. Một số quan chức Việt Nam quan liêu hơn trong việc đối phó với người Hoa đã được thay thế bằng những người có sự thấu hiểu lớn hơn. Bản thân cộng đồng

người Hoa bắt đầu đóng góp cho phúc lợi Việt Nam một cách công khai hơn, trong khi con trai của các gia đình người Hoa bước vào thời kỳ phục vụ quân đội Việt Nam của họ. Mặc dù sự khác biệt văn hóa đã ngăn cản người Hoa bị đồng hóa hoàn toàn vào thể chế chính trị Việt Nam, ranh giới phân cách đối với nhóm thiểu số này đã trở nên mờ nhạt.

Lệnh đã đến, kết thúc nhiệm kỳ của tôi ở Việt Nam vào cuối năm 1956 và đưa tôi trở lại Washington để nhận một nhiệm vụ khác. Trước khi khởi hành, có một hành động thân thiện cuối cùng dành cho Ngô Đình Diệm mà tôi hy vọng sẽ thực hiện được. Tôi muốn tìm một nơi nghỉ dưỡng yên tĩnh cho ông ấy, nơi ông ấy có thể thư giãn tự nhiên và phục hồi năng lượng cùng suy nghĩ bình tĩnh mà ông ấy sẽ cần để trở thành một giám đốc điều hành hiệu quả cho đất nước của mình.

Tôi ý thức được sự thật rằng mỗi người đều có cách nghỉ dưỡng tốt nhất của riêng mình. Tôi nhớ lại sai lầm của Hitler, khi ông ấy có những bài kiểm tra tâm lý và sinh lý học xuất sắc được phát minh để cho ông ấy biết khi nào một trong những lãnh đạo người Đức của ông ấy cần nghỉ ngơi – và sau đó làm hỏng tất cả bằng cách ra lệnh cho các

lãnh đạo mệt mỏi nghỉ dưỡng gần ông ấy tại Berchtesgaden, thường khiến họ kiệt sức hơn nữa vì sự không thích núi non hoặc sự căng thẳng khi ở quá gần sếp. Ở Philippines, Magsaysay có một ngôi nhà nghỉ dưỡng của chính phủ trên núi ở Baguio, nơi ông có thể nghỉ ngơi ngắn ngày, mặc dù ông vẫn quá dễ tiếp cận với khách và những vấn đề họ mang đến; những khoảnh khắc nghỉ dưỡng mà ông ấy yêu thích nhất là ở trang trại gia đình ở San Marcelino hoặc trong một buổi tiệc cá nướng với những người bạn thời thơ ấu bên bờ sông gần trang trại. Cha mẹ của Magsaysay, cũng như anh trai Jesus, đã đảm bảo rằng những nơi săn sóc thời thơ ấu này đã sẵn sàng cho ông ấy bất cứ lúc nào khi ông muốn trốn tránh công việc tổng thống.

Ngô Đình Diệm không được ưu ái như Magsaysay khi nói đến các kỳ nghỉ. Đúng là ông ấy có một ngôi nhà nghỉ dưỡng của chính phủ trên núi ở Đà Lạt, nơi có rừng thông, luống dâu tây, vườn rau và những người dân tộc thiểu số mặc khổ có sự tương đồng đáng kể với khung cảnh ở Baguio ngay bên kia Biển Đông. Nhưng khi Diệm trở về Sài Gòn sau những lần lưu trú ngắn ngày ở Đà Lạt, ông thường xanh xao và thú nhận với tôi rằng ông không thể ngủ được. Những

đêm ở Đà Lạt quá yên tĩnh đến nỗi ông ấy sẽ thức trắng chờ đợi một tiếng động nào đó. Những khoảnh khắc duy nhất ông ấy quan tâm ở Đà Lạt là những lúc ông ấy có thể ở một mình với một cuốn sách trước lò sưởi; tuy nhiên ông ấy cảm thấy rằng ngay cả những khoảng thời gian này cũng chỉ là một sự bất chước mờ nhạt niềm vui mà ông ấy cảm thấy khi tự nhốt mình vào ban đêm trong phòng làm việc riêng ở Sài Gòn, được bao quanh bởi tài liệu đọc theo lựa chọn của chính mình.

Ngoài Đà Lạt, nơi nghỉ dưỡng khác của ông là ở nhà gia đình tại Huế, nơi mẹ và em trai út của ông sống; nhưng ông trở về Sài Gòn sau những chuyến thăm Huế trong tình trạng mệt mỏi tương tự như từ Đà Lạt. Tôi hiểu rằng các vấn đề gia đình và chính trị địa phương đã tiêu tốn những khoảnh khắc mà ông nên được nghỉ ngơi. Tôi đã từng thúc giục Diệm, người độc thân, tìm gặp người yêu thời trẻ vẫn còn độc thân của ông ấy ở Huế và làm theo phong tục địa phương là chở cô ấy đi thuyền trên Sông Hương trong khi ông ấy hát cho cô ấy nghe bằng cây đàn mandolin của mình – điều mà ông ấy thú nhận với tôi rằng ông ấy đã không chơi kể từ thời thơ ấu. Một Diệm đang đỏ mặt thú nhận

với tôi khi ông ấy trở về từ Huế rằng ông ấy đã mất hết can đảm vào giây phút cuối cùng, chắc chắn rằng ông ấy sẽ trở thành một gã Don Juan tồi tệ.

Khi tôi hỏi ông ấy về một kỳ nghỉ ở bờ biển, Diệm tỏ ra không cam kết. Tôi đã có một nơi trong tâm trí, một ngôi nhà nhỏ của chính phủ giữa một hàng thông trên một vách đá phía trên một bãi biển riêng, ngay phía bắc Long Hải và dễ dàng lái xe từ Sài Gòn. Với luồng tín phong đều đều (trade wind) tạo ra một bản lullaby (bài hát ru) qua những rặng thông và với tiếng sóng vỗ bờ liên tục bên dưới bãi biển, nó là nơi lý tưởng để thư giãn. Mặc dù Diệm đã bí ẩn trong câu trả lời của mình, gia đình ông ấy lại rất nhiệt tình. Em trai ông là Nhu, bà Nhu, các con của họ, và tôi đã có một buổi dã ngoại tại ngôi nhà nhỏ bên bờ biển, sau đó họ bắt đầu một chiến dịch thuyết phục Diệm dành một ngày cuối tuần nghỉ ngơi ở đó. Sự đóng góp của tôi cho chiến dịch là một vài bản phác thảo bằng bút chì dầu mà tôi vẽ về ngôi nhà nhỏ và bãi biển của nó; bà Nhu đã treo những bản phác thảo này trong phòng ngủ của Diệm tại dinh, như những tấm áp phích tuyên truyền. Cuối cùng, Diệm đồng ý dành một ngày cuối tuần tại ngôi nhà nhỏ và mời tôi đi cùng.

Chúng tôi đã có hai ngày lười biếng ở bãi biển, theo phong cách gia đình. Tôi đã mang một ít quần bơi cho Diệm, nhưng ông ấy khăng khăng nhảy xuống nước trong quần áo lót; tôi đã rất ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng ông ấy mặc long johns (quần áo lót dài tay/dài chân) kiểu cũ. Trên đường đến bãi biển, tôi đã dừng lại ở một khu chợ thị trấn và mua những bao chôm chôm, “trái vải của người nghèo,” vì vụ mùa trái cây ngon này đã chín để thu hoạch. Những người lớn trong gia đình coi thường món quà khiêm tốn của tôi, vì vậy lũ trẻ và tôi đã ăn ngấu nghiến giữa những lần bơi. Thực, người anh lớn, luyện tập tiếng Anh của mình bằng cách kể cho tôi nghe về các lãnh đạo chiến đấu của dân quân gần Mỹ Tho, những người có khả năng bẩm sinh tuyệt vời nhưng học vấn quá ít để có được quân hàm trong Quân đội Việt Nam; chúng tôi đồng ý rằng những người như vậy nên được chọn để huấn luyện đặc biệt và có cơ hội thăng tiến. Mặc dù vợ ông ấy cảnh báo tôi không nên chơi với ông ấy, tôi đã chấp nhận thử thách từ Nhu để chơi scrabble (trò chơi xếp chữ) bằng tiếng Pháp, thua ông ấy liên tục cho đến khi tôi khăng khăng rằng chúng tôi chơi trò chơi cả bằng tiếng Pháp và tiếng Anh; khi tôi thắng

trò chơi song ngữ, Nhu ngay lập tức nói với tôi rằng ông ấy mệt và bỏ cuộc. Vợ ông ấy nói: “Ông ấy không thích thua cuộc.”

Diệm và tôi trò chuyện chủ yếu về các nguyên tắc Nho giáo, những khái niệm mà hầu như tất cả người Việt Nam bắt đầu học từ khi còn nhỏ và tôi tin rằng chúng hình thành nên bản sắc đích thực của người Việt Nam mà chính phủ của họ nên dựa vào. Khi chúng tôi thảo luận về chủ đề này ở Sài Gòn, con người học giả trong Diệm sẽ bộc lộ ra và ông ấy sẽ diễn thuyết một cách sinh động nhất. Tuy nhiên, tại ngôi nhà nhỏ bên bờ biển, với âm thanh đều đặn của sóng biển và gió thổi qua rừng thông, mí mắt ông ấy sẽ sụp xuống và tôi sẽ ngừng nói và lên đi ra, trong khi ông ấy nhắm mắt và ngủ trưa. Ông ấy đã ngủ gật nhiều lần trong suốt cuối tuần, cũng như ngủ sâu vào ban đêm. Sau đó, khi chúng tôi khởi hành trở về Sài Gòn, ông ấy nói rằng mình chưa bao giờ cảm thấy sáng khoái sau một kỳ nghỉ như vậy.

Trong những năm sau đó, khi tôi nghe tin ở Washington về những rắc rối mà Diệm đang gặp phải trong vai trò lãnh đạo, tôi nhận thấy rằng ông ấy đã quay lại thói quen bay đến Đà Lạt để nghỉ dưỡng ngắn ngày, ẩn dật tại khu nghỉ mát trên núi. Tôi tự hỏi

liệu ông ấy có bao giờ học được cách thư giãn ở đó hay không, hay ông ấy trở lại với gánh nặng ở Sài Gòn sau đó vẫn căng thẳng và mệt mỏi. Có lần, khi tôi gợi ý trong một bức thư rằng ông ấy nên thử lại ngôi nhà nhỏ bên bờ biển, ông ấy viết rằng du kích Cộng sản đã tràn ngập khu vực đó và ông ấy không muốn mạo hiểm mạng sống của binh lính chỉ để bảo vệ một nơi nghỉ dưỡng. Có lẽ điều đó đã tạo ra sự khác biệt trong tiến trình lịch sử của Việt Nam.

GHI CHÚ

JOHNNY. Johnny Orendain, người mà người Việt Nam đã tìm đến để xin lời khuyên về hiến pháp, là người Philippines đầu tiên mời tôi đến nhà của ông vào năm 1945. Trong bữa tối đầu tiên với gia đình ông, tôi đã lắng nghe những câu chuyện về việc họ trốn thoát khỏi lực lượng chiếm đóng của Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai. Một câu chuyện đáng nhớ liên quan đến thời điểm gia đình bị lính Nhật chặn lại và cậu con trai năm tuổi của họ đã hát cho những người lính nghe bài hát duy nhất mà cậu biết, “Chúa phù hộ nước Mỹ” (“*God Bless America*”). Những người lính không nói tiếng Anh đã xoa đầu cậu bé vì bài hát dễ thương và may mắn là không hỏi tên cậu, tên cậu là MacArthur Orendain. Bữa tối với gia đình Orendain có một đặc điểm đáng nhớ khác. Johnny làm những chiếc bánh táo ngon nhất mà tôi từng nếm, học được nghệ thuật này trong khi tự kiếm sống để học Trường Luật Stetson.

BÃI BIỂN. Bãi biển yêu thích của tôi gần Long Hải, nơi tôi giới thiệu cho Ngô Đình Diệm như một điểm nghỉ ngơi vào năm 1956, đã thu hút sự chú ý của tôi vào năm 1953 khi nó là một phần của bãi tập thực tế được Cơ quan Mật vụ Pháp sử dụng để chuẩn bị cho

các biệt kích Việt Nam và người Thượng thực hiện nhiệm vụ kháng chiến. Du kích Việt Minh tràn ngập khu vực này, và người Pháp đã gửi các học viên của họ vào các hoạt động ở đó như một bài tập tốt nghiệp. Một rừng thông và những cồn cát bao quanh bãi biển, cung cấp đủ nơi ẩn náu cho du kích. Vẻ đẹp hoang sơ, sự cô độc và nguy hiểm tiềm tàng của nó khiến tôi phải rất chọn lọc những người mà tôi đưa đến đó để dã ngoại và bơi lội trong những ngày đầu. Một vị khách là Joe Alsop, ngay sau khi ông ấy đã chứng minh vào năm 1954 rằng mình không chỉ là một nhà báo ngồi tòa soạn bằng cách thực hiện một chuyến đi đơn độc đầy can đảm vào khu vực Việt Minh để phỏng vấn các nhà lãnh đạo Cộng sản. Trước ngày cuối tuần của Diệm tại bãi biển năm 1956, quân đội đã kiểm tra an ninh kỹ lưỡng khu vực này. Nó đã an toàn vào thời điểm đó.

CHƯƠNG HAI MƯƠI

* *

MỘT KHÓA HỌC DÀNH
CHO NƯỚC MỸ

Magsaysay đã yêu cầu tôi ghé thăm Manila trên đường từ Sài Gòn đến Washington vào cuối tháng 12 năm 1956. Vì vậy, tôi đã dành một ngày và một đêm ở Philippines, một khoảng thời gian quá ngắn để ở bên những người bạn cũ. Thay vì buổi tối yên tĩnh như mong đợi với Magsaysay và những người bạn thân, tôi thấy mình là khách mời danh dự của ông tại một bữa tối trang trọng tại dinh Malacañang – một sự kiện ngoại giao kiểu cách do các cố vấn xã hội mới của ông sắp xếp và rất xa lạ với chiếc áo sơ mi kaki và quần tây mà tôi đang mặc. Quần đen mượn, được cố định bằng kim băng, và áo *barong tagalog* (áo sơ mi truyền thống của Philippines) từ tủ quần áo của Magsaysay, đã giúp tôi vượt qua bữa tối dài với những lời chúc tụng và diễn văn. Tôi nghi ngờ rằng cả Magsaysay và tôi sẽ hạnh

phức hơn với một trong những bữa ăn mà chúng tôi đã chia sẻ trong chiến dịch Huk, thịt bò đóng hộp, cơm và cá ăn bằng tay, giữa những người bạn đồng hành mà chúng tôi có thể thư giãn.

Mặc dù có một vài người bạn cũ tại bữa tối, một số khách lại là người lạ đối với tôi, trong đó có các quan chức Mỹ đến Philippines sau thời gian tôi phục vụ ở đó. Hai người đàn ông này nhìn tôi một cách kỳ lạ suốt bữa ăn. Sau đó, khi tôi nói lời chúc ngủ ngon với họ, lời chia tay của họ bị che đậy bằng một vài lời lẽ sắc bén. Trang phục mượn của tôi rõ ràng đã xúc phạm họ, cùng với sự hiện diện của tôi ở Philippines. Có vẻ như mối quan hệ giữa Hoa Kỳ và Philippines đang được đặt trên một cơ sở “bình thường,” một điều mà tôi rõ ràng có thể làm hỏng. Sau một vài nhận xét theo hướng này, một trong số họ lấp bắp: “Tạ ơn Chúa là ông sắp rời khỏi khu vực này của thế giới,” và, với câu nói đó, cả hai đều bỏ đi.

Ngày hôm sau, bay về phía đông qua Thái Bình Dương về nhà, tôi suy nghĩ về lời chia tay nhỏ nhặt đó. Tôi tự hỏi một mối quan hệ “bình thường” giữa người Mỹ và người châu Á sẽ là gì theo cách hiểu của họ.

Trong những năm qua ở châu Á này, các

kiểu hành vi mà tôi quan sát được ở các quan chức Hoa Kỳ rộng lớn như toàn bộ nhân loại. Có một số quan chức tỏ ra xa cách một cách có chủ ý, nói rằng người Mỹ không thể đại diện cho Hoa Kỳ một cách thích hợp nếu họ quá dính líu đến người dân địa phương. Có những người khác cố gắng tìm kiếm tình bạn với những người châu Á xung quanh họ: một số người đi quá xa bằng cách hòa nhập hoàn toàn và một số người đạt được sự cân bằng tốt bằng cách giữ nguyên bản thân trong khi kết bạn. Có những người Mỹ thuộc tuýp “nắm quyền,” chỉ huy mọi người trong tầm mắt, thường là để hoàn thành một công việc có giá trị nhưng lại bóp nghẹt sáng kiến và chà đạp lên nhân phẩm của chính những người châu Á mà họ đang cố gắng giúp đỡ. Có những chuyên gia kỹ thuật mù quáng với mọi thứ bên ngoài chương trình trước mắt của họ, đôi khi dễ dàng và vô tình giúp đỡ những kẻ lừa đảo chính trị và tham lam tiền bạc châu Á đang háo hức tìm kiếm cơ hội “vơ vét” trong một số chương trình của Hoa Kỳ. Có những người Mỹ cư xử cao quý và những người cư xử tồi tệ. Có những người Mỹ buồn chán đang chờ hết thời gian làm việc và những người Mỹ tận dụng mọi khoảnh khắc. Vậy điều gì là “bình thường”?

Hoa Kỳ đang thực hiện các chương trình viện trợ lớn ở châu Á để mang lại cho các quốc gia tự do một cơ hội sống trong thế giới nổi lên từ Thế chiến thứ hai. Trong các chương trình này, tôi từ lâu đã tin rằng cách thức chúng ta giúp đỡ còn quan trọng hơn nhiều so với bản chất của những gì chúng ta cho đi. Các vấn đề của con người đẩy dẩy những ví dụ về sự hỗ trợ được phân phát tồi tệ đến mức gây ra sự đổ kỵ, ghen tị, oán giận hoặc khinh miệt của người nhận hoặc làm suy yếu tinh thần của họ. Các vấn đề của con người cũng đẩy dẩy những ví dụ về tình bạn thực sự, trong đó sự giúp đỡ được trao đi đúng cách, làm cao quý cả người cho và người nhận. Tôi nhớ lại hai câu chuyện được người Philippines kể cho tôi sau khi tôi đến đất nước của họ vào năm 1945, những câu chuyện được kể thường xuyên đến mức chúng trở nên đáng nhớ đối với tôi. Vào thời điểm đó, người Philippines đã có nhiều cơ hội để hiểu rõ về người Mỹ chúng ta hơn những người châu Á khác, nhờ hai thế hệ gần bó thân thiết. Những câu chuyện đã dạy tôi rất nhiều về cảm xúc của người châu Á đối với thái độ của người Mỹ.

Một trong những câu chuyện là câu chuyện yêu thích của các chính trị gia và

trí thức Philippines mà tôi quen biết. Nó liên quan đến buổi lễ được tổ chức sau khi hoàn thành một cây cầu do các kỹ sư Mỹ xây dựng bắc qua sông Pasig ở Manila trước Thế chiến thứ hai. Một quan chức cấp cao của Hoa Kỳ đã phát biểu trước đám đông tụ tập tại buổi lễ, ca ngợi những người xây dựng Mỹ và lưu ý cách Hoa Kỳ đang mang văn minh đến Philippines. Người phát biểu tiếp theo là Manuel Quezon, tổng thống Khối thịnh vượng chung và là một người theo chủ nghĩa dân tộc nhiệt thành. Quezon khinh miệt điều mà ông coi là sự trịch thượng của quan chức Hoa Kỳ và tuyên bố một cách đầy nhiệt huyết rằng ông thà sống “trong một Philippines do người Philippines điều hành như Địa ngục còn hơn sống trong một Philippines do người Mỹ điều hành như Thiên đường!” Đó là một cú hích kinh điển vào chủ nghĩa gia trưởng thiếu nhạy cảm của Mỹ. Tuy nhiên, hầu hết những người Philippines kể cho tôi nghe câu chuyện này đều đã đi học ở các trường công lập do giáo viên Mỹ thành lập, và những giáo viên này đã giành được tình cảm sâu sắc của họ. Sự tương phản giữa cách họ nhìn nhận người Mỹ tại buổi lễ khánh thành cầu và giáo viên Mỹ của họ đã nói lên vấn đề. Các giáo viên

đã tôn trọng nhân phẩm của họ với tư cách cá nhân trong khi vị quan chức lại mù quáng trước điều đó.

Câu chuyện đáng nhớ thứ hai được kể cho tôi bởi các nhà lãnh đạo Philippines của cuộc kháng chiến du kích chống lại sự chiếm đóng của Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai. Nó liên quan đến những giờ phút đen tối nhất của Philippines vào đầu năm 1942. Các nhà lãnh đạo chính phủ Philippines đã chạy trốn đến nơi an toàn của cứ điểm quân sự của chúng ta trên Đảo Corregidor ngoài khơi mũi bán đảo Bataan. Câu chuyện kể rằng Quezon đã gửi một thông điệp vô tuyến cho Tổng thống Roosevelt. Trong đó, ông lưu ý rằng Philippines đã tuyên chiến chống lại Nhật Bản theo các thỏa thuận với Hoa Kỳ. Tuy nhiên, hiện tại, quân đội Nhật Bản đã tràn ngập Philippines. Người dân Philippines đang phải chịu đựng. Đã có sự tàn phá lớn. Chỉ còn lại những tàn dư nhỏ của lực lượng quân sự của đất nước vẫn đang cầm cự. Với trái tim nặng trĩu, kết luận đã đạt được rằng đã đến lúc phải từ bỏ. Liệu Hoa Kỳ có thể giải phóng Philippines khỏi thỏa thuận chiến đấu bên cạnh người Mỹ không?

Phản hồi từ Nhà Trắng đã trở lại. Đúng,

chính phủ Philippines được giải phóng khỏi bất kỳ nghĩa vụ nào có thể mang lại đau khổ cho người dân Philippines. Quezon được tự do hành động theo cách ông ấy nghĩ là tốt nhất. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã cam kết bảo vệ Philippines. Do đó, ngay cả khi bản thân cũng đang bị tổn thương nghiêm trọng khi làm như vậy, họ sẽ vẫn trung thành với lời cam kết của mình và tiếp tục cố gắng bảo vệ Philippines chừng nào còn một người Mỹ sống sót để làm điều đó.

Sự trao đổi thông điệp này, giữa bi kịch đang diễn ra cho cả người Philippines và người Mỹ, đã chạm đến một tâm lý châu Á thường bị che giấu. Những người Philippines kể cho tôi câu chuyện sẽ kết thúc bằng cách hỏi: “Chúng tôi còn có thể làm gì khác ngoài việc tiếp tục chiến đấu thông qua người dân, bất kể chính phủ làm gì? Các bạn người Mỹ đã tin tưởng chúng tôi và thể hiện điều đó bằng cách hy sinh để bảo vệ chúng tôi. Chúng tôi phải ở bên cạnh các bạn và giữ vững nhân phẩm của mình.” Những năm chiến tranh sau sự cố này đẩy đẩy các sự kiện đánh dấu mối quan hệ gần gũi bất thường giữa người Philippines và người Mỹ, những mối quan hệ đã khiến thế giới kinh ngạc khi giữ vững bất chấp nghịch cảnh. Đối với tôi,

câu chuyện này – mà người Philippines tin và tôi tin vì họ tin – đã mô tả mối quan hệ lý tưởng nên tồn tại giữa những người chia sẻ cùng niềm tin có nguyên tắc. Đó là một tình huynh đệ mà trong đó chúng ta yêu thương, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau.

Bây giờ tôi đang rời châu Á vào cuối năm 1956, một thập kỷ hỗn loạn sau khi Thế chiến thứ hai kết thúc. Tôi tin chắc, hơn bao giờ hết, rằng con đường thực dụng nhất cho người Mỹ phục vụ ở châu Á là phải chú ý đến chủ nghĩa lý tưởng của các giáo lý chính trị của đất nước chúng ta và biến chúng thành cơ sở cho các hành động của chúng ta. Chúng ta đã tham gia vào một cuộc đấu tranh to lớn ở châu Á với các đối thủ, những người Cộng sản theo quan điểm của Mao, những người tin một cách cuồng tín rằng họ phải chuyển đổi tất cả những người khác sang quan điểm của họ ngay cả khi phải dùng đến họng súng. Họ đã tiến hành một cuộc chiến tranh chính trị giống như thần quyền, với ý tưởng là vũ khí nặng nhất của họ. Chúng ta đã chiến đấu chống lại ý tưởng của họ bằng sức mạnh của chính mình, chia sẻ sức mạnh này với các đồng minh. Nhưng tôi đã rất kinh hoàng trước điều mà nhiều đồng bào người Mỹ của tôi coi là sức mạnh.

Chúng ta nói “chúng ta tin vào Chúa” (*in God we trust*) và sau đó đặt niềm tin chính của mình vào những thứ vật chất – tiền bạc, máy móc, hàng hóa và tiểu đoàn – để giành chiến thắng trong cuộc đấu tranh này. Tôi không phản đối việc sử dụng vũ khí, đồ la và vật chất để hỗ trợ cuộc chiến của chúng ta, miễn là những thứ này vẫn là sự hỗ trợ thứ yếu cho điều nên là sự tin cậy chính của chúng ta, các nguyên tắc của chúng ta với tư cách là người Mỹ. Chúng ta không thể chỉ chống lại những người Cộng sản. Chúng ta phải tự mình đấu tranh cho một điều gì đó.

Tôi có những quan điểm cá nhân về những người Cộng sản châu Á từ những lần tiếp xúc với họ. Tôi cảm thấy buồn về những gì đã xảy ra với một số người trong số họ, những người ban đầu gia nhập hàng ngũ Cộng sản vì những lý do lý tưởng, chẳng hạn như sửa chữa những bất công xã hội, và sau đó thấy mình bị ràng buộc vào một hệ thống mà họ dần mất niềm tin, bị giữ lại đó bởi các biện pháp an ninh thù hằn hoặc cảm giác tội lỗi vì những hành động mà họ bị xúi giục tham gia. Những người bị giam cầm bởi hệ thống này bao gồm một số nhân vật Cộng sản nổi tiếng, những người mà nổi thống khổ riêng tư của họ hẳn phải là Promethean (vĩ đại/tột cùng).

Nhưng tôi cũng đã thấy sự tàn bạo tàn nhẫn của các đối thủ Cộng sản của chúng ta. Trái tim tôi thực sự hướng về các nạn nhân của họ và cơn giận dữ của tôi đã cứng lại đối với những người chịu trách nhiệm. Đến năm 1956, không biết bao nhiêu nghìn người đã bị Cộng sản lên án và sát hại vì những lý do ngây thơ như sinh ra trong những gia đình hoặc hoàn cảnh mà giới tinh hoa Cộng sản không thích. Kể từ khi kết thúc Thế chiến II, khoảng 700 triệu người đã bị những người Cộng sản chinh phục bằng vũ lực chính trị-quân sự, trong một chương lịch sử mang đậm tính đế quốc chủ nghĩa, chế nhạo tất cả những người thiện chí bằng cách mang nhãn hiệu “giải phóng” của chủ nghĩa Cộng sản. Hàng triệu người “được giải phóng” đã bị cố định vào khu phố và nơi làm việc của họ, không được phép có tiếng nói ý nghĩa nào trong tương lai của họ, và phải chịu những hình phạt đáng sợ vì vi phạm các quy định điều chỉnh của hệ thống. Bị ngăn cách với phần còn lại của thế giới bởi Bức màn Sắt và Bức màn Tre, họ sống trong những nhà tù rộng lớn.

Có viễn cảnh rằng những người Cộng sản sẽ tiếp tục vai trò chinh phục thế giới, giam cầm thêm nhiều dân cư. Các nhà lý

luận Cộng sản có một ý tưởng cố hữu về việc mở rộng cuộc cách mạng của họ sang các lãnh thổ khác, bao gồm cả Hoa Kỳ, như một điều cần thiết cho sự ra đời thành công của xã hội không tưởng mà họ hy vọng sẽ được thiết lập cuối cùng. Việc những nhà lý luận này giống như những đứa trẻ tin vào một câu chuyện cổ tích, với niềm tin đơn giản rằng sẽ có một kết thúc có hậu sau tất cả những kinh hoàng, không hề an ủi được những người trong chúng ta đang phải đối mặt với họ. Phương pháp chinh phục của Cộng sản mà tôi đã thấy là chiến thuật “chiến tranh nhân dân” của châu Á. Thay vì sử dụng một đội quân chính quy để xâm lược và khuất phục một quốc gia, họ đã sử dụng một cách rẻ hơn, một cách mà người nghèo có thể thực hiện được. Sự khởi đầu có thể được thực hiện với một nhóm nhỏ những người tin tưởng mãnh liệt vào ý tưởng chính trị của chủ nghĩa cộng sản, từ một căn cứ mà ban đầu họ sẽ an toàn khỏi cảnh sát hoặc các lực lượng chính phủ khác. Được huấn luyện như những người tuyên truyền và du kích, nhóm này lợi dụng sự bất bình của người dân địa phương và đổ lỗi cho chính quyền, chiêu mộ những người mà chúng thuyết phục hoặc đe dọa, trang bị vũ khí

cho họ, và sau đó, khi số lượng tăng lên, tấn công lực lượng chính phủ tại những nơi và thời điểm mà chiến thắng dường như chắc chắn. Sự phát triển tiếp tục cho đến khi lực lượng Cộng sản thống trị vùng nông thôn, bao vây các thành phố, cô lập chúng khỏi vùng nông thôn và cuối cùng buộc chúng phải đầu hàng. Nói cách khác, đây là cuộc đấu tranh chính trị do những người ủng hộ có vũ trang được tuyển mộ từ quần chúng nhân dân tiến hành - chiến tranh nhân dân.

Có bằng chứng cho thấy phương pháp này đang được khởi xướng ở Indonesia, nơi các hoạt động chuẩn bị của Cộng sản tại các làng ở Trung Java đã khiến khu vực này được đặt biệt danh là “tuyến Yên An”, và ở Thái Lan, nơi sự thâm nhập mạnh mẽ của người Việt Nam vào vùng đông bắc đã biến nhiều làng mạc thành nơi trú ẩn an toàn cho các cán bộ được huấn luyện từ Hà Nội. Trong thời gian tôi ở Việt Nam, Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp và các đảng viên Cộng sản Việt Nam khác đã công khai khoe khoang về thành công của họ với phương pháp chiến tranh dân dã này trong việc đánh bại quân Pháp. Đó là một lời chứng mà tôi cảm thấy rõ ràng sẽ thu hút những người thiếu thốn khao khát quyền lực ở các quốc gia khác trên khắp thế

giới, bao gồm cả những quốc gia mà chính phủ của họ sẽ tìm đến Hoa Kỳ để được giúp đỡ khi đến lượt họ trở thành mục tiêu. Người Mỹ sẽ phản ứng như thế nào? Liệu họ có coi mỗi vấn đề mới là một Triều Tiên khác không? Cuộc chiến ở Triều Tiên là một sự bất thường, được chiến đấu theo kiểu thông thường trong một thời điểm và một phần của thế giới nơi chiến tranh phi truyền thống và cách mạng đã trở thành quy tắc mới. Ở Triều Tiên, những người Cộng sản không thực hành những gì họ đã thuyết giảng cũng như những gì họ đã thấy thành công ở các vùng đất châu Á khác. Tôi nhận thấy, từ việc họ chỉ sử dụng du kích như lực lượng phụ trợ cho các lực lượng chính quy và việc họ sử dụng số lượng lớn quân đội mặt đất, rằng những người Cộng sản ở Triều Tiên đã cố gắng chiến đấu theo phong cách Liên Xô, thay vì sử dụng phương pháp mà Mao đã giành được Trung Quốc. Đáp lại, người Mỹ và các đồng minh của họ đã chiến đấu theo cách thông thường của riêng họ, giống như họ đã làm trong sự pha trộn của Thế chiến I và II nhưng với vũ khí được cập nhật. Đó là một trải nghiệm tàn khốc, nhưng nó không dạy được bài học nào về chiến tranh nhân dân. Tôi cảm thấy rằng những người Cộng

sản châu Á, những người đã bị tổn thương nghiêm trọng ở Triều Tiên, sẽ quay trở lại những cách thức cũ quen thuộc của họ vào lần tới khi họ bắt đầu một cuộc chiến. Tôi chỉ hy vọng rằng Triều Tiên đã không khiến quá nhiều người Mỹ bị hiểu lầm một cách đặc biệt và bi thảm về chiến tranh Cộng sản châu Á. Cuộc đối đầu tiếp theo sẽ đòi hỏi rất nhiều sự khôn ngoan từ chúng ta, nếu chúng ta giúp đỡ và đưa ra sự giúp đỡ một cách thích đáng.

Trường học “khó khăn” của tôi ở Philip-pines và Việt Nam đã nhấn mạnh chiến lược dân túy được thực hành bởi những người Cộng sản châu Á và sự cần thiết phải có phòng thủ dân túy chống lại nó. Về cơ bản, người dân của một quốc gia là đặc điểm chính trên chiến trường do Cộng sản lựa chọn, vì cuộc đấu tranh sau đó trở thành cuộc đấu tranh giữa những người Cộng sản và chính phủ về phía nào sẽ giành được lòng trung thành của người dân. Bên nào giành được lòng trung thành đó sẽ giành chiến thắng đất nước, đánh bại bên kia. Do đó, những người Cộng sản cố gắng chia rẽ người dân khỏi chính phủ và giành quyền kiểm soát số lượng dân số quyết định. Sự phòng thủ chắc chắn chống lại chiến lược này là làm cho

người dân và chính phủ gắn bó chặt chẽ với nhau đến mức không thể chia cắt được. Nói cách khác, sức mạnh của một quốc gia nằm ở việc có được điều mà Lincoln đã mô tả tại Gettysburg: một chính phủ “của dân, do dân, vì dân.” Với một chính phủ như vậy và một công dân được thông tin và cảnh giác, các phương pháp chiến tranh nhân dân được Cộng sản ca ngợi đơn giản là không thể có được sự khởi đầu ý nghĩa.

Dựa trên sự hiểu biết này về phòng thủ chính trong một quốc gia đang được Hoa Kỳ giúp đỡ, vai trò của người Mỹ trong các chương trình hỗ trợ của chúng ta trở nên rõ ràng. Thực tế đơn thuần là chúng ta đang viện trợ đã có nghĩa là chúng ta đang ảnh hưởng đến các vấn đề nội bộ của đất nước. Vì vậy, chúng ta cần sử dụng ảnh hưởng đó một cách nhất quán để hướng dẫn đất nước đạt được sức mạnh thực sự của mình, một sức mạnh trở thành một phần của tình bạn giữa người dân của nó và của chúng ta. Lợi ích lâu dài của chính chúng ta đòi hỏi mọi hành động của các quan chức của chúng ta ở một quốc gia như vậy phải phục vụ để khuyến khích việc xây dựng hoặc duy trì một chính phủ đáp ứng và có sự tham gia của người dân. Đó có thể là một quá trình chậm chạp,

từng bước nhỏ, nhưng chúng ta không nên đi chệch khỏi mục tiêu với những lời bào chữa về tính tiện lợi hoặc để cứu vãn niềm kiêu hãnh sai lầm của giới quan chức.

Điều này có nghĩa là các quan chức Hoa Kỳ ở một quốc gia nước ngoài được viện trợ nên dành mọi khoảnh khắc có thể để đạt được sự hiểu biết về người dân của nước đó và sau đó hành động trong tình bạn đã được tạo dựng. Các cố vấn chính trị của chúng ta nên nhấn mạnh sự cần thiết của một chính phủ đề cao tinh thần của luật pháp và quy trình của đất nước, mang lại công bằng xã hội cho người dân và thúc giục rằng công lý phải được tuân thủ, củng cố hoặc mở rộng khi cần thiết. Sự hỗ trợ quân sự của chúng ta nên đảm bảo rằng quân đội mà nó trang bị được dành để bảo vệ người dân như mục tiêu cao nhất và không đổi của họ trong việc trở nên thành thạo các nghệ thuật quân sự. Viện trợ kinh tế của chúng ta chỉ nên được trao theo những cách làm tăng khả năng tự lực của người dân chứ không phải theo những cách làm tăng local bossism (sự chuyên quyền của lãnh đạo địa phương) hoặc các tệ nạn tham nhũng cố hữu khác. Bất công xã hội, sự bắt nạt của quân đội hoặc cảnh sát, và tham nhũng phải được coi là những điểm

yếu nghiêm trọng trong việc phòng thủ của một quốc gia, những sai lầm có thể dẫn đến sự sụp đổ của nó và cuối cùng, khi bạn bè của chúng ta bị loại bỏ, đến sự sụp đổ của Hoa Kỳ.

Nếu mọi quốc gia liên minh với chúng ta làm việc tận tâm về hệ thống phòng thủ chính của mình trong nhân dân của chính họ, và nếu Hoa Kỳ trở thành người bảo vệ các nguyên tắc đã tuyên bố của mình bằng cách hướng tất cả viện trợ nước ngoài của chúng ta một cách đặc biệt vào sự phòng thủ đó, thì sự bành trướng của Cộng sản thông qua việc sử dụng khủng bố du kích chính trị hóa có thể bị chặn đứng. Tuy nhiên, với tư cách là một người Mỹ thực tế, tôi đã và đang có ít ảo tưởng rằng Washington sẽ áp dụng lý tưởng có thể đạt được này. Các phòng họp kín của những nhà hoạch định chính sách ở Washington quá đầy dẫy những người thực hành ăn nói lưu loát và thuyết phục về giải pháp tiện lợi cho các vấn đề hàng ngày, về nghệ thuật chính trị quyền lực cổ xưa, và về cách sử dụng thô thiển các phương tiện vật chất và thể chất của chúng ta. Họ khó có thể hiểu được tính thực dụng của việc bám vào lý tưởng có một chính phủ “của dân, do dân, vì dân” như là sự phòng thủ mạnh mẽ

nhất mà bất kỳ quốc gia nào có thể có chống lại những người Cộng sản, và họ tìm kiếm những cách khác để đánh bại những người Cộng sản, những cách mà họ có thể nhìn thấy hoặc chạm vào hoặc kiểm kê trên giấy tờ. Do đó, tôi chỉ có thể kết luận rằng viện trợ của Hoa Kỳ sẽ không đủ để giúp xây dựng các hệ thống phòng thủ thực sự, rằng các điểm yếu sẽ tiếp tục tồn tại trên khắp thế giới, và rằng những người Cộng sản sắc sảo sẽ nhận ra và khai thác chúng. Điều này có nghĩa là chúng ta có thể mong đợi nhiều cuộc chiến tranh nhân dân hơn, theo kiểu Maoist, trong thời đại của chúng ta.

Trong các cuộc chiến tranh nhân dân tiếp theo ở các quốc gia mà chúng ta đang viện trợ, tôi hy vọng rằng chúng ta sẽ không quên cơ sở chính trị của các cuộc xung đột như vậy và sai lầm khi đặt niềm tin chính của mình vào các hành động quân sự, cảnh sát và kinh tế mà không nhận ra rằng chúng chỉ là công cụ của ý chí chính trị. Nếu chúng ta sai lầm theo cách này, những người Cộng sản có thể tiếp tục đóng vai nói thay cho người dân, làm trầm trọng thêm mọi sự vi phạm của một chính phủ mà họ tìm cách tiêu diệt, tuyển mộ những người bị chính phủ làm sai cùng với người thân và bạn bè của họ, và

tiếp tục phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Trong một tình huống xuống dốc như vậy, sự cứu rỗi duy nhất là chuyển các ưu tiên phòng thủ trở lại những gì chúng lẽ ra phải là ngay từ đầu – xây dựng và củng cố một cơ cấu chính trị quốc gia hòa hợp với người dân – và khẳng định rằng tất cả các hành động khác đều phải đóng góp cho mục tiêu này. Ngay cả khi là một ưu tiên thời chiến, công việc nhạy cảm như vậy cũng cần có thời gian.

Nếu chúng ta muốn thành công, những người Mỹ thiếu kiên nhẫn sẽ phải nhớ di sản của chính chúng ta. Những nhà cách mạng đã thành lập đất nước chúng ta đã hiểu sự cần thiết bắt buộc phải tiến hành cuộc đấu tranh của họ trên một nền tảng chính trị. Tuy nhiên, phải mất năm năm thời chiến sau Tuyên ngôn Độc lập trước khi các Điều khoản Liên bang đầu tiên được phê chuẩn, và thêm bảy năm nữa trước khi Hiến pháp Hoa Kỳ được thiết lập. Mười hai năm mà chúng ta cần để xây dựng một cơ cấu chính trị khả thi trong thế kỷ thứ mười tám thậm chí có thể không đủ, với kỹ năng hủy diệt của những người Cộng sản. Chiến tranh nhân dân không dành cho những chiến binh có khả năng chú ý ngắn.

Các vị Cha già Sáng lập của chúng ta đã để lại một di sản khác về chiến lược cách mạng mà những người thừa kế của họ nên chú ý trong các cuộc chiến tranh nhân dân. Họ đã chọn người đứng đầu đối thủ của họ – George III – làm mục tiêu chính trong cuộc chiến tranh tâm lý mà họ tiến hành nhất quán trong suốt cuộc đấu tranh, một loại hình chiến tranh mà họ tin tưởng hơn cả súng đạn của Quân đội Lục địa. Thành công của chiến dịch tâm lý này lớn đến mức ngay cả nhiều thế hệ sau, trong thế kỷ hai mươi, một thị trưởng Chicago đã được bầu chủ yếu dựa trên cương lĩnh phản đối George đã chết từ lâu. Chúng ta có thể cười vào sự ngây thơ của công dân đời sau, nhưng chúng ta không thể coi thường hiệu quả cảm xúc của cuộc tấn công ban đầu. Chiến lược hướng các đòn tâm lý vào giới lãnh đạo kẻ thù trong một cuộc chiến tranh chính trị hầu như không mới. Đó là một sự cần thiết cơ bản của cuộc chiến tranh như vậy, mà các cuộc chiến tranh nhân dân ngày nay chỉ là những ví dụ mới nhất.

Sự lãnh đạo độc đoán của lực lượng Cộng sản trong một cuộc chiến tranh nhân dân rõ ràng nổi lên như một mục tiêu. Quá trình chọn một người Cộng sản để nói thay cho

“quần chúng” trong một cuộc chiến như vậy là một điều rõ ràng đáng ngờ như “quyền thần thánh của các vị vua.” Sự giả dối trong vị trí của một nhà lãnh đạo Cộng sản đối với người dân và tội lỗi của sự man rợ có chủ ý mà ông ta thực hiện dưới danh nghĩa của họ đòi hỏi phải có sự phơi bày mạnh mẽ và liên tục trước sự thật. Một chính phủ có đạo đức dựa trên ý chí phổ thông có thể thực hiện một cuộc tấn công tâm lý hiệu quả vào sự lãnh đạo như vậy, dẫn đến sự cô lập của những nhà lãnh đạo này khỏi người dân, sự bất lực ngày càng tăng của họ, và sự sụp đổ cuối cùng của họ. Chiến lược này ngày nay vẫn mạnh mẽ trong các cuộc chiến tranh nhân dân như đối với người Mỹ vào năm 1976. Chế độ chuyên chế vẫn là chế độ chuyên chế, bất kể tên gọi hiện tại của nó là gì.

Tóm lại, tôi kết luận rằng những người Mỹ đi ra ngoài để giúp đỡ những người khác trong các cuộc chiến tranh nhân dân phải hiểu rằng những cuộc đấu tranh này được tạo thành từ các phương tiện định hình mục đích ý thức hệ. Về cơ bản, chúng là những cuộc xung đột giữa các quan điểm về giá trị của cá nhân con người. Những người Cộng sản nhìn con người một cách duy vật, không

hơn gì một con số không, một mật mã của nhà nước mà họ phải phục tùng. Chúng ta, những người Mỹ, để trung thực với chính mình, phải nhìn nhận con người là một cá nhân được Đấng Tạo hóa ban tặng “một số Quyền bất khả xâm phạm nhất định” và rằng “để bảo đảm những Quyền này, Các Chính phủ được thiết lập giữa Con người.” Trong các cuộc chiến tranh nhân dân, đây là tiếng kêu chiến đấu vì tự do của một người Mỹ.

GHI CHÚ

HÀNH VI. Tất nhiên, một trong những nguyên tắc mà tôi muốn các quan chức Mỹ tuân theo là Quy tắc Vàng, “Hãy làm cho người khác những gì bạn muốn người khác làm cho mình.” Nó có giá trị ở châu Á cũng như ở những nơi khác trên thế giới. Tôi nhớ rằng ông chủ ngân hàng người Philippines Albino SyCip đã in các tấm thẻ ghi quy tắc này dưới nhiều hình thức khác nhau mà nó được biết đến ở châu Á. Thẻ của ông trích dẫn lời của Chúa Jesus, Đức Phật, Khổng Tử, Mahomet, Bà La Môn giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái giáo, Đạo Parsee, Đạo Lão, và Hỏa giáo.

TINH THẦN PHILIPPINES. Mặc dù những người kiêu căng hơn trong chúng ta nên nhớ niềm tự hào dân tộc mãnh liệt được Quezon thể hiện trong nhận xét “Địa ngục và Thiên đường” của ông tại lễ khánh thành cầu Manila, tất cả chúng ta đều có thể trân trọng một nhận xét khác của một người Philippines khác. Người anh hùng Philippines tử đạo Jose Rizal đã từng nói: “Một người giữ được tự do của mình chừng nào anh ta còn giữ được sự độc lập trong suy nghĩ.” Trong những ngày này của sự kiểm soát hành vi theo kiểu Pavlov do các nhà tuyên truyền lãnh nghề tạo ra một cách tinh vi, cũng như trong thời kỳ đàn áp thuộc địa của Rizal, chúng ta cần phải giữ vững chân lý như vậy.

BÀI HỌC. Trong danh sách những gì tôi học được từ kinh nghiệm của mình ở Philippines và Việt Nam, tôi sẽ bao gồm những điều sau:

- Không có bí mật nào ở châu Á, chỉ cần xác định câu chuyện nào là sự thật.
- Cuộc tấn công chính trị của Cộng sản càng khó khăn vào một điểm yếu trong cơ cấu xã hội, chúng ta càng phải trở nên trung thực hơn trong việc củng cố nó.
- Một cuộc nổi dậy phụ thuộc vào sự lãnh đạo của nó, về điều đó luôn có nhiều điều để học hỏi.
- Góc nhìn kém nhất về một cuộc nổi dậy là từ bàn làm việc.
- Một nụ cười đẹp là một tấm hộ chiếu tuyệt vời. Hãy sử dụng nó!
- Trong lãnh thổ du kích, trẻ em là một phong vũ biểu.
- Nếu một mình bị phục kích trên đường, hãy tiếp tục di chuyển nếu có thể.
- Trong hành động dân sự quân sự, hãy nhớ rằng tình bạn được tạo dựng, không phải mua.
- Một khẩu súng lục trên hông mời gọi cái chết hoặc vụ cướp; hãy che giấu nó trừ khi sẵn sàng sử dụng ngay lập tức.
- Luôn giữ cho xe cộ sẵn sàng cho những chuyến đi dài, đổ đầy nhiên liệu, bôi trơn, và siết chặt mọi đai ốc và bu lông có thể chạm tới.
- Trong lửa trại, tre khô cho ánh sáng; vỏ dừa khô (không phải xo dừa) cho nhiệt để nấu ăn nhưng ít ánh sáng.

* * *

LỜI NÓI CUỐI

Số phận bi thảm (đến khi tôi đang ở rất xa tại Washington) đã chờ đợi cả Magsaysay và Diệm. (Tôi đóng quân tại Ngũ Giác Đài từ năm 1957 đến năm 1963.) Khoảng cách không làm dịu đi cú sốc từ cái chết của họ.

Magsaysay đã thiệt mạng trong nhiệm kỳ tổng thống của mình khi máy bay của ông đâm vào một ngọn núi trên đảo Cebu vào ngày 17 tháng 3 năm 1957. Khi máy bay bị quá giờ dự kiến đến Manila và tung tích của ông vẫn chưa được biết, vợ ông là Luz đã gọi điện cho tôi ở Washington và tôi đã cố gắng hết sức để trấn an bà. Cố vấn cao cấp của ông, Đại tá “Borro” Borromeo, gọi điện ngay sau đó để báo tin tử vong, giọng anh nghẹn lại vì nước mắt đến nỗi tôi hầu như không hiểu lời anh nói. Lúc đó là rạng sáng ở Washington. Tôi đã báo tin cho Carlos

Romulo, đại sứ Philippines, và chúng tôi đã ngồi cùng nhau hàng giờ để cố gắng an ủi lẫn nhau.

Diệm bị lật đổ trong một cuộc đảo chính vào ngày 1 tháng 11 năm 1963, và bị giết một cách dã man, cùng với em trai Nhu. Ở Washington, tin tức chớp nhoáng về cuộc đảo chính đến qua đường dây báo chí gần nửa đêm ngày 31 tháng 10 (trưa ngày hôm sau ở Sài Gòn). Người bạn lâu năm của tôi, Spencer Davis, trưởng phòng Washington của hãng tin *Associated Press*, đã gọi điện báo tin và hỏi liệu chính phủ có cử tôi ra Việt Nam lần nữa không. Anh ấy ngạc nhiên khi tôi thông báo rằng tôi đã giải ngũ khỏi không quân chính ngày hôm đó và nghi ngờ rằng tôi sẽ gặp lại Việt Nam. Tôi đã bị chuyển khỏi công việc về các vấn đề Việt Nam ở Washington vào năm 1961 và đã bận rộn với các nhiệm vụ khác. Cuộc đảo chính và các vụ ám sát ở Sài Gòn dường như không thể tin được.

Tôi đã phục vụ tại Việt Nam lần nữa từ tháng 8 năm 1965 đến tháng 6 năm 1968 với tư cách dân sự, với vai trò trợ lý cho đại sứ Hoa Kỳ và với cấp bậc bộ trưởng. Sự hiện diện của những người trẻ Mỹ chiến đấu và hy sinh trong một cuộc chiến ở đó cùng với

cơ cấu chính trị Việt Nam lung lay vào thời điểm đó là đủ lý do để tôi tình nguyện giúp đỡ theo khả năng của mình. Nhưng đó là một câu chuyện khác, hoàn toàn khác với những kinh nghiệm được mô tả trong cuốn sách này.

* *

CHỈ MỤC

- Acheson, Dean, 91
 Adevosio, Terry, 95
 Advisory practices, author's, with Diem, 157-159, 177, 258 f., 298 f., 307 f., 327 ff.; with groups, 46-47, 76-77, 89, 103, 304, 327 ff.; with Mag-saysay, 37, 42, 66-67
 Agitprop, Communist, 70, 92-93
 Aglao barrio attack, 66-67
 Airborne troops, 78-80
 Air-Sea Rescue, US 31st Sqdn., 128
 Alba, G. R., 124
 Allen, Fred, 290, 296
 Allen, James, 113 n.
 Almanac, Vietnamese, 226 f.
 Alsop, Joseph, 364
 Ammunition, contaminated, 75
 Aquino, Benigno, 151
 Aragon, M., 124
 Arellano, Dario, 240
 Arellano, Oscar, 169, 170, 182 n.
 Arellano brothers' movies, 138
 Asian-African Conference 1955, *see* Bandung Conference
 "Asu-ang" psywar, 72-73
 ATOM (Allied Train-

- ing and Operations Mission), 181
- Ba Cut, 152 f., 173 f., 320 ff.; airdrop, 222; and Thé, 198 f.; sect front, 246, 313, 315
- Bagong *Buhay*, 114
- “Bamboo telegraph” (Philippines), 42
- Bandung Conference 1955, 274, 279 f.
- Bank of Indochina, 181
- Banzon, Jose, 48, 178, 214, 272 Banzon, Luz, *see* Magsaysay, Luz
- Bao Dai, 129, 143, 145, 147 f., 302; and Diem, 154 ff., 258, 279, 280, 298 ff., 301, 312, 324, 331-334; and sects, 247, 280
- Barbero, Carmelo, 83
- n. Barre, Jean, 183
- Bataan, 26, 34, 50, 97
- Battalion Combat Team (BCT), 20, 32, 49, 70
- Bay d’Along agreement, 129
- “Bay” Vien, 147, 153, 177, 269 f., 310, 311; sect front, 245 ff., 286 f. BCT, *see* Battalion Combat Team
- “Big” Minh, *see* Duong van Minh
- Binh Xuyen, 146 ff, 153, 176 f.; city combat, 261 f., 268 f., 281, 284 ff., 291, 292, 297, 310 f., 312; rockets, 269 f.; sect front, 245 ff. 379
- Bohannon, Charles T. R., 30 n., 32, 41, 62, 287, 296
- Borromeo, Emilio
- ‘Borro,’ 377
- Broger, John, 81
- Browder, Earl, 113 n.
- BUDC (Barrio United

- Defense Corps), 7
 Bulganin, N. A., 347
 Bullitt, William, 179
 Bumgardner, E. F., vii
 Ellsworth, vii
 Buu Loc, 135, 145
 Byrne, Pat, 151
 Canfield, Cass, vii
 Can Lao party, 340-345
 Cannon, Robert M., 121
 CAO, *see* Civil Affairs Office
 Cao Dai sect, 146 f., 152, 153, 315 f., 342; integration, 245, 271
 Cappadocia, Guillermo, 82, 86
 Carbonel, Jean, 217
 Castaneda, Mariano, 19, 20 f., 37, 41, 43, 44 f., 68
 Castelo, Oscar, 106
 Casualties: Franco-Vietminh War, 163; Huks, 50-51; inflicted by Huks, 8
 Catholic Action, 117
 Chanson, General, 187, 188
 "Charlie" company, 7th BCT, 88
 Chinese Communist 8th Route Army, 7, 84, 233
 Chinese community; Philippines, 76-78; Vietnam, 357-360
 Chou En-lai, 279
 CIA, 220, 221, 224
 Citizens party, Philippines, 103
 Civic action: Philippines, 70-71, 84; Vietnam civilian, 210 ff.; Vietnam military, 210, 232 f., 241
 Civil Affairs Office (CAO), Philippines, 70 ff., 83 n., 91, 137
 Civil Guard, VN, 251, 353-354
 Clandestine services,

- French, 220 f. 333, 348-352
- Clausewitz, Carl von, 105 Copuano, Donald, 65
- “Coffee klatsch” sessions, 46-48, 89; see 114, 203
- also Advisory practices 18, 25, 26, 77, 90, 91
- Cogny, René, 80 Crabb, Cmdr. Lawrence “Buster,” 347
- Collier's*, 99 Crisol, Jose, 83 n.
- Collins, J. Lawton, 175 f., 202 f., 256, 283, 300, 301, 313; Czech medical and sects, 247 ff., teams, 170
- 252 ff., 263 ff., 275 ff.; country team, Dai Viet party, 145 f., 203 f., 304 f. 342
- Committee for Good Dap Chu'on, Khmer Government, 117 leader, 183
- Communist Party: Davis, Spencer, 377
- Philippines, 6, 7, de los Reyes, Isabelo, 113 n.
- 8, 16, 23, 64, 113 n; Vietnam, 16, Democratic Party, 146; see also Po-Philippines, 109
- litburo Conein, Democratization Ministry, VN, 145
- Lucien, 162 f., 286 ff, 296 Diem, see Ngo dinh Diem
- Constitutions: Philippines, 24; U.S., 329, 374; Dien Bien Phu, 129
- Vietnam, 332, f., 151

- Do van Bong, 179
- Draper, William H., Jr., 59
- Drivers, military, 232
- Droge, Dolf, vii
- Dulles, Allen, 182 n., 344
- Dulles, John Foster, 106, 126, 182 n., 300, 343 f., 345-347
- Duong van "Big" Minh, 270, 290, 306, 320
- Duong van Duc, 183, 235, 237
- Eastern Construction Company, 227 n.
- East German medical team, 170
- EDCOR (Economic Development Corps), 48, 50-58
- Eisenhower, Dwight D., 127, 175, 300
- Elections: Philip-
pines 1949, 25,
28, 29; Philip-
pines 1951, 88-94;
Philippines 1953,
102-109, 115-122;
Vietnam *national*,
144-145, 278, 332-
334, 348, 350 f;
Vietnam *proposed*
plebiscite, 164 f.,
204,
- E l e c t i o n s
(*contd.*) 325 f.,
345-347; Vietnam
social action, 141-
142
- Ellis, A. C., 31
- Ely, Paul, 175 f., 217,
224, 318, 326; and
sects, 248 f., 252,
264, 275 f., 285
- Enriquez, Ponce, 322
- Evangelista, Crisan-
to, 113 n.
- "Eye of God" psy-
war, 73-75

- Far Eastern Broadcasting Co., 81
- Faure, Edgar, 328
- Ferrer, Jaime, 328
- Fishel, Wesley R., 343
- Fookien Times*, 76
- Force strengths: Franco-Viet-minh War, 112, 114; Huk campaign, 20, 22, 23, 50-51; Huks in WWII, 6-7; pacification, VN, 239; Saigon front, 251, 268 f.
- Foreign Legion, French, 112, 146
- Foronda, C., 124
- Forrest, Nathan Bedford, 321
- Franklin, Ben, ix
- Freedom Company, 95, 213 ff., 227 n., 279, 280, 322, 349 f.
- Free Philippines*, 119-120, 124, 350
- French agreements, VN independence, 129, 147, 181
- French forces, 110 ff., 114, 147, 324 f.; in Saigon, 262 f., 267 f., 288, 318, 319
- Fuentes, Elias, 113 n.
- G-5, Vietnamese Army, 137 ff.
- Gambiez, General, 248 ff., 270
- GAMO (Mobile Administrative Groups), 217
- Garcia, Carlos P., 116
- Garde Civile, 276
- Geneva accords, 130, 154, 163 ff., 325 f., 345-347; timetables, 209, 228 f., 238
- George, Harrison, 113 n.
- Giap, see Vo Nguyen Giap
- Golden rule,

- 376
- Gomez, Dominador, 113 n. Go Puan-seng, 76-77, 97
- Greek guerrilla war, 14
- Grenades, hand, 75, 148-149, 296 Gro-myko, A. A., 347
- Guerrilla warfare, Communist concepts, 370 ff.; Philippines, 7, 12, 13, 23, 64, 65 f., 69 f., 75, 94; Vietnam, 352 ff.
- Habeas corpus writ, Philippines, 65
- Hall, Charles, 34, 59 n. Hannibal, 1
- Hardie, Mr. and Mrs. John, 65-66
- Har-
ris, Ann, vii
- Hash, Chuck, 227 n.
- Heath, Donald, 127, 154, 157 f., 186; country team, 203; on refugees, 166 f.
- Hellyer, George, 158 f.
- Hinh, General, *see* Nguyen van Hinh
- Hitler, Adolf, 361
- HMB, *see* Huks
- Ho chi Minh, 110, 152, 153, 156, 337, 371; as examiner, 161; popularity, 155, 243; purger, 188
- Ho quan Phuoc, 182 n.
- Ho thong Minh, 195 f., 210, 256, 257
- Hoa Hao sect, 146 f., 152 f., 313, 314 f., 320 f., 342
- Hobbs, Leland S., 18, 25, 26, 36, 43, 46, 77
- "Huklandia," 9, 11, 56, 64, 86, 91, 93 f.
- Huks (HMB), 13, 19, 21-24, 25, 65 f., 80, 86-87, 88, 123, 128;

- Aglao, 66-67; as HMB, 12; early history, 6-9; Makabulos, 26, 27; MIS infiltration, 82-83; 1951 election, 85 f., 92-94; politburo, 60-64; political action, 10, 11, 23, 69-70; psywar against, 72, 73-75, 92; Sierra Madre, 96-98
- Hunters ROTC guerrillas, 95
- Huynh phu So, 152
- Huynh van Cao, 311
- Iglesia ni Kristo, 80, 81
- Ileto, Rafael, 49
- Imperial Guard, VN, 280, 290
- Intelligence collection, 24 ff., 71, 269 ff.
- Intelligence, military, 5 f., 63, 74, 81-83, 110, 137, 326
- Jacquot, General, 268
- Janequette, William, 113 n.
- Jaycees (Junior Chambers of Commerce), 117, 164
- Jefferson, Thomas, x
- Johnston, Myriam L., vii
- Joint Chiefs of Staff, U.S., 43, 105, 337
- Jones, Helen, 31
- JUSMAG (Joint U.S. Military Advisory Group), Philippines, 2, 17, 18, 25, 26, 36, 43, 45-46, 78, 79, 107 f., 121
- Kapatagan, Lanao, 52-56
- Karrick, Samuel N., vii, 227 n., 236
- Kelly, Patrocinio M. Y., vii

- Kempeitai, Japanese, 103
 152, 153, 331
 Khrushchev, N. S., 317
 347
 Kidder, Randolph A., 204, 300
 Kieu cong Cung, 207
 ff.
 Korean War, 1, 15, 78, 99 f., 371 f.
 Kublai Khan, 143
 Kuomintang, Vietnamese, 145 f.
 Lacy, William S. B., 104 f., 114
 Ladejinsky, Wolf, 343, 355 f.
 Lai van Sang, 275, 278, 280
 Lam thanh Nguyen, 195
 Land courts, Philippines, 48
 Lansdale, Carolyn, vii
 Lansdale, Helen, vii
 Lapus, Ismael, 82, 83
 Laurel, Jose, 103
 Lauve, Anita, 151, 317
 Lava brothers, 23
 League of Women Voters, 117
 Le Duan, 188
 Le khac Hoai, 190 f., 309
 Le ngoc Chan, 171, 173, 183
 Lenin, Nikolai, 105
 Le quang Vinh, *see* Ba Cut
 Leroy, Jean, 147, 251, 295 f.
 Le thanh Nghe, 182 f.
 Le van Kim, 239 f., 282, 293 f.
 Le van Tat, 315
 Le van Ty, 269, 306
 Le van Vien, *see* Bay Vien
 Liberal Party, Philippines, 29, 102-103, 106, 107, 109
 "Liberty wells," 77-78

- Lieberman, Henry, 335 ff.; with refugees, 166, 182 n.
- 56 Lien-Minh, 153, 309; integration, Magsaysay, Jesus, 67
- 199 ff.; star-chamber charges, 222-35, 68
- 223; strength, 187, Magsaysay, Mila-gros, 35
- 199, 301 *Life* magazine, 285, 303 Magsaysay, Ramon, 18 f., 21, 25, 68, 81, 372 Lions Clubs, 83, 90, 98 ff., 127, 99, 117 128; Aglao, 66-67; airborne, 78, 79; assassination tries, 46, 82, 120; author meets, 13 f., 33-37; Chinese, 77; death, 377; EDCOR, 51-57; habeas corpus, 65; military reforms, 43-45; oatmeal, 59 n.; on promotions, 45; Politburo, 60-63; postelection, 121-124; presidential campaign, 102-104, 106, 109, 115-121; rural
- “Little” Minh, see Tran van Minh Liwanag, Silvestre, 26
- Lopez, Fernando, 51, 109
- Luyen, Mme., 160
- Lyautey, General, 217
- Ly giai Han (Ly Kay), 270
- MAAG (Military Assistance Advisory Group), Vietnam, 127, 134, 294 f., author at, 215 ff., 326,

- credit, 76; the people, 48 f., 100 ff.; vacations, 361; Vietnam, 136, 175, 178, 191, 198, 355; with troops, 37-43, 86 ff., 94
- Magsaysay, Ramon, Jr., 35
- Magsaysay, Teresita, 35
- Mai huu Xuan, 149, 270
- Malony, Harry, 89
- Manahan, Manuel, 114, 119, 124, 125, 151
- Manila Bulletin*, 114
- Manila Railroad, 65
- Manila Times*, 114, 151
- Manolo, Bishop, 81
- Mao Tse-tung, 13, 24, 85, 100, 105, 161
- Marshall, George C., 78, 89
- Maryknoll Fathers, N.J., 156
- McClintock, Robert, 140
- Mecklin, John, 285 f., 303
- Melvin, George, 293, 311
- Merchant, Livingston, 15
- Merrill, Gyles, 34, 99
- Michigan State University, 209, 343
- Miles, Milton, 319
- Military Intelligence Service: Philip-pines, 6, 32 f., 63, 81-83, 92, 108; U.S., 4, 5
- Miller, Anne, vii
- Miller, Henry L., vii
- Mirasol, Ciriaco, 52, 53
- MIS, see Military Intelligence Service
- Movement for National Revolution (MNR), 302 f., 330, 331
- Mojica, Proculo L.,

- 279, 295
- MSS (Military Security Service), Vietnam, 149, 270
- Murphy, Camp, 19, 35, 36, 38, 68
- Musolini, Benito, 328
- Nacionalista Party, 103, 109
- Nanking, 1935 treaty of, 357
- Nasser, Gamal, 137, 172
- National Bank of Vietnam, 181
- National Institute for Administration, Vietnam, 208 f.
- National Movement for Free Elections (NAMFREL), 90, 95, 108, 115 ff.
- National security action, see Pacification
- Navarre, Henri, 110, 111, 113, 114
- Nazareno, Rod, 107
- Negritos, Philippines, 66
- "New villages," Malaya, 57
- New York Times*, 56
- Ngo dinh Can, 160, 239, 330
- Ngo dinh Diem, 152, 154 ff., 180 f., 283 f., 302 ff., 327 ff.; author meets, 156-159; Bao Dai, 155, 258, 275, 279, 280, 298 ff., 324, 331-334; Chinese, 270, 357-360; death, 345, 377; as executive, 210 f., 313 f., 326 f., 354 ff.; French, 222, 276, 290, 310, 314; Hinh, 172, 174; lectures, 308, 328; 1956 plebiscite, 325 f., 345; pacification, 229 f., 239,

- 242 f.; with people, Nguyen bao Toan, 178 f., 237; Philippines, 178, 214, 349, 355; political beliefs, 277 f., 312, 328, 348 f., 356; refugees, 165 ff., 355; sect confrontation, 245 ff., 252, 255 ff., 259 n., 261, 278, 280, 284 f., 297, 313 ff.; Thé, 185, 191, 193, 200 f., 307 f.; U Nu, 314; vacations, 360-363 dinh Khoi, 155
- Nguyen bao Toan, 302 ff.
- Nguyen Binh, 153, 188
- Nguyen De, 143, 247
- Nguyen giac Ngo, 152, 195, 196, 245, 302, 321
- Nguyen ngoc Le, 280
- Nguyen ngoc Thọ, 320, 321 f., 352
- Nguyen tang Nguyen-en, 340
- Nguyen thanh Phuong, 245, 246 ff., 252 ff., 271, 302, 315
- Nguyen van Hanh, 140 f., 151
- Nguyen van Hinh, 136, 137, 138, 149; coup, 171 ff., 183
- Nguyen van Hue, 245
- Nguyen van Minh, 183
- Nguyen van Tam, 145
- Nguyen van Thieu, 160
- Ngo dinh Luyen, 160, 185, 299 f.
- Ngo dinh Nhu, 160, 185, 299 f., 308, 345, 362 f., 377; and intelligence, 210, 239, 270, 271; political activities, 302 f., 330 f., 340 f., 350
- Ngo dinh Thục, 160

- 152
- Nguyen van Vy, 176, 280, 290, 296, 298, 303 f., 310
- Nhu, *see* Ngo dinh
- Nhu Nhu, Mme., 160, 362, 363
- Nieto, Manuel, 122
- Nixon, Richard M., 123, 183
- Nui ba Den, 189, 201 n.
- OB, *see* Operation Brotherhood
- Ocampo family, 271 f., 292
- O'Daniel, John W., 110, 127, 133 f., 136, 139, 158, 294 f., 322; air help, 175; with French, 176, 216, 217, 326; refugees, 166; Vietnamese military, 181, 186, 235, 288, 292
- O'Daniel, Ruth, 292
- Operation Brotherhood hood (OB), 168 ff., 182 f., 234 f., 240 f., 360
- Operation Gi-ai-phong, 238 ff.
- Operation Liberty, 233 ff.
- Opium crops, Laos, 112 f.
- Ora, Antonio, 113 n.
- Orendain, Juan C., 124, 350, 363 f.
- Orendain, MacArthur, 364
- Osmena, Sergio, 8
- OSS (Office of Strategic Services), 4, 162
- Ouerbach, Dr. Sol, 113 n.
- Overseas Chinese 48th Det., Huks, 7
- Pacification, 216 ff., 228 ff., 243 n., Camau, 228, 233 ff.; Central VN, 229, 238 ff., 282;

- Chinese Communist, 113; Long My, 178 f.
- Paine, Tom, ix
- Panay, Huk activities, 82-83
- Palaypay, Jerry, 35, 61
- Pathet Lao, 112 f.
- Paul of Tarsus, 105
- PCAC (Presidential Complaints and Action Commission), 122 f., 124, 214
- Peabody, George, vii
- Peace Fund, Philippines, 51-52
- People's Anti-Japanese Army, *see* Huks
- People's Liberation Army, Philippines, *see* Huks
- Pham cong Tac, 246, 253, 315
- Pham van Ty, 311 f.
- Pham xuan Giai, 137 ff., 138, 139
- Phan huy Quat, 136, 137, 195
- Philippine Armed Forces, 15 n., 19, 20 f., 32, 97 f.; airborne, 78 f.; in elections, 90, 91 f., 93 f., 108, 116, 121; Magsaysay's impact, 38-45, 86-88; morale, 13, 26 f., 102; psywar, 14, 70, 71-75; scout rangers, 48, 49 f.; 7th BCT, 73, 88; social conscience, 47-59, 70 f.
- Philippine News Service (PNS), 90 f., 118, 119
- Philippine Veterans Legion, 95, 108, 117, 215, 322
- Phillips, Rufus C., 3rd, vii, 178, 227 n., 236, 237, 240, 282, 293 f.

- Pierson, Albert, 113 n., 367
107
- Plebiscite proposal, 25, 108, 119
VN, *see* Elections
- Police, VN national, *see* Civil Guard
Police, “special,” 107, 109, 118, 121, 339 f.
124
- Politburo, Philip-
pines, 8, 9, 12, 23,
61, 62, 70, 85, 93;
capture, 63-65
- Pomeroy, William, 98, 113 n.
- Popular Forces, Vietnam, 327
- Presidential Complaints & Action
Commission, *see* PCAC
- Psychological activities (and psywar),
14, 69-75, 92-93,
137-140, 225-227,
333
- Quereau, Ed, 227 n.
- Quezon, Manuel, 113 n., 367
- Quirino, Antonio, 25, 108, 119
- Quirino, Elpidio, 14,
18, 43, 44, 61, 65,
90, 102, 103, 106,
107, 109, 118, 121,
124
- Quoc-Gia Lien-Minh,
see Lien-Minh
- Radford, Arthur, 105
- Rangers, Vietnamese
Army, 326
- Ravenholt, Albert,
vii
- Reading, Lord, 347
- Recto, Claro, 103
- Redick, Joseph P.,
vii, 162, 190, 194,
227 n., 328; in sect
troubles, 249, 253
f., 256, 261, 273,
282 f., 297, 322
- Reese, Dixie, 312
- Refugees, Vietnam,
164 ff., 182 n.,
324, 355; exodus

- blocked, 182 n.
 Reinhardt, George
 Frederick, 313,
 342 f.
 Revolutionary Com-
 mittee, VN, 301
 ff. Revolutionary
 Congress 1955,
 302 Revolutionary
 Development, VN,
 213 Revolutionary
 Party of Workers
 and Peasants, 340
 Richards, Peter C.,
 80
 Rizal, Jose, 61,
 376
 Rizal, Taciano,
 61-63
 Romain-Defosses,
 Jacques, 217
 Rómulo, Carlos P.,
 106, 109, 377
 Roosevelt, Franklin
 D., 368
 Rosson, William,
 182 n.,
 217
 Rotary Clubs,
 117
 ROTC, Philip-
 pines, 90
 Roxas, Manuel, 151
- Rural credit, Philip-
 pines, 76
 Sabin, Lorenzo S.,
 Jr., 183
 San Juan, Frisco
 Johnny, 95, 124,
 125, 213 f.
 Santiago, Tomas, 51
 Scout Rangers, Phil-
 ippines, 48, 49-50
 Sects of Viet-
 nam, *see individual names*: Binh
 Xuyen, Cao Dai,
 Hoa Hao
 Security of docu-
 ments, 25, 26
 Self-criticism by
 Huks, 23
 Sessums, John, 108
 Seventh BCT, Philip-
 pines, 73, 88
 Shaplen, Robert, vii,
 99
 Sharpe, Lawrence,
 183
 Sihanouk, Prince

- Norodom, 113, 183
 Slogans of Huks, 69
 Sochurek, Howard, 285 f., 303
 Social Action committees, 140-142, 151
 Socialist Party, Philippines, 6
 Spellman, Cardinal, 182 n.
 Spruance, Raymond A., 104 f., 107, 114, 121
 "Stalin university," 7, 98, 113
 "Stay-behind" Communists, VN, 212 f., 236 ff., 352 ff.
 Strategic Intelligence School, USAF, 12
 Strengths, see Force strengths
 Subic Bay, 34, 44, 50, 59
 Sun Tzu, 105
 Superstitions: Philippines, 72, 240; Vietnam, 226 f., 243
 Supplétifs, French Army, 112, 147
 Sûreté, Vietnam, 149
 SyCip, Albino, 77, 376
 Tactics: airborne, 78-80; Armed Forces, Philippines, 20 f., 32 f., 47-59, 70 f., 81 ff., 88, 97 f.; Communist pacification, 113; Huks, 21, 23, 26 f., 64, 65-66, 75, 94 f.; Vietminh, 131 f., 151, 167 f., 182, 212 f., 236 f., 241, 352-354; Vietnam pacification, 213, 228, 232 f., 236 f., 241, 243 n.
 Tanada, Lorenzo, 103
 Tan Malaka, 113
 Tarlac, Philippines, 26-29
 Taruc, Luis, 6, 8, 9,

- 23, 123, 151
- Telegrams ten-cen-tavo, citizens to secretary of defense, 48-49, 122-123
- Terrorism, Communist, 369 f., Philippines, 13, 26 f., 64, 65 ff., 94, 96, 101; Vietnam, 352-354
- Thai hoang Minh, 273 f., 284, 297 f. Thé, *see*
- Trinh minh Thế Thirteenth Air Force, U.S., 108, 125
- Tibet pacification, 113
- Time magazine*, 114, 272, 285
- Train robbery, 65
- Training Relations Instruction Mission, *see* TRIM
- Tran chanh Thanh, 340
- Tran quoc Buu, 152, 302, 340
- Tran trung Dzung, 258, 340
- Tran van Do, 340
- Tran van Don, 269, 281, 306, 339
- Tran van "Little" Minh, 269, 306, 307
- Tran van Soai, 152, 313, 314 f., 320 f.
- Travailleiste, Le Parti, 340
- Tribes, mountain, VN, 327, 334
- TRIM (Training Relations Instruction Mission), 181, 217 ff., 293, 317 f.
- Trinh minh Chau, 309
- Trinh minh Nhut, 309
- Trinh minh Thé, 147, 153, 184 f., 302, 303 f.; author meets, 189 ff.; Bandung, 274, 279 f.; city combat, 271, 301,

- 305 ff.; clandestine charges, 222 f.; death, 308 f.; sect front, 246 ff., 252 ff. Trinh minh thi Thu, 309 Troop indoctrination, VN, 232 f. Truman, Harry S., 31 Try-Tran bus company, 34 Twining, Nathan, 15
- UMDC (Unités Mobiles de Défense de Chrétientés), 147
- U Minh forest, Camau, 237 f.
- U Nu, 314
- United Sects National Front, 245 ff., 315
- U.S. Information Agency, 138, 172
- U.S. Military Assistance Advisory Group, see MAAG
- Vagnozzi, Emilio, 80
- Valeriano, Napoleon D., vii, 73, 88, 178
- Van thanh Cao, 198
- Vargas, Jesus, 91, 92
- Vietcong, 213
- Vietminh, 110 ff., 129 f., 146, 151, 152, 153, 325 f., 337, 345-347; Hanoi, 225 f.; refugees, 167 f., 182 n.; terror, 212 f., 352-354; training, 161; withdrawal, 163 ff., 168, 237 f., 241 f. Vietnamese Air Force, 311
- Vietnamese Army, 111 f., 114, 137-139, 325, 326, 338; pacification; 166, 216 ff., 229 ff., 238 ff.; vs. sects, 255 f., 261 ff., 286, 288 ff., 292, 297, 320 f.
- Vietnamese Federation of Labor,

- 152, 302
- Vietnamese names, 151
- Vietnamese Navy, 269
- Vietnamese Veterans Legion, 215, 322
- Vietnam history briefs, 110-111, 142-145
- Villages, Vietnam, 356
- Village Self-Defense Corps, 327
- VNQDD (Viet-Nam Quoc Dan Dang [Vietnamese Kuo-mintang]), 145 f., 342
- Vo nguyen Giap, 151, 337, 371
- Vo van Hai, 256, 261, 303
- Vu van Mau, 349
- Wachi, see Overseas Chinese 48th Det., Huks
- Wachtel, J. C., vii
- Wang tsio-Yong, 182 n.
- Ward, W. T. T., 125
- Washington, George, 329, 341
- Williams, Ogden, 359
- Williams, Samuel T., 335-339, 353
- Winnacker, R. A., vii
- “Y” bridge, Cholon, 271, 297
- “Yenan Line,” Indonesia, 371
- Yoh, Bernard, 319 f., 334 n.
- Young, Genevieve, vii
- Yulo, Jose, 109
- Zambales, Philippines, 34, 66-67

* *

GIỚI THIỆU VỀ TÁC GIẢ

Edward Geary Lansdale sinh ra tại Detroit vào năm 1908 và được giáo dục ở Michigan, New York và California. Sau khi tự kiếm tiền trang trải việc học tại U.C.L.A. với vai trò nhà văn-họa sĩ cho nhiều ấn phẩm khác nhau, ông làm việc trong ngành quảng cáo. Trong Thế chiến thứ hai, ông phục vụ trong OSS (Cơ quan Tình báo Chiến lược) và khi chiến tranh kết thúc, ông trở thành một sĩ quan chuyên nghiệp trong Không quân Hoa Kỳ, thăng cấp lên Thiếu tướng trước khi nghỉ hưu vào năm 1963.

Từ năm 1957 đến năm 1963, Lansdale làm việc với Trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng trong lĩnh vực các hoạt động đặc biệt. Sau khi ông nghỉ hưu và trở lại vai trò dân sự, ông phục vụ với tư cách là sĩ quan liên lạc cấp cao cho đại sứ Mỹ tại Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1968, với cấp bậc Bộ trưởng.

Hoa Kỳ và Philippines đều trao tặng nhiều huân chương cho Thiếu tướng Lansdale.

Edward Lansdale qua đời vào năm 1987 và được an táng tại Nghĩa trang Quốc gia Arlington. Người vợ thứ hai của ông, Patrocinio (“Pat”) Yapcinco Lansdale, người đã nhiệt tình ủng hộ ý tưởng tái bản tác phẩm của Lansdale, hiện sống ở McLean, Virginia, nơi đã là quê hương của gia đình Lansdale hơn 300 năm.

GIỮA CÁC CUỘC CHIẾN
SỨ MỆNH CỦA MỘT NGƯỜI MỸ Ở ĐÔNG NAM Á
EDWARD GEARY LANSDALE
VỚI LỜI TỰA CỦA WILLIAM E. COLBY
VÀ LỜI GIỚI THIỆU CỦA CECIL B. CURREY,

Edward Geary Lansdale (1908-1987) thực sự trở thành một huyền thoại ngay trong thời đại của mình. Nhiệm vụ của ông tại Philippines vào đầu những năm 1950 với tư cách là một sĩ quan Không quân và đặc vụ CIA đã dẫn đến sự thất bại của phong trào Hukbalahap do cộng sản lãnh đạo và cuộc bầu cử sau đó của Ramon Magsaysay, có thể nói là vị tổng thống được người dân Philippines yêu mến nhất. Năm 1954, Lansdale được cử đến Việt Nam, nơi ông hy vọng sẽ lập lại chương trình chống nổi dậy đã rất thành công ở Philippines. Những ý tưởng của ông về phân phối lại đất đai, dân chủ cơ sở ở các làng quê và việc loại bỏ tham nhũng trong chính phủ và quân đội Nam Việt Nam dần dần được thay thế bằng các chiến dịch không quân và mặt đất quy mô lớn. Khi Lansdale trở về Hoa Kỳ làm nhiệm vụ tại Washington, ông không ngừng thúc đẩy sự phát triển của tư tưởng dân chủ như là công cụ then chốt để “giành được trái tim và khối óc của người dân châu

Á”. Ông được lãng mạn hóa trong các tác phẩm như The Quiet American của Graham Greene, The Ugly American của William Lederer và Eugene Burdick, và Le Mal Jaune của Jean Larteguy. In the Midst of Wars là lịch sử được Edward Lansdale nhìn nhận.

William E. Colby, luật sư và cựu nhà ngoại giao, từng là Giám đốc Cơ quan Tình báo Trung ương từ năm 1973 đến năm 1976.

Cecil B. Currey, Giáo sư Lịch sử tại Đại học Nam Florida, là tác giả của cuốn sách Edward Lansdale: The Unquiet American.

Từ các bài đánh giá...

“...một cuốn sách ly kỳ... nó không hề giáo điều... dẫn dắt bạn qua những khoảnh khắc cá nhân nhất của chiến tranh du kích và nỗi đau khổ.”

Christian Science Monitor

“Một câu chuyện hấp dẫn về chống nổi dậy và phản gián... Lời kể của ông mang sự tươi mới của quan sát trực tiếp... làm sáng tỏ... những sự kiện mà ông đã tham gia...”

“...một tài liệu lịch sử vô giá và một câu chuyện phiêu lưu ly kỳ...”

Library Journal